

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA
BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
SỐ 208-QĐ/TW, NGÀY 1
THÁNG 11 NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

ĐINH THẾ HUYNH	Chủ tịch Hội đồng
VÕ VĂN THƯỜNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN VĂN NÊN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN XUÂN THẮNG	Ủy viên
HÀ BAN	"
BÙI VĂN NAM	"
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
PHẠM VĂN LINH	"
LÊ QUANG VĨNH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
PHẠM CHÍ THÀNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN NÊN	Trưởng ban
PHẠM CHÍ THÀNH	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG ANH TUẤN	"
NGUYỄN NGỌC HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 69

NGUYỄN MINH (Chủ biên)
BÙI THỊ ÁNH HỒNG
LÊ THỊ THU MAI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP

TẬP 69

2010

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2018**

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 69

Năm 2010 là năm có nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, là năm cuối thực hiện Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Trong năm 2010, đại hội đảng bộ các cấp cũng được khẩn trương tiến hành, chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Những kết quả đạt được trong năm 2010 là cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và những năm tiếp theo.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thuận lợi do tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế đem lại, đất nước ta cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế; tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, bất ổn chính trị - xã hội, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ vẫn diễn ra ở nhiều nơi, diễn biến phức tạp; thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên quy mô toàn thế giới; cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu; các thế lực thù địch

liên tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hòa bình". Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội X đã đề ra: Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá; tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển; giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa và các lĩnh vực xã hội có nhiều tiến bộ; tài nguyên, môi trường được chú trọng; đời sống nhân dân được cải thiện; quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường; dân chủ xã hội chủ nghĩa có tiến bộ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố; việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng lên; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt một số kết quả tích cực.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 69 có 154 tài liệu, gồm các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tri, thông báo, kết luận... của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trong đó có 148 tài liệu xếp ở phần văn kiện chính, 6 tài liệu xếp ở phần phụ lục. Nội dung của tài liệu thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề quan trọng của đất nước và của Đảng trong năm 2010.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, xuất bản, song khó tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 69 cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 298-TB/TW, ngày 4 tháng 1 năm 2010

Về chủ trương đầu tư xây dựng khu đất tại số 175 phố Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội

Ngày 29-12-2009, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo, xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng khu đất tại số 175 phố Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội hiện do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Tiến Bộ quản lý, sử dụng (Tờ trình số 74-TTr/VPTW, ngày 18-12-2009), Ban Bí thư Trung ương Đảng kết luận như sau:

1. Đồng ý để Công ty trách nhiệm hữu hạn In Tiến Bộ (gọi tắt là Công ty In Tiến Bộ) thuộc Văn phòng Trung ương Đảng được sử dụng khu đất tại số 175 phố Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà khách trung ương, khách sạn, văn phòng, trung tâm thương mại và nhà ở cao cấp cho thuê phù hợp với quy hoạch của Thành phố Hà Nội; đồng thời bảo tồn Khu di tích lịch sử Trại giam Nhà Tiền, từng bước di chuyển cơ sở vật chất và hoạt động sản xuất in ra khỏi khu vực nội thành Hà Nội.

2. Văn phòng Trung ương Đảng chỉ đạo Công ty In Tiến Bộ nghiên cứu, lựa chọn đối tác đầu tư là một doanh nghiệp lớn của Nhà nước, đủ năng lực tài chính, có kinh nghiệm để liên doanh, hợp tác đầu tư và phân chia lợi ích, bảo đảm ổn định sản xuất, kinh doanh và việc làm, đời sống người lao động; theo nguyên tắc giữ quyền sử dụng đất là của Đảng, Công ty In Tiến Bộ sử dụng đất để liên doanh đầu tư kinh doanh trong một thời gian nhất định với doanh nghiệp nhà nước nói trên, sau thời gian đó, khối tài sản này thuộc quyền sở hữu của Đảng. Đơn vị tham gia liên doanh chịu trách nhiệm về chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng của Công ty In Tiến Bộ ở địa điểm mới.

Văn phòng Trung ương Đảng cần làm việc với Thành phố Hà Nội để bố trí địa điểm mới, xây dựng nhà máy in hiện đại, đáp ứng yêu cầu in văn kiện, tài liệu của Trung ương Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan căn cứ kết luận của Ban Bí thư triển khai thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 40-CT/TW, ngày 20 tháng 1 năm 2010

Về tăng cường công tác quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam

Thực hiện chủ trương của Đảng về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, những năm qua, các tổ chức và doanh nghiệp nước ngoài đến Việt Nam hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ; hàng năm tạo việc làm cho hàng trăm nghìn lao động; thu nhập và đời sống của nhân dân được cải thiện; cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế từng bước được xây dựng theo hướng hiện đại. Cùng với các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp vào Việt Nam, đội ngũ chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao vào làm việc tại Việt Nam đã đáp ứng một phần nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của nước ta. Đồng thời, trong quá trình làm việc với lao động nước ngoài, lao động Việt Nam có cơ hội trao đổi, học tập để nâng cao trình độ.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, đã xuất hiện một số trường hợp vi phạm quy định về quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam, nhiều lao động nước ngoài đến Việt Nam ở lại làm việc khi chưa được pháp luật cho phép; một số tổ chức và doanh nghiệp chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về sử dụng lao động nước ngoài; công tác quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam còn bất cập, yếu kém; sự phối hợp trong quản lý lao động nước ngoài giữa các bộ, ngành, địa phương thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; nhiều địa phương công tác quản lý lao động nước ngoài còn yếu, có trường hợp vì thu hút đầu tư mà nới lỏng quản lý.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do các cấp ủy đảng, chính quyền chưa chú trọng đúng mức công tác này, thiếu quan tâm đến việc tuyên truyền pháp luật về sử dụng lao động nước ngoài, chưa thấy hết ảnh hưởng của lao động trái phép tác hại đến sản xuất và các vấn đề xã hội, môi trường đầu tư.

Để khắc phục tình trạng trên, nhằm sử dụng hợp lý, hiệu quả lao động trong nước và lao động nước ngoài, góp phần ổn định môi trường đầu tư và bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tổ chức tốt việc tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư, các quy định của Nhà nước liên quan đến lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, làm cho các ngành, các cấp, các tổ chức, cơ quan, người sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và người lao động nước ngoài hiểu rõ chủ trương, chính sách để thực hiện tốt trách nhiệm của mình

theo quy định pháp luật. Phản ánh trung thực, khách quan những việc làm được, chưa làm được, tránh đưa tin một chiều, gây ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao và những phản ứng không tốt trong dư luận xã hội.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến lao động nước ngoài tại Việt Nam, phù hợp với pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

3. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục theo dõi, nắm chắc tình hình; thường xuyên cập nhật thông tin về số lượng, chất lượng lao động nước ngoài đang làm việc tại các địa phương, tình hình chấp hành pháp luật của lao động nước ngoài tại Việt Nam và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

4. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sớm việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam. Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin giữa các đơn vị liên quan trong quản lý xuất, nhập cảnh, cấp và gia hạn visa, đăng ký và gia hạn tạm trú, đi đôi với cải cách thủ tục hành chính. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm khắc các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam; trong đó hướng việc xử lý đúng theo quy định pháp luật đối với số lao động không có giấy phép lao động.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp cần coi công tác quản lý lao động nước ngoài là nhiệm vụ thường xuyên của mình; triển khai các biện pháp nhằm sử

dụng hợp lý và hiệu quả lao động nước ngoài cho phát triển kinh tế.

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 301-TB/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2010

Về báo cáo kết quả thực hiện Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội năm 2010 của Ban Chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long

Sau khi xem xét báo cáo kết quả thực hiện Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội của Ban Chỉ đạo quốc gia (Báo cáo số 05/BC-BCĐ, ngày 7-1-2010), Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Đánh giá cao kết quả đã đạt được trong Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội do Thành phố Hà Nội, các tỉnh, thành phố, các cấp, các ngành thực hiện trong thời gian qua. Trong thời gian tới, Ban Chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Thành phố Hà Nội cần tăng cường chỉ đạo việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát để công trình kỷ niệm hoàn thành đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng tốt; không vì thời gian thúc ép mà ảnh hưởng đến chất lượng các công trình, tránh hậu quả về sau.

Thành phố Hà Nội tiếp tục chủ động phối hợp với các cấp, các ngành, các địa phương triển khai thực hiện, tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

2. Đồng ý tổ chức Lễ mít tinh trọng thể kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Danh nghĩa tổ chức: Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thành phố Hà Nội. Đồng chí Chủ tịch nước đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước đọc Diễn văn kỷ niệm tại buổi lễ này.

Đồng ý tổ chức diễu binh, diễu hành theo nghi thức quốc gia tại Lễ mít tinh trọng thể kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội vào sáng ngày 10-10-2010, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội. Không tổ chức diễu binh, diễu hành theo nghi thức quốc gia trong dịp kỷ niệm Quốc khánh 2-9-2010.

Ban Chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Thành phố Hà Nội triển khai các công việc đảm bảo cho Lễ mít tinh, diễu binh, diễu hành diễn ra trang trọng, tiết kiệm, an toàn.

3. Đồng ý về chủ trương tặng thưởng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội Huân chương Sao Vàng nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Thành phố Hà Nội thực hiện quy trình khen thưởng theo quy định hiện hành.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 282-QĐ/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2010

**Ban hành Quy định trách nhiệm, quyền hạn
và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng,
kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 67-QĐ/TW, ngày 4-7-2007 của Bộ Chính trị về việc phân cấp quản lý cán bộ;
- Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 25-8-2004 của Ban Bí thư về "Nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản";
- Căn cứ Luật xuất bản ngày 3-12-2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất bản ngày 3-6-2008;
- Căn cứ Pháp lệnh cán bộ, công chức;
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản.

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Quyết định này trong phạm vi phụ trách.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung, Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN
VÀ VIỆC BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM,
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT CÁN BỘ LÃNH ĐẠO
NHÀ XUẤT BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 282-QT/TW,
ngày 26-1-2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Quy chế này cụ thể hóa các quy định của Đảng trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản.

Điều 1. Yêu cầu, nguyên tắc

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với công tác xuất bản.
2. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản.
3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản phải trên cơ sở phát huy dân chủ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên và người đứng đầu.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Đảng viên là tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Tổ chức đảng" là cấp ủy đảng (chi ủy, đảng ủy, thường vụ cấp ủy), đảng đoàn, ban cán sự đảng.

2. "Cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý về xuất bản" bao gồm:

- Cơ quan chỉ đạo về xuất bản ở Trung ương là Ban Tuyên giáo Trung ương; cơ quan chỉ đạo về xuất bản ở địa phương là ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy.

- Cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản ở Trung ương là Bộ Thông tin và Truyền thông; cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản ở địa phương là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố được ủy quyền).

3. "Mức độ rất nghiêm trọng" được xác định là vi phạm Điều 10 Luật xuất bản và các quy định của Đảng về công tác xuất bản, gây hậu quả nghiêm trọng về đối nội, đối ngoại, làm phương hại nhiều mặt đến lợi ích của đất nước, của Đảng.

4. "Mức độ nghiêm trọng" là hoạt động của nhà xuất bản vi phạm một trong các điểm sau:

a) Xuất bản những tác phẩm, tài liệu đã được cơ quan chỉ đạo, quản lý về xuất bản yêu cầu (bằng văn bản hoặc truyền đạt trực tiếp) không được xuất bản hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi xuất bản phẩm.

b) Những sai phạm trong hoạt động xuất bản đã được cơ quan chỉ đạo, quản lý và cơ quan chủ quản ra công văn nhắc nhở nhưng không chấp hành, sửa đổi; sai phạm có tính lặp lại nhiều lần.

5. "Mức độ ít nghiêm trọng" là hoạt động của nhà xuất bản vi phạm một trong các điểm sau:

a) Xuất bản các tác phẩm, tài liệu có nội dung không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản.

b) Vi phạm các điều 19, 20, 21, 23, 25, 27 của Luật xuất bản và khoản 1, khoản 2, Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất bản.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG CƠ QUAN CHỦ QUẢN NHÀ XUẤT BẢN, NHÀ XUẤT BẢN VÀ ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NHÀ XUẤT BẢN

Điều 4. Trách nhiệm

1. Cấp ủy, tổ chức đảng cơ quan chủ quản nhà xuất bản và nhà xuất bản

a) Chỉ đạo cơ quan chủ quản nhà xuất bản thực hiện nhiệm vụ, phương hướng và kế hoạch hoạt động, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ xuất bản.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với các sai phạm của nhà xuất bản trực thuộc.

2. Đảng viên là người đứng đầu nhà xuất bản

a) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hoạt động xuất bản. Lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền khác theo đúng Luật xuất bản, tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản.

b) Tổ chức tốt bản thảo để xuất bản các ấn phẩm phù hợp với tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ và định hướng thông tin theo đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

c) Phối hợp với tổ chức đảng cùng cấp xây dựng quy chế hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quản lý đội ngũ cán bộ, biên tập viên của nhà xuất bản.

d) Chịu trách nhiệm chính trị trước tổ chức đảng, cơ quan chủ quản và trước pháp luật về mọi hoạt động của nhà xuất bản; chịu trách nhiệm khi nhà xuất bản do mình quản lý có xuất bản phẩm vi phạm pháp luật hoặc trái với sự chỉ đạo của cơ quan chỉ đạo, quản lý xuất bản; khi cán bộ, biên tập viên, nhân viên của nhà xuất bản thuộc quyền quản lý có các hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước và quy định của Đảng về xuất bản.

3. Đảng viên là cấp phó của người đứng đầu nhà xuất bản thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công hoặc ủy quyền của người đứng đầu nhà xuất bản; đồng thời, chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng và pháp luật về những nhiệm vụ được phân công.

Điều 5. Quyền hạn**1. Cấp ủy, tổ chức đảng cơ quan chủ quản nhà xuất bản**

Chỉ đạo cơ quan chủ quản nhà xuất bản đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Đảng viên là người đứng đầu nhà xuất bản

a) Có quyền cho xuất bản những tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân phù hợp với tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản, định hướng chính trị của Đảng và các quy định của pháp luật; không cho xuất bản các tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân có nội dung vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

b) Phối hợp với tổ chức đảng cùng cấp nhận xét, đánh giá cán bộ, biên tập viên, nhân viên để quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ.

c) Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm của cán bộ, biên tập viên, nhân viên đã được cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản kết luận xử lý để ra quyết định kỷ luật về chính quyền; đồng thời, báo cáo và đề xuất với tổ chức đảng hình thức xử lý kỷ luật về đảng.

3. Đảng viên là cấp phó của người đứng đầu nhà xuất bản thực hiện quyền hạn theo sự phân công hoặc ủy quyền của người đứng đầu nhà xuất bản; đồng thời, chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng và pháp luật về những nhiệm vụ được phân công.

*Chương III***QUY ĐỊNH VỀ BỔ NHIỆM****Điều 6. Tiêu chuẩn bổ nhiệm**

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung của cán bộ theo quy định tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), đủ điều kiện theo khoản 1, Điều 14 của Luật xuất bản.

2. Tốt nghiệp đại học; đã được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ xuất bản và chương trình quản lý nhà nước; có trình độ lý luận chính trị cao cấp; có thời gian hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản ít nhất là 2 năm.

3. Có đạo đức nghề nghiệp, có năng lực quản lý và hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Điều 7. Điều kiện bổ nhiệm

1. Đáp ứng các tiêu chuẩn bổ nhiệm nói trên; có đầy đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm cán bộ theo quy định; lý lịch cá nhân được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận.

2. Tuổi bổ nhiệm lần đầu nói chung không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ.

3. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản bị kỷ luật về đảng hoặc chính quyền với hình thức cách chức, trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

Điều 8. Quy trình bổ nhiệm

1. Trường hợp nguồn nhân sự tại chỗ

a) Tập thể lãnh đạo phối hợp với cấp ủy đảng nhà xuất bản căn cứ sự chỉ đạo của lãnh đạo cơ quan chủ quản nhà xuất bản; căn cứ quy hoạch cán bộ, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm cán bộ của Quy định này để thực hiện công khai, dân chủ việc lấy phiếu tín nhiệm cán bộ chủ chốt.

b) Người đứng đầu cơ quan cùng với tập thể lãnh đạo ban thường vụ cấp ủy tiến hành phân tích kết quả phiếu lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt.

c) Tập thể lãnh đạo, ban thường vụ cấp ủy đảng nhà xuất bản thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín. Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm phải được trên 50% các thành viên trong tập thể lãnh đạo ban thường vụ cấp ủy tán thành.

2. Trường hợp nguồn nhân sự từ nơi khác

a) Người đứng đầu, lãnh đạo nhà xuất bản có nhu cầu đề xuất nhân sự hoặc cấp có thẩm quyền giới thiệu.

b) Cấp có thẩm quyền hoặc tập thể lãnh đạo phối hợp với cấp ủy đảng nhà xuất bản, nơi có nhu cầu về cán bộ, thảo luận, thống nhất về chủ trương và tiến hành một số công việc sau:

- Gặp cán bộ được đề nghị bổ nhiệm trao đổi về yêu cầu và nhiệm vụ công tác.

- Trao đổi với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đảng cơ quan nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động cán bộ; lấy nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo, tổ chức đảng đối với cán bộ dự kiến điều động.

c) Tập thể lãnh đạo, ban thường vụ cấp ủy nơi có nhu cầu bổ nhiệm cán bộ thảo luận, nhận xét, đánh giá cán bộ, làm tờ trình đề nghị cấp trên bổ nhiệm.

Trường hợp cán bộ bảo đảm được tiêu chuẩn bổ nhiệm nhưng chưa được cơ quan nơi cán bộ đang công tác nhất trí điều động thì cơ quan có yêu cầu bổ nhiệm vẫn có thể báo cáo đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cơ quan chỉ đạo và quản lý xuất bản tham gia giám sát, thẩm tra quy trình bổ nhiệm cán bộ. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản trước khi ra quyết định bổ nhiệm người đứng đầu nhà xuất bản theo thẩm quyền phải trao đổi ý kiến bằng văn bản với cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản. Trong thời hạn 15 ngày, cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý xuất bản phải trả lời bằng văn bản với cơ quan chủ quản nhà xuất bản.

Điều 9. Thời hạn giữ chức vụ

Thời hạn mỗi lần bổ nhiệm chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản là 5 năm.

Điều 10. Bổ nhiệm lại

Trong thời hạn 6 tháng trước khi cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản hết thời hạn giữ chức vụ, lãnh đạo cơ quan chủ quản nhà xuất bản chỉ đạo thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với lãnh đạo nhà xuất bản.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ MIỄN NHIỆM

Điều 11. Điều kiện miễn nhiệm

1. Cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản bị miễn nhiệm chức vụ khi nhà xuất bản hoặc cá nhân cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý bằng một trong hai hình thức sau:

a) Nhà xuất bản bị cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý về xuất bản kiến nghị cơ quan chủ quản xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo Điều 30 của Luật xuất bản.

b) Cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản bị tổ chức đảng thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách lần thứ hai (trong thời gian một năm của thời hạn giữ chức vụ) hoặc bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo.

2. Cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản có sai phạm chưa đến mức phải kỷ luật cách chức, nhưng không đủ uy tín, năng lực, điều kiện để giữ chức vụ.

Điều 12. Quy trình miễn nhiệm

1. Căn cứ điều kiện miễn nhiệm, đề nghị miễn nhiệm của cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý xuất bản; kết luận xử lý vi phạm của cơ quan, tổ chức đảng, nhà nước có thẩm quyền, lãnh đạo cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải tạm đình chỉ chức vụ đối với lãnh đạo nhà xuất bản, phân công người phụ trách và chỉ đạo tổ chức kiểm điểm lãnh đạo nhà xuất bản mắc sai phạm.

2. Cá nhân vi phạm làm bản kiểm điểm và kiểm điểm trước chi bộ, cấp ủy đảng.

3. Sau khi có ý kiến của cấp ủy đảng, lãnh đạo cơ quan chủ quản nhà xuất bản quyết định việc miễn nhiệm cán bộ bằng phiếu kín, sau đó thông báo bằng văn bản tới cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý xuất bản.

Cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản bị miễn nhiệm chức vụ thì tùy theo mức độ sai phạm và năng lực cá nhân mà được cơ quan chủ quản nhà xuất bản bố trí công tác khác một cách thích hợp.

4. Cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý xuất bản có quyền đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đối với lãnh đạo cơ quan chủ quản nhà xuất bản nếu không thực hiện việc miễn nhiệm chức vụ cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản theo Điều 17, Chương V của Quy định này.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Khen thưởng

1. Cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản có thành tích và cống hiến trong hoạt động xuất bản được khen thưởng theo quy định của Nhà nước và quy định của Đảng.

2. Cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản có thành tích xuất sắc thì được tặng danh hiệu vinh dự nhà nước.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Lãnh đạo nhà xuất bản, nếu để nhà xuất bản vi phạm các điều 3, 5, 10, 19, 20, 21, 23, 25, 27 của Luật xuất bản và khoản 1, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất bản năm 2008, các quy định của Đảng, thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc như quy định tại các điều 15, 16, 17 và 18 của Quy định này mà tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đảng với các hình thức như:

- Khiển trách.
- Cảnh cáo.
- Cách chức.
- Khai trừ đảng.

Đồng thời, kiến nghị cơ quan chủ quản nhà xuất bản xử lý kỷ luật về mặt chính quyền phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý xuất bản có quyền đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đối với cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản vi phạm Luật xuất bản, vi phạm các quy định của Đảng và có quyền đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đối với lãnh đạo cơ quan chủ quản nhà xuất bản nếu không chấp hành việc xử lý vi phạm nêu trên.

Điều 15. Hình thức kỷ luật khiển trách

1. Người đứng đầu nhà xuất bản bị khiển trách nếu để nhà xuất bản vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở mức độ ít nghiêm trọng.

2. Cấp phó của người đứng đầu thì tùy theo mức độ liên đới trách nhiệm mà áp dụng hình thức kỷ luật tương ứng.

Điều 16. Hình thức kỷ luật cảnh cáo

1. Người đứng đầu nhà xuất bản bị cảnh cáo nếu để nhà xuất bản vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở mức độ nghiêm trọng.

2. Cấp phó của người đứng đầu thì tùy theo mức độ liên đới trách nhiệm áp dụng hình thức kỷ luật tương ứng.

Điều 17. Hình thức cách chức

1. Người đứng đầu nhà xuất bản giữ các chức vụ trong Đảng bị cách chức nếu để nhà xuất bản bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ hoạt động xuất bản hoặc bị cảnh cáo lần thứ hai.

2. Cấp phó của người đứng đầu thì tùy theo mức độ liên đới trách nhiệm áp dụng hình thức kỷ luật tương ứng.

Điều 18. Hình thức khai trừ đảng

1. Người đứng đầu nhà xuất bản bị khai trừ đảng nếu để xuất bản phẩm của nhà xuất bản vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở mức độ rất nghiêm trọng, hoặc cá nhân đã bị kỷ luật cảnh cáo mà vẫn tiếp tục để xảy ra sai phạm ở mức độ nghiêm trọng, rất nghiêm trọng.

2. Cấp phó của người đứng đầu thì tùy theo mức độ liên đới trách nhiệm áp dụng hình thức kỷ luật tương ứng.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 283-QĐ/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2010

**Ban hành Quy định về sự phối hợp
giữa Ban Tuyên giáo Trung ương,
Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông
với các cơ quan đảng, cấp ủy, tổ chức đảng
các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể
trong công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động xuất bản**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 25-8-2004 của Ban Bí thư "Về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản";
- Căn cứ Luật xuất bản ngày 3-12-2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất bản ngày 3-6-2008;
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về sự phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự

đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan đảng, cấp ủy, tổ chức đảng các cơ quan nhà nước, đoàn thể trong việc phối hợp chỉ đạo, quản lý lĩnh vực xuất bản.

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và cấp ủy, tổ chức đảng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH

VỀ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG, BAN CÁN SỰ ĐẢNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ TRONG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

*(Kèm theo Quyết định số 283-QĐ/TW, ngày 26-1-2010
của Ban Bí thư Trung ương Đảng)*

Điều 1. Nguyên tắc phối hợp.

1. Phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể, các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan chủ quản nhà xuất bản.

2. Phối hợp theo yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, tạo điều kiện để các bên tham gia hoàn thành tốt nhiệm vụ chung cũng như nhiệm vụ của từng đơn vị (ban, bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan chủ quản); góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý hoạt động xuất bản.

Điều 2. Các công việc chính và cơ chế phối hợp.

1. Tham mưu xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng về hoạt động xuất bản

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy, các cơ quan chủ quản nhà xuất bản, Hội Xuất bản Việt Nam, Hiệp hội In Việt Nam.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy.

- Cơ quan phối hợp: Đảng ủy Sở Thông tin và Truyền thông, cấp ủy các cơ quan chủ quản nhà xuất bản ở tỉnh, thành phố.

c) Nội dung: Tham mưu xây dựng nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cấp ủy đảng về định hướng chính trị, tư tưởng trong nội dung thông tin trên các xuất bản phẩm; định hướng phát triển sự nghiệp xuất bản; công tác cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản; công tác xây dựng Đảng; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong các cơ quan xuất bản.

2. Tham mưu xây dựng pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương và ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy đảng các cơ quan chủ quản nhà xuất bản, Hội Xuất bản Việt Nam, Hiệp hội In Việt Nam.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: Ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (đảng ủy Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan được ủy quyền).

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy.

c) *Nội dung*: Tham mưu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và cụ thể hoá pháp luật, chính sách về xuất bản; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức giao ban xuất bản hằng quý.

a) *Ở Trung ương*

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông; có sự tham gia của đại diện một số ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy các bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan chủ quản nhà xuất bản, Hội Xuất bản Việt Nam.

b) *Ở địa phương*

Tùy theo điều kiện cụ thể, cơ quan chủ trì có thể là Ban Tuyên giáo hoặc Sở Thông tin và Truyền thông; các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan chủ quản nhà xuất bản và các cơ quan xuất bản của tỉnh, thành phố.

c) *Nội dung*

- Ban Tuyên giáo Trung ương (ở địa phương là Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy) nhận xét, đánh giá, định hướng về chính trị, tư tưởng trong hoạt động xuất bản; lưu ý những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung xuất bản phẩm.

- Bộ Thông tin và Truyền thông (ở địa phương là Sở Thông tin và Truyền thông) nhận xét, đánh giá nội dung xuất bản phẩm dưới góc độ quản lý nhà nước; lưu ý,

nhắc nhở, xử lý các cơ quan xuất bản vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản.

- Các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, theo yêu cầu cụ thể báo cáo và đề xuất một số vấn đề, chuyên đề liên quan đến nội dung thông tin trên các xuất bản phẩm, nhất là những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm.

- Lãnh đạo các cơ quan xuất bản nêu vấn đề hoặc câu hỏi để trao đổi, thảo luận.

- Đại diện các cơ quan chủ trì giao ban (hoặc cơ quan báo cáo chuyên đề) trao đổi, giải đáp những vấn đề được nêu ra tại cuộc giao ban.

- Kết luận của đại diện cơ quan chủ trì giao ban.

Điều 4. Tổ chức giao ban giữa các cơ quan chỉ đạo, quản lý xuất bản với các cơ quan chủ quản nhà xuất bản (tùy theo yêu cầu cụ thể của tình hình hoạt động xuất bản, có thể tổ chức sáu tháng hoặc một năm một lần ở cả Trung ương và địa phương).

a) *Ở Trung ương*

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan chủ quản nhà xuất bản, Hội Xuất bản Việt Nam.

b) *Ở địa phương*

- Cơ quan chủ trì: Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cơ quan chủ quản nhà xuất bản của tỉnh, thành phố.

c) Nội dung

- Ban Tuyên giáo Trung ương (ở địa phương là Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy) nhận xét, đánh giá về việc các cơ quan chủ quản nhà xuất bản, cơ quan xuất bản thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng về hoạt động xuất bản; định hướng chính trị, tư tưởng nội dung thông tin trong xuất bản phẩm; sự phối hợp của các cơ quan chỉ đạo, quản lý xuất bản với các cơ quan chủ quản nhà xuất bản.

- Bộ Thông tin và Truyền thông (ở địa phương là Sở Thông tin và Truyền thông) nhận xét, đánh giá công tác thực thi pháp luật, chính sách về xuất bản của các cơ quan chủ quản nhà xuất bản; khen thưởng, biểu dương các nhà xuất bản có ưu điểm, thành tích nổi bật, đồng thời phê bình, nhắc nhở, nêu kết quả xử lý các nhà xuất bản vi phạm pháp luật.

- Hội Xuất bản Việt Nam và lãnh đạo các cơ quan chủ quản nhà xuất bản nêu ý kiến, vấn đề để trao đổi, thảo luận.

- Kết luận của cơ quan chủ trì giao ban.

Điều 5. Phối hợp trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản (về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chủ quản và lãnh đạo cơ quan xuất bản; tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm; khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản thực hiện theo Quyết định số 282-QĐ/TW, ngày 26-1-2010 của Ban Bí thư).

Điều 6. Phối hợp trong việc phát hiện và xử lý xuất bản phẩm vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về nội dung chính trị, tư tưởng.

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy.

c) Nội dung

- Trong quá trình tổ chức đọc kiểm tra nội dung xuất bản phẩm theo quy định của Luật xuất bản và phát hiện của bạn đọc, nếu có dấu hiệu vi phạm về nội dung chính trị, tư tưởng, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương xem xét, đánh giá mức độ vi phạm và đề xuất hình thức xử lý. Trên cơ sở thống nhất ý kiến với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định xử lý.

- Trong quá trình tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiều do địa phương cấp phép và phát hiện của bạn đọc nếu có dấu hiệu vi phạm về nội dung chính trị, tư tưởng, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy xem xét, đánh giá mức độ vi phạm và đề xuất hình thức xử lý. Trên cơ sở thống nhất ý kiến với Ban Tuyên giáo địa phương, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét và ra quyết định xử lý.

Điều 7. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xuất bản.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì khảo sát, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; xây dựng và thẩm định các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cơ quan làm công tác chỉ đạo, quản lý xuất bản; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công

tác xây dựng Đảng trong các cơ quan xuất bản; theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xuất bản. Cơ quan phối hợp là Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hội Xuất bản Việt Nam, Hiệp hội In Việt Nam và các cơ quan hữu quan. Ở địa phương, cơ quan chủ trì là Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan phối hợp là cấp ủy đảng Sở Thông tin và Truyền thông, Trường Chính trị tỉnh, thành phố và các cơ quan hữu quan.

- Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì khảo sát, lập kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ xuất bản kiến thức pháp luật, chính sách của Nhà nước liên quan đến hoạt động xuất bản; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, chính sách về xuất bản cho đội ngũ cán bộ xuất bản. Cơ quan phối hợp là Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hội Xuất bản Việt Nam, Hiệp hội In Việt Nam và các cơ quan hữu quan. Ở địa phương, cơ quan chủ trì là Sở Thông tin và Truyền thông (giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố); cơ quan phối hợp là Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy; Sở Nội vụ; Trường Chính trị tỉnh, thành phố và các cơ quan hữu quan.

- Cấp ủy đảng, Hội Xuất bản Việt Nam, Hiệp hội In Việt Nam, chi hội xuất bản, chi hội in ở các tỉnh, thành phố chăm lo bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ xuất bản, nhận thức chính trị, kiến thức pháp luật, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, hội viên. Cơ quan phối hợp là Ban Tuyên giáo Trung ương,

Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có liên quan.

Điều 8. Cấp, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản, tạm đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản.

- Cơ quan chủ trì: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương.

a) Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản

Cơ quan đề nghị thành lập nhà xuất bản làm công văn, tờ trình, hồ sơ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban Tuyên giáo Trung ương; Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét các tiêu chuẩn cấp phép thành lập nhà xuất bản theo quy định của pháp luật và quy hoạch phát triển xuất bản của cả nước, gửi công văn hiệp ý với Ban Tuyên giáo Trung ương, chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông căn cứ kết quả hiệp ý của Ban Tuyên giáo Trung ương ra quyết định. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau, lãnh đạo Ban và Bộ trực tiếp có buổi làm việc để tiến tới thống nhất trước khi quyết định. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ ra quyết định cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản sau khi đã có sự thống nhất ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương.

b) Thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản, tạm đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản

Căn cứ mức độ sai phạm của nhà xuất bản, Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất ý kiến với Ban Tuyên giáo Trung ương và tham khảo ý kiến của cơ quan chủ quản nhà xuất bản để quyết định thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản hoặc tạm đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản.

Điều 9. Kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên các cơ quan chỉ đạo, quản lý xuất bản, cơ quan chủ quản, cơ quan xuất bản về việc thi hành Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng trong hoạt động xuất bản.

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và đảng đoàn, ban cán sự đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có liên quan.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy.

- Cơ quan phối hợp là Ban Tuyên giáo, Sở Thông tin và Truyền thông và cấp ủy các cơ quan hữu quan.

c) Nội dung: Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các ban đảng ở Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có liên quan; chỉ đạo ủy ban kiểm tra các cấp tăng cường kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong các cơ quan chỉ đạo, quản lý xuất bản, cơ quan chủ quản và cơ quan xuất bản. Phát hiện kịp thời và nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố mới; đồng thời nhắc nhở, xử lý kỷ luật những tổ chức đảng và đảng viên chấp hành không nghiêm hoặc vi phạm kỷ luật đảng.

Điều 10. Phối hợp về công tác thông tin, tuyên truyền giữa các cơ quan xuất bản và báo chí (tùy theo yêu cầu cụ thể của tình hình hoạt động xuất bản, có thể tổ chức thường xuyên hoặc định kỳ sáu tháng một lần).

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Nội dung: Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì và phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các nhà xuất bản, cơ sở phát hành xuất bản phẩm và các cơ quan báo chí về định hướng công tác thông tin, nâng cao chất lượng tuyên truyền về hoạt động xuất bản trên các phương tiện truyền thông.

Điều 11. Xây dựng, hoàn thiện chế độ quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản; kiểm tra, thanh tra công tác quản lý tài chính đối với các cơ quan xuất bản.

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan hữu quan.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, kiểm toán nhà nước khu vực, Ban Tuyên giáo, Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan hữu quan.

c) Nội dung: Xây dựng, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chế độ quản lý tài chính; kiểm tra, thanh tra công tác quản lý tài chính đối với các cơ quan xuất bản.

Điều 12. Quản lý văn phòng đại diện nhà xuất bản tại địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Ban Cán sự đảng ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương, cấp ủy đảng các cơ quan chủ quản nhà xuất bản, các nhà xuất bản có văn phòng đại diện tại địa phương. Các cơ quan ở địa phương bao gồm: Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan hữu quan.

- Nội dung: Thực hiện theo Quy chế cơ quan đại diện tại các địa phương. Định kỳ sáu tháng một lần (hoặc đột xuất), các cơ quan ở địa phương bao gồm: Ban Tuyên giáo, Sở Thông tin và Truyền thông địa phương gặp mặt nhà xuất bản để đánh giá, nhận xét, bàn kế hoạch phối hợp quản lý hoạt động của văn phòng đại diện nhà xuất bản tại địa phương. Tập trung vào các vấn đề: thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà xuất bản và của địa phương, góp phần xây dựng địa phương và nhà xuất bản vững mạnh về mọi mặt. Biểu dương, khen thưởng văn phòng đại diện có thành tích nổi bật trong hoạt động xuất bản; nhắc nhở, phê bình, xử lý kịp thời các sai phạm, yếu kém, khuyết điểm (nếu có) của các văn phòng đại diện.

Điều 13. Quy định về quan hệ và lễ lối làm việc.

a) Sáu tháng một lần (hoặc họp đột xuất khi có nội dung quan trọng, cấp bách), Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì cùng Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan họp đánh giá, nhận xét việc thực hiện Quy định. Sau cuộc họp, có thông báo về nội dung, kết quả; xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, quản lý xuất bản cho thời gian tiếp theo. Thông báo được gửi cho tất cả các cơ quan tham gia. Ở địa phương,

việc thực hiện được tiến hành đúng như quy định với các cơ quan Trung ương.

b) Các vấn đề cần trao đổi để đi đến thống nhất, cơ quan được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời trong thời hạn không quá 15 ngày (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác), nếu không thể trả lời đúng thời hạn thì có công văn phúc đáp, nêu rõ lý do, đề xuất ý kiến. Những trường hợp cần thống nhất ý kiến xử lý nhanh, lãnh đạo các cơ quan tham gia thực hiện Quy định này có thể trao đổi trực tiếp hoặc bằng hình thức thông tin phù hợp.

c) Các cơ quan tham gia thực hiện Quy định này trao đổi các văn bản do cơ quan mình ban hành liên quan đến nội dung Quy định để các bên cùng biết và phối hợp thực hiện.

d) Lãnh đạo các đơn vị tham gia thực hiện Quy định có chế độ liên hệ, trao đổi, thông báo kịp thời các vấn đề cần phối hợp, nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, quản lý xuất bản.

đ) Hằng năm, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì cùng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan hữu quan tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy định, xác định nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tiếp theo. Ở địa phương, việc sơ kết thực hiện Quy định do Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy chủ trì với các thành phần như ở Trung ương.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 303-TB/TW, ngày 27 tháng 1 năm 2010

Về nhân sự cấp ủy các tập đoàn kinh tế, tổng công ty

Tại phiên họp ngày 8-1-2010, xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương (số 365-TTr/BTCTW, ngày 15-12-2009) và Tờ trình của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương (số 04-TTr/ĐUK, ngày 25-11-2009), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý để Đảng bộ Đường sắt Việt Nam và Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam có số lượng ủy viên ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015 bằng số lượng cấp ủy viên cấp huyện, quận (33 đến 45 đồng chí) vì đây là hai đảng bộ lớn, có nhiều đầu mối trực thuộc và đông đảng viên.

2. Đồng ý để một số đảng bộ, chi bộ cơ sở trong Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương còn trên 1 năm dưới 2 năm mới hết nhiệm kỳ thì được tiến hành đại hội với đầy đủ bốn nội dung nêu trong Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 4-8-2009 của Bộ Chính trị.

3. Đối với các đồng chí là chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng trong khối,

còn làm việc từ năm 2011 trở về sau, có tín nhiệm cao, có đủ điều kiện về sức khỏe thì được giới thiệu để bầu vào ban chấp hành khóa mới, khi có thông báo nghỉ công tác để nghỉ hưu thì thôi tham gia cấp ủy. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương báo cáo Ban Tổ chức Trung ương thống nhất danh sách nhân sự thuộc diện này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 304-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010

**Về việc tổng kết thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW,
ngày 7-9-1987 của Ban Bí thư (khóa VI)
về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực
của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam**

Ngày 27-1-2010, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo kết quả tổng kết thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 7-9-1987 của Ban Bí thư (khóa VI) về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến kết luận như sau:

1. Qua 22 năm thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VI), thực hiện các chủ trương, chính sách xã hội nhân đạo của Đảng và Nhà nước, hoạt động nhân đạo và từ thiện của các tổ chức, cá nhân tiếp tục phát triển sâu rộng. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với vai trò nòng cốt trong các hoạt động của tổ chức nhân đạo đã phát triển vững mạnh, rộng khắp trong cả nước.

Ban Bí thư đồng ý việc tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VI).

Báo cáo trình Hội nghị tổng kết cần đánh giá sâu sắc những mặt được và chưa được để từ đó xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ công tác nhân đạo và từ thiện trong tình hình mới.

Cần lấy ý kiến (bằng văn bản) của các cơ quan liên quan, như: Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và gửi lấy ý kiến của các đại biểu dự Hội nghị tham gia dự thảo Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động nhân đạo và phát huy vai trò nòng cốt của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong tình hình mới.

Sau Hội nghị, Ban Dân vận Trung ương báo cáo kết quả Hội nghị với Ban Bí thư.

2. Việc tổ chức Hội nghị cần tiết kiệm, thiết thực; số lượng đại biểu không quá 250 người; thời gian trong quý I-2010; địa điểm tại Thủ đô Hà Nội.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 305-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010

**Về kết quả thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW,
ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư (khóa VII)
về chăm sóc người cao tuổi**

Ngày 27-1-2010, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo kết quả tổng kết thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi và ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến kết luận như sau:

Người cao tuổi Việt Nam là lớp người có vai trò, vị trí quan trọng đối với gia đình và xã hội, đã có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Người cao tuổi cần được chăm sóc và phát huy trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau hơn 14 năm thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc người cao tuổi, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền,

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã có sự chuyển biến tích cực. Tổ chức Hội Người cao tuổi Việt Nam ngày càng phát triển, tập hợp đông đảo người cao tuổi trong cả nước vào sinh hoạt, đóng góp thiết thực vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, được các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân tin cậy, đánh giá cao.

Tuy nhiên, công tác chăm sóc và phát huy người cao tuổi chưa đồng đều và rộng khắp. Hoạt động của Hội còn hạn chế về nội dung, hình thức và hiệu quả. Một số nơi, hội người cao tuổi ở cơ sở mới chỉ tập trung chủ yếu vào hoạt động tình nghĩa, chăm sóc sức khỏe hội viên. Công tác xã hội hóa chăm sóc, phát huy người cao tuổi tuy đã được quan tâm, động viên, tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội tham gia thực hiện nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế, yếu kém là do nhận thức và trách nhiệm của một số cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành về người cao tuổi và tổ chức hội người cao tuổi còn chưa đầy đủ.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi. Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về việc chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Thực hiện nghiêm túc Luật người cao tuổi đã được Quốc hội thông qua ngày 23-11-2009.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sớm ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật người cao tuổi.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đưa công tác người cao tuổi và xây dựng hội người cao tuổi vào chương trình làm việc thường xuyên trong công tác vận động quần chúng; lãnh đạo và phối hợp chặt chẽ hoạt động với hội người cao tuổi trong các phong trào, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

3. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về người cao tuổi, thực hiện có kết quả Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi, xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2010 - 2020; tạo điều kiện thuận lợi để Hội phát triển ngày càng vững mạnh, hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước; tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, ban hành và thực hiện các chế độ, chính sách cần thiết đối với người cao tuổi và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam cho phù hợp với điều kiện mới.

4. Hội Người cao tuổi Việt Nam cần nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng Hội đủ sức làm nòng cốt trong phong trào toàn dân chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi; phong trào "Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo"; có kế hoạch tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm hay, những điển hình tiên tiến để nhân rộng và nâng cao chất lượng phong trào thi đua; vận động người cao tuổi Việt Nam ở nước ngoài tham gia các hoạt động góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

5. Về đề nghị khen thưởng huân chương bậc cao cho Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội cần làm các thủ tục cần thiết theo Luật thi đua - khen thưởng để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ban Bí thư việc thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 306-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010

Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện

Chỉ thị 22-CT/TW về "Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp"

Sau khi nghe Báo cáo của Văn phòng Trung ương Đảng kết quả kiểm tra tình hình một năm thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW, ngày 5-6-2008 của Ban Bí thư (khóa X) về "Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp" (Báo cáo số 423-BC/VPTW, ngày 11-1-2010), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW của Ban Bí thư và Quyết định 1129/QĐ-TTg, ngày 18-8-2008 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW; đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động

theo Quyết định số 31/2009/QĐ-TTg, ngày 24-2-2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quan tâm giải quyết các kiến nghị qua kiểm tra của Văn phòng Trung ương Đảng:

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Bộ luật lao động và Luật công đoàn; sửa đổi đồng bộ một số quy định của các luật có liên quan đến pháp luật lao động và quan hệ lao động; khắc phục những hạn chế của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động hiện nay, bảo đảm sự hỗ trợ của công đoàn cấp trên trong việc xây dựng thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động, xác lập được khung pháp lý về quyền đại diện cho người lao động của tổ chức công đoàn. Nghiên cứu xây dựng Luật tiền lương tối thiểu và Luật việc làm.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh triển khai chương trình xây dựng nhà ở và phát triển các công trình văn hóa công cộng, tăng cường các hoạt động văn hóa tinh thần cho công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân lao động.

- Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu mô hình thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước và cơ chế cộng tác viên của Thành phố Hồ Chí Minh; mô hình thành lập chi bộ cơ động tại các huyện ủy và các khu công nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; trên cơ sở đó tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân rộng ra các địa phương khác.

- Ban Cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo việc tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thanh tra lao động; phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ chỉ đạo kiện toàn bộ máy và biên chế thanh tra lao động ở các địa phương, trước mắt ở những địa phương có nhiều doanh nghiệp và khu công nghiệp; xử lý trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước về tình trạng vi phạm pháp luật lao động của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu việc sử dụng đa dạng và linh hoạt thiết chế trọng tài lao động; tăng cường năng lực của trọng tài lao động cấp tỉnh.

- Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp chỉ đạo việc nghiên cứu thủ tục pháp lý, tạo điều kiện giải quyết tranh chấp lao động tại tòa án thuận lợi, phù hợp với đặc điểm của quan hệ lao động; nâng cao chất lượng xét xử tại tòa án.

- Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đẩy nhanh tiến độ xây dựng tổ chức công đoàn ở các doanh nghiệp; chỉ đạo việc nghiên cứu thí điểm thành lập tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở là công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất, trước hết là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất xảy ra nhiều tranh chấp lao động và đình công trong thời gian qua.

- Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì, phối hợp với đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ chỉ đạo việc nghiên cứu xây dựng tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng thí điểm

mô hình tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo làm tốt công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Quy định cụ thể, rõ ràng về cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước trong quan hệ lao động.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 284-QĐ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2010
Về tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn,
bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực
văn hóa, văn học, nghệ thuật

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16-6-2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới",

Ban Bí thư quy định về tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí

cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương; cán bộ lãnh đạo liên hiệp hội, hội văn hóa, văn học, nghệ thuật (gọi chung là hội) ở Trung ương và địa phương.

Những cán bộ này gọi chung là cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, những cụm từ sau đây được hiểu như sau:

1. "Cơ quan chỉ đạo lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật" là Ban Tuyên giáo Trung ương và ban tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy.

2. "Cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật" là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. "Cấp có thẩm quyền" là cấp có quyền quyết định bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

4. "Tập thể lãnh đạo" là tập thể có thẩm quyền trong công tác cán bộ: tập thể cấp ủy đảng; đảng đoàn; ban cán sự đảng; lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng); lãnh đạo hội.

5. "Cơ quan tham mưu" là cơ quan chức năng làm công tác tổ chức cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Quan điểm, nguyên tắc

1. Cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật là cán bộ trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, văn nghệ của Đảng; là bộ phận quan trọng trong đội ngũ cán bộ của Đảng. Công tác cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật là công tác cán bộ của Đảng.

2. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức văn hóa, văn học, nghệ thuật; tôn trọng điều lệ các hội văn hóa, văn học, nghệ thuật.

3. Tập thể lãnh đạo chịu trách nhiệm thực hiện công tác cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

4. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật phải trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực, sở trường, chiều hướng phát triển của cán bộ theo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của Quy định này; phải gắn với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và có 3 độ tuổi để đảm bảo các lớp cán bộ kế tiếp.

5. Cán bộ được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử nói chung phải trong quy hoạch; khi tiến hành quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử phải có ý kiến nhận xét của cơ quan chỉ đạo và cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật cùng cấp đối với cán bộ đó.

Chương II

TIÊU CHUẨN CÁN BỘ LĨNH VỰC VĂN HÓA, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

Ngoài tiêu chuẩn cán bộ quy định trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật còn phải:

1. Có trình độ hiểu biết và kiên quyết đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, văn học, nghệ thuật.

2. Có kiến thức quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật; am hiểu và có năng lực lãnh đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Có trình độ chuyên môn, chính trị, tin học, ngoại ngữ phù hợp với vị trí và lĩnh vực phụ trách; đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

4. Đã trải qua hoạt động thực tiễn có hiệu quả trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Điều 5. Tiêu chuẩn cán bộ cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật

Ngoài tiêu chuẩn chung (quy định tại Điều 4), có thêm các tiêu chuẩn:

1. Có năng lực dự báo và định hướng sự phát triển lĩnh vực phụ trách; năng lực đề xuất thực hiện và tổng kết công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật để tham gia xây dựng đường lối, chính sách, pháp luật.

2. Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên phù hợp với vị trí và lĩnh vực phụ trách; lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. Đối với lãnh đạo cục, vụ, viện trở lên ở bộ, ban, ngành Trung ương; trưởng ban, phó trưởng ban, giám đốc, phó giám đốc sở trở lên ở cấp tỉnh, thành phố phải có trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân.

3. Có tác phong dân chủ, khoa học; có khả năng tập hợp, đoàn kết, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

4. Nếu bổ nhiệm làm người đứng đầu thì người được đề nghị phải trải qua cương vị cấp phó cùng cấp, cấp trưởng cấp dưới cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật; hoặc người đủ tiêu chuẩn được cấp có thẩm quyền giới thiệu. Người đứng đầu không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ.

Điều 6. Tiêu chuẩn đối với cán bộ lãnh đạo hội văn hóa, văn học, nghệ thuật

Ngoài tiêu chuẩn chung (quy định tại Điều 4) có thêm các tiêu chuẩn:

1. Là hội viên tiêu biểu, có năng lực tổng kết, dự báo và định hướng sự phát triển của hội; năng lực tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác hội; tâm huyết với công tác hội và ngành; có khả năng tập hợp, đoàn kết, thuyết phục hội viên; được hội viên tín nhiệm.

2. Có cống hiến, thành tựu trong sáng tác, nghiên cứu, sưu tầm, công trình được hội đồng chuyên môn đánh giá đạt chất lượng cao, hoặc được giới chuyên môn và công chúng thừa nhận.

3. Có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực hoạt động của hội, lý luận chính trị tương đương trung cấp trở lên. Người đứng đầu hội ở Trung ương có trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân.

4. Độ tuổi để bầu làm lãnh đạo hội nói chung không quá 65 tuổi; trường hợp đặc biệt có thể đến 70 tuổi và chỉ áp dụng cho người đứng đầu hội có năng lực lãnh đạo, uy tín cao và còn đủ sức khỏe để làm việc.

Chương III

CƠ CHẾ LỰA CHỌN, BỐ TRÍ CÁN BỘ LÃNH DẠO VĂN HÓA, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

Điều 7. Cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước

Việc lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử (ban hành kèm theo Quyết định 68-QĐ/TW, ngày 4-7-2007 của Bộ Chính trị khóa X) và các hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Cơ chế lựa chọn cán bộ lãnh đạo hội

Việc giới thiệu người ứng cử chức vụ lãnh đạo hội tiến hành như sau:

1. Căn cứ nhu cầu công tác hội, tiêu chuẩn cán bộ quy định tại Điều 6 của Quy định này và căn cứ vào quy hoạch, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo hội xây dựng tiêu chí cụ thể để làm cơ sở cho việc giới thiệu, lựa chọn nhân sự lãnh đạo hội.

2. Lấy ý kiến giới thiệu nhân sự của ban chấp hành hội; ý kiến giới thiệu nhân sự của các hội thành viên.

3. Tổng hợp ý kiến giới thiệu nhân sự để báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

4. Đảng đoàn, tập thể lãnh đạo hội nhận xét, đánh giá cán bộ, thống nhất quyết định giới thiệu người ứng cử hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định giới thiệu người ứng cử.

Cơ quan tham mưu có trách nhiệm giúp tập thể lãnh đạo hội nắm vững và thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền và Điều lệ của Hội.

*Chương IV***TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 9.** Trách nhiệm thực hiện

Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam, các tỉnh ủy, thành ủy và đảng đoàn liên hiệp các hội văn học nghệ thuật địa phương có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác lựa chọn, bố trí, sử dụng đối với cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 285-QĐ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2010

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đề án sửa đổi
những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với
cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng,
đoàn thể và một số đối tượng khác**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Kết luận số 63-KL/TW, ngày 31-12-2009 của Bộ Chính trị về Báo cáo kết quả kiểm tra sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về "Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị",

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Đề án sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, đoàn thể và một số đối tượng khác, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Đồng chí Nguyễn Văn Quynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

3. Đồng chí Nguyễn Thế Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương.

4. Đồng chí Nguyễn Huy Cường, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

5. Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Tài chính.

6. Đồng chí Nguyễn Duy Thăng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

7. Đồng chí Phạm Minh Huân, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch; tổ chức nghiên cứu, xây dựng Đề án sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, đoàn thể và một số đối tượng khác.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định (danh sách kèm theo).

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ Biên tập.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH

TỔ BIÊN TẬP ĐỀ ÁN SỬA ĐỔI NHỮNG BẤT HỢP LÝ VỀ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CƠ QUAN ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Đồng chí Nguyễn Văn Quynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Tổ trưởng.

2. Đồng chí Nguyễn Huy Cường, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

3. Đồng chí Đỗ Phương Đông, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách, Ban Tổ chức Trung ương.

4. Đồng chí Nguyễn Quang Dũng, Phó Vụ trưởng Vụ Tiền lương, Bộ Nội vụ.

5. Đồng chí Trần Hồng Ánh, Phó Vụ trưởng Vụ I, Bộ Tài chính.

6. Đồng chí Hoàng Minh Hào, Phó Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Đồng chí Trịnh Châu Giang, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương Đảng.

8. Đồng chí Phạm Đức Vinh, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương.

Thường trực Tổ Biên tập

1. Đồng chí Nguyễn Văn Quynh.

2. Đồng chí Nguyễn Huy Cường.
3. Đồng chí Đỗ Phương Đông.
4. Đồng chí Trịnh Châu Giang.
5. Đồng chí Nguyễn Quang Dũng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 286-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010

Về việc ban hành Quy chế đánh giá cán bộ, công chức

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế đánh giá cán bộ, công chức".
2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.
3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 50-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

(Kèm theo Quyết định số 286-QĐ/TW, ngày 8-2-2010
của Bộ Chính trị (khóa X))

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu đánh giá cán bộ, công chức

1. Làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, hiệu quả công tác và triển vọng phát triển của cán bộ, công chức.

2. Làm căn cứ để tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức.

3. Phải bảo đảm tính khách quan, toàn diện, tính lịch sử - cụ thể; trên cơ sở thực hiện tự phê bình và phê bình; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; công khai đối với cán bộ, công chức được đánh giá.

4. Phát huy đầy đủ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, lấy kết quả, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu trong đánh giá cán bộ, công chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính

trị - xã hội; lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là cán bộ).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Cấp có thẩm quyền" là tập thể lãnh đạo hoặc người đứng đầu được giao quyền quyết định đối với chức danh cán bộ đó theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. "Người đứng đầu trực tiếp" là người được bầu, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ chức vụ cấp trưởng trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, mặt trận, đoàn thể, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, trực tiếp quản lý, giao việc cho cán bộ, công chức.

3. "Tập thể lãnh đạo" ở Trung ương là tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban thường vụ đảng ủy, lãnh đạo ban, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương; ban thường vụ đảng ủy, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, ngành, cơ quan Trung ương. Ở địa phương là ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; ban thường vụ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy, lãnh đạo ban, sở, ngành, ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố; ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn...

4. "Thành viên lãnh đạo" của tổ chức, cơ quan, đơn vị ở Trung ương là ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo ban, ngành... Ở địa phương là ủy viên thường vụ tỉnh ủy,

thành ủy, ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo ban, sở, ngành, mặt trận, đoàn thể...

5. "Cơ quan tham mưu về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền" là cơ quan chuyên trách làm công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, mặt trận, đoàn thể, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, trực tiếp tham mưu cho cấp có thẩm quyền quyết định đối với cán bộ, công chức.

6. "Đơn vị cơ sở" ở Trung ương là cục, vụ, viện, trung tâm và tương đương; nếu dưới cục, vụ, viện, trung tâm có đơn vị cấp phòng, ban thì việc đánh giá cán bộ được tiến hành ở cấp phòng, ban và tương đương. Ở địa phương là phòng, ban trực thuộc ban, sở, ngành, quận, huyện và tương đương; ở các đơn vị sự nghiệp là khoa, phòng, trung tâm và tương đương; ở các doanh nghiệp là phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

7. "Cấp ủy nơi công tác" là chi ủy nơi cán bộ sinh hoạt, công tác.

8. "Cấp ủy nơi cư trú" là chi ủy nơi cán bộ cư trú.

Điều 4. Thẩm quyền, trách nhiệm nhận xét, đánh giá cán bộ

1. Cấp ủy (tổ chức đảng) nơi cán bộ sinh hoạt, công tác.

2. Cấp ủy (tổ chức đảng) nơi cán bộ cư trú (nhận xét về việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của khu dân cư, mối quan hệ với quần chúng nhân dân của bản thân và gia đình cán bộ).

3. Người đứng đầu trực tiếp đánh giá cấp phó và cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý hành chính của mình.

4. Cấp có thẩm quyền (nhận xét, đánh giá và kết luận phân loại cán bộ theo các mức quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

5. Bản thân cán bộ tự đánh giá, cá nhân và tập thể có thẩm quyền nhận xét, đánh giá cán bộ phải chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét, đánh giá của mình.

Điều 5. Căn cứ đánh giá

1. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức theo quy định của Luật cán bộ, công chức.

2. Chức trách, nhiệm vụ của cán bộ.

3. Tiêu chí đánh giá đối với từng chức danh cán bộ.

4. Môi trường và điều kiện cán bộ thực hiện nhiệm vụ trong thời hạn đánh giá.

Điều 6. Nội dung đánh giá

1. Mức độ thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao: thể hiện ở khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả của công việc trong từng vị trí, từng thời gian; tinh thần trách nhiệm trong công tác.

2. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

- Nhận thức, tư tưởng chính trị; việc chấp hành chủ trương, đường lối và quy chế, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Việc giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác.

- Tinh thần học tập nâng cao trình độ; tính trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần tự phê bình và phê bình.

- Đoàn kết, quan hệ trong công tác; mối quan hệ, tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân.

3. Chiều hướng và triển vọng phát triển.

Điều 7. Thời hạn đánh giá

1. Định kỳ hằng năm.
2. Trước khi hết nhiệm kỳ (ở các tổ chức hoạt động theo nhiệm kỳ).
3. Trước khi quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử; điều động, luân chuyển; khen thưởng, kỷ luật.

*Chương II***QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ****Điều 8.** Đánh giá cán bộ theo định kỳ hằng năm

- Đánh giá cán bộ theo định kỳ hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm ở các đơn vị cơ sở; vào dịp kết thúc năm học đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo.
- Đối với cán bộ, công chức là đảng viên, việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại đảng viên theo định kỳ được kết hợp cùng với việc đánh giá cán bộ, công chức theo định kỳ.
- Đối với cán bộ đảm nhiệm nhiều chức danh công tác thì đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu ở chức danh đảm nhiệm chính và cao nhất của cán bộ đó.

Việc đánh giá cán bộ được tiến hành như sau:

1. Đối với cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ và cấp phó của người đứng đầu:
 - Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản) theo nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này.
 - Tập thể cán bộ cùng làm việc trong đơn vị cơ sở tham gia ý kiến.
 - Người đứng đầu trực tiếp của cán bộ nhận xét, đánh giá.

2. Đối với cán bộ là cấp trưởng của đơn vị cơ sở
 - Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản) theo nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này.
 - Tập thể cán bộ cùng làm việc trong đơn vị cơ sở và cấp ủy nơi cán bộ công tác, sinh hoạt nhận xét, góp ý.
 - Việc đánh giá, kết luận và phân loại đối với cán bộ cấp trưởng đơn vị cơ sở do người đứng đầu cấp trên trực tiếp thực hiện.
3. Đối với cán bộ là thành viên lãnh đạo cơ quan, đơn vị
 - Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản) theo nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này.
 - Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị tham gia góp ý.
 - Cơ quan tham mưu về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền: tổng hợp các nhận xét, đánh giá của cá nhân và tập thể nêu trên; đề xuất nội dung nhận xét, đánh giá cán bộ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận.
 - Cấp có thẩm quyền đánh giá, kết luận và phân loại cán bộ theo Điều 11 của Quy chế này.

Điều 9. Đánh giá cán bộ đảm nhiệm chức vụ do bầu cử trước khi hết nhiệm kỳ

1. Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản) theo nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này.
2. Các thành viên lãnh đạo của tổ chức được bầu nhận xét, góp ý.
3. Người đứng đầu tổ chức được bầu nhận xét, đánh giá; tập thể lãnh đạo thảo luận, thông qua.
4. Cấp ủy nơi công tác và cấp ủy nơi cư trú nhận xét.
5. Cơ quan tham mưu về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền tổng hợp các ý kiến nhận xét và đề xuất nội dung nhận xét, đánh giá cán bộ.

6. Cấp có thẩm quyền đánh giá, kết luận phân loại cán bộ theo Điều 11 của Quy chế này.

Điều 10. Đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật

1. Đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử

- Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản) theo nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

- Người đứng đầu trực tiếp nhận xét, đánh giá.

- Cấp ủy (tổ chức đảng) nơi cán bộ công tác và cấp ủy nơi cán bộ cư trú hoặc tổ dân phố, thôn, ấp, bản... nơi không có tổ chức đảng nhận xét (trường hợp bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử trong vòng 1 năm thì chỉ lấy ý kiến nhận xét một lần).

- Cơ quan tham mưu về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền tổng hợp các ý kiến nhận xét và đề xuất nội dung nhận xét, đánh giá cán bộ.

- Tập thể lãnh đạo thảo luận, thống nhất nhận xét, đánh giá để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm lại

- Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản) theo nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

- Tập thể cán bộ (đối với đơn vị cơ sở), hội nghị cán bộ chủ chốt (đối với các đơn vị khác) tham gia ý kiến.

- Người đứng đầu trực tiếp nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại hay không.

- Tập thể lãnh đạo đánh giá, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

3. Đánh giá cán bộ trước khi quy hoạch

- Tập thể lãnh đạo và chi ủy nơi cán bộ công tác nhận xét.

- Người đứng đầu trực tiếp nhận xét, đánh giá.

- Cơ quan tham mưu về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền tổng hợp các ý kiến và đề xuất nội dung nhận xét, đánh giá cán bộ.

- Cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ đánh giá, quyết định.

4. Đánh giá cán bộ trước khi điều động, luân chuyển

- Người đứng đầu trực tiếp nhận xét, đánh giá.

- Cấp có thẩm quyền đánh giá, quyết định.

5. Đánh giá cán bộ trước khi khen thưởng, kỷ luật

- Đánh giá cán bộ trước khi khen thưởng thực hiện theo Luật thi đua, khen thưởng và các quy chế, quy định về thi đua, khen thưởng.

- Đánh giá cán bộ trước khi kỷ luật thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức; quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.

Điều 11. Phân loại cán bộ

Căn cứ vào kết quả đánh giá, phân loại cán bộ theo một trong bốn mức sau:

1. Hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ

Cán bộ hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ là những người không vi phạm điểm 2, Điều 6 của Quy chế này và:

- Đối với cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ: hoàn thành 100% khối lượng, đạt chất lượng, tiến độ và hiệu quả công việc được giao; có ít nhất 1 sáng kiến cải tiến trong công việc được cấp sở, ngành, huyện, quận (đối với cán bộ ở cấp huyện, cấp xã); cấp tỉnh, thành phố, bộ, ban, ngành, đoàn thể

(đối với cán bộ ở tỉnh, thành phố, bộ, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan Trung ương) công nhận.

- Đối với cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở: cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc lĩnh vực được phân công phụ trách hoàn thành 100% chỉ tiêu nhiệm vụ; tổ chức đảng và các đoàn thể của cơ quan, đơn vị đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu.

- Đối với cán bộ lãnh đạo cấp trên cơ sở trở lên: phải có 100% đơn vị trực thuộc hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có trên 70% đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ

Cán bộ hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ là những người không vi phạm điểm 2, Điều 6 của Quy chế này và:

- Đối với cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ: hoàn thành 100% khối lượng, chất lượng, tiến độ công việc được giao.

- Đối với cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở: cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc lĩnh vực được phân công phụ trách hoàn thành 100% chỉ tiêu nhiệm vụ; tổ chức đảng và các đoàn thể của cơ quan, đơn vị đạt trong sạch, vững mạnh.

- Đối với cán bộ lãnh đạo cấp trên cơ sở trở lên: có 90% đơn vị trực thuộc hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có trên 50% đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Hoàn thành chức trách, nhiệm vụ

Cán bộ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ là những người không vi phạm điểm 2, Điều 6 của Quy chế này và:

- Đối với cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ: hoàn thành trên 70% khối lượng, chất lượng, tiến độ công việc được giao.

- Đối với cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở: cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc lĩnh vực được phân công phụ trách hoàn thành

trên 70% chỉ tiêu nhiệm vụ; tổ chức đảng và các đoàn thể của cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

- Đối với cán bộ lãnh đạo cấp trên cơ sở trở lên: có trên 70% đơn vị trực thuộc hoàn thành nhiệm vụ.

4. Chưa hoàn thành chức trách, nhiệm vụ

Cán bộ chưa hoàn thành chức trách, nhiệm vụ khi vi phạm một trong những khoản quy định tại điểm 2, Điều 6 của Quy chế này hoặc:

- Đối với cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ: hoàn thành dưới 50% khối lượng, chất lượng công việc được giao.

- Đối với cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở: cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc lĩnh vực được phân công phụ trách hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu nhiệm vụ hoặc tổ chức đảng và các đoàn thể của cơ quan, đơn vị yếu kém.

- Đối với cán bộ lãnh đạo cấp trên cơ sở trở lên: có trên 30% đơn vị trực thuộc không hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Sử dụng kết quả đánh giá cán bộ

Kết quả nhận xét, đánh giá của cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp đồng thời được sử dụng làm kết quả đánh giá chính của chính quyền đối với cán bộ, công chức đó và được sử dụng cho việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ ngày đánh giá; nếu trong thời hạn này có phát sinh những tình tiết mới thì kiểm điểm, đánh giá bổ sung.

Điều 13. Thông báo và báo cáo nội dung nhận xét, đánh giá cán bộ

1. Đại diện của cấp ủy, tổ chức đảng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị thông báo kết luận nhận xét, đánh giá, phân loại của cấp có thẩm quyền cho cán bộ, công chức được đánh giá biết.

2. Đối với cán bộ thuộc diện cấp trên trực tiếp quản lý, quyết định, cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về nội dung nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức của cấp mình lên cấp trên xem xét, kết luận.

Điều 14. Quyền bảo lưu ý kiến và giải quyết khiếu nại về đánh giá cán bộ

1. Cán bộ, công chức có quyền trình bày ý kiến, bảo lưu và báo cáo lên cấp trên trực tiếp những vấn đề không tán thành về nhận xét, đánh giá đối với bản thân mình nhưng phải chấp hành kết luận nhận xét, đánh giá của cấp có thẩm quyền.

2. Khi có khiếu nại về đánh giá cán bộ thì cấp có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, kết luận và thông báo (bằng văn bản) đến người khiếu nại.

Điều 15. Quản lý văn bản, tài liệu về đánh giá cán bộ

1. Văn bản nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ phải có chữ ký của người đứng đầu hoặc của một thành viên đại diện lãnh đạo và đóng dấu của cơ quan, đơn vị đó.

2. Các văn bản, tài liệu về nhận xét, đánh giá cán bộ bao gồm: bản tự nhận xét, đánh giá của cán bộ; nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, của tập thể lãnh đạo,

của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn...; kết luận của cơ quan kiểm tra, thanh tra (nếu có) phải gửi cho cơ quan quản lý cán bộ để lưu hồ sơ theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức.

Điều 16. Căn cứ vào Quy định phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng tiêu chuẩn các chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá đối với từng chức danh cán bộ để làm căn cứ đánh giá cán bộ.

Điều 17. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 287-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010

**Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở
trong doanh nghiệp nhà nước (công ty cổ phần,
công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó
Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ)**

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa X);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước là hạt nhân chính trị, lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, an ninh, quốc phòng

1. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp, cổ đông và người lao động, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong doanh nghiệp.

2. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp; phát huy quyền làm chủ của các thành viên trong doanh nghiệp, thực hiện công khai, minh bạch về kế hoạch và kết quả sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính, phân phối lợi nhuận, tiền lương, tiền thưởng; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực, nhất là trong hợp đồng liên doanh, liên kết, xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, vật tư...

3. Lãnh đạo đảng viên và quần chúng giám sát mọi hoạt động của doanh nghiệp theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội, nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng tự vệ vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của doanh nghiệp.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lãnh đạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng tinh thần làm chủ, ý thức cần kiệm và tình đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các thành viên trong doanh nghiệp để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2. Tuyên truyền, vận động làm cho cán bộ, đảng viên, các cổ đông, người lao động hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của doanh nghiệp; động viên các thành viên trong doanh nghiệp tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường giai cấp công nhân, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

3. Lãnh đạo đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Đề ra chủ trương, nghị quyết và lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, bảo đảm tiêu chuẩn, quy trình và thẩm quyền được phân cấp của doanh nghiệp, trong việc sắp xếp bộ máy quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và chế độ, chính sách cán bộ.

2. Cấp ủy lãnh đạo xây dựng quy hoạch, quy chế, quy định về công tác cán bộ (cán bộ quản lý, cán bộ đảng, đoàn thể) của doanh nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định đó, bảo đảm đúng chủ trương, nghị quyết của Đảng và quy định của Nhà nước.

3. Cấp ủy đề nghị cấp trên xem xét, quyết định đối với các vấn đề về tổ chức, cán bộ của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội

1. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy quyền làm chủ, tạo điều kiện cho người lao động tham gia quản lý doanh nghiệp, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Cấp ủy lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực

lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác trong doanh nghiệp và trong xã hội. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với đảng ủy, chi ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý kỷ luật nghiêm những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Làm tốt công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng quản trị (chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty) hoặc tổng giám đốc (giám đốc).

5. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Đảng về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, CHỦ TỊCH CÔNG TY), TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc)

1. Đảng bộ, chi bộ, cấp ủy lãnh đạo tạo sự đồng thuận trong doanh nghiệp để hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Cấp ủy lãnh đạo xây dựng điều lệ công ty, quy chế làm việc, xác định rõ mối quan hệ công tác, bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, chức năng tập hợp, vận động, giáo dục quần chúng của các đoàn thể chính trị - xã hội, chức năng quản lý của hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty) và chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của tổng giám đốc (giám đốc); định kỳ thông báo với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) ý kiến của cán bộ, đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp. Hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc

(giám đốc) có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này.

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, vào dịp đại hội đảng) hoặc đột xuất, khi có yêu cầu, đại diện hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của doanh nghiệp. Cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong doanh nghiệp thực hiện.

3. Bí thư cấp ủy, chủ tịch hội đồng quản trị (chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí; vi phạm chính sách, pháp luật, vi phạm các chính sách đối với người lao động và các tiêu cực khác.

4. Khi cấp ủy và hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) có ý kiến khác nhau về thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh thì hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) quyết định theo quyền hạn và chịu trách nhiệm về quyết định đó; có ý kiến khác nhau về công tác tổ chức, cán bộ và các nhiệm vụ khác thì đảng viên phải chấp hành nghị quyết của cấp ủy và thuyết phục các thành viên khác cùng thực hiện. Nếu vẫn chưa thống nhất thì các bên đồng thời báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến.

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội

Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan

1. Cấp ủy đảng doanh nghiệp trực thuộc cấp ủy đảng địa phương, ngoài thực hiện nghị quyết của cấp ủy cấp trên trực tiếp, còn có trách nhiệm giữ mối liên hệ chặt chẽ với cấp ủy đảng doanh nghiệp cấp trên trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và công tác tổ chức, cán bộ.

2. Cấp ủy đảng doanh nghiệp trực thuộc cấp ủy đảng doanh nghiệp cấp trên, ngoài thực hiện nghị quyết của cấp trên trực tiếp, còn có trách nhiệm giữ mối liên hệ chặt chẽ với cấp ủy đảng địa phương (nơi doanh nghiệp đóng) để phối hợp thực hiện nhiệm vụ về công tác an ninh, quốc phòng và các hoạt động xã hội khác.

3. Cấp ủy đảng các doanh nghiệp cần giữ quan hệ với cấp ủy địa phương nơi có cán bộ, đảng viên của doanh nghiệp cư trú để phối hợp công tác và quản lý cán bộ, đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ, cấp ủy cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 22-3-2004 của Ban Bí thư (khóa IX), có hiệu lực kể từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 288-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010

**Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở
trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn,
trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ
trở xuống (gọi chung là công ty)**

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa X);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở xuống như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng và tuyên

truyền, vận động các thành viên trong công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; tham gia xây dựng và lãnh đạo công ty phát triển bền vững, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của công ty, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty, các cổ đông và người lao động, góp phần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, an ninh, quốc phòng

1. Căn cứ vào điều lệ, các quy chế, quy định của công ty, cấp ủy thông qua cán bộ, đảng viên, nhất là những đảng viên được ủy quyền quản lý phần vốn của Nhà nước và các đảng viên trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của công ty để nắm tình hình, chủ động tham gia với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) trong việc xây dựng nghị quyết về chiến lược đầu tư, phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của công ty...

2. Cấp ủy lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện có hiệu quả nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) và các nhiệm vụ được giao theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo toàn và phát triển vốn của công ty, của Nhà nước; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm

quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, cổ đông và người lao động. Lãnh đạo, vận động các thành viên trong công ty thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội và giữ gìn trật tự an toàn trong công ty.

3. Phối hợp với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc)... lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy chế, quy định của công ty; thực hiện chế độ thông tin và đảm bảo quyền được thông tin của đảng viên; phát huy vai trò làm chủ của người lao động, đoàn kết đảng viên, quần chúng vì mục tiêu phát triển sản xuất, kinh doanh của công ty; ngăn ngừa, đấu tranh khắc phục những biểu hiện vi phạm pháp luật làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, công ty, cổ đông và người lao động.

4. Cấp ủy chủ động đề xuất với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) trong công tác đào tạo nguồn nhân lực và lãnh đạo đảng viên, người lao động tích cực học tập, không ngừng nâng cao trình độ về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng trong công ty hiểu và tự giác chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; phát huy truyền thống yêu nước và ý thức trách nhiệm của công dân; nâng cao giác ngộ giai cấp, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của người lao động; xây dựng tinh thần làm chủ, tinh đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ giữa các thành viên trong công ty.

2. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng trong công ty rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp; phát

huy tính chủ động, sáng tạo trong lao động. Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các thành viên trong công ty để phối hợp với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) giải quyết.

Điều 4. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội

1. Lãnh đạo xây dựng các đoàn thể chính trị - xã hội trong công ty vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mỗi đoàn thể; tạo điều kiện để người lao động tham gia các đoàn thể quần chúng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn phối hợp với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) thực hiện tốt các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), hội nghị người lao động, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty, thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật.

Điều 5. Về công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp ủy chủ động tham gia ý kiến với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) về chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách cán bộ.

2. Cấp ủy đề xuất, kiến nghị với cấp trên về người đại diện phần vốn của Nhà nước trong công ty; chủ động giới thiệu những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, đủ

điều kiện, tiêu chuẩn để đưa vào quy hoạch, tham gia bộ máy lãnh đạo, quản lý của công ty.

3. Xây dựng cấp ủy và đội ngũ cán bộ đoàn thể có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Cấp ủy đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sự phát triển của công ty.

2. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu; lãnh đạo việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh. Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất nội bộ, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ, đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực trái với đạo đức, tư cách của người đảng viên, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng.

3. Cấp ủy phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên; xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên; thực hiện việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với đảng ủy, chi ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Thường xuyên chăm lo công tác tuyên truyền, phát triển đảng viên. Chú trọng phát triển đảng viên trẻ trong công nhân, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của công ty, trong

cán bộ, đoàn viên công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

5. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Đảng về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm và vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

6. Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp ủy nên là thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) hoặc đủ điều kiện để có thể giới thiệu tham gia vào các chức danh lãnh đạo, quản lý của công ty.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN), TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc)

1. Đảng bộ, chi bộ, cấp ủy lãnh đạo tạo sự đồng thuận trong doanh nghiệp để hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này. Cấp ủy chủ động

phối hợp với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) xây dựng và lãnh đạo thực hiện điều lệ công ty, các quy định, quy chế phối hợp, trong đó xác định rõ mối quan hệ công tác, bảo đảm vai trò lãnh đạo chính trị của tổ chức đảng, chức năng tập hợp, vận động, giáo dục quần chúng của các đoàn thể quần chúng, chức năng quản lý của hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) và chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành sản xuất, kinh doanh của tổng giám đốc (giám đốc).

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy chủ động trao đổi với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) về việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng; ý kiến của cán bộ, đảng viên, người lao động về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong công ty. Hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) trao đổi với cấp ủy về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của công ty và phương hướng, nhiệm vụ sắp tới để cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện. Đảng viên là thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) phải báo cáo với cấp ủy về những nội dung trên để cấp ủy lãnh đạo thực hiện.

3. Cấp ủy tôn trọng các quyết định của hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; khi thấy quyết định chưa đúng thì trao đổi với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc), nếu không thống nhất thì báo cáo lên cấp ủy cấp trên và cơ quan

quản lý nhà nước có thẩm quyền (quản lý vốn, cấp phép và đăng ký kinh doanh, thuế, bảo hiểm) để xem xét, giải quyết.

4. Bí thư cấp ủy phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong công ty; chủ tịch hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng (nếu là đảng viên) khi để xảy ra các vi phạm chính sách, pháp luật, tham nhũng, lãng phí trong tổ chức hoạt động của công ty; trong việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và các tiêu cực khác.

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội

Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan

Đảng bộ, chi bộ trong công ty chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc tổ chức đảng được ủy quyền) về mọi mặt; xây dựng mối quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi công ty đóng và nơi có đảng viên của công ty cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách

nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 140-QĐ/TW, ngày 16-5-2005 của Ban Bí thư (khóa IX), có hiệu lực kể từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 289-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010

**Về việc ban hành Quy chế cán bộ
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh".
2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.
3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá

trình thực hiện, có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
CÁN BỘ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Quyết định số 289-QĐ/TW,
ngày 8-2-2010 của Ban Bí thư)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho những đối tượng sau đây thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (gọi tắt là cán bộ đoàn):

1. Những người giữ chức danh bí thư chi đoàn, phó bí thư, bí thư đoàn cấp cơ sở trở lên.
2. Những người làm việc trong các cơ quan chuyên trách của Đoàn và trực tiếp làm công tác đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi từ cấp huyện và tương đương trở lên.
3. Trợ lý thanh niên, cán bộ ban thanh niên trong Quân đội nhân dân; ủy viên ban công tác thanh niên các cấp trong Công an nhân dân.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Các nội dung liên quan đến cán bộ và công tác cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Quy chế này

được áp dụng trong hệ thống Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, doanh nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Cấp ủy đảng" là chi ủy, đảng ủy, thường vụ cấp ủy và gồm cả ban cán sự đảng, đảng đoàn.
2. "Tập thể lãnh đạo" là tập thể có thẩm quyền trong công tác cán bộ, gồm cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.
3. "Đoàn cấp tỉnh" gọi chung cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương.
4. "Đoàn cấp huyện" gọi chung cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các huyện (quận, thị xã, thành phố) ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương.
5. "Đoàn cấp cơ sở" gọi chung cho đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở.
6. "Cán bộ đoàn chuyên trách" là những người được hưởng lương để chuyên làm công tác đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi.

Điều 4. Quan điểm, nguyên tắc

1. Công tác cán bộ đoàn là một bộ phận quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng, nhằm xây dựng và phát triển đội

ngũ cán bộ đoàn, đồng thời tạo nguồn bổ sung cán bộ cho hệ thống chính trị.

2. Công tác cán bộ đoàn có tính đặc thù riêng, do vậy cán bộ đoàn đòi hỏi có độ tuổi sát với độ tuổi thanh niên; thời gian giữ chức vụ ngắn; có sự thay đổi nhanh nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ đoàn và quản lý đội ngũ cán bộ đoàn, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị đối với công tác cán bộ đoàn.

4. Cấp ủy đảng chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ đoàn và quản lý cán bộ đoàn theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; cùng với tập thể lãnh đạo chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên trong việc bố trí, sử dụng, điều động, luân chuyển chức danh bí thư, phó bí thư đoàn cùng cấp.

Chương II

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁN BỘ ĐOÀN

Điều 5. Nghĩa vụ của cán bộ đoàn

1. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nhân dân Việt Nam; kiên định mục tiêu và lý tưởng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; xung kích đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân; đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; gương mẫu chấp hành Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, sự phân công của tập thể lãnh đạo, ban thường vụ đoàn cùng cấp và sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đoàn cấp trên.

3. Tận tụy với công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; tôn trọng và liên hệ mật thiết với đoàn viên, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và nhân dân. Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

4. Tích cực học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện sức khỏe và kỹ năng công tác đoàn.

5. Cán bộ đoàn ở mỗi cấp, mỗi địa phương, đơn vị phải là tấm gương cho đoàn viên và thanh niên noi theo.

Điều 6. Quyền của cán bộ đoàn

1. Được thông tin đầy đủ, được tham gia ý kiến với cấp ủy đảng, lãnh đạo, người sử dụng lao động về chủ trương, kế hoạch triển khai nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan đến công tác đoàn và công tác thanh thiếu nhi.

2. Được bố trí thời gian thích hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức và tham gia các hoạt động của Đoàn.

3. Được ưu tiên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức kinh tế,

văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh... để phục vụ công tác đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi và các nhiệm vụ công tác khác.

4. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định chung của Đảng, Nhà nước và theo Quy chế này.

5. Được bố trí công tác phù hợp khi quá tuổi làm cán bộ đoàn.

Chương III

TIÊU CHUẨN CÁN BỘ ĐOÀN

Điều 7. Tiêu chuẩn chung

Tiêu chuẩn cán bộ đoàn được cụ thể hóa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) là:

1. Có tinh thần yêu nước, trung thành với Tổ quốc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, không cơ hội; nhiệt tình, năng động, sáng tạo, có khả năng tổ chức tập hợp, gắn bó mật thiết và được sự tín nhiệm của đoàn viên, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và nhân dân.

3. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; trình độ học vấn, chuyên môn, ngoại ngữ, tin học phù hợp với yêu cầu của vị trí công tác được giao; trưởng thành từ phong trào đoàn, hội, đội hoặc tham gia hoạt động phong trào thanh

thiếu nhi hoặc đã được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức công tác thanh vận.

4. Có sức khỏe tốt; ngoại hình phù hợp với công tác thanh vận; tuổi cán bộ đoàn được quy định theo cương vị được giao và có thể hơn từ 1 đến 2 tuổi để phù hợp với yêu cầu công tác cụ thể.

Điều 8. Tiêu chuẩn Bí thư Trung ương Đoàn và Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn

1. Bí thư Trung ương Đoàn

a) Nắm vững và có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đoàn; có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực đề xuất, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của Đoàn; có tư duy chiến lược về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; là cán bộ tiêu biểu trên các lĩnh vực công tác, có phong cách lãnh đạo, khả năng điều hành tốt công việc.

b) Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân.

c) Giữ chức vụ lần đầu không quá 40 tuổi và giữ chức vụ không quá 42 tuổi.

d) Đã kinh qua thực tiễn công tác một trong các cương vị:

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Trung ương.

- Bí thư, phó bí thư đoàn cấp tỉnh.

- Trưởng, phó các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Đoàn.

Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn phải là tấm gương tiêu biểu trong Đoàn và đối với thanh

niên cả nước; độ tuổi do cấp quản lý quyết định theo yêu cầu công tác.

2. Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn

a) Năm vững và có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đoàn; có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực đề xuất, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của Đoàn; có phong cách lãnh đạo, khả năng điều hành tốt công việc.

b) Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân.

c) Giữ chức vụ lần đầu không quá 37 tuổi và giữ chức vụ không quá 42 tuổi.

Điều 9. Tiêu chuẩn bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ Đoàn cấp tỉnh

1. Bí thư

a) Năm vững và có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đoàn; có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực đề xuất, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của đoàn tại địa phương; là cán bộ tiêu biểu trong lĩnh vực công tác của địa phương, đơn vị, có phong cách lãnh đạo, khả năng điều hành tốt công việc.

b) Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân.

c) Giữ chức vụ lần đầu không quá 35 tuổi và giữ chức vụ không quá 40 tuổi.

d) Đã kinh qua thực tiễn công tác một trong các cương vị:

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bí thư, phó bí thư đoàn cấp huyện.

- Trưởng, phó các ban, đơn vị trực thuộc tỉnh, thành Đoàn.

2. Phó bí thư

a) Năm vững và có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đoàn; có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực đề xuất, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của đoàn tại địa phương; có phong cách lãnh đạo tốt.

b) Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

c) Giữ chức vụ lần đầu không quá 33 tuổi và giữ chức vụ không quá 38 tuổi.

3. Ủy viên ban thường vụ

Tiêu chuẩn cơ bản như phó bí thư nhưng giữ chức vụ lần đầu không quá 32 tuổi và giữ chức vụ không quá 37 tuổi.

Điều 10. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn cấp huyện

1. Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên (vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, đối tượng chính sách có thể từ cao đẳng trở lên). Bí thư, phó bí thư có trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp trở lên.

2. Tham gia ban chấp hành lần đầu không quá 30 tuổi và giữ chức vụ không quá 35 tuổi.

3. Đã được rèn luyện trong phong trào thanh niên hoặc đã từng là cán bộ cấp xã, bí thư, phó bí thư đoàn cơ sở.

Điều 11. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn)

1. Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trình độ lý luận chính trị sơ cấp.

2. Giữ chức vụ không quá 35 tuổi.

Đối với vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, đối tượng chính sách, trình độ văn hoá nói chung từ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, đã được bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị sơ cấp. Giữ chức vụ không quá 37 tuổi.

Điều 12. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn trong trường học

1. Đối với học sinh, sinh viên: Học lực từ loại khá trở lên, đã được bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị tương đương sơ cấp (trừ học sinh trung học phổ thông, trung học cơ sở).

2. Đối với cán bộ, giáo viên: Trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên. Giữ chức vụ không quá 37 tuổi.

3. Đối với cán bộ đoàn tương đương cấp huyện: Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị được áp dụng như Điều 10.

Điều 13. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn trong cơ quan, doanh nghiệp

1. Đối với cơ quan: Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên. Giữ chức vụ không quá 35 tuổi.

2. Đối với doanh nghiệp: Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên (riêng doanh nghiệp ngoài nhà nước có thể tốt nghiệp phổ

thông trung học trở lên, đã được bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị tương đương sơ cấp). Giữ chức vụ không quá 40 tuổi.

3. Đối với cán bộ đoàn tương đương cấp tỉnh, cấp huyện, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị được áp dụng như Điều 9, Điều 10.

Điều 14. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn trong Quân đội, Công an

Ban Bí thư Trung ương Đoàn chủ trì, phối hợp với Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Tổng cục Xây dựng lực lượng - Bộ Công an xem xét, quy định cụ thể về cơ cấu, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị và độ tuổi của cán bộ đoàn, trong Quân đội, Công an.

Chương IV

CÔNG TÁC CÁN BỘ ĐOÀN

Điều 15. Tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng để làm việc tại cơ quan đoàn chuyên trách từ cấp huyện trở lên được thực hiện theo hình thức xét tuyển hoặc thi tuyển. Thực hiện thi tuyển đối với các chức danh thuộc công chức nhà nước. Thực hiện việc xét tuyển đối với các đối tượng thuộc vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và đối tượng chính sách.

2. Người được tuyển dụng phải đảm bảo các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 7 của Quy chế này, đồng thời đáp ứng yêu cầu sau đây:

- Là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đạt điểm theo quy định tuyển dụng, lấy từ trên xuống đến khi đủ chỉ tiêu.

3. Cấp ủy đảng chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cùng cấp thống nhất nội dung, phương pháp, lập hội đồng thi tuyển hoặc xét tuyển và giao ban thường vụ đoàn cùng cấp thực hiện tuyển dụng cán bộ đoàn.

Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo việc tuyển dụng cán bộ đoàn tại cơ quan Trung ương Đoàn.

Điều 16. Quy hoạch

1. Công tác quy hoạch cán bộ đoàn gắn với công tác quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và do cấp ủy đảng các cấp chủ trì. Nội dung, quy trình thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đoàn được tiến hành theo quy định chung của Đảng, hàng năm rà soát để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch:

- Cấp ủy đảng, ban thường vụ đoàn các cấp có trách nhiệm xây dựng, quản lý quy hoạch chức danh cán bộ đoàn cấp mình.

- Cấp ủy đảng và ban thường vụ đoàn cấp huyện phối hợp với cấp ủy đảng cơ sở xây dựng quy hoạch chức danh cán bộ đoàn cơ sở.

- Ban Bí thư Trung ương Đoàn xây dựng, quản lý quy hoạch các chức danh trong Ban Bí thư, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

2. Cấp ủy đảng và tập thể lãnh đạo chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên xem xét, phê duyệt quy hoạch

cán bộ đoàn cấp dưới. Ban Bí thư Trung ương Đảng xem xét, phê duyệt quy hoạch cán bộ Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

Điều 17. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Hàng năm, khi lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo có trách nhiệm dành tỷ lệ phù hợp đối với cán bộ đoàn.

2. Ban thường vụ đoàn các cấp thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện cho cán bộ đoàn theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đoàn; tích cực phát hiện, tạo nguồn từ cán bộ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; có trách nhiệm giới thiệu cán bộ đoàn với cấp ủy đảng để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo quy hoạch.

3. Cán bộ đoàn chủ động đề xuất việc học tập nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học của mình để cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo xem xét, giải quyết, tạo điều kiện cho đi học và có kế hoạch bố trí, sắp xếp công tác.

Điều 18. Bố trí, sử dụng

1. Trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất và năng lực cán bộ đoàn, cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo bố trí, sử dụng phù hợp với trình độ, năng lực, sở trường và chiều hướng phát triển của cán bộ.

2. Việc bố trí, sử dụng cán bộ trong cơ quan chuyên trách của đoàn ở cấp nào thì do ban thường vụ đoàn cấp đó chủ động phân công, đồng thời báo cáo cấp ủy đảng cùng cấp; đối

với cán bộ chủ chốt, ban thường vụ đoàn báo cáo cấp ủy đảng xem xét, quyết định.

3. Cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cùng cấp để xem xét, bố trí, sắp xếp công tác cho cán bộ đoàn chuyên trách khi hết tuổi tham gia công tác đoàn hoặc đã hoàn thành nhiệm vụ công tác đoàn phù hợp với trình độ, năng lực và quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt.

Điều 19. Nhận xét, đánh giá

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các nội dung liên quan đến việc nhận xét, đánh giá cán bộ đoàn thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cụ thể hóa bằng văn bản.

2. Việc nhận xét, đánh giá cán bộ đoàn được tiến hành định kỳ hằng năm; theo nhiệm kỳ công tác; trước khi tiến hành công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; giới thiệu ứng cử.

3. Nội dung nhận xét, đánh giá gồm: Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; khả năng quy tụ và ảnh hưởng trong thanh thiếu nhi và trong nhân dân; sức khỏe, sở trường và triển vọng phát triển của cán bộ đoàn... Phân loại, bình chọn cán bộ đoàn phải dựa trên cơ sở nhận xét, đánh giá, theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đoàn và được cấp ủy đảng xác nhận.

4. Cấp ủy đảng chỉ đạo việc nhận xét, đánh giá cán bộ đoàn để làm căn cứ bố trí, sử dụng, luân chuyển, quy hoạch,

đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và thực hiện chính sách cán bộ.

Điều 20. Luân chuyển, điều động

1. Việc luân chuyển thực hiện đối với cán bộ đoàn chuyên trách, giữ chức vụ từ ủy viên ban chấp hành đoàn cấp huyện trở lên trong quy hoạch nhằm đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ đoàn. Khi có yêu cầu, nhiệm vụ, tổ chức đoàn cấp trên thực hiện việc tăng cường cán bộ xuống công tác ở tổ chức đoàn cấp dưới.

2. Luân chuyển, điều động phải gắn với quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ. Thời gian luân chuyển mỗi lần từ 1 đến 3 năm, tùy đối tượng do Ban Bí thư Trung ương Đoàn quy định.

3. Ban thường vụ đoàn các cấp chủ động báo cáo, đề xuất với cấp ủy đảng trong việc thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ đoàn theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ đoàn thực hiện theo các quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Đảng, Nhà nước và Điều lệ Đoàn.

2. Việc xem xét, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ đoàn cơ sở do cấp ủy đảng cấp cơ sở chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên thực hiện.

Điều 22. Khen thưởng, kỷ luật; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ

1. Cán bộ đoàn có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, trong công tác xây dựng

đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi được đoàn xem xét, khen thưởng và đề nghị các cấp ủy đảng, chính quyền khen thưởng.

2. Cán bộ đoàn nếu mắc khuyết điểm thì tùy theo mức độ vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật của Đoàn, kỷ luật của Đảng, của chính quyền theo quy định.

3. Việc kiểm tra công tác cán bộ đoàn do cấp ủy đảng cấp trên chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và Điều lệ Đoàn.

4. Các cấp bộ đoàn tham gia giám sát cán bộ đoàn và công tác cán bộ đoàn.

Điều 23. Chế độ, chính sách

1. Cán bộ đoàn có thời gian công tác đoàn, hội, đội từ 3 năm liên tục trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ, khi thi tuyển công chức được cộng điểm ưu tiên.

2. Độ tuổi đi học tại chức về lý luận chính trị đối với cán bộ đoàn có thể ít hơn 5 tuổi so với các đối tượng khác.

3. Cán bộ đoàn thực hiện việc luân chuyển công tác được hưởng chế độ trợ cấp và nhà ở công vụ theo quy định chung; được bảo lưu phụ cấp trong thời gian luân chuyển.

4. Cán bộ đoàn là đảng viên nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có khả năng, triển vọng phát triển, đã qua rèn luyện, thử thách trong thực tiễn công tác đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi, được xem xét giới thiệu để bầu vào cấp ủy đảng. Bí thư, phó bí thư đoàn từ cấp cơ sở trở lên, đạt tiêu chuẩn cấp ủy viên thì được cơ cấu để bầu vào cấp ủy đảng cùng cấp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan liên quan

1. Các cấp ủy đảng căn cứ vào nội dung Quy chế này chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và cụ thể hóa cho phù hợp với tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị mình; định kỳ hằng năm làm việc với cấp bộ đoàn về công tác cán bộ.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách, bố trí, sử dụng, luân chuyển, điều động và tiếp nhận cán bộ đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc sau khi hết tuổi tham gia công tác đoàn mà hoàn thành tốt nhiệm vụ, do cấp ủy đảng thống nhất với tổ chức đoàn giới thiệu.

3. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan ban hành các quy định về việc xét tuyển, điểm ưu tiên khi thi tuyển, số lượng cán bộ đoàn chuyên trách, phụ cấp công tác, kinh phí hoạt động của tổ chức đoàn các cấp.

Điều 25. Trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp thường xuyên tham mưu cho cấp ủy đảng cùng cấp những vấn đề liên quan đến cán bộ và công tác cán bộ đoàn; định kỳ báo cáo đoàn cấp trên theo quy định.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện và theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 64-KL/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2010

**Về kết quả kiểm tra tình hình
thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW (khóa IX),
ngày 18-3-2002 về tiếp tục đổi mới cơ chế,
chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện
phát triển kinh tế tư nhân**

Tại phiên họp ngày 27-1-2010, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW (khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, ý kiến của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (Nghị quyết số 14-NQ/TW) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; trong những năm qua, các cấp ủy và tổ chức đảng đã tổ chức quán triệt, xây dựng chương trình hành động, tích cực chỉ

đạo thực hiện, đưa Nghị quyết nhanh đi vào cuộc sống và đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhiều quy định pháp luật đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung khá đồng bộ, tạo hành lang pháp lý, môi trường thể chế và tâm lý xã hội tốt cho kinh tế tư nhân phát triển. Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp của tư nhân. Kinh tế tư nhân đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Số lượng doanh nghiệp tăng bình quân 22%/năm giai đoạn 2000 - 2009. Đã thu hút mạnh mẽ các nguồn lực vào sản xuất, kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu ngân sách nhà nước, góp phần tích cực vào tăng trưởng nhanh nền kinh tế, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, qua đó tăng thêm lòng tin của nhân dân vào chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân. Đặc biệt, trong điều kiện nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, thành phần kinh tế tư nhân vẫn tăng trưởng tốt.

Tuy nhiên, nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân có nơi, có lúc vẫn chưa được đầy đủ và còn thiếu nhất quán; so với yêu cầu đặt ra, việc đổi mới cơ chế, chính sách, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân vẫn còn nhiều hạn chế; việc thể chế hoá một số nội dung của Nghị quyết còn chậm, chưa đồng bộ, một số quy định chưa sát với thực tiễn nên khó thực hiện; nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách trong quá trình tổ chức thực hiện chưa được tháo gỡ kịp thời; một số cơ quan quản lý nhà nước các cấp chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực vẫn còn phức tạp; việc áp dụng công nghệ

thông tin trong quản lý chưa thật mạnh mẽ. Nhiều nơi chưa quan tâm đến định hướng phát triển kinh tế tư nhân theo quy hoạch ngành và lãnh thổ. Kinh tế tư nhân phát triển còn tự phát, nhỏ lẻ, manh mún, tình trạng vi phạm pháp luật diễn ra còn khá phổ biến, nhất là ở những lĩnh vực nhạy cảm. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp của tư nhân vẫn còn nhiều khó khăn, số doanh nghiệp của tư nhân có đảng viên và tổ chức cơ sở đảng còn rất ít; tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp của tư nhân chưa đều khắp, chất lượng hoạt động còn nhiều hạn chế, chưa đủ năng lực bảo vệ quyền lợi cho người lao động; nhiều hiệp hội doanh nghiệp hoạt động lúng túng, vai trò đối với doanh nghiệp còn mờ nhạt.

Nguyên nhân chủ yếu là do sự quan tâm chưa đầy đủ của các cấp ủy, tổ chức đảng và mức độ đầu tư của Nhà nước đối với kinh tế tư nhân còn thấp; doanh nghiệp của tư nhân hầu hết mới được hình thành và phát triển nên tài sản, vốn liếng còn ít, khả năng cạnh tranh hạn chế. Đồng thời, trong bối cảnh hội nhập quốc tế với nhiều thách thức mới, đặc biệt tình hình kinh tế thế giới còn nhiều biến động khó lường đã tác động mạnh đến sự phát triển của kinh tế tư nhân.

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TW (khóa IX) về phát triển kinh tế tư nhân, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung làm tốt những việc chủ yếu sau:

1. Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong toàn Đảng, toàn dân và các ngành, các cấp về chủ trương nhất quán phát triển kinh tế tư nhân của Đảng và Nhà nước; đề cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng

viên, đặc biệt là lãnh đạo các cấp trong tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng.

2. Bám sát các nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết để bổ sung một số nội dung trong chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cho phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển mới của đất nước. Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định về pháp luật, cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính có liên quan để thực hiện tốt các nhiệm vụ. Trong đó, chú trọng triển khai các công việc sau:

- *Tổ chức tốt việc cụ thể hóa Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư.* Khắc phục những nội dung chưa rõ ràng, chồng chéo giữa các văn bản pháp luật; điều chỉnh cơ chế phân cấp và phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong quản lý nhà nước về đầu tư; có quy định cụ thể bảo vệ nhà đầu tư, cổ đông thiểu số; sớm có hướng dẫn đầy đủ việc xử lý các trường hợp doanh nghiệp vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của Luật. Sớm hướng dẫn thi hành Điều 6 của Luật doanh nghiệp về việc thành lập và hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp.

- *Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách tiếp tục tạo điều kiện hơn nữa cho phát triển kinh tế tư nhân*

Sửa đổi, bổ sung một số quy định để giải quyết những vấn đề bất cập trong thực hiện chính sách về đất đai; hoàn thiện Luật đất đai hiện hành; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; rà soát, thu hồi những diện tích đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích theo quy định của pháp luật; khuyến khích việc sử dụng đất ở những vùng đất trống, đồi núi trọc; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng sâu, vùng xa.

Sửa đổi các quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế theo hướng đơn giản hơn các thủ tục hành chính; sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán cho phù hợp với trình độ, quy mô, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa; có cơ chế để doanh nghiệp của tư nhân được vay vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) như các doanh nghiệp nhà nước; nghiên cứu bổ sung và mở rộng hình thức bảo lãnh cho doanh nghiệp; tiếp tục rà soát bãi bỏ các khoản phí, lệ phí không hợp lý; ưu tiên nhiều hơn cho các doanh nghiệp tư nhân phát triển sản xuất, kinh doanh ở những khu vực khó khăn, vùng núi, biên giới và hải đảo.

Tăng cường bảo đảm quyền lợi của người lao động trong khu vực kinh tế tư nhân. Sớm sửa đổi, bổ sung Bộ luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Luật dạy nghề; nghiên cứu xây dựng Luật an toàn vệ sinh lao động và các văn bản có liên quan nhằm làm rõ hơn trách nhiệm và quyền hạn của người lao động, người sử dụng lao động trong doanh nghiệp; nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về lao động để kịp thời uốn nắn, xử lý những sai phạm trong quản lý lao động.

Nghiên cứu để sớm có chương trình quốc gia về hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chương trình quốc gia về đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, trong đó chú trọng thỏa đáng doanh nghiệp của tư nhân. Tiếp tục hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ doanh nghiệp và người lao động, nâng cao trình độ cán bộ quản lý; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới; đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; thiết lập thị trường

công nghệ; tiếp tục triển khai tích cực và đồng bộ các chính sách trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đẩy mạnh hỗ trợ thông tin cho kinh tế tư nhân; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp.

3. Thực hiện tốt việc bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; khuyến khích và mở rộng các hình thức hợp tác, liên kết, liên doanh giữa kinh tế tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tạo ra mối quan hệ hợp tác, cạnh tranh, cùng có lợi. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp gắn với tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển với quy mô ngày càng lớn, từng bước hình thành các đơn vị kinh tế tư nhân mạnh đủ sức cạnh tranh trong và ngoài nước.

4. Tiếp tục đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước các cấp đối với khu vực kinh tế tư nhân.

Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên có thái độ ứng xử đúng đắn, tạo thuận lợi, đồng thời quản lý sâu sát các hoạt động của kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát theo cơ chế hậu kiểm; kịp thời động viên, khen thưởng các doanh nghiệp, doanh nhân thành đạt, uốn nắn những lệch lạc, sai phạm của kinh tế tư nhân. Định kỳ sơ kết, biểu dương, nhân rộng những điển hình tiên tiến; sớm có quy chế quản lý việc tổ chức xét, tôn vinh và trao giải thưởng doanh nghiệp, doanh nhân. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể nhân dân các cấp; phát động phong trào thi đua,

tiếp tục động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân, tạo môi trường thuận lợi về thể chế và tâm lý xã hội cho kinh tế tư nhân phát triển.

5. Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị toàn quốc về "Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW (khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân trong điều kiện hội nhập quốc tế" trong quý II-2010.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 307-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 2010

Về Đề án đổi mới công tác tiếp công dân

Tại phiên họp ngày 12-1-2010, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Thanh tra Chính phủ báo cáo về Đề án đổi mới công tác tiếp công dân (Tờ trình số 61/TT-BCSD-TTCTP, ngày 11-11-2009) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

Từ khi Ban Bí thư (khóa VI) có Thông báo số 164-TB/TW, ngày 23-9-1989 về việc tiếp công dân và bảo vệ Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước, nhất là từ khi Bộ Chính trị có "Thông báo Kết luận số 130-TB/TW, ngày 10-1-2008 về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới", công tác tiếp công dân đã đạt được những kết quả quan trọng:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các ngành, địa phương đã nhận thức đầy đủ hơn về trách nhiệm tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của mình. Nhiều đồng chí thủ trưởng bộ, ngành, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đã trực tiếp tiếp công dân theo quy định, từng bước khắc phục tình trạng khoán trắng cho một số cơ quan chuyên môn; tổ chức đối thoại, chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp ngay tại nơi phát sinh khiếu kiện; uốn nắn, chấn chỉnh những việc làm sai của cán bộ cấp dưới; hướng dẫn công dân thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nhiều nơi đã lập trụ sở, ban hành nội quy, quy chế về tiếp công dân, bố trí cán bộ có năng lực, trình độ làm nhiệm vụ tiếp công dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trụ sở; công tác tiếp công dân ở một số nơi đã đi vào nền nếp.

Hàng năm, Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các cấp, các ngành, địa phương đã tiếp, hướng dẫn hàng chục nghìn lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, trong đó có nhiều đoàn khiếu kiện đông người, phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

2. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên, công tác tiếp công dân của các cấp, các ngành và Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước còn một số hạn chế,

yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt, chưa gắn công tác tiếp dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nhiều nơi tổ chức tiếp công dân còn hình thức, giao cho cán bộ không đủ thẩm quyền thực hiện, có nơi còn biểu hiện thiếu tinh thần trách nhiệm, thái độ không đúng mực đối với người đến khiếu nại, tố cáo; tình trạng né tránh trách nhiệm, hướng dẫn công dân không đúng vẫn còn xảy ra nhiều; việc phối hợp giữa Trung ương và địa phương còn hạn chế; công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm về nhiệm vụ tiếp công dân chưa thật sự có hiệu quả; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân chưa được quan tâm đúng mức.

3. Những hạn chế, yếu kém trên có nhiều nguyên nhân nhưng trước hết là do một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác tiếp công dân; ở một số nơi, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm trách nhiệm của mình trong việc tổ chức tiếp công dân gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo, chưa tập trung giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo gay gắt, phức tạp, kéo dài thuộc thẩm quyền; một số quy định về tiếp công dân còn thiếu thống nhất, chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc chưa được quy định chi tiết và hướng dẫn đầy đủ; mô hình tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động của trụ sở tiếp công dân còn chưa được xác định rõ; đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ tiếp công dân nhiều nơi còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu, chế độ, chính sách còn bất cập, chưa

kip thời động viên sự sáng tạo, tâm huyết đối với cán bộ làm công tác tiếp dân.

II- MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ ĐỔI MỚI, CHẤN CHỈNH CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là phòng ngừa khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp và sự xúi giục của các thế lực thù địch gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng các bộ, ngành, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc và thủ trưởng các đoàn thể các cấp cần rút kinh nghiệm và thực hiện nghiêm Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 của Ban Bí thư về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay và thông báo Kết luận số 130-TB/TW, ngày 10-1-2008 của Bộ Chính trị về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay, trong thời gian tới cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp quan trọng sau đây:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với các cấp chính quyền, đoàn thể trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đồng chí phó bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp phải trực tiếp tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Ban thường vụ cấp ủy và thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp trên về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp phải trực tiếp tiếp công dân theo quy định của pháp luật; có kế hoạch củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, điều kiện làm việc, bố trí cán bộ có phẩm chất, năng lực, chuyên môn, có trách nhiệm làm công tác tiếp công dân; tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho những cơ quan làm nhiệm vụ này.

3. Thanh tra Chính phủ khẩn trương hoàn thiện Đề án đổi mới công tác tiếp công dân theo hướng nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân người đứng đầu đơn vị trong việc tiếp công dân từ địa phương, cơ sở gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường kiểm tra, thanh tra trách nhiệm, giám sát, đôn đốc việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế phối hợp hoạt động trong công tác tiếp công dân, bố trí tiếp công dân vừa tập trung ở Trung ương và ở địa phương, vừa tiếp công dân tại các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; tăng cường năng lực và điều kiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân ở Trung ương theo hướng tiếp công dân gắn với theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết khiếu nại, tố cáo; sớm kiện toàn về tổ chức, cán bộ và có chính sách chế độ đãi ngộ đặc thù đối với cán bộ làm nhiệm vụ tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thống nhất tên gọi ở Trung ương là trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước đặt tại Hà Nội (trụ sở chính) và Thành phố Hồ Chí Minh, do Thanh tra Chính phủ quản lý và chủ trì điều hoà, phối hợp; trụ sở tiếp công dân ở địa

phương do ủy ban nhân dân các cấp quản lý, giao văn phòng ủy ban nhân dân chủ trì điều hành.

4. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về khiếu nại, tố cáo; đẩy nhanh việc đánh giá, rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật có liên quan trực tiếp đến công tác tiếp công dân, trong đó có Nghị định 89/CP, ngày 7-8-1997 của Chính phủ, ban hành kèm theo Quy chế tổ chức tiếp công dân và pháp luật khiếu nại, tố cáo có liên quan.

5. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác hòa giải, giám sát các cơ quan tiếp công dân gắn với theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; chú trọng phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước những nội dung nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân.

6. Tăng cường công tác giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

7. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho nhân dân. Biểu dương những điển hình tốt, phê phán, xử lý nghiêm những việc làm trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân trong việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ Thông báo ý kiến này của Ban Bí thư, tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

- Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn chỉnh Đề án và tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp công dân; Ban Cán sự đảng Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông báo này, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 290-QĐ/TW, ngày 25 tháng 2 năm 2010

Về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân vận trong thời kỳ mới,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Điều 2. Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Quyết định này.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 290-QĐ/TW,
ngày 25-2-2010 của Bộ Chính trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta; là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng và củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Công tác dân vận là trách nhiệm của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị, của mọi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Điều 2. Quy chế này xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân và cơ chế, phương thức thực hiện công tác dân vận của các tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Điều 3. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả công tác dân vận; thường xuyên quán

triệt và thực hiện phong cách dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân".

Chương II

TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN

Mục I

TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 4. Bộ Chính trị, Ban Bí thư

1. Bộ Chính trị chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo toàn diện công tác dân vận trong hệ thống chính trị thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về lĩnh vực công tác dân vận.

2. Ban Bí thư trực tiếp chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận.

2.1. Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, trong từng nhiệm kỳ, căn cứ yêu cầu cụ thể, Ban Bí thư ban hành hoặc chuẩn bị cho Bộ Chính trị ban hành chủ trương và lãnh đạo Nhà nước, các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận.

2.2. Lãnh đạo, định hướng nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong từng thời kỳ. Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội.

2.3. Lãnh đạo về tổ chức, nhân sự; bố trí, giới thiệu cán bộ, đảng viên có năng lực phụ trách công tác dân vận, làm lãnh đạo chủ chốt của mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

2.4. Định kỳ sáu tháng, một năm và trong trường hợp cần thiết, nghe Ban Dân vận Trung ương, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan, tổ chức liên quan báo cáo tình hình nhân dân; chỉ đạo việc thực hiện công tác dân vận của hệ thống chính trị trong phạm vi cả nước và đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

2.5. Chỉ đạo kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác dân vận trong từng nhiệm kỳ.

Điều 5. Đảng đoàn Quốc hội

1. Quán triệt các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận đối với đại biểu Quốc hội.

2. Lãnh đạo Quốc hội thể chế hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận bằng pháp luật và xem xét cho ý kiến, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, bảo đảm đúng đường lối dân vận của Đảng trong các hoạt động của Quốc hội.

3. Cụ thể hóa các nội dung công tác dân vận của Đảng đối với đại biểu Quốc hội trong quá trình tiếp xúc cử tri tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

Điều 6. Ban Cán sự đảng Chính phủ

Lãnh đạo Chính phủ thể chế hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận bằng các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện.

Điều 7. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

1. Quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác dân vận. Trong nhiệm kỳ có nghị quyết chuyên đề, hằng năm có chương trình công tác dân vận; lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương, đơn vị phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác dân vận.

2. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở Trung ương định hướng hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở địa phương, đơn vị. Tạo điều kiện thuận lợi để mặt trận và các đoàn thể nhân dân phát huy vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân và thực hiện tốt vai trò phản biện xã hội theo quy định.

3. Thực hiện giao ban định kỳ giữa ban thường vụ, thường trực cấp ủy với chính quyền, thủ trưởng đơn vị (lực lượng vũ trang), Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân về công tác dân vận; thường xuyên lắng nghe ý kiến của mặt trận và các đoàn thể phản ánh với Đảng và Nhà nước về những vấn đề mà cán bộ, đoàn viên, hội viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân quan tâm; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc trong nhân dân.

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân làm tốt việc tham mưu cho cấp ủy và làm nòng cốt trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở địa phương xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vừa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vừa có kiến thức, kỹ năng về công tác dân vận.

5. Chỉ đạo các cấp ủy đảng phân công cấp ủy viên và đảng viên trực tiếp làm công tác dân vận tại nơi cư trú và nơi công tác.

6. Kiểm tra, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị về công tác dân vận của Đảng.

Điều 8. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành

1. Quán triệt sâu sắc, nắm vững và gương mẫu thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, mặt trận và đoàn thể mình bằng chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể.

2. Chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận và nhiệm vụ công tác dân vận của bộ, ngành, mặt trận và đoàn thể mình.

3. Có biện pháp thực hiện tốt công tác dân vận, ổn định tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức, quần chúng theo đặc thù, phạm vi của cơ quan, tổ chức mình.

Điều 9. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương

1. Phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tham mưu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách về công tác dân vận; chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định thuộc lĩnh vực công tác dân vận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Phối hợp với Ban Dân vận Trung ương và các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế của Đảng về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Chính trị quy định.

2.1. Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Dân vận Trung ương theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân, công tác dân vận của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; phối hợp chuẩn bị dự thảo các nghị quyết, chỉ thị về công tác dân vận.

2.2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định về biên chế cán bộ trong khối dân vận và hệ thống dân vận các cấp; xây dựng cơ chế, chính sách và công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, bổ nhiệm cán bộ dân vận.

2.3. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận; nắm tình hình nhân dân, dư luận xã hội;

chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên thường xuyên tuyên truyền về công tác dân vận; hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền, cổ vũ các điển hình tiên tiến về công tác dân vận.

2.4. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra, giám sát các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận và Quy chế này.

2.5. Ban Đối ngoại Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài; làm tốt công tác thông tin trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào.

2.6. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Dân vận Trung ương giảng dạy bộ môn công tác dân vận cho các lớp đại học chính trị chuyên ngành, cao cấp lý luận chính trị - hành chính, cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành xây dựng Đảng.

Điều 10. Ban Dân vận Trung ương

1. Tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận.

2. Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, đề xuất việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương về công tác dân vận của Đảng; chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định thuộc lĩnh vực công tác dân vận

của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và tổ chức sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết về công tác dân vận.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận đối với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

4. Tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước trong việc thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thẩm định các đề án về công tác dân vận của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân Trung ương trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tham gia thẩm định những đề án thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại có liên quan mật thiết đến công tác dân vận.

5. Tham gia công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ trong khối cơ quan dân vận Trung ương và ban dân vận của các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương.

6. Định kỳ sáu tháng tổ chức giao ban công tác dân vận trong khối dân vận Trung ương và ban dân vận các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Mục II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 11. Trách nhiệm của Quốc hội

1. Thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận thành văn bản pháp luật và chính sách của Nhà nước.

2. Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tầng lớp nhân dân đối với các dự án luật, dự án pháp lệnh theo quy định của pháp luật, nhất là những vấn đề có liên quan đến lợi ích, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và của công dân phải được tập hợp, nghiên cứu, tiếp thu; bảo đảm các chủ trương, quyết sách hợp lòng dân.

3. Quy định đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp có kế hoạch cụ thể, thiết thực tìm hiểu các hoạt động của đời sống xã hội ở địa phương, nắm bắt tình hình thực tiễn và tâm tư, nguyện vọng của cử tri.

4. Tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, theo dõi các cơ quan có trách nhiệm giải quyết những yêu cầu chính đáng của cử tri và nhân dân.

5. Phát huy vai trò tư vấn, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, quyết định các chương trình kinh tế, xã hội và các vấn đề lớn của đất nước theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Cụ thể hóa chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận thành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo các bộ, ngành, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện.

2. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ

dân đối với các cơ quan và công chức nhà nước. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tiêu cực, những nhiều, gây phiền hà cho dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân trong thi hành công vụ.

3. Chỉ đạo, kiểm tra các bộ, ngành, các cấp chính quyền ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác dân vận; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác dân vận của chính quyền các cấp.

4. Ban hành cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân tham gia quản lý nhà nước; giám sát cán bộ, công chức thực thi pháp luật và hoạt động của cơ quan chính quyền các cấp.

Định kỳ hằng năm, Chính phủ có chương trình làm việc với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong quần chúng nhân dân.

5. Bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

6. Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, phát thanh, truyền hình thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; phản ánh, nêu gương điển hình tập thể và cá nhân thực hiện công tác dân vận của chính quyền các cấp.

Điều 13. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1. Có kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện các chủ trương,

nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận trong hệ thống bộ, ngành mình.

2. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính; nâng cao năng lực quản lý nhà nước, sửa đổi lề lối làm việc theo hướng dân chủ hóa và công khai hóa, chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí.

3. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành; việc tham mưu, đề xuất cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, các quyết định hành chính phải nhằm mục đích phục vụ nhân dân, hợp lòng dân.

4. Thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành. Giáo dục cán bộ, công chức nghiêm chỉnh thực hiện đạo đức công vụ, nêu cao ý thức, trách nhiệm phục vụ nhân dân. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh những hành vi sách nhiễu, xâm phạm lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của nhân dân đối với cán bộ, công chức do mình trực tiếp quản lý.

5. Phối hợp với các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong thực hiện công tác dân vận. Phối hợp với ban dân vận của đảng ủy cơ quan bộ, ngành thực hiện các nội dung quy định về công tác dân vận theo Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp

1. Giáo dục cán bộ, công chức trong các cơ quan tư pháp gương mẫu chấp hành pháp luật. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân.

2. Tiếp tục thực hiện cải cách tư pháp, thực hiện tranh tụng tại phiên tòa theo luật định, bảo đảm công tác điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để oan sai, để lọt tội phạm.

3. Bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tố tụng. Bồi thường danh dự và quyền lợi vật chất cho công dân trong trường hợp bị oan sai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của lực lượng vũ trang

1. Tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2. Tham gia xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; góp phần đảm bảo giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

3. Thường xuyên tiến hành công tác dân vận, giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo và các chính sách xã hội; củng cố, tăng cường tình đoàn kết quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

4. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

5. Phối hợp với ban dân vận của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân cùng cấp và các cơ quan liên quan làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền về công tác dân vận trên địa bàn đóng quân.

Điều 16. Trách nhiệm của chính quyền các cấp

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận. Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính; công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách; các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; các khoản thu, chi từ ngân sách và các nguồn khác; thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ; nghiêm túc tiếp thu ý kiến phê bình, góp ý của nhân dân về công tác quản lý, điều hành, về thái độ và phong cách làm việc của cán bộ, công chức; giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo và những vấn đề bức xúc của nhân dân.

4. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận. Phối hợp với ban dân vận của cấp ủy cùng cấp chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận của chính quyền.

5. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Tổ chức lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc,

các đoàn thể và nhân dân tham gia xây dựng các chính sách, quy hoạch và những chương trình, dự án lớn của địa phương. Thường xuyên lắng nghe và giải quyết kịp thời ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể phản ánh, kiến nghị với chính quyền những vấn đề mà nhân dân quan tâm.

Định kỳ sáu tháng, một năm, chính quyền có chương trình làm việc với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cùng cấp.

6. Ban hành các quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức chính quyền trong thi hành công vụ, tiếp xúc, giải quyết công việc với dân có thái độ chân thành, tôn trọng dân, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân; gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân trong thi hành công vụ.

7. Bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, quan tâm giải quyết chính sách cán bộ của khối dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Mục III

TRÁCH NHIỆM CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Điều 17. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tạo ra sự đồng thuận xã hội.

2. Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước.

3. Thực hiện tốt vai trò dân chủ đại diện và phản biện xã hội, vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; tham gia giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Chủ động phối hợp với chính quyền và các ngành để tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; triển khai thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và ở các loại hình khác.

5. Thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các dự án luật, dự án pháp lệnh theo quy định của pháp luật. Tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân, của các tổ chức thành viên mặt trận để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước về những vấn đề nhân dân quan tâm và có trách nhiệm thông tin cho nhân dân biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

6. Phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp hiệp thương giới thiệu nhân sự và vận động nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm dân chủ, đúng luật định.

7. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan vận động các tổ chức và người Việt Nam ở nước ngoài phát huy tinh

thần yêu nước, hướng về Tổ quốc, đóng góp tài năng, trí tuệ, vốn, kinh nghiệm quản lý vào công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, góp phần làm tốt công tác đối ngoại nhân dân.

Điều 18. Các đoàn thể nhân dân

1. Đoàn kết, tập hợp quần chúng trong tổ chức; làm tốt vai trò người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tham gia với Đảng, Nhà nước trong việc xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; tham gia cùng với Mặt trận Tổ quốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và phản biện xã hội theo quy định.

3. Phát động và duy trì các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế - xã hội, góp phần củng cố và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, đơn vị.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống tổ chức của mình phối hợp chặt chẽ với các ban xây dựng Đảng, cơ quan, chính quyền, lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận.

5. Tập hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và có trách nhiệm thông tin cho đoàn viên, hội viên biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

Chương III

**PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG
CÔNG TÁC DÂN VẬN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO**

Điều 19. Việc ban hành các chủ trương, nghị quyết, quyết định về công tác dân vận và những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi trực tiếp của nhân dân

1. Những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận và có liên quan đến quyền, lợi ích của các tầng lớp nhân dân phải được lấy ý kiến tham gia của ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trước khi ban hành thực hiện.

2. Trường hợp cụ thể, các chủ trương, nghị quyết, quyết định có tính chất hệ trọng, liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của đông đảo công dân được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến tham gia của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

3. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, đại diện các hội quần chúng có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến; đồng thời, tuyên truyền, vận động để các tầng lớp nhân dân hiểu rõ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến với Đảng, Nhà nước về những vấn đề được lấy ý kiến.

4. Ban dân vận cấp ủy các cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổng hợp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, của nhân dân, báo cáo cấp ủy cùng cấp.

Điều 20. Việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách, các quyết định hành chính có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân

1. Các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện cần chủ động phối hợp với ban dân vận của cấp ủy để phổ biến, triển khai tới Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; mặt trận và các đoàn thể làm nòng cốt vận động nhân dân thực hiện.

2. Các cơ quan hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, quyết định hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân cho ban dân vận của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để có cơ sở tham mưu cho cấp ủy và phối hợp vận động quần chúng nhân dân thực hiện.

Điều 21. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri

1. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Chính quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri cho ban dân vận, ủy ban kiểm tra của cấp ủy, mặt trận và các đoàn thể nhân dân cùng cấp để phối hợp giải quyết, nhất là khi có khiếu nại, tố cáo đông người. Kết quả giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân, ý kiến, kiến nghị của cử tri phải được trả lời cho công dân hoặc cử tri và thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân, cử tri biết.

3. Trường hợp vụ việc phức tạp, khi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã đúng các quy định của pháp luật thì ban dân vận của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp với chính quyền để vận động, thuyết phục quần chúng thực hiện quyết định đó; khi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đúng với các quy định của pháp luật thì ban dân vận của cấp ủy đề nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 22. Việc phối hợp giải quyết tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

1. Khi xảy ra tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội thì cơ quan chính quyền phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy đảng; đồng thời phối hợp với các ngành chức năng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giải quyết theo thẩm quyền để sớm ổn định tình hình.

2. Trong trường hợp quá phức tạp, nghiêm trọng hoặc vượt quá thẩm quyền, cần kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền cấp trên. Khi có đề nghị của cấp ủy, chính quyền cấp dưới trực tiếp hoặc xét thấy cần thiết, cấp ủy, chính quyền cấp trên thành lập đoàn công tác giúp địa phương giải quyết.

3. Việc cử cán bộ của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia giải quyết tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội phải có sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất của cấp ủy đảng và theo yêu cầu cụ thể của công việc mà phân công cán bộ hợp lý.

4. Đối với những trường hợp lợi dụng dân chủ, kích động quần chúng gây rối làm mất trật tự trị an thì cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các cơ quan chức năng xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Điều 23. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, lực lượng vũ trang địa phương báo cáo kết quả công tác dân vận với cấp ủy cùng cấp, đồng gửi ban dân vận của cấp ủy để tổng hợp, theo dõi.

2. Định kỳ hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm, cấp ủy cấp dưới báo cáo tình hình nhân dân và công tác dân vận cho cấp ủy cấp trên, đồng gửi ban dân vận của cấp ủy cấp trên để tổng hợp, theo dõi.

3. Các cơ quan trong hệ thống dân vận các cấp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo chỉ đạo, hướng dẫn của ban dân vận cấp ủy cấp trên trực tiếp.

4. Những trường hợp đột xuất, cần thiết liên quan đến tình hình nhân dân, các cấp, ngành hữu quan trực tiếp báo cáo với thường trực cấp ủy; ban dân vận cấp ủy được tham dự để tổng hợp, theo dõi, tham mưu cho cấp ủy.

Chương IV

VỀ PHÂN CÔNG CÁN BỘ TRỰC TIẾP PHỤ TRÁCH CÔNG TÁC DÂN VẬN

Điều 24. Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công một đồng chí phụ trách công tác dân vận của Đảng và Khối các cơ quan dân vận trong hệ thống chính trị.

Điều 25. Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

Điều 26. Các tỉnh ủy, thành ủy, huyện, thị ủy và tương đương phân công một đồng chí ủy viên ban thường vụ phụ trách công tác dân vận và trực tiếp làm trưởng ban dân vận. Cấp ủy cơ sở (xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp) phân công một đồng chí phó bí thư phụ trách công tác dân vận.

Điều 27. Chính quyền các cấp phân công đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân phụ trách công tác dân vận của chính quyền và chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về quy chế dân chủ ở cơ sở. Các cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền các cấp phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

Điều 28. Trách nhiệm và quyền hạn của cấp ủy viên, thành viên các cơ quan, tổ chức được phân công phụ trách công tác dân vận:

1. Chịu trách nhiệm trước cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, cơ quan, đơn vị về công tác dân vận.

2. Xây dựng chương trình công tác, có chế độ định kỳ sinh hoạt, tiếp xúc, đối thoại với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân của ngành, cơ quan, tổ chức và địa phương được phân công phụ trách ít nhất mỗi quý một lần; thường xuyên lắng nghe ý kiến của cấp dưới, mặt trận và các đoàn thể, của đảng viên và nhân dân; thường xuyên nghiên cứu, cập nhật kiến thức về công tác dân vận.

3. Được mời tham dự các lớp tập huấn về công tác dân vận do ban dân vận cấp ủy tổ chức; được ban dân vận cấp ủy,

mặt trận và các đoàn thể nhân dân cung cấp các tài liệu, thông tin, báo cáo về công tác dân vận.

Điều 29. Mỗi đảng viên phải thực hiện tốt nhiệm vụ công tác quần chúng theo điểm 3, Điều 2 Điều lệ Đảng; định kỳ hàng tháng báo cáo với chi ủy, chi bộ về tâm tư, nguyện vọng, ý kiến của nhân dân nơi cư trú và nơi làm việc.

Điều 30. Kịch toàn cơ cấu tổ chức, cán bộ của hệ thống dân vận các cấp, bảo đảm thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

1. Ban tổ chức chủ trì, phối hợp thống nhất với ban dân vận của cấp ủy cùng cấp trong việc tham mưu với cấp ủy về công tác tổ chức, cán bộ của hệ thống dân vận phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn.

2. Cán bộ làm công tác dân vận chuyên trách, đặc biệt là cán bộ chủ chốt các cấp, ngoài tiêu chuẩn chung phải được đào tạo, am hiểu và có kỹ năng làm công tác vận động quần chúng, phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín và tác phong quần chúng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 32. Căn cứ Quy chế này, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc xây dựng hoặc bổ sung, hoàn thiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị của địa phương, đơn vị mình và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Điều 33. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban xây dựng Đảng của Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Điều 34. Hàng năm, các tổ chức trong hệ thống chính trị kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; nghiêm khắc phê bình, kỷ luật những tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, có vi phạm trong công tác dân vận.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 65-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2010

Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương về Tổng kết Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Bí thư Trung ương Đảng kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ

1. Những kết quả đạt được

Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp đã có nhiều biện pháp chỉ đạo, triển khai sâu rộng, làm chuyển biến tích cực về nhận thức, quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Quốc hội, Chính phủ đã thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp quy về thực hiện Quy chế dân chủ cho một số loại hình cơ sở. Các cơ quan, đơn vị, cơ sở đã tích cực xây dựng quy chế, quy định; thôn, ấp, bản, làng, tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước thực hiện dân chủ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thực hiện Quy chế dân chủ được gắn với phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", các phong trào, các hoạt động văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở. Nhân dân đồng tình hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả. Dân chủ và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhất là dân chủ trực tiếp của nhân dân tiếp tục được coi trọng, tăng cường.

Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức theo hướng sát dân, trọng dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân; góp phần quan trọng trong phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tăng cường đoàn kết, đồng thuận xã hội, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; chống lại các âm mưu lợi dụng dân chủ, dân tộc, tôn giáo phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đạt được những kết quả trên là do chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là đúng đắn, hợp lòng dân, đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện; ban hành các văn bản pháp quy để quy định và hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình, các lĩnh vực hoạt động ở cơ sở; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết, chỉ đạo kịp thời. Hệ thống chính sách, pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đảng, nhà nước tiếp tục được rà soát, bổ sung, hoàn thiện. Ban chỉ đạo ở các cấp được chú ý kiện toàn, hoạt động thường xuyên. Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân ở các cấp đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Khuyết điểm, hạn chế

Nhìn chung, việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai tích cực ở loại hình xã, phường, thị trấn; các loại hình cơ sở khác kết quả còn hạn chế.

Việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy ước, hương ước không ít nơi còn hình thức, chất lượng chưa cao, chưa thành nền nếp. Một số xã, phường, thị trấn chưa làm tốt việc công khai, dân chủ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá cả đền bù khi chuyển mục đích sử dụng đất, chính sách tái định cư. Không ít cơ quan thiếu công khai, dân chủ về quản lý thu, chi tài chính công, nâng lương, quy hoạch đào tạo, đề bạt cán bộ. Phần lớn các doanh nghiệp tư nhân, cơ sở dịch vụ ngoài công lập và một số doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ

phần, công ty trách nhiệm hữu hạn chưa xây dựng, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thiếu công khai, dân chủ về sản xuất, kinh doanh, tiền lương, tiền thưởng và thực hiện chế độ bảo hiểm đối với người lao động.

Một số nơi nội bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền mất đoàn kết; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa được ngăn chặn kịp thời; tình hình khiếu kiện của nông dân, đình công, bãi công của công nhân diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến lòng tin của nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm trên là do: Nhận thức về dân chủ và trách nhiệm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức chưa đầy đủ, phong cách làm việc quan liêu, mất dân chủ, thiếu tôn trọng dân còn khá phổ biến trong cán bộ các cấp, các ngành.

Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, của người đứng đầu chưa đầy đủ; không ít nơi chưa có ban chỉ đạo, chưa có người theo dõi kiểm tra, sơ kết, tổng kết, chỉ đạo thường xuyên; việc hướng dẫn, kiểm tra theo hệ thống ngành dọc chưa được coi trọng.

Việc rà soát, ban hành, bổ sung chính sách, cơ chế chưa đồng bộ, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu cuộc sống đặt ra. Nhất là những chính sách có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân như: Giá đền bù đất khi giải phóng mặt bằng, tái định cư, tiền lương, bảo hiểm xã hội, nhà ở của công nhân các khu công nghiệp... Một số văn bản pháp quy quy định về quy chế dân chủ cho một số loại hình, một số

lĩnh vực còn thiếu, chưa kịp thời, chưa sát với thực tế, chậm được rà soát, bổ sung.

Mặt trận, các đoàn thể nhân dân một số nơi chậm đổi mới phương thức hoạt động, còn có xu hướng hành chính hoá; chưa thực sự đại diện cho quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân; chưa tích cực tuyên truyền, vận động, tổ chức cho nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

II- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH VÀ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHỈ THỊ SỐ 30-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (KHÓA VIII) VỀ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Tiếp tục quán triệt, không ngừng nâng cao nhận thức; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội; của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về những quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy quyền làm chủ và mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở.

2. Tăng cường việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong các quy định của pháp luật, chính sách cụ thể. Tổng kết, rà soát, bổ sung các văn bản đã ban hành; sớm nghiên cứu, ban hành pháp lệnh về xây dựng và thực hiện dân chủ cho các loại hình doanh nghiệp. Các cơ sở, các loại hình cần rà soát, bổ sung, xây dựng quy chế thực hiện dân chủ (xây dựng thành quy định, nguyên tắc, quy trình thực hiện dân chủ) trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể của địa phương, đơn vị mình, nhất

là các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân.

3. Gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; cải cách hành chính; Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; các phong trào thi đua yêu nước nhằm tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các tệ nạn, tiêu cực ở cơ sở; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch kích động, chống đối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị, trật tự xã hội.

5. Phát huy vai trò của ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các cấp, các ngành trong việc hướng dẫn, đôn đốc, tham mưu cho cấp ủy kiểm tra, chỉ đạo thường xuyên; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn; coi trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện cán bộ, công chức về ý thức, trách nhiệm, phong cách, năng lực thực hiện dân chủ ở cơ sở và dân chủ với nhân dân.

6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng; trách nhiệm của chính quyền, của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ; tiếp tục chỉ đạo cụ thể hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở cơ sở. Phát huy vai trò của mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên

truyền và giám sát việc thực hiện; vận động nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật ở cơ sở.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ nội dung Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng để cụ thể hóa thành chương trình công tác của cấp ủy, chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc quán triệt, tổ chức thực hiện Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng sớm nghiên cứu, ban hành pháp lệnh về thực hiện dân chủ trong hoạt động của các loại hình doanh nghiệp; chỉ đạo các cơ quan liên quan của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, các đoàn đại biểu Quốc hội tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của các địa phương, đơn vị.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc tổng kết các nghị định của Chính phủ đã ban hành về quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp quy về xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở, các lĩnh vực hoạt động xã hội; nhất là những loại hình, lĩnh vực hoạt động ở cơ sở thực hiện Quy chế dân chủ còn yếu, như trong hoạt động nghiên cứu khoa học, các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ ngoài công lập, các doanh nghiệp tư nhân...

- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan ban hành văn bản

hướng dẫn, kiểm tra, tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo hệ thống ngành dọc.

- Giao Ban Dân vận Trung ương và Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Kết luận này.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương định kỳ báo cáo kết quả việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị và Kết luận này về Ban Bí thư Trung ương Đảng qua Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trung ương; định kỳ 3 năm sơ kết, 5 năm tổng kết một lần.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 66-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2010

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Sau khi có Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, các cấp ủy đảng đã có nhiều biện pháp tích cực lãnh đạo, triển khai thực hiện, sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống, tạo được sự chuyển biến quan trọng về nhận thức

và trách nhiệm của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác cựu chiến binh.

Quán triệt các quan điểm của Đảng nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Cựu chiến binh Việt Nam ngày 18-10-2005; Chính phủ ban hành Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12-12-2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh cựu chiến binh; ban hành chính sách đối với quân nhân tham gia chống Pháp, chống Mỹ chưa được hưởng chế độ, tạo điều kiện pháp lý cho hoạt động của Hội Cựu chiến binh, kịp thời động viên, phát huy được vai trò của cựu chiến binh trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã có bước phát triển vững chắc, hoạt động có hiệu quả, nhất là trong việc thực hiện nhiệm vụ tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ chế độ, góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở; hoạt động tình nghĩa, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống; tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tội phạm và các tệ nạn xã hội; giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; vận động, tập hợp, phát huy vai trò tích cực của cựu quân nhân ở cơ sở; tham gia công tác đối ngoại nhân dân...

Hội Cựu chiến binh Việt Nam tiếp tục khẳng định là một đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động có hiệu quả, được cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân tin tưởng, ghi nhận và đánh giá cao; nhất là việc tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở và hòa giải trong nhân dân.

Tuy nhiên, trong thực hiện Nghị quyết còn bộc lộ một số hạn chế, khuyết điểm cần khắc phục, đó là:

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, một số ít cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm của Đảng về cựu chiến binh và công tác cựu chiến binh, chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thường xuyên việc triển khai thực hiện Nghị quyết nên kết quả còn hạn chế.

Sự phối hợp của một số cơ quan chức năng trong hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh chưa chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, có mặt chưa phù hợp với thực tiễn; một số nơi triển khai chậm, chưa thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh.

- Hội Cựu chiến binh một số nơi quán triệt chưa sâu sắc chức năng, nhiệm vụ của hội nên thiếu tích cực, chủ động trong việc tham mưu với cấp ủy đảng, phối hợp với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể. Tổ chức và hoạt động của Hội Cựu chiến binh chưa được rộng khắp trong các cơ quan, doanh nghiệp, chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; còn một số ít cựu chiến binh thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không giữ vững và phát huy được bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" trong tình hình mới.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) và Kết luận này

của Ban Bí thư (khóa X), tạo sự thống nhất về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên đối với công tác cựu chiến binh và hoạt động của Hội Cựu chiến binh Việt Nam; thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ mà Nghị quyết đã nêu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của cựu chiến binh trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân... góp phần bảo đảm sự đồng thuận xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

3. Các cấp ủy đảng chỉ đạo hội cựu chiến binh cùng cấp chủ động xây dựng mối quan hệ phối hợp công tác với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp, liên kết, liên tịch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của hội; xác định rõ trách nhiệm, cơ quan chủ trì; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả.

4. Kết hợp chặt chẽ việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) với Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", động viên cựu chiến binh nỗ lực rèn luyện, phấn đấu, giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" trong tình hình mới.

5. Chăm lo xây dựng tổ chức Hội Cựu chiến binh trong sạch, vững mạnh; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động. Chú trọng tới các cơ sở ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, các đơn vị sự nghiệp và các loại hình doanh nghiệp đang còn lúng túng trong tổ chức và hoạt động. Tích cực tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ và nhân dân.

6. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân của Hội Cựu chiến binh Việt Nam, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ mới.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương, Ban Cán sự đảng Chính phủ, các bộ, ban, ngành, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh căn cứ nội dung Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng để triển khai tổ chức thực hiện.

2. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ban, ngành chức năng tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12-12-2006 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh cựu chiến binh để bổ sung, điều chỉnh chính sách và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh thực sự đi vào cuộc sống.

3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn cụ thể về tổ chức, biên chế ở các cấp hội cho phù hợp; cơ cấu nhân sự tham gia cấp ủy cơ sở; tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ; chế độ tiền lương, phụ

cấp của cán bộ quân đội đã nghỉ hưu tham gia công tác hội các cấp cho phù hợp với đặc thù của Hội Cựu chiến binh và Luật cán bộ, công chức.

4. Hội Cựu chiến binh chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động cựu chiến binh tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) và nội dung Kết luận này của Ban Bí thư (khóa X), xây dựng thành chương trình, kế hoạch hoạt động ở từng cấp.

Hội Cựu chiến binh chủ trì, phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành chức năng cùng cấp làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền để tập hợp những người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương, đơn vị sinh hoạt trong các câu lạc bộ cựu quân nhân ở cơ sở. Chính quyền địa phương, đơn vị tạo điều kiện thuận lợi để các câu lạc bộ cựu quân nhân ở cơ sở hoạt động có hiệu quả.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận, hằng năm, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư; định kỳ 3 năm tiến hành sơ kết và sau 5 năm tổ chức tổng kết trên phạm vi toàn quốc.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 308-TB/TW, ngày 5 tháng 3 năm 2010

Về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2009

Ngày 27-1-2010, sau khi nghe Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư báo cáo kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực: chi tiêu mua sắm tài sản, sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức các đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài; việc tiếp nhận, quản lý, phân bổ nguồn tiền ủng hộ khắc phục hậu quả thiên tai, người nghèo và các hoạt động từ thiện khác; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009 và ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Kết quả thực hiện Chương trình kiểm tra của Ban Bí thư

Năm 2009, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt các nghị

quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đã gắn việc thực hiện Chương trình kiểm tra với Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong mua sắm tài sản ở các địa phương, đơn vị cơ bản thực hiện đúng quy định; việc tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài được cấp ủy quan tâm chỉ đạo, việc quản lý, sử dụng kinh phí cho các đoàn đi công tác nước ngoài đảm bảo đúng quy định, phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của các địa phương, đơn vị; công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài nguyên khoáng sản đã thực hiện theo quy định của pháp luật và từng bước đi vào nề nếp trong các khâu điều tra, thăm dò, quy hoạch khai thác, cấp phép và chế biến; Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Vận động "Ngày vì người nghèo" Trung ương và các cấp ở địa phương đã có nhiều cố gắng trong tổ chức triển khai các đợt vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ tiền, hàng cứu trợ cho nhân dân và các địa phương bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng gây ra, ủng hộ người nghèo. Các nguồn quỹ trên đã góp phần giúp đỡ đồng bào nơi gặp thiên tai và các hộ nghèo sớm ổn định sản xuất và đời sống.

Tuy nhiên, việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2009 còn những hạn chế như:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn có cấp ủy, tổ chức đảng chưa tích cực, chủ động, nên nhận thức của cán

bộ, đảng viên về tiết kiệm, chống lãng phí chưa sâu sắc, đầy đủ. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chậm ban hành văn bản chỉ đạo, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số lĩnh vực để tổ chức thực hiện.

- Việc triển khai thực hiện Chương trình kiểm tra của Ban Bí thư ở một số địa phương, đơn vị chưa nghiêm túc, chất lượng một số cuộc tự kiểm tra còn hạn chế, một số ít còn mang tính hình thức.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng, việc lập dự toán ngân sách để mua sắm tài sản hàng năm chưa sát với nhu cầu thực tế, phải điều chỉnh, bổ sung, dẫn đến thiếu chủ động trong triển khai thực hiện. Còn vi phạm Quy chế đầu thầu; sử dụng kinh phí sai mục đích, không đúng nguồn; mua tài sản không đúng xuất xứ, thanh toán vượt giá trị, không đúng thủ tục... Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài có nơi vượt dự toán hàng tỉ đồng hoặc chi không đúng quy định, một số địa phương sử dụng cả quỹ dự phòng để chi. Công tác quản lý cán bộ, công chức đi ra nước ngoài của một số cấp ủy, tổ chức đảng thiếu chặt chẽ, nhất là số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đi du lịch, việc riêng, do các doanh nghiệp trong và ngoài nước mời. Việc vi phạm chế độ báo cáo kết quả sau khi kết thúc đợt công tác ở nước ngoài còn khá phổ biến.

- Một số đơn vị, địa phương chưa thường xuyên kiểm tra, thanh tra để phát hiện, chấn chỉnh kịp thời việc quản lý, sử dụng các quỹ nên dễ xảy ra vi phạm, nhất là để tồn quỹ lượng tiền lớn, gây lãng phí. Còn để xảy ra một số sai sót, khuyết điểm trong quản lý, sử dụng quỹ; tình trạng thiếu

công bằng trong sử dụng quỹ cứu trợ còn xảy ra. Hiện tượng nêu danh trong các đợt ủng hộ nhưng chậm hoặc chưa gửi tiền vào quỹ với số lượng lớn vẫn còn. Chậm ban hành các quy định quản lý quỹ nhằm đưa công tác quản lý, sử dụng quỹ đi vào nền nếp và hiệu quả.

- Công tác quản lý nhà nước trong hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản có nơi còn buông lỏng; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên dẫn đến tình trạng vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác khoáng sản ở một số địa phương, đơn vị còn khá phổ biến, kéo dài, nhưng việc chỉ đạo xử lý chưa kịp thời, triệt để, hiệu quả chưa cao.

Các khuyết điểm trên đã để lại hậu quả xấu, gây thất thoát, lãng phí về tiền vốn và tài sản của Nhà nước, làm tha hóa, biến chất một bộ phận cán bộ, đảng viên; làm ảnh hưởng lòng tin của nhân dân với một số hoạt động của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể.

2. Nhiệm vụ công tác kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian tới

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2010, tạo chuyển biến tiến bộ mới về công tác này, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

2.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục làm tốt việc tuyên truyền, quán triệt quan điểm, mục tiêu về kiểm tra thực

hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian tới là: Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tạo chuyển biến rõ rệt, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin trong Đảng và trong nhân dân, xây dựng Đảng, bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính.

2.2. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, trước hết là người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đề ra. Xác định đây là việc làm thường xuyên, là một trong những nhiệm vụ trọng yếu trong công tác xây dựng Đảng. Về nội dung kiểm tra, cần mở rộng hơn đối với một số lĩnh vực đã kiểm tra. Phải xử lý dứt điểm những khuyết điểm, vi phạm đã được phát hiện, kết luận qua các cuộc kiểm tra và giám sát việc thực hiện. Qua kiểm tra, giám sát, biểu dương những địa phương, đơn vị làm tốt, xử lý nghiêm minh, kịp thời những tổ chức, cá nhân vi phạm; đồng thời đề xuất bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện những cơ chế, chính sách không còn phù hợp.

2.3. Đề cao việc tự kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, qua đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với

công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và chương trình hành động của Chính phủ về công tác này. Thực hiện tốt Cuộc vận động: "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" về cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, tạo nên phong trào tự tu dưỡng, rèn luyện trong cán bộ, đảng viên, công chức.

2.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng nâng cao tính minh bạch, công khai, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; tăng cường thực hiện cơ chế khoán, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan hành chính, sự nghiệp, xóa bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà, sách nhiễu đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công dân. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế công khai hóa trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các chế độ, chính sách, để các tổ chức, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng và nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện.

2.5. Nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của các cấp ủy và tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, coi đó là một tiêu chí để đánh giá, xem xét, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức và trong xem xét thi đua, khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức.

2.6. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc đưa tin, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tổ chức thực hiện

Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ Thông báo kết luận này của Ban Bí thư cụ thể hoá thành chương trình kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương, đơn vị mình, tạo sự chuyển biến tích cực trong thời gian tới.

Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan hữu quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông báo này, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 310-TB/TW, ngày 8 tháng 3 năm 2010

Về chế độ thông tin đối với các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng

Tại phiên họp ngày 2-3-2010, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo Tờ trình về chế độ thông tin đối với các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng (số 77-TTr/VPTW, ngày 2-3-2010), Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

- Đồng ý với đề xuất của Văn phòng Trung ương Đảng về việc cung cấp thông tin đối với các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng các khóa. Cụ thể là các tài liệu:

- Các văn kiện (được in thành sách) của Đại hội Đảng toàn quốc và các hội nghị Trung ương.

+ Báo Nhân Dân (bao gồm cả ấn phẩm Thời nay).

+ Tin tham khảo của Thông tấn xã Việt Nam.

+ Tạp chí Cộng sản.

+ Các thông tin chuyên đề, tài liệu tham khảo của Văn phòng Trung ương Đảng gửi các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

- Giao Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện việc gửi tài liệu về nhà riêng các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng từ ngày 1-4-2010.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 311-TB/TW, ngày 8 tháng 3 năm 2010

Về việc xây dựng đền thờ các cụ thân sinh
của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong phiên họp ngày 2-3-2010, sau khi nghe đại diện Tỉnh ủy Nghệ An báo cáo về việc xây dựng đền thờ bà Hoàng Thị Loan, thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh (Công văn số 2346-CV/TU, ngày 30-10-2009); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương xây dựng đền thờ ông Nguyễn Sinh Sắc, bà Hoàng Thị Loan (song thân) và các anh chị em ruột của Bác Hồ trong khu vực mộ bà Hoàng Thị Loan, tỉnh Nghệ An. Đây là công trình quan trọng, tri ân công lao to lớn đối với các cụ thân sinh và anh chị em ruột của Bác Hồ phù hợp với đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc ta.

2. Tỉnh ủy Nghệ An chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan hữu quan nghiên cứu, lập dự án xây dựng đền thờ, xác định tên gọi đền thờ, lựa chọn địa điểm, kiến trúc, cách sắp xếp việc thờ người thân của

Bác... trong đền thờ cho phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc ta, xứng tầm với vị thế của Bác và gia đình Bác. Nội dung dự án xây dựng đền thờ cần xin ý kiến các nhà khoa học, người thân trong dòng họ Bác Hồ và nhân dân địa phương.

3. Đền thờ được xây dựng tôn nghiêm, trang trọng; lựa chọn thời điểm khởi công, khánh thành đền thờ vào dịp thích hợp, có ý nghĩa, không vì thúc ép thời gian phải hoàn thành vào dịp kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Bác Hồ. Kinh phí xây dựng đền thờ lấy từ ngân sách nhà nước; việc huy động nguồn lực xã hội cho xây dựng đền thờ này cần xem xét cho phù hợp, có ý nghĩa.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 312-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2010

**Về luân chuyển cán bộ lãnh đạo,
quản lý các ngành, các cấp về làm công tác
kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo
ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác
ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng,
tạo nguồn cán bộ kiểm tra**

Ngày 29-12-2009, sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Đề án "Luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra" (Tờ trình số 190-TTr/UBKTTW, ngày 26-11-2009), ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

I- Thời gian qua, việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ

đã bước đầu được cấp ủy, ủy ban kiểm tra, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở từng địa phương, đơn vị.

Tuy nhiên, kết quả việc thực hiện luân chuyển còn hạn chế; số lượng cán bộ thực tế được luân chuyển còn ít, chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Một số cấp ủy chưa có kế hoạch và thực hiện việc luân chuyển cán bộ. Chưa có cơ chế, chính sách đãi ngộ thích hợp đối với cán bộ được luân chuyển.

II- Nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), các cấp ủy, tổ chức đảng cần tăng cường thực hiện công tác luân chuyển cán bộ theo những nguyên tắc và yêu cầu sau:

1. Nguyên tắc

- Tiến hành việc luân chuyển một cách thận trọng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa luân chuyển với ổn định và xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn sâu; vừa coi trọng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác, vừa bảo đảm mục đích bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận. Trong quá trình luân chuyển, đối với các chức danh phải qua bầu cử thì thực hiện theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

- Luân chuyển được thực hiện từ cấp trên xuống cấp dưới, từ cấp dưới lên cấp trên và ngang cấp. Cán bộ luân chuyển được giữ chức vụ tương đương hoặc cao hơn chức vụ trước khi luân chuyển.

- Cán bộ được luân chuyển phải có đủ tiêu chuẩn, có triển vọng phát triển, trong nguồn quy hoạch; phải chấp hành nghiêm quyết định của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Không luân chuyển cán bộ bị kỷ luật, uy tín giảm sút, không bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực.

- Thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình luân chuyển cán bộ theo quy định và hướng dẫn chung của Trung ương về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Chú ý làm tốt công tác tư tưởng để cán bộ được luân chuyển thông suốt, thống nhất về nhận thức để tự giác, quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ mới.

2. Yêu cầu

- Chuẩn bị kỹ kế hoạch và lộ trình thực hiện; chuẩn bị tốt các công việc cần thiết đối với nơi cán bộ đi và nơi cán bộ đến công tác, bảo đảm chất lượng, mục tiêu, yêu cầu; không làm ô ạt, tràn lan, chạy theo số lượng.

- Đảm bảo điều kiện cần thiết về mọi mặt để cán bộ luân chuyển yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ, được cống hiến, rèn luyện để trưởng thành.

III- PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG LUÂN CHUYỂN

1. Phạm vi luân chuyển

Việc luân chuyển được tiến hành trong nội bộ ngành kiểm tra; từ ngành kiểm tra sang các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các

cấp; từ các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp về ủy ban kiểm tra từ cấp huyện và tương đương trở lên.

2. Đối tượng cán bộ luân chuyển

2.1. Ở cấp Trung ương

a) Đối với Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Luân chuyển một số đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp vụ và tương đương trở lên (dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ) sang công tác tại một số ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương, địa phương. Cụ thể:

- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thể luân chuyển để giữ chức: bí thư các tỉnh, thành phố (trừ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); phó bí thư thành ủy (đối với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); thứ trưởng, phó trưởng các ban, ngành, các đoàn thể ở Trung ương trở lên.

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương luân chuyển giữ chức: phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trừ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); thứ trưởng, phó trưởng các ban đảng, phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và chức danh tương đương ở các cơ quan Trung ương.

- Vụ trưởng ở Ủy ban Kiểm tra Trung ương sang giữ chức: ủy viên ban thường vụ, trưởng các ban đảng, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; phó tổng cục trưởng, vụ trưởng của các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương.

- Phó Vụ trưởng ở Ủy ban Kiểm tra Trung ương sang giữ chức: phó trưởng ban thường trực trở lên ở các ban đảng của

tỉnh ủy, thành ủy; giám đốc sở của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phó cục trưởng, phó vụ trưởng và tương đương trở lên của bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở Trung ương.

b) Đối với các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Luân chuyển một số đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các ngành, các cấp từ lãnh đạo cấp vụ và tương đương trở lên (dưới 50 tuổi đối với nam; dưới 45 tuổi đối với nữ) sang công tác tại Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Cụ thể:

- Thứ trưởng, phó trưởng ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương; phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên luân chuyển giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là thường vụ tỉnh ủy, thành ủy giữ chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Tổng cục trưởng, vụ trưởng, cục trưởng và tương đương ở bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở Trung ương; trưởng các ban đảng, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra là thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố luân chuyển giữ chức từ vụ trưởng trở lên ở cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Phó cục trưởng, phó vụ trưởng và tương đương ở bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương; tỉnh ủy viên là phó các ban đảng, giám đốc sở, ngành của tỉnh, thành phố sang giữ chức từ phó vụ trưởng trở lên ở cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2.2. Ở cấp tỉnh, thành phố

a) Đối với ủy ban kiểm tra của các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương: Luân chuyển một số đồng

chí ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương (dưới 45 tuổi đối với nam, dưới 40 tuổi đối với nữ) sang công tác tại các sở, ban, ngành, quận, huyện của các tỉnh, thành phố; các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương giữ các chức vụ lãnh đạo. Cụ thể:

- Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương luân chuyển giữ chức: phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phó tổng cục trưởng, vụ trưởng, cục trưởng và tương đương của bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương.

- Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy luân chuyển để giữ chức: bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, quận. Ủy viên ủy ban kiểm tra luân chuyển để giữ chức: phó bí thư, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, quận.

b) Đối với các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương và các tỉnh, thành phố, cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương: Luân chuyển một số đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, thành phố; các quận, huyện và tương đương (dưới 45 tuổi đối với nam, dưới 40 tuổi đối với nữ) để giữ các chức vụ lãnh đạo và tương đương của ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương. Cụ thể:

- Bí thư huyện, quận và tương đương; giám đốc sở của tỉnh, thành phố; vụ trưởng và tương đương ở các bộ, ban, ngành ở Trung ương luân chuyển để giữ chức chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện; phó giám đốc sở của tỉnh, thành phố; phó vụ trưởng và tương đương ở các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương sang giữ chức phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Ủy viên thường vụ là phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện và tương đương luân chuyển giữ chức ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

2.3. Ở cấp quận, huyện và tương đương

a) Đối với ủy ban kiểm tra quận, huyện và tương đương: Luân chuyển một số đồng chí ủy viên ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy và tương đương (dưới 40 tuổi đối với nam, dưới 35 tuổi đối với nữ) sang công tác tại phòng, ban, ngành của tỉnh, thành phố, giữ các chức vụ lãnh đạo cơ quan nhà nước, cơ quan đảng cùng cấp và tương đương. Cụ thể:

- Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy và đảng ủy trực thuộc tỉnh luân chuyển để giữ chức: phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện và tương đương; ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trở lên. Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra quận, huyện và tương đương luân chuyển để giữ chức: bí thư, chủ tịch xã, phường, thị trấn.

- Ủy viên ủy ban kiểm tra quận, huyện và tương đương luân chuyển để giữ chức: phó trưởng phòng ở quận, huyện và tương đương; phó bí thư, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Đối với các phòng, ban của quận, huyện và tương đương

- Trưởng, phó các phòng, ban của quận, huyện và tương đương; bí thư đảng ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (là huyện ủy viên) luân chuyển để bầu giữ

chức: chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra quận, huyện và tương đương.

- Phó các ban đảng, phó trưởng phòng cấp quận, huyện và tương đương; phó bí thư đảng ủy, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn luân chuyển để bầu giữ chức: ủy viên ủy ban kiểm tra quận, huyện và tương đương trở lên.

IV- THỜI GIAN, THỜI ĐIỂM, SỐ LƯỢNG CÁN BỘ LUÂN CHUYỂN

1. Thời gian luân chuyển từ 2 - 5 năm, nói chung khoảng 3 năm. Hằng năm và trước khi kết thúc thời hạn luân chuyển, các cơ quan quản lý cán bộ có nhận xét, đánh giá, bố trí nhiệm vụ mới cho cán bộ.

2. Thời điểm luân chuyển

Việc luân chuyển thành viên ủy ban kiểm tra từ cấp huyện trở lên bắt đầu từ khoảng cuối năm thứ 2 trong nhiệm kỳ trở đi. Trên cơ sở đó, tiến hành luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành về công tác ở ủy ban kiểm tra. Việc luân chuyển cán bộ cấp vụ Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương sang công tác ở các cấp, các ngành; cán bộ cấp vụ và tương đương ở các bộ, ngành sang làm công tác kiểm tra ở Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành thường xuyên theo kế hoạch luân chuyển hằng năm.

3. Số lượng cán bộ luân chuyển

3.1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

- Đối với thành viên ủy ban: Luân chuyển đi khoảng từ 3 đến 4 đồng chí/nhiệm kỳ và luân chuyển đến khoảng từ 3 đến 4 đồng chí/nhiệm kỳ trên cơ sở thực hiện đúng quy định của Điều lệ Đảng.

- Đối với cán bộ cấp vụ: Luân chuyển đi từ 7 đến 10 đồng chí/nhiệm kỳ và luân chuyển đến từ 7 đến 10 đồng chí/nhiệm kỳ.

3.2. Ủy ban kiểm tra tỉnh, thành phố và tương đương: Luân chuyển đi từ 2 đến 3 đồng chí/nhiệm kỳ/đơn vị. Luân chuyển đến từ 2 đến 3 đồng chí/nhiệm kỳ/đơn vị.

3.3. Ủy ban kiểm tra huyện, quận và tương đương: Luân chuyển đi từ 1 đến 2 đồng chí/nhiệm kỳ/đơn vị. Luân chuyển đến từ 1 đến 2 đồng chí/nhiệm kỳ/đơn vị.

V- MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo cơ quan tham mưu xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý trong nhiệm kỳ, hằng năm trên cơ sở quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý của ngành, địa phương, đơn vị mình và được thống nhất giữa các cơ quan để chủ động chuẩn bị nguồn cán bộ cần luân chuyển của năm sau. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và vai trò tham mưu của cơ quan tổ chức cán bộ và ủy ban kiểm tra các cấp trong thực hiện việc luân chuyển cán bộ.

2. Ủy ban kiểm tra các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp nhu cầu cán bộ luân chuyển đi và đến ở cấp mình, báo cáo cấp ủy cấp mình. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Nội vụ tổng hợp nhu cầu cán bộ luân chuyển đi và đến ở Trung ương, theo phân cấp quản lý cán bộ; nếu thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

3. Hằng năm, sau khi có kế hoạch luân chuyển cán bộ đi và đến chung trong toàn ngành kiểm tra, cấp ủy quyết định luân chuyển cán bộ có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thống nhất với tổ chức đảng, lãnh đạo đơn vị nơi có cán bộ luân chuyển đến. Gặp cán bộ luân chuyển đi để trao đổi, quán triệt về chủ trương luân chuyển và nghe cán bộ trình bày, đề xuất nguyện vọng cá nhân trước khi quyết định.

4. Trong quá trình luân chuyển cán bộ, phải kết hợp chặt chẽ công tác tổ chức với công tác tư tưởng, vừa động viên, khuyến khích tinh tự giác của cán bộ, đảng viên; vừa yêu cầu cán bộ, đảng viên nghiêm túc chấp hành quyết định luân chuyển của tổ chức. Căn cứ vào sở trường, năng lực của cán bộ, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và ý định bố trí cán bộ sau luân chuyển để chọn lựa cán bộ, địa bàn luân chuyển cho phù hợp.

5. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát cán bộ luân chuyển; định kỳ hằng năm tập thể lãnh đạo các tổ chức đảng có nhận xét, đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ đối với cán bộ luân chuyển; kịp thời bổ sung và thay thế cán bộ luân chuyển không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Kiên quyết xử lý nghiêm minh những cán bộ không chấp hành quyết định luân chuyển mà không có lý do chính đáng và những cán bộ vì tư tưởng cục bộ, động cơ cá nhân mà cản trở, gây khó khăn, làm giảm uy tín cán bộ được luân chuyển.

6. Đối với các đồng chí được luân chuyển, thực hiện chính sách chung như đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý được luân chuyển. Xây dựng và thực hiện chế độ nhà công vụ ở Trung ương, tỉnh, huyện, trên cơ sở thực tế số lượng cán bộ luân chuyển, theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy và tương đương lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc luân chuyển cán bộ quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển cán bộ lãnh đạo ủy ban kiểm tra cấp mình sang công tác ở các ngành, các cấp thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy cùng cấp. Phối hợp với ủy ban kiểm tra cấp trên thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo ủy ban kiểm tra cấp mình lên ủy ban kiểm tra cấp trên công tác và tiếp nhận cán bộ lãnh đạo ủy ban kiểm tra cấp trên về cấp mình công tác.

- Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương nghiên cứu ban hành chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ luân chuyển.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến thực hiện việc luân chuyển cán bộ.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương tham mưu, giúp Ban Bí thư xây dựng, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc luân chuyển cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trong từng nhiệm kỳ, hằng năm, bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ và tổ chức đảng liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc

thực hiện luân chuyển cán bộ, định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo kết quả thực hiện với Ban Bí thư.

VII- Theo tinh thần trên đây, giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban và cơ quan, tổ chức của Đảng ở Trung ương thực hiện việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về công tác tại các ban, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương và đưa cán bộ lãnh đạo, quản lý của các ban, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương luân chuyển đến các bộ, ngành các cấp để bồi dưỡng, đào tạo cán bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 313-TB/TW, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Về việc xuất bản bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba

Trong phiên họp ngày 2-3-2010, sau khi nghe lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng đọc Tờ trình "Về việc xuất bản bộ sách Hồ Chí Minh toàn tập lần thứ ba" của Ban Chỉ đạo Xây dựng bản thảo *Hồ Chí Minh toàn tập* (Tờ trình số 04-TTr/HVCT-HCQG, ngày 1-3-2010), Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý xuất bản lần thứ ba bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* với 15 tập, trên cơ sở bổ sung các tài liệu mới do Chương trình sưu tầm và xuất bản tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh sưu tầm đã được Hội đồng xuất bản nghiệm thu, vào 12 tập xuất bản lần thứ hai, thiết thực kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Bác Hồ và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

2. Giao Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

phối hợp với Hội đồng xuất bản tổ chức thực hiện việc xuất bản đạt chất lượng cao nhất.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 314-TB/TW, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Về việc đặt tượng Bác Hồ
tại thành phố Acapulco, Mêhicô

Trong phiên họp ngày 2-3-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo về việc đặt tượng Bác Hồ tại thành phố Acapulco, Mêhicô (Công văn số 24/BVHTTDL-HTQT, ngày 6-1-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý triển khai việc đặt tượng Bác Hồ tại thành phố Acapulco, Mêhicô như nội dung Công văn số 24/BVHTTDL-HTQT, ngày 6-1-2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Ban Bí thư. Lưu ý, bảng chữ gắn trên bục tượng chỉ ghi nội dung như sau:

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, các cơ quan hữu quan của Việt Nam và Mêhicô

triển khai việc đặt tượng Bác Hồ đảm bảo đúng tính chất của tượng đài danh nhân, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và tiến độ đề ra của công trình quan trọng này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 315-TB/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2010
Về Chủ lễ dâng hương Giỗ Tổ Hùng Vương -
Lễ hội Đền Hùng năm 2010

Ngày 5-2-2010, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình xin ý kiến Bộ Chính trị về người Chủ lễ và trang phục của người Chủ lễ dâng hương Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2010 (Tờ trình số 19/TTr - BVHTTDL). Sau khi lấy ý kiến các cơ quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Bộ Chính trị phân công đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước làm Chủ lễ dâng hương Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2010. Trang phục của Chủ lễ là complê.

2. Ban tổ chức cấp nhà nước kỷ niệm các ngày lễ lớn 2 năm 2009 - 2010, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo triển khai các nội dung công việc, bảo đảm cho Lễ dâng hương Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2010 đạt kết quả tốt.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 316-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 2010

**Về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI
tại đại hội đảng các cấp, lấy ý kiến nhân dân,
các đại biểu Quốc hội và tổng hợp các ý kiến
góp ý vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng**

Tại phiên họp ngày 11-3-2010, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo Tờ trình về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI tại đại hội đảng các cấp, gửi lấy ý kiến nhân dân và tổng hợp các ý kiến góp ý vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng (số 80-TTr/VPTW, ngày 10-3-2010), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI tại đại hội đảng các cấp và lấy ý kiến các đại biểu Quốc hội, ý kiến nhân dân

a) Về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI của Đảng tại đại hội đảng các cấp

- Đại hội đảng ở chi bộ, đảng bộ cơ sở (xã, phường, thị trấn và tương đương) sẽ thảo luận các văn kiện sau:

+ Toàn văn dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011).

+ Tóm tắt dự thảo Báo cáo chính trị và tóm tắt dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 (Bộ Chính trị giao Tiểu ban Tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh chuẩn bị văn bản tóm tắt dự thảo Báo cáo chính trị; Tiểu ban Xây dựng chiến lược chuẩn bị văn bản tóm tắt dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; từng tiểu ban chuẩn bị hướng dẫn nội dung thảo luận riêng đối với từng văn kiện, trong đó tập trung vào một số vấn đề lớn, quan trọng, nhất là những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và cách tổng hợp ý kiến thảo luận).

+ Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng (Bộ Chính trị giao Tiểu ban Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng chuẩn bị báo cáo và hướng dẫn nội dung thảo luận, cách tổng hợp ý kiến thảo luận).

Việc gửi các văn kiện và hướng dẫn thảo luận, tổng hợp ý kiến thảo luận, góp ý cho các chi bộ, đảng bộ cơ sở **phải hoàn thành trước ngày 10-4-2010**. Đối với các chi bộ đại hội trong tháng 3-2010, nửa đầu tháng 4-2010 (để kịp đại hội cơ sở trong tháng 4-2010 theo chỉ đạo của Trung ương) thì cứ tiến hành các nội dung khác, phần thảo luận và góp ý vào văn kiện của cấp trên sẽ bố trí vào thời gian họp bổ sung từ 1 - 1,5 ngày sau đại hội chi bộ. Nơi nào đại hội chi bộ từ nửa cuối tháng 4-2010 thì sẽ tiến hành đầy đủ các nội dung đại hội.

- Đại hội đảng bộ các quận, huyện, tỉnh, thành phố và tương đương sẽ thảo luận:

+ Toàn văn dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011).

+ Toàn văn dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 (kèm theo hướng dẫn nội dung cần tập trung thảo luận và cách tổng hợp ý kiến thảo luận).

+ Toàn văn dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XI (kèm theo hướng dẫn nội dung cần tập trung thảo luận và cách tổng hợp ý kiến thảo luận).

+ Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng (kèm theo hướng dẫn nội dung thảo luận và cách tổng hợp ý kiến thảo luận).

Việc gửi các văn kiện và hướng dẫn thảo luận, tổng hợp ý kiến cho quận, huyện ủy và tương đương **hoàn thành trước ngày 1-5-2010**; cho các tỉnh ủy, thành ủy và tương đương **hoàn thành trước ngày 1-9-2010**.

Việc tổ chức riêng cho các đồng chí cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn thảo luận, đóng góp vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng do các tỉnh ủy, thành ủy quyết định.

b) Về việc lấy ý kiến góp ý của các đại biểu Quốc hội

Trong kỳ họp Quốc hội cuối năm 2010 (vào tháng 10, tháng 11), gửi các văn kiện Đại hội để các đại biểu Quốc hội thảo luận, góp ý, gồm:

- Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011).
- Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 (kèm theo hướng dẫn nội dung cần tập trung thảo luận và cách tổng hợp ý kiến thảo luận).
- Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XI (kèm theo hướng dẫn nội dung cần tập trung thảo luận và cách tổng hợp ý kiến thảo luận).
- Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng

(kèm theo hướng dẫn nội dung cần tập trung thảo luận và cách tổng hợp ý kiến).

Các tài liệu được gửi cho các đại biểu Quốc hội tối thiểu 10 ngày trước khi các đại biểu thảo luận.

c) Về việc công bố các văn kiện Đại hội XI của Đảng để lấy ý kiến nhân dân

- Các văn kiện công bố lấy ý kiến nhân dân gồm:

+ Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011).

+ Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020.

+ Dự thảo Báo cáo chính trị.

- Bộ Chính trị giao Ban Tuyên giáo Trung ương có hướng dẫn nhân dân thảo luận, góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội Đảng, gửi các ý kiến góp ý về Trung ương.

- Thời gian công bố các văn kiện lấy ý kiến nhân dân: ngày 15-10-2010.

- Thời gian lấy ý kiến góp ý của nhân dân từ ngày 15-10 đến ngày 15-11-2010.

2. Về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng

a) Tổng hợp ý kiến thảo luận tại đại hội đảng các cấp

- Đại hội đảng cấp dưới tổng hợp ý kiến thảo luận các văn kiện Đại hội XI của Đảng gửi lên đại hội đảng cấp trên. Cấp ủy cấp trên tổng hợp ý kiến thảo luận của đại hội các tổ chức đảng trực thuộc thành một bản để báo cáo tại đại hội đảng bộ cấp mình.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận, góp ý vào các văn kiện Đại hội XI của đại hội đảng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương gửi về Trung ương.

Bộ Chính trị giao Văn phòng Trung ương Đảng tổng hợp, hoàn thành trước ngày 1-12-2010.

b) Tổng hợp ý kiến thảo luận của các đại biểu Quốc hội

Đảng đoàn Quốc hội tổng hợp ý kiến thảo luận, góp ý của các đại biểu Quốc hội gửi Bộ Chính trị (qua Văn phòng Trung ương Đảng).

Việc tổng hợp hoàn thành trước ngày 1-12-2010.

c) Tổng hợp ý kiến góp ý của nhân dân vào các văn kiện Đại hội XI

Bộ Chính trị giao Ban Tuyên giáo Trung ương tổng hợp ý kiến góp ý của nhân dân qua báo chí, thư gửi trực tiếp đến Trung ương; Ban Dân vận Trung ương tổng hợp ý kiến góp ý của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp (gồm cả các hội nghị do Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức).

Việc tổng hợp hoàn thành trước ngày 1-12-2010.

d) Tổng hợp chung các ý kiến góp ý vào các văn kiện Đại hội XI

Bộ Chính trị giao Văn phòng Trung ương Đảng tổng hợp chung ý kiến thảo luận, góp ý của đại hội đảng các cấp, của đại biểu Quốc hội và ý kiến góp ý của nhân dân trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương.

Việc tổng hợp hoàn thành trước ngày 10-12-2010.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

Số 215/TLHN, ngày 15 tháng 3 năm 2010

**Về tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng khóa X
và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng
(Trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa X)**

Được Ban Chấp hành Trung ương giao nhiệm vụ, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tiểu ban Tổng kết việc thực hiện Điều lệ và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng (sau đây gọi vắn tắt là Tiểu ban Điều lệ Đảng) xây dựng Kế hoạch kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng; hướng dẫn các tỉnh ủy, thành ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo tự kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng từ cấp cơ sở trở lên và từ thực tiễn công tác kiến nghị, đề xuất những nội dung cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; thành lập 4 đoàn công tác kiểm tra việc thi hành Điều lệ Đảng ở một số tỉnh phía Bắc, phía Nam, miền Trung và Tây Nguyên, các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và một số đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương.

Trên cơ sở báo cáo của các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, báo cáo kết quả kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng của 4 đoàn công tác. Tiểu ban Điều lệ Đảng đã xây dựng báo cáo; Bộ Chính trị đã nghe, cho ý kiến và trình Ban Chấp hành Trung ương về vấn đề này như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG KHÓA X

I- TỔ CHỨC HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU, QUÁN TRIỆT ĐIỀU LỆ ĐẢNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN CỦA TRUNG ƯƠNG

1. Ưu điểm

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành kịp thời các quy định, hướng dẫn cụ thể về thi hành Điều lệ Đảng (*Có danh mục kèm theo*); các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương tới cơ sở đã tập trung nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Điều lệ Đảng; xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng để cụ thể hóa trách nhiệm, quyền hạn và lề lối làm việc.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương đã cung cấp tài liệu, cử cán bộ giúp cấp ủy trực thuộc Trung ương quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương tại hội nghị cán bộ chủ chốt.

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; xây dựng kế hoạch và mở hội nghị quán triệt cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, giảng viên các trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, cấp ủy viên từ chi bộ trở lên. Đến hết quý I năm 2007, các đảng bộ trực thuộc Trung ương đã tổ chức xong việc quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương; tỷ lệ cấp ủy viên tham gia học tập đạt trên 95%, đảng viên tham gia học tập đạt 85%.

Về tài liệu học tập: 100% các chi bộ được cung cấp Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương và các tài liệu có liên quan đến học tập, quán triệt Điều lệ Đảng; nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở đã cung cấp Điều lệ Đảng cho 100% đảng viên. Các cơ quan tham mưu giúp việc của Trung ương đã phối hợp với các nhà xuất bản để xuất bản nhiều cuốn sách về quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; các câu hỏi, đáp về Điều lệ Đảng; sổ tay Bí thư chi bộ... Một số quận, huyện, đảng ủy cấp trên cơ sở đã in Điều 2 Điều lệ Đảng (bốn nhiệm vụ đảng viên), Quy định số 115-QĐ/TW của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm, nội dung Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong sổ tay đảng viên hoặc tài liệu bỏ túi phát cho đảng viên tự nghiên cứu, thực hiện.

Thông qua việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, đa số cấp ủy viên và đảng viên đã nắm vững những nội dung cơ

bản, những điểm mới của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương (khóa X); qua đó nhận thức, ý thức chấp hành Điều lệ Đảng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên.

2. Hạn chế

Do nhiệm kỳ này Trung ương không mở các hội nghị tập huấn, quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương cho đội ngũ báo cáo viên của các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương, nên thời gian đầu việc tổ chức thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương có những lúng túng.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương chưa thật sâu, hình thức chủ yếu là phổ biến theo văn bản, ít có thời gian thảo luận những nội dung mới trong Điều lệ Đảng. Việc kiểm tra nhận thức và tổ chức thi hành Điều lệ Đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên chưa thường xuyên nên còn có một số vi phạm Điều lệ Đảng hoặc vận dụng chưa đúng.

II- KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Các vấn đề về đảng viên

1.1. Tiêu chuẩn đảng viên và việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên

Tiêu chuẩn của đảng viên quy định trong Điều lệ Đảng cơ bản là rõ ràng, phù hợp. Điều lệ Đại hội X đưa cụm từ

"không bóc lột" ở tiêu chuẩn đảng viên lên phần mở đầu của Điều lệ, diễn đạt mục đích của Đảng là phù hợp với thực tiễn. Tiêu chuẩn đảng viên là căn cứ để bồi dưỡng quần chúng ưu tú phấn đấu trở thành đảng viên, để đảng viên thường xuyên học tập, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, nâng cao năng lực công tác.

Đại bộ phận đảng viên kiên định lập trường giai cấp công nhân, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng; có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nhiệm vụ được phân công, gương mẫu, giữ gìn đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác, chấp hành tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, hoàn thành nhiệm vụ của người đảng viên.

Nhiều chi bộ, cấp ủy đảng đã quan tâm đến việc phân công công tác cho đảng viên, ngoài nhiệm vụ chuyên môn và công việc thường xuyên còn phân công thực hiện nhiệm vụ theo chuyên đề. Ở khu vực nông thôn, tổ dân phố, việc phân công công tác cho đảng viên đã có một số chuyển biến tốt, như phân công đảng viên làm công tác dân vận, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xóa đói giảm nghèo, phụ trách cụm dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, v.v..

Công tác đánh giá chất lượng đảng viên hàng năm đã có nền nếp, dần đi vào thực chất hơn (*Có phụ lục kèm theo*).

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận đảng viên, trong đó có cả một số cấp ủy viên, đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa thực hiện tốt nhiệm vụ của đảng viên, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu, không gương mẫu về đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Ở xã, phường, thị trấn, số lượng đảng viên là cán bộ hưu trí ngày càng tăng (có nơi trên 90%). Do tuổi cao, sức yếu nên việc phân công công tác, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên của các đồng chí này có những khó khăn.

Vướng mắc hiện nay về tiêu chuẩn đảng viên là quy định của Điều lệ Đảng chưa nhất quán với cách diễn đạt về bản chất của Đảng. Nhiều ý kiến đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng cho thống nhất giữa tiêu chuẩn đảng viên với bản chất của Đảng.

1.2. Việc thực hiện các quyền của đảng viên

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã chú ý bảo đảm đúng quyền của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng; bằng các hình thức phù hợp đã thông tin cho đảng viên những vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Đảng viên được thảo luận, tham gia ý kiến, biểu quyết, tham gia ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, các công việc của Đảng theo hướng ngày càng dân chủ hơn.

Tuy nhiên, ở nhiều nơi việc định hướng thông tin, thông tin kịp thời cho đảng viên vẫn là khâu yếu, trong khi các luồng thông tin không chính thống, thông tin trên mạng đa dạng và phức tạp đã làm cho một bộ phận đảng viên có tâm trạng bồn chồn, lo lắng, hoài nghi.

Quyền đề cử và bầu cử của đảng viên cơ bản được bảo đảm, nhưng quyền ứng cử thực hiện trong thực tế còn ít.

Đảng viên có quyền được phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời, nhưng hoạt động chất vấn mới diễn ra trong phạm vi hẹp; vẫn còn hiện tượng định kiến với những người thẳng thắn đấu tranh, phê bình, chất vấn. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc tự phê bình và phê bình còn yếu ở nhiều cấp ủy, tổ chức đảng hiện nay.

1.3. Công tác kết nạp đảng viên, quản lý đảng viên

Trong nhiệm kỳ, công tác phát triển đảng viên tiếp tục được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo thực hiện. Từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 6-2009, toàn Đảng đã kết nạp được 643.177 đảng viên mới (*Có phụ lục kèm theo*). Đội ngũ đảng viên mới cơ bản bảo đảm tiêu chuẩn, tuổi đời bình quân là 29,15; trình độ cao đẳng và đại học trở lên chiếm 55,5%. Công tác phát triển đảng viên và chuyển đảng viên chính thức được các cấp ủy thực hiện đúng phương châm, thủ tục, nguyên tắc.

Công tác quản lý đảng viên được các cấp ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát. Đã chú ý đổi mới, cải tiến hình thức, nội dung nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, phân công nhiệm vụ cho đảng viên, đề cao tinh thần tự giác rèn luyện, tu dưỡng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, giữ gìn phẩm chất của người đảng viên.

Tuy nhiên, trong công tác phát triển đảng viên, một số cấp ủy còn chạy theo số lượng, chưa quan tâm đúng mức đến

trình độ giác ngộ chính trị; số đảng viên được kết nạp ở địa bàn dân cư còn ít.

Việc quy định ban chấp hành công đoàn cơ sở thay một đảng viên chính thức giới thiệu người vào Đảng còn gặp khó khăn và có nhiều ý kiến khác nhau. Nhiều ý kiến đề nghị nghiên cứu sửa đổi nội dung quy định này.

Đa số các ý kiến đề nghị các đảng viên mới kết nạp phải qua thời gian dự bị như quy định của Điều lệ Đảng hiện hành. Tuy nhiên, cần nghiên cứu để có cách tính tuổi đảng của đảng viên cho phù hợp hơn, nên tính từ ngày chi bộ làm lễ kết nạp hoặc ngày quyết định kết nạp vào Đảng.

Quy định số 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị về đảng viên giữ mối liên hệ với cấp ủy nơi cư trú có ý nghĩa thiết thực trong công tác quản lý đảng viên, nhắc nhở đảng viên giữ mối liên hệ thường xuyên với cấp ủy địa phương, thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Tuy nhiên, việc thực hiện Quy định 76-QĐ/TW ở một số nơi còn hình thức, địa điểm tổ chức sinh hoạt có khó khăn, nội dung sinh hoạt đơn điệu.

Quy định số 115-QĐ/TW, ngày 7-12-2007 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm đã có tác dụng nhất định để tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Tuy nhiên, một số đảng viên thực hiện chưa nghiêm túc, vi phạm đạo đức, lối sống, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái. Nhiều ý kiến cho rằng, Quy định về những điều đảng viên không được làm là nội dung rất quan trọng liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mọi đảng viên, cần được quy định trong Điều lệ Đảng.

2. Về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp

2.1. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

Thực hiện Điều lệ Đảng, phần lớn các cấp ủy, tổ chức đảng đều xây dựng được quy chế làm việc, quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác; trách nhiệm của tập thể, cá nhân và người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng. Trong quá trình hoạt động, đa số cấp ủy, tổ chức đảng đã bám sát quy chế làm việc, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy được vai trò của tập thể và trách nhiệm cá nhân, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội; tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

Việc phát huy dân chủ trong Đảng có những chuyển biến tiến bộ thông qua việc cung cấp thông tin, công khai các vấn đề cần lấy ý kiến của đảng viên, cán bộ, nhân dân; phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Để mở rộng dân chủ trực tiếp, vừa qua Bộ Chính trị đã chỉ đạo làm thí điểm việc đại hội cấp cơ sở trực tiếp bầu thường vụ, bí thư, phó bí thư, tạo được không khí tốt trong đại hội và được sự đồng tình cao.

Tuy nhiên, còn một số cấp ủy viên chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của nguyên tắc tập trung dân chủ, chưa thật sự tôn trọng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc. Còn tình trạng dân chủ hình thức, thống nhất một chiều, ít tranh luận, thảo luận thấu đáo hoặc hiểu không

đúng nguyên tắc này, dẫn đến mất đoàn kết nội bộ ở một số nơi.

2.2. Thực hiện nguyên tắc tự phê bình, phê bình

Thực hiện nguyên tắc tự phê bình, phê bình trong sinh hoạt đảng đã có chuyển biến tích cực và được gắn với việc thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Nội dung tự phê bình, phê bình ở một số cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc, thẳng thắn, chân thành, qua đó đã phát huy được ưu điểm, khắc phục những hạn chế thiếu sót của cán bộ, đảng viên, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng.

Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, việc thực hiện nguyên tắc tự phê bình, phê bình vẫn là khâu yếu, chưa trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy và đảng viên. Ở nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, tự phê bình chủ yếu được thực hiện vào dịp kiểm điểm cuối năm; ít phê bình trong hội nghị, nhất là các đảng viên trẻ, đảng viên mới kết nạp. Nội dung tự phê bình, phê bình nhiều khi chưa đúng thực chất, thường vòng vo, né tránh. Do đó, các cấp ủy, chi bộ chưa chủ động phát hiện được để phòng ngừa, hạn chế các vụ việc tiêu cực.

2.3. Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng ở các cấp

Trong nhiệm kỳ, công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy và cả hệ thống chính trị triển khai thực hiện tích cực. Việc kiện toàn, sắp xếp hệ thống tổ chức đảng theo ngành và lãnh thổ được khẩn trương thực hiện theo hướng hợp lý về tổ chức, phù hợp với Điều lệ Đảng, giữ vững vai trò hạt nhân chính trị, nâng cao chất

lượng hoạt động, bảo đảm vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Hạn chế là việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ bản mới thực hiện được bước giảm đầu mối nhưng chưa thật sự tinh gọn, tăng hiệu lực, hiệu quả. Biên chế cán bộ, công chức, viên chức bên trong các tổ chức có nơi không giảm mà còn có chiều hướng tăng lên. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của nhiều cơ quan đảng còn có những hạn chế, bất cập.

3. Về tổ chức cơ sở đảng

Đến nay, toàn Đảng có trên 54.000 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có trên 11.000 tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn. Nhìn chung, tổ chức cơ sở đảng đã phát huy được vai trò là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ra Nghị quyết về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều quy định để cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Các cấp ủy, tổ chức đảng đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt và cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương thành các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tính chất hoạt động của địa phương, đơn vị mình. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở hằng năm được các cấp ủy, tổ chức đảng tiến hành chặt chẽ và

ngày càng đúng thực chất hơn (tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh năm 2006: 78,63%; năm 2007: 79,43%; năm 2008: 71,75%) (*Có phụ lục kèm theo*).

Hạn chế: đảng có sự chênh lệch lớn về số lượng đảng viên trong một số tổ chức cơ sở đảng ở một số khu vực. Có chi bộ trên 100 đảng viên, đảng bộ cơ sở trên 1.000 đảng viên, rất khó khăn cho việc sinh hoạt, học tập và quản lý đảng viên. Tình trạng tổ chức cơ sở đảng trong tổ chức cơ sở đảng vẫn tồn tại.

Nhiều tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng theo quy định; còn lúng túng về nội dung và phương thức hoạt động, vai trò của cấp ủy mờ nhạt. Mô hình tổ chức đảng theo ngành dọc của một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn đang mở rộng cần được đánh giá cả về tác dụng cũng như sự phù hợp với quy định của Điều lệ Đảng.

Một số chi bộ chưa thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt theo định kỳ. Tình trạng đảng viên ở nông thôn, tổ dân phố đi làm ăn xa nơi cư trú tăng lên, thường vắng mặt sinh hoạt chi bộ. Một số nơi đề nghị sinh hoạt chi bộ định kỳ 2 tháng/lần, có nơi đề nghị 3 tháng/lần hoặc được sinh hoạt qua mạng (trừ khi cần bổ phiếu).

Vướng mắc hiện nay là theo quy định của Điều lệ Đảng: "Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng"; dẫn đến tình trạng có rất nhiều doanh

niệp, đơn vị cơ sở đề nghị thành lập tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện ủy, quận ủy và tương đương, gây ra tình trạng có quá nhiều đầu mối tổ chức cơ sở đảng trực thuộc cấp ủy cấp huyện, khó khăn trong quản lý và tổ chức hoạt động (tổ chức cơ sở đảng năm 2006: 51.968; năm 2007: 53.212; năm 2008: 53.912). Các tổ chức đảng được đề nghị thành lập này chưa thật phù hợp với quy định đối với một tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện ủy, quận ủy. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi quy định nói trên cho phù hợp.

Mô hình đảng bộ bộ phận đã tồn tại nhiều nhiệm kỳ nhưng chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác chưa được quy định rõ trong Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Vai trò của đảng ủy bộ phận cần được nghiên cứu quy định cho phù hợp hơn.

Về tổ chức, hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên ở nước ngoài: Các cơ quan đại diện, các chi bộ, đảng bộ ở nước ngoài được các cấp ủy đảng vận dụng phù hợp với tình hình thực tế ở từng nước, từng khu vực; hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, đã cơ bản phát huy được vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng thực hiện hoàn thành nhiệm vụ. Hạn chế là các quy định, hướng dẫn của Trung ương chưa bao hàm hết các tổ chức đảng ở nước ngoài, nhất là các tổ chức đảng thuộc đảng bộ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty đang làm việc ở nước ngoài. Do tính chất đặc thù của tổ chức đảng ở nước ngoài, nhiều chi bộ (ngoài chi bộ sứ quán) khó thực hiện chế độ sinh hoạt đảng theo quy định, có nơi 3 - 6 tháng mới họp chi bộ một lần do đảng viên hoạt động phân tán, không có địa điểm sinh hoạt

ổn định, nhiều nơi không được công khai sinh hoạt Đảng. Nội dung sinh hoạt đảng nghèo nàn, công tác phát triển đảng viên, công tác kiểm tra, giám sát gặp nhiều khó khăn.

Đảng ủy Ngoài nước thay đổi về mô hình tổ chức có điểm chưa thật phù hợp. Sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của Đảng ủy Ngoài nước đối với tổ chức đảng ở nước ngoài chưa thường xuyên; một số nội dung chưa phù hợp với từng nước, từng địa bàn nên kết quả hoạt động của tổ chức đảng chưa cao.

4. Về đại hội đảng bộ các cấp

Điều lệ Đại hội X quy định: Nhiệm kỳ đại hội tổ chức cơ sở đảng trở lên là 5 năm một lần, nhiệm kỳ đại hội chi bộ trực thuộc 5 năm hai lần. Thực tiễn cho thấy quy định như vậy là phù hợp. Các quy định, quy trình, quy chế, hướng dẫn tổ chức đại hội đảng ngày càng được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để tổ chức đại hội đảng các cấp. Việc tổ chức đại hội đảng bộ các cấp nói chung không có vướng mắc lớn.

Khó khăn hiện nay là các tổ chức đảng được thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia tách diễn ra khá nhiều và ở các thời điểm khác nhau, nhưng cấp ủy có thẩm quyền không được phép chỉ định cấp ủy chính thức và chỉ đạo bổ sung nhiệm vụ cho khớp với nhiệm kỳ chung là 5 năm, nên các tổ chức đảng này tổ chức đại hội không khớp với nhiệm kỳ đại hội của các đảng bộ khác và Đại hội Đảng toàn quốc. Nhiều ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định: Từ tổ chức cơ sở đảng trở lên, nếu được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập giữa nhiệm kỳ, thì cấp ủy cấp trên chỉ định cấp ủy chính

thức, chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung phương hướng nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ của cấp ủy các tổ chức đảng này không nhất thiết phải là 5 năm để thống nhất với nhiệm kỳ đại hội của các đảng bộ khác và Đại hội Đảng toàn quốc (cùng tổ chức đại hội nhiệm kỳ trong một năm). Nếu được như vậy sẽ thuận lợi hơn về nhiều mặt.

5. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân

Tổ chức đảng trong Quân đội và Công an thực hiện theo Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác đã được cụ thể hóa rõ ràng, phù hợp. Có chức danh chính ủy, chính trị viên trong Quân đội đã góp phần tăng cường công tác đảng, công tác chính trị, công tác vận động quần chúng. Trong Công an nhân dân, các tổ chức đảng đang từng bước thực hiện chủ trương thủ trưởng đơn vị đồng thời là bí thư cấp ủy. Vị trí hạt nhân chính trị và vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các lực lượng vũ trang được thể hiện rõ nét, bảo đảm cơ chế Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang.

Vướng mắc hiện nay là trong các đơn vị bộ đội chủ lực, cấp tiểu đoàn và tương đương trong quân đội đều thành lập đảng bộ bộ phận (907 đảng bộ); đảng ủy bộ phận lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt đối với các đơn vị thuộc quyền. Tuy nhiên, theo Quy định số 23-QĐ/TW của Bộ Chính trị thì chức năng, nhiệm vụ của đảng ủy bộ phận chỉ là cấp trung gian giữa đảng ủy cơ sở và chi bộ, không có thẩm quyền quyết

định các vấn đề về tổ chức, cán bộ là chưa thật phù hợp với hoạt động của tổ chức đảng trong Quân đội. Quy định người giới thiệu phải công tác với người xin vào Đảng ít nhất một năm cũng gây khó khăn trong phát triển đảng viên mới đối với chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ 18 tháng theo luật định. Ngoài ra, Đảng ủy Quân sự Trung ương đề nghị đổi tên một số cấp ủy và một số chức danh cho phù hợp với tình hình mới.

6. Về công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp

Sau Đại hội X của Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt Điều 30, 32 của Điều lệ Đảng; Quyết định số 25-QĐ/TW của Bộ Chính trị, quy chế chất vấn trong Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng đến cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Xây dựng quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khóa, hằng năm; ban hành các quy định, quy chế phối hợp công tác giữa ủy ban kiểm tra với các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng trong đảng bộ. Công tác kiểm tra, giám sát dần đi vào nền nếp và từng bước nâng cao chất lượng, góp phần tích cực giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

Tuy vậy, nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chưa đầy đủ. Có cấp ủy còn buông lỏng công tác kiểm tra, giám sát, giao khoán việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của

cấp ủy cho ủy ban kiểm tra cùng cấp. Nội dung, quy trình, phạm vi kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp chưa thật rõ.

Việc tự kiểm tra của nhiều cấp ủy còn hạn chế, có lúc lại chồng chéo với công tác thanh tra.

Theo quy định của Điều lệ Đảng Đại hội X, các chi bộ được quyền kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao). Nhưng trong thực tế, thẩm quyền này đã không được thực hiện, không khả thi. Mặt khác, tại các khoản 2, 3, 4 Điều 36 của Điều lệ Đảng lại chưa giao các quyền này cho ủy ban kiểm tra, cấp ủy cấp trên, nên cũng có mâu thuẫn trong quá trình thực hiện. Nhiều ý kiến đề nghị cần nghiên cứu, quy định lại về thẩm quyền kỷ luật Đảng theo hướng cấp nào quản lý cán bộ thì cấp đó được quyền quyết định các hình thức kỷ luật. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của đảng viên cũng cần phân cấp, cấp giải quyết cuối cùng chỉ nên cách hai cấp quản lý đảng viên, không nên để đến Ban Chấp hành Trung ương giải quyết khiếu nại cuối cùng của đảng viên như hiện nay.

7. Khen thưởng trong Đảng

Công tác thi đua khen thưởng trong Đảng có những chuyển biến, tiến bộ do có các chính sách, hình thức khen thưởng mới và việc tổ chức thực hiện nghiêm túc. Việc tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho đảng viên được sự đồng tình

cao, góp phần tạo thêm động lực để đảng viên rèn luyện, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về công tác thi đua, khen thưởng của Đảng còn hạn chế. Các hình thức khen thưởng trong Đảng chưa tương ứng với hình thức khen thưởng của Nhà nước; tiền thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng quá thấp so với các danh hiệu thi đua khác; kinh phí cho công tác thi đua khen thưởng của Đảng còn thấp và chưa thống nhất. Công tác thi đua, khen thưởng trong Đảng chưa thực sự đổi mới, tác dụng còn hạn chế.

8. Hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương và địa phương

Việc thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng là nhằm bảo đảm vai trò, thực hiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng đã cơ bản thực hiện được chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng.

Tuy nhiên, trong thực tế sự lãnh đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng và của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có lúc còn trùng lặp; công tác kiểm tra, giám sát của đảng đoàn, ban cán sự đảng còn gặp nhiều khó khăn, rất khó thực hiện. Thẩm quyền, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng với đảng ủy cơ quan, tập thể lãnh đạo cơ quan chưa thật rõ. Mối quan hệ giữa ban cán sự đảng Chính phủ với ban cán sự đảng các bộ còn vướng mắc. Nhiều ý kiến đề nghị cần quy định rõ hơn về

chức năng, nhiệm vụ và phân cấp cụ thể hơn đối với đảng đoàn, ban cán sự đảng.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Kế thừa và phát huy những ưu điểm, kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện Điều lệ Đảng các khóa trước đây, các cấp ủy, tổ chức đảng đã có nhiều cố gắng trong lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng. Đa số các đồng chí cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên nắm vững những nội dung của Điều lệ Đảng, tự giác chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Đảng, tạo nên sự thống nhất trong toàn Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, tạo thành sức mạnh tổng hợp, góp phần giữ vững ổn định chính trị và giành được những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại trong những năm qua.

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã bám sát các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; có một số cách làm mới nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

Việc thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và hoạt động, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn của đảng viên và tổ chức đảng được quy định trong Điều lệ Đảng đã góp phần giữ

vững bản chất giai cấp công nhân, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

2. Khuyết điểm, tồn tại

Một số cấp ủy viên, đảng viên nhận thức chưa đầy đủ, toàn diện nội dung của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng của Trung ương. Việc tổ chức thực hiện ở một số cấp ủy, tổ chức đảng còn lúng túng, thậm chí có sai sót.

Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình còn yếu, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, "dĩ hòa vi quý" chậm được khắc phục. Công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành Điều lệ Đảng ở một số cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện chưa thường xuyên, chậm phát hiện và xử lý kịp thời những sai sót; quy trình xử lý chưa thống nhất đối với những trường hợp vi phạm Điều lệ Đảng.

IV- NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM, YẾU KÉM

Diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới, những mặt trái của kinh tế thị trường đã có những tác động tiêu cực đến công tác xây dựng Đảng và một bộ phận cán bộ, đảng viên. Một số nội dung trong Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương không còn phù hợp với thực tiễn.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tổ chức nghiên cứu, quán

triệt Điều lệ Đảng, chưa đầu tư đúng mức về thời gian, công sức cho công tác này. Một số ít cấp ủy viên, đảng viên chưa chủ động, tự giác nghiên cứu, học tập để nắm vững Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương nên không nắm chắc, thực hiện không đúng Điều lệ Đảng.

Một số cấp ủy viên và đảng viên chưa gương mẫu thực hiện Điều lệ Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; thực hiện chưa đúng trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên và tổ chức đảng.

Báo cáo của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các ban cán sự đảng, đảng đoàn đều kiến nghị cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản trong Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương cho phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính khả thi.

Phần thứ hai

VỀ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

I- SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Trong thời gian qua, trong công tác xây dựng Đảng đã có nhiều vấn đề mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đang được Đảng ta tiến hành nghiên cứu để bổ sung, phát triển. Những quan điểm, nội dung quan trọng trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) và những vấn đề mới về chủ trương, đường lối xây dựng Đảng cần được nghiên cứu để bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng cho phù hợp.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành một số nghị quyết quan trọng về công tác xây dựng Đảng; một số chủ trương mới về xây dựng Đảng đặt ra từ Đại hội X được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo thực hiện thí điểm. Tuy nhiên, thẩm quyền này chưa được quy định trong Điều lệ Đảng, vì vậy cần thiết phải bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng để đảm bảo đúng và hợp lý hơn thẩm quyền của các cơ quan lãnh đạo của Đảng.

3. Thực tiễn công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng thời gian qua cho thấy có một số quy định trong Điều lệ Đảng không còn phù hợp, đòi hỏi phải nghiên cứu bổ sung, sửa đổi.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục nghiên cứu bổ sung, phát triển, thể chế hóa những quan điểm mới có tính nguyên tắc về xây dựng Đảng, nhất là những quan điểm mới thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển).

2. Nghiên cứu bổ sung vào Điều lệ Đảng một số nội dung trong các nghị quyết của Trung ương về xây dựng Đảng; các văn bản quy định thi hành Điều lệ Đảng; một số vấn đề tiến hành thí điểm đã được tổng kết mà thực tiễn xây dựng Đảng thời gian qua đã khẳng định là đúng đắn, cần thiết, chín

muồi, phổ biến, thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc.

3. Phát huy dân chủ, trí tuệ trong thảo luận, tập hợp đầy đủ, trung thực ý kiến tham gia của đảng viên, cán bộ, của các cấp ủy, tổ chức đảng, các thành viên trong hệ thống chính trị, nhất là các ý kiến đã được tổng kết, đúc rút từ lý luận và thực tiễn công tác xây dựng Đảng, có sự thống nhất cao trong toàn Đảng để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

III- NHỮNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU ĐỂ CÓ THỂ ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI TRONG ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Phân mở đầu của Điều lệ Đảng

1.1. Tiêu đề và bố cục của phần mở đầu

Từ Đại hội VII đến Đại hội IX, phần mở đầu của Điều lệ Đảng không có tiêu đề. Đại hội X bổ sung tiêu đề của phần mở đầu là: "Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng". Qua thảo luận trong quá trình nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, có ba loại ý kiến về vấn đề này:

Loại ý kiến thứ nhất đề nghị tiêu đề của phần này là: "Đảng Cộng sản Việt Nam", cho rằng đây chính là khái niệm đầy đủ về Đảng; việc sử dụng cụm từ "và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng" là không đúng về ngữ nghĩa của nội dung này.

Loại ý kiến thứ hai đề nghị tiêu đề của phần mở đầu Điều lệ Đảng nên là: "Đảng Cộng sản Việt Nam và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng", vì toàn bộ nội dung của

phần này thể hiện khái quát những vấn đề cơ bản về Đảng và nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, từ bản chất, mục đích, nền tảng tư tưởng đến nguyên tắc tổ chức... Để khẳng định và tránh các cách hiểu khác nhau, tiêu đề của phần mở đầu nên là: Đảng Cộng sản Việt Nam và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng (*thêm cụm từ "Cộng sản Việt Nam" sau từ Đảng*).

Loại ý kiến thứ ba cho rằng nên giữ như Điều lệ hiện hành, không cần thiết phải sửa đổi tiêu đề. Tên của Điều lệ đã ghi rõ là Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về bố cục của phần mở đầu, nhiều ý kiến đề nghị chuyển nội dung diễn đạt về nền tảng tư tưởng của Đảng (khổ thứ tư trong phần mở đầu) lên trước nội dung nói về mục đích của Đảng (khổ thứ ba) để phù hợp và logic hơn.

1.2. Về nội dung của phần mở đầu

a) Nhiều ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung một số nội dung về tư tưởng Hồ Chí Minh vào phần mở đầu vì Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) tại điểm 12, Mục IV (Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng) cũng dự kiến bổ sung nội dung mới để nêu bật ý nghĩa, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nếu bổ sung nội dung mới này vào phần mở đầu thì cũng cần bổ sung một số ý nói về chủ nghĩa Mác - Lênin để cân đối trong cách thể hiện.

Nếu bổ sung thì có thể bổ sung một đoạn như sau vào sau câu: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động":

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống lý luận khoa học về sự phát triển xã hội, về xây dựng chủ nghĩa xã hội và

chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa Mác - Lênin thể hiện sự thống nhất hữu cơ giữa tính cách mạng và tính khoa học, giữa lý luận và thực tiễn, giữa chủ nghĩa duy vật và phương pháp biện chứng; đó là học thuyết mang bản chất sáng tạo, phát triển.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là di sản tư tưởng và lý luận vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Qua thảo luận, cũng có ý kiến đề nghị chỉ nên nêu như Điều lệ Đảng hiện hành: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động" vì đã có tính khái quát cao. Nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn tiếp tục phát triển. Ghi thêm một số ý tổng quát vào Điều lệ Đảng e rằng chưa thật đầy đủ, chính xác. Hơn nữa, cũng cần cân nhắc về tính cân đối giữa các khổ trong phần mở đầu và cách diễn đạt về tư tưởng Hồ Chí Minh.

b) Tại khổ thứ năm, nhiều ý kiến đề nghị sửa cụm từ: "giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân" bằng cụm từ: "*gắn bó mật thiết với nhân dân*" (Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) cũng đổi cụm từ này).

c) Về mục đích của Đảng, có ý kiến đề nghị nghiên cứu Cương lĩnh để bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung; đề nghị bổ sung ý *"lãnh đạo và đoàn kết nhân dân và các dân tộc trong cả nước"* vào sau cụm từ "mục đích của Đảng là" và trước cụm từ "xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh..."; cần nhắc chỉnh sửa cụm từ "và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản" để phù hợp với Cương lĩnh (tại điểm II.3 dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) ghi: Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội).

d) Về xây dựng Đảng vững mạnh (khổ cuối trong phần mở đầu Điều lệ Đảng), có ý kiến đề nghị: ngoài việc xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cần bổ sung thêm ý nói về xây dựng Đảng *trong sạch về đạo đức, nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo* như đã thể hiện trong Cương lĩnh.

2. Về đảng viên

2.1. Tiêu chuẩn đảng viên: Phần mở đầu Điều lệ Đảng do Đại hội X thông qua đã bổ sung cách diễn đạt về bản chất của Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, *đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam;...*".

Nhiều ý kiến đề nghị ở khoản 1 Điều 1 nói về tiêu chuẩn đảng viên cần bổ sung thêm nội dung cho đồng nhất với cách diễn đạt về bản chất của Đảng, cụ thể như sau: "Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, *nhân dân lao động và*

dân tộc Việt Nam;... ý kiến khác lại đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành, cho rằng bản chất của Đảng khác với tiêu chuẩn đảng viên.

2.2. Giới thiệu người vào Đảng:

Tại điểm 1 Điều 4 Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Ở các cơ quan, doanh nghiệp nơi không có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng *phải* là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu".

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đề nghị sửa đổi điểm này như sau: "Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và *có tổ chức công đoàn*, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên *phải* là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu; *nếu ngoài độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn và một đảng viên chính thức giới thiệu.*

Nơi chỉ có tổ chức công đoàn, người vào Đảng phải là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu" (Công văn số 1511/TLĐ, ngày 11-9-2009).

Qua thảo luận, có ba loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất đề nghị thực hiện như Điều lệ từ Đại hội Đảng IX trở về trước; quy định nơi không có tổ chức Đoàn Thanh niên, người vào đảng do hai đảng viên chính thức giới thiệu. Quy định như vậy vừa bảo đảm chất lượng đảng viên, chặt chẽ về mặt thủ tục, vừa đảm bảo nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng.

Loại ý kiến thứ hai đề nghị sửa nội dung này như sau:

"Ở các cơ quan, doanh nghiệp nơi không có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh mà có tổ chức Công đoàn, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên là đoàn viên Công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu".

Loại ý kiến thứ ba đề nghị sửa theo ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Quy định về những điều đảng viên không được làm

Điều lệ Đảng chưa có quy định về những điều đảng viên không được làm. Nội dung này đang thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

Qua thảo luận, có ba loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất (đa số) đề nghị chỉ nêu một khoản chung là đảng viên phải chấp hành Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm (nếu nêu tất cả những điều đảng viên không được làm vào Điều lệ Đảng thì Điều lệ sẽ rất dài và không bảo đảm tính chặt chẽ, khó sửa đổi khi cần thiết).

Loại ý kiến thứ hai (một số) cho rằng nên quy định trong Điều lệ Đảng một điều để thể hiện tính chặt chẽ và nghiêm minh của Điều lệ Đảng; trong đó cần nêu những điều đảng viên không được làm để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng trên cơ sở tinh gọn lại 19 điều đảng viên không được làm hiện nay.

Loại ý kiến thứ ba (một số ít) cho rằng không nhất thiết phải quy định về những điều đảng viên không được làm

trong Điều lệ Đảng cũng như trong Quy định của Ban Chấp hành Trung ương hay Bộ Chính trị, Ban Bí thư, mà những điều đó cần thể chế hóa trong luật vì đảng viên cũng là công dân phải chấp hành luật pháp.

4. Về tính tuổi đảng của đảng viên

Đa số thành viên trong Tiểu ban Điều lệ và Bộ Chính trị đề nghị vẫn giữ thời kỳ dự bị của đảng viên như quy định hiện hành. Nhiều ý kiến đề nghị: Khi đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên nên tính từ ngày ban hành quyết định kết nạp (hoặc ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp vào Đảng). Việc này không chỉ có ý nghĩa tôn vinh ngày được kết nạp, tuyên thệ dưới cờ Đảng là ngày trọng đại nhất đối với đảng viên, mà còn có tác dụng động viên, khuyến khích đảng viên trong thời gian dự bị tích cực phấn đấu, nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu để đủ điều kiện được công nhận là đảng viên chính thức. Nghiên cứu đơn giản hóa hơn thủ tục xem xét, công nhận đảng viên chính thức.

5. Về thành lập tổ chức cơ sở đảng

Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ 3 đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng".

Để tránh tình trạng có quá nhiều tổ chức cơ sở đảng trực thuộc cấp ủy quận, huyện và tương đương, nhiều ý kiến đề

ng nghị chỉnh sửa lại quy định này như sau: "*Ở xã, phường, thị trấn có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì thành lập tổ chức cơ sở đảng. Ở cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội, công an và các đơn vị khác có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì lập tổ chức đảng; cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định việc tổ chức đảng đó trực thuộc cấp ủy cấp trên nào cho phù hợp*".

6. Những vấn đề về đại hội Đảng

6.1. Về nhiệm kỳ đại hội đảng ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập giữa nhiệm kỳ

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành: Đối với những trường hợp nêu trên thì "cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý".

Loại ý kiến thứ hai đề nghị bổ sung quy định: Từ tổ chức cơ sở đảng trở lên, nếu được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập giữa nhiệm kỳ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy chính thức; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ của các cấp ủy này không nhất thiết phải là 5 năm.

Nhiều ý kiến đề nghị cho rằng nên thực hiện theo loại ý kiến thứ hai, vì thực tiễn cho thấy luôn có việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập một số tổ chức đảng giữa nhiệm kỳ. Do vậy, nếu nhiệm kỳ của các cấp ủy này cũng là 5 năm thì sẽ không

khớp với nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc và đa số các đảng bộ khác; phải đại hội nhiều lần chỉ với hai hoặc ba nội dung (ví dụ như trường hợp hợp nhất Hà Nội - Hà Tây, hợp nhất các đảng bộ khối ở Trung ương, nếu không chỉ định cấp ủy chính thức thì tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, các đảng bộ này chỉ tiến hành đại hội với ba nội dung; việc bầu cấp ủy phải chờ hết nhiệm kỳ 5 năm).

6.2. Về vấn đề đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy

Điều lệ Đảng và Quy chế bầu cử trong Đảng hiện hành quy định: Đại hội bầu cấp ủy; cấp ủy bầu ban thường vụ, bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên ban thường vụ, bầu ủy ban kiểm tra. Đại hội đảng bộ từ cấp cơ sở trở lên sau khi bầu cấp ủy thì tiến hành lấy phiếu giới thiệu của đại biểu đại hội đối với chức danh bí thư. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Bộ Chính trị đã chỉ đạo chọn từ 5 - 7% đảng bộ cơ sở thực hiện thí điểm chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở trực tiếp bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; chọn từ 15 - 20% đảng bộ cấp trên cơ sở, đảng bộ trực thuộc Trung ương thí điểm thực hiện chủ trương đại hội trực tiếp bầu bí thư trong dịp đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Có ý kiến đề nghị đưa chủ trương Đại hội các cấp trực tiếp bầu Bí thư vào Điều lệ Đảng. Tại Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp ở nước ta cũng đã trực tiếp bầu người đứng đầu, Đảng ta cũng nên như vậy. Tuy nhiên, khi thực hiện chủ trương này, Trung ương cần có hướng dẫn, quy định cụ thể để đảm bảo đúng định hướng công tác cán bộ, phòng ngừa các biểu hiện tiêu cực. Quy trình bầu cử cũng phải thay đổi cho phù hợp.

Cũng cần nghiên cứu, xử lý trong Điều lệ Đảng trường hợp có biến động về nhân sự Tổng Bí thư trong nhiệm kỳ theo hướng: giao Ban Chấp hành Trung ương (là cơ quan lãnh đạo của Đảng giữa hai kỳ đại hội) bầu Tổng Bí thư mà không nhất thiết phải tổ chức Đại hội đại biểu hoặc hội nghị giữa nhiệm kỳ; giao đồng chí Thường trực Ban Bí thư chủ trì công tác đảng trong thời gian chưa có Tổng Bí thư mới (việc này nên ghi trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, không cần thiết quy định trong Điều lệ Đảng).

6.3. Thẩm quyền, nhiệm vụ của các đại biểu đại hội đảng sau đại hội

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất đề nghị giữ như quy định hiện hành, không quy định thẩm quyền của đại biểu sau đại hội.

Loại ý kiến thứ hai đề nghị bổ sung thẩm quyền, nhiệm vụ của đại biểu dự đại hội đảng các cấp sau đại hội, cho rằng trong bối cảnh hiện nay, Đảng ta đang tăng cường công tác giám sát và phát huy dân chủ, thì việc quy định một số nhiệm vụ cho đại biểu đại hội đảng các cấp sau đại hội là vấn đề cần được nghiên cứu, đưa thành quy định trong Điều lệ Đảng.

Nhiều ý kiến cho rằng chưa nên quy định thẩm quyền, trách nhiệm của đại biểu sau đại hội, vì khác với đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân, đại biểu dự đại hội đảng không sinh hoạt thường xuyên, thiếu thông tin. Việc quy định thẩm quyền của đại biểu sau đại hội được tiếp tục tham gia quyết định những vấn đề hệ trọng của Đảng cần được cân nhắc thận trọng.

7. Quy định về thí điểm một số chủ trương mới

Trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X, Ban Bí thư được giao quyền chỉ đạo làm thí điểm một số chủ trương, chính sách mới nhưng chưa có quy định trong Điều lệ Đảng.

Để có căn cứ cho việc chỉ đạo thực hiện thí điểm một số chủ trương nhằm nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm trước khi đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, nhiều ý kiến đề nghị bổ sung vào Điều 17 của Điều lệ Đảng một khoản quy định về việc *giao Ban Chấp hành Trung ương chỉ đạo thí điểm một số chủ trương mới chưa có hoặc khác với quy định của Điều lệ Đảng*.

8. Về tổ chức ban cán sự đảng, đảng đoàn

- Về mô hình ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban đảng ở Trung ương đã tiến hành nghiên cứu, tổng kết và có báo cáo riêng về vấn đề này. Theo đó, Ban Tổ chức Trung ương đề nghị: *“cơ bản giữ mô hình như hiện có, bổ sung thành phần nhân sự một số đảng đoàn, ban cán sự đảng; kết thúc hoạt động của ban cán sự*

đảng ngân hàng cấp tỉnh, thành phố; rà soát, bổ sung một số nội dung, quy định cho phù hợp". Qua thảo luận, Bộ Chính trị cho rằng vẫn cần có mô hình tổ chức ban cán sự đảng, đảng đoàn như hiện nay, vì đây là tổ chức của Đảng được thành lập để bảo đảm vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tuy vậy, cần làm rõ hơn và chỉnh sửa chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác để có tính khả thi, phù hợp với thực tế và nâng cao chất lượng hoạt động của các ban cán sự đảng, đảng đoàn.

Có ý kiến đề nghị tiếp tục nghiên cứu giảm đầu mối các ban cán sự đảng, đảng đoàn; ở Trung ương chỉ giữ lại Ban Cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp; Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, một số tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Ở địa phương không nhất thiết phải tổ chức ban cán sự đảng, đảng đoàn; có chăng chỉ nên tổ chức ở các cơ quan tư pháp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Về chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng, đảng đoàn quy định tại khoản 3 Điều 42, Điều 43 Điều lệ Đảng hiện hành, có hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất đề nghị không nên quy định đảng đoàn, ban cán sự đảng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng mà chỉ nên là *lãnh đạo công tác kiểm tra*.

Loại ý kiến thứ hai đề nghị không nên quy định đảng đoàn, ban cán sự đảng có nhiệm vụ phải kiểm tra cũng như

lãnh đạo công tác này, vì đảng đoàn, ban cán sự đảng không có bộ máy chuyên trách giúp việc như các cấp ủy đảng. Trong thực tế, các ban cán sự đảng, đảng đoàn không thực hiện được và không đủ điều kiện để thực hiện công tác kiểm tra.

9. Vấn đề nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo Đảng, Nhà nước

Vấn đề nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã được đề cập trước và trong Đại hội X của Đảng. Tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, một số đồng chí Ủy viên Trung ương đề nghị tiếp tục xem xét vấn đề này.

- Ở Trung ương, có ý kiến đề nghị đồng chí Tổng Bí thư cần được giới thiệu để Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch nước, vì Tổng Bí thư là người đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương, là Bí thư Quân ủy Trung ương. Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thống lĩnh các lực lượng vũ trang, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và an ninh (theo quy định của Hiến pháp). Vì vậy, loại ý kiến này cho rằng nhất thể hóa được hai chức danh này thì có nhiều thuận lợi trong công tác. Mặt khác, ở nhiều nước trên thế giới, người đứng đầu đảng cầm quyền thường đồng thời là người đứng đầu Nhà nước; các nước xã hội chủ nghĩa cơ bản cũng theo mô hình này. Nếu nhất thể hóa được hai chức danh nêu trên thì cũng thuận lợi cho công tác đối ngoại.

Ý kiến khác lại cho rằng không nhất thiết phải theo mô hình các nước mà cần lưu ý đến đặc điểm của nước ta, nguyên tắc tổ chức, hoạt động và truyền thống của Đảng ta.

- Ở địa phương, nhiều ý kiến đề nghị người đứng đầu cấp ủy cần đồng thời là người đứng đầu chính quyền địa phương (chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân). Tuy nhiên, nên đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân hay chủ tịch ủy ban nhân dân thì còn có ý kiến khác nhau.

Nhiều ý kiến cho rằng đây là vấn đề liên quan đến phương thức lãnh đạo của Đảng, pháp luật không cấm việc giới thiệu, còn việc Đảng giới thiệu người đứng đầu của Đảng ở các cấp đảm nhiệm chức vụ gì trong các cơ quan nhà nước là thời điểm tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, con người cụ thể; không nhất thiết phải quy định trong Điều lệ Đảng.

- Cũng có ý kiến đề nghị nghiên cứu phương án có chức danh Chủ tịch Đảng kiêm Chủ tịch nước và vẫn có chức danh Tổng Bí thư để điều hành các công việc hằng ngày của Đảng. Ngược lại, có ý kiến cho rằng chức danh Chủ tịch Đảng chỉ nên dành cho Bác Hồ, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta.

10. Về kỷ luật trong Đảng

10.1. Thẩm quyền kỷ luật đảng viên: Khoản 1 Điều 36 Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

"Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (*kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý*) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (*trừ nhiệm vụ do cấp trên giao*)".

Tuy vậy, tại các khoản 2, 3, 4 Điều 36 lại chưa thể hiện nội dung giao cho cấp ủy, ủy ban kiểm tra từ cấp ủy cấp huyện và tương đương trở lên thẩm quyền quyết định kỷ

luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên (*kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý*) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (*trừ nhiệm vụ do cấp trên giao*).

Cũng có ý kiến cho rằng chỉ cần quy định như Điều lệ Đảng khóa IX là: "*Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ*", vì khi nói đảng viên trong chi bộ là đã bao hàm mọi đảng viên, kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý. Trong thực tế của nhiệm kỳ vừa qua, việc chi bộ quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý sinh hoạt tại chi bộ vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (*trừ nhiệm vụ do cấp trên giao*) đã không xảy ra. Nếu giữ như quy định của Điều lệ Đảng từ khóa IX trở về trước thì không cần bổ sung, sửa đổi gì thêm tại các khoản 2, 3, 4 Điều 36; còn nếu giữ như quy định của khoản 1 Điều 36 Điều lệ Đảng hiện hành thì cũng cần bổ sung, sửa đổi các khoản khác cho thống nhất.

10.2. Thẩm quyền kỷ luật cán bộ:

Khoản 4 Điều 36 Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên... quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là *cán bộ* thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy cấp dưới trực tiếp".

Nhiều ý kiến đề nghị nghiên cứu sửa đổi về thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên là cán bộ (có chức vụ) cho nhất quán trong Điều lệ Đảng. Theo đó, cấp nào quản lý, đề bạt,

bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý của cán bộ thì mới có thẩm quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với cán bộ đó; còn khi cần ủy quyền thì căn cứ vào mức độ, tính chất vi phạm mà ủy quyền.

10.3. Về các hình thức kỷ luật và giải quyết khiếu nại về kỷ luật trong Đảng: Có ý kiến đề nghị nên có hình thức lưu đảng như một số nhiệm kỳ trước đây. Ý kiến khác cho rằng, để đảm bảo chất lượng đảng viên thì nên giữ nguyên bốn hình thức kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng hiện hành là: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

- Về giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng, có ý kiến đề nghị quy định: "Cấp trên cách một cấp của cấp quyết định thi hành kỷ luật là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng..." để khắc phục tình trạng khiếu nại vượt cấp tràn lan.

Ý kiến khác lại cho rằng, để đảm bảo quyền của đảng viên, nên giữ nguyên như quy định tại khoản 7 Điều 39 Điều lệ Đảng hiện hành: đảng viên có quyền khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương. Hơn nữa, thực tế cho thấy việc khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương xảy ra không nhiều.

11. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân

11.1. Đảng ủy Quân sự Trung ương đề nghị bổ sung hai nội dung vào khoản 1 Điều 25; (1) *sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng*

quyết định những vấn đề cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; (2) Nhà nước thống nhất quản lý đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Toàn bộ nội dung này được diễn đạt như sau: "Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; *sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng quyết định những vấn đề cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt của toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước; Nhà nước thống nhất quản lý Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.* Qua thảo luận, nhiều ý kiến đồng ý với cách đề xuất này; ý kiến khác lại đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành.

11.2. Cụ thể hóa một số chức danh và vai trò chỉ đạo của Đảng đối với Quân đội:

a) Tại khoản 1, 3 Điều 26 Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

"1. Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm *một số* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân

đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và *cán bộ chính trị* đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên".

Đảng ủy Quân sự Trung ương đề nghị thay cụm từ "Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương)" bằng cụm từ "Quân ủy Trung ương", thay hai từ "một số" bằng từ "các" trong đoạn "*một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong quân đội*"; bổ sung cụm từ "đồng chí Tổng Bí thư là Bí thư Quân ủy Trung ương" vào khoản 1 Điều 26. Tại khoản 2 Điều 26 bổ sung nội dung "Quân ủy Trung ương chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị và công tác cán bộ trong Quân đội". Thay cụm từ "cán bộ chính trị" bằng cụm từ "chính ủy, chính trị viên" ở khoản 3 Điều 26. Nội dung này được diễn đạt như sau:

"1. Quân ủy Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định, gồm các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị,

Ban Bí thư. *Đồng chí Tổng Bí thư làm Bí thư Quân ủy Trung ương.*

2. Quân ủy Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; *chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị và công tác cán bộ trong Quân đội; lãnh đạo toàn quân về mọi mặt.*

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và *chính ủy, chính trị viên* đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp, sự chỉ đạo *của chính ủy, chính trị viên* và cơ quan chính trị cấp trên".

b) Khoản 4, Điều 27 của Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương".

Đảng ủy Quân sự Trung ương đề nghị sửa lại khoản này như sau: "Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương *được ban thường vụ cấp ủy địa phương chỉ định tham gia. Đồng*

chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp.

Qua thảo luận, nhiều ý kiến nhất trí như đề xuất của Đảng ủy Quân sự Trung ương về việc nêu rõ các chức danh, như: *đồng chí Tổng Bí thư là Bí thư Quân ủy Trung ương; đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp; thay cụm từ "cơ quan chính trị và cán bộ chính trị" bằng cụm từ "chính ủy, chính trị viên"* trong các quy định của Điều lệ Đảng. Tuy nhiên, về tên gọi Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) thì còn có ý kiến khác nhau. Nhiều ý kiến cho rằng cách gọi này đã được diễn đạt trong Điều lệ Đảng nhiều nhiệm kỳ là phù hợp, cũng thống nhất như tên gọi của hệ thống các tổ chức khác của đảng (ban chấp hành đảng bộ tỉnh, huyện... gọi tắt là tỉnh ủy, huyện ủy, v.v.). Nếu thay đổi tên gọi, chỉ gọi là Quân ủy Trung ương nhưng không thay đổi chức năng, nhiệm vụ thì cũng không có nhiều ý nghĩa, không nhất thiết phải sửa đổi trong Điều lệ Đảng. Có ý kiến cho rằng khi gọi là Quân ủy Trung ương thì Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy quân khu, quân đoàn,... đổi tên như thế nào?

Việc sử dụng cụm từ "một số" khi nói về cơ cấu của Đảng ủy Quân sự Trung ương là nhằm cụ thể hóa quyền lãnh đạo và tính linh hoạt trong thẩm quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Nếu thay cụm từ "một số" bằng từ "các" (nghĩa là tất cả) thì không còn tính linh hoạt và thẩm quyền này không còn ý nghĩa.

12. Một số ý kiến đề nghị cần có chương quy định về Đảng huy, Đảng kỳ, Đảng ca trong Điều lệ để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

*

* *

Ngoài những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng nêu trên, trong dịp bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng lần này cũng cần rà soát lại bố cục, khái niệm, câu chữ trong Điều lệ, nếu thấy cần thì chỉnh lý lại cho đúng và phù hợp với tình hình mới.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG

CÁC VĂN BẢN CỤ THỂ HÓA THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG KHÓA X

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung	Cơ quan ban hành
1	Quy chế số 09-QĐ/TW	4-8-2006	Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Ban Chấp hành Trung ương
2	Quyết định số 10-QĐ/TW	11-8-2006	Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Ban Chấp hành Trung ương
3	Nghị quyết số 14-NQ/TW	30-7-2007	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng	Ban Chấp hành Trung ương
4	Quy định số 15-QĐ/TW	28-8-2006	Quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân	Ban Chấp hành Trung ương
5	Hội nghị lần thứ 4, 5, 6, 9 Ban Chấp hành Trung ương		Ban hành các nghị quyết hoặc kết luận để cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội X về công tác xây dựng Đảng và thực hiện Điều lệ Đảng	Ban Chấp hành Trung ương

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung	Cơ quan ban hành
6	Quy định số 23-QĐ/TW	31-10-2006	Quy định thi hành Điều lệ Đảng	Bộ Chính trị
7	Quyết định số 25-QĐ/TW	24-11-2006	Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	Bộ Chính trị
8	Quy định số 105-QĐ/TW	20-11-2007	Quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân	Bộ Chính trị
9	Quy định số 88-QĐ/TW	1-10-2007	Quy định về tổ chức đảng trong Công an nhân dân	Bộ Chính trị
10	Quy định số 58-QĐ/TW	7-5-2008	Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ	Bộ Chính trị
11	Quy định số 94-QĐ/TW	15-10-2008	Về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm	Bộ Chính trị

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung	Cơ quan ban hành
12	Các quyết định của Bộ Chính trị		Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương	Bộ Chính trị
13	Quy định số 115-QĐ/TW	7-12-2007	Về những điều đảng viên không được làm	Bộ Chính trị
14	Quyết định số 158-QĐ/TW	12-5-2008	Quy chế chất vấn trong Đảng	Bộ Chính trị
15	Quyết định số 220-QĐ/TW	17-4-2009	Về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng	Bộ Chính trị
16	Quyết định số 173-QĐ/TW	8-7-2008	Về Quy trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Bộ Chính trị
17	Quyết định số 174-QĐ/TW	8-7-2008	Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Bộ Chính trị

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung	Cơ quan ban hành
18	Quyết định số 190-QĐ/TW	29-9-2008	Quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý	Bộ Chính trị
19	Các quy định, quy chế của Bộ Chính trị		Quy định, quy chế về công tác kiểm tra, tuyên giáo, dân vận, tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ	Bộ Chính trị
20	Các quy định, quyết định của Ban Bí thư		Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy; tổ chức cơ sở đảng	Ban Bí thư
21	Các quyết định, quy định của Ban Bí thư		Về quy chế làm việc; quy chế phối hợp công tác của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy	Ban Bí thư
22	Các quyết định của Ban Bí thư		Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các ban đảng ở Trung ương, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các cơ quan nội chính và một số cơ quan khác ở Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng	Ban Bí thư

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung	Cơ quan ban hành
23	Thông báo số 226-TB/TW	3-3-2009	Về tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng	Ban Bí thư
24	Các quy định của Ban Bí thư		Về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; tổ chức cơ quan chính trị trong quân đội nhân dân Việt Nam	Ban Bí thư
25	Hướng dẫn của các cơ quan tham mưu giúp việc của Trung ương		Hướng dẫn về thi hành Điều lệ Đảng; hướng dẫn về công tác tuyên giáo, dân vận, văn phòng, kiểm tra, giám sát, tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ	Các cơ quan tham mưu giúp việc của Trung ương
26	Quyết định của các cơ quan tham mưu giúp việc của Trung ương		Về quy chế làm việc của các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương	Các cơ quan tham mưu giúp việc của Trung ương
27	Nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn của các cấp ủy, tổ chức đảng		Về lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng thi hành Điều lệ Đảng	Các cấp ủy, tổ chức đảng
28	Quyết định của các cấp ủy, tổ chức đảng		Về quy chế làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng	Các cấp ủy, tổ chức đảng

Phụ lục II

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN Năm 2006

Chỉ tiêu	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp có phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn nước ngoài		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quán đối, công an	Loại hình khác
								Tổng	Trong đó: 100% vốn nhà nước				
Đảng viên có mặt đến thời điểm đánh giá chất lượng	3.189.993	100,00	1.439.934	499.199	226.473	108.111	8.316	5.616	5.113	280.460	178.085	403.922	16.234
<i>Chia ra:</i>													
+ Đảng viên được miễn đánh giá chất lượng	194.975	6,11	133.428	49.558	472	364	22	30	6	1.550	723	8.787	41
+ Đảng viên chưa được đánh giá	74.963	2,35	41.668	9.978	3.976	2.166	360	51	27	5.235	3.784	4.929	2.816
+ Đảng viên đã được đánh giá chất lượng	2.920.055	91,54	1.282.884	443.295	222.902	106.199	7.927	5.535	1.157	275.753	172.271	393.281	10.008
Phân tích kết quả đảng viên được đánh giá chất lượng	2.920.055	100,00	1.282.884	443.295	222.902	106.199	7.927	5.535	1.157	275.753	172.271	393.281	10.008
A. Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	2.118.065	72,54	840.085	295.825	174.254	77.137	5.721	4.459	862	237.927	145.312	329.065	8.280
<i>Trong đó: Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	405.549	13,89	165.238	61.579	30.206	12.815	886	706	121	49.848	27.119	53.965	800
B. Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ	778.284	26,65	428.967	145.749	47.254	28.495	2.222	1.055	295	36.575	25.368	60.926	1.673
<i>Trong đó: Đảng viên hoàn thành nhưng có mặt hạn chế</i>	239.331	8,20	134.500	39.292	12.200	7.088	316	313	50	10.729	6.884	27.681	328
<i>Chia ra: + Hạn chế về năng lực</i>	173.437	5,94	93.791	27.925	9.943	5.023	238	269	38	8.743	5.297	21.945	263
+ Còn khuyết điểm trong công tác sinh hoạt đảng	62.364	2,14	38.731	11.123	2.065	1.880	75	39	10	1.714	1.488	5.210	39
+ Là người đứng đầu mà đơn vị chưa hoàn thành nhiệm vụ	3.530	0,12	1.990	252	186	171	3	5	2	272	99	526	26
C. Đảng viên vi phạm tư cách	23.706	0,81	13.617	2.212	1.324	582	22	21	0	1.935	746	3.189	55
+ Vi phạm các hình thức kỷ luật năm	15.762	0,54	8.545	1.555	958	338	11	21	0	1.482	513	2.296	43
+ Không hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn	3.818	0,13	2.153	331	217	167	8	0	0	261	107	564	10
+ Không chấp hành gây mất đoàn kết	1.158	0,04	869	91	37	20	0	0	0	38	29	71	3
+ Qua kiểm điểm đánh giá vi phạm	2.968	0,10	2.051	235	107	57	3	0	0	156	102	257	0

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN
Năm 2007

Chi tiêu	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp có phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn nước ngoài		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, công an	Loại hình khác
								Tổng số	Trong đó: 100% vốn nhà nước				
Đảng viên có mặt đến thời điểm đánh giá chất lượng	3.337.004	100,00	1.518.109	536.768	197.865	128.115	11.587	6.612	1.009	303.623	196.717	421.345	16.263
<i>Chia ra:</i>													
+ Đảng viên được miễn đánh giá chất lượng	205.182	6,15	140.972	54.577	528	245	36	10	7	1.536	700	6.545	33
+ Đảng viên chưa được đánh giá	68.304	2,05	40.569	9.798	3.335	2.561	383	156	26	4.119	3.039	4.181	163
+ Đảng viên đã được đánh giá chất lượng	3.063.518	91,80	1.336.567	472.394	194.002	125.309	11.168	6.446	976	297.968	192.978	410.619	16.067
Phân tích kết quả đảng viên được đánh giá chất lượng	3.063.518	100,00	1.336.567	472.394	194.002	125.309	11.168	6.446	976	297.968	192.978	410.619	16.067
A. Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	2.234.644	72,94	893.534	324.977	155.309	92.946	7.807	5.078	716	246.046	156.613	348.317	4.017
<i>Trong đó: Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	373.579	16,72	148.848	53.145	26.402	14.960	1.215	559	84	48.334	27.859	50.594	1.663
B. Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ	769.829	25,13	430.134	145.247	37.654	31.739	3.313	1.338	258	34.618	25.356	59.265	1.165
<i>Trong đó: Đảng viên hoàn thành nhưng có mặt hạn chế</i>	227.777	7,44	134.219	41.457	9.687	6.849	740	339	44	9.623	5.751	18.849	263
<i>Chia ra:</i>													
+ Hạn chế về năng lực	153.646	5,02	86.374	29.080	7.469	4.965	556	239	31	6.963	4.203	13.593	204
+ Còn khuyết điểm trong công tác sinh hoạt đảng	70.672	2,31	45.793	12.106	2.066	1.782	167	95	13	2.465	1.459	4.709	30
+ Là người đứng đầu mà đơn vị chưa hoàn thành nhiệm vụ	3.459	0,11	2.052	271	143	110	17	6	0	195	89	547	29
C. Đảng viên vi phạm tư cách	22.413	0,73	12.899	2.170	1.039	624	48	30	2	1.742	776	3.037	48
+ Vi phạm các hình thức kỷ luật năm	15.239	0,50	8.364	1.469	731	395	23	20	2	1.381	588	2.239	29
+ Không hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn	4.713	0,15	2.890	448	238	184	20	5	0	263	121	539	5
+ Không chấp hành gây mất đoàn kết	1.566	0,05	1.134	170	56	19	3	3	0	58	45	64	14
+ Qua kiểm điểm đánh giá vi phạm	895	0,03	511	83	14	26	2	2	0	40	22	195	0

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN
Năm 2008

Chi tiêu	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp có phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn nước ngoài		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, công an	Loại hình khác
								Tổng số	Trong đó: 100% vốn nhà nước				
Đảng viên có mặt đến thời điểm đánh giá chất lượng	3.478.783	100,00	1.568.347	575.124	203.149	135.059	13.421	6.015	1.219	314.012	206.899	440.371	16.386
<i>Chia ra:</i>													
+ Đảng viên được miễn đánh giá chất lượng	216.714	6,23	143.302	61.777	672	469	54	24	2	1.675	1.028	7.632	81
+ Đảng viên chưa được đánh giá	68.924	1,98	38.074	9.592	5.027	2.088	279	97	16	4.011	3.151	3.417	3.188
+ Đảng viên đã được đánh giá chất lượng	3.193.145	91,79	1.386.971	503.755	197.450	132.502	13.088	5.894	1.201	308.326	202.720	429.322	13.117
Phân tích kết quả đảng viên được đánh giá chất lượng	3.193.145		1.386.971	503.755	197.450	132.502	13.088	5.894	1.201	308.326	202.720	429.322	13.117
A. Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	417.697	18,25	166.113	63.848	26.660	18.348	1.317	726	457	54.845	30.630	52.562	2.648
B. Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	2.288.609	71,67	956.733	358.847	147.354	92.737	9.274	4.427	574	233.902	156.337	320.130	8.868
C. Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ	464.849	14,56	251.637	78.805	22.344	20.678	2.459	721	167	17.951	14.938	53.794	1.522
<i>Trong đó: Đảng viên hoàn thành nhưng có mặt hạn chế</i>	127.977	4,01	72.590	21.249	4.613	4.293	376	232	8	4.591	4.621	15.243	169
D. Đảng viên vi phạm tư cách	21.990	0,69	12.488	2.255	1.092	739	38	20	3	1.628	815	2.836	79
+ Vi phạm các hình thức kỷ luật năm	14.587	0,46	7.931	1.503	732	401	25	16	1	1.202	514	2.211	52
+ Không hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn	4.833	0,15	3.141	448	217	199	6	3	2	291	186	321	21
+ Không chấp hành gây mất đoàn kết	1.636	0,05	893	209	97	95	7	1	0	94	82	155	3
+ Qua kiểm điểm đánh giá vi phạm	934	0,03	523	95	46	44	0	0	0	41	33	149	3

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG

ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP
Từ 1-1-2006 đến 30-6-2009

Đơn vị: *Người*

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	6 tháng đầu năm 2009	Tổng cộng
I - Đảng viên mới kết nạp	187.179	186.609	184.720	84.669	643.177
<i>Trong đó:</i>					
- Kết nạp lại	248	179	173	88	688
- Phụ nữ	69.382	69.312	68.415	31.015	238.124
- Dân tộc ít người	23.308	23.008	23.025	10.158	79.499
- Tôn giáo	4.243	4.491	4.667	1.920	15.321
- Là đoàn viên thanh niên cộng sản	121.281	124.018	123.093	56.106	424.498
- Cán bộ, công chức nhà nước	27.542	27.722	27.927	13.065	96.256
- Viên chức hoạt động sự nghiệp	41.419	42.729	42.940	20.898	147.986
- Viên chức kinh doanh	11.694	9.835	10.985	4.848	37.362
- Công nhân lao động	14.060	14.346	13.454	5.470	47.330
- Nông dân	42.396	41.260	37.027	15.196	135.879

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	6 tháng đầu năm 2009	Tổng cộng
- Sĩ quan, chiến sĩ quân đội	33.173	34.815	35.254	17.891	121.133
- Sinh viên, học sinh	5.426	5.308	4.591	2.058	17.383
II - Phân tích đảng viên mới kết nạp					
1. Tuổi đời	187.179	186.609	184.720	84.669	643.177
- Từ 18 - 30	119.756	120.000	120.459	54.488	414.703
- Từ 31 - 40	47.506	47.240	46.461	22.434	163.641
- Từ 41 - 50	18.501	17.967	16.148	6.923	59.539
- Từ 51 tuổi trở lên	1.416	1.402	1.652	824	5.294
- Tuổi bình quân	29,28	29,22	29,22	29,09	29,15
2. Trình độ học vấn phổ thông	187.179	186.609	184.720	84.669	643.177
- Biết chữ quốc ngữ	48	13	3	4	68
- Tiểu học	1.237	1.058	1.031	366	3.692
- Trung học cơ sở	20.031	18.374	16.910	7.065	62.380
- Trung học phổ thông	165.863	167.164	166.776	77.234	577.037
3. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	119.920	122.356	125.110	56.749	424.135
- Công nhân kỹ thuật, nhân viên	13.325	13.090	11.951	5.517	43.883
- Trung học chuyên nghiệp	41.801	41.523	43.472	17.871	144.667
- Cao đẳng	19.714	19.051	19.509	8.563	66.837
- Đại học	43.502	47.042	48.348	23.580	162.472

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	6 tháng đầu năm 2009	Tổng cộng
- Thạc sĩ	1.423	1.478	1.657	1.118	5.676
- Tiến sĩ	147	167	171	99	584
- Tiến sĩ khoa học	8	5	2	1	16
III- Số đơn vị cơ sở có đến cuối kỳ	61.958	62.954	68.285	62.318	
1. Số đơn vị chưa có tổ chức cơ sở đảng	8.861	9.705	14.296	7.751	
2. Số đơn vị đã có tổ chức cơ sở đảng	53.195	53.249	53.989	54.567	
Trong đó:					
- Có kết nạp đảng viên	33.486	33.451	34.357	23.724	
- Không còn quân chúng	3.750	3.588	3.669	3.701	

Phụ lục IV

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
Năm 2006

Biểu 7A

Chỉ tiêu	Tổng số	Tỷ lệ	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, công an	Loại hình khác
								Tổng số	Trong đó: 100% vốn nhà nước				
A- Số tổ chức cơ sở đảng có đến cuối năm	51.968		9.049	1.805	5.393	3.495	588	182	58	16.413	6.304	8.338	401
1. Số tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng	51.297	100,00	9.041	1.799	5.264	3.432	529	175	53	16.239	6.183	8.262	373
Kết quả đánh giá													
+ Trong sạch, vững mạnh	40.333	78,63	5.402	1.396	4.150	2.310	302	112	26	13.783	5.104	7.506	268
Trong đó: Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	9.591	18,70	1.378	392	1.026	349	47	17	1	3.276	856	2.208	42
+ Hoàn thành nhiệm vụ	10.185	19,85	3.392	378	1.001	1.039	215	60	25	2.301	1.002	697	100
+ Yếu kém	779	1,52	247	25	113	83	12	3	2	155	77	59	5

Chỉ tiêu	Tổng số	Tỷ lệ	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, công an	Loại hình khác
								Tổng số	Trong đó: 100% vốn nhà nước				
2. Số tổ chức cơ sở đảng chưa được đánh giá chất lượng	671	1,31	8	6	129	63	59	7	5	174	121	76	28
Trong đó: Mới thành lập	409	0,80	4	3	55	43	49	5	4	129	101	11	9
B- Số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở	200.941		101.073	26.329	15.805	8.358	292	346	51	13.974	9.703	24.530	531
Trong đó số chi bộ đã được đánh giá chất lượng	199.244	100,00	100.596	26.153	15.644	8.293	282	340	50	13.856	9.631	23.979	470
Kết quả đánh giá													
+ Trong sạch, vững mạnh	159.426	80,02	72.572	22.454	13.427	6.719	229	300	39	12.679	8.839	21.809	398
Trong đó: Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	25.457	12,78	11.343	3.709	2.030	1.075	29	43	10	2.423	1.398	3.396	11
+ Hoàn thành nhiệm vụ	38.707	19,43	27.342	3.617	2.162	1.551	51	40	11	1.114	768	1.992	70
+ Yếu kém	1.111	0,55	682	82	55	23	2	0	0	63	24	178	2

Phụ lục IV

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNGBÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
Năm 2007

Chỉ tiêu	Tổng số	Tỷ lệ	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư NN ¹⁾		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, công an	Loại hình khác
								Tổng số	Trong đó: 100% vốn NN				
A- Số tổ chức cơ sở đảng có đến cuối năm	53.212		9.104	1.866	5.144	3.930	775	202	53	16.801	6.690	8.396	304
1. Số tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng	52.633	100,00	9.095	1.862	5.070	3.841	710	184	49	16.628	6.584	8.366	293
Kết quả đánh giá													
+ Trong sạch, vững mạnh	41.804	79,43	5.594	1.428	4.119	2.633	401	118	26	14.190	5.424	7.693	204
Trong đó: Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	9.249	17,57	1.358	412	885	386	49	18	1	3.179	889	2.050	23
+ Hoàn thành nhiệm vụ	10.147	19,28	3.290	415	891	1.108	290	63	22	2.291	1.104	611	84

1. NN: Nhà nước (B.T).

Chi tiêu	Tổng số	Tỷ lệ	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư NN		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, công an	Loại hình khác
								Tổng số	Trong đó: 100% vốn NN				
+ Yếu kém	682	1,30	211	19	60	100	19	3	1	147	56	62	5
2. Số tổ chức cơ sở đảng chưa được đánh giá chất lượng	579	1,10	9	4	74	89	65	18	4	173	106	30	11
Trong đó: Mới thành lập	428	0,81	6	2	32	62	59	14	2	129	92	22	10
B- Số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở:	206.145		105.184	27.651	13.562	9.047	556	407	53	14.275	10.063	25.068	332
Trong đó số chi bộ đã được đánh giá chất lượng	205.030	100,00	104.788	27.495	13.463	8.920	529	382	53	14.206	9.980	24.959	308
Kết quả đánh giá													
+ Trong sạch, vững mạnh	166.854	81,38	76.811	23.810	12.164	7.575	404	305	38	13.319	9.278	22.919	269
Trong đó: Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	27.872	13,59	12.531	3.789	1.911	1.159	84	53	6	2.689	1.699	3.933	24
+ Hoàn thành nhiệm vụ	37.198	18,14	27.415	3.620	1.250	1.288	109	77	15	852	682	1.870	35
+ Yếu kém	978	0,48	562	65	49	57	16	0	0	35	20	170	4

Phụ lục IV

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
Năm 2008**

Chi tiêu	Tổng số	Tỷ lệ	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, công an	Loại hình khác
								Tổng số	Trong đó: 100% vốn nhà nước				
A- Số tổ chức cơ sở đảng có đến cuối năm	53.912		9.144	1.921	4.985	4.194	869	184	61	16.815	7.009	8.404	387
1. Số tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng	53.272	100,00	9.132	1.916	4.877	4.110	811	180	59	16.564	6.918	8.386	378
Kết quả đánh giá													
+ Trong sạch, vững mạnh	38.221	71,75	4.567	1.272	3.585	2.335	389	84	23	13.254	5.088	7.410	237
Trong đó: Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	7.925	14,88	1.052	352	845	326	44	12	1	2.601	751	1.920	22
+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	10.163	19,08	2.995	484	864	1.041	229	56	19	2.538	1.383	487	86
+ Hoàn thành nhiệm vụ	4.320	8,11	1.396	137	378	639	179	38	16	667	387	450	49

Chi tiêu	Tổng số	Tỷ lệ	Xã	Phường, thị trấn	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, công an	Loại hình khác
								Tổng số	Trong đó: 100% vốn nhà nước				
+ Yếu kém	568	1,07	174	23	50	95	14	2	1	105	60	39	6
2. Số tổ chức cơ sở đảng chưa được đánh giá chất lượng	640	1,20	12	5	108	84	58	4	2	251	91	18	9
Trong đó: Mới thành lập	501	0,94	8	3	70	61	50	4	2	212	79	5	9
B- Số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở:	218.981		113.196	30.277	12.865	9.781	537	218	68	15.252	10.285	26.047	523
Trong đó số chi bộ đã được đánh giá chất lượng	216.917	100,00	112.288	29.979	12.724	9.691	508	213	68	15.045	10.183	25.809	477
Kết quả đánh giá													
+ Trong sạch, vững mạnh	163.344	75,30	75.153	24.271	10.305	7.275	366	161	52	13.436	8.780	23.264	333
Trong đó: Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	23.251	10,72	9.798	3.515	1.498	985	47	14	4	2.257	1.601	3.484	52
+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	37.071	17,09	25.870	4.274	1.760	1.728	101	35	9	1.158	1.093	961	91
+ Hoàn thành nhiệm vụ	15.819	7,29	10.894	1.377	622	658	40	17	7	416	290	1.460	45
+ Yếu kém	683	0,31	371	57	37	30	1	0	0	35	20	124	8

Phụ lục V

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG

Từ năm 2006 đến năm 2009

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
I	Kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới có dấu hiệu vi phạm					
1	Kiểm tra đảng viên					
	<i>Tổng số đảng viên được kiểm tra</i>	18.678	17.593	15.934	15.917	68.122
	<i>Cấp kiểm tra</i>					
	- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương	388	429	404	480	1.701
	- Ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương	5.092	4.989	4.375	4.133	18.589
	- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở	13.198	12.175	12.155	11.304	48.832
	<i>Là cấp ủy viên các cấp</i>	6.195	6.161	5.993	6.505	24.854
	- Tỉnh ủy viên và tương đương	44	41	55	60	200

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Huyện ủy viên và tương đương	398	509	404	477	1.788
	- Đảng ủy viên	2.838	2.797	2.621	2.556	10.812
	- Chi ủy viên	2.915	2.814	2.913	3.412	12.054
	<i>Kết luận</i>					
	- Đảng viên có vi phạm	13.965	13.374	12.107	11.996	51.442
	- Phải thi hành kỷ luật	7.906	7.587	6.427	6.108	28.028
2	Kiểm tra tổ chức đảng					
	<i>Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra</i>	3.707	3.788	3.693	3.954	15.142
	<i>Cấp kiểm tra</i>					
	- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương	107	111	104	122	444
	- Ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương	1.197	1.164	1.174	1.156	4.691
	- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở	2.403	2.513	2.415	2.676	10.007
	<i>Kết luận</i>					
	- Tổ chức đảng có vi phạm	2.007	2.351	2.247	2.432	9.037
	- Phải thi hành kỷ luật	281	318	271	261	1.131
	- Đã thi hành kỷ luật	238	255	233	223	949

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
II	Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện NVKT¹					
	<i>Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra</i>	44.031	42.055	45.858	41.505	173.449
	<i>Cấp kiểm tra</i>					
	- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương	476	533	580	577	2.166
	- Ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương	14.412	13.021	10.602	10.553	48.588
	- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở	29.143	28.501	34.676	30.375	122.695
	<i>Nội dung kiểm tra</i>					
	- Việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra	38.039	37.270	35.068	35.859	146.236
	- Việc lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động công tác kiểm tra	36.874	35.422	34.618	34.111	141.025
	<i>Kết quả kiểm tra</i>					
	- Số tổ chức đảng có chương trình, kế hoạch kiểm tra	35.824	34.556	32.245	30.459	133.084
	- Số tổ chức đảng đã tiến hành thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra	37.926	34.777	33.311	33.334	139.348
III	Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng					
	<i>Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra</i>	10.113	10.780	9.995	10.570	41.458
	<i>Cấp kiểm tra</i>					
	- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương	409	463	491	484	1.847

1) NVKT: Nhiệm vụ kiểm tra (B.T).

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương	4.394	4.494	4.042	4.305	17.235
	- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở	5.310	5.823	5.462	5.781	22.376
	Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật trong mốc thời gian kiểm tra	9.222	10.993	9.672	10.375	40.262
	<i>Số có khiếu nại sau khi bị thi hành kỷ luật</i>	122	125	98	91	436
	<i>Số bị thi hành kỷ luật không đúng thẩm quyền</i>	96	130	300	416	942
	<i>Số bị thi hành kỷ luật không đúng nguyên tắc, thủ tục</i>	525	423	417	550	1.915
	<i>Số đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật nhưng không thi hành kỷ luật</i>	53	73	68	78	272
IV	Kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng theo Điều 30 Điều lệ Đảng					
1	Kiểm tra đảng viên					
	<i>Tổng số đảng viên được kiểm tra</i>		282.375	308.899	267.017	858.291
	- Có khuyết điểm, vi phạm		3.313	3.314	2.599	9.226
	- Phải thi hành kỷ luật		817	932	747	2.496
2	Kiểm tra tổ chức đảng					
	<i>Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra</i>		49.823	48.410	48.162	146.395
	- Có khuyết điểm, vi phạm		1.776	1.674	1.757	5.207

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Phải thi hành kỷ luật		59	56	38	153
V	Giám sát đảng viên và tổ chức đảng					
1	Giám sát đảng viên					
	<i>Tổng số đảng viên được giám sát</i>		37.927	180.210	113.023	331.160
	- Số đảng viên phát hiện có dấu hiệu vi phạm		947	1.900	2.333	5.180
	- Số đảng viên chuyển kiểm tra dấu hiệu vi phạm		594	932	1.067	2.593
2	Giám sát tổ chức đảng					
	<i>Tổng số tổ chức đảng được giám sát</i>		11.366	39.560	39.020	89.946
	- Số tổ chức đảng phát hiện có dấu hiệu vi phạm		376	804	726	1.906
	- Số tổ chức đảng chuyển kiểm tra dấu hiệu vi phạm		155	193	146	494
VI	Thi hành kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng					
1	Thi hành kỷ luật đảng viên					
	<i>Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật</i>	17.351	18.006	17.743	17.460	70.560
	<i>Hình thức kỷ luật</i>					
	- Khiển trách	7.087	7.847	7.478	6.897	29.309

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Cảnh cáo	6.891	6.683	6.966	7.272	27.812
	- Cách chức	783	1.010	1.100	1.232	4.125
	- Khai trừ	2.590	2.466	2.199	2.059	9.314
	<i>Đình chỉ sinh hoạt đảng</i>	426	648	543	488	2.105
	<i>Cấp thi hành kỷ luật</i>					
	- Tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy và tương đương	98	122	174	105	499
	- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương	183	241	292	207	923
	- Huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy và tương đương	2.259	2.496	2.319	2.178	9.252
	- Ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương	4.500	4.481	4.184	4.116	17.281
	- Đảng ủy cơ sở	6.780	6.175	5.900	6.368	25.223
	- Chi bộ	3.531	4.491	4.736	4.441	17.199
	<i>Nội dung vi phạm</i>					
	- Chính trị	20	28	124	13	185
	- Nguyên tắc tập trung dân chủ	458	596	576	542	2.172

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	4.161	5.294	5.736	6.724	21.915
	- Đoàn kết nội bộ	431	490	341	361	1.623
	- Thiểu trách nhiệm	4.095	4.727	4.411	4.376	17.609
	- Bao che, trù dập	60	76	69	68	273
	- Tham nhũng, lãng phí	678	644	607	476	2.405
	- Buôn lậu, trốn thuế	54	70	67	32	223
	- Quản lý và sử dụng đất đai	839	1.116	1.015	835	3.805
	- Cố ý làm trái, gây hậu quả nghiêm trọng	2.389	2.151	1.748	1.706	7.994
	- Phẩm chất, lối sống	2.603	2.768	2.707	2.294	10.372
	- Các vi phạm khác	2.848	2.281	2.447	2.307	9.883
	<i>Xử lý pháp luật</i>					
	- Số lượng	665	793	878	779	3.115
	Trong đó: + Bị phạt tù (kể cả án treo)	665	689	794	658	2.806
	+ Hình thức khác		56	117	153	326

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	<i>Xử lý hành chính</i>	1.571	1.905	1.720	1.708	6.904
	Đảng viên do từng cấp quản lý					
	- Cấp tỉnh và tương đương	275	379	339	299	1.292
	- Cấp huyện và tương đương	3.368	4.006	3.807	3.610	14.791
	- Cấp cơ sở	13.708	13.621	13.597	13.590	54.516
	<i>Là cấp ủy viên các cấp</i>	5.088	6.021	5.969	6.074	23.152
	- Tỉnh ủy viên và tương đương	10	18	20	17	65
	- Huyện ủy viên và tương đương	250	418	382	361	1.411
	- Đảng ủy viên	2.329	2.945	2.912	2.798	10.984
	- Chi ủy viên	2.499	2.640	2.655	2.898	10.692
	<i>Đảng viên ở các lĩnh vực</i>					
	- Đảng	2.775	2.326	2.540	2.527	10.168
	- Nhà nước	4.955	5.424	5.334	5.645	21.358
	- Đoàn thể	1.319	1.123	1.113	1.108	4.663

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Lực lượng vũ trang	2.763	2.769	2.602	2.438	10.572
	- Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	2.624	2.344	2.268	1.864	9.100
	- Lĩnh vực khác		4.020	3.886	3.878	11.784
2	<i>Thi hành kỷ luật tổ chức đảng</i>					
	<i>Tổng số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật</i>	338	456	435	361	1.590
	- Khiển trách	241	336	304	275	1.156
	- Cảnh cáo	97	120	131	86	434
VII	Giải quyết tố cáo tổ chức đảng và đảng viên					
1	<i>Giải quyết tố cáo tổ chức đảng</i>					
	<i>Tổng số tổ chức đảng bị tố cáo phải giải quyết</i>	222	176	141	159	698
	<i>Đã giải quyết xong</i>	206	174	139	157	676
	<i>Cấp giải quyết</i>					
	- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương	15	17	13	6	51
	- Ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương	149	110	88	96	443

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở	42	47	38	55	182
	<i>Kết luận</i>					
	- Đúng có vi phạm	99	58	37	46	240
	Trong đó: <i>Phải thi hành kỷ luật</i>	35	16	10	18	79
2	<i>Giải quyết tố cáo đảng viên</i>					
	<i>Tổng số phải giải quyết</i>	6.147	4.953	4.227	3.781	19.108
	<i>Đã giải quyết xong</i>	5.573	4.820	3.983	3.629	18.005
	<i>Cấp giải quyết</i>					
	- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương	240	201	214	155	810
	- Ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương	2.657	2.142	1.781	1.575	8.155
	- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở	2.676	2.477	1.988	1.901	9.042
	<i>Kết luận</i>					
	- Chưa có cơ sở kết luận	578	623	567	579	2.347
	- Tổ sai	1.389	1.224	1.017	850	4.480

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Tổ đúng và đúng một phần	3.606	2.885	2.399	2.200	11.090
	- Đúng có vi phạm	2.149	2.143	1.696	1.692	7.681
	- Phải thi hành kỷ luật	1.326	1.208	929	837	4.300
VIII	<i>Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng</i>					
	<i>Tổng số phải giải quyết</i>	487	486	492	410	1.875
	<i>Đã giải quyết xong</i>	443	478	472	397	1.790
	<i>Cấp giải quyết</i>					
	- Ban thường vụ tỉnh ủy và tương đương	42	34	35	39	150
	- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương	114	147	106	119	486
	- Ban thường vụ huyện ủy và tương đương	132	138	143	114	527
	- Ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương	130	124	167	103	524
	- Đảng ủy cơ sở	25	35	21	22	103
	<i>Kết luận</i>					
	- Không thay đổi hình thức kỷ luật	331	342	345	291	1.309

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
	- Tăng hình thức kỷ luật	9	12	8	7	36
	- Giảm hình thức kỷ luật	73	77	91	63	304
	- Xoá hình thức kỷ luật	30	27	28	33	118
IX	Kiểm tra thu chi ngân sách và sản xuất kinh doanh					
	<i>Tổng số tổ chức được kiểm tra</i>	444	1.084	1.141	1.208	3.877
	<i>Nội dung kiểm tra</i>					
	- Thu chi ngân sách	396	1.056	1.174	1.197	3.823
	- Sản xuất kinh doanh	14	21	3	6	44
	- Xây dựng cơ bản, sửa chữa, mua sắm tài sản	44	89	60	62	255
	<i>Tổng số tiền kiến nghị thu hồi (triệu đồng)</i>	<i>1.329</i>	<i>2.304</i>	<i>2.095</i>	<i>1.674</i>	<i>7.402</i>
	- Số tiền đã thu hồi (triệu đồng)	702	1.003	710	460	2.875
	<i>Tổng số đảng viên có vi phạm</i>	<i>24</i>	<i>100</i>	<i>93</i>	<i>89</i>	<i>306</i>
	- Phải thi hành kỷ luật	11	15	26	25	77

STT	NỘI DUNG	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Cộng 4 năm
X	Kiểm tra thu nộp, quản lý và sử dụng đảng phí					
	<i>Tổng số tổ chức được kiểm tra về nộp đảng phí</i>	50.997	49.700	48.529	45.106	194.332
	<i>Tổ chức đảng có vi phạm về thu, nộp đảng phí</i>	<i>2,731</i>	<i>2,273</i>	<i>2,126</i>	<i>1,881</i>	<i>9,011</i>
	- Phải thi hành kỷ luật	8	10	12	17	47
	<i>Tổng số đảng viên được kiểm tra về nộp đảng phí</i>	934.728	910.735	886.451	832.346	3.564.260
	Trong đó: + Số có vi phạm	21.438	14.422	20.825	15.798	72.483
	+ Phải thi hành kỷ luật	97	250	201	35	583

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 67-KL/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2010
Về Dự án đường sắt cao tốc Hà Nội -
Thành phố Hồ Chí Minh

Tại phiên họp ngày 20-3-2010, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải, được sự ủy quyền của Ban Cán sự đảng Chính phủ, báo cáo Dự án đường sắt cao tốc Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, ý kiến tham gia của một số bộ, ngành Trung ương và ý kiến thẩm định của Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Dự án đường sắt cao tốc Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những dự án rất quan trọng, góp phần vào sự phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, tạo cơ sở cho ngành đường sắt phát huy lợi thế, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Việc xây dựng Dự án đường sắt cao tốc là một bước triển khai, cụ thể hóa Kết luận số 27-KL/TW, ngày 17-9-2008 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Chính trị tán thành chủ trương xây dựng đường sắt cao tốc Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Để thực hiện Dự án này, Bộ Chính trị lưu ý những vấn đề sau đây:

- Cần sử dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại, việc lựa chọn phương án tuyến, phương án đầu tư và phân kỳ đầu tư, phải cân nhắc kỹ trên cơ sở hiệu quả kinh tế; khi có điều kiện thuận lợi, có thể rút ngắn thời gian hoàn thành Dự án.

- Cần tính toán kỹ khả năng huy động các loại vốn trong cơ cấu huy động vốn cho đầu tư Dự án (nguồn vốn ngân sách nhà nước, các thành phần kinh tế, vay ODA, vay OCR của các nhà tài trợ như Nhật Bản, WB, ADB...) và khả năng trả nợ để lựa chọn hình thức đầu tư và nguồn vốn cho phù hợp. Vốn đầu tư Dự án phải được cân đối trong tổng thể nhu cầu vốn của nền kinh tế cũng như hệ thống giao thông vận tải quốc gia, không làm ảnh hưởng đến việc cân đối vốn cho nhu cầu đầu tư các ngành, lĩnh vực quan trọng khác theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và những năm tiếp theo của đất nước.

- Cần phân tích đầy đủ nợ quốc gia của nước ta hiện nay và trong thời gian tới khi đầu tư Dự án, đảm bảo nợ quốc gia luôn nằm trong tầm kiểm soát của Nhà nước.

3. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan bổ sung, hoàn chỉnh Dự án và Tờ trình của Bộ Chính trị để báo cáo xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 12 (khóa X); trên cơ sở ý kiến của Trung ương, Chính phủ hoàn chỉnh Dự án trình Quốc hội khóa XII trong Kỳ họp thứ 7 tới vào tháng 5-2010 xem xét, quyết định về chủ trương đầu tư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X***

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Trước hết, thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi xin gửi tới toàn thể các đồng chí về dự Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng lời thăm hỏi và lời chúc mừng tốt đẹp nhất, chúc các đồng chí luôn luôn mạnh khỏe hạnh phúc và đạt nhiều thành tích trên các cương vị công tác của mình.

Theo chương trình, Hội nghị Trung ương lần này sẽ:

1. Thảo luận và thông qua các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng gồm:

* Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 22 đến ngày 28-3-2010 tại Hà Nội. Phục vụ cho việc nghiên cứu Nghị quyết, chúng tôi sắp xếp thành một cụm để bạn đọc tiện theo dõi (B.T).

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011);
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020;
- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng;
- Báo cáo tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

2. Thảo luận về Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

3. Quyết định về số lượng và phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; và một số vấn đề khác.

Đây là những nội dung rất quan trọng chuẩn bị cho Đại hội XI của Đảng. Trước khi Trung ương thảo luận, tôi xin phát biểu một số ý kiến:

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này có nhiệm vụ thảo luận các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI của Đảng để công bố lấy ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các cấp và ý kiến của nhân dân. Đây là một khâu rất quan trọng trong xây dựng Đảng về chính trị - vấn đề cốt tử của Đảng và là nhiệm vụ hàng đầu trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, xây dựng Báo cáo chính trị là những nội dung thuộc đường lối chính trị của Đảng với yêu cầu cốt lõi là xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp cơ bản của cách mạng nước ta trong cả một thời kỳ dài và trong từng giai đoạn nhất định. Đường lối chính trị đó phải thể hiện đúng bản chất của Đảng và là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ, động viên quần chúng làm cách mạng. Đây thực sự là vấn đề quyết định vận mệnh của Đảng và của dân tộc. Quá

trình xây dựng đường lối chính trị của Đảng phải phát huy dân chủ, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương.

Các văn kiện trình Hội nghị Trung ương lần này đã được gửi tới các đồng chí. Đây là những văn kiện đã được bổ sung, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của Trung ương, của các đồng chí nguyên là lãnh đạo của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ, của cán bộ chủ chốt các tỉnh ủy, thành ủy, của một số cán bộ lãnh đạo và quản lý lâu năm trong các lĩnh vực và của một số nhà khoa học trong Hội đồng Lý luận Trung ương và trong các chương trình khoa học cấp Nhà nước.

Nhiều nội dung văn kiện đã đạt được sự nhất trí cao, song cũng còn một số ý kiến cần được Hội nghị chúng ta nghiên cứu, thảo luận để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh. Những ý kiến đó đã được nêu trong các tờ trình của Bộ Chính trị trước Trung ương. Đối với dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, do đã được thảo luận qua hai kỳ Hội nghị Trung ương, nên ý kiến khác nhau không nhiều, nhưng lại rất quan trọng, đòi hỏi phải có sự thống nhất cao. Riêng Báo cáo chính trị, theo quyết nghị của Hội nghị Trung ương 10, sẽ bao gồm cả các phần về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và công tác xây dựng Đảng, Hội nghị Trung ương 11 đã thông qua đề cương chi tiết và tại Hội nghị này chúng ta mới thảo luận và cho ý kiến toàn văn. Báo cáo chính trị là một bước cụ thể hóa Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 trong giai đoạn 5 năm trước mắt. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, tự phê bình và phê bình nghiêm túc, chúng ta sẽ kiểm

điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, nhìn lại 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đánh giá đúng thành tựu, ưu điểm, khuyết điểm và rút ra những bài học thiết thực, trên cơ sở đó đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản để phát triển đất nước trong 5 năm 2011 - 2015.

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị Trung ương 11, chúng ta đã thảo luận và biểu thị sự thống nhất cao về sự cần thiết phải nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, về những vấn đề cần nghiên cứu và những quan điểm chỉ đạo quá trình nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng. Tại Hội nghị lần này, chúng ta sẽ đi sâu thảo luận Báo cáo tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng khóa X và xem xét, quyết nghị những nội dung đề nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, để lấy ý kiến đại hội các cấp trước khi trình Đại hội XI của Đảng. Đây là một trong những nội dung đặc biệt quan trọng trong nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức. Trong quá trình nghiên cứu, thảo luận vấn đề này, chúng ta phải quán triệt và vận dụng đúng đắn các quan điểm chỉ đạo, kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chỉ bổ sung, sửa đổi những gì đã được thực tiễn chứng minh là đúng đắn, cần thiết và phổ biến; phát huy dân chủ, trí tuệ trong thảo luận, bảo đảm sự thống nhất cao trong toàn Đảng về những nội dung bổ sung, sửa đổi. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ phải làm cho Đảng ta ngày càng phát triển vững mạnh thêm, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo trong thời kỳ mới.

Thư các đồng chí,

Chúng ta đã trải qua 1/4 thế kỷ thực hiện công cuộc đổi mới với những kết quả đạt được là to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Quá trình hội nhập quốc tế của đất nước có bước tiến quan trọng với thời cơ mới và cũng nhiều thách thức mới. Những năm sắp tới đối với chúng ta là thời kỳ mà cả thời cơ và thách thức đều rất lớn. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng là bầu Ban Chấp hành Trung ương để gánh vác nhiệm vụ lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hoàn thành sứ mệnh vẻ vang đó. Vừa qua, trên cơ sở kế thừa công tác chuẩn bị nhân sự từ Đại hội VI đến Đại hội X của Đảng, căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, Tiểu ban nhân sự đã chuẩn bị dự thảo Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ khóa XI. Tiểu ban đã tổ chức Hội nghị cán bộ để hướng dẫn và gửi xin ý kiến ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể Trung ương; tổ chức Hội nghị để các đồng chí nguyên lãnh đạo của Đảng, Nhà nước góp ý. Sau đó, Tiểu ban tiếp thu các ý kiến đóng góp và báo cáo Bộ Chính trị xem xét, hoàn chỉnh văn bản, trình Hội nghị Trung ương lần này.

Vấn đề đặt ra là phải từ yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, từ thực tế tình hình đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị, đặc biệt là phải trên cơ sở xác định yêu cầu về xây dựng Ban Chấp hành Trung ương đủ phẩm chất và năng lực, tiêu biểu cho trí tuệ, đạo đức, sự đoàn kết, thống nhất của Đảng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, có tính kế thừa, phát triển, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, để chúng ta xây dựng Phương hướng công tác

nhân sự Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ mới. Vì vậy, đề nghị các đồng chí cần tập trung phân tích, làm rõ các nội dung về tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu, độ tuổi, về quy trình giới thiệu và lựa chọn nhân sự, để qua đó, chúng ta xây dựng được phương hướng công tác nhân sự phù hợp, làm cơ sở để lựa chọn và bầu được những đồng chí tiêu biểu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa mới, xây dựng được Ban Chấp hành Trung ương có đủ năng lực về lý luận và thực tiễn, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống trong sáng, được tín nhiệm cao trong Đảng cũng như với nhân dân, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thư các đồng chí,

Dự thảo các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng trình Hội nghị Trung ương lần này khá nhiều, nội dung hết sức quan trọng và có sự liên quan, gắn kết chặt chẽ với nhau. Tôi đề nghị các đồng chí tập trung trí tuệ, đề cao tinh thần trách nhiệm và ý thức làm việc tập thể, tổ chức thảo luận khoa học, tích cực tham gia đóng góp nhiều ý kiến sát thực, bảo đảm Hội nghị đạt kết quả tốt.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 34-NQ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2010

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp tại Hà Nội, từ ngày 22-3 đến ngày 28-3-2010, sau khi xem xét và thảo luận các báo cáo và tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Thông qua các dự thảo văn kiện Đại hội XI của Đảng:

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011);
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020;
- Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng;
- Báo cáo tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bản giải trình của Bộ Chính trị, kết quả biểu quyết và lấy ý kiến tại Hội nghị, chỉ đạo hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện Đại hội XI để lấy ý kiến đại hội đảng bộ các cấp và ý kiến của nhân dân; chỉ đạo các tiểu ban nghiên cứu tiếp thu các ý kiến góp ý để bổ sung, hoàn chỉnh văn kiện, trình Trung ương xem xét, quyết định.

2. Tán thành Báo cáo của Bộ Chính trị về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bản giải trình của Bộ Chính trị và kết quả biểu quyết tại Hội nghị để bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo; chỉ đạo Tiểu ban nhân sự và các cơ quan có liên quan chuẩn bị dự kiến nhân sự giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa XI để trình Hội nghị Trung ương 13 thảo luận, cho ý kiến.

3. Tán thành Tờ trình của Bộ Chính trị về số lượng và định hướng phân bổ đại biểu dự Đại hội XI của Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương và Bản giải trình của Bộ Chính trị, ra quyết định chính thức việc phân bổ số lượng đại biểu dự Đại hội XI của các đảng bộ trực thuộc Trung ương.

4. Tán thành Tờ trình của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt cao tốc Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh Dự án để trình kỳ họp thứ bảy Quốc hội khóa XII xem xét, quyết định về chủ trương đầu tư.

5. Sau khi xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị đề nghị thi hành kỷ luật đồng chí Huỳnh Minh Đoàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, cân nhắc các mặt, đã quyết nghị không thi hành kỷ luật đối với đồng chí Huỳnh Minh Đoàn, yêu cầu đồng chí Huỳnh Minh Đoàn kiểm điểm, rút kinh nghiệm sâu sắc và chỉ đạo khắc phục

triệt để các sai phạm, tổ chức kiểm điểm và xử lý các đơn vị và cá nhân có liên quan, nhất là ở huyện Châu Thành và một số ngành của tỉnh.

6. Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên phát huy những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của 20 năm thực hiện Cương lĩnh, những thành tựu to lớn và rất quan trọng trong thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, những thành tựu quan trọng trong 5 năm qua, với niềm tin và sức mạnh mới, tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, tạo sự đồng thuận cao và không khí phấn khởi trong xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2010 và Nghị quyết Đại hội X của Đảng, tiến hành thành công đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội XI của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

Ngày 28 tháng 3 năm 2010

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Sau một tuần làm việc tích cực, khẩn trương, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã hoàn thành chương trình đề ra. Hội nghị đã tập trung trí tuệ, thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ, với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp nhiều ý kiến phong phú, sâu sắc; đánh giá cao việc chuẩn bị, biểu thị sự đồng tình cao đối với các nội dung tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị về các dự thảo văn kiện đã trình.

Những nội dung thảo luận và quyết định tại Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng, là một bước hoàn thiện và chuẩn bị rất cơ bản các dự thảo văn kiện sẽ công bố lấy ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các cấp, của Quốc hội và ý kiến rộng rãi của nhân dân trước khi trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Thư các đồng chí,

Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu của Đảng. Thực hiện Cương lĩnh năm 1930, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Dưới ngọn cờ của Cương lĩnh năm 1991, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vững vàng vượt qua nhiều sóng gió, thử thách hiểm nghèo, giành nhiều thắng lợi trong công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, đưa đất nước ta tiếp tục từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Hiện nay, nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc với đặc điểm nổi bật của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thử thách nhưng sẽ có những bước tiến mới. Bối cảnh quốc tế và thực tiễn cách mạng nước ta đòi hỏi Đảng ta phải giữ vững định hướng, đồng thời bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991

cho phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng xong về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh. *Từ nay đến khoảng giữa thế kỷ XXI*, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công các mục tiêu nói trên, cần quán triệt và thực hiện tốt các phương hướng cơ bản: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh

quốc gia; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến

lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

Thưa các đồng chí,

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển. Nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược này đã được thực hiện. Kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,2%/năm. Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người đạt 1.200 USD. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt được những thành tựu quan trọng; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi; chính trị - xã hội ổn định; thể và lực của đất nước vững mạnh thêm nhiều; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Kinh tế phát triển chưa bền vững, huy động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho phát triển còn hạn chế. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội còn nhiều bất cập, một số mặt còn nhiều bức xúc. Môi trường đang bị ô nhiễm. Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm yếu cản trở sự phát triển. Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ. Vẫn đang tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội và đe dọa chủ quyền quốc gia.

Quan điểm phát triển chiến lược 10 năm 2011 - 2020 là: Phát triển nhanh gắn liền với bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược và quá trình thực hiện Chiến lược; đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; thực hành dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển; phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học - công nghệ ngày càng cao, đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Chiến lược đề ra mục tiêu tổng quát phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau. Chiến lược đề ra hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể và xác định các định hướng phát triển: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho một nước công nghiệp. Phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng

hiện đại, hiệu quả, bền vững. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Phát triển hài hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế. Phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo. Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững. Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Để đạt được mục tiêu tổng quát, các tiêu chí, chỉ tiêu chủ yếu và các định hướng phát triển nêu trên, phải tập trung thực hiện tốt các đột phá chiến lược là: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc dân; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn. Đồng thời, phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Nhà nước phải thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường; tiếp tục hoàn

thiện tổ chức bộ máy, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

Thưa các đồng chí,

"Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại" là tiêu đề của Báo cáo chính trị tại Đại hội XI của Đảng.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, đạt được những *thành tựu quan trọng*. Duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, các ngành đều có bước phát triển, quy mô nền kinh tế tăng lên; đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế quốc tế của nước ta được nâng cao; phát huy dân chủ có tiến bộ, khối đại đoàn kết toàn dân tiếp tục được củng cố; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt một số kết quả tích cực. Những kết quả đó đã góp phần xứng đáng vào những *thành tựu to lớn và rất quan trọng* của 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và những *thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử* của 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991.

Khẳng định thành tích, ưu điểm, đồng thời chúng ta cũng thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm: một số chỉ tiêu do Đại hội X đề ra chưa đạt. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm; chế độ phân phối còn bất hợp lý. Một số hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Thể chế kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm yếu. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc chưa được phát huy đầy đủ. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chuyển biến chậm. Còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Mục tiêu tổng quát đề ra cho giai đoạn 2011 - 2015 là: Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt được mục tiêu tổng quát đó, chúng ta phải triển khai thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu:

- Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tiếp tục giảm tỷ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh thiên tai, ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; mở rộng, nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tích cực chủ động hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp; thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên "Học tập và làm theo tấm

gương đạo đức Hồ Chí Minh"; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Tổng kết thi hành Điều lệ Đảng là một vấn đề quan trọng và cần thiết trong nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức. Đảng ta là Đảng cầm quyền, việc xây dựng và củng cố tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở gắn liền với quá trình xây dựng và củng cố hệ thống chính trị của chế độ mới do Đảng lãnh đạo. Thông qua tổng kết thực tiễn mà phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định trong Điều lệ Đảng cho phù hợp với quy luật phát triển và yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới. Việc đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng lần này phải thấu suốt ba quan điểm chỉ đạo là:

- Kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển, thể chế hóa những quan điểm mới có tính nguyên tắc về xây dựng Đảng, nhất là những quan điểm mới thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

- Nghiên cứu, bổ sung vào Điều lệ Đảng một số nội dung trong các Nghị quyết của Trung ương về xây dựng Đảng; các văn bản quy định thi hành Điều lệ Đảng; một số vấn đề tiến hành thí điểm đã được tổng kết mà thực tiễn xây dựng Đảng thời gian qua đã khẳng định là đúng đắn, cần thiết, chín

muôi, phổ biến, thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc.

- Phát huy dân chủ, trí tuệ trong thảo luận, tập hợp đầy đủ, trung thực ý kiến tham gia của đảng viên, cán bộ, của các cấp ủy, tổ chức đảng, các thành viên trong hệ thống chính trị, nhất là các ý kiến đã được tổng kết, đúc rút từ lý luận và thực tiễn công tác xây dựng Đảng, có sự thống nhất cao trong toàn Đảng để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Quá trình nghiên cứu, thảo luận bổ sung sửa đổi Điều lệ Đảng phải bám sát các quan điểm chỉ đạo có tính nguyên tắc này. Đây cũng là quá trình bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng và công tác xây dựng Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Làm tốt việc này là thiết thực góp phần làm cho Đảng ta mạnh thêm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo trong thời kỳ mới.

Thư các đồng chí,

Về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Hội nghị Trung ương đánh giá cao sự chuẩn bị công phu, chu đáo, dân chủ, khoa học của Tiểu ban nhân sự và của Bộ Chính trị. Việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới là vấn đề đặc biệt quan trọng và là vấn đề then chốt của nhiệm vụ xây dựng Đảng. Để có Ban Chấp hành Trung ương mạnh, đòi hỏi công tác nhân sự Đại hội XI của Đảng phải làm sao đạt mục tiêu chung là lựa chọn, giới thiệu và bầu được những đồng chí thực sự có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn công tác, luôn luôn kiên định mục tiêu lý tưởng cao cả của Đảng ta, nhân dân ta

là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đó là những đồng chí có phẩm chất đạo đức trong sáng, gương mẫu trong lối sống, liêm khiết, trong sạch, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có năng lực trí tuệ và tổ chức thực tiễn, có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, có năng lực tham gia vào việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; có đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; đoàn kết và có khả năng quy tụ sự đoàn kết, có uy tín cao trong Đảng và trong nhân dân.

Trong khi nhấn mạnh tiêu chuẩn là chính, cần bảo đảm có sự hài hòa trong cơ cấu của Ban Chấp hành Trung ương. Xây dựng Ban Chấp hành Trung ương có cơ cấu hợp lý nhằm bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên các địa bàn, các lĩnh vực và các vị trí công tác quan trọng; bảo đảm sự kết hợp hợp lý giữa ba độ tuổi trong Ban Chấp hành Trung ương, có tỷ lệ thích đáng các đồng chí trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, có các đồng chí xuất thân từ công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức. Đây chính là những nội dung quan trọng để bảo đảm cho Đảng ta có sự kế thừa và phát triển, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm cho sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong thực tế. Việc kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu và tiêu chuẩn để chọn được những đồng chí có đức, có tài là yêu cầu có tính nguyên tắc để xây dựng Ban Chấp hành Trung ương mạnh.

Quy trình giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương là khâu quan trọng, cần được thực hiện một cách khoa học, bảo đảm dân chủ, chính xác, khách quan và trách nhiệm..., nhằm tập hợp được trí tuệ, trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương khóa X và cán bộ, đảng viên

trong việc giới thiệu nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa tới.

Thưa các đồng chí,

Tiếp theo Hội nghị Trung ương 10, Hội nghị Trung ương 11, kết quả của Hội nghị Trung ương lần này góp phần rất quan trọng vào việc chuẩn bị nội dung Văn kiện và phương hướng công tác nhân sự Đại hội lần thứ XI của Đảng. Trên cơ sở ý kiến của Trung ương, sau Hội nghị, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo tiếp thu những ý kiến kết luận của Trung ương bổ sung, chỉnh sửa các dự thảo Văn kiện để sớm gửi xin ý kiến của đại hội đảng các cấp, của Quốc hội. Sau đó, tiếp tục hoàn chỉnh các văn kiện, công bố xin ý kiến nhân dân.

Năm 2010 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, là năm có nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và là năm chúng ta tiến hành đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy phát huy những thành tựu đã đạt được, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, tăng cường đoàn kết thống nhất về tư tưởng hành động, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra. Tôi đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, các cấp ủy và tổ chức đảng thực hiện đồng thời nhiệm vụ chuẩn bị đại hội các cấp phải kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng; phải coi việc phấn đấu cao độ để hoàn thành các nhiệm vụ của Đại hội X và nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 - 2010 là nội dung quan trọng nhất. Không được vì lý do chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp mà lơ là nhiệm vụ trước mắt trên mọi phương diện và lĩnh vực công tác.

Theo tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Chúc các đồng chí sức khỏe, thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 3 năm 2010

Trong các ngày từ 22 đến 28-3-2010, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã họp Hội nghị lần thứ 12 để tiếp tục thảo luận nhiều vấn đề quan trọng chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận các dự thảo Văn kiện Đại hội XI của Đảng sau khi tiếp thu ý kiến của Trung ương tại Hội nghị Trung ương 11, của các đồng chí nguyên lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các tỉnh ủy, thành ủy, cơ quan Trung ương, các chuyên gia và nhà khoa học, gồm: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; Báo cáo tổng kết thi hành Điều lệ Đảng và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng;

cho ý kiến để tiếp tục hoàn thiện dự thảo các văn kiện này trước khi gửi lấy ý kiến tại đại hội đảng bộ các cấp và nhân dân. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; về số lượng và phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và một số vấn đề khác.

1. Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét toàn văn dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), trong đó, tập trung thảo luận các vấn đề: đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ; các phương hướng cơ bản; vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ban Chấp hành Trung ương xác định: *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng* là một xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ, có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển; có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Mục tiêu tổng quát khi kết thúc *thời kỳ quá độ ở nước ta* là: xây dựng xong về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở làm cho nước ta trở

thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh. *Từ nay đến khoảng giữa thế kỷ XXI*, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Các phương hướng cơ bản để thực hiện thành công các mục tiêu trên là:* Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. *Về vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dự thảo Cương lĩnh xác định: Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

2. Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét toàn diện dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, tập trung thảo luận, xác định mục tiêu của Chiến lược; các quan điểm phát triển và khâu đột phá; định hướng và các giải pháp phát triển...

Chủ đề của Chiến lược được xác định là: Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nhanh, bền vững, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. *Về kết quả thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010*, dự thảo Chiến lược đánh giá: Qua 10 năm thực hiện chiến lược 2001 - 2010, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược đã được thực hiện. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. *Các quan điểm phát triển* được xác định trong Chiến lược là: Phát triển nhanh, bền vững là yêu cầu xuyên suốt; đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; thực hành dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời, hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. *Mục tiêu tổng quát* của Chiến lược là: Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao; tạo tiền đề

vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau. *Các khâu đột phá chiến lược* được xác định là: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc dân; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất cao với các nội dung về định hướng phát triển, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nêu trong dự thảo Chiến lược, đồng thời xác định bốn nội dung về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước để đảm bảo thực hiện Chiến lược là: Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; hoàn thiện bộ máy nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính; đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng bộ máy nhà nước.

3. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, cơ bản tán thành Dự thảo Báo cáo chính trị, đồng thời đóng góp một số ý kiến để tiếp tục hoàn thiện dự thảo, trong đó, tập trung vào một số vấn đề lớn sau:

Tiêu đề của Báo cáo chính trị và mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ Đại hội XI được Ban Chấp hành Trung ương xác định là: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta

cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Ban Chấp hành Trung ương *đánh giá tổng quát tình hình*: 5 năm thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội X đạt được *những thành tựu quan trọng*; 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 đạt được *những thành tựu rất quan trọng*; 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đạt được *những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử*. Về mục tiêu *phát triển nhanh và bền vững*, Ban Chấp hành Trung ương nhận thấy trong điều kiện hiện nay, đất nước ta cần phải vừa phát triển nhanh, vừa phải phát triển bền vững. Trên cơ sở tính toán bước đầu, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu một số chỉ tiêu phát triển chủ yếu 5 năm 2011 - 2015, trong đó tốc độ tăng trưởng GDP bình quân là 7 - 8% năm; GDP bình quân đầu người năm 2015 là 2.100 USD, gấp 1,7 lần năm 2010. Về *những yếu tố bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế*, Dự thảo Báo cáo nhấn mạnh các yếu tố: vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần; yêu cầu thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nhất là trong khâu phân phối, bảo đảm an sinh xã hội; phát triển bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; đặc biệt là vai trò quản lý kinh tế của nhà nước xã hội chủ nghĩa, gắn kết nhà nước, doanh nghiệp và xã hội trong phát triển kinh tế thị trường.

Trên cơ sở đề cập toàn diện đến các lĩnh vực, Ban Chấp hành Trung ương thống nhất nêu trong Dự thảo Báo cáo **6 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XI** là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng

kinh tế, nhất là giao thông; đổi mới quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc (suy thoái đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội, trật tự kỷ cương); đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

4. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, cho ý kiến về Báo cáo tổng kết thi hành Điều lệ Đảng khóa X, đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; về số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá sâu sắc những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân khách quan, chủ quan của những khuyết điểm, yếu kém trong thi hành Điều lệ Đảng khóa X và để phù hợp với những quan điểm, nội dung quan trọng trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển), những vấn đề mới về chủ trương, đường lối xây dựng Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận việc bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng, trong đó tập trung vào một số vấn đề sau: Tiêu đề và nội dung phần mở đầu Điều lệ Đảng; về tiêu chuẩn đảng viên để thống nhất với cách diễn đạt về bản chất của Đảng; về vấn đề giới thiệu người vào Đảng ở những nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức Công đoàn hoặc nơi chỉ có tổ chức Công đoàn; về việc tính tuổi đảng của đảng viên từ khi được kết nạp sau thời gian dự bị được công nhận chính thức; về thành lập tổ chức cơ sở đảng; về nhiệm kỳ đại hội

đảng ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập giữa nhiệm kỳ; về vấn đề đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy và thẩm quyền, nhiệm vụ của các đại biểu đại hội đảng sau đại hội; quy định về thí điểm một số chủ trương mới; về tổ chức ban cán sự đảng, đảng đoàn; về thẩm quyền kỷ luật đảng viên của chi bộ, kỷ luật cán bộ của ủy ban kiểm tra các cấp, các hình thức kỷ luật, khiếu nại kỷ luật trong Đảng; về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân... Sau Hội nghị Trung ương 12, những nội dung này sẽ được gửi xin ý kiến đại hội đảng các cấp trước khi trình Đại hội XI xem xét, quyết định.

Trên cơ sở tổng kết công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương từ khóa VI đến khóa X, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, xác định yêu cầu xây dựng Ban Chấp hành Trung ương; tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; số lượng, cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; quy trình xây dựng phương hướng công tác nhân sự và phát hiện, giới thiệu, lựa chọn nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Tại Hội nghị lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương cũng thảo luận, tán thành và góp một số ý kiến bổ sung về việc phân bổ đại biểu, tổng số đại biểu dự Đại hội XI của Đảng và một số vấn đề quan trọng khác.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã

hội năm 2010, Nghị quyết Đại hội X của Đảng; tổ chức thành công những ngày kỷ niệm lớn của đất nước trong năm 2010 và đại hội đảng các cấp; có nhiều đóng góp có giá trị cho việc hoàn thiện các văn kiện đại hội và chuẩn bị đầy đủ mọi mặt, đảm bảo thành công Đại hội XI của Đảng vào đầu năm 2011.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 317-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 2010

Về tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

Tại phiên họp ngày 20-3-2010, sau khi nghe lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo việc thực hiện Thông báo Kết luận số 226-TB/TW, ngày 3-3-2009 của Ban Bí thư về tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng (Báo cáo số 327-BC/UBKTTW, ngày 28-1-2010), Bộ Chính trị kết luận:

1. Sau một năm thực hiện Thông báo Kết luận số 226-TB/TW của Ban Bí thư, việc tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã đạt được một số kết quả bước đầu, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động trong công tác này, làm cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, một số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, giám sát chưa có sự đồng thuận cao về việc công bố trên báo chí về kết quả kiểm tra, giám sát, đây là vấn đề cần nghiên cứu để khắc phục.

2. Để tiếp tục thực hiện tốt Thông báo Kết luận số 226-TB/TW của Ban Bí thư trong thời gian tới, Bộ Chính trị đồng ý với sáu nội dung cần quan tâm thực hiện như đề xuất của Ủy ban Kiểm tra Trung ương nêu trong Báo cáo. Căn cứ Điều lệ Đảng và các quy định hiện hành của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương sớm xây dựng, trình Ban Bí thư xem xét ban hành Quy định về cung cấp thông tin cho báo chí sau các kỳ họp của ủy ban kiểm tra; Quy định về thời gian giải mã thông tin "Mật" đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng để triển khai thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 293-QĐ/TW, ngày 23 tháng 3 năm 2010

**Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, thành phố**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là đảng ủy khối các cơ quan tỉnh) như sau:

I- VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí

Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh là cấp ủy trực thuộc tỉnh

ủy, thành ủy và là cấp ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức cơ sở đảng trong khối.

Điều 2. Chức năng

Lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong khối trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan và đoàn thể trong khối vững mạnh; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong khối chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia tham mưu, đề xuất với tỉnh ủy, thành ủy về các chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng trong khối.

II- NHIỆM VỤ**Điều 3.** Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

- Lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối và đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị.

- Tham gia với lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể của tỉnh thuộc khối; tham mưu, đề xuất với tỉnh ủy, thành ủy những vấn đề cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan tỉnh.

Điều 4. Lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

- Lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh; phổ biến, quán triệt kịp thời các chủ trương, đường lối

của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong khối.

- Giáo dục nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm trong công tác cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức, năng lực hoạt động thực tiễn và ý thức tổ chức kỷ luật cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức.

- Lãnh đạo đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong khối nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính kỷ luật; đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Điều 5. Lãnh đạo công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng các tổ chức cơ sở đảng thuộc khối trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thực hiện đúng Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương về tổ chức sinh hoạt đảng; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, làm tốt công tác quản lý đảng viên.

- Bồi dưỡng cấp ủy viên, chăm lo công tác phát triển đảng viên, thực hiện công tác khen thưởng và kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định.

Điều 6. Lãnh đạo công tác cán bộ

- Lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ; lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thực

hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định về công tác cán bộ theo phân cấp quản lý.

- Tham gia ý kiến về đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử... đối với đảng viên trong khối là cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quản lý (khi có yêu cầu).

- Tham gia với các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh về công tác cán bộ và quản lý cán bộ đối với cấp ủy viên thuộc diện đảng ủy khối quản lý.

- Quyết định hoặc đề nghị với tỉnh ủy, thành ủy quyết định về tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách công tác đảng của đảng ủy khối theo phân cấp quản lý.

Điều 7. Lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát

- Lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; giữ vững đoàn kết nội bộ.

- Chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những biểu hiện vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Điều 8. Lãnh đạo các đoàn thể

- Lãnh đạo, chăm lo xây dựng các đoàn thể trong khối vững mạnh, hoạt động đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của các đoàn thể, tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng, đẩy mạnh các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Lãnh đạo trực tiếp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khối về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

- Lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối thực hiện tốt các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng các đoàn thể.

Điều 9. Lãnh đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Thực hiện và lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc thực hiện đúng các quy định của Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

III- TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 10. Cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy khối

- Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh được thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm: văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan ủy ban kiểm tra.

- Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh là tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc theo quy định. Ủy ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy khối có con dấu để phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 11. Biên chế cán bộ chuyên trách

- Biên chế cán bộ chuyên trách của đảng ủy khối từ 15 đến 19 người, do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định trong tổng số biên chế cán bộ chuyên trách khối đảng, đoàn thể được giao.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy khối được sử dụng một số cán bộ kiêm nhiệm.

IV- QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 12. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy

- Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh phối hợp với các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy để lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác xây dựng Đảng.

- Thực hiện sự hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Điều 13. Với đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan (nơi không lập ban cán sự đảng, đảng đoàn) thuộc tỉnh

Là quan hệ phối hợp trong công tác xây dựng Đảng, quản lý cán bộ, đảng viên và xây dựng cơ quan, đoàn thể vững mạnh, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị của tỉnh.

Điều 14. Với các huyện ủy, thị ủy, quận ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy

Là quan hệ phối hợp trong công tác xây dựng Đảng và quản lý cán bộ, đảng viên, giữ mối liên hệ với cấp ủy địa phương nơi cư trú.

V- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

- Căn cứ Quy định này, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo đảng ủy khối các cơ quan tỉnh xây dựng quy chế làm việc phù hợp với đặc điểm, tình hình của đảng ủy khối.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi việc thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy theo quy định.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi Quy định, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 294-QĐ/TW, ngày 23 tháng 3 năm 2010

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh) như sau:

I- VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí

Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh là cấp ủy trực thuộc

tỉnh ủy, thành ủy và là cấp ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức cơ sở đảng trong khối.

Điều 2. Chức năng

Lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong khối trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng doanh nghiệp và đoàn thể trong doanh nghiệp vững mạnh; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong khối chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia tham mưu, đề xuất với tỉnh ủy, thành ủy về các chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp thuộc tỉnh, thành phố.

II- NHIỆM VỤ

Điều 3. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

- Quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng nghị quyết, chương trình hành động sát hợp với hoạt động của doanh nghiệp.

- Lãnh đạo tổ chức đảng, đảng viên thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đảm bảo đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Lãnh đạo thực hiện chiến lược phát triển giai cấp công nhân theo nghị quyết Trung ương; đảm bảo thực hiện Luật lao động và các quy định của pháp luật, chính sách đối với người lao động.

- Đề xuất với tỉnh ủy, thành ủy, ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố những giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Lãnh đạo thực hiện tốt các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn nơi doanh nghiệp đóng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh; phổ biến, quán triệt kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để đảng viên, cán bộ, công nhân và người lao động nắm và thực hiện có hiệu quả.

- Giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, giữ gìn bản sắc dân tộc trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, năng lực hoạt động thực tiễn, ý thức tổ chức kỷ luật cho đảng viên, cán bộ.

- Lãnh đạo đảng viên, cán bộ, công nhân và người lao động của các đơn vị thuộc khối nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính kỷ luật, đề cao cảnh giác, chủ động phát hiện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, các hành vi vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật; đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Điều 5. Lãnh đạo công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ,

giải pháp để xây dựng các tổ chức cơ sở đảng thuộc khối trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thực hiện đúng Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương về tổ chức sinh hoạt đảng; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, làm tốt công tác quản lý đảng viên.

- Bồi dưỡng cấp ủy viên, chăm lo công tác phát triển đảng viên, thực hiện công tác khen thưởng và kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định.

Điều 6. Lãnh đạo công tác cán bộ

- Lãnh đạo, kiểm tra, hướng dẫn các chi ủy, đảng ủy trực thuộc trong việc thực hiện các nghị quyết, quy chế, quy định, quyết định, quy trình về công tác cán bộ; quản lý, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử, thực hiện chính sách đối với cán bộ... theo phân cấp quản lý.

- Tham gia ý kiến về công tác cán bộ đối với đảng viên trong khối thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quản lý (khi có yêu cầu).

- Quyết định hoặc đề nghị với tỉnh ủy, thành ủy quyết định về tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách công tác đảng của đảng ủy khối theo phân cấp quản lý.

Điều 7. Lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát

- Lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; giữ nghiêm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước; giữ vững đoàn kết nội bộ.

- Chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời tổ chức

đảng, cán bộ và đảng viên có biểu hiện vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Điều 8. Lãnh đạo các đoàn thể

- Lãnh đạo xây dựng các đoàn thể trong khối vững mạnh, hoạt động đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của các đoàn thể. Lãnh đạo trực tiếp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khối doanh nghiệp tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức và cán bộ.

- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của người lao động để thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, của nhà đầu tư. Động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để các đoàn thể tham gia xây dựng Đảng và quản lý doanh nghiệp; đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp.

Điều 9. Lãnh đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Thực hiện và lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc thực hiện đúng các quy định của Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

III- TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 10. Cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy khối

- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh được thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm: văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan ủy ban kiểm tra.

- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh có tư cách pháp nhân,

có con dấu, tài khoản riêng, được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc theo quy định. Ủy ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy khối có con dấu để phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 11. Biên chế cán bộ chuyên trách

- Biên chế cán bộ chuyên trách của đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh từ 15 đến 19 người, do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định trong tổng số biên chế cán bộ chuyên trách khối đảng, đoàn thể được giao.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy khối được sử dụng một số cán bộ kiêm nhiệm.

IV- QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 12. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy

- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy để lãnh đạo, chỉ đạo và hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh thực hiện sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ công tác và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy theo quy định.

Điều 13. Với ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan (nơi không lập ban cán sự đảng, đảng đoàn) thuộc tỉnh

- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, đơn vị thuộc khối hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị,

công tác xây dựng Đảng và thực hiện công tác cán bộ theo phân cấp.

- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh phối hợp, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, xây dựng các tổ chức đoàn thể và thực hiện công tác cán bộ theo phân cấp.

Điều 14. Với ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc triển khai thực hiện các nghị quyết của ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có liên quan đến nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, công tác cán bộ của các doanh nghiệp thuộc khối.

- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh được tham gia ý kiến hoặc mời dự các cuộc họp của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bàn về những vấn đề có liên quan đến chủ trương, chính sách phát triển doanh nghiệp.

Điều 15. Với các huyện ủy, thành ủy, quận ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy

Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh phối hợp trong lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc chấp hành, thực hiện nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương liên quan đến doanh nghiệp đóng trên địa bàn về phát triển kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng, an ninh, chính sách dân tộc, tôn giáo, tài nguyên, môi trường, đất đai, dân số, kế hoạch hóa gia đình...; quản lý đảng viên, giữ mối liên hệ với cấp ủy nơi cư trú; phối hợp trong công tác xây dựng Đảng, trong việc học tập nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của cấp ủy địa phương có liên quan, trong việc bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng nhận

thức về Đảng, bồi dưỡng đảng viên mới, bồi dưỡng cấp ủy viên... khi có yêu cầu.

V- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

- Căn cứ Quy định này, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện; chỉ đạo đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh xây dựng quy chế làm việc của đảng ủy khối và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cho phù hợp.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi việc thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy theo quy định.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi Quy định, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 296-QĐ/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2010
Mẫu dấu của tổ chức đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ yêu cầu hoạt động của tổ chức đảng;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi mẫu dấu của các tổ chức đảng trong toàn Đảng (hệ thống mẫu dấu kèm theo).

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm lập danh sách các tổ chức đảng, cơ quan đảng được đổi dấu mới. Ban tổ chức của cấp ủy chủ trì, phối hợp với văn phòng cấp ủy và cơ quan công an tổng hợp, quản lý việc khắc dấu của tổ chức đảng của mỗi cấp theo thẩm quyền.

Điều 3. Bộ Công an có trách nhiệm khắc dấu cho các tổ chức đảng ở Trung ương; hướng dẫn và phân cấp cụ thể cho công an các tỉnh, thành phố khắc dấu cho các tổ chức đảng các cấp ở địa phương.

Điều 4. Việc đổi dấu kết thúc trước ngày 30-6-2010.

Trong khi chưa có dấu mới vẫn được sử dụng dấu cũ.

Điều 5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng kết việc đổi dấu của các tổ chức đảng ở các cấp.

Điều 6. Việc quản lý và sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn việc bảo quản và lưu trữ con dấu.

Điều 7. Kinh phí khắc dấu được sử dụng trong ngân sách thường xuyên của các tổ chức đảng.

Điều 8. Quyết định này và hệ thống mẫu dấu ban hành kèm theo được sử dụng và bảo quản theo chế độ **Mật**. Các tổ chức đảng trong toàn Đảng nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

HỆ THỐNG MẪU DẤU CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 296-QĐ/TW,
ngày 30-3-2010 của Ban Bí thư)*

I- HÌNH THỂ CON DẤU

Con dấu của tất cả các cơ quan, tổ chức đảng đều hình tròn. Con dấu các cấp ủy đảng và con dấu Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký Đại hội Đảng toàn quốc có thêm biểu tượng hình búa liềm.

II- KÍCH THƯỚC

1. Con dấu của Đại hội Đảng toàn quốc

- Con dấu Đại hội Đảng toàn quốc: đường kính 42mm.
- Con dấu Đoàn Chủ tịch Đại hội Đảng toàn quốc: đường kính 38mm.
- Con dấu Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc (nếu có): đường kính 38mm.
- Con dấu Đoàn Thư ký Đại hội Đảng toàn quốc; đường kính 36mm.

2. Con dấu của các cấp ủy đảng

- a) Con dấu Ban Chấp hành Trung ương: đường kính 42mm.
- b) Con dấu đảng ủy trực thuộc Trung ương: đường kính 38mm, gồm:

- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.
- Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

c) Con dấu đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và tương đương: đường kính 36mm, gồm:

- Huyện ủy, thị ủy, quận ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

- Đảng ủy khối cấp tỉnh (đảng ủy khối các cơ quan, đảng ủy khối doanh nghiệp...); đảng ủy quân sự, đảng ủy công an, đảng ủy bộ đội biên phòng và các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

- Đảng ủy các tổng cục và tương đương là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng ủy Công an Trung ương.

- Đảng ủy cấp tổng cục và tương đương thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương (bao gồm cấp ủy quân khu, quân đoàn, quân chủng, bộ tư lệnh và tương đương; cấp ủy sư đoàn và tương đương).

d) Con dấu đảng ủy trực thuộc huyện ủy, thị ủy, quận ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh và tương đương: đường kính 34mm, gồm:

- Đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn.
- Đảng ủy cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp.
- Đảng ủy cơ sở trong Quân đội (trung đoàn, lữ đoàn...).
- Đảng ủy cơ sở trong Công an (cục, vụ, viện, trường...).

- Đảng ủy cơ sở được ủy quyền và giao một số quyền cấp trên cơ sở.

- Chi ủy cơ sở; chi bộ cơ sở nơi không có ban chấp hành.

3. Con dấu của cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng và đơn vị trực thuộc

a) Con dấu cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đơn vị trực thuộc Trung ương: đường kính 38mm, gồm:

Các ban trực thuộc Trung ương (Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương...); các đơn vị sự nghiệp (báo Nhân Dân, tạp chí Cộng sản...); ban cán sự đảng, đảng đoàn; Hội đồng Lý luận Trung ương và một số tổ chức khác được Ban Bí thư Trung ương Đảng đồng ý cho khắc dấu (theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương).

b) Con dấu các cơ quan đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đơn vị trực thuộc cấp ủy tỉnh và tương đương; các đơn vị trực thuộc cơ quan, ban đảng ở Trung ương: đường kính 36mm, gồm:

Các ban đảng cấp tỉnh (ban tổ chức, ban tuyên giáo, ban dân vận...); các đơn vị sự nghiệp (báo đảng tỉnh...); cơ quan đảng trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương (Văn phòng Đảng ủy Quân sự Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Trung ương...); cơ quan đảng trực thuộc Đảng ủy Công an Trung ương (Văn phòng Đảng ủy Công an Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương...); ban cán sự đảng, đảng đoàn cấp tỉnh (ban cán sự đảng ủy ban nhân dân, đảng đoàn hội đồng nhân dân...).

c) Con dấu các cơ quan đảng, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp ủy huyện; các cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, ban đảng ở Trung ương và tương đương: đường kính 34mm, gồm:

Các ban đảng cấp huyện (ban tổ chức, ban tuyên giáo...); cơ quan đảng trực thuộc các tổ chức đảng tổng cục, quân chủng, binh chủng... thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nhà khách thuộc các cục quản trị của Văn phòng Trung ương Đảng và đơn vị tương đương.

4. Con dấu của Tổng cục Chính trị và cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân Việt Nam và cơ quan xây dựng lực lượng ở công an mỗi cấp để thực hiện công tác đảng (theo Điều 26, Điều 28 Điều lệ Đảng) thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

5. Con dấu nổi, con dấu ướm và dấu ướm thu nhỏ

Ban Chấp hành Trung ương; Ban Tổ chức Trung ương; ban tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương được khắc thêm một con dấu nổi, một con dấu nổi thu nhỏ và một con dấu ướm thu nhỏ như sau:

a) Con dấu nổi có kích thước, nội dung như con dấu ướm để đóng giáp lai vào ảnh dán trong sơ yếu lý lịch, tờ khai đảng viên.

b) Con dấu nổi thu nhỏ có đường kính 20mm, nội dung như con dấu ướm để đóng giáp lai vào ảnh dán trong thẻ đảng viên.

c) Con dấu ướm thu nhỏ có đường kính 20mm, nội dung như con dấu ướm để đóng vào giấy tờ, chứng chỉ theo quy định.

III- ĐƯỜNG CHỈ

1. Con dấu của các tổ chức, cơ quan đảng được tạo bởi ba

đường tròn đồng tâm, theo thứ tự từ ngoài vào trong như sau: đường tròn thứ nhất có nét đậm 0,5mm; đường tròn thứ hai có nét đậm 0,3mm, cách đường tròn thứ nhất 0,1mm; đường tròn thứ ba có nét đậm 0,3mm.

Khoảng cách giữa đường tròn thứ hai với đường tròn thứ ba như sau:

- Loại con dấu có đường kính 42mm: 6mm.
- Loại con dấu có đường kính 36mm - 38mm: 5mm.
- Loại con dấu có đường kính 34mm: 4mm.

2. Con dấu của Ban Chấp hành Trung ương, con dấu Đại hội Đảng toàn quốc đường chỉ ngoài được khắc theo hình răng cưa, nét đậm 0,8mm.

IV- NỘI DUNG CON DẤU

1. Loại con dấu có biểu tượng hình búa liềm

a) Con dấu của Ban Chấp hành Trung ương: đường kính 42mm.

Vành ngoài: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**. Đầu và cuối dòng chữ này có một ngôi sao 5 cánh.

Giữa dấu: **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**.

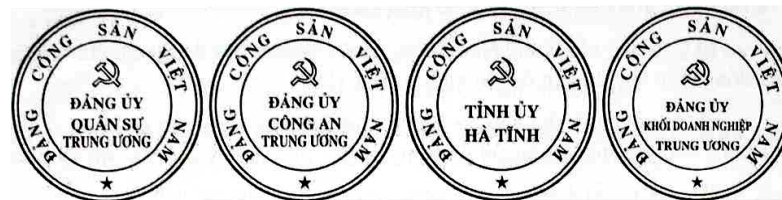


Mẫu số 1

b) Con dấu của tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương: đường kính 38mm.

- Vành ngoài: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**. Đầu và cuối dòng chữ này có một ngôi sao 5 cánh.

- Giữa dấu: **TỈNH ỦY..., THÀNH ỦY..., ĐẢNG ỦY...** (kèm tên).



Mẫu số 2

c) Con dấu của đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương: đường kính 36mm.

Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**. Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.

Vành ngoài phía dưới: **ĐẢNG BỘ TỈNH, THÀNH PHỐ...** (kèm tên) hoặc **ĐẢNG BỘ** trực thuộc Trung ương (kèm tên).

Giữa dấu: **ĐẢNG ỦY, HUYỆN ỦY...** (kèm tên).



Mẫu số 3

d) Con dấu của tổ chức cơ sở đảng: đường kính 34mm.

- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**. Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.

- Vành ngoài phía dưới: **ĐẢNG BỘ HUYỆN, THỊ XÃ, QUẬN, THÀNH PHỐ** trực thuộc tỉnh hoặc **ĐẢNG BỘ** cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng.

- Giữa dấu: **ĐẢNG ỦY, CHI ỦY...** (kèm tên) hoặc **CHI BỘ...** (kèm tên) đối với chi bộ cơ sở nơi không có ban chấp hành.



Mẫu số 4

2. Loại con dấu không có biểu tượng hình búa liềm

a) Con dấu cơ quan đảng trực thuộc Trung ương: đường kính 38mm.

- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**.
Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.

- Vành ngoài phía dưới: **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**.
- Giữa dấu: **TÊN CƠ QUAN ĐẢNG**.



Mẫu số 5

b) Con dấu cơ quan đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương: đường kính 36mm.

- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**.
Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.

- Vành ngoài phía dưới: **TỈNH ỦY, THÀNH ỦY** hoặc **ĐẢNG ỦY** trực thuộc Trung ương (kèm tên).

- Giữa dấu: **TÊN CƠ QUAN ĐẢNG**.



Mẫu số 6

c) Con dấu cơ quan đảng trực thuộc huyện ủy, quận ủy, thành ủy, thị ủy và tương đương: đường kính 34mm.

- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**.
Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.

- Vành ngoài phía dưới: **HUYỆN ỦY** hoặc tương đương... (kèm tên) và tên tỉnh, thành phố hoặc tên **ĐẢNG ỦY** tương đương.

- Giữa dấu: **TÊN CƠ QUAN ĐẢNG**.



Mẫu số 7

d) Dấu đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương; tiểu ban phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc: đường kính 38mm.

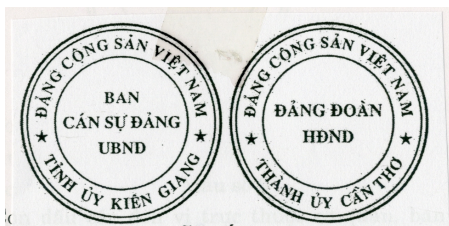
- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**.
- Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.
- Vành ngoài phía dưới: **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**.
- Giữa dấu: **ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG** (kèm tên) hoặc **TIỂU BAN** (kèm tên).



Mẫu số 8

đ) Dấu đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương: đường kính 36mm.

- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**.
- Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.
- Vành ngoài phía dưới: **TỈNH ỦY, THÀNH ỦY** (kèm tên địa phương).
- Giữa dấu: **ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG** (kèm tên).



Mẫu số 9

e) Con dấu các đơn vị trực thuộc cơ quan, ban đảng ở Trung ương: đường kính 36mm.

- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**.
- Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.
- Vành ngoài phía dưới: **TÊN CƠ QUAN, BAN ĐẢNG**.
- Giữa dấu: **TÊN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DẤU**.



Mẫu số 10

g) Con dấu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị thuộc cơ quan, ban đảng ở Trung ương: đường kính 34mm.

- Vành ngoài phía trên: **TÊN CƠ QUAN, BAN ĐẢNG**.
- Vành ngoài phía dưới: **TÊN ĐƠN VỊ THUỘC CƠ QUAN, BAN ĐẢNG**.
- Giữa dấu: **TÊN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DẤU**.

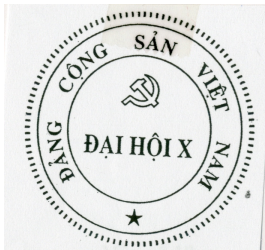


Mẫu số 11

3. Các con dấu phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc

a) Con dấu Đại hội: đường kính 42mm.

- Vành ngoài: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**. Đầu và cuối dòng chữ này có một ngôi sao 5 cánh.
- Giữa dấu: **ĐẠI HỘI...** (kèm theo nhiệm kỳ Đại hội).



Mẫu số 12

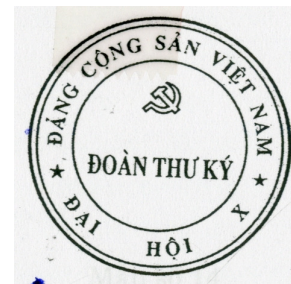
- b) Con dấu Đoàn Chủ tịch: đường kính 38mm.
- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**. Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.
 - Vành ngoài phía dưới: **ĐẠI HỘI...** (kèm theo nhiệm kỳ Đại hội).
 - Giữa dấu: **ĐOÀN CHỦ TỊCH**.



Mẫu số 13

- c) Con dấu Đoàn Thư ký: đường kính 36mm.
- Vành ngoài phía trên: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**. Đầu và cuối dòng chữ này có hai ngôi sao 5 cánh.

- Vành ngoài phía dưới: **ĐẠI HỘI...** (kèm theo nhiệm kỳ Đại hội).
- Giữa dấu: **ĐOÀN THƯ KÝ**.



Mẫu số 14

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 68-KL/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2010

Về công trình "**Lịch sử 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia (1978 - 1988)**"

Tại phiên họp ngày 30-3-2010, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về Dự án biên soạn "Lịch sử 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia (1978 - 1988)" (Tờ trình số 171-TTr/BTGTW, ngày 11-2-2010), Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Ban Bí thư hoan nghênh và đánh giá cao cố gắng của Ban Chỉ đạo, Ban Biên tập và các nhà khoa học, các cán bộ nghiên cứu đã hoàn thành được 5 sản phẩm công trình có chất lượng (trong đó 3 sản phẩm quan trọng đạt loại xuất sắc, 1 loại khá và 1 đạt yêu cầu). Ban Chỉ đạo biên soạn cần tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện công trình, khắc phục những hạn chế mà Hội đồng thẩm định đã chỉ ra.

2. Sau khi công trình được hoàn thiện, Ban Bí thư đồng ý cho kết thúc Dự án. Văn phòng Trung ương Đảng thẩm định việc điều chỉnh kinh phí và bổ sung một phần kinh phí phát sinh trong quá trình hoạt động biên soạn công trình.

Ban Tuyên giáo Trung ương xem xét việc khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân có nhiều cố gắng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong quá trình tham gia biên soạn công trình.

3. Đồng chí Tô Huy Rứa thay mặt Ban Bí thư chỉ đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia và các cơ quan có liên quan rà soát, cân nhắc, chọn lọc các nội dung phù hợp trong các sản phẩm để xuất bản phục vụ công tác giáo dục, tuyên truyền đối nội và đối ngoại.

4. Về đề nghị tiếp tục triển khai nghiên cứu biên soạn một công trình đầy đủ, hệ thống, toàn diện hơn về lịch sử quan hệ cách mạng hai nước Việt Nam - Campuchia từ năm 1930 đến nay, giao Ban Tuyên giáo Trung ương trao đổi thống nhất với phía bạn, nếu bạn thống nhất, Ban xây dựng đề án báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 318-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2010

Về việc tôn tạo di tích Khu căn cứ Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam tại Cà Mau

Trong phiên họp ngày 30-3-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng trình bày đề nghị của Tỉnh ủy Cà Mau về việc tôn tạo di tích Khu căn cứ Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam cuối năm 1949 - đầu năm 1955 tại Cà Mau (Công văn số 902-CV/TU, ngày 20-1-2010); ý kiến các cơ quan liên quan; Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương lập Dự án tu bổ, tôn tạo di tích Khu căn cứ Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam giai đoạn cuối năm 1949 - đầu năm 1955 tại Cà Mau. Đây là việc làm cần thiết nhằm lưu giữ những hình ảnh, tư liệu, hiện vật, ghi nhớ tấm gương hy sinh, công lao to lớn của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ vùng căn cứ cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

2. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Tỉnh ủy Cà Mau và các tỉnh có liên quan lập và thực hiện

Dự án, bảo đảm tính khoa học, đúng quy định của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Đảng liên quan đến nội dung này; gắn kết với việc bảo vệ, tôn tạo và phát huy các di tích căn cứ cơ quan lãnh đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ tại chiến trường Nam Bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 319-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2010

Về việc tổ chức "Ngày âm nhạc Việt Nam"

Trong phiên họp ngày 30-3-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng trình bày đề nghị của Hội Nhạc sĩ Việt Nam về việc tổ chức Ngày âm nhạc Việt Nam (Tờ trình số 66/CV-HNS, ngày 17-2-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý lấy ngày 3 tháng 9 hằng năm, ngày Bác Hồ chỉ huy dàn nhạc, hợp xướng và quần chúng nhân dân hát bài ca "Kết đoàn" tại công viên Bách Thảo, Hà Nội (năm 1960) là Ngày âm nhạc Việt Nam. Ngày âm nhạc phải là ngày hội tôn vinh nền âm nhạc, động viên các văn nghệ sĩ phát huy các giá trị truyền thống và cách mạng của âm nhạc Việt Nam, phấn đấu có nhiều tác phẩm hay, nhiều hoạt động âm nhạc có ý nghĩa, góp phần tạo nên đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh, giáo dục thế hệ trẻ, cổ vũ, động viên toàn dân đoàn kết, phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Về các hoạt động cụ thể trong Ngày âm nhạc Việt Nam hằng năm, Hội Nhạc sĩ Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan căn cứ vào tình hình thực tế để tổ chức cho phù hợp, thiết thực, có chất lượng và tính giáo dục cao; gắn với các hoạt động kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9. Trước mắt, tập trung tổ chức tốt "Ngày âm nhạc Việt Nam" năm 2010, tiến hành tổ chức các hoạt động âm nhạc ở một số thành phố lớn để rút kinh nghiệm trước khi mở rộng trong những năm sau.

Kinh phí tổ chức Ngày âm nhạc Việt Nam được bố trí trong kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hằng năm cho Hội Nhạc sĩ Việt Nam trên cơ sở chính sách chung đối với các hội văn học, nghệ thuật.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 297-QĐ/TW, ngày 5 tháng 4 năm 2010

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng
Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành
Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và
Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc
của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị
và Ban Bí thư (khóa X)**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X), gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban.
2. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban.
3. Đồng chí Nguyễn Đức Hạc, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương.
4. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương.
5. Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
6. Đồng chí Nguyễn Thế Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương.
7. Đồng chí Nguyễn Văn Chiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.
8. Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.
9. Đồng chí Trần Đình Đàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.
10. Đồng chí Phạm Xuân Sơn, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.
11. Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch; tổ chức nghiên cứu, xây dựng Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X).

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Ban Bí thư quyết định thành lập.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ Biên tập.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 298-QĐ/TW, ngày 5 tháng 4 năm 2010

Thành lập Tổ Biên tập giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Quyết định của Bộ Chính trị thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Biên tập xây dựng Báo cáo kiểm

điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X), gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ trưởng.
2. Đồng chí Lê Quang Vĩnh, Vụ trưởng Vụ Thư ký, Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.
3. Đồng chí Bùi Quang Liễu, Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.
4. Đồng chí Lê Văn Hùng, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.
5. Đồng chí Phạm Quang Lực, Vụ trưởng Vụ Kinh tế, Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.
6. Đồng chí Ngô Quý Minh, Vụ trưởng Vụ Xã hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.
7. Đồng chí Trần Đức Hoàn, Vụ trưởng Vụ Nội chính, Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.
8. Đồng chí Trịnh Xuân Toàn, Vụ trưởng Vụ Pháp luật và cải cách tư pháp, Thành viên.
9. Đồng chí Trịnh Châu Giang, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.

Điều 2. Tổ Biên tập có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo: xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X).

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 299-QĐ/TW, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Về việc thành lập Hội đồng xuất bản bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Thông báo kết luận số 313-TB/TW, ngày 10-3-2010 của Ban Bí thư về việc xuất bản bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba;
- Xét đề nghị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xuất bản bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba, gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Hội đồng.
2. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư

Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Đồng chí Phan Diễn, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên.

4. Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên.

5. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

6. Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

7. Đồng chí Nguyễn Duy Hùng, Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Ủy viên.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ chỉ đạo việc xuất bản bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba đạt kết quả tốt.

Điều 3. Ban Chỉ đạo xây dựng bản thảo do Hội đồng quyết định thành lập; Văn phòng Trung ương Đảng thẩm định và cấp kinh phí xuất bản bộ sách.

Điều 4. Các đồng chí có tên ở Điều 1, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 300-QĐ/TW, ngày 7 tháng 4 năm 2010

Về việc lập Tổ giúp việc của Tiểu ban nhân sự Đại hội XI của Đảng

- Căn cứ Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về việc thành lập Tiểu ban nhân sự Đại hội XI (số 247-QĐ/TW, ngày 21-7-2009);
- Xét đề nghị của Tiểu ban nhân sự Đại hội XI của Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lập Tổ giúp việc của Tiểu ban nhân sự Đại hội XI của Đảng gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, thành viên Tiểu ban nhân sự Đại hội XI, Tổ trưởng.
2. Đồng chí Nguyễn Đức Hạc, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương.
3. Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

4. Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 2. Tổ giúp việc của Tiểu ban nhân sự Đại hội XI có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan chuẩn bị các văn bản, báo cáo của Tiểu ban, trình Bộ Chính trị và trình Ban Chấp hành Trung ương về các vấn đề liên quan đến công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện làm việc và hoạt động của Tổ giúp việc.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 303-QĐ/TW, ngày 9 tháng 4 năm 2010

Về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng,

Ban Chấp hành Trung ương quyết định việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng như sau:

1. Căn cứ để phân bổ đại biểu

Việc phân bổ số lượng đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội XI của Đảng căn cứ vào đầu mối các đảng bộ trực thuộc Trung ương, số lượng đảng viên từng đảng bộ, vị trí quan trọng của một số đảng bộ.

2. Số lượng đại biểu ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương

2.1. Phân bổ đại biểu theo đầu mối các đảng bộ trực thuộc Trung ương

- Các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an Trung ương, Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương, mỗi đảng bộ được phân bổ 12 đại biểu.

- Các đảng bộ trực thuộc Đảng ủy Ngoài nước được chỉ định 11 đại biểu.

2.2. Phân bổ đại biểu theo số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ

Ở các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đảng bộ Quân đội; Đảng bộ Công an Trung ương; Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương; Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương, cứ có 10.000 đảng viên thì được phân bổ 1 đại biểu, nếu còn dư từ 5.001 đảng viên trở lên thì được phân bổ thêm 1 đại biểu.

2.3. Phân bổ đại biểu theo vị trí quan trọng của một số đảng bộ

- Đảng bộ Thành phố Hà Nội, do vị trí quan trọng của Thủ đô và do có sự hợp nhất hai đảng bộ trực thuộc Trung ương trong nhiệm kỳ Đại hội X, được phân bổ thêm 10 đại biểu.

- Các đảng bộ: Thành phố Hồ Chí Minh, Quân đội, Công an Trung ương được phân bổ thêm 3 đại biểu.

- Các đảng bộ: Khối các cơ quan Trung ương, Khối Doanh nghiệp Trung ương do hợp nhất, sắp xếp lại tổ chức trong nhiệm kỳ Đại hội X, giao Bộ Chính trị căn cứ tình hình thực tế mà quyết định phân bổ thêm một số đại biểu cho phù hợp.

3. Triển khai thực hiện

Căn cứ Quyết định này, Bộ Chính trị quyết định cụ thể số lượng đại biểu dự Đại hội XI của Đảng, định hướng cơ cấu đại biểu và giao Ban Tổ chức Trung ương thông báo số lượng đại biểu được phân bổ ở từng đảng bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 69-KL/TW, ngày 14 tháng 4 năm 2010

**Về việc tiếp tục thực hiện Quy định 54-QĐ/TW,
ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII)
về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng**

Tại phiên họp ngày 30-3-2010, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về Đề án tổng kết 10 năm thực hiện Quy định 54-QĐ/TW, ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng (Tờ trình số 163-TTr/BTGTW, ngày 30-12-2009), Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

Cơ bản nhất trí với Báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương về kết quả 10 năm thực hiện Quy định 54-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Ban Tuyên giáo Trung ương cần tiếp thu các ý kiến của các cơ quan chức năng, ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư để hoàn chỉnh Đề án. Ban Bí thư nhấn mạnh một số điểm sau đây:

1. Sau hơn 10 năm thực hiện Quy định 54-QĐ/TW của Bộ Chính trị, việc học tập lý luận chính trị trong Đảng đã đạt được một số thành tựu quan trọng: chế độ học tập lý luận

chính trị bước đầu đi vào nền nếp; đào tạo, bồi dưỡng được một số lượng lớn cán bộ, đảng viên, nâng cao ý thức học tập, nghiên cứu lý luận chính trị; đổi mới một bước về chương trình và phương pháp giảng dạy; cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên được quan tâm hơn; góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, việc học tập lý luận chính trị trong Đảng còn có những khuyết điểm, yếu kém cần khắc phục: Hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều bất hợp lý; thời gian và nội dung chương trình chưa phù hợp; phương pháp giảng dạy, học tập còn lạc hậu; đội ngũ giảng viên còn yếu và thiếu, chưa được quan tâm chăm lo xây dựng đúng mức; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị hạn chế, nhiều trường hợp học lý luận chính trị để đủ điều kiện nâng ngạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, không đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ, chất lượng công tác.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, yếu kém nói trên là:

- Công tác quán triệt và tổ chức thực hiện Quy định 54-QĐ/TW còn lúng túng, các văn bản hướng dẫn triển khai còn chậm.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành có liên quan trong tổ chức thực hiện Quy định chưa chặt chẽ.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện chưa thường xuyên. Còn ít các đoàn kiểm tra hàng năm của các ban đảng Trung ương về công tác giáo dục lý luận chính trị ở các địa phương, đơn vị, nhất là khối các ngành.

- Đầu tư kinh phí và chế độ đối với người dạy, người học còn nhiều bất cập. Cơ sở vật chất, điều kiện ăn, ở, học tập, làm việc của cán bộ, học viên còn nhiều khó khăn. Chế độ, chính sách cho người học thấp, không có chính sách hỗ trợ đối với học viên diện không được hưởng lương ngân sách; không có kinh phí đi lại, lưu trú đối với học viên các vùng sâu, vùng xa...

- Quy định 54-QĐ/TW có một số nội dung cần được cụ thể hóa cho phù hợp với thực tiễn và tăng tính khả thi: phân biệt yêu cầu học tập và có những chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp đối với các đối tượng khác nhau (đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý; đảng viên không phải là cán bộ lãnh đạo, quản lý; đảng viên không phải là công chức, viên chức, cán bộ của hệ thống chính trị...); đảm bảo một số điều kiện để tăng tính khả thi trong triển khai thực hiện Quy định...

2. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quy định 54-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong thời kỳ mới, Ban Bí thư yêu cầu cấp ủy đảng và chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Tiếp tục quán triệt Quy định 54-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII), nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp và của mỗi cán bộ, đảng viên về vai trò, vị trí của công tác giáo dục lý luận chính trị; phối hợp chặt chẽ công tác tuyên truyền, công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng để thực hiện nghiêm túc chế độ học tập và chất lượng học tập lý luận trong Đảng, khắc phục những hạn chế, nhất là tình trạng chạy theo bằng cấp trong học tập lý luận chính trị.

- Tiếp tục đổi mới hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng nâng cao chất lượng, giảm thời lượng, chú trọng tính hiệu quả, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy, nghiên cứu, học tập; xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với yêu cầu, vị trí công tác của từng loại cán bộ, đảng viên; tăng tính thuyết phục, thiết thực của chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng đòi hỏi của giai đoạn cách mạng mới.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, đôn đốc, công tác khảo sát, đánh giá, việc giảng dạy, nghiên cứu, học tập lý luận chính trị; tăng cường vai trò chủ động của các ngành, địa phương, đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

- Tăng cường đầu tư xây dựng, trang bị cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện giảng dạy, nghiên cứu, học tập, sinh hoạt và kinh phí mở lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, đặc biệt là ở các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

- Điều chỉnh, bổ sung chế độ, chính sách đối với người dạy và người học phù hợp với điều kiện hiện nay, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa và đối tượng đảng viên đi học không phải công chức, viên chức, không được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

3. Để tổ chức thực hiện, Ban Bí thư giao

- Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn thực hiện Thông báo kết luận của Ban Bí thư; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan định hướng về chính trị tư tưởng trong nội dung các chương trình giảng dạy lý luận chính trị trong hệ thống trường chính trị - hành chính, các trường ngành,

đoàn thể và kiểm tra việc thực hiện; chỉ đạo việc tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị các cấp.

- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các ban đảng Trung ương, các bộ, ngành, đoàn thể liên quan chỉ đạo các cơ sở đào tạo thuộc Học viện, các trường chính trị tỉnh, thành phố, trường bồi dưỡng cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể đổi mới, nâng cao chất lượng, chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy, nghiên cứu, học tập lý luận chính trị. Xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng với những yêu cầu cụ thể, phù hợp với từng đối tượng (đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành; đảng viên không giữ cương vị lãnh đạo; đảng viên không phải là công chức, viên chức nhà nước).

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát các quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ trong Đảng và hệ thống chính trị để bổ sung, sửa đổi những điểm không phù hợp; hướng dẫn cụ thể về việc phân cấp đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng cán bộ, đảng viên tại hệ thống học viện, trường chính trị tỉnh, trung tâm giáo dục chính trị huyện.

- Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, rà soát hệ thống chế độ, chính sách hiện hành, bổ sung, sửa đổi những điểm không phù hợp; hướng dẫn các ngành, địa phương lập kế hoạch về kinh phí xây dựng, trang bị cơ sở vật chất và các điều kiện, phương tiện bảo đảm chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng.

- Các cấp ủy đảng có trách nhiệm tiếp tục tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Quy định 54-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và thực hiện Kết luận này của Ban Bí thư, chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, đặc biệt là ở cấp huyện.

4. Về việc mở rộng đối tượng áp dụng Quy định 54-QĐ/TW tới những đối tượng không phải là đảng viên, cũng như một số nội dung cần sửa đổi trong Quy định 54-QĐ/TW, giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan xây dựng đề án, báo cáo Bộ Chính trị.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 323-TB/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2010

**Về chủ trương thực hiện chính sách, chế độ
đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân
tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương**

Tại phiên họp ngày 9-4-2010, sau khi nghe đại diện Đảng ủy Công an Trung ương trình bày Tờ trình về chủ trương thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương và ý kiến tham gia của một số bộ, ban, ngành, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

Đồng ý việc cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương được thực hiện chính sách, chế độ như quy định đối với quân nhân tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, ngày 28-12-2006 của Chính phủ và Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, ngày 27-10-2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Nghiên cứu việc nâng mức trợ cấp một lần cho thân nhân các đối tượng đã tử trận và thực hiện thống nhất giữa lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi một số điểm của Nghị định Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành về vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 41-CT/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2010

**Về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế
trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước**

I- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC NGOẠI GIAO KINH TẾ TRONG THỜI GIAN QUA

1. Trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, Đảng ta xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã khẳng định quyết tâm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phấn đấu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Thực hiện chủ trương này, cùng với các cấp, các ngành, từ nhiều năm qua, ngành ngoại giao đã chủ động đề xuất và đẩy mạnh hoạt động ngoại giao kinh tế, đưa công tác này trở thành ưu tiên hàng đầu trong ba trụ cột chính của công tác đối ngoại là ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa. Với các mục tiêu ngày càng được làm rõ, nội

dung và hình thức ngày càng hoàn chỉnh và đa dạng, ngoại giao kinh tế đã bước đầu đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển, mở rộng và từng bước đưa quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế đi vào chiều sâu, đưa kinh tế đất nước hội nhập với kinh tế thế giới; tham mưu cho Đảng và Nhà nước xử lý các vấn đề kinh tế; hỗ trợ cho các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong việc vận động viện trợ, thu hút đầu tư, công nghệ tiên tiến, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và xuất khẩu lao động, thu hút du lịch, cũng như đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài và bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế.

2. Tuy nhiên, công tác ngoại giao kinh tế đến nay còn chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy đã thiết lập được quan hệ nhiều mặt với hầu hết các nước và các tổ chức quốc tế và việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đánh dấu bước hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới, song nước ta còn chưa khai thác có hiệu quả các điều kiện thuận lợi và các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế. Việc tham gia các tổ chức hợp tác kinh tế - thương mại quốc tế chưa thật sự chủ động và hiệu quả. Sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong việc triển khai công tác ngoại giao kinh tế có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Công tác nghiên cứu, dự báo kinh tế thế giới để góp phần xây dựng chính sách phát triển và điều hành nền kinh tế chưa được tiến hành thường xuyên và kịp thời. Công tác thông tin về pháp luật, tập quán kinh doanh và thương mại quốc tế, cũng

như về các thị trường cụ thể tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Hoạt động xúc tiến kinh tế đối ngoại và việc hỗ trợ, bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam còn có những hạn chế.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là do các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò và nội dung quan trọng của công tác ngoại giao kinh tế. Đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao kinh tế còn thiếu, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là kiến thức kinh tế hiện đại và khả năng ngoại ngữ.

II- MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC NGOẠI GIAO KINH TẾ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Tình hình thế giới đang chuyển biến rất nhanh, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng phát triển sâu rộng với tốc độ chưa từng có, khoa học - công nghệ tiến bộ vượt bậc, làm thay đổi sâu sắc kinh tế thế giới nói riêng và đời sống quốc tế nói chung. Tình hình này đặt ra nhiều thách thức đồng thời cũng mang lại nhiều cơ hội mới cho sự phát triển đất nước. Để xử lý có hiệu quả các thách thức, tận dụng các cơ hội phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta cần huy động cao độ các nguồn nội lực và ngoại lực, tiếp tục kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tranh thủ tối đa các điều kiện thuận lợi cho phát triển.

1. Mục tiêu của ngoại giao kinh tế là chủ động tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, tranh thủ tối đa các nguồn lực

bên ngoài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Quan điểm chỉ đạo công tác ngoại giao kinh tế

- Ngoại giao kinh tế là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong hoạt động đối ngoại bao gồm cả hoạt động đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển và đảm bảo an ninh của đất nước.

- Ngoại giao kinh tế phải bám sát chủ trương, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, gắn kết chính trị - ngoại giao với kinh tế, phát huy tối đa quan hệ chính trị thuận lợi và lợi thế ngoại giao phục vụ phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

- Ngoại giao kinh tế cần đóng vai trò là một công cụ hữu hiệu đưa nước ta phát triển nhanh và bền vững, xác lập vị thế của Việt Nam trên tầm cao mới trong kinh tế thế giới và cộng đồng quốc tế.

III- NHỮNG NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÔNG TÁC NGOẠI GIAO KINH TẾ

1. Tiếp tục mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các nước, các tổ chức và các tập đoàn kinh tế, tài chính quốc tế đi vào chiều sâu; xây dựng chiến lược về quan hệ kinh tế với các nước, chú ý gắn kết quan hệ kinh tế với quan hệ chính trị, tạo lợi ích đan xen với các đối tác nhằm đảm bảo các lợi ích kinh tế, an ninh cho đất nước; chủ động tham gia các diễn đàn đa phương để vừa hợp tác giải quyết các vấn đề chung của khu vực và toàn cầu, vừa tranh thủ tối đa các nguồn lực

cho phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao vị thế của đất nước và tích cực đóng góp vào hình thành trật tự kinh tế thế giới mới công bằng, dân chủ.

2. Các cấp, các ngành, các địa phương chủ động đưa các nội dung kinh tế như vận động viện trợ, tranh thủ các nguồn vốn, công nghệ, tri thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hoá; mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, xuất khẩu lao động, thu hút du lịch, đầu tư ra nước ngoài vào hoạt động đối ngoại; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ, các nguồn lực cần thiết phục vụ cho hoạt động ngoại giao kinh tế.

3. Các cơ quan tham mưu, các viện nghiên cứu, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cùng các cơ quan hữu quan khác thường xuyên phối hợp, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo tình hình về các vấn đề kinh tế thế giới, khu vực; nghiên cứu kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước, các lý thuyết kinh tế và mô hình phát triển mới; nghiên cứu pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại quốc tế và của các nước để đóng góp vào việc xây dựng pháp luật và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, kinh tế đối ngoại nói riêng của Đảng và Nhà nước, xây dựng chiến lược và phương án kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp.

4. Các cơ quan làm công tác đối ngoại và kinh tế đối ngoại, đặc biệt là ngoại giao, công thương, kế hoạch - đầu tư, nông nghiệp - phát triển nông thôn, tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan tích cực hỗ trợ các ngành, các địa phương và doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại thông qua: (1) *Cung cấp thông tin, tham mưu về các vấn đề kinh tế, pháp luật, tập quán kinh doanh và thương mại quốc*

tế; (2) Đột phá, mở quan hệ với các đối tác; (3) Đồng hành, hỗ trợ các ngành, địa phương, doanh nghiệp trong hợp tác quốc tế, tiến hành hoạt động quảng bá quốc gia, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, khai thác các nguồn vốn bên ngoài, thu hút đầu tư, du lịch, xuất khẩu lao động và đầu tư ra nước ngoài, hỗ trợ xử lý các tranh chấp kinh tế - thương mại để bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và công dân Việt Nam ở nước ngoài; (4) Đôn đốc thực hiện các cam kết, thỏa thuận với các đối tác quốc tế; (5) Hỗ trợ các ngành, địa phương đào tạo cán bộ đối ngoại và ngoại giao kinh tế; (6) Phát huy lợi thế mạng lưới các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế.

5. Tiếp tục cụ thể hóa và tích cực triển khai những chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26-3-2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, các ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương và cấp ủy đảng địa phương và các hiệp hội nghiên cứu, quán triệt và chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị này; các cơ quan đối ngoại và các cơ quan có liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ trong triển khai công tác ngoại giao kinh tế, tạo ra sức mạnh tổng hợp và đạt hiệu quả cao.

2. Căn cứ vào Chỉ thị này, Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với ban cán sự đảng các bộ, ngành và

cơ quan hữu quan xây dựng Đề án tổng thể về công tác ngoại giao kinh tế trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, trong đó xác định rõ nhiệm vụ, chương trình hành động đối với các cơ quan tham gia công tác ngoại giao kinh tế, xác định các trọng tâm, trọng điểm về địa bàn, đối tác và lĩnh vực hợp tác, các nguồn lực và tổ chức thực hiện.

3. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương và các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ hàng năm báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 325-TB/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2010

Về việc phân công các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự Đại hội các Hội Văn học nghệ thuật

Sau khi xem xét các ý kiến đề xuất của Ban Tuyên giáo Trung ương gửi Thường trực Ban Bí thư tại Công văn số 5267-CV/BTGTW, ngày 19-3-2010, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đồng ý với đề xuất của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Bí thư sẽ phân công các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự Đại hội các Hội Văn học nghệ thuật trong những tháng tới. Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo, đề xuất với Ban Bí thư về các đồng chí lãnh đạo sẽ dự Đại hội của các Hội cụ thể.

- Đồng ý tặng Đại hội VIII Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Đại hội VI Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam bức trướng của Ban Bí thư "Đoàn kết - Dân chủ - Xây dựng - Sáng tạo" và phân công đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương dự Đại hội VIII Hội Kiến trúc sư Việt Nam, đồng chí

Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư dự Đại hội VI Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 42-CT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010

Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Hơn một phần tư thế kỷ hoạt động, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ, được tổ chức rộng khắp trong cả nước với 125 hội thành viên, gồm 55 liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 70 hội, tổng hội ngành toàn quốc. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã thu hút được trên 80 vạn trí thức khoa học và công nghệ, chiếm khoảng 1/3 trí thức hiện có của cả nước.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam từ Trung ương đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thể hiện được tính chất chính trị - xã hội, đại diện cho lực lượng trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vai trò, vị trí và uy tín trong xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả trên các mặt: tư vấn, phản biện và giám định xã hội; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; bảo vệ môi trường; giáo dục và đào tạo; thông tin và phổ biến kiến thức; phát triển cộng đồng và xóa đói, giảm nghèo; động viên phong trào nhân dân tham gia hoạt động sáng tạo khoa học và công nghệ; tôn vinh trí thức; hợp tác trong và ngoài nước... Đặc biệt, hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng, phản ánh trung thực, khách quan ý kiến của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ, đã có những đóng góp tích cực vào việc hoạch định đường lối đổi mới của Đảng và các dự án phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có nhiều hình thức tổ chức hoạt động để tập hợp, thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng, phát triển đất nước.

Tuy nhiên, hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam còn những khuyết điểm, yếu kém: chưa tập hợp được đông đảo trí thức khoa học và công nghệ, trí thức trẻ, trí thức trong doanh nghiệp và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài; nội dung và phương thức hoạt động còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp; việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội thành viên và hội viên của các hội thành viên chưa được quan tâm đúng mức.

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Bộ Chính trị yêu cầu thực hiện một số nội dung sau:

1. Quan điểm

1.1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có hệ thống từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là tổ chức chính trị - xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có chức năng tập hợp, đoàn kết và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam trong và ngoài nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội thành viên và hội viên của các hội thành viên, góp phần đưa khoa học và công nghệ trở thành động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Phát triển Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ.

1.3. Thực hành dân chủ, phát huy tinh thần yêu nước, tính sáng tạo và tính tích cực xã hội trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ là nội dung chủ yếu của quá trình đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

2. Mục tiêu

Đến năm 2020, xây dựng Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trở thành tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữ vai trò nòng cốt trong tập hợp, đoàn kết và phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ; góp phần đưa khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tiếp tục củng cố, kiện toàn và phát triển tổ chức Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

- Củng cố, kiện toàn và thống nhất cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thiết lập cơ chế phối hợp giữa Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và các hội thành viên; tăng cường mối liên kết liên ngành, liên vùng, phối hợp giữa Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các hội thành viên.

- Thành lập liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật ở những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa có tổ chức này.

- Củng cố các tổ chức hội thành viên theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả hoạt động nghề nghiệp và dịch vụ xã hội, nhận thức chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho hội viên của các tổ chức thành viên, đặc biệt là các hội viên trẻ. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ hoạt động hội theo một chương trình thống nhất, có tính hệ thống.

- Nghiên cứu thành lập các loại hình tổ chức phù hợp theo quy định của pháp luật nhằm thu hút, động viên, khuyến khích trí thức khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt trí thức có trình độ chuyên môn cao tham gia xây dựng đất nước.

3.2. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả việc tổ chức quán triệt các

chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước phù hợp với đối tượng trí thức. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng giúp trí thức khoa học và công nghệ nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với đất nước, dân tộc; phát huy tính sáng tạo, tinh thần hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đề xuất, tham mưu cho Đảng và Nhà nước những vấn đề lớn về đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước, nhất là về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, chính sách đối với trí thức, v.v..

- Chủ động tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong quá trình xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; các chương trình, dự án, đề án lớn về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội trước khi cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đi đầu trong truyền bá kiến thức khoa học và công nghệ; tổ chức phong trào nhân dân sáng tạo, áp dụng có hiệu quả những tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống; nâng cao chất lượng các giải thưởng, hội thi sáng tạo khoa học và công nghệ; phát hiện, tôn vinh các cá nhân tiêu biểu trong hoạt động sáng tạo khoa học và công nghệ.

- Tăng cường các mối quan hệ giữa trí thức khoa học và công nghệ với Đảng và Nhà nước; làm tốt vai trò điều hòa, phối hợp giữa các hội thành viên.

- Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức hợp tác về khoa học và công nghệ với các bộ, ngành, doanh nghiệp và các tổ chức khác trong và ngoài nước.

- Phát huy dân chủ, tôn trọng tự do sáng tạo trong hoạt động khoa học và công nghệ nhằm thu hút, tập hợp ngày

càng đông đảo trí thức khoa học và công nghệ tham gia hoạt động hội.

3.3. Tiếp tục thể chế hóa, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

- Tiếp tục thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy (khóa X) về "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; Nhà nước bảo đảm kinh phí và các điều kiện hoạt động cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như các tổ chức chính trị - xã hội khác; xây dựng cơ chế hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội; tham gia các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm môi trường thuận lợi để phát huy sức sáng tạo của trí thức khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Nghiên cứu, ban hành Luật phổ biến kiến thức, Luật hành nghề kỹ sư chuyên nghiệp...

3.4. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính

quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác về vai trò, vị trí của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường sự lãnh đạo đối với hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, chính quyền các cấp bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi để liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật ở Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, nội dung và quy chế hoạt động của Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đẩy mạnh xây dựng các tổ chức đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

4. Tổ chức thực hiện

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo kịp thời việc thể chế hóa nội dung của Chỉ thị. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban cán sự đảng các bộ, ngành có liên quan, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có chương trình hành động tổ chức thực hiện Chỉ thị.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị về việc thực hiện Chỉ thị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 327-TB/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010

Về Đề án tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên

Tại phiên họp ngày 10-4-2010, xem xét Tờ trình của Ban Cán sự đảng Chính phủ về Đề án tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên, Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với nội dung của Đề án, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên

- Ở Trung ương:

+ Chính phủ giao Bộ Nội vụ là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thanh niên.

+ Bộ Nội vụ thành lập "*Vụ Công tác thanh niên*" để giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện toàn diện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật về công tác thanh niên.

- Ở địa phương:

+ *Đối với cấp tỉnh*: Bổ sung nhiệm vụ quản lý nhà nước

về công tác thanh niên cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh, giao cho sở nội vụ thực hiện nhiệm vụ này. Sở nội vụ được thành lập "Phòng Công tác thanh niên" để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thanh niên trên địa bàn.

+ *Đối với cấp huyện*: Bổ sung và quy định nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thanh niên trên địa bàn và giao cho phòng nội vụ trực thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

2. Kiện toàn Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam

Kiện toàn Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam theo hướng xác định rõ trách nhiệm của cơ quan này, khắc phục sự chồng chéo, bất cập hiện nay, trước mắt chưa nên đặt vấn đề thay đổi vị trí của Văn phòng Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam.

Bổ sung thêm hai nhân sự làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam; trong đó một nhân sự là Thứ trưởng Bộ Nội vụ và một nhân sự là Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và căn cứ nội dung Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ và các cơ quan có liên quan bổ sung, hoàn chỉnh các quy định của pháp luật để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thanh niên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 329-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 2010

Về Đại hội VI của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Tại phiên họp ngày 20-4-2010, sau khi nghe Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trình bày "Báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam" (Báo cáo số 34/BC-DD, ngày 19-4-2010) và ý kiến của đại diện lãnh đạo các ban, ngành Trung ương, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, nhất trí với nội dung các dự thảo văn kiện Đại hội VI của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Dự thảo các văn kiện được chuẩn bị công phu, đã được thảo luận, lấy ý kiến đóng góp nhiều lần. Nội dung các văn kiện, những đánh giá về tình hình, kết quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong nhiệm kỳ vừa qua và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động trong thời gian tới phù hợp với tinh thần Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 11-11-1998

của Bộ Chính trị (khóa VIII) mới được Bộ Chính trị cho ý kiến. Nhìn chung, nội dung các văn bản đã đáp ứng yêu cầu, mục đích của Đại hội VI Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Tuy nhiên, cần cân nhắc một số nhận định, đánh giá cho phù hợp hơn với thực tế, với Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16-4-2010 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" và góp ý của các ban, ngành Trung ương, nhất là nguyên nhân của những tồn tại, khuyết điểm.

Trong thời gian tới, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cần thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình; tăng cường mối quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước, với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể khác; thực hiện tốt chức năng là đầu mối, tập hợp, đoàn kết các hội thành viên, bảo vệ quyền, lợi ích của hội thành viên; chú trọng công tác kiểm tra hội.

2. Về dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cho phù hợp với phương hướng hoạt động trong nhiệm kỳ tới là cần thiết. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cần căn cứ vào Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16-4-2010 của Bộ Chính trị để chỉnh sửa, biên tập lại. Điều lệ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh do ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhưng nội dung cơ bản không được trái với Điều lệ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có hệ thống từ Trung ương đến các tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương nhưng không biến Trung ương Hội thành tổ chức quản lý hành chính.

3. Về nhân sự, Ban Bí thư cơ bản tán thành Báo cáo về nhân sự chủ chốt của Liên hiệp Hội nhiệm kỳ tới. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn Đảng đoàn Liên hiệp Hội lãnh đạo thực hiện tốt công tác nhân sự tại Đại hội. Nhân sự Chủ tịch Liên hiệp Hội, Ban Tổ chức Trung ương và Đảng đoàn Liên hiệp Hội báo cáo Bộ Chính trị để Bộ Chính trị cho ý kiến trong phiên họp tới.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 330-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 2010

Về Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam

Tại phiên họp ngày 20-4-2010, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ nhất và ý kiến các ban, ngành Trung ương, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

Công tác chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam đã được tiến hành tích cực, chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng tinh thần Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 8-5-2009 của Ban Bí thư. Đại hội các dân tộc thiểu số được tổ chức từ địa phương đến Trung ương thực sự là đợt sinh hoạt chính trị có tác dụng giáo dục, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam. Ban Bí thư cơ bản tán thành nội dung báo cáo của Ban Chỉ đạo về công tác chuẩn bị Đại hội, đồng thời nhấn mạnh một số điểm sau:

1. Ban Bí thư đánh giá cao những đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam vào thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kết quả công tác dân tộc và đoàn kết dân tộc mà nội dung cơ bản là "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển" đã tiếp tục khẳng định Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong quá trình dựng nước và giữ nước.

2. Về Báo cáo chính trị của Đại hội

- Tán thành với chủ đề của Đại hội: *"Dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, cộng đồng các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển"*.

- Những ý kiến của Ban Bí thư về Báo cáo chính trị của Đại hội, Ban Chỉ đạo Đại hội và Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo chính trị trình Đại hội xem xét, quyết định.

3. Về một số đề nghị

- Đồng ý việc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tặng bức trường cho Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ nhất với nội dung: *"Cộng đồng các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển"*.

- Đồng chí Chủ tịch nước thay mặt Đảng, Nhà nước phát biểu với Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ nhất và trao tặng cho Đại hội bức trường của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Đoàn Chủ tịch của Đại hội nên ít hơn so với dự kiến; tham gia Đoàn Chủ tịch có các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước: đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ; đại diện Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đồng ý với đề xuất của Ban Chỉ đạo Đại hội để đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam đọc lời khai mạc; đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Tổ chức Đại hội đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội.

- Đồng ý việc Ban Chỉ đạo Đại hội tổ chức đoàn đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam đi dâng hương tại Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ; viếng các Anh hùng liệt sĩ tại Đài tưởng niệm liệt sĩ Hà Nội; tổ chức cho các đại biểu chính thức của Đại hội vào tham quan Khu di tích lịch sử và viếng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đoàn có số lượng như dự kiến, do đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Đại hội làm Trưởng đoàn; với nghi thức trang trọng, phù hợp, tiết kiệm.

- Đồng ý tổ chức cuộc gặp mặt của lãnh đạo Đảng, Nhà nước với đoàn đại biểu tiêu biểu đại diện cho 54 dân tộc (54 người) tại Phủ Chủ tịch; đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ tới dự, phát biểu và trao quà lưu niệm cho các đại biểu (đồng chí Chủ tịch nước phát biểu tại buổi gặp mặt này).

- Đồng ý tổ chức Đại hội giao lưu giữa các dân tộc thiểu số, có sự tham gia của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Đồng ý để Ban Chỉ đạo Đại hội tổ chức trao tặng các phần thưởng, danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước tại Đại hội cho đại diện các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Cho phép Ủy ban Dân tộc tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc" cho các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định.

- Đối với các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội, Ban Chỉ đạo Đại hội chủ động giải quyết theo thẩm quyền.

Ban Chỉ đạo Đại hội căn cứ Thông báo ý kiến của Ban Bí thư bổ sung, hoàn chỉnh nội dung, kế hoạch tổ chức Đại hội; Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng chủ động phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, các cơ quan có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ, đảm bảo thành công Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 71-KL/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2010

Về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước

Tại phiên họp ngày 10-4-2010, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

I- VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Nhất trí với Báo cáo số 56/LĐCP, ngày 25-1-2010 của đoàn kiểm tra; đoàn kiểm tra đã làm việc nghiêm túc, thực hiện theo kế hoạch, nội dung Chương trình kiểm tra số 97-CTr/TW, ngày 23-12-2008 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong triển khai thực hiện Nghị quyết nhìn chung được bảo đảm. Đây là yếu tố quan trọng để triển khai cải cách hành chính đạt kết quả tích cực ở các cấp, các ngành. Thực tiễn cho thấy việc quán triệt, nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của Nghị quyết tại các cấp ủy đảng là nhân tố quyết định trong triển khai, từ đó có những chủ trương, giải pháp cụ thể để thực hiện cải cách hành chính.

3. Việc triển khai cải cách hành chính đã thu được một số kết quả bước đầu; các chủ trương, giải pháp mà Nghị quyết đề ra liên quan đến cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, công chức, cải cách thủ tục hành chính, v.v. đã được nghiêm túc triển khai. Hệ thống thể chế, mà trọng tâm là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế về tổ chức bộ máy hành chính tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Quy trình xây dựng và ban hành thể chế được đổi mới, chú trọng việc kiểm tra chất lượng và tính khả thi của các quy định trước khi ban hành, sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào quá trình xây dựng thể chế được chú trọng hơn. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước được sắp xếp theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; việc sắp xếp, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện đã được tiến hành tích cực. Vai trò, chức năng của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp tục được làm rõ và phù hợp hơn với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục một phần sự chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ. Đã kịp thời triển khai chủ trương thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Cải cách thủ tục hành chính được

đẩy mạnh, coi đây là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho người dân và doanh nghiệp. Chế độ công chức, công vụ tiếp tục được cải cách thông qua việc ban hành Luật cán bộ, công chức. Những kết quả tích cực của cải cách hành chính đã góp phần vào việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo đà cho bước phát triển tiếp theo của đất nước.

4. Qua kiểm tra cũng đã phát hiện những hạn chế trong công tác lãnh đạo của một số cấp ủy đảng. Một số vấn đề qua thực tiễn đòi hỏi phải được tiếp tục nghiên cứu, chấn chỉnh để cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước ngày càng hoàn thiện, như tổ chức bên trong các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực phát sinh thêm nhiều tổng cục; việc phân cấp Trung ương - địa phương phải đi liền công tác kiểm tra, giám sát của cấp trên; việc xác định rạch ròi trách nhiệm cá nhân và tập thể trong bộ máy hành chính; những giải pháp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức...

II- NHỮNG VIỆC CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Bộ Chính trị nhất trí với các đề xuất, kiến nghị của đoàn kiểm tra và nhấn mạnh một số điểm dưới đây:

1. Cần tiếp tục chỉ đạo mạnh mẽ hơn việc thực hiện chủ trương, giải pháp "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính" được nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X); đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với công tác cải

cách hành chính; tăng cường hoạt động kiểm tra của cấp ủy đối với công tác cải cách hành chính của chính quyền.

2. Công tác cải cách hành chính cần thực hiện đồng bộ và đi vào chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương, cơ sở và cần tiếp tục phân cấp mạnh hơn nữa đi liền với kiểm tra, giám sát của cấp trên. Tăng cường các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ về cải cách hành chính; sớm sửa đổi, bổ sung các văn bản không còn phù hợp và nhanh chóng giải quyết các kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương về những khó khăn, vướng mắc hiện nay. Đẩy nhanh việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện luật, giúp các bộ, ngành, địa phương không bị lúng túng trong việc triển khai thực hiện các văn bản pháp luật đã ban hành.

3. Cải tiến quy trình và nâng cao chất lượng làm luật, pháp lệnh để sau khi có hiệu lực thì thực hiện được ngay, tránh tình trạng luật, pháp lệnh đã có hiệu lực nhưng không thực hiện được vì chưa có nghị định của Chính phủ và thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan. Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, ổn định và thống nhất để sớm khắc phục sự vênh nhau giữa các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.

4. Sớm tổng kết việc thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, trình Bộ Chính trị, Quốc hội để cho ý kiến việc chỉ đạo các bước tiếp theo.

5. Nghiên cứu cơ chế, chính sách, từng bước cải thiện đời sống cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Sớm ban hành chính sách ưu đãi phù hợp nhằm thu hút những người tài vào làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị;

chính sách đối với cán bộ bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển mới của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục thực hiện việc tinh giản biên chế ở các cấp.

Tăng mức khoán kinh phí chi thường xuyên đối với các cơ quan, đơn vị trong điều kiện tăng mức lương tối thiểu, bố trí nguồn kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp.

Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan chức năng khác tiếp tục chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) và các nội dung đã nêu trên, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 331-TB/TW, ngày 6 tháng 5 năm 2010

**Về việc xuất bản Báo cáo tổng kết 20 năm thực
hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ
quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011)**

Ngày 6-5-2010, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo xin ý kiến về việc xuất bản Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011) (Tờ trình số 83-TTr/VPTW, ngày 19-4-2010), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý giao Tiểu ban Tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xuất bản Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011), dưới hình thức sách "Lưu hành nội bộ", làm tài liệu tham khảo phục vụ đại hội Đảng các cấp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1991 - 2011)

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết phải tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (sau đây gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991*). Cương lĩnh năm 1991 có giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước ta trong suốt hai thập kỷ qua. Tuy nhiên, ngay từ lúc đó, Đảng ta cũng chỉ rõ: "Lúc này chúng ta chưa có đủ cơ sở để vẽ ra toàn bộ bức tranh của xã hội tương lai một cách hoàn chỉnh. Nhưng... chúng ta có thể vạch ra những nguyên tắc và phương hướng lớn cho thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta... Sau này, khi thực tiễn bộc lộ những vấn đề mới, qua tổng kết, Cương lĩnh sẽ không ngừng được bổ sung và hoàn chỉnh từng bước"¹.

1. Xem: *Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI, tháng 8-1990 (B.T)*.

Từ khi *Cương lĩnh năm 1991* ra đời đến nay, tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc. Nhiều vấn đề mới nảy sinh từng bước được Đảng ta nhận thức và giải quyết có hiệu quả; nhiều vấn đề liên quan đến Cương lĩnh đã có nhận thức mới, sâu sắc hơn; quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn; đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Vì vậy, rất cần phải tổng kết quá trình phát triển nhận thức và tổ chức thực hiện *Cương lĩnh năm 1991* để làm cơ sở cho việc bổ sung, phát triển *Cương lĩnh năm 1991*. Đại hội X đã quyết định: "Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh*, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội"¹⁾.

2. Mục đích, yêu cầu; tư tưởng chỉ đạo việc tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991

Mục đích, yêu cầu:

- Tổng kết, đánh giá quá trình nhận thức, cụ thể hóa, bổ sung, phát triển và tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh năm 1991 qua các nhiệm kỳ Đại hội VIII (năm 1996), Đại hội IX (năm 2001), Đại hội X (năm 2006); những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện Cương lĩnh; nhìn nhận khách quan giá trị lịch sử và những hạn chế của Cương lĩnh năm 1991; rút ra các bài học kinh nghiệm thiết thực qua 20 năm

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 72-73 (B.T).

thực hiện Cương lĩnh. Trong tổng kết, cần nêu lên những vấn đề còn vướng mắc, trước hết là về quan điểm, nhận thức ở tầm Cương lĩnh, để tập trung nghiên cứu, thảo luận làm rõ.

- Kiến nghị các vấn đề cần bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Cung cấp những căn cứ cần thiết, góp phần thiết thực vào việc xây dựng Báo cáo chính trị Đại hội XI và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

Tư tưởng chỉ đạo:

- Cương lĩnh là tuyên ngôn chính trị của Đảng, mang tầm định hướng chiến lược về con đường phát triển của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; là ngọn cờ chiến đấu của Đảng và dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; là nền tảng lý luận, nền tảng tư tưởng và chính trị, định hướng cho mọi hoạt động của chúng ta hiện nay cũng như trong những thập kỷ tới. Do đó, Cương lĩnh phải nêu được những quan điểm cơ bản về đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; phác họa những nét cơ bản về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta cần xây dựng; chỉ ra mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ; đưa ra những quan điểm, đường lối và các định hướng lớn về các chính sách để thực hiện mục tiêu đó. Đồng thời, Cương lĩnh cũng cần nêu mục tiêu phấn đấu cho chặng đường tới (dự kiến đến khoảng giữa thế kỷ XXI). Cương lĩnh phải có tầm khái quát cao, không đi vào những nội dung quá chi tiết và những chính sách cụ thể.

- Việc tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh cần bám sát tư tưởng chỉ đạo của Đại hội X, các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị. Quán triệt tinh thần và phương pháp khoa học, biện chứng, toàn diện, lịch sử - cụ thể

và phát triển. Phát huy tự do tư tưởng, thẳng thắn và mạnh dạn nêu những suy nghĩ mới có căn cứ và lắng nghe các ý kiến khác nhau trong nghiên cứu, thảo luận. Tạo điều kiện để các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đóng góp ý kiến; đồng thời, việc đóng góp ý kiến cần được tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ, vừa bảo đảm giữ vững nguyên tắc, vừa phát huy tốt dân chủ để tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân.

- Quá trình tổng kết, một mặt phải bám sát kết cấu và nội dung của Cương lĩnh năm 1991, mặt khác phải luận giải một số vấn đề quan trọng, chưa có điều kiện làm rõ trong tổng kết 20 năm đổi mới. Rà soát, nêu bật những nhận thức mới của các nhiệm kỳ đại hội Đảng so với Cương lĩnh năm 1991. Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá sát thực tế những điểm được và chưa được, hạn chế, vướng mắc trong thực hiện Cương lĩnh. Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng không tránh khỏi có những khuyết điểm, sai lầm, cần chỉ rõ để khắc phục. Những bài học kinh nghiệm cần được đúc kết từ những thành công và chưa thành công trong thực hiện Cương lĩnh.

- Việc bổ sung, phát triển phải theo tinh thần tiếp tục đổi mới trên cơ sở những quan điểm, tư tưởng, định hướng cơ bản của Cương lĩnh năm 1991; bám sát thực tiễn của đất nước và thời đại; phản ánh được ý chí, nguyện vọng của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội, tạo động lực mạnh để đưa đất nước đi lên. Giữ tên gọi "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Kế thừa những nội dung trong Cương lĩnh vẫn còn nguyên giá trị; bổ sung những vấn đề đã được các đại hội, Ban Chấp hành Trung

ương, Bộ Chính trị (từ khóa VII đến khóa X) kết luận, những nội dung đã rõ, đã chín, được thực tiễn chứng minh là đúng; bổ sung, điều chỉnh những điểm trong Cương lĩnh đến nay không còn phù hợp. Chú ý làm rõ thêm một số mối quan hệ cơ bản hết sức quan trọng có ý nghĩa chỉ đạo đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta mà trong tổng kết 20 năm đổi mới đã làm rõ một bước.

3. Quá trình chuẩn bị Báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X, ngày 4-2-2008, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập *Tiểu ban tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991 và chuẩn bị Báo cáo chính trị trình Đại hội XI* (Tiểu ban Cương lĩnh), do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh làm Trưởng Tiểu ban; đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, làm Phó Trưởng Tiểu ban Thường trực¹.

Ngày 22-2-2008, Tiểu ban đã họp phiên đầu tiên để xác định quan điểm, tư tưởng chỉ đạo việc tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh.

Ngày 28-2-2008, Ban Bí thư ra quyết định thành lập Tổ Biên tập². Tiểu ban đã chỉ đạo Tổ Biên tập khẩn trương triển khai các công việc (xây dựng đề cương sơ bộ, thành lập các nhóm biên tập theo lĩnh vực; tổ chức nghiên cứu, thảo luận, biên tập...); đồng thời đề xuất để Ban Bí thư giao một số cơ

1. Hội nghị Trung ương 10 khóa X đã quyết định bổ sung một số thành viên của Tiểu ban Cương lĩnh.

2. Sau Hội nghị Trung ương 10 khóa X, Ban Bí thư đã ra Quyết định bổ sung một số thành viên Tổ Biên tập Cương lĩnh.

quan khoa học, một số cấp ủy, tổ chức đảng ở Trung ương và địa phương tổng kết lý luận và thực tiễn một số chuyên đề có liên quan.

Tiếp sau đó, Thường trực Tiểu ban và Tiểu ban đã có 3 phiên họp thảo luận *Dự thảo Đề cương* và *Dự thảo Đề cương chi tiết* Báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991 do Tổ Biên tập trình. Tiểu ban đã gửi bản *Dự thảo Đề cương chi tiết* đến các đồng chí nguyên Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước để xin ý kiến. Bộ Chính trị đã có 2 phiên họp thảo luận Dự thảo Đề cương chi tiết Báo cáo do Tiểu ban trình và chỉ đạo tu chỉnh bản Dự thảo trình Hội nghị Trung ương 10.

Tại Hội nghị Trung ương 10, qua thảo luận, Ban Chấp hành Trung ương nhất trí với nhiều nội dung trong Đề cương chi tiết, cách tiếp cận, tư tưởng chỉ đạo, các nội dung cơ bản như: Tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam; giá trị to lớn và một số hạn chế của *Cương lĩnh năm 1991*; quá trình phát triển nhận thức và tổ chức thực hiện *Cương lĩnh năm 1991* trong 20 năm qua trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; những bài học kinh nghiệm. Những quan điểm lớn làm cơ sở cho bổ sung, phát triển Cương lĩnh trên các vấn đề: Tình hình thế giới, những đặc điểm, xu thế lớn của thời đại; về thời kỳ quá độ và đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng; những phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ và đến giữa thế kỷ XXI; định hướng lớn về phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng và

từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập kinh tế quốc tế; về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam; về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường; định hướng lớn về quốc phòng, an ninh và đối ngoại; về xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân; về Đảng Cộng sản Việt Nam và công tác xây dựng Đảng.

Trên một số vấn đề, trong quá trình thảo luận vẫn còn có ý kiến khác nhau hoặc cần được làm rõ, Ban Chấp hành Trung ương đã giao Bộ Chính trị chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận trong các hội nghị tiếp sau. Tiểu ban Cương lĩnh đã thảo luận bản *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển)* do Tổ Biên tập trình. Tiểu ban đã gửi bản *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển)* để xin ý kiến các đồng chí nguyên Lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước. Bộ Chính trị đã thảo luận toàn văn bản *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển)* và chỉ đạo tu chỉnh bản Dự thảo trình Hội nghị Trung ương 11.

Tại Hội nghị Trung ương 11, qua thảo luận, Ban Chấp hành Trung ương cơ bản đồng ý với *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển)*; đồng thời cho ý kiến cần làm rõ thêm một số nội dung và cách thể hiện về quá trình cách mạng và những bài học kinh nghiệm, bối cảnh tình hình quốc tế, các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta, về chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, phát

huy dân chủ và phương hướng, nhiệm vụ cơ bản trên một số lĩnh vực...

Trên một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc cần được làm rõ, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị nghiên cứu, cân nhắc trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 12. Tiểu ban đã thảo luận bản *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển)* đã được hoàn thiện thêm do Tổ Biên tập trình. Bộ Chính trị đã thảo luận bản *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển)* do Tiểu ban trình và chỉ đạo tu chỉnh tiếp để trình Hội nghị Trung ương 12.

Tại Hội nghị Trung ương 12, Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét toàn văn *Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*; trong đó, tập trung thảo luận các vấn đề: đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ, các phương hướng cơ bản, vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bản giải trình của Bộ Chính trị, kết quả biểu quyết và lấy ý kiến tại Hội nghị, chỉ đạo hoàn chỉnh bản Dự thảo để lấy ý kiến đại hội đảng bộ các cấp và ý kiến của nhân dân, chỉ đạo Tiểu ban Cương lĩnh nghiên cứu tiếp thu các ý kiến góp ý để bổ sung, hoàn chỉnh văn kiện, trình Hội nghị Trung ương 13.

Bộ Chính trị giao Tiểu ban Cương lĩnh xuất bản *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011)* dưới

hình thức sách "Lưu hành nội bộ", làm tài liệu tham khảo phục vụ đại hội Đảng các cấp (Thông báo số 331-TB/TW, ngày 6-5-2010 của Bộ Chính trị).

Trong quá trình nghiên cứu tổng kết, xây dựng bản Dự thảo Báo cáo, Tiểu ban Cương lĩnh và Tổ Biên tập đã: Nghiên cứu, kế thừa các kết quả tổng kết 20 năm đổi mới; các kết quả nghiên cứu về bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 đã được Ban Chấp hành Trung ương khóa IX cho ý kiến khi chuẩn bị Đại hội X. Thu thập và sử dụng các kết quả nghiên cứu mới của các cơ quan lý luận, các nhà khoa học (đặc biệt là hệ thống chương trình, đề tài khoa học của Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội Việt Nam...). Tập hợp ý kiến của nhiều nhà khoa học và chuyên gia thông qua các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học và mời cộng tác viên viết bài; phát huy trí tuệ, dân chủ thảo luận theo đúng tinh thần Bộ Chính trị chỉ đạo. Sử dụng kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn của 77 cơ quan Trung ương và tỉnh ủy, thành ủy. Làm việc trực tiếp với 27 Ban Thường vụ của các tỉnh ủy, thành ủy; nghiên cứu, trao đổi ý kiến với nhiều quận, huyện, phường, xã và doanh nghiệp.

Báo cáo tổng kết gồm ba phần chính (ngoài Lời mở đầu và Phụ lục):

Phần thứ nhất: Bối cảnh ra đời và quá trình phát triển nhận thức những nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991.

Phần thứ hai: Thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm của 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991.

Phần thứ ba: Những vấn đề lớn trong bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991.

*Phần thứ nhất***BỐI CẢNH RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN
NHẬN THỨC NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN
CỦA CƯƠNG LĨNH NĂM 1991****I- BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA CƯƠNG LĨNH NĂM 1991**

Từ tháng 7-1954, đất nước ta tạm thời bị chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng và quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam bị đế quốc xâm lược và thống trị. Đảng ta đã xác định đường lối chung của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, nhằm mục tiêu chung là thống nhất đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Với đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam đã được giải phóng, Tổ quốc thống nhất. Trong 10 năm đầu khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vượt qua mọi thử thách, đã hoàn thành thống nhất đất nước, khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả.

Đại hội lần thứ IV (năm 1976), Đại hội lần thứ V (năm 1982) của Đảng và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV và khóa V đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định mục tiêu, phương hướng cách mạng xã hội chủ nghĩa và đã giành được những kết quả quan trọng.

Song, bên cạnh đó, trong lãnh đạo Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan, đã nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh quá mức xây dựng công nghiệp nặng, duy trì quá lâu cơ chế kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, đã có nhiều chủ trương và biện pháp thiếu cơ sở khoa học và căn cứ thực tiễn trong cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương...

Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ VI (tháng 12-1986) của Đảng với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đã đánh giá đúng những thành tích và những khuyết điểm, sai lầm trong công tác lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng đã rút ra những bài học kinh nghiệm, trong đó có bài học: Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan; năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng.

Để khắc phục những khuyết điểm, sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, Đảng ta chủ trương trước hết phải đổi mới nhận thức, đổi mới tư duy: "Phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống quy luật

khách quan, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng chung của xã hội"¹⁾.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Vì vậy, Đại hội VI, cùng với việc vạch ra đường lối đổi mới, đã xác định cần xúc tiến xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng trong thời kỳ quá độ. Đại hội chỉ rõ việc "Thảo ra một cương lĩnh cách mạng hoàn chỉnh và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là sự kiện chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự chỉ đạo cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội"²⁾.

Thực hiện quyết định của Đại hội VI, ngay từ tháng 2-1987, Trung ương Đảng đã chỉ đạo việc biên soạn Cương lĩnh. *Cương lĩnh năm 1991* của Đảng được chuẩn bị liên trong 5 năm, ngay từ sau Đại hội VI cho đến khi được thông qua tại Đại hội VII.

Đó là thời gian trên thế giới và trong nước ta, đặc biệt là trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, tình hình diễn biến hết sức phức tạp. Từ cuối năm 1988, công cuộc cải tổ, cải cách ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu ngày càng khó khăn. Việc thực hiện đa nguyên về chính trị, đa đảng đối lập, phủ nhận sạch trơn quá khứ cách mạng, chĩa mũi nhọn phê

1), 2). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 29, 41 (B.T).

phán vào Đảng Cộng sản, vào chủ nghĩa Mác - Lênin và tung ra các tư tưởng, quan điểm xa lạ làm cho tình trạng khủng hoảng ở các nước này ngày càng trầm trọng, xã hội ngày càng hỗn loạn. Cuối năm 1990 đầu năm 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu sụp đổ; Liên Xô cũng đứng trước ngưỡng cửa của sự tan rã; phong trào cộng sản và công nhân trên thế giới bị tấn công dữ dội, làm cho nhiều Đảng Cộng sản và công nhân mất phương hướng.

Ở nước ta, công cuộc đổi mới tuy đã đưa lại những thành tựu bước đầu đáng khích lệ, song vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Do tác động của tình hình, đặc biệt là tình hình bên ngoài, đã nảy nở và phát triển trong xã hội ta tư tưởng hoang mang, dao động, hoài nghi trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân; các phần tử xấu cũng tung ra các luận điệu sai trái và phản động, đòi xét lại quá khứ và những thành tựu của cách mạng, công kích sự lãnh đạo của Đảng, đòi "đa nguyên, đa đảng", từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa.

Ra đời trong bối cảnh tình hình đó, *Cương lĩnh năm 1991* của Đảng đã thực sự là ngọn cờ chiến đấu, chỉ đạo và định hướng của Đảng ta vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng ta là hệ thống quan điểm tổng thể về một xã hội mà chúng ta sẽ đi tới, với những mục tiêu tổng quát nhất, những biện pháp lớn và bước đi cơ bản xuất phát từ đặc điểm nước ta. Việc xây dựng Cương lĩnh cho cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không những là một nhu cầu lịch sử tất yếu mà còn là một yêu cầu cần thiết và cấp bách

để định hướng cho Đảng và toàn xã hội phấn đấu tiến lên trong thời điểm có ý nghĩa bước ngoặt lúc đó.

II- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CƯƠNG LĨNH NĂM 1991 QUA CÁC NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI

1. Tổng quát về quá trình cách mạng Việt Nam, mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

(1) Những mốc lớn của quá trình cách mạng Việt Nam

Cương lĩnh năm 1991 đã trình bày khái quát và nhấn mạnh những mốc lớn của quá trình cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo (năm 1930) đến năm 1991. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đưa nước ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, giải phóng nửa nước, miền Bắc chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội... Đánh giá những thành tựu và hạn chế trong 10 năm (1976 - 1986) cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội. Khẳng định Đại hội VI là cột mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Công cuộc đổi mới qua hơn 4 năm đã đạt thành tựu bước đầu quan trọng. Đồng thời, Cương lĩnh chỉ rõ: khó khăn còn nhiều, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Từ sau Đại hội VII, trong các văn kiện của Đảng đều có

đánh giá, bổ sung và phát triển về "quá trình cách mạng Việt Nam".

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII đã chỉ ra các thách thức, nguy cơ và những thuận lợi cơ bản của đất nước trong tình hình mới. Đại hội VIII nhận định đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và có tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Đặc biệt, Đại hội IX đã một lần nữa đánh giá tổng quát về tiến trình cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX và triển vọng trong thế kỷ XXI: *Một là*, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; *Hai là*, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; *Ba là*, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta. Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Đại hội X đã đánh giá tổng quát về 20 năm đổi mới, trong đó có 15 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991: Với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử*.

(2) Những bài học lớn từ thực tiễn cách mạng Việt Nam

Trên cơ sở tổng kết hơn 60 năm cách mạng Việt Nam,

Cương lĩnh năm 1991 đã rút ra 5 bài học lớn, nội dung cơ bản gồm:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam; Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Những bài học trên đây của Cương lĩnh năm 1991 vẫn giữ nguyên giá trị cho đến ngày nay. Tuy nhiên, đến Đại hội XI, cách mạng Việt Nam trải qua 80 năm, trong đó có một giai đoạn hết sức quan trọng là 25 năm đổi mới. Vì vậy cần bổ sung những bài học lớn của cách mạng Việt Nam, trong đó có nội dung của đổi mới trên cơ sở tổng kết lý luận - thực tiễn 25 năm đổi mới của Đảng.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng ta đều có phát triển nhận thức, bổ sung và phát triển các bài học, tập trung vào các bài học về đổi mới.

Ngay từ Đại hội VII, ngoài những bài học lớn trong Cương lĩnh năm 1991, trong Báo cáo chính trị của Đại hội đã rút ra 5 kinh nghiệm bước đầu về tiến hành công cuộc đổi mới:

Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội.

Bốn là, tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị, xã hội nói chung.

Năm là, trong quá trình đổi mới, phải quan tâm dự báo tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới; tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội VIII trên cơ sở tổng kết 10 năm đổi mới (1986 - 1996), đã rút ra 6 bài học chủ yếu sau:

Một là, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã

hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Bốn là, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

Năm là, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Đại hội IX, trên cơ sở tổng kết 15 năm đổi mới (1986 - 2001), đã rút ra 4 bài học chủ yếu sau:

Một là, trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.

Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đại hội X, trên cơ sở tổng kết 20 năm đổi mới (1986 - 2006), đã rút ra 5 bài học chủ yếu sau:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Những bài học qua các đại hội thời kỳ đổi mới là sự cụ thể hóa, làm phong phú thêm, đồng thời là sự bổ sung, phát triển các bài học của Cương lĩnh năm 1991. Các bài học đó phản ánh những mối quan hệ biện chứng, những tính quy luật trong sự nghiệp đổi mới đất nước, thể hiện quá trình nhận thức ngày càng toàn diện, sâu sắc của Đảng ta về sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp cách mạng trong từng giai đoạn.

(3) Tình hình thế giới và những đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại

Cương lĩnh năm 1991 nhận định những biến đổi to lớn và sâu sắc của tình hình thế giới đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX: cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, quá trình quốc tế hóa sâu sắc; những vấn đề toàn cầu cấp bách... Chỉ ra các mâu thuẫn của thời đại, nêu ra bản chất và những mâu thuẫn cũng như số phận của chủ nghĩa tư bản; những khó khăn, thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Chỉ rõ đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Khẳng định: Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất*

định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử.

Từ năm 1991 đến nay, Đảng ta đã có nhiều nhận định, đánh giá, dự báo về tình hình thế giới và khu vực. Những nhận thức mới quan trọng so với Cương lĩnh năm 1991 là:

Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII đã chỉ rõ bước thoái trào tạm thời của chủ nghĩa xã hội và sự khủng hoảng nghiêm trọng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Nhấn mạnh những mâu thuẫn mới và khả năng tự điều chỉnh để thích nghi của chủ nghĩa tư bản.

Từ Đại hội IX, Đảng ta đã nhấn mạnh khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt; toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan và bước chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức.

Các văn kiện Đại hội VIII, IX, X đều nhận định: hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ yếu, trong một vài thập kỷ tới ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới; nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

Từ Đại hội VIII, Đảng ta nhấn mạnh: khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á vừa phát triển năng động, vừa tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định.

Trong 3 năm gần đây, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; từ giữa năm 2008 diễn ra cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Sự hình thành các liên kết khu vực, ký kết các hiệp ước hợp tác kinh tế song

phương, đa phương tăng lên, nhưng đồng thời cũng diễn ra xu hướng bảo hộ mậu dịch của nhiều nước. Quan hệ giữa các nước lớn vẫn vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt; vừa thoả hiệp, vừa kiềm chế lẫn nhau... Yêu cầu tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, phát triển bền vững đặt ra với mọi quốc gia trên thế giới.

(4) Về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam và những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, Cương lĩnh năm 1991 đã xác định: Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản; từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp; đất nước trải qua chiến tranh ác liệt kéo dài nhiều chục năm, hậu quả xã hội do chiến tranh để lại rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại.

Đó là những khó khăn khách quan trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cho thấy thời kỳ quá độ ở Việt Nam là một thời kỳ lịch sử lâu dài, phải giải quyết hàng loạt nhiệm vụ mới mẻ, phức tạp, chưa có tiền lệ.

Bên cạnh đó, Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng có nhiều thuận lợi: đất nước hòa bình và thống nhất, dân tộc Việt Nam có truyền thống anh hùng, bất khuất, nhân dân có lòng yêu nước và cần cù lao động; chúng ta đã có một số cơ sở vật chất ban đầu; thời cơ phát triển do cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới tạo ra.

Hai mươi năm qua, Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn và đầy đủ hơn con đường đi lên của nước ta là sự phát triển

quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ; trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái cũ và cái mới.

Về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, Cương lĩnh năm 1991 đã xác định: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Do nhân dân lao động làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Những nhận thức mới của Đảng về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, được thể hiện từng bước trong các văn kiện Đại hội VIII, Đại hội IX và trong các nghị quyết Trung ương qua các nhiệm kỳ đại hội; đặc biệt rõ

nhất trong Văn kiện Đại hội X: xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Những nhận thức mới rõ rệt nhất về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng theo tinh thần Đại hội X là: xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ (thay cho "do nhân dân lao động làm chủ"); không chỉ nói "các dân tộc trong nước", mà xác định cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; bổ sung một đặc trưng chính trị rất quan trọng là: có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản...

(5) Về những phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ, mục tiêu của chặng đường hiện nay

Cương lĩnh năm 1991 nêu ra 7 phương hướng cơ bản:

(1) Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân; (2) Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại là nhiệm vụ trung tâm; (3) Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; (4) Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá; (5) Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; (6) Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; (7) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cương lĩnh năm 1991 nêu mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là: Xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh. *Cương lĩnh năm 1991* nêu mục tiêu của chặng đường đầu là: Thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

Các nhiệm kỳ đại hội đã bổ sung, phát triển các phương hướng cơ bản mà *Cương lĩnh năm 1991* đã chỉ ra, khẳng định rõ phương hướng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; thực hiện đại đoàn kết

toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Đại hội X của Đảng trên cơ sở tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới đã nêu thành 8 phương hướng sau đây:

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ Đại hội VIII đến Đại hội X Đảng ta đều khẳng định: Chúng ta đã hoàn thành mục tiêu của chặng đường đầu và đang thực hiện mục tiêu của chặng đường tiếp theo là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Những định hướng lớn về phát triển kinh tế

(1) Định hướng về mô hình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định mô hình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã

hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, với những định hướng quan trọng là:

Xóa bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

Xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn, sức lao động...; thực hiện giao lưu kinh tế thông suốt cả nước và với thị trường thế giới.

Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, đã chuyển từng bước từ "Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước", sang "Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Đại hội IX khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *mô hình kinh tế tổng quát của nước ta* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các Đại hội VIII, IX và X đều nêu yêu cầu phải tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường, thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội IX và Đại hội X chỉ rõ: Đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước; Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, kết hợp với

sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước... Đại hội X nhấn mạnh nhiệm vụ "tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".

Các nhiệm kỳ đại hội, đặc biệt là Đại hội X đã làm rõ hơn nội hàm định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường ở nước ta. Đó là: Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

(2) Định hướng về xây dựng và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định một trong những đặc

trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: "Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu", "Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu". Các hình thức sở hữu đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh.

Đã chủ trương phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng; kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi; kinh tế tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định; phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức; kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng không phải là một thành phần kinh tế độc lập; kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu. Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân phối theo lao động.

Những định hướng này, *qua các nhiệm kỳ đại hội* đã có nhiều bổ sung, phát triển quan trọng.

Về mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất phù hợp, Đại hội VIII xác định: Phải lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Đại hội IX xác định rõ thêm: Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

Về chế độ sở hữu, hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, Đại hội IX, Đại hội X chỉ rõ: Từ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp. Đại hội VIII phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế hợp tác; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân. Đại hội IX phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đại hội X phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân); kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Về chính sách đối với các thành phần kinh tế, Đại hội IX và Đại hội X đã có những đổi mới khá cơ bản; trong đó điều

quan trọng nhất là đã khẳng định các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu. Nhà nước chỉ thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm; một số mục tiêu như xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, khắc phục rủi ro; một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khẳng định sự tồn tại khách quan, lâu dài và khuyến khích sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu khác nhau trong nền kinh tế.

Các đại hội Đảng tiếp sau Đại hội VII đều khẳng định phải tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo; doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt. Kinh tế nhà nước có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Xác định ngày càng rõ thêm chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; coi đó là một giải pháp trọng tâm để đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Xác định kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động; phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao. Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Tiếp tục đổi mới, tạo động lực phát triển có hiệu quả các loại hình kinh tế tập thể.

Kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư

bản tư nhân) được xác định là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân; phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài, là một trong những động lực của nền kinh tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình kinh tế tư nhân đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn; xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử; bảo đảm thực sự bình đẳng.

Phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thân cho các bên đầu tư kinh doanh.

Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; xác định đó là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được đối xử bình đẳng như doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh.

Về chế độ phân phối, từ Đại hội VIII đã từng bước xác định rõ thêm: Công bằng xã hội không chỉ được thực hiện trong phân phối kết quả sản xuất, mà còn được thực hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất, ở việc tạo ra những điều kiện cho mọi người phát huy tốt năng lực của mình. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp đi đôi với chăm lo xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt quan tâm đến các vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, các gia đình thuộc diện chính sách, làm cho mọi người, mọi nhà đều tiến tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, ai cũng có việc làm, có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành và chữa bệnh. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài các hình thức thuê mướn

lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập.

Đại hội IX, Đại hội X xác định thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội; từng bước củng cố và mở rộng hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của các tầng lớp nhân dân. Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) xác định: Tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung - cầu về sức lao động, chất lượng, cường độ lao động và mức cạnh tranh về việc làm.

(3) Định hướng về phát triển lực lượng sản xuất; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định: Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Xây dựng nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

Thực hiện chuyên môn hóa và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hoá.

Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. *Giáo dục và đào tạo* gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học - kỹ thuật, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới.

Qua các nhiệm kỳ đại hội đã có nhiều bổ sung, phát triển quan trọng về các định hướng trên.

Trước hết về mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đại hội IX đã xác định đó là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Do vậy, tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

Đại hội VIII, Đại hội IX xác định: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Từ Đại hội VIII, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đại hội IX, Đại hội X nói rõ thêm: đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đại hội IX, Đại hội X chỉ rõ: Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Thực hiện công nghiệp hóa theo mô hình kinh tế mở. Gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế thị trường, tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và phát huy tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội IX xác định phải phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội X xác định phải xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ; chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn; phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng, tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ; phát triển kinh tế vùng; phát triển kinh tế biển; chuyển dịch cơ cấu lao động.

(4) Về nâng cao ý chí tự lực tự cường, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước

Cương lĩnh năm 1991 chưa sử dụng khái niệm xây dựng "nền kinh tế độc lập, tự chủ" và "hội nhập kinh tế quốc tế", nhưng đã đề cập đến những nội dung rất quan trọng: Xác định quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản, với nhiều khó khăn, thử thách, đồng thời cũng có những thuận lợi, chúng ta phải "tiếp tục nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế". Một định hướng lớn về phát triển kinh tế là: "Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình

thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ gắn với phân công và hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng". Một trong những định hướng lớn về chính sách đối ngoại là: "Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình".

Qua các nhiệm kỳ đại hội đã có những bổ sung, phát triển quan trọng về vấn đề này.

Đại hội VIII nêu chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

Đại hội IX xác định: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, trước hết là độc lập, tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh: có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ; giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường... Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Đại hội X đã xác định: Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Phát huy tối đa nội lực,

nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường; lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Trong tiến trình mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, phải biết khai thác tối đa mọi lợi thế so sánh và nguồn lực của đất nước. Phát huy cao độ nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Độc lập, tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả; hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ.

3. Những định hướng lớn về phát triển văn hóa; giáo dục và đào tạo; khoa học, công nghệ và môi trường; xã hội; con người

(1) Những định hướng lớn về phát triển văn hóa

Cương lĩnh năm 1991 xác định, một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người; chống tư

tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Về định hướng xây dựng nền văn hóa mới, *Cương lĩnh* chỉ rõ: tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ. Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam; khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng; thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Qua các nhiệm kỳ đại hội đã có nhiều bổ sung, phát triển về định hướng phát triển văn hoá.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã khẳng định những quan điểm sau:

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa không phải là kết quả thụ động, yếu tố đứng bên ngoài, bên cạnh, hoặc đi sau kinh tế, phụ thuộc hoàn toàn vào trình độ phát triển kinh tế, mà văn hóa thấm sâu vào mọi hoạt động kinh tế, mọi hành vi của con người; văn hóa định hướng cho phát triển, điều chỉnh suy nghĩ và hành vi của con người, góp phần hạn chế những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và mở cửa, hội nhập.

Hai là, nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiên tiến là yêu nước

và tiến bộ, mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. *Bản sắc dân tộc* bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống.

Ba là, nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đây là tư tưởng tiến bộ và nhân văn, phù hợp với xu thế chung của cộng đồng quốc tế đang hướng tới xây dựng một công ước quốc tế về đa dạng văn hóa hiện nay.

Bốn là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Quan điểm này khắc phục "tư duy bao cấp" gây nên tính thụ động, chờ đợi của người dân. Mọi người Việt Nam đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân, giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá.

Năm là, văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Hoạt động văn hóa khác với các hoạt động kinh tế ở chỗ: các hoạt động văn hóa luôn mang ý nghĩa xã hội, có tác động sâu sắc đối với đời sống tư tưởng, tình cảm, tâm lý, tập quán của cộng đồng. Vì vậy, cần chú trọng tới tính đặc thù của hoạt động văn hóa và phải tiến hành một cách thận trọng, tránh chủ quan, duy ý chí. Làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người.

Về vị trí, vai trò của văn hóa, Hội nghị Trung ương 10 khóa IX đã tiến thêm một bước khi kết luận: sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Nhấn mạnh phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Về phát triển văn hóa, văn nghệ và thông tin đại chúng, Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị khóa X về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, nghệ thuật trong thời kỳ mới" đã khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của văn học, nghệ thuật; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện định hướng phát triển văn học, nghệ thuật thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ; bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ. Đại hội X chỉ rõ: Tiếp tục hoàn thiện định hướng phát triển hệ thống thông tin đại chúng, xuất bản, nhấn mạnh

yêu cầu nâng cao chất lượng tư tưởng và văn hóa, năng lực vươn lên hiện đại về mô hình, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật của hệ thống thông tin đại chúng.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII khẳng định: Phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân trong đời sống văn hoá; đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Đại hội X đã đề ra chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa để mọi cấp, mọi ngành, mọi cơ quan, đơn vị, mọi người đều có nghĩa vụ và trách nhiệm tham gia hoạt động văn hoá.

Các nghị quyết của Đảng đều nhấn mạnh, tiếp tục hoàn thiện các chủ trương, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với văn hoá.

(2) Những định hướng lớn phát triển giáo dục và đào tạo

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định: Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu; phát triển giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học - kỹ thuật, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới; thực hiện giáo dục phổ cập, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài.

Qua các nhiệm kỳ đại hội đã có nhiều bổ sung, phát triển về định hướng giáo dục và đào tạo.

Hội nghị Trung ương 4 khóa VII ra Nghị quyết về giáo dục và đào tạo đã xác định bốn quan điểm cơ bản chỉ đạo tiếp tục đổi mới lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó có một số nội dung đáng chú ý là:

- Phải coi đầu tư cho giáo dục là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi

trước và phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

- Mở rộng quy mô để đáp ứng nhu cầu, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, gắn học với hành, tài với đức.

- Giáo dục phải vừa gắn chặt với yêu cầu phát triển của đất nước, vừa phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại. Thực hiện một nền giáo dục thường xuyên cho mọi người, xác định học tập suốt đời, học tập là quyền và trách nhiệm của mỗi công dân.

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo. Huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của Nhà nước. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục: người đi học phải đóng góp học phí, người sử dụng lao động qua đào tạo phải đóng góp chi phí đào tạo; Nhà nước có chính sách bảo đảm cho người nghèo và các đối tượng chính sách đều được đi học.

Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII ra Nghị quyết "Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000", đã khẳng định: Thực sự coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu; cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Đây là sự phát triển nhận thức quan trọng của Đảng ta.

Đến Đại hội IX, Đảng ta khẳng định rõ hơn: Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự

ng nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người. Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hoá; xây dựng xã hội học tập.

(3) Những định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ và môi trường

Cương lĩnh năm 1991 đã chỉ rõ, khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu. Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các chiến lược khoa học và công nghệ phải nhằm mục tiêu công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hóa, nâng cao dân trí. Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau.

Qua các nhiệm kỳ đại hội đã có nhiều bổ sung, phát triển về định hướng trên.

Nghị quyết Trung ương 7 khóa VII chỉ rõ mục tiêu phát triển khoa học - công nghệ đến năm 2000 là: Cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định, các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư; đẩy nhanh quá trình đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế một cách có trọng điểm; xây dựng và phát triển năng lực khoa học - công nghệ để làm chủ công nghệ nhập và sáng tạo công nghệ mới. Để phát triển khoa học - công nghệ, cần chú trọng bố trí lại, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, tạo lập thị

trường sản phẩm khoa học - công nghệ, mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ...

Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII "Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá" đã đề ra năm quan điểm chỉ đạo: (1) Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. (2) Khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh. (3) Phát triển khoa học và công nghệ là sự nghiệp cách mạng của toàn dân. (4) Phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ kết hợp với tiếp thu thành tựu khoa học, công nghệ thế giới. (5) Phát triển khoa học - công nghệ gắn liền với giáo dục - đào tạo, với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Đại hội IX khẳng định: Khoa học, công nghệ là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức. Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định rõ hơn định hướng phát triển công nghệ; hình thành thị trường khoa học và công nghệ; đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Về các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, Đại hội VIII xác định: Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho

phát triển khoa học và công nghệ. Đến Đại hội IX đã chỉ rõ: Tăng vốn đầu tư của ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ. Đến Đại hội X, Đảng đã xác định rõ hơn: Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, huy động các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ; đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Trong Nghị quyết số 41-NQ/TW khóa IX về bảo vệ môi trường, Đảng ta chỉ rõ tầm quan trọng bức thiết của công tác bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; gắn phát triển kinh tế với xã hội, với môi trường. Khẳng định: bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững; là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người...

(4) Những định hướng lớn về phát triển xã hội

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định:

- Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Phương hướng cơ bản là thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

- Phương hướng lớn của chính sách xã hội là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng...; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, đời sống

vật chất - đời sống tinh thần, nhu cầu trước mắt - lợi ích lâu dài, cá nhân - tập thể - cộng đồng xã hội.

- Các chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội (ăn, ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh, việc làm, thu nhập...).

- Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động.

- Các chính sách đối với bà mẹ, thanh thiếu niên; chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; coi việc giảm tốc độ tăng dân số là một quốc sách; thiết lập hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; phát triển các công trình phúc lợi xã hội, nhà ở.

- Có chính sách thích đáng đối với gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ lão thành, người về hưu. Chăm lo đời sống người già cả, neo đơn, người tàn tật, mất sức lao động, trẻ mồ côi.

- Định hướng xây dựng cộng đồng xã hội văn minh; phát triển giai cấp công nhân; xây dựng giai cấp nông dân; đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức; đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao; quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác vì sự nghiệp "ích nước lợi nhà"; động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở.

- Thực hiện bình đẳng nam nữ; chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển...

- Khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng...

Qua các nhiệm kỳ đại hội, nhận thức của Đảng ta về định hướng phát triển xã hội và vai trò các giai cấp, tầng lớp xã hội có nhiều đổi mới, nổi lên là:

- Về quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội từ Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII Đảng ta đã khẳng định: Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, ở từng địa phương; thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

- Nhận thức ngày càng sâu sắc hơn ý nghĩa và vai trò của "đoàn kết toàn dân", "đại đoàn kết toàn dân", "đại đoàn kết toàn dân tộc". Khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện tư tưởng chiến lược phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; chú trọng bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; coi trọng đoàn kết dân tộc, tôn giáo, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài...

- Nhiều nghị quyết, nhất là các Nghị quyết Trung ương 6 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa X đã tiếp tục hoàn thiện định hướng xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; nâng cao tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động; khả năng thích nghi với cơ chế thị trường; nâng cao địa vị chính trị của giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng, thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của công nhân; cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, an toàn lao động; bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương để bảo vệ quyền lợi cho công nhân.

Xây dựng, phát huy vai trò quan trọng của nông dân trong sự nghiệp đổi mới, là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp; nâng cao trình độ giác ngộ và vị thế chính trị của giai cấp nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đưa công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, tiếp nhận và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tạo điều kiện để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ.

Xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Xác định rõ, trí thức là lực lượng lao động

sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, xây dựng nền kinh tế tri thức. Xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.

Tạo điều kiện phát huy tài năng và vai trò tích cực của đội ngũ doanh nhân trong phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng đầu tư trong nước và nước ngoài, giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hóa Việt Nam. Xây dựng đội ngũ doanh nhân vừa có đức, vừa có tài kinh doanh. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ; khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học - công nghệ hiện đại, vươn lên ngang tầm thời đại. Hình thành lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, góp phần tích cực vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân. Tiếp tục đổi mới nhận thức trong định hướng chính sách phân phối, chính sách tiền lương, xây dựng hệ thống an sinh xã hội (bảo hiểm, hỗ trợ, ưu đãi xã hội...). Thực hiện chính sách

khuyến khích làm giàu chính đáng theo pháp luật đi đôi với xóa đói, giảm nghèo.

- Khẳng định dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ dân tộc, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tồn tại lâu dài; đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với việc lợi dụng tôn giáo.

(5) Những định hướng lớn về phát triển con người

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Xác định con người Việt Nam trong thời kỳ mới là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe và lao động giỏi; sống có văn hóa và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính.

Khẳng định phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân

là phương hướng lớn của chính sách xã hội. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành con người mới.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về nhân tố con người; nhấn mạnh con người là vốn quý nhất; phát triển con người giữ vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã xác định, xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn mới với những đức tính: Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung; có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh; lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Đại hội IX đề cao quyền con người và quyền làm chủ của nhân dân. Hội nghị Trung ương 10 khóa IX tiếp tục khẳng định về phương hướng xây dựng con người Việt Nam với những đức tính mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã nêu. Đại hội X chỉ ra nhiệm vụ thực hiện chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện giống nòi.

4. Những định hướng lớn về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

(1) Về quốc phòng, an ninh

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định nhiệm vụ của quốc

phòng, an ninh là: Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới.

Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang, trong đó có Công an nhân dân được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại.

Xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có sức chiến đấu cao. Phát triển đường lối và nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ cho các lực lượng vũ trang, cho đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan chuyên nghiệp. Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và chiến sĩ phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Tăng

cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng ta đã phát triển nhận thức về các mặt của quốc phòng, an ninh. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX đã nói rõ 6 mục tiêu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay: *Một là*, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; *Hai là*, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; *Ba là*, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; *Bốn là*, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; *Năm là*, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; *Sáu là*, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX, Đảng ta đã có nhận thức mới rất quan trọng về vấn đề "bạn - thù", "dịch - ta", "đối tác - đối tượng".

Đến Đại hội X, Đảng ta đã xác định đầy đủ hơn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Đảng ta cũng khẳng định rõ hơn các quan điểm, phương châm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc:

- Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách

mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ Tổ quốc, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

- Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân với nền tảng là "thế trận lòng dân", của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

- Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến.

- Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị; chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc;

tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

- Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

(2) Về chính sách đối ngoại

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: "Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới". Xác định mục tiêu của chính sách đối ngoại là: "tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội". Đồng thời, *Cương lĩnh năm 1991* đã xác định bảy định hướng lớn về chính sách đối ngoại:

- Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

- Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước anh em trên bán đảo Đông Dương.

- Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Đảng

Cộng sản Việt Nam sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng và các lực lượng đấu tranh chống các thế lực hiếu chiến, xâm lược, áp bức bóc lột các nước chậm tiến, vì hòa bình thế giới và tiến bộ xã hội.

- Tham gia tích cực các tổ chức quốc tế và phong trào Không liên kết vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển.

- Phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á, tích cực góp phần xây dựng khu vực này thành khu vực hòa bình và hợp tác.

- Phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau với các nước đang phát triển.

- Mở rộng sự hợp tác cùng có lợi với các nước phát triển.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng ta đã từng bước hoàn thiện đường lối đối ngoại.

Hội nghị Trung ương 3 khóa VII đã ra nghị quyết chuyên đề về đối ngoại; các nhiệm kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X đã phát triển thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển với 7 nội dung cơ bản:

- *Về lợi ích của đất nước*: Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) xác định: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cơ bản của cách mạng và cũng là lợi ích căn bản của quốc gia; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

- *Về nhiệm vụ của công tác đối ngoại*: Từ Đại hội VII đến nay, Đảng ta luôn xác định nhiệm vụ của công tác đối ngoại nhằm ba mục tiêu chủ yếu: *một là*, giữ vững môi trường hòa

binh; *hai là*, tạo và tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; *ba là*, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- *Về tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại và quan điểm chỉ đạo công tác đối ngoại:* Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) đã xác định tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng ta có quan hệ. Đến Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX), Đảng ta nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo công tác đối ngoại là: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; quán triệt đường lối độc lập, tự chủ, kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa theo phương châm "thêm bạn, bớt thù", vừa hợp tác vừa đấu tranh, cố gắng gia tăng hợp tác, tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, lệ thuộc; lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

- *Về phương châm xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế:* Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) nêu bốn phương châm xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế: *Một là*, bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. *Hai là*, giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. *Ba là*, nắm vững hai

mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế. *Bốn là*, tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước. Đến Đại hội X, Đảng ta nhấn mạnh phương châm phát triển công tác đối ngoại nhân dân là: "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả".

- *Về các nguyên tắc mở rộng quan hệ đối ngoại:* Trong mở rộng quan hệ về mặt nhà nước, chúng ta tuân thủ các nguyên tắc: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cưỡng quyền. Đây là các nguyên tắc cơ bản của quan hệ quốc tế được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc, và cũng là thành quả đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Các nguyên tắc này phù hợp với lợi ích của dân tộc ta, đất nước ta. Trong quan hệ đối ngoại của Đảng và các đoàn thể, tổ chức nhân dân (đối ngoại nhân dân), chúng ta thực hiện các nguyên tắc: độc lập, tự chủ; bình đẳng; tôn trọng lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; cùng nhau thúc đẩy hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- *Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác:* Các văn kiện Đại hội, nhất là Văn kiện Đại hội IX và X của Đảng đã nhận định: Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa

có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Để phát triển, nước ta không thể đứng ngoài quá trình toàn cầu hóa kinh tế mà phải chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Đây là một nội dung rất quan trọng của đường lối đối ngoại trong điều kiện quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ.

- *Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.* Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

5. Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng

(1) Về xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định đặc trưng thứ nhất trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: do nhân dân lao động làm chủ. Đã chỉ rõ phương hướng xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:

Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân...; xây dựng một

xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, nhận thức của Đảng ta về dân chủ xã hội chủ nghĩa có nhiều đổi mới, nổi lên là:

Khẳng định dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Đã xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội "do nhân dân làm chủ", thay cho "do nhân dân lao động làm chủ". Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Mọi đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có

sự tham gia ý kiến của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thực hiện các cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước; dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định; làm chủ thông qua các cơ quan dân cử, các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp; làm chủ trực tiếp ở cơ sở, bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng; khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức.

Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia (tức là gắn dân chủ với quyền con người).

(2) Về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định: Nhà nước là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, Nhà nước ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật. Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội,

chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó. Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, nhận thức của Đảng ta về Nhà nước có bước phát triển mới.

Thuật ngữ "Xây dựng Nhà nước pháp quyền" lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VII. Phương hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam được khẳng định tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII. Hội nghị Trung ương 8 khóa VII đã ra Nghị quyết về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính, đã phát triển tư tưởng về Nhà nước pháp quyền. Qua các đại hội tiếp theo, Đảng ta đã tiếp tục phát triển và cụ thể hóa nhiều nội dung về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nổi lên những nội dung sau:

Khẳng định rõ năm quan điểm cơ bản trong xây dựng Nhà nước pháp quyền là: (1) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. (2) Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hoạt động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. (3) Quyền lực

nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. (4) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. (5) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Khẳng định cần thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Đến Đại hội IX và X, Đảng ta tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

(3) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân

Cương lĩnh năm 1991 đã khẳng định những nội dung sau:

Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt

động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

Các đoàn thể nhân dân vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực; vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên; vừa tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, nhận thức của Đảng ta về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có bước phát triển mới. Đại hội VIII của Đảng đã xác định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là "một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo"¹⁾. Mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

Đại hội X của Đảng nhấn mạnh: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống, góp phần xây dựng sự đồng thuận trong xã hội. Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.127.

và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội"¹⁾.

Đại hội X cũng đã xác định rõ hơn trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền trong việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng và Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam

Cương lĩnh năm 1991 đã chỉ rõ: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr.124.

thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, nhận thức về Đảng Cộng sản Việt Nam có bước phát triển mới.

Về bản chất của Đảng: Đại hội X của Đảng đã bổ sung và xác định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc". Việc khẳng định như trên phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Về nền tảng tư tưởng của Đảng: Trên cơ sở khẳng định của Cương lĩnh năm 1991 "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động", Đại hội IX của Đảng đã phát triển nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh là "một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại..."; "Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta". Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng: Trên cơ sở kế thừa những nội dung trong Cương lĩnh năm 1991, Điều lệ Đảng Cộng sản được thông qua tại Đại hội X đã xác định: Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản,

thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Về phương thức lãnh đạo của Đảng: Trên cơ sở khẳng định những nội dung của Cương lĩnh năm 1991, trong 20 năm qua, Đảng ta đã bổ sung và xác định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên và quần chúng ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

(5) Về công tác xây dựng Đảng

Cương lĩnh năm 1991 đã chỉ rõ: Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ

cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao. Quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, nhận thức của Đảng ta về công tác xây dựng Đảng có nhiều điểm mới:

Xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phải tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, hoàn thiện đường lối đổi mới và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện; tăng cường công tác tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, đấu tranh chống suy thoái, biến chất, tham nhũng, lãng phí; đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của hệ thống chính trị; kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; đổi mới công tác cán bộ; đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng.

Đại hội X đã điều chỉnh tiêu chuẩn đảng viên, đưa tư tưởng "không bóc lột" trong tiêu chuẩn đảng viên lên phần nói về mục đích của Đảng trong Điều lệ Đảng: "Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản"¹⁾. Đại hội X quyết định cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân: Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Hội nghị Trung ương 3 khóa X đã ban

1) *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.4 (B.T).

hành những quy định đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân. Đảng cũng quy định 19 điều đảng viên không được làm. Những quy định này bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách đảng viên và bản chất của Đảng.

Phần thứ hai

**THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC
KINH NGHIỆM CỦA 20 NĂM THỰC HIỆN
CƯƠNG LĨNH NĂM 1991**

I- THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

1. Về kinh tế

(1) Về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đường lối đổi mới của Đảng được thể chế hóa, từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách ngày càng đầy đủ, đồng bộ hơn, tạo hành lang pháp lý cho việc hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cho hoạt động tự chủ, cạnh tranh bình đẳng của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Trong thời kỳ 2001 - 2010, đã tập trung vào việc xây dựng thể chế, trong đó ưu tiên xây dựng hệ thống pháp luật và các cơ chế, chính sách. Chỉ tính từ đầu năm 2001 đến tháng 7-2009, đã ban hành 133 luật, 337 nghị quyết, 46 pháp lệnh, 1.141 nghị định và hàng chục nghìn các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

về cơ bản đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện, huy động được các nguồn lực trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội, tạo được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về cơ bản đã xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp; từng bước tách quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Đã dần hình thành và phát triển tương đối đồng bộ các thị trường cơ bản. Thực hiện lưu thông tự do và giá thị trường với hầu hết các loại hàng hóa, dịch vụ. Tiền lương, tiền công, lãi suất ngân hàng, giá cả đất đai được định theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Các thị trường thống nhất, thông suốt cả nước, bước đầu liên kết với thị trường khu vực và quốc tế.

Tuy nhiên, những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được chú ý đúng mức. Chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý.

Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa tạo được hành lang pháp lý thuận lợi cho sự vận hành của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập quốc tế. Chất lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển một số ngành, vùng, nhất là quy hoạch sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản còn yếu, gây lãng phí, thất thoát lớn. Quản lý thị trường, nhất là thị trường bất động sản, thị trường tài chính, có lúc còn lúng túng, sơ hở, dẫn đến tình trạng đầu cơ, làm giàu bất chính của một số người. Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy quản lý nhà nước, thủ tục hành chính, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều bất cập. Tệ quan liêu, tham

những, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi.

Năng lực xây dựng thể chế, năng lực dự báo, hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của Nhà nước trên một số lĩnh vực còn yếu; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu, cả về phẩm chất và năng lực. Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường chưa được khắc phục có hiệu quả. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại... chậm được khắc phục.

(2) Về xây dựng và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Nội dung Cương lĩnh về quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế có giá trị to lớn, có ý nghĩa định hướng và chỉ đạo sự nghiệp đổi mới 20 năm qua. Nhìn chung, tư duy và đường lối đổi mới của Đảng đã từng bước được thể chế hóa, được các ngành, các cấp tích cực chỉ đạo thực hiện, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường đồng thuận xã hội.

Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể là chủ yếu, sang các hình thức sở hữu đan xen, hỗn hợp; từng bước xóa bỏ phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, thống nhất chung một luật đầu tư, luật doanh nghiệp và các luật về nghĩa vụ kinh doanh; quyền tự do, bình đẳng trong kinh doanh đã thực sự đi vào cuộc sống, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho phát huy, khai thác các tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội.

Các thành phần kinh tế đều phát triển. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được tăng cường. Khu vực doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động, trọng tâm là đẩy mạnh cổ phần hoá; tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt, hoạt động có hiệu quả hơn. Việc kiện toàn các tổng công ty, thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước đạt được kết quả trên nhiều mặt, góp phần tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Các tổ hợp tác phát triển nhanh trong nhiều lĩnh vực; nhiều hợp tác xã mới được thành lập, hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế hộ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, chiếm 39,5% tổng đầu tư xã hội (năm 2009), tạo ra 49% việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ thu hút ngày càng nhiều lao động, đóng góp tích cực vào giải quyết việc làm và phát triển kinh tế (hàng năm tạo ra 90% chỗ làm việc mới). Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có bước phát triển mạnh, góp phần tích cực vào phát triển nền kinh tế và tăng kim ngạch xuất khẩu.

Các doanh nghiệp cổ phần đang trở thành hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phổ biến. Năm 1999, cả nước có khoảng 20 nghìn doanh nghiệp hoạt động, trong đó có 450 doanh nghiệp cổ phần; đến cuối năm 2008, có 412.000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, trong đó hơn 64.000 doanh nghiệp cổ phần. Năm 2009, có thêm hơn 70.000 doanh nghiệp mới đăng ký hoạt động, gần 400 doanh nghiệp đã thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Chế độ phân phối đã có bước đổi mới, khắc phục một phần tính bình quân cào bằng.

Tuy nhiên, việc đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế; chưa củng cố, tăng cường được vai trò nền tảng của các thành phần kinh tế này trong nền kinh tế. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước chưa được thể hiện rõ nét. Tốc độ tăng trưởng và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với sự đầu tư và những ưu đãi về nhiều mặt của Nhà nước, vẫn chưa tách bạch rõ giữa độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, làm hạn chế các thành phần kinh tế khác phát triển. Thực tế chưa chuyển được từ cơ chế Nhà nước giao vốn sang cơ chế Nhà nước đầu tư vốn cho doanh nghiệp.

Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể còn nhiều khó khăn, nhất là trong khu vực nông nghiệp; tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng kinh tế tập thể trong nền kinh tế giảm dần. Hầu hết các tổ hợp tác, hợp tác xã nhỏ, vốn, quỹ ít, phạm vi hoạt động hẹp, chỉ làm được một số khâu hỗ trợ kinh tế hộ. Nhiều tổ hợp tác tổ chức và hoạt động thiếu ổn định; một bộ phận hợp tác xã yếu kém kéo dài nhiều năm, nhất là hợp tác xã nông nghiệp cũ chuyển đổi, trong đó, nhiều hợp tác xã tồn tại trên danh nghĩa. Còn nhiều lúng túng và bất cập trong xác định mô hình và phương thức hoạt động của hợp tác xã.

Chế độ phân phối đổi mới chậm, còn nhiều bất hợp lý, bất bình đẳng; chính sách tiền lương chưa tạo được động lực thu hút và sử dụng người tài. Hệ thống an sinh xã hội chậm được hoàn thiện.

Việc xử lý một số vấn đề về chính sách đất đai còn nhiều vướng mắc.

(3) Về phát triển lực lượng sản xuất; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Đường lối phát triển lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã từng bước được thể chế hóa trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Vốn đầu tư toàn xã hội cho tăng trưởng kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tăng cao. So với năm trước, vốn đầu tư năm 1991 tăng 18,5%, năm 2007 tăng 27%, năm 2009 tăng 11,4%. Tỷ lệ vốn đầu tư xã hội/GDP năm 1991 đạt 26,2%, năm 2009 tăng lên 42,8%; bình quân 10 năm 2001 - 2010 ước đạt 40,6%, vượt mục tiêu đề ra, trong đó vốn trong nước chiếm khoảng 70%. Cơ cấu đầu tư có bước chuyển biến tích cực, đầu tư của khu vực ngoài nhà nước và đầu tư của nước ngoài tăng mạnh: năm 2000, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân chiếm 22,9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, năm 2009 tăng lên 33,9%; năm 2000, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 18% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, năm 2009 tăng lên 25,5%. Vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài đang dần trở thành một nguồn lực đáng kể cho phát triển.

Cơ cấu kinh tế ngành đã chuyển dịch tương đối rõ nét theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ tăng. Cơ cấu lao động bước đầu có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ năm 1991 là: 40,5% - 23,8% - 35,7%, năm 2009 là: 20,7% - 40,2% - 39,1%. Trong tổng lao động xã hội, lao động nông nghiệp năm 1991 chiếm 72%, năm 2009 còn 51,8%.

Kết cấu hạ tầng phát triển, nhiều công trình quan trọng đã được xây dựng và phát huy tác dụng. Đã hoàn thành cơ bản nâng cấp toàn tuyến quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1, một số tuyến đường chính nối đến các cảng biển và các cửa khẩu quốc tế. Đã nâng cấp các tuyến quốc lộ hướng tâm, các tuyến đường vành đai ở cả phía Bắc và phía Nam. Đang từng bước triển khai xây dựng một số đường cao tốc. Nâng cao năng lực vận chuyển của các tuyến đường sắt, đường thủy, hàng không. Kết cấu hạ tầng và điều kiện sống ở nông thôn có nhiều thay đổi.

Mạng lưới đô thị quốc gia có bước phát triển khá nhanh, góp phần tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ lệ đô thị hóa từ 24% năm 2000, dự kiến tăng lên trên 26,1% vào năm 2010. Mô hình khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ hơn về hạ tầng, bước đầu được triển khai tại nhiều địa phương, đặc biệt là tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn.

Năng lực sản xuất công nghiệp tăng mạnh, một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao đang hình thành. Trong 9 năm 2001 - 2009, năng lực sản xuất thép tăng 3,8 triệu tấn, than 29,4 triệu tấn, xi măng 49 triệu tấn, điện 12 nghìn MW, lọc dầu 6,5 triệu tấn, phân bón 3.350 triệu tấn. Đã hình thành hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất trên phạm vi cả nước, đóng vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp. Đến năm 2008, có 219 khu công nghiệp với tổng diện tích đất là 61.472,4ha, phân bố tại 54 tỉnh, thành, giá trị sản xuất chiếm khoảng 34% tổng giá trị sản xuất công nghiệp và đóng góp khoảng 24,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn từ nước

ngoài. Bước đầu hình thành được 2 khu công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Đã hình thành các vùng chuyên canh lúa gạo, cà phê, cao su, tiêu, thủy sản, rừng nguyên liệu. Độ che phủ rừng tăng liên tục, đạt khoảng 39% năm 2008, góp phần quan trọng vào bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống thiên tai. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi.

Dịch vụ có bước phát triển về quy mô, ngành nghề và thị trường, tốc độ tăng khá và ổn định. Trình độ công nghệ và chất lượng dịch vụ ngày càng cao. Khu vực dịch vụ đã tạo ra khoảng 26% chỗ làm việc cho nền kinh tế. Các ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao như khoa học - công nghệ, thiết kế công nghiệp, nghiên cứu thị trường hình thành và có bước phát triển.

Tuy nhiên, kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chậm cải thiện, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, chậm xác định được các ngành có lợi thế so sánh. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là nguồn vốn đầu tư của Nhà nước còn thấp, đầu tư còn dàn trải. Kết cấu hạ tầng tuy có bước phát triển nhưng còn chậm, thiếu đồng bộ.

Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm; tỷ

trọng các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ mấy năm gần đây ít thay đổi; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn cao. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành chưa được quan tâm đúng mức.

Công nghiệp chế tạo phát triển chậm, gia công, lắp ráp còn chiếm tỷ trọng lớn. Nhiều tư liệu sản xuất phục vụ sản xuất công, nông nghiệp vẫn chủ yếu phải nhập khẩu. Tỷ trọng chế biến thô nông, lâm, thủy sản còn lớn. Các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu giá trị gia tăng thấp. Trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, hàng gia công, sản phẩm nông, lâm, thủy sản chế biến thô và tài nguyên, khoáng sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế còn chậm; công nghệ lạc hậu còn chiếm tỷ trọng lớn trong khu vực công nghiệp.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn còn nhiều hạn chế. Nông nghiệp phát triển kém bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp còn chậm.

Trình độ phát triển giữa các vùng cách biệt lớn và có xu hướng mở rộng. Liên kết phát triển kinh tế vùng còn yếu. Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao làm đầu tàu lôi kéo, hỗ trợ các vùng kinh tế khác.

(4) Về nâng cao ý chí tự lực tự cường, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước

Thành tựu hết sức quan trọng là đã phá được thế đất nước bị bao vây, cấm vận; hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới và khu vực, tham gia WTO và các định chế

quốc tế. Có nhiều cố gắng trong việc thể chế hóa, điều chỉnh luật pháp phù hợp với các cam kết quốc tế.

Tuy nhiên, khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế còn nhiều hạn chế: còn chịu ảnh hưởng lớn của những biến động kinh tế thế giới; tiềm lực kinh tế còn yếu; nhập siêu lớn; cán cân thanh toán quốc tế chưa ổn định; an ninh năng lượng chưa bảo đảm... Chưa tận dụng tốt điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và phát huy được lợi thế so sánh, tham gia có hiệu quả vào quá trình phân công lao động quốc tế để phát triển nhanh và bền vững.

2. Về văn hoá; giáo dục và đào tạo; khoa học, công nghệ và môi trường; xã hội; con người

(1) Về phát triển văn hóa

Văn hóa tiếp tục phát triển đa dạng, đúng hướng, gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực của đời sống, góp phần giữ vững ổn định chính trị và tạo nên những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Chú trọng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội. Các thiết chế văn hóa như: thư viện, bảo tàng, điểm bưu điện - văn hóa xã, các cơ sở đào tạo, các đơn vị biểu diễn nghệ thuật, các hoạt động dịch vụ văn hóa, từng bước được đầu tư, củng cố và phát triển. Công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, trong đó có văn hóa của các dân tộc thiểu số được quan tâm hơn. Giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế được chú trọng, mở rộng, góp phần nâng cao dân trí và đời sống tinh thần của nhân dân.

Những nét mới trong chuẩn mực văn hóa, trong nhân cách con người Việt Nam thời kỳ mới theo những đức tính đã được

xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII từng bước hình thành và phát triển. Đã có một số sản phẩm văn hóa có giá trị. Lĩnh vực thông tin báo chí, xuất bản, viễn thông và công nghệ truyền thông phát triển nhanh về số lượng, chất lượng có mặt được nâng lên. Đời sống tinh thần và mức hưởng thụ văn hóa - thông tin của nhân dân ngày càng khá hơn: đến năm 2008, 100% số xã có điện thoại, đạt 95,5 thuê bao/100 dân, gấp 22,5 lần so với năm 2000, gấp 3 lần mục tiêu đề ra cho năm 2010; tỷ lệ người sử dụng internet đạt 25% dân số; tỷ lệ hộ gia đình nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam là 99,5%, xem được Đài Truyền hình Việt Nam là 99,5%.

Xã hội hóa hoạt động văn hóa được triển khai và đem lại những kết quả đáng phấn khởi. Thị trường sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật đang hình thành.

Bên cạnh những ưu điểm trên, còn có một số biểu hiện xem nhẹ văn hóa hoặc tách rời văn hóa với kinh tế; lúng túng trong nhận thức và tổ chức thực hiện xã hội hóa hoạt động văn hóa. Trong một bộ phận báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật, xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo lợi ích vật chất đơn thuần chưa được khắc phục. Sự phát triển văn hóa chưa đồng bộ, chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Văn hóa chưa góp phần tương xứng, chưa tạo được chuyển biến rõ rệt trong xây dựng con người. Môi trường văn hóa còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, sự thoái hóa đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí...

Đầu tư cho phát triển văn hóa chưa tương xứng, ít hiệu quả; một số cơ chế, chính sách chưa phù hợp với thực tiễn nhưng chậm được sửa đổi; hệ thống thiết chế văn hóa chưa

đồng bộ, chưa hoàn chỉnh, còn nghèo nàn, ít những công trình có tầm vóc ngang tầm với lịch sử hào hùng của dân tộc, của Đảng, của đất nước, của con người Việt Nam.

Văn học, nghệ thuật còn ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật; lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật còn nhiều hạn chế; hoạt động sáng tác, trình diễn, quảng bá còn nhiều sai sót. Hệ thống thông tin đại chúng còn nhiều bất cập; một số cơ quan báo chí chưa thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, có biểu hiện thương mại hoá... Thị trường các sản phẩm văn hóa còn sơ khai, tự phát. Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" thiếu chiều sâu, chưa vững chắc, có biểu hiện hình thức; mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân chênh lệch, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người còn thấp. Việc giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài còn nhiều hạn chế; việc tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại chưa được quan tâm chỉ đạo.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn thiếu chặt chẽ; chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, việc thể chế hóa còn nhiều lúng túng; một số quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước chậm hoặc không đi vào cuộc sống.

(2) Về phát triển giáo dục và đào tạo

Giáo dục và đào tạo về cơ bản đã giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, chương trình và các chính sách giáo dục. Công bằng xã hội trong giáo dục được cải thiện. Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tiếp tục phát triển. Các trường công lập giữ vai trò nòng cốt trong phổ cập giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

Giáo dục và đào tạo gắn kết chặt chẽ hơn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ.

Hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các cấp học, bậc học, các loại hình nhà trường và phương thức giáo dục được tiếp tục phát triển. Mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng. Dự kiến đến năm 2010, cả nước có 11.930 trường mầm non, 15.390 trường tiểu học, 10.820 trường trung học cơ sở và 2.894 trường trung học phổ thông. Năm 2010 so với năm 2000, số học sinh mẫu giáo tăng 142,4%, số học sinh phổ thông tăng 152%. Phổ cập giáo dục tiểu học được củng cố, tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi đạt trên 99%. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở được triển khai tích cực, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi đạt 93,5%; dự kiến đến hết năm 2010, hoàn thành phổ cập trên phạm vi cả nước. Quy mô đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp tiếp tục mở rộng, số lượng học sinh, sinh viên tăng. Năm 2010 so với năm 2000, quy mô sinh viên đại học, cao đẳng tăng 213%, học sinh trung học chuyên nghiệp tăng 209,4%, học sinh học nghề tăng 214,6%. Cơ sở vật chất - kỹ thuật cho giáo dục và đào tạo ngày càng được cải thiện. Nhà nước đầu tư nhiều hơn cho giáo dục và đào tạo. Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục ngày càng tăng, từ 15% năm 2000 lên 20% năm 2007. Xã hội hóa giáo dục đạt nhiều kết quả quan trọng, huy động được nhiều nguồn lực khác trong xã hội đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và học tập có đổi mới, chất lượng bước đầu được cải thiện. Chủ trương xây dựng xã hội học tập đang được tích cực triển khai.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đã có những

đóng góp quan trọng cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Năm 2008 so với năm 2000, giáo viên mẫu giáo tăng 1,34 lần; giáo viên trung học cơ sở tăng 1,36 lần; giáo viên trung học phổ thông tăng 1,94 lần; giảng viên đại học tăng 1,88 lần. Tỷ lệ đạt chuẩn giáo viên mầm non năm 2007 là 90,3%, giáo viên tiểu học là 97,1%, giáo viên trung học cơ sở là 96,8%, giáo viên trung học phổ thông là 97,6%. Tỷ lệ giáo viên đại học có trình độ trên đại học tăng từ 39,1% năm 2000 lên 49,9% năm 2008.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo còn những hạn chế, yếu kém, chưa thật sự là quốc sách hàng đầu. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng. Chất lượng giáo dục toàn diện giảm sút. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu đồng bộ, chưa liên thông, mất cân đối trong các cấp học, ngành học, cơ cấu, ngành, nghề, vùng, miền. Việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, về truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc, về Đảng, về quyền lợi và nghĩa vụ công dân cho học sinh, sinh viên chưa được chú ý đúng mức cả về nội dung và phương pháp; giáo dục phổ thông mới chỉ quan tâm nhiều đến "dạy chữ", chưa quan tâm đúng mức đến "dạy người", kỹ năng sống và "dạy nghề" cho thanh, thiếu niên. Chương trình, giáo trình, phương pháp giáo dục chậm đổi mới, chậm hiện đại hoá; nhà trường chưa gắn chặt với đời sống xã hội và lao động nghề nghiệp, chưa chú trọng phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên.

Công tác quản lý giáo dục còn nhiều yếu kém và là nguyên nhân chủ yếu của nhiều yếu kém khác. Cơ chế quản lý giáo dục chưa theo kịp sự đổi mới trên các lĩnh vực

của đất nước. Đạo đức và năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục còn thấp. Công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo chưa đáp ứng yêu cầu. Một số ngành, địa phương chưa nhận thức đầy đủ và đúng đắn về công tác xã hội hóa giáo dục, làm hạn chế khả năng thu hút các nguồn lực để chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và giải quyết những khó khăn đang đặt ra đối với một bộ phận nhân dân.

(3) Về khoa học, công nghệ và môi trường

Nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học - công nghệ được nâng cao hơn trong toàn xã hội, trong các cấp lãnh đạo, quản lý. Khoa học (cả tự nhiên, xã hội) và công nghệ ngày càng phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sự phát triển của đất nước. Khoa học xã hội và nhân văn có những đóng góp quan trọng trong việc tiếp tục khẳng định, vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, vào việc lý giải ngày càng sáng tỏ hơn các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong khoa học tự nhiên, nghiên cứu cơ bản được tập trung chủ yếu vào các ngành và chuyên ngành mà Việt Nam có thế mạnh và đất nước đang yêu cầu. Một số công trình khoa học cơ bản đã xây dựng cơ sở khoa học cho đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ. Nhờ đó, khoa học và công nghệ đã góp phần tạo ra những chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá. Những đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là sản xuất cơ khí chế tạo, kết cấu thép chuyên dụng, đóng tàu, viễn thông, điện lực, dầu khí, khai thác tài nguyên khoáng sản... đã góp

phần làm cho sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao liên tục trong những năm qua. Trong lĩnh vực nông nghiệp, khoa học và công nghệ đã tạo ra 142 giống cây trồng mới có năng suất và chất lượng cao trong 5 năm gần đây. Chương trình giống đã mang lại hiệu quả lớn trên 90% diện tích lúa, 80% diện tích ngô, 60% diện tích mía, 100% diện tích điều...

Công tác đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ ngày càng được tăng cường và bước đầu phát huy tác dụng. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ như: Luật khoa học và công nghệ, Luật sở hữu trí tuệ, Luật chuyển giao công nghệ, Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật chất lượng sản phẩm, Luật công nghệ thông tin, Luật năng lượng nguyên tử, Luật công nghệ cao... đã được ban hành, trở thành một hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo môi trường pháp lý phù hợp, điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, khuyến khích, động viên các lực lượng khoa học tích cực tham gia và cống hiến cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý và tham mưu các cấp, các ngành, các địa phương còn chưa đầy đủ về vai trò, vị trí của khoa học, công nghệ; về sự cấp thiết phải ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh và công tác quản lý. Khoa học, công nghệ chưa thật sự là quốc sách hàng đầu, chưa đóng vai trò then chốt trong sự phát triển đất nước; đóng góp của khoa học, công nghệ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước còn thấp. Trình độ nền kinh tế, trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trình độ khoa học, công nghệ nhìn chung còn thấp;

đầu tư cho khoa học, công nghệ (cả của Nhà nước, của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và của xã hội...) còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao, do đó chưa tạo được "cầu" đủ lớn mạnh để cuốn hút, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Công tác lãnh đạo, quản lý khoa học, công nghệ ở các cấp, các ngành, các địa phương chưa thể hiện rõ sự gắn kết hữu cơ giữa xác định mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động khoa học, công nghệ với định hướng ứng dụng cụ thể, nhằm làm tăng chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của các ngành kinh tế, của các sản phẩm hàng hoá. Cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp và cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chưa được đổi mới đồng bộ; chưa tạo được sự gắn bó hữu cơ, có hiệu quả cao giữa nhà đầu tư với nhà hoạt động khoa học, công nghệ và với nhà ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh; chưa xử lý được mối quan hệ lợi ích hợp lý, thỏa đáng giữa các chủ thể này từ kết quả và hiệu quả ứng dụng khoa học, công nghệ.

Vấn đề bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức, nhận thức lạc hậu so với thực tiễn; thiếu kiên quyết, thiếu giải pháp cụ thể, thiếu nguồn lực để xử lý những cơ sở, những địa bàn bị ô nhiễm nghiêm trọng; môi trường sinh thái, môi trường tự nhiên ở nhiều nơi đang bị xuống cấp, bị hủy hoại gây ra những hậu quả to lớn, khó lường, lâu dài về nhiều mặt.

(4) Về xã hội

Xã hội có bước phát triển khá, một số lĩnh vực đạt những

thành tựu quan trọng. Thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân dân được tăng lên. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,09 lần năm 2004 và 2 lần năm 2008. Chỉ số phát triển con người không ngừng tăng lên, từ 0,688 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 105/177 nước tham gia xếp hạng, thuộc nhóm nước trung bình cao. Việt Nam đã hoàn thành phần lớn mục tiêu thiên niên kỷ cam kết trước cộng đồng quốc tế. Hầu hết các mục tiêu đặt ra cho năm 2015 đều đã đạt và vượt vào năm 2008. Công tác xoá đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả, hộ nghèo giảm đáng kể. Đến năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 10% (theo chuẩn mới).

Phúc lợi xã hội và hệ thống an sinh xã hội được chú trọng và từng bước mở rộng. Tỷ trọng chi ngân sách nhà nước để thực hiện phúc lợi xã hội trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, lương hưu, đảm bảo xã hội... tăng từ 24,6% năm 2000 lên 26,7% năm 2007. Đến hết năm 2008, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 70% tổng số đối tượng theo luật định.

Xã hội ổn định, đồng thuận và cởi mở hơn. Cơ cấu xã hội chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giai cấp công nhân đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận công nhân trí thức; đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; có nhiều cố gắng để phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp

công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc làm và đời sống của giai cấp công nhân ngày càng được cải thiện. Giai cấp nông dân đã có sự biến đổi mạnh mẽ. Nông dân thuần nông ngày càng giảm. Đã hình thành những chủ trang trại. Vị thế chính trị của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện, xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả to lớn. Đội ngũ trí thức tăng nhanh về số lượng, nâng lên về chất lượng; góp phần trực tiếp cùng toàn dân đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước xóa đói, giảm nghèo, phát triển đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đội ngũ trí thức đã góp phần tích cực vào việc xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới phát sinh trong sự nghiệp đổi mới; trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; sáng tạo những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, nhiều sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, trong thực tế chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa quyền lợi và nghĩa vụ công dân; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa nhu cầu trước mắt và lợi ích lâu dài; giữa lợi ích cá nhân với tập thể, cộng đồng. Phân hóa về lợi ích, phân tầng xã hội có chiều hướng tăng. Nhiều vấn đề dân

sinh bức xúc chậm được giải quyết có hiệu quả. Tình trạng tội phạm, tệ nạn xã hội vẫn phức tạp.

Thu nhập bình quân đầu người còn thấp; phân hóa thu nhập có chiều hướng ngày càng tăng; một bộ phận nhân dân đời sống còn nhiều khó khăn (đặc biệt ở nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số). Kết quả đạt được về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ chưa toàn diện.

Việc đổi mới tư duy về những vấn đề xã hội chậm hơn so với đổi mới tư duy kinh tế. Chưa nhận thức sâu sắc, quan tâm đầy đủ, đầu tư đúng tầm đối với các vấn đề xã hội. Luật pháp và các cơ chế, chính sách bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội chưa đồng bộ; chưa tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người được thụ hưởng đầy đủ các thành quả của phát triển kinh tế.

(5) Về xây dựng con người

Dân chủ xã hội không ngừng được mở rộng; quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng; năng lực, sáng kiến cá nhân được phát huy, góp phần quan trọng giữ vững ổn định, phát triển kinh tế - xã hội. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam tiếp tục được bồi đắp, phát huy.

Tuy nhiên, cũng còn những biểu hiện xem nhẹ yếu tố con người và nguồn nhân lực trong đầu tư phát triển, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân và lợi ích chính đáng của cá nhân. Chưa thấy hết trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội đối với việc xây dựng con người. Chậm cụ thể hóa tiêu chí xây dựng con người cho phù hợp với từng giai tầng xã hội. Còn lúng túng trong công tác giáo dục, xây dựng con người về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Điều kiện bảo đảm chăm lo nâng cao chất lượng cuộc sống của con người

(học hành, chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí,...) còn nhiều hạn chế. Mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế đã gây không ít tác động tiêu cực; còn lúng túng trước sự biến động phức tạp của một số giá trị trong nhân cách con người dẫn đến sự xuống cấp của đạo đức xã hội, có một số mặt đáng lo ngại.

3. Về quốc phòng - an ninh và đối ngoại

(1) Về quốc phòng - an ninh

Thành tựu cơ bản, bao trùm về quốc phòng, an ninh là giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, sự lãnh đạo của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, an ninh quốc gia, ổn định chính trị - xã hội và trật tự, an toàn xã hội.

Đã xây dựng và thực hiện Chiến lược an ninh quốc gia và Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố, nhất là trên các địa bàn chiến lược, xung yếu, phức tạp. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được triển khai rộng rãi, sự kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế và đối ngoại tốt hơn. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực sự là chỗ dựa tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân; làm tốt vai trò tham mưu, góp phần chủ động phòng ngừa, tấn công làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", hoạt động gây rối, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các hoạt động cơ hội chính trị, các loại tội phạm hình sự; tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt

động cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục thiên tai. Hình thành và từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, một số quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chưa được triển khai thực hiện kịp thời. Công tác bảo vệ an ninh trong một số lĩnh vực còn có những thiếu sót; xử lý tình hình phức tạp ở cơ sở có lúc, có nơi còn bị động. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trên một số mặt chưa chặt chẽ. Công nghiệp quốc phòng, an ninh chưa đáp ứng yêu cầu trang bị cho các lực lượng vũ trang.

(2) Về đối ngoại

Hai mươi năm qua, chúng ta đã kiên trì thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế với phương châm: Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, có quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước, có quan hệ về kinh tế, thương mại và đầu tư với hơn 160 nước và 70 vùng lãnh thổ; tham gia ngày càng tích cực trên các diễn đàn quốc tế và khu vực, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của cộng đồng thế giới vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Trong hoạt động đối ngoại, chúng ta đã tạo dựng được khuôn khổ quan hệ hữu nghị,

ổn định lâu dài với các nước láng giềng, các nước trong khu vực. Trong quan hệ đa phương, Việt Nam ngày càng đóng vai trò tích cực và có trách nhiệm đối với các vấn đề quốc tế, khu vực, đóng góp nhiều sáng kiến tại các tổ chức, diễn đàn quốc tế đa phương như Liên hợp quốc, ASEAN, ASEM, APEC. Việc gia nhập WTO là bước hội nhập đầy đủ và thực chất hơn vào kinh tế thế giới, là một dấu mốc mới rất quan trọng, từ hội nhập ở cấp độ khu vực (ASEAN năm 1995), liên khu vực (ASEM năm 1996, APEC năm 1998) đến cấp toàn cầu (từ năm 2006).

Tuy nhiên, ảnh hưởng của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới chưa tương xứng với vị trí, vai trò của nước ta. Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại có mặt còn hạn chế. Sự phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, giữa các lĩnh vực chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại và văn hóa đối ngoại, giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước... chưa thật đồng bộ.

4. Về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng

(1) Về xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta không ngừng được đổi mới theo hướng xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từng bước được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn. Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng tiến bộ.

Các cấp ủy đảng xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, thể hiện tinh thần dân chủ. Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp phát huy dân chủ, đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách hành chính, công khai các hoạt động của chính quyền, tăng cường đối thoại, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân... Các yêu cầu và nội dung của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bước đầu được thể chế hóa thành luật, pháp lệnh, nghị định và được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Rõ nét nhất là việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, thể hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Công tác dân vận có một số đổi mới.

Dân chủ trong xã hội có bước phát triển. Quyền ứng cử, lựa chọn trong bầu cử, giám sát đại biểu được thực hiện có hiệu quả hơn. Quyền của công dân tham gia vào các công việc Nhà nước và xã hội, xây dựng các quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước được mở rộng và có tiến bộ. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng lên.

Tuy nhiên, quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Không ít trường hợp, việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức; hoặc lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Tình trạng quan liêu, không thực sự tôn trọng dân chủ và thực hành dân chủ còn khá nặng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức. Công tác dân vận chưa được quan tâm đúng mức; nội dung, phương thức vận động, tập hợp quần chúng vẫn nặng tính hành chính. Công tác kiểm tra, phát hiện và uốn nắn những sai lầm, hạn chế trong thực hành dân chủ của các cấp chưa chặt chẽ và thường xuyên.

(2) Về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước

Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn; phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh; chuyển từ Nhà nước trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh theo kế hoạch pháp lệnh sang Nhà nước quản lý bằng pháp luật và xã hội hóa một số công việc của Nhà nước.

Bộ máy nhà nước đã được kiện toàn một bước, từ cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội ngày càng được đổi mới; cải cách hành chính và cải cách tư pháp được tiến hành đạt một số kết quả. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường. Những nỗ lực cải cách thủ tục hành chính của nước ta cũng đã được cộng đồng doanh nghiệp nhiều nước và nhiều tổ chức quốc tế ghi nhận, thể hiện qua sự cải thiện về thứ bậc xếp hạng, về mức độ thuận lợi trong hoạt động kinh doanh ở nước ta so với thế giới. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới về quản trị quốc gia toàn cầu, tiêu chí của bộ máy chính phủ Việt Nam tăng từ 39 điểm năm 2000 lên 45 điểm năm 2008; chất lượng khuôn khổ pháp luật tăng từ 23 lên 32 điểm; tiêu chí hiệu lực thực thi tăng từ 40 lên 42 điểm.

Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và nhân dân được xác định rõ hơn; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước từng bước được đổi mới; mối quan hệ của Nhà nước với các đoàn thể và nhân dân được thể chế hóa một bước. Nhiều luận điểm của Đảng về Nhà nước đề cập trong Cương lĩnh và bổ sung, phát triển qua các nhiệm kỳ đại hội đã được thể chế hóa trong Hiến pháp 1992 (đã

được sửa đổi, bổ sung năm 2001) và trong các đạo luật cụ thể. Tính chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc phân công quyền lực đã được khẳng định tại Điều 2 của Hiến pháp.

Tuy nhiên, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn nhiều lúng túng, hạn chế. Các nguyên tắc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong đó có ba vấn đề cốt lõi mang bản chất của Nhà nước ta (hoạt động của bộ máy nhà nước phải thực sự dân chủ; Nhà nước phải chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân) chưa được thể chế hóa đầy đủ. Quan niệm chưa thật rõ về sự thống nhất quyền lực nhà nước, về sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong thực tế còn có sự chồng chéo về trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan đó. Vai trò, vị thế của Tòa án còn yếu, chưa tương xứng với chức năng bảo vệ công lý. Cải cách bộ máy nhà nước, đặc biệt là cải cách hành chính, cải cách tư pháp thực hiện còn chậm. Bộ máy hành chính còn nhiều bất hợp lý về cơ cấu tổ chức, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

Hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước còn yếu và chưa thông suốt. Tính chủ động, ý thức trách nhiệm của từng địa phương chưa được phát huy đầy đủ. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước chưa được thực hiện nhất quán. Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, việc thực thi pháp luật chưa nghiêm, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao; kỷ cương phép nước còn bị

xem nhẹ ở nhiều nơi; tệ của quyền, quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được đẩy lùi.

(3) Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân

Nhà nước đã thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, ban hành Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật thanh niên, Luật bình đẳng giới và nhiều đạo luật khác liên quan đến vai trò, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, như: Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các luật tổ chức bộ máy nhà nước; Luật hôn nhân và gia đình, Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em...

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phát huy tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, mở rộng tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên, tổ chức nhiều phong trào thi đua, nhiều cuộc vận động có hiệu quả thiết thực...; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, góp phần tích cực vào những thành tựu của đất nước.

Việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tiến hành từ sau khi có Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở một số đối tượng đã được quy định trong chính sách, luật pháp. Hoạt động giám sát chủ yếu được thực hiện ở cơ sở.

Các cấp ủy đảng và chính quyền đã thực hiện chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, nghe ý kiến của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân về những vấn đề xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật.

Tuy nhiên, một số chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được thể chế hóa thành pháp luật; hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc; công tác kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên; giữa chủ trương và tổ chức thực hiện còn cách biệt. Việc tuyên truyền, vận động, tập hợp, thu hút nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân còn hạn chế. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vẫn còn mang tính hành chính.

(4) Về Đảng Cộng sản Việt Nam và công tác xây dựng Đảng

Vai trò, vị trí lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 1992: "Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội" (Điều 4, Hiến pháp năm 1992).

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt nhiều thành tựu quan trọng. Đảng kiên định bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với giai cấp và dân tộc. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản. Coi trọng, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục đổi mới tư duy, khắc phục khuyết điểm chủ quan, duy ý chí.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27-3-2003 của Ban Bí thư khóa IX về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới; "Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" theo Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị khóa X đã thu được kết quả bước đầu. Chủ động hơn trong đấu tranh chống các hoạt động "diễn biến hòa bình", bác bỏ các quan điểm sai trái, các luận điệu tuyên truyền của các thế lực thù địch. Các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; chú trọng ngăn ngừa, khắc phục những lệch lạc, nhất là biểu hiện xa rời tôn chỉ, mục đích. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng và Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước. Tư tưởng tích cực là xu hướng chủ đạo trong đời sống xã hội.

Dân chủ và đoàn kết thống nhất trong Đảng tiếp tục được phát huy. Cùng với việc cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng đã có nhiều quyết định về phát huy dân chủ trong Đảng, xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cấp lãnh đạo, tăng cường hoạt động giám sát nhằm ngăn ngừa và khắc phục tình trạng độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức.

Đảng quan tâm chỉ đạo xây dựng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Nhiều quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng đã được xây dựng, phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới. coi trọng việc nâng cao chất lượng phát triển Đảng và xây dựng đội ngũ

đảng viên, đẩy mạnh phát triển đảng viên mới trong công nhân, nông dân, trí thức, trong các tổ chức kinh tế.

Thực hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu của tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Triển khai tương đối đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ, từng bước nâng cao chất lượng công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo; tiếp tục giải quyết những vấn đề lịch sử chính trị, đồng thời chú trọng nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được coi trọng, chất lượng, hiệu quả được nâng lên. Cấp ủy đảng các cấp đã chỉ đạo thực hiện có kết quả việc kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng...; xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ. Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tốt hơn tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng từ Trung ương tới cơ sở tiếp tục được cải tiến theo hướng sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân, tăng cường đôn đốc, kiểm tra.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác xây dựng Đảng cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục. Nổi lên là:

Công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn còn bất cập. Không ít vấn đề lý luận về Đảng cầm quyền trong điều

kiện kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế chưa được làm sáng tỏ, như việc: thể chế hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"; Đảng vừa là thành viên Mặt trận, vừa lãnh đạo Mặt trận; mô hình tổ chức bộ máy của Đảng; tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên trong thời kỳ mới... Tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng còn thấp; thiếu sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình". Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân tư tưởng diễn biến phức tạp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, giảm sút lòng tin đối với Đảng và Nhà nước. Dân chủ trong Đảng thực hiện chưa tốt. Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" chưa thực sự đi vào chiều sâu, ở một số nơi có biểu hiện hình thức; những điển hình tiên tiến làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chưa nhiều.

Công tác tổ chức chưa khắc phục tốt sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa bộ máy đảng và bộ máy nhà nước. Một số vấn đề tồn tại chậm được giải quyết, nhất là mô hình tổ chức đảng đoàn, ban cán sự đảng. Công tác cán bộ chậm đổi mới, thiếu những cơ chế, chính sách cụ thể để phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ. Chưa có cơ chế phát hiện và thu hút người tài; chưa có biện pháp khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ; chưa có cơ chế từ chức, miễn chức nhằm kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín giảm sút.

Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, chất lượng và hiệu

quả kiểm tra, giám sát chưa cao. Kỷ luật, kỷ cương ở nhiều tổ chức đảng không nghiêm. Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp ủy chưa tốt.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên một số nội dung chưa rõ. Chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng trên một số mặt chưa được xác định cụ thể nên hoạt động còn nhiều lúng túng. Phong cách, lề lối làm việc đổi mới còn chậm. Nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số nơi còn bị vi phạm, ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng...

II- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Giá trị to lớn và một số hạn chế của Cương lĩnh năm 1991

Từ tất cả sự phân tích ở các phần trên cho thấy *giá trị lịch sử to lớn của Cương lĩnh năm 1991* cả về lý luận, chính trị, tư tưởng và chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Ra đời trong bối cảnh nhiều đảng cộng sản bế tắc, mất phương hướng, các thế lực thù địch tấn công quyết liệt; ở trong nước, kinh tế - xã hội khủng hoảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân dao động niềm tin, Cương lĩnh năm 1991 và các nghị quyết tiếp sau của Đảng theo tinh thần của Cương lĩnh đã định hướng cho toàn Đảng, toàn dân vững bước đi lên giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, do tình hình thực tiễn thế giới và trong nước những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ XX và với nhận thức ở thời điểm đó, một số vấn đề trong Cương lĩnh năm 1991 đến nay cần được bổ sung, phát triển hoặc sửa đổi. Đồng thời thực tiễn 25 năm đổi mới của đất nước cũng là cơ sở để tiếp tục bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991.

2. Khái quát về phát triển nhận thức và tổ chức thực hiện Cương lĩnh năm 1991

(1) Những phát triển nhận thức chủ yếu so với Cương lĩnh năm 1991

Từ sau Đại hội VII, các nhiệm kỳ đại hội đã có những bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 về các vấn đề sau:

- Quá trình cách mạng Việt Nam. Đặc điểm thế giới và thời đại. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Những phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội và mục tiêu của chặng đường hiện nay.

- Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất phù hợp. Định hướng phát triển các thành phần kinh tế. Mối quan hệ và vai trò của các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh. Mô hình, phương thức, lực lượng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa làm nền tảng tinh thần của xã hội, quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị... Phát triển con người và phát huy nhân tố con

người. Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; các chính sách xã hội. Chính sách khoa học, công nghệ. Chính sách giáo dục, đào tạo. Chính sách dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo.

- Mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Mục tiêu chính sách đối ngoại.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân. Diễn đạt bản chất Đảng, nhiệm vụ xây dựng Đảng, phương thức lãnh đạo của Đảng...

Có thể khẳng định rằng, trong 20 năm qua, Đảng ta đã bổ sung và phát triển nhiều nhận thức mới, từng bước hình thành được một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; các chủ trương, chính sách lớn của Đảng được nhân dân đồng tình, hưởng ứng. Tuy nhiên, còn không ít vấn đề nhận thức cả thực tiễn và lý luận chưa đủ rõ, chưa được làm sáng tỏ để tạo sự thống nhất cao trong Đảng và đồng thuận vững chắc trong xã hội, cần được tiếp tục nghiên cứu, tổng kết.

(2) Đánh giá chung tình hình tổ chức thực hiện Cương lĩnh năm 1991

Nhìn chung, nội dung của Cương lĩnh năm 1991 và các nghị quyết của Đảng đều đã được thể chế hóa và cụ thể hóa để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, mang lại nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Đất nước thực hiện thành công công cuộc đổi mới, ra khỏi tình trạng kém phát triển, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Độc lập, chủ quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững. Vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục vững bước phát triển mạnh mẽ hơn theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ tính đúng đắn và sức sống mãnh liệt của Cương lĩnh năm 1991, có sức thuyết phục, tạo sự đồng thuận cao về chính trị trong toàn Đảng, toàn dân, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, nước ta mới bắt đầu ra khỏi tình trạng nước kém phát triển. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động của hệ thống chính trị còn nhiều hạn chế, yếu kém. Việc huy động và sử dụng các nguồn lực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước chưa tương xứng với tiềm năng. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

(1) Nguyên nhân của những thành công và hạn chế

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 bắt nguồn từ đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta; con đường đi lên chủ nghĩa xã

hội của nước ta phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm; nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được tăng cường, nhân dân ta không ngừng phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù và sáng tạo.

Nguyên nhân của mặt hạn chế, yếu kém là mô hình chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng còn mới mẻ, chưa có tiền lệ; công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển; việc tổ chức chỉ đạo thực hiện còn có những khuyết điểm.

(2) Những bài học lớn trong thực hiện Cương lĩnh năm 1991

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh năm 1991 trong suốt 20 năm qua, có thể rút ra một số bài học lớn:

Thứ nhất, nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa thực hiện những quan điểm có tính nguyên tắc, đúng đắn của Cương lĩnh và không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, không giáo điều, chủ quan; tôn trọng quy luật khách quan, coi thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý.

Thứ hai, triển khai thực hiện Cương lĩnh một cách đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; đồng bộ trong cả hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng, luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân.

Thứ ba, lựa chọn chính xác bước đi, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn: lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, đồng thời đổi mới hệ thống chính trị từng bước vững chắc; lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng văn hóa làm nền tảng tinh thần của xã hội; từ ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới.

Thứ tư, nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn như: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

Phần thứ ba

NHỮNG VẤN ĐỀ LỚN TRONG BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN CƯƠNG LĨNH NĂM 1991

1. Những vấn đề chung

(1) Tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam

Để đánh giá toàn bộ quá trình cách mạng Việt Nam, cần căn cứ vào các nhận định của Hội nghị đại biểu toàn quốc

giữa nhiệm kỳ khóa VII, các Đại hội VIII, IX và X để bổ sung những đánh giá, nhận định về giai đoạn từ năm 1991 đến nay. Đây là giai đoạn đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, có nhiều bước vận động to lớn của sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, chỉnh lý một số nhận định, đánh giá về quá trình cách mạng theo tinh thần, quan điểm của Đảng được thể hiện trong các văn kiện, nghị quyết từ năm 1991 đến nay, nhất là Văn kiện Đại hội IX, Đại hội X. Cụ thể là *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển)* đã đánh giá tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam như sau:

"Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và *giành được những thắng lợi vĩ đại*: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, đưa đất nước tiếp tục từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được trong hơn 80 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở

thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới".

Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) cũng trình bày khái quát hơn về nhận định những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong lãnh đạo như sau: "Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình và sửa chữa khuyết điểm để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên".

(2) Những bài học lớn từ thực tiễn cách mạng Việt Nam

Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) về cơ bản giữ nội dung 5 bài học lớn như Cương lĩnh năm 1991, đồng thời viết gọn hơn, khái quát hơn, bao trùm được cả nội dung của các bài học về đổi mới; bổ sung thêm một số ý: Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần giữ vững ý chí độc lập tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế; phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ tối đa ngoại lực...

(3) Tình hình thế giới và những đặc điểm, xu thế lớn của thời đại

Do Cương lĩnh là của thời kỳ quá độ với thời gian khá dài, cho nên phần nhận định về bối cảnh quốc tế trong

Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) được thể hiện một cách bao quát, chọn lọc về các đặc điểm, các xu thế, các phong trào, cả mặt hợp tác và đấu tranh, dân tộc và giai cấp, tính phức tạp, phong phú, đa dạng, tính mâu thuẫn... trong tiến trình phát triển của nhân loại và các nhân tố dài hạn chi phối sự vận động của thế giới; đồng thời dự báo, nêu lên được cả thời cơ và nguy cơ, những thuận lợi và khó khăn, thách thức mới tác động vào nước ta.

Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) đã nhận định: "Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô (trước đây) và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong

trào hòa bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là một tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục. Tuy nhiên, các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả vẫn còn gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, tìm cách xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

Các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc.

Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là

giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thử thách, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*".

(4) Đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Đã bỏ sung, phát triển, diễn đạt xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;
- Do nhân dân làm chủ;
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu;
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển;

- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

(5) Những phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ, mục tiêu của chặng đường hiện nay

Những phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc:

Trên cơ sở 7 phương hướng lớn đã nêu trong *Cương lĩnh năm 1991*, Dự thảo Cương lĩnh lần này đã bổ sung, phát triển một số nội dung theo tinh thần Đại hội X, như: xác định rõ là: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước "gắn với phát triển kinh tế tri thức"; thay "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần..." bằng "Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"; nói rõ thêm "Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"; bổ sung: "Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế"; nhấn mạnh thêm vấn đề dân chủ và đại đoàn kết toàn dân tộc: "Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc"; nói rõ: "Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân".

Bổ sung thêm nội dung: "Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn như: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng,

hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí".

Về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, tùy thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, trong nước và thế giới; phân kỳ như thế nào là vấn đề rất khó và phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau, vì vậy chưa nên và chưa thể xác định các mốc cụ thể của toàn bộ con đường này. Nhưng cần bổ sung, thể hiện mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là: "Xây dựng xong về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh". Và căn cứ vào yêu cầu và tình hình thực tiễn ở nước ta, đã xác định: "Từ nay đến khoảng giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

2. Những định hướng lớn về phát triển kinh tế

Dự thảo Cương lĩnh lần này đã bổ sung, phát triển, thể hiện rõ hơn một số vấn đề lớn.

(1) Về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đã xác định rõ xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng như sau:

- Đó là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển.

- Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

- Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và theo nguyên tắc thị trường. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn

cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

(2) Về phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Xác định rõ: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- Định hướng về cơ cấu kinh tế là: Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; trong đó phải thường xuyên coi trọng phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Định hướng lớn về phát triển văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường, xã hội, con người

(1) Định hướng phát triển văn hóa

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân

tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

- Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phi văn hóa, phản văn hoá. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

(2) Định hướng xây dựng con người

- Khẳng định con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.

- Các tiêu chí của con người Việt Nam là: giàu lòng yêu nước; có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hoá; có tinh thần quốc tế chân chính.

- Xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường trực tiếp, quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

- Xây dựng đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường rèn luyện phong cách làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hóa Việt Nam.

(3) Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo

- Xác định giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển.

- Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng: đổi mới toàn diện, mạnh mẽ giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo định hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

(4) Định hướng phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường

- Xác định khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao trình độ lãnh đạo - quản lý đất nước, phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh

của nền kinh tế. Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

Định hướng phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo và đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Định hướng bảo vệ môi trường là: Kết hợp chặt chẽ giữa ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu. Bảo vệ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

(5) Định hướng về chính sách xã hội

- Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thực hiện nguyên tắc bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành

viên trong xã hội...; gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

- Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với giảm nghèo bền vững. Có chính sách điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý và chất lượng dân số.

- Phấn đấu xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xác định phương hướng xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh; xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân; đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức; xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ; thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ; tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại, hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước.

- Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc; tôn trọng và bảo đảm quyền

tự do tín ngưỡng, tôn giáo - nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đấu tranh với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

4. Những định hướng lớn về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

(1) Về quốc phòng, an ninh

- Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị và an ninh quốc gia; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

- củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh.

Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, có sức chiến đấu cao. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại.

- Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

(2) Về đối ngoại

- Khẳng định thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, các đảng cầm quyền trên thế giới trên cơ sở độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước trên thế giới. Phấn đấu cùng các nước ASEAN xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

5. Về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng

(1) Xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Khẳng định dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân bầu ra và các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

- Nhà nước quy định và bảo vệ các quyền công dân, quyền con người đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người.

(2) Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

- Khẳng định bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Nhiệm vụ của Nhà nước là: định ra luật pháp và tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Phương hướng, nguyên tắc hoạt động của Nhà nước là: Nhà nước gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của trung ương. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; có cơ chế kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện ba quyền đó.

(3) Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

- Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ

chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam và công tác xây dựng Đảng

- Khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là di sản tư tưởng và lý luận vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm

chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) khẳng định: "Cương lĩnh này là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi

Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh. Đảng kêu gọi tất cả những người cộng sản, toàn thể đồng bào ở trong nước và ở nước ngoài mang hết tinh thần và nghị lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, vững bước đi tới tương lai".

Tiểu ban tổng kết, bổ sung
và phát triển Cương lĩnh
năm 1991: *Báo cáo tổng kết
20 năm thực hiện Cương lĩnh
xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ
lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011)*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 333-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2010

Về việc tổ chức Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tại phiên họp ngày 6-5-2010, sau khi xem xét, rút kinh nghiệm việc tổ chức kỷ niệm 35 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vừa qua; để đảm bảo cho việc tổ chức tốt Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị thay đổi một số nội dung trong kế hoạch tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội như sau:

1. Chủ đề buổi Lễ kỷ niệm là: "Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 2010)". Riêng nội dung việc UNESCO ra Nghị quyết về Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người sẽ được thể hiện trong Diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư đọc tại buổi Lễ.

2. Chuyển địa điểm tổ chức Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cung văn hóa Hữu nghị Hà Nội về Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình. Số lượng đại biểu dự Lễ kỷ niệm tương tự như Lễ kỷ niệm 80 năm

Ngày thành lập Đảng. Từ nay trở đi, các lễ kỷ niệm cấp nhà nước đều tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình.

3. Ban tổ chức cấp Nhà nước kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009 - 2010, trên cơ sở nội dung kết luận này của Bộ Chính trị sớm triển khai thực hiện các công việc đảm bảo Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 334-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2010

Về Đề án tổ chức các ngày kỷ niệm và nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao

Tại phiên họp ngày 7-5-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình bày Đề án tổ chức các ngày kỷ niệm và nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao (Tờ trình số 10/TTr-BCSD và Đề án số 11/ĐA-BCSD, ngày 31-3-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Đề án đã được chuẩn bị kỹ, Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với những nội dung nêu trong Đề án. Đồng ý giữ nguyên cách gọi số năm kỷ niệm (năm chẵn, năm tròn, năm lẻ) như Nghị định số 82/2001/NĐ-CP, ngày 6-11-2001 của Chính phủ; bổ sung Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954) là một ngày lễ lớn trong năm; giảm tần suất tổ chức lễ kỷ niệm cấp Nhà nước các ngày lễ lớn 10 năm/lần ở cả cấp Trung ương và cấp địa phương có liên quan đến sự kiện; hằng năm, vào dịp kỷ niệm không tổ chức lễ nhưng vẫn tổ chức tuyên truyền về sự kiện đó; không tổ chức diễu binh, diễu hành, duyệt binh trong các lễ kỷ niệm, khi cần thiết sẽ do cấp có thẩm quyền quyết định. Lễ kỷ niệm cấp quốc

gia kỷ niệm Ngày thành lập Đảng, Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 tổ chức tại Hà Nội; lễ kỷ niệm cấp quốc gia các ngày lễ lớn khác có thể tổ chức ở địa phương gắn với sự kiện đó. Việc trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, các hình thức khen thưởng cao cần tổ chức cùng với các lễ kỷ niệm của ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, bảo đảm yêu cầu trang trọng, tiết kiệm.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Chỉ thị của Bộ Chính trị về tổ chức các ngày kỷ niệm và nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao.

Chính phủ chỉ đạo xây dựng, ban hành một nghị định mới gồm cả nội dung về tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao, cả về nghi lễ Nhà nước và đón tiếp khách nước ngoài.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng, hướng dẫn việc tổ chức các hoạt động lễ hội, trao cúp cho các doanh nghiệp; Văn phòng Trung ương Đảng rà soát lại Quy định 60-QĐ/TW của Bộ Chính trị "Về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, tham dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp các đoàn đại biểu trong nước của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư", báo cáo Ban Bí thư để thực hiện tốt các hoạt động này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 335-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2010

**Về Đề án "Hoàn thiện hệ thống pháp luật
về sở hữu đối với các loại tài sản mới như trí tuệ,
cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước và khoáng sản"**

Tại phiên họp ngày 6-5-2010, sau khi nghe Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội được sự ủy quyền của Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Đề án "Hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu với các loại tài sản mới như trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước và khoáng sản" (Tờ trình số 311/ĐĐQH12, ngày 15-4-2010), Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với Đảng đoàn Quốc hội về những định hướng chủ yếu hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu với các loại tài sản mới như trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước và khoáng sản.

Đảng đoàn Quốc hội rà soát các vấn đề cụ thể, đề xuất việc xây dựng mới, sửa đổi hoặc bổ sung các quy định pháp luật, đưa vào chương trình xây dựng pháp luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII, XIII. Bộ Chính trị sẽ cho ý

kiến về các nội dung cụ thể của từng luật, pháp lệnh trước khi trình Quốc hội thông qua theo như quy chế hiện hành.

2. Về những kiến nghị bổ sung vào văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI một số quan điểm, nhiệm vụ liên quan đến sở hữu với các loại tài sản mới, đề nghị các tiểu ban chuẩn bị văn kiện trình Đại hội XI nghiên cứu, tiếp thu.

3. Về kiến nghị Bộ Chính trị có nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 13-NQ/TW "Về định hướng chiến lược tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2010", Bộ Chính trị đã giao Ban Cán sự đảng Chính phủ nghiên cứu, trình Bộ Chính trị trong năm 2010.

TM BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 337-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2010

Về Đề án xây dựng đảo thanh niên toàn quốc giai đoạn 2010 - 2020

Tại phiên họp ngày 4-5-2010, sau khi nghe Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh báo cáo Đề án xây dựng đảo thanh niên toàn quốc giai đoạn 2010 - 2020 (Tờ trình số 340-TTr/TWĐTN, ngày 5-4-2010); ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương xây dựng đảo thanh niên toàn quốc giai đoạn 2010 - 2020 với mục tiêu phát huy vai trò xung kích, ý chí vượt khó vươn lên của thanh niên trong khai thác tiềm năng, lợi thế của biển, đảo; giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng, ý thức quốc phòng, an ninh và nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo cho thế hệ trẻ.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh Đề án.

2. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan

tổng kết việc triển khai thực hiện xây dựng đảo thanh niên Bạch Long Vĩ và Côn Cỏ để làm cơ sở cho việc tiếp tục phát triển hai đảo này và xây dựng các đảo thanh niên khác theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về biển, đảo.

3. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ xem xét và quyết định phê duyệt Đề án xây dựng đảo thanh niên giai đoạn 2010 - 2020.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO**Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 338-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2010

**Về một số dự án luật trình Quốc hội xem xét
tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XII**

Tại phiên họp ngày 7-5-2010, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về Dự án Luật thuế nhà, đất trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XII (Báo cáo số 319-BC/ĐĐQH12, ngày 4-5-2010), Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội, chưa quy định nhà ở là đối tượng chịu thuế tại thời điểm hiện nay. Tuy nhiên, cần tiếp tục nghiên cứu quy định thuế nhà, đất đối với những người có nhiều nhà, đất, đảm bảo công bằng xã hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO**Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 340-TB/TW, ngày 24 tháng 5 năm 2010

**Về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh
năm 2011 và dự án Luật thi hành án hình sự**

Tại phiên họp ngày 21-5-2010, sau khi nghe Báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội và ý kiến của các cơ quan hữu quan về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 và dự án Luật thi hành án hình sự, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011

Cơ bản đồng ý với định hướng xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 như Báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội (Báo cáo số 330-BC/ĐĐQH12, ngày 17-5-2010); số lượng các dự án pháp luật và thời điểm trình Quốc hội xem xét tại các kỳ họp cụ thể do Quốc hội quyết định trên cơ sở kết quả thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010 và yêu cầu đặt ra đối với công tác xây dựng pháp luật năm 2011, bảo đảm chất

lượng, tiến độ, tính khả thi, phù hợp với nội dung, yêu cầu của từng kỳ họp trong năm 2011.

Đồng ý chuyển các dự án luật về tổ chức bộ máy nhà nước từ chương trình chuẩn bị năm 2010 sang chương trình chuẩn bị năm 2011; bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010 như đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội.

2. Đối với các dự án luật liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước và việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992

Trước mắt, cần tiến hành tổng kết việc thi hành các luật về tổ chức bộ máy nhà nước và các quy định của Hiến pháp năm 1992 để có cơ sở đề xuất ý kiến đóng góp vào các nội dung tương ứng trong các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng lần thứ XI và đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992. Sau khi Đại hội Đảng thông qua các chủ trương, đường lối về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chủ trương sửa đổi Hiến pháp, sẽ tiến hành việc nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp và các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 26/2008/QH12, ngày 15-11-2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Tiến hành tổng kết việc thực hiện thí điểm, báo cáo kết quả và đề xuất chủ trương, giải pháp tiếp về vấn đề này, trình Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội xem xét, quyết định trong tháng 10-2010.

3. Về quy định hình thức thi hành án tử hình trong dự thảo Luật thi hành án hình sự

Tiếp tục quán triệt, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại phiên họp ngày 5-9-2008 (Thông báo 184-TB/TW, ngày 10-9-2008 về Đề án giảm hình phạt tử hình và thay đổi hình thức thi hành hình phạt tử hình).

Trình Quốc hội thảo luận, xem xét, quyết định việc thay đổi hình thức xử bắn bằng tiêm thuốc độc. Nếu Quốc hội đồng ý thì quy định rõ trong luật; trong đó, xác định rõ thời gian thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong việc tổ chức thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 308-QĐ/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2010

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Nghiên cứu Đề tài Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các trại giam của địch thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

- Căn cứ Điều lệ Đảng; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Thông báo kết luận số 232-TB/TW, ngày 31-3-2009 của Ban Bí thư về việc nghiên cứu Đề tài khoa học Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các trại giam của địch thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) và kết quả phiên họp Ban Bí thư ngày 1-6-2010;
- Xét đề nghị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo nghiên cứu Đề tài Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các

trại giam của địch thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.
2. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.
3. Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.
4. Đồng chí Vũ Ngọc Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.
5. Đồng chí Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.
6. Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.
7. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.
8. Đồng chí Nguyễn Tuấn Dũng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên.
9. Đồng chí Phan Hữu Tích, Vụ trưởng Vụ Bảo vệ chính trị nội bộ, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.
10. Đồng chí Mạch Quang Thắng, Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.
11. Đồng chí Hoàng Văn Tuệ, Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên thư ký.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo triển khai nghiên cứu Đề tài khoa học tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các trại giam của địch thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) đạt kết quả tốt.

Điều 3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh là cơ quan chủ quản, chủ trì nghiên cứu Đề tài; Văn phòng Trung ương Đảng thẩm định và cấp kinh phí nghiên cứu Đề tài.

Điều 4. Các đồng chí có tên ở Điều 1, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 341-TB/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2010

**Về tổng kết Chỉ thị 39-CT/TW,
ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Chính trị (khóa IX)**

Tại phiên họp ngày 1-6-2010, sau khi nghe báo cáo của Ban Chỉ đạo tổng kết Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến", Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đồng ý ban hành Kết luận của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 21-5-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến".

Giao Ban Chỉ đạo tổng kết Chỉ thị 39-CT/TW tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư để dự thảo Kết luận và báo cáo Ban Bí thư trong tháng 6-2010.

2. Đồng ý tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 39-CT/TW gắn với việc triển khai thực hiện Kết luận của Ban Bí thư và tổ chức Đại hội thi đua

yêu nước toàn quốc lần thứ VIII vào tháng 11-2010. Thời gian tổ chức Hội nghị một ngày, trước ngày tổ chức Đại hội thi đua yêu nước.

Ban Chỉ đạo tổng kết Chỉ thị 39-CT/TW phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng chuẩn bị nội dung tài liệu và các điều kiện phục vụ Hội nghị toàn quốc.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 309-QĐ/TW, ngày 7 tháng 6 năm 2010

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án
"Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân
Việt Nam trong phát triển nông nghiệp,
xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp
nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Kết luận số 61-KL/TW, ngày 3-12-2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020" gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Hà Thị Khiết, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo thường trực.

3. Đồng chí Trần Thị Bích Thủy, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

4. Đồng chí Vũ Văn Tám, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

5. Đồng chí Nguyễn Trọng Đàm, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

6. Đồng chí Hoàng Công Hoàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

7. Đồng chí Văn Trọng Lý, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

8. Đồng chí Nguyễn Cẩm Tú, Thứ trưởng Bộ Công thương, Ủy viên.

9. Đồng chí Nguyễn Thúy Hiền, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên.

10. Đồng chí Hà Phúc Mịch, Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên.

11. Đồng chí Nguyễn Thế Đồng, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức việc thực hiện Đề án trên.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Thư ký do Ban Chỉ đạo quyết định thành lập.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 343-TB/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010

Về việc nâng cấp, cải tạo Khu di tích và xây dựng tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu

Trong phiên họp ngày 1-6-2010, sau khi nghe đại diện Tỉnh ủy Nghệ An báo cáo về việc nâng cấp, cải tạo Khu di tích và xây dựng tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu (Công văn số 2635-CV/TU, ngày 7-4-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý tôn tạo, nâng cấp Khu nhà lưu niệm đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, tỉnh Nghệ An, tương tự như khu nhà thờ, nhà tưởng niệm các đồng chí cách mạng tiền bối khác (đồng chí Phùng Chí Kiên, Hoàng Văn Thụ...), bảo đảm có ý nghĩa giáo dục truyền thống, thiết thực, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

2. Việc nâng cấp khu công viên trung tâm và xây dựng tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành (tỉnh Nghệ An), Tỉnh ủy Nghệ An phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân nhắc, xây dựng theo quy định chung hiện nay của Đảng, Nhà nước.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Tổ chức Trung ương xây dựng hướng dẫn chung về việc xây dựng nhà lưu niệm, khu di tích, tưởng niệm các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng, Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 344-TB/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010

Về việc xây dựng bia di tích lịch sử truyền thống Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam

Trong phiên họp ngày 1-6-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về việc xây dựng bia di tích lịch sử truyền thống Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (Tờ trình số 01/MTTQVN-ĐĐ, ngày 11-3-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương xây dựng bia lịch sử truyền thống chung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Dân vận Trung ương tại 4 địa điểm thuộc các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Tây Ninh, Quảng Nam như đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng bia di tích tại 4 địa điểm nêu trên theo quy định hiện hành của Nhà nước; đảm bảo hiệu quả giáo dục cao, phù hợp với thực tế, tiết kiệm, không phô trương, hình thức. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho việc xây dựng.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá việc xây dựng và phát huy giá trị các công trình di tích lịch sử cách mạng đã xây dựng trong cả nước thời gian qua, báo cáo và đề xuất ý kiến với Ban Bí thư về vấn đề này vào quý III-2010.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-CT/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 7-9-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) "Về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam", nhận thức và chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và công tác nhân đạo có chuyển biến tích cực; quản lý nhà nước đối với hoạt động nhân đạo được tăng cường, sự tham gia của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong các hoạt động nhân đạo có bước phát triển; Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với vai trò nòng cốt, cầu nối trong các hoạt động nhân đạo được củng cố và hoạt động ngày càng có hiệu quả. Các hoạt động nhân đạo do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân tiến hành góp phần thực hiện các chính sách xã hội, nhân đạo của Đảng và Nhà nước, động viên các tầng lớp nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế chăm lo cho người nghèo, nhân dân các vùng bị thiên tai, thảm

họa, nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc da cam, người khuyết tật, người già cô đơn và những người khó khăn khác trong xã hội.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên về công tác nhân đạo và vị trí, vai trò của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam chưa đầy đủ; quản lý nhà nước đối với hoạt động nhân đạo và Hội Chữ thập đỏ có những mặt hạn chế; chất lượng tổ chức và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ ở một số địa phương còn yếu, sự phối hợp của các tổ chức, đoàn thể trong hoạt động nhân đạo có mặt chưa đồng bộ và thiếu thống nhất.

Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của công tác nhân đạo trong tình hình mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp đối với công tác nhân đạo và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Công tác nhân đạo là bộ phận quan trọng trong công tác dân vận của Đảng, là nhiệm vụ của mỗi cấp ủy đảng, của cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị, góp phần giáo dục, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện các chính sách xã hội của Đảng, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đối với hoạt động nhân đạo.

Các cấp ủy đảng chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ và phát triển tổ chức Hội Chữ thập đỏ Việt Nam,

nhất là ở cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao; bố trí, điều chuyển cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, có năng lực vận động quần chúng làm công tác chữ thập đỏ; thực hiện chính sách đối với cán bộ Hội Chữ thập đỏ trong chính sách chung đối với cán bộ các đoàn thể nhân dân; bồi dưỡng cán bộ Hội để tạo nguồn bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý cho đảng, chính quyền ở các cấp.

Các cấp ủy đảng xác định nhiệm vụ công tác nhân đạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; định kỳ kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác nhân đạo và phát huy vai trò nòng cốt của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong các hoạt động nhân đạo. Ban Dân vận cấp ủy đảng các cấp là đầu mối tham mưu cho cấp ủy cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội.

Nhà nước tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật về hoạt động nhân đạo; thống nhất quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; quan tâm, tạo điều kiện về kinh phí, biên chế, hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động cho các cấp Hội; ban hành thống nhất chính sách phụ cấp đối với cán bộ Hội cấp cơ sở. Chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện tốt Luật hoạt động chữ thập đỏ, tạo điều kiện để Hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt 7 hoạt động chữ thập đỏ được quy định trong Luật; phát huy vai trò của Hội Chữ thập đỏ tham gia xây dựng các chủ trương, chính sách xã hội, tham gia xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, tổ chức các hoạt động kinh tế, dịch vụ vì mục tiêu nhân đạo;

tạo điều kiện cho Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tham gia thực hiện tốt các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nhân đạo, vì hòa bình, hữu nghị và phát triển. Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ là cơ quan tham mưu trực tiếp cho cấp chính quyền tương ứng trong công tác quản lý nhà nước về Hội.

Các cơ quan thông tin đại chúng tích cực tuyên truyền, cổ vũ cho các hoạt động nhân đạo và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

2. củng cố và phát triển tổ chức; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Chữ thập đỏ các cấp

Thường xuyên củng cố, phát triển tổ chức Hội, nhất là ở cơ sở (trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, cơ quan dân chính đảng, lực lượng vũ trang, các tổ chức tôn giáo v.v.); phát triển lực lượng tình nguyện viên và cộng tác viên chữ thập đỏ hỗ trợ cho hoạt động của cơ quan chuyên trách các cấp của Hội.

Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội Chữ thập đỏ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác nhân đạo trong tình hình mới; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của Hội Chữ thập đỏ các cấp, nâng cao tính chuyên nghiệp của cán bộ Hội trong các hoạt động nhân đạo.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hướng về cơ sở, gắn bó với đối tượng, nhất là ở khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, theo hướng phát triển bền vững, chủ động thực hiện 7 hoạt động chữ thập đỏ được quy định trong

Luật hoạt động chữ thập đỏ, tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác; ứng dụng công nghệ thông tin trong vận động nguồn lực cho hoạt động nhân đạo; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động nhân đạo, đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo".

Nâng cao hiệu quả phối hợp hoạt động với Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, các hội quốc gia và các tổ chức quốc tế khác trong các hoạt động nhân đạo.

Các cấp Hội Chữ thập đỏ có trách nhiệm tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền những chủ trương, biện pháp về công tác nhân đạo; chủ trì tham mưu xây dựng quy chế phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức liên quan khác, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong công tác nhân đạo.

3. Tổ chức thực hiện

Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban cán sự đảng các bộ, ngành liên quan, Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam có chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và

Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ban Bí thư việc thực hiện Chỉ thị.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 345-TB/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2010

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật

Tại phiên họp ngày 4-6-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương trình bày về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (Tờ trình số 397-TTr/BTCTW, ngày 14-5-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Về chức năng, nhiệm vụ của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, cần lưu ý một số nội dung sau:

- Xem xét lựa chọn tên gọi của Nhà xuất bản cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, tiếp nối được truyền thống lịch sử của Nhà xuất bản. Tên gọi của Nhà xuất bản nên là Nhà xuất bản Sự thật.

- Về vị trí và chức năng của Nhà xuất bản cần xác định rõ: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật là đơn vị sự nghiệp của Trung ương Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Bí thư. Nhà xuất bản tương đương như đơn vị tổng cục loại I.

- Nhiệm vụ chính của Nhà xuất bản là xuất bản các ấn phẩm phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Hiện nay, do đã có Nhà xuất bản Pháp lý chuyên xuất bản sách pháp luật, vì thế nhiệm vụ xuất bản sách pháp luật của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật cần xem xét, cân nhắc sao cho phù hợp.

Việc tổ chức nghiên cứu khoa học chủ yếu phục vụ cho công tác xuất bản của Nhà xuất bản, không quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khác.

- Tên gọi của lãnh đạo Nhà xuất bản nên là Giám đốc kiêm Tổng Biên tập và các Phó Giám đốc kiêm Phó Tổng Biên tập; tổ chức bộ máy gồm 18 đầu mối như Tờ trình nêu; có 3 chi nhánh của Nhà xuất bản tại Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

2. Giao cho Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiếp tục hoàn thiện lại dự thảo Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, trên cơ sở kế thừa nội dung trong Quyết định số 68-QĐ/TW, ngày 3-4-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX), để sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh, trình Bộ Chính trị trong thời gian sớm nhất.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 347-TB/TW, ngày 11 tháng 6 năm 2010

**Về sửa đổi, bổ sung Quy định số 94-QĐ/TW,
ngày 15-10-2007 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm
chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình và
Hướng dẫn số 11-HD/UBKTTW, ngày 24-3-2008
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương
về việc thực hiện Quy định trên**

Tại phiên họp ngày 4-6-2010, sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Tờ trình về việc hướng dẫn bổ sung các trường hợp không vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình (Tờ trình số 222-TTr/UBKTTW, ngày 13-4-2010), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Tại Điều 1, Pháp lệnh sửa đổi Điều 10, Pháp lệnh Dân số của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 15/2008/PL-UBTVQH12, ngày 27-12-2008 quy định *"Quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản:*

- Quyết định thời gian và khoảng cách sinh con;

- Sinh một hoặc hai con, trừ trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định...".

Tại khoản 6, Điều 2, Nghị định số 20/2010/NĐ-CP, ngày 8-3-2010 của Chính phủ quy định: *"Cặp vợ chồng mà một hoặc hai người đã có con riêng (con đẻ), chỉ sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh"*. Quy định này chưa phù hợp với Điều 1, Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số nêu trên.

Bộ Chính trị giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu sửa đổi nội dung khoản 6, Điều 2, Nghị định số 20/2010/NĐ-CP, ngày 8-3-2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10, Pháp lệnh dân số, theo hướng: *Cặp vợ chồng mà một trong hai người đã có con riêng (con đẻ) được sinh một hoặc hai con.*

2. Thời gian qua, việc thực hiện Quy định số 94-QĐ/TW, ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm đã được cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp quan tâm thực hiện, góp phần hạn chế đảng viên vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình đáp ứng yêu cầu của công tác này.

Tuy nhiên, việc xử lý kỷ luật về Đảng đối với đảng viên vi phạm sinh con thứ ba bằng hình thức cách chức vụ đối với đảng viên có chức vụ như hiện nay là nặng so với lỗi vi phạm.

Bộ Chính trị giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương nghiên cứu, sửa đổi Điều 7, Quy định 94-QĐ/TW, ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình và Hướng dẫn số 11-HD/UBKTTW, ngày 24-3-2008 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc thực hiện Quy định trên, theo hướng: *giảm một*

mức kỷ luật so với quy định hiện hành để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Đối với các trường hợp đã xử lý kỷ luật trước đây do vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình thì nay không xem xét lại.

Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ và Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ đạo tổ chức thực hiện Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 349-TB/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2010

Về việc chuẩn bị nhân sự
Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI

Tại phiên họp ngày 4-6-2010, xem xét Công văn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc chuẩn bị nhân sự Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI (số 4268-CV/UBKTTW, ngày 19-5-2010), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chuẩn bị danh sách 25 đồng chí giới thiệu với Ban Chấp hành Trung ương khóa XI để bầu 21 đồng chí làm thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI.

2. Đối với các đồng chí thành viên Ủy ban Kiểm tra đương nhiệm (không phải là Ủy viên Trung ương) không đủ tuổi tái ứng cử làm thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI (độ tuổi tái ứng cử thực hiện theo tinh thần Chỉ thị 37-CT/TW, ngày 4-8-2009 của Bộ Chính trị) nếu tiếp tục công tác thì thực hiện theo chế độ chuyên gia, đến tuổi thì nghỉ hưu. Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc thực hiện chế độ chuyên gia này. Trường hợp đặc biệt

cần thiết phải cơ cấu tiếp vào Ủy ban Kiểm tra Trung ương những đồng chí ngoài độ tuổi theo quy định của Chỉ thị số 37-CT/TW thì báo cáo Bộ Chính trị cân nhắc, trình Ban Chấp hành Trung ương.

3. Việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện theo Nghị quyết 42-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về công tác này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 73-KL/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2010

**Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW,
ngày 12-4-1989 của Ban Bí thư
Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ
Hội Người mù Việt Nam**

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Dân vận Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12-4-1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Sau 20 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giúp đỡ người mù, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã có sự chuyển biến tích cực. Tổ chức Hội Người mù Việt Nam được củng cố và phát triển, chất lượng hoạt động không ngừng tăng lên, đời sống vật chất, tinh thần của hội viên

và người mù được cải thiện hơn. Hội luôn là chỗ dựa, là môi trường để hội viên phấn đấu, vươn lên ổn định cuộc sống, thực sự là mái nhà chung, là nơi thu hút, chia sẻ tâm tư, nguyện vọng của người mù. Bằng ý chí, nghị lực, người mù Việt Nam đã nỗ lực vươn lên, vượt qua số phận, trở thành người có ích cho xã hội, tự khẳng định mình, ngày càng hòa nhập vào cộng đồng.

Tuy nhiên, công tác giúp đỡ người mù và Hội Người mù Việt Nam còn chưa đồng đều, rộng khắp. Đến nay còn 19 tỉnh và nhiều quận, huyện, thành phố, thị xã chưa thành lập Hội Người mù. Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chỉ thị 51-CT/TW chưa thường xuyên và chưa kịp thời. Chính sách đối với người mù và Hội Người mù chưa được thực hiện đồng bộ, một số chính sách không còn phù hợp nhưng chậm được bổ sung, sửa đổi; điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí phục vụ cho hoạt động của Hội còn hạn hẹp. Công tác xã hội hóa chăm lo, giúp đỡ cho người mù tuy đã được quan tâm nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn. Hoạt động của Hội Người mù các cấp còn hạn chế, chưa chủ động, còn mặc cảm, tự ti, nhất là ở cơ sở.

2. Để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, Ban Bí thư yêu cầu trong thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể sau:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12-4-1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam. Quán triệt, thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân về giúp đỡ người mù và Hội Người mù Việt Nam - một tổ chức xã hội đặc thù.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, luật pháp đối với người mù và Hội Người mù phù hợp với tình hình hiện nay. Các cấp chính quyền nâng cao trách nhiệm trong việc chăm lo, giúp đỡ người mù và Hội Người mù; thành lập tổ chức Hội Người mù ở những địa phương chưa có Hội; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, trụ sở, kinh phí và chế độ phụ cấp cho cán bộ ở các cấp Hội, bảo đảm các cấp Hội hoạt động thuận lợi, hiệu quả. Tạo điều kiện để Hội Người mù được tham gia các chương trình quốc gia về giáo dục, việc làm, dạy nghề...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân hướng dẫn, vận động toàn dân tham gia giúp đỡ người mù xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, hòa nhập với cộng đồng. Phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên với Hội Người mù trong hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ người mù và Hội Người mù, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Hội Người mù Việt Nam cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ Hội các cấp, khắc phục tâm lý mặc cảm, tự ti, làm cho Hội luôn là chỗ dựa, là môi trường thuận lợi để hội viên phấn đấu. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng Cuộc vận động "Tăng cường đoàn kết, chủ động vươn lên, bình đẳng, hòa nhập với cộng đồng". Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức Hội Người mù các nước trong khu vực và thế giới.

Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người mù và Hội Người mù; những tấm gương

vượt khó, vươn lên của người mù và hoạt động của Hội Người mù các cấp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa chăm lo, giúp đỡ người mù và Hội Người mù.

3. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 352-TB/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2010

**Về việc nâng cấp Bản tin Lý luận,
phê bình văn học, nghệ thuật thành
Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật**

Ngày 10-3-2010, Ban Tuyên giáo Trung ương có Tờ trình số 178-TTr/BTGTW gửi Thường trực Ban Bí thư đề nghị cho phép nâng cấp Bản tin Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật thành Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Sau khi lấy ý kiến các ban đảng, các bộ, ngành có liên quan, Ban Bí thư đã xem xét và kết luận:

Đồng ý cho phép nâng cấp Bản tin Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương thành Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp, xác định cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, xác định cơ quan chủ quản, kinh phí hoạt động của Tạp chí theo đúng các quy định của Đảng, Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 310-QĐ/TW, ngày 23 tháng 6 năm 2010

**Phân bổ số lượng, định hướng cơ cấu đại biểu
được bầu cử và được chỉ định ở các đảng bộ
trực thuộc Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 303-QĐ/TW, ngày 9-4-2010 của Ban Chấp hành Trung ương về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Số lượng đại biểu được phân bổ để bầu cử ở đại hội đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương và số lượng đại biểu được chỉ định ở các đảng bộ trực thuộc Đảng ủy Ngoài nước:

1	Hà Nội	53 đại biểu
2	Thành phố Hồ Chí Minh	30 đại biểu

3	Hải Phòng	21 đại biểu
4	Đà Nẵng	16 đại biểu
5	Lai Châu	13 đại biểu
6	Điện Biên	14 đại biểu
7	Sơn La	17 đại biểu
8	Lào Cai	15 đại biểu
9	Yên Bái	16 đại biểu
10	Hà Giang	16 đại biểu
11	Tuyên Quang	16 đại biểu
12	Cao Bằng	15 đại biểu
13	Bắc Kạn	14 đại biểu
14	Thái Nguyên	19 đại biểu
15	Lạng Sơn	17 đại biểu
16	Phú Thọ	20 đại biểu
17	Vĩnh Phúc	17 đại biểu
18	Hòa Bình	16 đại biểu
19	Quảng Ninh	19 đại biểu
20	Bắc Giang	18 đại biểu
21	Bắc Ninh	16 đại biểu
22	Hưng Yên	18 đại biểu
23	Hải Dương	21 đại biểu
24	Thái Bình	21 đại biểu
25	Hà Nam	16 đại biểu
26	Nam Định	21 đại biểu
27	Ninh Bình	17 đại biểu
28	Thanh Hóa	30 đại biểu
29	Nghệ An	28 đại biểu
30	Hà Tĩnh	20 đại biểu

31	Quảng Bình	18 đại biểu
32	Quảng Trị	15 đại biểu
33	Thừa Thiên Huế	15 đại biểu
34	Quảng Nam	16 đại biểu
35	Quảng Ngãi	15 đại biểu
36	Bình Định	16 đại biểu
37	Phú Yên	14 đại biểu
38	Khánh Hòa	14 đại biểu
39	Kon Tum	14 đại biểu
40	Gia Lai	15 đại biểu
41	Đắk Lắk	16 đại biểu
42	Đắk Nông	13 đại biểu
43	Ninh Thuận	13 đại biểu
44	Bình Thuận	14 đại biểu
45	Lâm Đồng	15 đại biểu
46	Bình Phước	14 đại biểu
47	Bình Dương	14 đại biểu
48	Tây Ninh	14 đại biểu
49	Đồng Nai	16 đại biểu
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	14 đại biểu
51	Long An	15 đại biểu
52	Tiền Giang	15 đại biểu
53	Bến Tre	16 đại biểu
54	Đồng Tháp	15 đại biểu
55	Vĩnh Long	14 đại biểu
56	Trà Vinh	15 đại biểu
57	Cần Thơ	15 đại biểu
58	Hậu Giang	14 đại biểu

59	Sóc Trăng	14 đại biểu
60	An Giang	16 đại biểu
61	Kiên Giang	15 đại biểu
62	Bạc Liêu	13 đại biểu
63	Cà Mau	15 đại biểu
64	Đảng bộ Quân đội	37 đại biểu
65	Đảng bộ Công an Trung ương	18 đại biểu
66	Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương	42 đại biểu
<i>Trong đó:</i> - Bầu cử: 31 đại biểu - Chỉ định: 11 đại biểu thuộc Đảng ủy Ngoài nước (bao gồm cả Đảng bộ cơ quan Đảng ủy Ngoài nước).		
67	Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương	25 đại biểu

Tổng số đại biểu bầu cử và được chỉ định: 1.200 đại biểu

Điều 2. Về định hướng cơ cấu đại biểu

Đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng phải đảm bảo tiêu chuẩn đã nêu trong Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 4-8-2009 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; đồng thời có cơ cấu hợp lý, chú ý các đối tượng sau đây:

- Cán bộ lãnh đạo cao cấp, trung cấp, hoạt động trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở Trung ương và ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Một số đại biểu công tác ở cấp huyện, quận và cơ sở (đoàn đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần có khoảng 1/3 số lượng đại biểu công tác ở cấp huyện, quận và cơ sở).

- Một số đại biểu là cán bộ khoa học, chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực lý luận chính trị, kinh tế, khoa học, công nghệ, văn hóa, xã hội v.v..

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ban Tổ chức Trung ương thông báo cụ thể về số lượng, định hướng cơ cấu đại biểu được bầu cử cho các đảng bộ trực thuộc Trung ương để thực hiện; trình Bộ Chính trị chỉ định nhân sự đại biểu ở Đảng bộ Ngoài nước dự Đại hội XI của Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 353-TB/TW, ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Về việc xác định các đề án để triển khai
thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW,
ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Bộ Chính trị**

Tại phiên họp ngày 23-6-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng trình bày ý kiến về việc xác định một số nội dung cần được xây dựng thành các đề án trình Ban Bí thư (Công văn số 9777-CV/VPTW, ngày 18-6-2010), Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng dự thảo Luật Phổ biến kiến thức và dự thảo Luật hành nghề kỹ sư chuyên nghiệp để trình Quốc hội đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII.

2. Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật ở Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng cơ chế phối hợp giữa

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam với các hội thành viên và với các liên hiệp hội ở tỉnh, thành phố. Nghiên cứu thành lập tổ chức thu hút trí thức khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng đất nước.

Báo cáo Ban Bí thư vào quý II-2011.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam xây dựng cơ chế phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước những vấn đề lớn về chủ trương, đường lối, chính sách phát triển đất nước, chủ động phản biện, tư vấn và giám định xã hội trong quá trình xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách, các chương trình, dự án lớn.

Báo cáo Ban Bí thư vào quý III-2011.

4. Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam xây dựng cơ chế, chính sách về tài chính và các điều kiện khác bảo đảm hoạt động có hiệu quả của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật ở Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Báo cáo Ban Bí thư vào quý III-2011.

5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam xây dựng Quy chế hoạt động của Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

và Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật và các đảng đoàn, ban cán sự đảng có liên quan.

Báo cáo Ban Bí thư vào quý II-2011.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 354-TB/TW, ngày 25 tháng 6 năm 2010
Về một số công tác chuẩn bị tổ chức,
phục vụ Đại hội XI

Ngày 21-6-2010, sau khi nghe Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XI và Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo một số nội dung về công tác chuẩn bị tổ chức, phục vụ Đại hội XI; Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Cơ bản đồng ý với chủ trương và phương án bố trí nơi ăn, nghỉ của đại biểu, khách mời dự Đại hội XI, về kế hoạch xe ô tô phục vụ Đại hội, về dự toán kinh phí, chế độ chi Đại hội và phương án cải tạo, nâng cấp hệ thống ánh sáng, âm thanh, màu sắc ghế ngồi, phong, rèm... tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, nêu tại Tờ trình số 01-TTr/TBTCV, ngày 19-6-2010 của Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XI.

Giao Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XI xem xét, rà soát để quyết định cụ thể việc lựa chọn các nhà khách, khách sạn phục vụ Đại hội; dự toán ngân sách chi tổ chức, phục vụ Đại hội XI theo nguyên tắc đảm bảo thiết thực, tiết kiệm và

hiệu quả, cái gì cần thiết mới chi; chỉ tính vào dự toán chi Đại hội những chi phí trực tiếp cho công tác tổ chức, phục vụ Đại hội; kế hoạch xe ô tô phục vụ Đại hội, thực hiện phương án thuê của các đơn vị doanh nghiệp vận tải nhà nước là chủ yếu; việc cải tạo, nâng cấp một số chi tiết Hội trường Trung tâm Hội nghị quốc gia để phục vụ Đại hội cần được tính toán, cân nhắc thận trọng để vừa phục vụ Đại hội và cả sử dụng lâu dài.

Những nội dung chi phí khác tuy cũng trực tiếp phục vụ Đại hội, đồng thời còn được sử dụng lâu dài, như in văn kiện sau Đại hội, mua sắm, trang bị tài sản (máy móc thiết bị, xe ô tô; sửa chữa, cải tạo hội trường, nhà khách, đúc tượng Bác Hồ...), tùy theo thời điểm thực hiện, ngân sách nhà nước bố trí bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2010, hoặc tính vào dự toán chi thường xuyên năm 2011 của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức, phục vụ Đại hội để thực hiện.

2. Nhất trí với các đề án do Ban Tuyên giáo Trung ương trình về kế hoạch tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, hướng dẫn việc công bố và lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cán bộ, đảng viên và nhân dân vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI của Đảng và việc xây dựng Trang tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam - Đại hội XI. Yêu cầu các hoạt động tuyên truyền về đại hội đảng các cấp và việc lấy ý kiến góp ý của các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả, chống phô trương, hình thức, nội dung công tác tuyên truyền trước, trong và sau Đại hội cần bố trí cho phù hợp. Trang tin

điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam Đại hội XI chỉ sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh.

Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan của Đảng, Nhà nước ở Trung ương và các địa phương làm tốt công tác tuyên truyền về đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng; quan tâm chỉ đạo đối với các địa bàn, địa phương trọng yếu và chống các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch.

Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XI, Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan có liên quan tích cực, khẩn trương triển khai thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 355-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010

Về việc xây dựng tượng bán thân
đồng chí Phạm Văn Bạch

Trong phiên họp ngày 23-6-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao báo cáo về việc xin xây dựng tượng bán thân và đặt tên con đường tại Thành phố Hà Nội mang tên đồng chí Phạm Văn Bạch, nguyên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Công văn số 111-CV/BCS, ngày 29-4-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Không đặt tượng bán thân đồng chí Phạm Văn Bạch tại Phòng khánh tiết của Tòa án nhân dân tối cao; Phòng khánh tiết trong trụ sở các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chỉ đặt tượng bán thân Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu việc treo ảnh chân dung (và có thể đặt tượng bán thân) các đồng chí Chánh án Tòa án nhân dân tối cao các thời kỳ trong Phòng truyền thống, Tòa án nhân dân tối cao.

2. Đồng ý đặt tên một con đường tại Thành phố Hà Nội mang tên đồng chí Phạm Văn Bạch, nguyên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội thực hiện việc đặt tên đường theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 356-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010

**Về việc nâng cấp, tu bổ Khu di tích lịch sử
căn cứ Trung ương Cục miền Nam**

Trong phiên họp ngày 23-6-2010, sau khi nghe đại diện Tỉnh ủy Tây Ninh báo cáo về việc nâng cấp, tu bổ Khu di tích lịch sử căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Tây Ninh (Công văn số 906-CV/TU, ngày 13-4-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý xây dựng nâng cấp tuyến đường nối từ quốc lộ 22B vào Khu di tích lịch sử căn cứ Trung ương Cục miền Nam. Tỉnh ủy Tây Ninh chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo lập dự án xây dựng con đường này, trình Chính phủ phê duyệt theo quy định.

2. Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Tỉnh ủy Tây Ninh tiến hành rà soát quy hoạch; xem xét, đánh giá các di tích đã được xây dựng trong Khu di tích lịch sử căn cứ Trung ương Cục miền Nam, xây

dựng đề án về những nội dung cần sửa chữa, tu bổ, nâng cấp, trình Chính phủ phê duyệt.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 357-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010

Về việc đúc và đặt tượng Chủ tịch Tôn Đức Thắng

Trong phiên họp ngày 23-6-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam báo cáo về việc đúc và đặt tượng đồng Chủ tịch Tôn Đức Thắng trước tiền sảnh Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 514/TLĐ, ngày 6-4-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý việc đúc và đặt tượng đồng Chủ tịch Tôn Đức Thắng trước tiền sảnh Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là việc làm thể hiện sự tri ân đối với công lao to lớn của Chủ tịch Tôn Đức Thắng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc; giúp cho cán bộ, giáo viên, sinh viên của Trường Đại học Tôn Đức Thắng tự hào, noi theo tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, hết lòng, hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân của Bác Tôn.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp thu ý kiến các cơ quan, chủ động phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai việc đúc và đặt tượng Chủ tịch Tôn Đức Thắng

theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo công trình an toàn, có chất lượng kỹ thuật và nghệ thuật cao.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 358-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010

**Về việc xây dựng tượng đài
chiến thắng Gianxơn Xity**

Trong phiên họp ngày 23-6-2010, sau khi nghe đại diện Tỉnh ủy Tây Ninh báo cáo về việc xây dựng tượng đài chiến thắng Gianxơn Xity tại ngã tư Đồng Pan, Tân Châu, Tây Ninh (Công văn số 905-CV/TU, ngày 13-4-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý xây dựng tượng đài chiến thắng Gianxơn Xity tại ngã tư Đồng Pan, Tân Châu, Tây Ninh nhằm giáo dục truyền thống cho thế hệ hôm nay và mai sau về một chiến thắng tiêu biểu của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần phong phú cho nhân dân địa phương.

2. Tỉnh ủy Tây Ninh chỉ đạo việc lập đề án xây dựng tượng đài, gắn với quy hoạch tổng thể ngã tư Đồng Pan, thị trấn Tân Châu, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức sáng tác mẫu và thi công theo đúng các quy định về Luật xây dựng của Nhà nước và Quy chế xây dựng tượng đài

hiện hành; đảm bảo công trình an toàn với chất lượng kỹ thuật và mỹ thuật cao.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng hướng dẫn, hỗ trợ tỉnh Tây Ninh trong quá trình xây dựng tượng đài. Kinh phí xây dựng tượng đài, ngoài nguồn của Nhà nước cấp, cần huy động từ các nguồn xã hội khác.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 359-TB/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2010
Về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm
Ngày sinh Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ
(10-7-1910 - 10-7-2010)

Sau khi xem xét đề nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh cố Luật sư, Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ (Đề án số 01/ĐA-MTTQ-BTT, ngày 24-6-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Đồng ý tổ chức Lễ kỷ niệm cấp Nhà nước kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ như nội dung Đề án của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình Bộ Chính trị. Việc tổ chức kỷ niệm nhằm khẳng định công lao, những đóng góp to lớn của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, một trí thức lớn của đất nước, từng giữ nhiều chức vụ cao nhất của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc. Bộ Chính trị phân công đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội đọc diễn văn kỷ niệm.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo tổ chức Lễ kỷ niệm trang trọng, ý nghĩa, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

Kính phí tổ chức Lễ kỷ niệm từ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009 - 2010.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 314-QĐ/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2010

**Về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn
các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan,
các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy
trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng
và các tỉnh ủy, thành ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quy chế làm việc số 09-QC/TW, ngày 4-8-2006 của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;

Ban Bí thư quy định về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy, như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Quy định này là

quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là Ban Bí thư Trung ương Đoàn) với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với công tác vận động quần chúng.

2. Việc phối hợp công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể với Đảng đoàn Quốc hội; giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, giữa các đảng đoàn, ban cán sự đảng các tổ chức, đơn vị khác đã có quy định thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc quan hệ công tác

1. Quan hệ công tác phải phù hợp với Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị và các quy định, hướng dẫn của Đảng; Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Điều lệ và chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Quá trình phối hợp công tác thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho nhau. Những văn bản, tài liệu, ý kiến trao đổi về chủ trương công tác giữa các cơ quan, tổ chức được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

**MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ĐOÀN
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VỚI
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM,
TẬP THỂ LÃNH ĐẠO VÀ ĐẢNG ỦY CƠ QUAN;
ĐẢNG ĐOÀN CÁC ĐOÀN THỂ VỚI BAN CHẤP HÀNH
CÁC ĐOÀN THỂ, TẬP THỂ LÃNH ĐẠO
VÀ ĐẢNG ỦY CƠ QUAN**

Điều 3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ban chấp hành các đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên để không ngừng nâng cao ảnh hưởng và uy tín của Đảng và Nhà nước trong nhân dân, góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân, tăng cường sự đồng thuận xã hội.

2. Lãnh đạo xây dựng, quyết nghị và tổ chức thực hiện các đề án về kiện toàn tổ chức, bộ máy; thực hiện các chế độ, chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý. Phối hợp tổ chức thực hiện tốt các vấn đề về công tác tổ chức và cán bộ đối với các đối tượng thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính

phủ có những chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và động viên các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Điều 4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị:

1. Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng; bồi dưỡng, giáo dục, tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và các cấp ủy đảng trong cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị chung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể.

2. Lãnh đạo cán bộ, công chức, đảng viên và quần chúng trong cơ quan phát huy tính năng động, sáng tạo; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, cải tiến lề lối, tác phong làm việc; thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu; phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan trong xây dựng tổ chức bộ máy và công tác cán bộ:

1. Lãnh đạo xây dựng cơ quan, tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể trong cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

2. Lãnh đạo công tác tổ chức và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức cơ quan theo quy định của Đảng và Nhà nước: kiện

toàn tổ chức bộ máy, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và yêu cầu, nhiệm vụ chính trị.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ĐOÀN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, ĐẢNG ĐOÀN CÁC ĐOÀN THỂ VỚI CÁC ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ về chủ trương, biện pháp tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo việc ký kết các nghị quyết, chương trình, kế hoạch liên tịch giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể với chính quyền, các ngành, các lĩnh vực liên quan đến công tác vận động quần chúng.

3. Kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng chương trình hành động để triển khai thực hiện và sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác vận động quần chúng; về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; về tư vấn, giám sát và

phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và nhân dân.

4. Xây dựng tổ chức, bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng cán bộ làm công tác đoàn thể theo phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương.

5. Bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện, điều kiện làm việc cho các tổ chức quần chúng của đơn vị hoạt động theo quy định của Nhà nước, điều lệ và hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể.

Điều 7. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tham gia với Đảng đoàn Quốc hội trong quá trình chuẩn bị, xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh, các chính sách có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân; các quy định liên quan tới việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể.

2. Giới thiệu nhân sự của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ứng cử làm đại biểu Quốc hội khi có cơ cấu tham gia.

3. Tuyên truyền pháp luật trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, động viên nhân dân thực hiện tốt nghị quyết của Quốc hội.

4. Tập hợp, phản ánh những tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất chính đáng của nhân dân với Quốc hội về tình hình của đất nước và những văn bản pháp luật do Quốc hội ban hành.

Điều 8. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tham gia ý kiến với Ban Cán sự đảng Chính phủ về xây dựng, bổ sung, sửa đổi những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, các tầng lớp xã hội.

2. Triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động toàn dân do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và các cơ quan thuộc Chính phủ phát động.

Điều 9. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống cách mạng, quê hương đất nước, về pháp luật và lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam, góp phần vận động, tập hợp ngày càng đông đảo các tầng lớp thanh niên, thiếu niên vào sinh hoạt, hoạt động trong các tổ chức của Đoàn, Hội và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Xây dựng tổ chức Đoàn, Hội, Đội vững mạnh.

3. Tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xã hội do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phát động.

Điều 10. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương:

1. Xây dựng tổ chức đảng, các đoàn thể, quản lý cán bộ,

dảng viên và xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh.

2. Động viên cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể phát động.

Điều 11. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương:

1. Động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Triển khai thực hiện các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng trong lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Điều 12. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp:

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và giám sát việc thực hiện pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân.

2. Đấu tranh phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo vệ trật tự, kỷ cương, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có phẩm chất, năng lực và đạo đức nghề nghiệp, liêm chính, chí công, vô tư.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ĐOÀN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, ĐẢNG ĐOÀN CÁC ĐOÀN THỂ VỚI CÁC BAN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Điều 13. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chủ động phối hợp với các ban Trung ương Đảng trong các mặt công tác:

1. Tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành các nghị quyết, chủ trương, chính sách và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác vận động, tập hợp quần chúng, công tác dân tộc, tôn giáo và công tác đối ngoại nhân dân.

2. Hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể. Tham gia công tác kiểm tra, giám sát do các ban Trung ương Đảng chủ trì liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể.

3. Phối hợp để các ban đảng Trung ương thẩm định các chương trình, kế hoạch, tờ trình, đề án của Mặt trận, các đoàn thể liên quan đến công tác vận động quần chúng trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Điều 14. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với các ban Trung ương Đảng trong xây dựng tổ chức và công tác cán bộ:

1. Chủ động đề xuất với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương về tổ chức bộ máy và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương.

2. Chỉ đạo quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể theo nhiệm kỳ.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể khi lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, nếu phát hiện tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm, có đơn, thư tố cáo, hoặc các vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng thì thông báo bằng văn bản và gửi các tài liệu liên quan (nếu có) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Chương V

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ĐOÀN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, ĐẢNG ĐOÀN CÁC ĐOÀN THỂ VỚI CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY

Điều 15. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chủ trương công tác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Trung ương về công tác vận động quần chúng.

2. Nắm tình hình nhân dân; tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các đối tượng quần chúng để tổng hợp, nghiên cứu và đề xuất với Đảng, Nhà nước có những chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời.

Điều 16. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy trong xây dựng tổ chức và công tác cán bộ.

1. Đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và thực hiện chính sách đối với cán bộ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở tỉnh, thành phố theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương; trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì cấp ủy cùng cấp quyết định.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể theo nhiệm kỳ; xây dựng cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan các đoàn thể ở địa phương trong sạch, vững mạnh.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 18. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng,

các ban Trung ương Đảng theo dõi, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy định này.

Điều 19. Quy định này được phổ biến đến các cấp ủy đảng và có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 360-TB/TW, ngày 2 tháng 7 năm 2010

**Về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả
giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng,
lối sống văn hóa cho thanh niên trên
các phương tiện thông tin đại chúng**

Tại phiên họp ngày 4-5-2010, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo Đề án "Giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng", ý kiến của các cơ quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên là nhiệm vụ thường xuyên và có ý nghĩa chiến lược đối với sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước; là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị.

Ngày nay, thông tin đại chúng phát triển mạnh mẽ và có vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội; tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, thị hiếu, đến việc hình thành nhân cách và lối sống của thanh niên. Do đó, nâng

cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa hết sức quan trọng.

2. Trong những năm qua, các cơ quan thông tin đại chúng nước ta đã có nhiều nỗ lực trong giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên. Nội dung, hình thức giáo dục ngày càng đa dạng, phong phú, sáng tạo, sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn hơn, có tác động và ảnh hưởng lớn đến thanh niên.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cơ bản, việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống cho thế hệ trẻ trên các phương tiện thông tin đại chúng còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Một số cơ quan thông tin đại chúng chưa nhận thức đúng ý nghĩa, tầm quan trọng và chưa có sự quan tâm thường xuyên, đúng mức đến nhiệm vụ này. Nội dung tuyên truyền giáo dục trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng thiếu toàn diện, không sát với thực tiễn, phương thức thể hiện còn xơ cứng, chưa phù hợp, chưa có sức thuyết phục, thiếu sức hấp dẫn, lôi cuốn đối với thanh niên. Tình trạng "thương mại hóa", cổ vũ lối sống hưởng thụ, đua đòi, tiêu dùng quá mức, bất chước nước ngoài... ở một số phương tiện thông tin đã và đang tác động xấu đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của thanh niên.

3. Giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng hiện nay cần tập trung vào các nội dung sau:

- Tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước, lý tưởng "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội"; mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, yêu lao động, hiếu học, tự hào, tự tôn dân tộc. Ý thức trách nhiệm trước bản thân, gia đình, quê hương; quyết tâm vượt qua đói nghèo, góp sức trẻ đưa đất nước tiến lên trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hăng hái học tập, nghiên cứu, tiếp thu khoa học, kỹ thuật, công nghệ để trở thành lớp người lao động trẻ, có kỹ thuật, kỷ luật và sáng tạo. Có ý thức tập thể cao, vì lợi ích chung của dân tộc. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; lối sống văn minh, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, có trách nhiệm với cộng đồng. Phê phán lối sống thực dụng, buông thả, ích kỷ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

4. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng, cần thực hiện tốt các công việc sau:

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan chủ quản, cơ quan thông tin đại chúng xây dựng và ban hành quy chế phối hợp trong lĩnh vực công tác này; tăng cường phổ biến, quán triệt tạo nên sự thống nhất cao về nhận thức trong cán bộ, đảng viên, phóng viên, biên tập viên các chương trình, chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục... liên quan đến thanh niên của các cơ quan thông tin để nâng cao trách nhiệm trong triển khai thực hiện.

- Lãnh đạo các cơ quan chủ quản và cơ quan thông tin đại chúng cần quan tâm đổi mới, cải tiến nội dung, hình thức các chương trình tuyên truyền giáo dục, tạo thêm sự hấp dẫn và sức lôi cuốn thanh niên, tạo điều kiện để thanh niên trở thành chủ thể, cùng tham gia các chương trình, các chuyên đề, chuyên mục... trên thông tin đại chúng.

- Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường định hướng, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra nội dung các chương trình, chuyên trang, chuyên mục về văn hóa, văn nghệ, giải trí... Tạo điều kiện để Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh định kỳ gặp gỡ báo chí, phối hợp thực hiện nhiệm vụ giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh căn cứ nhiệm vụ công tác thanh niên trong từng thời kỳ, nhu cầu, đặc điểm thị hiếu của thanh niên, xác định nội dung, đề xuất và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong tuyên truyền, giáo dục thanh niên. Quan tâm hướng dẫn tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xây dựng điển hình những gương tốt, việc tốt trong cuộc sống để tuyên truyền trên thông tin đại chúng để nhân rộng, tạo sự lan tỏa rộng khắp trong thanh niên.

- Các cơ quan chủ quản quan tâm đầu tư xây dựng các cơ quan thông tin đại chúng vững mạnh, từng bước hiện đại, trong đó coi các chương trình giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng là chương trình mục tiêu được ưu tiên.

Căn cứ Kết luận của Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn triển khai và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện; định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 45-CT/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2010

**Về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức
các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng,
đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước
và các hình thức khen thưởng cao**

Trong những năm qua, việc tổ chức các ngày kỷ niệm, trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao được các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương thực hiện trang trọng, nghiêm túc, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống vẻ vang của dân tộc, của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; ghi nhớ, tôn vinh công lao của các anh hùng, liệt sĩ, các bậc tiền nhân có công với nước, thể hiện tình cảm và đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam; góp phần cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, việc tổ chức các ngày kỷ niệm, trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị thiếu thống

nhất, chưa khoa học, còn hình thức, phô trương và lãng phí. Công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng chưa đạt hiệu quả cao; chưa thật quan tâm chăm lo nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Thời gian, tần suất tổ chức lễ kỷ niệm quá dày. Một số hoạt động kỷ niệm chưa phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, làm giảm tầm vóc, ý nghĩa lịch sử của sự kiện.

Trước tình hình nêu trên, Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Về tổ chức các ngày kỷ niệm: Các ngày kỷ niệm trong nước gồm: Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930), Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10-3 âm lịch), Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975), Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954), Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890), Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-1945); ngày sinh, ngày mất của lãnh tụ, danh nhân; ngày thành lập, ngày truyền thống các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị, quận, huyện trực thuộc sự quản lý trực tiếp của các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, đơn vị lực lượng vũ trang, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Một số ngày kỷ niệm khác như: Ngày Xôviết Nghệ - Tĩnh (12-9-1930), Ngày Nam Kỳ khởi nghĩa (23-11-1940), Ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), Ngày Giải phóng Thủ đô (10-10-1954), Ngày chiến thắng B52 (18-12-1972), Ngày ký Hiệp định Giơnevơ về hòa bình ở Việt Nam, Đông Dương (20-7-1954), Ngày ký Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973), Ngày Việt Nam gia nhập các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, ASEAN, WTO...), Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước.

Các ngày kỷ niệm quốc tế gồm: Ngày sinh C. Mác (5-5-1818), Ngày sinh Ph. Ăngghen (28-11-1820), Ngày sinh V.I. Lênin (22-4-1870), Ngày Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11-1917), Ngày Quốc tế lao động, Ngày Quốc tế phụ nữ, Ngày Quốc tế thiếu nhi, Ngày Quốc tế người cao tuổi, Ngày biển quốc tế, Ngày môi trường thế giới...

Giảm tần suất, quy mô, cấp độ tổ chức các ngày lễ kỷ niệm. Đối với các ngày kỷ niệm: Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930); Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10-3 âm lịch); Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975); Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954); Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890); Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-1945): Tổ chức lễ kỷ niệm cấp quốc gia 10 năm/lần (năm chẵn) ở cả cấp Trung ương và cấp địa phương có liên quan đến sự kiện. Không tổ chức diễu binh, diễu hành, duyệt binh trong các lễ kỷ niệm (khi cần thiết, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định). Kỷ niệm Ngày thành lập Đảng, Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 tổ chức tại Hà Nội. Kỷ niệm năm chẵn các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm khác tổ chức ở địa phương, bộ, ban, ngành gắn với sự kiện đó.

Kỷ niệm ngày sinh, ngày mất của lãnh tụ, danh nhân, nhân vật lịch sử, các đồng chí lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng, Nhà nước: Thời gian tổ chức kỷ niệm lần đầu là khi tròn 100 năm, các lần tiếp theo là 10 năm/lần, giao địa phương, nơi sinh của lãnh tụ, danh nhân... tổ chức.

Kỷ niệm năm chẵn: Ngày sinh C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Ngày Cách mạng Tháng Mười Nga, Học viện

Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hội thảo khoa học, tổ chức lễ kỷ niệm. Năm chẵn ngày kỷ niệm quốc tế khác, các ban, bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội liên quan tổ chức kỷ niệm.

Hàng năm, vào dịp các ngày kỷ niệm (năm tròn, năm lẻ), tuy không tổ chức lễ mít tinh kỷ niệm nhưng phải tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền về các sự kiện đó trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hoạt động tuyên truyền ở địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan đến sự kiện kỷ niệm.

2. Không tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao riêng mà kết hợp tổ chức cùng với các lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; không tổ chức diễu hành hoặc tổ chức đón rước khi nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, các hình thức khen thưởng cao; không tặng quà và chiêu đãi; giảm bớt việc huy động quần chúng tham gia, khách mời dự lễ kỷ niệm; việc mời khách nước ngoài tham dự các hoạt động kỷ niệm phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Việc xây dựng, tôn tạo các công trình: tượng đài, nhà bảo tàng, nhà lưu niệm nhân dịp kỷ niệm sự kiện lịch sử thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

3. Việc tổ chức các ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao phải đảm bảo an toàn, trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức, gây lãng phí, tốn kém; phải gắn kết với thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, các phong trào thi đua yêu nước; công

tác nghiên cứu lịch sử và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ; chăm lo nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân, nhất là ở những nơi diễn ra sự kiện lịch sử; tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc xem xét, sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh có liên quan đến chủ trương này.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng, ban hành Nghị định quy định tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, các hình thức khen thưởng cao, nghi lễ Nhà nước và đón tiếp khách nước ngoài.

- Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các ban, bộ, ngành liên quan rà soát, bổ sung các văn bản quy định về lĩnh vực này theo yêu cầu và nội dung nêu trên.

- Ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc triển khai thực hiện Chỉ thị; vận động các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, tích cực tham gia hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc bằng những hành động thiết thực, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho đồng bào nghèo, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương, đơn vị.

- Các cơ quan thông tin đại chúng, văn hóa, nghệ thuật có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục, quảng bá về các ngày kỷ niệm, biểu dương, cổ vũ các nhân

tố mới, điển hình tiên tiến được khen thưởng cao trên các lĩnh vực và những địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực này.

- Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Chỉ thị; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Chính trị việc thi hành Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 77-KL/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2010

**Về chủ trương bố trí, sắp xếp đối với cán bộ
được phân công, điều động, luân chuyển
về các địa phương công tác trong
nhiệm kỳ 2005 - 2010**

Tại phiên họp ngày 19-7-2010, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Tờ trình về chủ trương bố trí, sắp xếp đối với cán bộ được phân công, điều động, luân chuyển về các địa phương công tác trong nhiệm kỳ 2005 - 2010 (số 421-TTr/BTCTW, ngày 16-7-2010), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

Đồng ý với những nguyên tắc bố trí, sắp xếp và đề xuất việc bố trí, sắp xếp như Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương, trong đó có việc thông báo không tham gia cấp ủy địa phương nhiệm kỳ 2010 - 2015 để rút về Trung ương đối với các đồng chí: PGS.TS. Vũ Văn Phúc, nguyên Phó trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, luân chuyển làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên; Trương Quang Nghĩa, nguyên Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vinaconex, luân chuyển làm Phó Bí thư Thành ủy

Đà Nẵng; Hồ Mậu Ngoạt, nguyên Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, luân chuyển làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa; Nguyễn Ngọc Lâm, nguyên Vụ trưởng, Ban Tổ chức Trung ương, luân chuyển làm Phó Bí thư Thành ủy Hải Phòng; Doãn Mậu Diệp, nguyên Viện trưởng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, luân chuyển làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Hòa Bình.

Đối với các đồng chí khác, giao Ban Tổ chức Trung ương căn cứ các nguyên tắc đã xác định, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện việc bố trí, sắp xếp công tác cho phù hợp với năng lực, sở trường và thời điểm điều động cán bộ; trường hợp cần thiết thì báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO **Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 363-TB/TW, ngày 23 tháng 7 năm 2010

Về Đại hội IV Hội Khuyến học Việt Nam

Tại phiên họp ngày 20-7-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Hội Khuyến học Việt Nam trình bày Tờ trình về "Tổ chức Đại hội lần thứ IV Hội Khuyến học Việt Nam" (số 157-TTr/KHVN, ngày 30-6-2010), Văn phòng Trung ương Đảng trình bày bản tổng hợp ý kiến các ban đảng Trung ương về dự thảo các văn kiện và công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội IV Hội Khuyến học Việt Nam, ý kiến của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ căn cứ ý kiến góp ý của các cơ quan vào dự thảo các văn kiện và công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội, chỉ đạo Hội Khuyến học Việt Nam tiếp thu, hoàn chỉnh các văn kiện và công tác nhân sự chuẩn bị Đại hội IV Hội Khuyến học Việt Nam, báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư về những vấn đề giữa các cơ quan và Hội Khuyến học Việt Nam còn có ý kiến khác nhau.

- Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban và Hội Khuyến học Việt Nam chuẩn bị nhân sự Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam nhiệm kỳ tới, báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN

CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 78-KL/TW, ngày 26 tháng 7 năm 2010

**Về Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện
Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9 (khóa IX)
và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về tiếp tục
sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả
doanh nghiệp nhà nước và về Đề án tiếp tục
củng cố, phát huy vai trò của Tổng Công ty
Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước**

Tại phiên họp ngày 18-6-2010, sau khi nghe đoàn kiểm tra Trung ương (theo Quyết định số 226-QĐ/TW, ngày 25-5-2009 của Bộ Chính trị) báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính báo cáo Đề án "Tiếp tục củng cố, phát huy vai trò của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước", ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng và của một số bộ, ngành, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

a) Bộ Chính trị cơ bản tán thành với những đánh giá, nhận định của đoàn kiểm tra về kết quả kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương đã nghiêm túc tổ chức quán triệt sâu rộng và có chương trình cụ thể triển khai các Nghị quyết Trung ương và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp đã có nhiều giải pháp tích cực, đồng bộ, chỉ đạo kiên quyết, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Qua đó, nhận thức của các cấp ủy đảng và chính quyền về vị trí, vai trò và sự cần thiết sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn mới đã được nâng lên rõ rệt, tạo được sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, người lao động trong doanh nghiệp và toàn xã hội. Doanh nghiệp nhà nước giảm về số lượng, nhưng trong nhiều ngành, lĩnh vực quan trọng thì mạnh lên, quy mô vốn tăng, cơ bản thực hiện được vai trò là lực lượng nòng cốt, có vị trí then chốt, làm công cụ vật chất để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, đẩy nhanh tăng trưởng

kinh tế và tạo nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, một số nơi nhận thức chưa thật đầy đủ về yêu cầu khách quan cần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; một số cơ chế, chính sách chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời phù hợp với điều kiện mới; hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp; có doanh nghiệp tỷ lệ nợ trên vốn rất cao, không an toàn; đầu tư còn dàn trải, việc phát triển một số ngành nghề mới không liên quan đến ngành nghề chính của doanh nghiệp, dẫn đến phân tán nguồn vốn vốn đã ít và chưa dừng thêm nhiều rủi ro trong kinh doanh; trình độ công nghệ, năng suất lao động của khá nhiều doanh nghiệp còn thấp; việc đổi mới tổ chức quản lý trong doanh nghiệp nhà nước còn chậm; sức cạnh tranh còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và chưa tương xứng với đầu tư của Nhà nước. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn nhiều tồn tại, phân tán, tình trạng có quá nhiều chủ sở hữu trong một tập đoàn (từ Thủ tướng đến bộ trưởng, hội đồng quản trị đều là đại diện chủ sở hữu), dẫn đến trách nhiệm không rõ ràng, cần được sớm khắc phục. Việc thực hiện chức năng quản lý và giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp có nơi, có lúc bị buông lỏng, vi phạm nghiêm trọng các quy định nhà nước về quản lý vốn đầu tư, làm thất thoát tài sản nhà nước nhưng chậm được phát hiện, xử lý, ngăn chặn, đặc biệt trong quản lý và giám sát việc mở rộng ngành nghề kinh doanh và việc sử dụng vốn đầu tư, hiệu quả đầu tư. Công tác cán bộ chưa được quan tâm đúng mức, việc thực

hiện quy trình bổ nhiệm, luân chuyển chưa đảm bảo đầy đủ quy trình thủ tục.

b) Những kết quả đạt được đã khẳng định quan điểm, chủ trương của Đảng về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, quan điểm về kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn đúng đắn. Trong thời gian tới, các cấp ủy đảng, chính quyền cần tiếp tục triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương và sự chỉ đạo của Chính phủ để nâng cao hiệu quả và vai trò của doanh nghiệp nhà nước, trong đó tập trung vào một số việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc các nội dung của Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9 (khóa IX), Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các kết luận của Bộ Chính trị, tạo sự nhất trí cao trong toàn hệ thống chính trị và trong xã hội về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển và các giải pháp nhằm đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả và vị trí của doanh nghiệp nhà nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong giai đoạn sắp tới.

- Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đầy đủ và đồng bộ, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động, đồng thời tạo sự cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác; tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và đổi mới hoạt động của bản thân doanh nghiệp nhà nước.

- Đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; sớm hoàn thành việc đánh

giá lại giá trị vốn, tài sản nhà nước tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và việc xử lý nợ trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, có biện pháp làm lành mạnh tình hình tài chính doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo hướng doanh nghiệp nhà nước chỉ tập trung vào những ngành, lĩnh vực quan trọng, then chốt mà Nhà nước cần nắm giữ, chi phối. Kiên quyết sắp xếp các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hoạt động không hiệu quả, làm ăn thua lỗ kéo dài, không có khả năng khôi phục; chấn chỉnh tình trạng tập đoàn, tổng công ty mở quá rộng ngành nghề mới nhưng không liên quan đến ngành nghề chính, không góp phần làm cho ngành nghề chính lớn mạnh mà còn làm cho nguồn lực tập đoàn, tổng công ty bị phân tán, mang nhiều rủi ro trong kinh doanh. Tổ chức, sắp xếp các tổng công ty nhà nước theo ngành, lĩnh vực trọng yếu để thành lập các tổng công ty nhà nước đủ mạnh và tiếp tục thí điểm các tập đoàn đang có để các đơn vị này thực sự là công cụ của Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực và thế giới. Việc sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải trên cơ sở cơ chế thị trường. Có cơ chế tạo điều kiện cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phối hợp với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong nước nâng cao năng lực, sức cạnh tranh trong thực hiện các dự án đầu tư lớn trong và ngoài nước.

- Chăm lo việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giỏi ở các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Có cơ chế đãi ngộ, thu hút những người quản lý giỏi tham gia điều hành doanh nghiệp; mở rộng các hình thức hợp đồng thuê các cán bộ quản lý giỏi

đã nghỉ hưu; nghiên cứu chế độ kéo dài tuổi nghỉ hưu đối với một số cán bộ quản lý giỏi ở một số ít lĩnh vực quan trọng.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước. Kịp thời phát hiện những vấn đề nảy sinh để xử lý có hiệu quả. Hằng năm, sơ kết, đánh giá việc thực hiện, trong đó chú trọng làm rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng quản lý và giám sát vốn và tài sản nhà nước, trách nhiệm của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, của từng doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là của cá nhân người đứng đầu các cơ quan này, có biện pháp xử lý sai phạm theo quy định của pháp luật.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì đánh giá hoạt động của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương và các đảng ủy trực thuộc, các tổ chức đảng trong doanh nghiệp, trên cơ sở đó xây dựng và kiến nghị việc hoàn thiện mô hình tổ chức đảng, đoàn thể trong các tập đoàn, tổng công ty lớn hoạt động trên phạm vi cả nước, nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng đối với doanh nghiệp, các đoàn thể trong doanh nghiệp và tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Về hoàn thiện mô hình Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

- Thực hiện các nghị quyết của Đảng, từ năm 2005 đến nay, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đã được thành lập, đi vào hoạt động, đạt được một số kết quả ban đầu, tạo ra sự chuyển đổi từ cơ chế cấp vốn cho doanh nghiệp sang cơ chế đầu tư vốn; từng bước thực hiện một

phần quyền đại diện chủ sở hữu của Nhà nước; góp phần tăng cường năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và góp phần thúc đẩy quá trình cổ phần hóa và tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước theo hướng tập trung hơn vào những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Những kết quả sau gần 4 năm hoạt động Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đã tiếp tục khẳng định đây là một chủ trương đúng đắn của Đảng trong quá trình đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, quá trình hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước cũng còn có những hạn chế, cần phải khắc phục, nhất là những hạn chế về định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp, cơ chế quản lý doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, về việc phân định rõ ràng chức năng quản lý nhà nước và giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp với chức năng đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, về vấn đề sử dụng vốn nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để đầu tư vào những lĩnh vực thật sự cần thiết...

- Trong thời gian tới, cần tập trung củng cố hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để làm tốt chức năng đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; thực sự là công cụ, một kênh truyền vốn để Nhà nước chủ động trong việc thúc đẩy quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và đầu tư theo hướng tập trung hơn vào các ngành, lĩnh vực thật sự then chốt, trọng yếu của nền kinh tế; đồng thời góp phần quản lý vốn và tài sản nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước hoạt động hiệu quả trên cơ sở làm rõ địa vị pháp lý, hướng hoạt động. Nghiên cứu để sớm chỉ định một cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Củng cố, đổi mới tổ chức bộ máy của Tổng Công ty, có cơ chế, chính sách huy động các chuyên gia giỏi; thay đổi cơ cấu Hội đồng Quản trị theo hướng giảm các thành viên kiêm nhiệm, bổ sung thêm thành viên là các nhà kinh doanh chuyên nghiệp; cho phép thuê một số chuyên gia đầu tư tài chính tham gia điều hành công ty. Trước mắt, ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu sắc hơn và nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và chính quyền trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng và các kết luận của Bộ Chính trị về mô hình Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước nhằm tạo ra sự nhất trí cao trong hệ thống chính trị và trong xã hội.

Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện Kết luận này với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 46-CT/TW, ngày 27 tháng 7 năm 2010

Về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội

Những năm gần đây, ở nước ta, văn hóa có bước phát triển về nhiều mặt, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tinh thần lành mạnh, đa dạng của nhân dân, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được chú trọng bảo tồn và phát huy, các giá trị mới đang hình thành và phát triển. Hợp tác văn hóa với nước ngoài ngày càng mở rộng, nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị của thế giới được tiếp thu, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa của nhân dân ta.

Tuy vậy, thời gian qua, nhiều sản phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài đã xâm nhập vào nước ta bằng nhiều con đường, tác động rất xấu đến tư tưởng, đạo đức, lối sống, tâm lý, hành vi của một bộ phận nhân dân, nhất là thanh thiếu niên; làm hủy hoại, xói mòn nền tảng và những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Lối sống thực dụng, vụ lợi, vị kỷ, thích hưởng lạc, sa đọa; cái xấu, cái ác, phi nhân tính có dấu hiệu tăng

lên rõ rệt. Môi trường đạo đức và văn hóa lành mạnh bị đe dọa nghiêm trọng, có nguy cơ dẫn tới khủng hoảng tinh thần, mất phương hướng lựa chọn các giá trị, lối sống và niềm tin của một bộ phận công chúng. Tình trạng đó đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến trật tự, an toàn, an ninh xã hội, dẫn tới khuynh hướng tự diễn biến về chính trị, tư tưởng, tác hại lâu dài đến các thế hệ mai sau.

Thực trạng trên có nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan, song trước hết là do một số tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp... chưa nhận thấy rõ tác hại nghiêm trọng, nguy hiểm gây hủy hoại đạo đức xã hội của các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập từ bên ngoài vào nước ta; đồng thời do sự yếu kém, lúng túng, bị động, buông lỏng trong quản lý xã hội, quản lý văn hóa; sự bất cập của cơ chế quản lý trước những đặc điểm mới của quá trình hội nhập quốc tế.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, xây dựng nhân cách, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, bảo vệ và phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, tạo môi trường xã hội lành mạnh, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp tăng cường lãnh đạo, quản lý, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội, nhằm:

- Tạo phong trào quần chúng sâu rộng, ngăn chặn, đẩy lùi sự xâm nhập và tác động tiêu cực của các sản phẩm văn

hóa độc hại từ bên ngoài xâm nhập vào nước ta. Xây dựng, nâng cao ý thức cảnh giác, năng lực nhận biết, bài trừ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước sự xâm nhập, tác động của các sản phẩm văn hóa độc hại.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý xã hội, quản lý văn hóa của các cơ quan đảng, nhà nước, sự tham gia chủ động, tích cực, thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp để ngăn chặn, chống lại sự xâm nhập và tác động tiêu cực của các sản phẩm văn hóa độc hại.

- Tạo môi trường sống tốt đẹp, trong sạch, đa dạng; sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, đồng thời tiếp nhận có chọn lọc các giá trị văn hóa của thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa phong phú của nhân dân.

Để thực hiện các mục tiêu trên, cần làm tốt các việc sau:

1. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở các cấp phải thực sự quan tâm, có kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống phù hợp với từng đối tượng trong xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ, nâng cao năng lực và trình độ nhận biết, đánh giá để bài trừ, tẩy chay các sản phẩm văn hóa độc hại. Tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị, từ Trung ương đến cơ sở, cần xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, nền nếp các quy định cụ thể về ngăn chặn, phê phán, bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào cơ quan, đơn vị và từng cá nhân.

2. Vận động các tầng lớp nhân dân chấp hành đầy đủ, nghiêm túc pháp luật, các quy định về bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, mặt trận, đoàn thể đấu tranh chống sản phẩm văn hóa độc

hại đồng bộ, toàn diện, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm, nhất là ở khu vực đô thị, cửa khẩu, vùng biên giới.

Tập trung thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nâng cao ý thức tự giác của các thành viên trong gia đình tẩy chay, loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, bảo vệ các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Ngành giáo dục và Đoàn Thanh niên cần đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, ứng xử văn hóa và kỹ năng sống cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên; bằng nhiều biện pháp kiên quyết bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào nhà trường và thế hệ trẻ.

3. Khẩn trương rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, đồng thời xây dựng mới các chính sách, cơ chế, chế tài xử lý đáp ứng đòi hỏi của công tác quản lý xã hội, quản lý văn hóa trong tình hình mới nhằm ngăn chặn, bài trừ có hiệu quả sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại; đặc biệt chú trọng quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, công bố, giới thiệu, truyền bá các sản phẩm văn hóa từ nước ngoài trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại các cơ sở dịch vụ văn hóa.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa, đặc biệt ở khâu thẩm định, thanh tra, kiểm tra văn hóa.

4. Xây dựng các quy chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thường xuyên giữa các ngành văn hóa, thông tin, giáo dục, hải quan, công an, quản lý thị trường... trong việc kiểm soát, ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào nước ta. Đồng thời, cần có các giải pháp kỹ thuật để ngăn chặn sự

xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại qua mạng internet, các thiết bị kỹ thuật số, điện thoại di động...

5. Các cơ quan báo chí, truyền thông đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền về nhiệm vụ chống sự xâm nhập và tác hại của các sản phẩm văn hóa độc hại; phát hiện, biểu dương những điển hình tốt, gương tiêu biểu trong việc giữ gìn đạo đức, thuần phong mỹ tục, xây dựng gia đình văn hóa và trong công tác phòng, chống, bài trừ, phê phán các sản phẩm văn hóa độc hại.

6. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy đảng các cấp quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

7. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị này với Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ và cán bộ, đảng viên.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 79-KL/TW, ngày 28 tháng 7 năm 2010

**Về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động
của tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra
theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị
về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020**

Tại phiên họp ngày 15-7-2010, sau khi nghe Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với đề xuất của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương (Tờ trình 02-TTr/CCTP, ngày 9-7-2010) và kết luận như sau:

1. Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp cần quán triệt các quan điểm

Một là, thực hiện đúng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bảo đảm đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; có cơ chế kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện ba quyền đó; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của nhân dân đối với các hoạt động tư pháp.

Hai là, xuất phát từ nhu cầu và điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của đất nước; kết hợp hài hòa giữa cơ sở lý luận với thực tiễn; tổng kết, nghiên cứu, phát huy các giá trị văn hóa pháp luật truyền thống của Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa pháp luật thế giới trong lĩnh vực tư pháp.

Ba là, tiến hành đồng bộ với cải cách lập pháp, hành pháp; xác định rõ lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm và bước đi thích hợp; bảo đảm chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, hoạt động của các cơ quan tư pháp, từng bước xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân.

Bốn là, thể chế hóa đúng đắn tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW "tổ chức hệ thống tòa án theo thẩm quyền xét xử..."; "viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của tòa án. Nghiên cứu việc chuyển viện kiểm sát thành viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra"; "nghiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại các cơ quan điều tra theo hướng thu

gọn đầu mối...". Thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị (khóa X) tại phiên họp ngày 9-3-2009 về sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW... "Đối với những vấn đề đã rõ thì thực hiện ngay; đối với những vấn đề chưa rõ, ý kiến còn khác nhau thì cần phải nghiên cứu, trao đổi kỹ để thống nhất thực hiện, không né tránh, cục bộ, bản vị...".

Mục tiêu chung của việc đổi mới là xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của hệ thống tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra thực sự khoa học, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp; đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và các chức danh tư pháp trong quá trình tiến hành tố tụng; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

2. Phương hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của từng cơ quan

2.1. Đối với tòa án: Tòa án là "cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"; có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân. Tổ chức tòa án theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW gồm 4 cấp. Cần giữ cụm từ "nhân dân" trong tên gọi của các tòa án; thay tên gọi "tòa án thượng thẩm" bằng "tòa án nhân dân cấp cao". Cụ thể là:

- *Tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực* xét xử sơ thẩm hầu hết các vụ, việc thuộc thẩm quyền của tòa án (như tòa án nhân dân cấp huyện hiện nay) và từng bước mở rộng thẩm quyền xét xử các khiếu kiện hành chính. Tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực thành lập ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện trong cùng một đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- *Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương* xét xử phúc thẩm các bản án, quyết định sơ thẩm của tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực có kháng cáo, kháng nghị và xét xử sơ thẩm một số vụ án không thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực thuộc địa hạt của tỉnh; không thực hiện nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm. Mỗi đơn vị hành chính cấp tỉnh có một tòa án nhân dân cấp tỉnh như hiện nay, nhưng không còn ủy ban thẩm phán.

- *Tòa án nhân dân cấp cao* xét xử phúc thẩm các bản án, quyết định sơ thẩm của tòa án nhân dân cấp tỉnh có kháng cáo, kháng nghị và giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định của tòa án cấp dưới đã có hiệu lực pháp luật nhưng lại kháng nghị. Trước mắt thành lập 3 tòa án nhân dân cấp cao tại ba khu vực: Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Tòa án nhân dân tối cao* xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật; được tổ chức tinh gọn, với số lượng thẩm phán từ 13 đến 17 người là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật, có kinh nghiệm xét xử và có uy tín cao trong xã hội.

2.2. *Đối với viện kiểm sát*: Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp như hiện nay. Tổ chức hệ thống viện kiểm sát nhân dân thành 4 cấp, phù hợp với hệ thống tổ chức của tòa án nhân dân. Giữ cụm từ "nhân dân" trong tên gọi của các viện kiểm sát. Cụ thể là: viện kiểm sát nhân dân khu vực (số lượng và địa hạt tư pháp tương ứng với số lượng và địa hạt tư pháp của tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực); viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; viện kiểm sát nhân dân cấp cao (số lượng và địa hạt tư pháp tương ứng với số lượng và địa hạt tư pháp của tòa án nhân dân cấp cao); Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

2.3. *Đối với cơ quan điều tra trong công an nhân dân*: Cơ bản giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức của hệ thống cơ quan điều tra trong công an nhân dân như hiện nay nhưng được kiện toàn một bước để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan điều tra.

2.4. *Về sự lãnh đạo của Đảng và sự giám sát của cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp*:

Thành lập đảng bộ tòa án nhân dân cấp tỉnh (gồm các tổ chức đảng của tòa án nhân dân cấp tỉnh và các tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực) và đảng bộ viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh (gồm các tổ chức đảng của viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và các viện kiểm sát nhân dân khu vực). Các tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực, viện kiểm sát nhân dân khu vực và tòa án nhân dân cấp tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh và sự giám sát của hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Thành lập Đảng bộ Tòa án

nhân dân tối cao (gồm các tổ chức đảng của Tòa án nhân dân tối cao và các tòa án nhân dân cấp cao) và Đảng bộ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (gồm các tổ chức đảng của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các viện kiểm sát nhân dân cấp cao). Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chịu sự giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Giao Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương nghiên cứu, lựa chọn một số nội dung kết luận của Bộ Chính trị (khóa X) về sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW (Thông báo 230-TB/TW, ngày 26-3-2009) và kết luận của Bộ Chính trị về quan điểm, mục tiêu, phương hướng đổi mới tổ chức, hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra trong công an nhân dân để kiến nghị bổ sung vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng nhằm tạo sự đồng thuận và quyết tâm chính trị của Đảng trong việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp.

3.2. Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu, đề xuất việc bố trí nhân sự của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an tham gia ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương để Bộ Chính trị xem xét trình Ban Chấp hành Trung ương. Hướng dẫn các cấp ủy địa phương bố trí cơ cấu lãnh đạo tòa án nhân dân, viện kiểm sát

nhân dân tham gia cấp ủy; tùy điều kiện của từng địa phương, có thể cơ cấu vào ban thường vụ.

3.3. Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Đảng ủy Công an Trung ương và Đảng ủy Quân sự Trung ương tiếp tục chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án cụ thể hóa nội dung của Đề án, trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật để tổ chức thực hiện; phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức tích cực phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Xác định đúng vị trí, vai trò, ngạch, bậc, tiêu chuẩn bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên và có chính sách đãi ngộ tương xứng.

3.4. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng, kiện toàn tổ chức, hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp; chuẩn bị tốt các nguồn lực bảo đảm thực hiện đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong thời gian tới.

3.5. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp, tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện; phân bổ hợp lý ngân sách trung ương, phục vụ các yêu cầu đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp và việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp.

3.6. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương giúp Bộ Chính trị chỉ đạo triển khai thực hiện đề án, thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện. Chỉ đạo các cơ quan tư pháp

trung ương tiến hành tổng kết lý luận và thực tiễn, "nghiên cứu việc chuyển viện kiểm sát thành viện công tố"; "nghiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại hệ thống cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối". Trước mắt nghiên cứu, kiến nghị Bộ Chính trị về việc có làm thí điểm hay không về tổ chức tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực và viện kiểm sát nhân dân khu vực.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 80-KL/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2010

**Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện
Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII)
trong tình hình mới**

Sau khi nghe báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương và kết quả Hội nghị tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài", Ban Bí thư kết luận như sau:

I- Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII), công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đạt được một số kết quả bước đầu. Số tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân và số lượng đảng viên, đoàn viên trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên.

Nhiều tổ chức đảng, đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp đã thể hiện được vai trò, vị trí của mình, góp phần tích cực vào sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn nhiều mặt hạn chế cần khắc phục. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc yêu cầu, nội dung Chỉ thị của Bộ Chính trị; việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa thường xuyên, chặt chẽ và thiếu đồng bộ; việc sơ kết, tổng kết thực hiện Chỉ thị chưa kịp thời. Số lượng tổ chức đảng, các đoàn thể và số lượng đảng viên, đoàn viên, hội viên trong các doanh nghiệp còn thấp; nhìn chung vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp còn mờ nhạt, nội dung, phương thức hoạt động còn lúng túng, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong tình hình mới.

II- Để tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có dưới 50% vốn nhà nước; các doanh nghiệp thành lập theo Luật hợp tác xã (gọi tắt là doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước), các cấp ủy đảng cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và chủ doanh nghiệp về nhiệm vụ xây dựng, phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 07-CT/TW của Bộ Chính trị

Tích cực tuyên truyền, vận động để chủ doanh nghiệp

nhận thức rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tác dụng của việc thành lập tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp. Giáo dục, động viên người lao động phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, chấp hành tốt pháp luật và nội quy, quy chế của doanh nghiệp, tích cực tham gia xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân và phấn đấu để trở thành đảng viên, đoàn viên, hội viên.

Hàng năm, cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức gặp mặt, động viên, biểu dương các doanh nghiệp làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; biểu dương, khen thưởng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, các tổ chức đoàn thể nhân dân vững mạnh xuất sắc.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng

Thành lập ban chỉ đạo xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở các tỉnh, thành phố và quận, huyện có nhiều doanh nghiệp do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư làm trưởng ban; đồng chí trưởng ban tổ chức cấp ủy và 1 đồng chí phó chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp làm phó trưởng ban; một số đồng chí lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành có liên quan là thành viên và có bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách giúp việc. Ban chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng, củng cố và phát

triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong các loại hình doanh nghiệp; tổ chức việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Ban chỉ đạo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, giao trách nhiệm cho các cấp, các ngành tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đề ra. Các huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh ủy, đảng ủy khối doanh nghiệp, đảng ủy khu công nghiệp, khu chế xuất trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy chịu trách nhiệm trực tiếp về việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp.

3. Xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể trong doanh nghiệp

Các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào quy mô và số lượng doanh nghiệp, số lượng tổ chức đảng và đảng viên trong từng doanh nghiệp để xây dựng mô hình tổ chức đảng cho phù hợp. Những tỉnh, thành phố có nhiều doanh nghiệp thì thành lập đảng bộ khối doanh nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; nếu có các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung và trong khu công nghiệp, khu chế xuất có nhiều doanh nghiệp đã có tổ chức đảng thì thành lập đảng bộ khu công nghiệp, khu chế xuất trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy hoặc đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ủy, thành ủy.

Những quận, huyện có nhiều doanh nghiệp có tổ chức đảng thì thành lập đảng bộ cơ sở khối doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trực thuộc quận ủy, huyện ủy; nếu chưa thành lập đảng bộ cơ sở khối doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước thì các tổ chức đảng trong doanh nghiệp đặt trực

thuộc quận ủy, huyện ủy hoặc đảng ủy xã, phường, thị trấn tùy theo vị trí, quy mô và số lượng đảng viên của từng doanh nghiệp.

Các cấp ủy, đoàn thể cấp trên rà soát lại các tổ chức đoàn thể nhân dân để tổ chức lại cho đồng bộ, phù hợp với tổ chức đảng.

4. Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp; tích cực xây dựng, phát triển tổ chức đảng và làm tốt công tác phát triển đảng viên

Đối với doanh nghiệp đã có tổ chức đảng: Các cấp ủy tiến hành rà soát, nắm chắc số lượng, thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp để củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động. Căn cứ vào quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng để xây dựng quy chế hoạt động, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình của từng loại hình doanh nghiệp. Cấp ủy cấp trên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

Đối với những doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng: Cấp ủy cấp trên rà soát, nắm chắc số đảng viên đang làm việc ổn định trong các doanh nghiệp nhưng vẫn sinh hoạt đảng ở nơi khác, nếu có đủ 3 đảng viên chính thức trở lên và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh ổn định thì thành lập chi bộ. Nếu chưa đủ số lượng đảng viên để thành lập chi bộ thì chuyển số đảng viên này về sinh hoạt với một tổ chức đảng phù hợp và tích cực chuẩn bị các điều kiện để thành lập tổ chức đảng. Đối với những doanh nghiệp chưa có đảng viên,

cấp ủy cấp trên nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phân công cấp ủy viên, đảng viên có kinh nghiệm, phối hợp với các đoàn thể trong doanh nghiệp phát hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên; khi có đủ điều kiện thì thành lập tổ chức đảng. Đối với các dự án liên doanh với nước ngoài, trong quá trình chuẩn bị dự án, các cơ quan có thẩm quyền cần chủ động phân công cán bộ, đảng viên tham gia liên doanh, xúc tiến việc thành lập tổ chức đảng khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.

Tăng cường công tác kết nạp đảng viên trong các doanh nghiệp và các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề để bổ sung cả về số lượng, chất lượng đảng viên cho các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

5. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp

Đối với những doanh nghiệp đã có các đoàn thể: Các cấp ủy, đoàn thể cấp trên tăng cường chỉ đạo, kiểm tra để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp giải quyết những khó khăn, vướng mắc. Các đoàn thể nhân dân phải tự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động cho phù hợp với điều kiện của từng loại hình doanh nghiệp. Cùng với việc chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, phải động viên đoàn viên, hội viên chấp hành đúng pháp luật, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, tích cực tham gia xây dựng doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp chưa có các đoàn thể: Ban chấp hành công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ cấp trên chỉ đạo việc tích cực chuẩn bị để sớm thành lập tổ chức công đoàn, đoàn

thanh niên hoặc hội liên hiệp thanh niên, hội phụ nữ trong doanh nghiệp, nhất là ở những doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động. Chuyển sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên cho những đoàn viên làm việc ở doanh nghiệp nhưng sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên ở nơi khác về tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên của doanh nghiệp ngay sau khi thành lập.

6. Chăm lo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp

Các cấp ủy, ban chấp hành các đoàn thể cấp trên phải quan tâm xây dựng, kiện toàn, nâng cao chất lượng các cấp ủy, đặc biệt là bí thư đảng bộ, chi bộ, chủ tịch công đoàn, chủ tịch hội phụ nữ, bí thư đoàn thanh niên trong doanh nghiệp. Nếu có đủ điều kiện nên bố trí bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy làm thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, giám đốc hoặc phó giám đốc để kết hợp công tác lãnh đạo của Đảng với công tác quản lý, sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho các cấp ủy viên, lãnh đạo các đoàn thể; nghiên cứu xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp. Đối với các tỉnh, thành phố có nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... thì ngoài biên chế chung cho các tỉnh ủy, thành ủy, cần bổ sung thêm một số biên chế phù hợp với quy mô và số lượng doanh nghiệp để có cán bộ theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể trong doanh nghiệp.

III- Để làm tốt các nhiệm vụ nêu trên, các ban đảng, các cơ quan có liên quan ở Trung ương, các cấp ủy, chính quyền địa phương cần thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổng kết, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW về đảng viên làm kinh tế tư nhân và thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Quy định chế độ và nguồn chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp; chế độ đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước đối với những người lãnh đạo doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước; mục đích, ý nghĩa, tác dụng tích cực của tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp; biểu dương, tôn vinh các doanh nghiệp, các cá nhân gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo điều kiện cho tổ chức đảng và các đoàn thể nhân dân hoạt động.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo bổ sung, sửa đổi Bộ luật lao động, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật công đoàn; ban hành khuôn khổ pháp lý để hình thành các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các nghị định hướng dẫn thi hành Bộ luật lao động, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật công đoàn, trong đó quy định rõ về việc thành lập và hoạt động của tổ chức đảng, các đoàn thể trong doanh nghiệp; việc doanh nghiệp tạo điều kiện (thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất) cho tổ chức

đảng, các đoàn thể hoạt động; việc tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh các khoản chi hợp lý hỗ trợ cho tổ chức đảng, các đoàn thể hoạt động, các chế tài xử phạt nếu doanh nghiệp không thực hiện đúng.

4. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động hiểu rõ lợi ích khi tham gia công đoàn; chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài hiểu tác dụng của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp. Nghiên cứu, sắp xếp lại tổ chức công đoàn trong các khu công nghiệp, khu chế xuất cho đồng bộ với tổ chức đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở.

5. Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo các cấp bộ đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên về vai trò, vị trí của tổ chức đoàn, hội thanh niên. Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức đoàn, hội phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp; củng cố các tổ chức đoàn đã có và khẩn trương xúc tiến việc thành lập tổ chức đoàn, hội trong các doanh nghiệp có đủ điều kiện; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đoàn, hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

6. Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo xây dựng mô hình tập hợp lao động nữ ở khu công nghiệp, khu chế xuất, ở địa bàn dân cư có nhiều lao động nữ trong các doanh nghiệp. Thí điểm việc thành lập tổ chức Hội Phụ nữ trong các doanh nghiệp tư nhân.

7. Cấp ủy, chính quyền các địa phương tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển bền vững.

8. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Kết luận này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Kết luận này phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 364-TB/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2010

Về Ngày sân khấu Việt Nam

Sau khi xem xét đề nghị của Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam về Ngày sân khấu Việt Nam (Tờ trình số 97B/TTr-HNSSK, ngày 22-6-2010), ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý lấy ngày 12-8 (âm lịch) hằng năm là Ngày sân khấu Việt Nam. Đây là ngày hội tôn vinh nền sân khấu nước nhà, động viên, đoàn kết đội ngũ văn nghệ sĩ trong lĩnh vực sân khấu phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của nền sân khấu Việt Nam, phấn đấu có nhiều tác phẩm và hoạt động sân khấu có ý nghĩa, góp phần tạo nên đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh, cổ vũ, động viên toàn dân đoàn kết, phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam xây dựng chương trình cụ thể, triển khai có hiệu quả nhằm quảng bá, tôn vinh nền sân khấu nước nhà trong phạm vi cả nước; đưa các tác phẩm sân khấu đến với công chúng, đặc biệt là các vùng sâu,

vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổ chức tốt các hoạt động nhân Ngày sân khấu Việt Nam.

Kinh phí tổ chức Ngày sân khấu Việt Nam được bố trí trong kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm cho Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam trên cơ sở chính sách chung đối với các hội văn học, nghệ thuật.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 81-KL/TW, ngày 6 tháng 8 năm 2010

Về Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam

Tại phiên họp ngày 31-7-2010, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về tình hình Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin), ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Bộ Công an và một số bộ, ngành Trung ương; Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Từ khi được thành lập vào năm 1996 đến nay, Tập đoàn Vinashin (*trong đó từ năm 1996 đến năm 2006 là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam*) đã có bước phát triển nhanh trên nhiều mặt: Bước đầu đã hình thành được cơ sở vật chất - kỹ thuật quan trọng, có trình độ công nghệ tiên tiến và khá đồng bộ của ngành công nghiệp đóng, sửa chữa tàu biển; xây dựng được đội ngũ trên 70.000 cán bộ, công nhân kỹ thuật, trong đó nhiều người có tay nghề khá, có khả năng đóng được nhiều loại tàu phục vụ cho nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của nền kinh tế, quốc phòng, an ninh và cho xuất khẩu, kể cả tàu trọng tải trên 100.000DWT; xây

dựng được một số cơ sở công nghiệp phụ trợ, nâng cao một bước tỷ lệ nội địa hóa trong đóng và sửa chữa tàu biển. Riêng trong thời kỳ từ năm 1996 - 2006, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao (bình quân 35 - 40%/năm), kinh doanh có lãi; tăng được vốn chủ sở hữu và giá trị tài sản của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hiện nay, Vinashin đang gặp nhiều khó khăn rất lớn, bộc lộ nhiều yếu kém, sai phạm nghiêm trọng: (1) *Đầu tư mở rộng quá nhanh, quy mô lớn, một số dự án trái với quy hoạch được phê duyệt, dàn trải trên nhiều lĩnh vực, địa bàn, có lĩnh vực không liên quan đến công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển, trong đó nhiều lĩnh vực kém hiệu quả, có nhiều công ty, dự án thua lỗ nặng nề.* (2) *Tình hình tài chính đứng trước bờ vực phá sản:* Theo số liệu ban đầu, ước tính dư nợ hiện đang rất lớn, lên tới khoảng 86.000 tỉ đồng; nợ đến hạn phải trả khoảng trên 14.000 tỉ đồng; tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu gấp gần 11 lần, khó có khả năng tự cân đối dòng tiền. (3) *Sản xuất, kinh doanh hiện đang bị đình trệ;* bị mất hoặc giảm nhiều đơn đặt hàng; nhiều dự án đầu tư dở dang, không hiệu quả. (4) *Tình hình nội bộ diễn biến phức tạp:* Hơn 70.000 cán bộ, công nhân viên lo lắng do việc làm và thu nhập giảm; hiện đã có khoảng 17.000 công nhân chuyển việc hoặc bỏ việc; 5.000 công nhân bị mất việc làm; nhiều công nhân của một số nhà máy, xí nghiệp bị chậm trả lương trong nhiều tháng...

Mặc dù vẫn trong tầm kiểm soát và có thể khắc phục được, nhưng nếu không có các chính sách, biện pháp đúng đắn, kịp thời, tình hình của Vinashin có thể ảnh hưởng xấu đến các tổ chức tín dụng, các đơn vị được nhận chuyển giao, ngân sách nhà nước, sự ổn định vĩ mô của nền kinh tế, việc

làm và thu nhập của cán bộ, công nhân Tập đoàn và nhiều hộ gia đình nông dân nơi có đất bị thu hồi; ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển doanh nghiệp nhà nước và mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước; tác động tiêu cực đến ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

2. Những hạn chế, yếu kém nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, song nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, trước hết thuộc về trách nhiệm trực tiếp của Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Tập đoàn, trong đó có cá nhân Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn và trách nhiệm của một số cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở Trung ương và địa phương; cụ thể và chủ yếu là:

Về nguyên nhân chủ quan:

- Trình độ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên của Vinashin chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị một tập đoàn kinh tế lớn, đặc biệt là người đứng đầu còn hạn chế về năng lực, có biểu hiện thiếu trách nhiệm, tùy tiện, cá nhân, báo cáo không trung thực, cố ý làm trái, vi phạm pháp luật trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, quyết định của Thủ tướng Chính phủ khi chỉ đạo các hoạt động đầu tư, dự án, vốn cho sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và bố trí cán bộ. Lãnh đạo Tập đoàn, trước hết là Hội đồng Quản trị và người đứng đầu với chức năng đại diện trực tiếp chủ sở hữu đã có nhiều khuyết điểm, sai lầm trong tổ chức, quản lý, điều hành, nhất là trong việc xác định lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tổ chức quản lý các công ty con, công ty liên kết, tiến hành các hoạt động đầu tư xây dựng,

quản lý vốn, tài chính, vay và trả nợ; trong một thời gian ngắn đã mở rộng quá nhanh quy mô tập đoàn, nhất là mở ra rất nhiều công ty con, công ty liên kết; mở sang một số lĩnh vực không phải là những chuyên ngành phục vụ cho nhiệm vụ chính của mình. Tập đoàn đã chậm xây dựng Điều lệ hoạt động và các quy định quản lý tài chính khác, như: quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý đầu tư xây dựng, các định mức kinh tế kỹ thuật...

- Một số cơ quan tham mưu liên quan thuộc Chính phủ, một số địa phương và một số cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát ở Trung ương có thiếu sót, khuyết điểm trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Tập đoàn; chưa sát sao giám sát, kiểm tra chặt chẽ và đánh giá đúng, kịp thời về công tác tổ chức, cán bộ và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện định hướng chiến lược phát triển của Tập đoàn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) và Kết luận số 45-KL/TW, ngày 10-4-2009 của Bộ Chính trị về việc thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế; đến nay vẫn chưa phê duyệt được Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Vinashin; từ năm 2006 - 2009 tuy đã qua 11 lần kiểm toán, kiểm tra, thanh tra nhưng vẫn không phát hiện được đầy đủ, kết luận đúng tình hình và những yếu kém, khuyết điểm nghiêm trọng của Tập đoàn, chưa đưa ra được những biện pháp chấn chỉnh, ngăn chặn, xử lý kịp thời, có hiệu quả, mặc dù những biểu hiện về những khó khăn, khuyết điểm của Vinashin đã được cơ quan thông tin đại chúng và dư luận phản ánh, cảnh báo từ sớm và nhiều lần.

Về nguyên nhân khách quan:

- Mô hình tập đoàn còn đang trong giai đoạn thí điểm, chưa có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả; thể chế, cơ chế còn thiếu hoặc chưa đồng bộ.

- Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới gần đây đã ảnh hưởng nặng nề đến phát triển ngành công nghiệp đóng tàu, vận tải biển, trong đó có Vinashin.

3. Để khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm, sai phạm trên đây của Vinashin, Bộ Chính trị giao:

3.1. Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì chỉ đạo:

- Phát huy những kết quả đã đạt được của Vinashin trong nhiều năm qua; tiếp tục khẳng định công nghiệp cơ khí chế tạo là ngành trọng điểm trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; ngành công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển là ngành mũi nhọn để phát triển kinh tế hàng hải và thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Khẩn trương cơ cấu lại Tập đoàn Vinashin theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) và Kết luận số 45-KL/TW, ngày 10-4-2009 của Bộ Chính trị về việc thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế; chỉ tập trung vào 3 lĩnh vực chính là: Công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển với quy mô phù hợp; công nghiệp phụ trợ phục vụ cho việc đóng và sửa chữa tàu biển; đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ, công nhân công nghiệp tàu biển. Sớm ổn định tổ chức sản xuất, kinh doanh; từng bước củng cố uy tín thương hiệu Tập đoàn Vinashin; cương quyết không để vỡ nợ, sụp đổ, gây tác động xấu đến sự phát triển của ngành công nghiệp đóng tàu, mức độ tín nhiệm vay, trả nợ quốc tế và môi trường đầu tư của đất nước.

- Khẩn trương đánh giá lại chính xác, khách quan, trung thực tình hình hoạt động của Công ty mẹ Tập đoàn, các công ty con, công ty liên kết, các dự án đầu tư của Tập đoàn để có phương án sắp xếp, xử lý cụ thể, phù hợp, theo hướng: Chỉ giữ lại Tập đoàn Vinashin 3 lĩnh vực chính nói trên; bán, chuyển nhượng, chuyển giao, cổ phần hóa các lĩnh vực còn lại cho các tổ chức kinh tế và cá nhân khác có nhu cầu phù hợp pháp luật hiện hành, sớm thu hồi vốn để tập trung cho nhiệm vụ xây dựng ngành công nghiệp đóng tàu biển và trả nợ. Trong xử lý nợ và tăng vốn điều lệ của Tập đoàn, nhất là những khoản liên quan đến ngân sách nhà nước, Chính phủ cần có phương án khả thi, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Trong quá trình giải quyết phải đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích giữa các bên, không gây khó khăn, đổ vỡ cho các tập đoàn, tổng công ty khác cũng như các tổ chức tín dụng. Chú ý hạn chế tối đa thiệt hại và những ảnh hưởng tiêu cực về tư tưởng, tài sản và việc làm, thu nhập của công nhân, lao động.

- Giao các cơ quan chức năng sớm điều tra, làm rõ và xử lý nghiêm minh, kịp thời, khách quan những cá nhân vi phạm pháp luật theo đúng quy định của pháp luật.

- Thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ làm Trưởng ban với thành phần gồm đại diện các bộ, ban, ngành có liên quan thuộc Chính phủ, một số cơ quan đảng (Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương). Giao Ban Chỉ đạo đầy đủ thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong việc nghiên cứu, đề xuất, triển khai thực hiện các

chính sách, biện pháp xử lý để sớm ổn định và phát triển sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn.

- Đồng thời, tiến hành tổ chức các hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá đúng thực trạng tình hình hiện nay và công khai, minh bạch tình hình tài chính cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước khác, trong đó chú ý kịp thời chấn chỉnh việc mở rộng đa ngành nhưng không liên quan đến ngành sản xuất chính của các đơn vị.

3.2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo kiểm điểm những tổ chức và cá nhân có liên quan ở Trung ương và địa phương có thiếu sót, khuyết điểm trong việc quản lý nhà nước đối với Tập đoàn Vinashin, việc thực hiện chức năng tham mưu cho Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu đối với Tập đoàn Vinashin; thành lập các đoàn kiểm tra có sự tham gia của một số bộ, ngành liên quan để kiểm tra, giám sát việc xử lý các cá nhân sai phạm ở Tập đoàn Vinashin và các cơ quan, đơn vị phù hợp với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3.3. Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cấp ủy đảng có liên quan ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm phối hợp cùng các cơ quan của Chính phủ trong việc giám sát, thực hiện những chính sách, biện pháp phù hợp theo chủ trương trên đây để giúp Tập đoàn Vinashin sớm vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất, kinh doanh, lấy lại uy tín của thương hiệu Vinashin và niềm tin vào sự phát triển của

ngành công nghiệp đóng tàu biển Việt Nam, của các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp nhà nước, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước, trong đó có kinh tế biển.

3.4. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện việc thông tin, tuyên truyền khách quan, chính xác, kịp thời về tình hình và các chủ trương, biện pháp xử lý đối với Tập đoàn Vinashin để cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng; không để các thế lực thù địch lợi dụng, tuyên truyền chống phá chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước về vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhà nước và việc thí điểm hình thành và phát triển tập đoàn kinh tế nhà nước.

4. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương theo dõi, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Kết luận này; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 321-QĐ/TW, ngày 6 tháng 8 năm 2010

Ban hành Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay thế Quy trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng hoặc đảng viên (ban hành kèm theo Quyết định số 174-QĐ/TW, ngày 8-7-2008 của Bộ Chính trị) bằng Quy trình ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy trình ban hành kèm theo Quyết định này để ban hành quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của

tổ chức đảng hoặc đảng viên thuộc thẩm quyền của cấp mình cho phù hợp và tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương; lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng; các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương có liên quan, có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY TRÌNH
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT ĐẢNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG,
BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 321-QĐ/TW,
ngày 6-8-2010 của Bộ Chính trị)

A- BƯỚC CHUẨN BỊ

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tham mưu, giúp Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (gọi là đoàn kiểm tra). Trưởng đoàn kiểm tra là đồng chí thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, lãnh đạo các ban đảng ở Trung ương. Trường hợp người khiếu nại là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng trở lên thì Trưởng đoàn kiểm tra là đồng chí Ủy viên Ban Bí thư hoặc Ủy viên Bộ Chính trị.

2. Đoàn kiểm tra nghiên cứu đơn khiếu nại, yêu cầu tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật, đã giải quyết khiếu nại kỷ luật mà tổ chức đảng, cá nhân bị kỷ luật còn khiếu nại cung cấp hồ sơ; phân công thành viên nghiên cứu hồ sơ thi hành kỷ luật hoặc hồ sơ giải quyết khiếu nại, tóm tắt nội dung khiếu nại.

3. Đoàn kiểm tra xây dựng kế hoạch, lịch trình kiểm tra, thẩm tra, xác minh, nội quy hoạt động; phân công nhiệm vụ

cho từng thành viên. Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm kinh phí, cơ quan có đồng chí lãnh đạo là trưởng đoàn kiểm tra bảo đảm phương tiện cho đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ.

B- BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Đoàn kiểm tra làm việc với đại diện tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật và đã giải quyết khiếu nại mà tổ chức đảng, cá nhân còn khiếu nại lên Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương để triển khai quyết định, kế hoạch kiểm tra, thống nhất lịch trình tiến hành và yêu cầu cử cán bộ phối hợp; đồng thời nghe các tổ chức đảng trên báo cáo và cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại.

2. Đoàn kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh.

- Làm việc với đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại (gọi tắt là đối tượng khiếu nại), với các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Làm việc với đại diện tổ chức đảng đã đề nghị thi hành kỷ luật để thu thập chứng cứ, tài liệu có liên quan để làm rõ vụ việc, nếu cần giám định kỹ thuật, chuyên môn thì trưởng đoàn xem xét, quyết định.

- Làm việc với đại diện tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật lần đầu và tổ chức đảng vừa giải quyết khiếu nại mà tổ chức đảng, cá nhân chưa đồng tình còn khiếu nại lên Trung ương để trao đổi về nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân của vi phạm; làm rõ những điểm khác nhau

giữa nội dung khiếu nại kỷ luật với quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại; việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục trong xem xét thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại, yêu cầu các tổ chức đảng đó nêu rõ chính kiến về nội dung và hình thức kỷ luật bằng văn bản.

Trường hợp có tình tiết mới dẫn đến thay đổi bản chất của sự việc thì làm việc với các tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật, đã giải quyết khiếu nại kỷ luật để làm rõ nội dung vi phạm, biểu quyết bằng phiếu kín đề nghị chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật.

3. Tổ chức hội nghị với tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật hoặc đã giải quyết khiếu nại mà tổ chức đảng, cá nhân còn khiếu nại lên Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương. Đoàn kiểm tra thông báo kết quả thẩm tra, xác minh để hội nghị thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín về đề nghị chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đã áp dụng.

4. Đoàn kiểm tra thẩm tra, xác minh những vấn đề chưa rõ hoặc có ý kiến khác nhau giữa đoàn kiểm tra với đối tượng khiếu nại và tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật, đã giải quyết khiếu nại kỷ luật. Hoàn chỉnh báo cáo giải quyết khiếu nại, trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương (qua Văn phòng Trung ương Đảng).

5. Văn phòng Trung ương Đảng sao, gửi báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại đến các đồng chí Ủy viên Ban Bí thư (nếu Ban Bí thư họp xét khiếu nại), các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị (nếu Bộ Chính trị họp xét khiếu nại) trước cuộc họp

ít nhất 3 ngày; hoặc gửi các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (nếu Ban Chấp hành Trung ương họp xét khiếu nại) trước cuộc họp ít nhất từ 7 đến 10 ngày.

C- BƯỚC KẾT THÚC

1. Tổ chức hội nghị Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương để xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

a) Thành phần: Đại diện đoàn kiểm tra; đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương và tổ chức đảng có liên quan.

b) Nội dung

Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại: trình bày đầy đủ kết quả thẩm tra, xác minh; ý kiến của đối tượng khiếu nại; ý kiến và đề nghị của tổ chức đảng có liên quan (kể cả những ý kiến khác nhau) và ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Trường hợp khiếu nại do bị kỷ luật khai trừ thì báo cáo thêm về phẩm chất, đạo đức, trách nhiệm công tác và việc chấp hành chính sách, pháp luật của người khiếu nại từ khi bị khai trừ đến thời điểm giải quyết khiếu nại.

- Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Đoàn kiểm tra chuẩn bị quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật gửi Văn phòng Trung ương Đảng để hoàn thiện, trình đồng chí lãnh đạo thay mặt Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương ký, ban hành.

2. Đại diện Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thông báo hoặc ủy quyền cho tổ chức đảng có thẩm quyền thông báo quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đến đối tượng khiếu nại và các tổ chức đảng có liên quan để thực hiện. Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật của Trung ương.

3. Đoàn kiểm tra họp rút kinh nghiệm; hoàn chỉnh hồ sơ, bàn giao cho Văn phòng Trung ương Đảng lưu trữ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 365-TB/TW, ngày 12 tháng 8 năm 2010

**Về việc chuẩn bị và tổ chức kỷ niệm 65 năm
Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội Việt Nam
(6-1-1946 - 6-1-2011)**

Tại phiên họp ngày 10-8-2010, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về việc chuẩn bị và tổ chức kỷ niệm 65 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội Việt Nam (6-1-1946 - 6-1-2011) (số 415-BC/ĐĐQH12, ngày 9-8-2010), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Tổ chức kỷ niệm 65 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội Việt Nam là việc làm có ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Quốc hội, là dịp tổng kết thực tiễn, đánh giá những thành tựu, bài học kinh nghiệm trong 65 năm hình thành và phát triển của Quốc hội Việt Nam nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội.

- Đồng ý với những nội dung hoạt động kỷ niệm nêu trong Báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội. Đảng đoàn Quốc hội

lãnh đạo việc tổ chức Lễ kỷ niệm thiết thực, trang trọng, an toàn, tiết kiệm.

- Trong dịp Lễ kỷ niệm, các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác tuyên truyền về ý nghĩa lịch sử của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội Việt Nam, về thành tựu hoạt động của Quốc hội nước ta trong 65 năm qua và cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII sắp tới.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 323-QĐ/TW, ngày 13 tháng 8 năm 2010
Thành lập Đảng đoàn
Liên đoàn Luật sư Việt Nam

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đảng đoàn Liên đoàn Luật sư Việt Nam và chỉ định các đồng chí có tên sau đây tham gia Đảng đoàn:

1. Đồng chí Lê Thúc Anh, Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Bí thư Đảng đoàn.
2. Đồng chí Nguyễn Đức Chính, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Phó Bí thư Đảng đoàn.

3. Đồng chí Nguyễn Văn Thảo, Phó Chủ tịch Thường trực Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Ủy viên Đảng đoàn.

4. Đồng chí Đỗ Ngọc Thịnh, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Ủy viên Đảng đoàn.

5. Đồng chí Trương Trọng Nghĩa, Phó Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Ủy viên Đảng đoàn.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng đoàn thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp, Đảng đoàn Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

TM BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 82-KL/TW, ngày 16 tháng 8 năm 2010

Về cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng

Tại phiên họp ngày 15-7-2010, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng trình bày Đề án "Cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng" và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng là nội dung quan trọng, là quá trình liên tục đặt trong tổng thể cải cách hành chính của hệ thống chính trị nhằm góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội cũng như bản thân công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới.

2. Về cải cách một số thủ tục hành chính trên các lĩnh vực

2.1. Trong công tác xây dựng và ban hành văn kiện của cấp ủy các cấp

- Các cấp ủy từ cấp huyện trở lên rà soát, nghiên cứu quy định rõ thời gian tối đa phải xử lý, giải quyết đối với từng loại

kiến nghị, đề xuất, xin chủ trương, xin ý kiến của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

Các văn bản (đề án, tờ trình...) của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên chỉ gửi đúng một cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết công việc; không đồng gửi cùng lúc hai hoặc nhiều cơ quan, không gửi vượt cấp, dưới cấp hoặc gửi cho những cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân khác biết hoặc tham khảo, để thay cho báo cáo công việc đã làm.

- Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng và trình Bộ Chính trị ban hành Quy định về ban hành văn kiện (nghị quyết, kết luận, chỉ thị...) của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thay thế Quyết định số 22-QĐ/TW, ngày 1-10-1987 của Ban Bí thư về "Một số điểm về công tác văn kiện và quản lý văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng" để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng. Trong đó, cần quy định rõ một số nội dung sau:

+ Thời hiệu thi hành của văn kiện (nghị quyết, kết luận, chỉ thị...) của Đảng nói chung không quá 2 khóa (10 năm) tiếp theo kể từ ngày ban hành văn bản, trừ những văn kiện có nội dung chiến lược với thời hiệu thi hành được khẳng định trong chính văn kiện đó hoặc có văn bản của cơ quan lãnh đạo có thẩm quyền khẳng định tiếp tục thi hành văn kiện đó sau khi đã quá 10 năm.

+ Tiêu chí xác định các vấn đề quan trọng cần xin ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

+ Quy trình, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân hữu quan trong chuẩn bị, xây dựng đề án, báo cáo, tờ trình và dự thảo các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

+ Quy trình thảo luận, thông qua và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

- Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng và trình Ban Bí thư ban hành Quy định về ban hành văn kiện (nghị quyết, kết luận, chỉ thị...) của cấp ủy từ cấp huyện trở lên (với các điểm quy định tương tự như quy định nói trên của Trung ương, có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng cấp) để thực hiện thống nhất trong Đảng.

Cấp ủy các cấp và cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách trực thuộc từ cấp huyện trở lên rà soát lại các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn... trong phạm vi công tác của mình để xác định rõ giá trị và hiệu lực thi hành của từng văn bản, khi cần thiết thì bãi bỏ hoặc bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình, yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Trong hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, Chính phủ

- Về định hướng xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội trình xin ý kiến Bộ Chính trị theo đúng quy định trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Những nội dung mang tính chất báo cáo thì có thể đơn giản hóa, gộp chung vào tờ trình về nội dung chương trình kỳ họp Quốc hội.

- Đối với các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội (chủ trương đầu tư những dự án, công trình quan trọng quốc gia và việc thành lập, sáp nhập, chia tách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...) thì khi Ban Cán sự đảng Chính phủ xin ý kiến Bộ Chính trị, cần có ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội.

- Trong trường hợp nội dung của văn kiện (nghị quyết, kết luận, chỉ thị...) của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần được thể chế hóa về mặt nhà nước, nếu thuộc thẩm quyền, trách nhiệm thể chế hóa của cơ quan nhà nước, đảng viên là người đứng đầu cơ quan nhà nước cụ thể nào thì trong nội dung văn kiện cần thể hiện việc giao nhiệm vụ cho cơ quan nhà nước, đảng viên đó; và cùng với việc gửi văn kiện cho ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan nhà nước tương ứng như lâu nay, cần đồng thời gửi trực tiếp văn kiện cho cơ quan nhà nước, đảng viên đó biết để triển khai thực hiện.

2.3. Trong công tác cán bộ

- Ban Tổ chức Trung ương khẩn trương rà soát, chuẩn hóa, ban hành đồng bộ các loại mẫu biểu hồ sơ, lý lịch liên quan đến công tác phát triển đảng viên mới, công tác quản lý cán bộ, đảng viên theo hướng tinh giản để sử dụng thống nhất trong toàn Đảng.

- Trong vòng 20 ngày làm việc từ khi nhận được văn bản đề nghị về tổ chức, nhân sự của các cấp, các ngành, Ban Tổ chức Trung ương cần xem xét, giải quyết (những việc thuộc thẩm quyền) và trả lời cho cơ quan, tổ chức có đề nghị, hoặc thực hiện xong các quy trình (thẩm định, xin ý kiến các cơ quan

liên quan, tổng hợp...) để trình Bộ Chính trị (Ban Bí thư) xem xét, quyết định (trừ trường hợp đặc biệt có lý do khách quan).

Chậm nhất sau 10 ngày làm việc sau khi Ban Tổ chức Trung ương gửi tờ trình đến, Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo Thường trực Ban Bí thư để đưa vào chương trình họp Bộ Chính trị (Ban Bí thư) xem xét, quyết định theo thẩm quyền (trừ trường hợp vì lý do đặc biệt chưa bố trí được lịch họp).

- Đối với cùng một cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý mới được điều động, bổ nhiệm, hoặc được bầu giữ chức vụ trong thời gian không quá 6 tháng, nếu ở cùng một địa phương, đơn vị và không có những vấn đề phức tạp mới phát sinh và đơn, thư tố cáo, nay được đề nghị kiêm thêm một chức vụ nữa hoặc chuyển sang một chức vụ khác, thì khi làm quy trình, Ban Tổ chức Trung ương không phải xin ý kiến thẩm định trước khi trình Bộ Chính trị (Ban Bí thư) quyết định bổ nhiệm hoặc giới thiệu để bầu.

- Đối với trường hợp nhân sự thuộc diện Bộ Chính trị quản lý công tác trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương, sau khi Bộ Chính trị quyết định, Văn phòng Trung ương Đảng dự thảo quyết định hoặc thông báo, trình đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị có thẩm quyền ký, gửi quyết định hoặc thông báo đó cho Ban Tổ chức Trung ương. Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức trao quyết định hoặc thông báo cho đồng chí đó trong thời gian không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

- Đối với trường hợp nhân sự thuộc diện Ban Bí thư quản lý công tác trong các cơ quan, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc,

các đoàn thể, các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương, sau khi Ban Bí thư quyết định, Văn phòng Trung ương Đảng dự thảo quyết định hoặc thông báo, trình đồng chí Bí thư Trung ương Đảng có thẩm quyền ký và gửi văn bản theo một trong hai trình tự sau:

+ Nếu nhân sự là người đứng đầu ban cán sự đảng, đảng đoàn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương... thì gửi cho Ban Tổ chức Trung ương để Ban Tổ chức Trung ương tổ chức trao quyết định hoặc thông báo cho đồng chí đó trong thời gian không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

+ Nếu nhân sự là cấp phó người đứng đầu (hoặc là thành viên) các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương thì gửi cho cấp ủy, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đó công tác và đồng gửi Ban Tổ chức Trung ương để theo dõi, tổng hợp chung. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cấp ủy nơi cán bộ công tác tổ chức trao quyết định hoặc thông báo cho đồng chí đó trong thời gian không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

- Đối với nhân sự cơ quan nhà nước thuộc diện Bộ Chính trị (Ban Bí thư) quản lý, sau khi Bộ Chính trị (Ban Bí thư) họp kết luận đồng ý bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, phong hoặc thăng quân hàm..., Văn phòng Trung ương Đảng làm văn bản thông báo kết luận của Bộ Chính trị (Ban Bí thư) gửi Chủ tịch nước (nếu là nhân sự Phó Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao...), Đảng đoàn Quốc hội (nếu là nhân sự của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội), Ban Cán sự đảng Chính phủ

(nếu là nhân sự của khối các cơ quan thuộc Chính phủ) để thể chế hóa về mặt nhà nước và đồng gửi Ban Tổ chức Trung ương để theo dõi, tổng hợp chung.

2.4. Trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng

- Trong vòng 20 ngày làm việc từ khi nhận được văn bản đề nghị về nhân sự, kỷ luật cán bộ của các cấp, các ngành, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cần xem xét, giải quyết (những việc thuộc thẩm quyền) và trả lời cho cơ quan, tổ chức có đề nghị, hoặc thực hiện xong các quy trình (thẩm định, xin ý kiến các nơi, tổng hợp...) để trình Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư xem xét, quyết định (trừ trường hợp đặc biệt có lý do khách quan).

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng Trung ương có liên quan nghiên cứu, xây dựng đề ban hành các quy định của Bộ Chính trị về thủ tục, trình tự và thẩm quyền xác định "dấu hiệu vi phạm" theo Điều 32, Điều lệ Đảng; về thủ tục, trình tự và thẩm quyền xử lý trách nhiệm của trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra khi tiến hành không đúng nội dung, cách thức, quy trình kiểm tra theo Điều 32, Điều lệ Đảng; về trình tự, thủ tục quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên, đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ chức vụ và quyết định trở lại sinh hoạt, quyết định phục hồi chức vụ đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý để thực hiện thống nhất, đồng bộ.

- Đối với các tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm phải trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định theo thẩm quyền, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có tờ trình đề nghị thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên đó; kèm

theo hồ sơ gồm: báo cáo giải trình của tổ chức đảng hoặc đảng viên, bản tự kiểm điểm của tổ chức đảng hoặc đảng viên và sơ yếu lý lịch của đảng viên đó.

Chậm nhất sau 10 ngày làm việc sau khi Ủy ban Kiểm tra Trung ương gửi tờ trình đến, Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo Thường trực Ban Bí thư để đưa vào chương trình họp Bộ Chính trị (Ban Bí thư) xem xét, quyết định theo thẩm quyền (trừ trường hợp vì lý do đặc biệt chưa bố trí được lịch họp).

- Sau khi cuộc kiểm tra kết thúc, các đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoàn chỉnh hồ sơ, bàn giao cho Văn phòng Trung ương Đảng để lập và lưu trữ hồ sơ.

2.5. Trong lãnh đạo, quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại

- Trong vòng từ 5 đến 7 ngày làm việc từ khi nhận được văn bản đề nghị của các cấp ủy, tổ chức đảng và đoàn thể nhân dân về hoạt động đối ngoại của cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân cán bộ, đảng viên, Ban Đối ngoại Trung ương cần xem xét, giải quyết (những việc thuộc thẩm quyền) hoặc thực hiện các quy trình (thẩm định, xin ý kiến các cơ quan liên quan, tổng hợp) để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư có thẩm quyền xem xét, quyết định (trừ trường hợp đặc biệt có lý do khách quan).

3. Về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin góp phần cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật mật mã trong công tác văn thư để rút ngắn thời gian gửi, nhận văn bản, giảm văn bản, giấy tờ hành chính trong các cơ quan, tổ chức đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì phối hợp với các ban đảng ở Trung ương, Ban Cơ yếu Chính phủ hoàn thiện cơ chế bảo mật bảo đảm thực hiện việc gửi, nhận và xử lý văn bản giữa các cơ quan đảng ở Trung ương và giữa các cơ quan đảng ở Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương thông qua mạng tin học diện rộng của Đảng; xây dựng và ban hành quy chế của Ban Bí thư về tiếp nhận, xử lý văn bản trên mạng máy tính diện rộng của Đảng.

- Đối với các văn bản quy định, hướng dẫn công tác không mật cần đưa lên trang điện tử chính thức của Đảng để các tổ chức đảng và đảng viên thuận tiện khai thác, sử dụng trong công việc.

- Mở rộng việc tổ chức hội nghị trực tuyến đối với những hội nghị có nội dung không mật, có giải pháp bảo mật để từng bước thực hiện được hình thức tổ chức hội nghị trực tuyến đối với các hội nghị cán bộ toàn quốc, trừ khi có yêu cầu đặc biệt về bảo mật.

4. Thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách thủ tục hành chính trong Đảng do đồng chí Thường trực Ban Bí thư làm Trưởng ban, đồng chí Chánh Văn phòng Trung ương Đảng làm Phó ban Thường trực, các ủy viên là các đồng chí đại diện lãnh đạo các ban đảng Trung ương.

Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các ban đảng, các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương rà soát nhằm phát hiện những thủ tục hành chính trong Đảng không còn phù hợp, những vấn đề còn vướng mắc trong thực tiễn thực hiện, nhất là những vấn đề có liên quan đến quy định của Điều lệ, quy định của các cơ quan Trung ương của Đảng để đề xuất hướng

xử lý phù hợp. Trên cơ sở đó, hệ thống hóa, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong Đảng trong từng lĩnh vực công tác để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành bộ thủ tục hành chính sử dụng thống nhất trong Đảng trong năm 2012.

Ban Chỉ đạo có Tổ biên tập giúp việc gồm một số cán bộ của Văn phòng Trung ương Đảng và các ban đảng Trung ương. Mỗi ban đảng ở Trung ương có nhóm công tác chuyên trách để giúp rà soát, hệ thống hóa và kiến nghị sửa đổi, cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng về lĩnh vực phụ trách của mình; đồng thời lựa chọn một số tỉnh ủy, thành ủy để làm điểm.

Đối với những vấn đề quan trọng trong cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, ngoài phạm vi Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiếp thu các nội dung cơ bản nêu trên để bổ sung, xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng khóa XI, trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa XI) quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 367-TB/TW, ngày 17 tháng 8 năm 2010

Về kết quả Chương trình "Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2006 - 2010 và hướng nghiên cứu giai đoạn 2011 - 2015" của Hội đồng Lý luận Trung ương

Tại phiên họp ngày 10-8-2010, sau khi nghe Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình "Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2006 - 2010 và hướng nghiên cứu giai đoạn 2011 - 2015" (Công văn số 611-CV/HĐLLTW, ngày 28-5-2010), ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Chương trình "Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2006 - 2010" (mã số KX.04/06-10) của Hội đồng Lý luận Trung ương đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, tích cực, đạt kết quả tốt. Nhiều kết quả nghiên cứu của Chương trình đã đóng góp trực tiếp cho các nghị quyết Trung ương (khóa X) và dự thảo các văn kiện Đại hội XI của Đảng. Ban Bí thư hoan nghênh kết quả đạt được và đánh giá cao sự

cố gắng của Hội đồng Lý luận Trung ương và các nhà khoa học đã tham gia thực hiện Chương trình.

2. Về hướng nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2011 - 2015, giao Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương rà soát lại, lựa chọn các nội dung nghiên cứu, báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 368-TB/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2010

**Về hoạt động và kết quả nghiên cứu bước đầu
của Đề tài khoa học cấp nhà nước
"Chủ thuyết phát triển của Việt Nam
trong thời đại Hồ Chí Minh và vận dụng
chủ thuyết đó trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI"**

Tại phiên họp ngày 10-8-2010, sau khi nghe Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo về tiến độ thực hiện và kết quả nghiên cứu bước đầu Đề tài "Chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh và vận dụng chủ thuyết đó trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI" (hướng tầm nhìn tới năm 2020 - 2045) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Ban Bí thư hoan nghênh và đánh giá cao cố gắng của Hội đồng Lý luận Trung ương và các nhà khoa học đã tích cực triển khai nghiên cứu công phu, nghiêm túc Đề tài, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đưa Đề tài nghiên cứu thành Đề tài khoa học cấp nhà nước để việc triển khai nghiên cứu được thuận lợi.

2. Đồng ý tiếp tục nghiên cứu sâu hơn các vấn đề đặt ra, đã và đang được nghiên cứu. Việc nghiên cứu cần phải bám sát mục tiêu là bảo vệ, phát triển, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần làm sáng tỏ hơn mục tiêu và con đường phát triển của đất nước là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chưa công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu cho tới khi kết thúc nghiên cứu Đề tài vào tháng 6-2011.

3. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương chỉ đạo việc tiếp thu các ý kiến của Ban Bí thư, hoàn chỉnh các tài liệu về kết quả nghiên cứu của Đề tài, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 372-TB/TW, ngày 26 tháng 8 năm 2010

Về việc lựa chọn dịch, in, phát hành

***Tuyển tập Hồ Chí Minh* bằng tiếng Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc**

Trong phiên họp ngày 24-8-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về việc lựa chọn các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh dịch, in, phát hành *Tuyển tập Hồ Chí Minh* bằng tiếng Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc (Tờ trình số 2010-TTr/BTGTW và Đề án số 24-ĐA/BTGTW, ngày 14-7-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương lựa chọn, dịch, in, phát hành *Tuyển tập Hồ Chí Minh* bằng tiếng Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc. Việc giới thiệu tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với các nước khu vực Mỹ Latinh, đảng cộng sản, phong trào công nhân và phong trào không liên kết trên thế giới là cần thiết, nhằm tăng cường tình hữu nghị, hợp tác, hiểu biết giữa nước ta với các nước trên thế giới, nâng cao vị thế,

uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh; góp phần phản bác luận điệu sai trái, phản động của các thế lực thù địch.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương và các cơ quan hữu quan triển khai thực hiện theo nội dung Đề án trình Ban Bí thư. Quá trình thực hiện cần chú trọng chất lượng nội dung, hình thức sách, nội dung bản dịch ra tiếng nước ngoài, lựa chọn hình ảnh phù hợp.

Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí theo quy định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 83-KL/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2010

**Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW,
ngày 21-5-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX)
"Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào
thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết
và nhân điển hình tiên tiến"**

Sau khi nghe Ban Chỉ đạo Trung ương báo cáo kết quả hơn 5 năm thực hiện Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến", Ban Bí thư đã kết luận như sau:

Trong thời gian qua, việc thực hiện Chỉ thị đã nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước. Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng đã có những tiến bộ quan trọng, tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn chỉnh hơn để Nhà nước quản lý thi đua, khen thưởng bằng pháp luật. Hội đồng thi đua, khen thưởng và tổ chức bộ

máy thi đua, khen thưởng các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn, hoạt động ngày càng có hiệu quả. Các cơ quan truyền thông đại chúng có nhiều hình thức tuyên truyền, biểu dương người tốt, việc tốt.

Phong trào thi đua yêu nước đã được triển khai với nội dung, tiêu chí, hình thức phát động thi đua từng bước được đổi mới, bám sát nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn của từng bộ, ngành, địa phương, đơn vị. Đặc biệt, sau khi Bộ Chính trị phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", phong trào thi đua yêu nước đã gắn với việc triển khai cuộc vận động. Đã có nhiều tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, được các cấp khen thưởng. Việc bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến có bước chuyển tích cực. Những tiến bộ đó đã góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết dân tộc và đồng thuận xã hội.

Tuy nhiên, phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức phong trào thi đua còn hình thức, có nơi chỉ giao cho cơ quan chuyên môn. Phong trào thi đua phát triển chưa đồng đều, rộng khắp và liên tục, chưa gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, làm hạn chế động lực. Việc khen thưởng còn tràn lan, nhiều nơi còn cào bằng, chưa kịp thời, chưa chính xác, có biểu hiện tiêu cực, thương mại hóa trong suy tôn, bình xét khen thưởng; không ít trường hợp vận dụng khen thưởng chưa đúng quy định của Luật thi đua, khen thưởng,

nặng về thành tích, chất lượng không bảo đảm, thủ tục hành chính phức tạp, thẩm định hồ sơ khen thưởng chưa sát, thiếu chặt chẽ; một số tập thể, cá nhân được khen thưởng ít có sức lan tỏa và nêu gương trong cuộc sống. Việc đề nghị các hình thức khen thưởng bậc cao còn hình thức, dễ dãi, tràn lan, mang tính phong trào hơn là chọn điển hình tiên tiến. Một số tập thể, cá nhân chưa có thành tích tiêu biểu xuất sắc, nhiều vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng, nội bộ thiếu đoàn kết, thống nhất đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét kết luận, nhưng vẫn được đề nghị khen thưởng, có những trường hợp khi tổ chức khen thưởng đã gây phản cảm, bức xúc trong dư luận xã hội.

Khen thưởng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý còn nhiều, ít khen thưởng cho người lao động trực tiếp sản xuất. Việc tổ chức tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp còn tràn lan, có biểu hiện thương mại hóa, chưa đảm bảo tính tiêu biểu, nêu gương và giáo dục, ít được dư luận xã hội đồng tình.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đó là:

- Nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và toàn xã hội về vị trí, vai trò của công tác thi đua trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ; chậm nắm bắt thực tiễn để phát động thi đua, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến.

- Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng chưa chủ động bám sát các phong trào thi đua, còn hành chính hóa công tác thi đua, khen thưởng, lúng túng trong

việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng. Thẩm định hồ sơ khen thưởng chưa sát, chưa bảo đảm chất lượng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng chậm đổi mới, chưa có biện pháp ngăn chặn việc ngành, địa phương, đơn vị tùy tiện đặt ra các hình thức tôn vinh không đúng quy định của Luật thi đua, khen thưởng, cá biệt còn để xảy ra một số trường hợp lợi dụng thi đua, khen thưởng nhằm tạo danh hiệu riêng cho cá nhân và tập thể.

- Hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng còn bất cập, chưa theo kịp với thực tiễn cuộc sống, chậm được thay thế, sửa đổi, bổ sung.

Để khắc phục tình trạng trên, nhằm tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt những chủ trương, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng

Tiếp tục tập trung quán triệt sâu sắc, đầy đủ Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến" và các văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, gắn với việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm

gương đạo đức Hồ Chí Minh". Qua đó, không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên làm công tác thi đua, khen thưởng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên trong toàn hệ thống chính trị phải coi công tác thi đua, khen thưởng là động lực cách mạng to lớn để thực hiện nhiệm vụ chính trị và là biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới, làm tốt nhiệm vụ hàng ngày của mình, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ *"Thật ra công việc hằng ngày chính là nền tảng của công tác thi đua"*.

2. Về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua yêu nước

- Cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm lãnh đạo tập trung thống nhất chặt chẽ, toàn diện công tác tổ chức các phong trào thi đua yêu nước do Trung ương phát động, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị.

- Cơ quan chính quyền nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong việc tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời, báo cáo kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng về kết quả tổ chức các phong trào thi đua yêu nước.

- Việc tổ chức các phong trào thi đua yêu nước phải được tiến hành kịp thời, tránh phô trương, hình thức, bảo đảm thiết thực và hiệu quả.

- Cơ quan chính quyền các cấp, nhất là cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch, biện pháp cụ thể tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể, người Việt Nam và kiều bào ở nước ngoài hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước.

- Mỗi phong trào thi đua cần xác định rõ chủ đề, nội dung, hình thức và tiêu chí thi đua, gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tạo sự tiến bộ rõ rệt về phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường xã hội lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Tiến hành tổng kết phong trào thi đua yêu nước, xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến.

Các phong trào thi đua yêu nước do Trung ương và bộ, ngành, địa phương phát động cần được kiểm tra, tổng kết, đánh giá đúng những kết quả đạt được, chỉ ra những mặt còn hạn chế. Qua đó rút ra cách làm hay, kinh nghiệm tốt để nhân rộng các điển hình tiên tiến, bảo đảm sự phù hợp với từng cấp, từng ngành. Các điển hình tiên tiến được xem xét lựa chọn để xây dựng và nhân rộng phải thực sự tiêu biểu, nêu gương người tốt, việc tốt, có sức lan tỏa trong cơ quan, đơn vị, tạo động lực mới để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, góp phần tổng kết các điển hình tiên tiến trong toàn quốc.

3. Đối với công tác khen thưởng

- Các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua yêu nước được cấp có thẩm quyền xét khen thưởng theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

- Cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng bám sát phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị. Thông qua các phong trào thi đua, phát hiện những nhân tố điển hình để biểu dương, khen thưởng kịp thời; nâng cao chất lượng thẩm định hồ sơ khen thưởng, bảo đảm việc tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân được chính xác, có tác dụng nêu gương, giáo dục và có sức lan tỏa trong cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng và Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị các hình thức khen thưởng, nhất là hình thức khen thưởng bậc cao. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng các cấp chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng và cấp có thẩm quyền về chất lượng hồ sơ được trình khen thưởng.

- Trên cơ sở các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, thể chế hóa thành các quy định, quy chế để quản lý việc tổ chức tôn vinh, tuyên dương, trao giải các danh hiệu ngoài các hình thức khen thưởng đã có theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng hiện nay.

4. Về tổ chức, bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng

Đổi mới, sắp xếp cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng các cấp theo hướng tập trung thống nhất từ

Trung ương đến địa phương, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; có kế hoạch tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Về tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và căn cứ nội dung kết luận này, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu đề trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật thi đua, khen thưởng, bảo đảm Luật được sửa đổi, bổ sung có tính khả thi cao.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Kết luận này.

Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương theo dõi việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Kết luận này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 377-TB/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2010
Về Đại hội Liên hiệp các Hội Văn học
nghệ thuật Việt Nam lần thứ VIII

Trong phiên họp ngày 21-9-2010, sau khi nghe đại diện Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam báo cáo về việc tổ chức Đại hội Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam lần thứ VIII (Công văn số 123-CV/ĐĐLH, ngày 6-9-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Ban Bí thư đánh giá cao công tác chuẩn bị Đại hội; các văn kiện trình Đại hội lần thứ VIII Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam được chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng, chặt chẽ, dân chủ, lấy ý kiến từ cơ sở. Đồng ý cho tiến hành Đại hội lần thứ VIII với các nội dung Đảng đoàn đã trình Ban Bí thư trong Công văn số 123-CV/ĐĐLH, ngày 6-9-2010.

Điều lệ của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam cần hoàn thiện theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2. Giao Ban Chỉ đạo Đại hội các hội văn học nghệ thuật Trung ương giúp Ban Bí thư tiếp tục chỉ đạo Đại hội Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam lần thứ VIII theo đúng tinh thần Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 9-3-2009 của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
 TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 378-TB/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2010
Về việc xây dựng Tượng đài Bác Hồ
tại Gia Lai

Trong phiên họp ngày 21-9-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo tỉnh Gia Lai báo cáo về những công việc đã triển khai xây dựng Tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên tại Gia Lai (Báo cáo số 02-BC/BCĐ, ngày 23-8-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Ban Bí thư đánh giá cao công tác triển khai các công tác chuẩn bị cho việc xây dựng Tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên tại Gia Lai của Tỉnh ủy Gia Lai và các bộ, ngành có liên quan. Đồng ý chọn mẫu tượng Bác Hồ do nhà điêu khắc Phạm Bá Đua - Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam thể hiện; tượng Bác được đúc bằng chất liệu đồng, cao 10,8m, bệ tượng cao 4,5m. Phù điêu có chiều dài 58m, cao 11m, chất liệu bằng đá tự nhiên, với nhiều cánh sen cách điệu phía sau và hai bên tượng Bác; nhất trí việc đặt Tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên tại Quảng trường trung tâm thành

phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, tên gọi mới là Quảng trường Đại đoàn kết như Đề án của Tỉnh ủy Gia Lai.

2. Tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên đặt tại Gia Lai là một công trình văn hóa có ý nghĩa to lớn, thể hiện tình cảm của Bác với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên và của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đối với Bác. Vì vậy, trong quá trình triển khai thực hiện, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cần tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan; chủ động phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan triển khai việc xây dựng tượng Bác theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo công trình an toàn, có chất lượng kỹ thuật và nghệ thuật cao, không để xảy ra bất cứ sai sót, tiêu cực nào. Tỉnh Gia Lai lập dự toán trình Chính phủ xem xét cấp kinh phí xây dựng Tượng đài.

T/M BAN BÍ THƯ
 TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 379-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2010
Về việc xây dựng tượng đài Bác Hồ
và Bác Tôn tại Hà Nội

Trong phiên họp ngày 21-9-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Thành phố Hà Nội báo cáo về việc xây dựng tượng đài Bác Hồ và Bác Tôn tại đảo Thống Nhất, công viên Thống Nhất, Hà Nội (Báo cáo số 150/UBND-BC, ngày 17-9-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Theo Thông báo số 171-TB/TW, ngày 2-8-2008 của Bộ Chính trị, Bộ Chính trị đồng ý việc Hà Nội xây dựng tượng đài Bác Hồ và Bác Tôn tại công viên Thống Nhất, Thành phố Hà Nội và yêu cầu việc lựa chọn địa điểm, khuôn viên, cảnh quan, lựa chọn chất liệu, xây dựng thiết kế mẫu tượng và kế hoạch xây dựng tượng đài, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phải báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư. Tuy nhiên, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã không thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

2. Đồng ý để Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm cùng các cơ quan liên quan tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện tượng đài, đảm bảo đúng các quy định hiện hành, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, xứng tầm một công trình văn hóa lớn, chào mừng 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

T/M BAN BÍ THƯ
 TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 380-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2010
Về Năm Thanh niên 2011

Tại phiên họp ngày 24-8-2010, sau khi nghe Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh báo cáo Đề án Năm Thanh niên 2011 (Tờ trình số 2073-TTr/TWĐTN, ngày 18-8-2010); ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương lấy năm 2011 là "Năm Thanh niên" và cơ bản nhất trí Đề án Năm Thanh niên 2011 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, với mục tiêu phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích, sáng tạo, tinh thần tự nguyện của thanh niên trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp đối với công tác thanh niên; đầu tư tập trung hơn cho công tác bồi dưỡng, giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

vững mạnh, phát triển các tổ chức thanh niên do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt để tăng cường đoàn kết, tập hợp thanh niên.

Ban Bí thư Trung ương Đoàn tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư tại phiên họp để bổ sung, hoàn chỉnh Đề án.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện một số nội dung sau:

- Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25-7-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

- Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010. Xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

- củng cố, kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về công tác thanh niên; rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật và chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

- Đánh giá việc thực hiện công tác quy hoạch, đầu tư các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho thanh thiếu nhi; đẩy mạnh triển khai các đề án, công trình đã có chủ trương.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi; tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong công tác giáo dục toàn diện thanh thiếu nhi để từng bước hình thành lớp thanh niên giàu lòng yêu nước, sống có lý tưởng, có lối sống, nếp sống văn minh công nghiệp, có kiến thức và kỹ năng xã hội phù hợp với sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

3. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tập trung triển khai thực hiện các nội dung sau đây:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thanh niên; lựa chọn tập trung thực hiện một số đề án, công trình đã có chủ trương để tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức cho thế hệ trẻ về chủ quyền an ninh quốc gia, về trách nhiệm và nghĩa vụ của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tiếp tục phát huy vai trò xung kích, tinh thần tình nguyện của thanh niên thông qua các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng và các chương trình, dự án, đề án đã được phê duyệt.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, xung kích đưa nghị quyết đại hội đảng vào cuộc sống.

- Bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp.

4. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo, tổ chức thực hiện Đề án Năm Thanh niên 2011 bằng những chính sách cụ thể; các bộ, ngành, tỉnh, thành phố tập trung thực hiện tốt các nội dung đã được xác định trong Nghị quyết 45/NQ-CP, ngày 11-9-2009 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25-7-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

5. Các cấp ủy đảng xác định nội dung hành động thực hiện Năm Thanh niên lồng ghép trong chương trình, kế

hoạch năm 2011, phù hợp với đặc điểm của địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị. Tăng cường chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, đảm bảo vai trò nòng cốt chính trị trong các tổ chức thanh niên và phong trào thanh thiếu nhi.

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Đề án và báo cáo Ban Bí thư theo quy định.

Thông báo này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 84-KL/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2010

Về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2011

Tại phiên họp ngày 11-9-2010, Bộ Chính trị đã nghe và cho ý kiến vào báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2010, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2011. Sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính được sự ủy quyền của Ban Cán sự đảng Chính phủ trình bày, ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận, cơ bản nhất trí với nội dung đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2010, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2011, đồng thời nhấn mạnh và lưu ý một số vấn đề sau:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2010

1. Về kết quả đạt được

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, dưới sự

lãnh đạo của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, chúng ta đã thực hiện có kết quả mục tiêu tổng quát đề ra cho năm 2010, với các mặt đạt được nổi bật là:

- Năm 2010, nền kinh tế đã có bước phục hồi khá nhanh, tốc độ tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước; đang lấy lại được đà tăng trưởng trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

- Sản xuất, kinh doanh phát triển; giá trị sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao, ngành xây dựng có giá trị tăng thêm đạt mức cao nhất trong nhiều năm qua; sản xuất nông nghiệp ổn định; đã khai thác tốt hơn thị trường trong và ngoài nước, xuất khẩu tăng mạnh; các hoạt động thương mại dịch vụ, du lịch đều có mức tăng trưởng cao hơn năm trước.

- Các cân đối kinh tế vĩ mô cơ bản được kiểm soát; thu ngân sách nhà nước vượt dự toán; lãi suất ngân hàng được điều chỉnh giảm; bội chi giảm so với dự kiến, lạm phát được kiểm soát và kiềm chế ở mức khoảng 7 - 8%. Huy động được khối lượng vốn khá lớn cho đầu tư phát triển; nhập siêu giảm xuống dưới 20%; an ninh lương thực được bảo đảm.

- An sinh xã hội tiếp tục được chăm lo tốt hơn; công tác giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm nhiều hơn, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế đạt kết quả quan trọng, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam được nâng cao; an ninh, quốc phòng được giữ vững.

Kết quả đạt được trong năm 2010 có ý nghĩa quan trọng, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và tạo

dà cho việc thực hiện các mục tiêu của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

2. Về hạn chế, yếu kém

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm 2010 nổi lên một số mặt hạn chế, yếu kém cần được quan tâm xử lý tốt hơn trong năm 2011:

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Sản xuất công nghiệp giá trị gia tăng thấp, nhiều sản phẩm có mức tiêu hao năng lượng cao, công nghiệp phụ trợ phát triển chậm, lại tiếp tục nhập khẩu thiết bị cũ và trung bình trong các ngành kinh tế; khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn là khu vực có tốc độ tăng trưởng thấp nhất; hiệu quả đầu tư thấp, đầu tư của ngân sách cho khu vực nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng với yêu cầu đề ra.

- Cơ sở hạ tầng yếu kém, nhất là giao thông đang cản trở sự phát triển. Việc cung ứng điện không bảo đảm; tiến độ triển khai nhiều công trình quan trọng chậm, nhất là các dự án điện và hạ tầng giao thông, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

- Hiệu quả các giải pháp giảm nhập siêu còn hạn chế. Thị trường trong nước tuy đã được quan tâm nhưng nhiều hàng hóa Việt Nam vẫn chưa cạnh tranh được với hàng nhập khẩu, đặc biệt là hàng hóa xuất xứ từ Trung Quốc.

- Hệ thống pháp luật ban hành chưa kịp thời, đồng bộ, còn gây khó khăn, vướng mắc cho phát triển sản xuất, kinh doanh; tình trạng doanh nghiệp Việt Nam không nhận được thầu tại thị trường trong nước khá phổ biến,

nhất là các tổng thầu EPC. Trong khi nhà thầu quốc tế trúng thầu lại cung cấp thiết bị trình độ thấp, thi công kéo dài không đảm bảo kế hoạch, gây ảnh hưởng đến sự phát triển nền kinh tế.

- Chi tiêu ngân sách vẫn còn lãng phí; bội chi còn cao. Sự phối hợp giữa chính sách tài chính và chính sách tiền tệ chưa tốt, vốn cho sản xuất, kinh doanh còn rất căng thẳng; lãi suất cho vay còn cao, chưa có giải pháp có hiệu quả để hạ lãi suất, giảm gánh nặng cho sản xuất; tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng vẫn còn khó khăn, nhất là thanh khoản về ngoại tệ; cán cân tổng thể thâm hụt, dự trữ ngoại tệ giảm..., kinh tế vĩ mô chưa vững chắc.

- Việc bảo vệ môi trường và hạn chế tổn thất tài nguyên khoáng sản chưa làm được nhiều. Ô nhiễm môi trường gia tăng. Đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ công nghệ và ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong các ngành còn hạn chế.

- Chất lượng giáo dục - đào tạo chuyển biến còn chậm; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế, giá thuốc chữa bệnh, giá sữa chưa được kiểm soát chặt chẽ. Chế độ tiền lương còn nhiều bất hợp lý, nhất là khu vực hành chính công. Giảm nghèo chưa thực sự bền vững, chuẩn nghèo quốc gia còn ở mức thấp. Vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được cải thiện đáng kể. Những vấn đề về tệ nạn xã hội, tai nạn và ùn tắc giao thông, tội phạm, buôn bán phụ nữ, khiếm kiện... chưa giảm, gây bức xúc trong xã hội.

- Chất lượng một bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà trong bộ máy hành chính; tham nhũng, lãng phí chưa được đẩy lùi; tâm lý xã hội có lúc, có nơi chưa thuận.

II- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2011

1. Về mục tiêu, các cân đối lớn

Nhất trí với mục tiêu tổng quát năm 2011 là: *Tiếp tục tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2010 gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường ổn định chính trị - xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.*

Về chỉ tiêu và các cân đối: Bộ Chính trị nhất trí với các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011:

- Tăng trưởng GDP 7 - 7,5%; lạm phát dưới mức tăng trưởng (khoảng 7%). Bội chi ngân sách 5,5%. Một số chỉ tiêu cần được bổ sung, điều chỉnh như: chỉ tiêu đào tạo nghề, số xã đạt chuẩn nông thôn mới, chỉ tiêu môi trường.

- Bổ sung cân đối nợ công và nợ chính phủ (vay nợ và trả nợ, mức nợ) để có kế hoạch điều hành cho phù hợp.

- Giảm nhập siêu xuống mức dưới 20% kim ngạch xuất khẩu; điều hành chặt chẽ xuất khẩu gạo để đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước.

2. Về định hướng phát triển ngành, lĩnh vực

- Xem xét điều chỉnh quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực, hướng vào các ngành sản xuất có công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ

nguồn; phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ, các ngành sản xuất trong nước có lợi thế cạnh tranh để thay thế hàng nhập khẩu. Xác định các ngành nghề ưu tiên để đổi mới cơ cấu kinh tế, đồng thời có chính sách ưu tiên việc đầu tư sản xuất mới, chuyển đổi mục đích sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và các ngành này.

- Thực hiện điều chỉnh sản xuất, xuất khẩu một số mặt hàng liên quan đến tiết kiệm tài nguyên; tiến tới chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô, tinh quặng.

- Xem xét lại cơ cấu đầu tư, giảm phù hợp đầu tư từ ngân sách; có chính sách thích hợp để khuyến khích và dành một tỉ lệ các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong kế hoạch để thực hiện đầu tư theo hình thức PPP (hợp tác công - tư), BOT, BT, BO. Chấn chỉnh đầu tư, nhất là đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và của doanh nghiệp nhà nước. Đối với vốn đầu tư nước ngoài, hạn chế các dự án đầu tư vào các sản phẩm tiêu hao nhiều năng lượng, chiếm nhiều đất, gây ô nhiễm môi trường, giá trị gia tăng thấp và lĩnh vực bất động sản. Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư cho các bệnh viện, trường học.

- Kiên định và tạo đồng thuận để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường. Trong đó, sớm xem xét điều chỉnh giá một số hàng hóa, dịch vụ Nhà nước đang quản lý (giá điện, than, giá đất, dịch vụ y tế, giáo dục...) theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và thúc đẩy quá trình thị trường hóa giá cả, đồng thời có chính sách hỗ trợ diện dân nghèo.

- Bắt đầu triển khai kế hoạch phòng, chống nước biển dâng và biến đổi khí hậu ở những vùng xung yếu.

- Triển khai Đề án cải cách chính sách tiền lương.

3. Về giải pháp và chính sách chủ yếu

Bộ Chính trị nhất trí với 6 nhóm giải pháp, đồng thời nhấn mạnh:

- Ban hành chính sách phát triển công nghiệp phụ trợ, tăng nhanh tỉ lệ nội địa hóa ngành công nghiệp, giảm nhập siêu và tăng tính tự chủ nền kinh tế.

- Chủ động điều hành để giảm mất cân đối cục bộ về cung - cầu điện; sớm giải quyết vấn đề giá điện theo cơ chế thị trường để khuyến khích đầu tư phát triển nguồn điện, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế; thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án dở dang.

- Có các giải pháp đồng bộ, đi đôi với chỉ đạo tập trung quyết liệt để giảm nhập siêu. Gắn chương trình giảm nhập siêu với sản xuất các sản phẩm trong nước; ban hành chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ. Nghiên cứu và khẩn trương triển khai hệ thống hàng rào kỹ thuật của các thị trường.

- Sửa đổi các quy định pháp lý, chấn chỉnh công tác điều hành để tạo điều kiện cho phát triển như: điều chỉnh những vấn đề liên quan đến đấu thầu, điều chỉnh các quy định về đấu thầu theo hình thức EPC theo hướng coi trọng chất lượng; những công trình 100% vốn nhà nước nên có quy định ưu tiên cho doanh nghiệp Việt Nam. Có quy định để ngăn chặn đầu tư công nghệ lạc hậu và hạn chế đầu tư công nghệ trung bình và kéo dài thời gian hoàn thành công trình.

- Sửa đổi cơ chế đấu thầu, lưu ý cả ba mặt: vốn, công nghệ, năng lực triển khai của nhà thầu. Ngăn chặn nhập khẩu thiết bị cũ, trung bình và lao động phổ thông vào nước ta.

- Chấn chỉnh việc phân cấp quản lý trên nhiều lĩnh vực cho chính quyền địa phương, chấn chỉnh các sơ hở thời gian vừa qua.

Điều chỉnh việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương trong một số lĩnh vực để bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương như: Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất; cấp phép khai thác khoáng sản; cấp phép đầu tư một số ngành không khuyến khích để hạn chế việc đầu tư phá vỡ quy hoạch và dự án quy mô lớn.

Rà soát lại hệ thống pháp luật hiện hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm các thủ tục hành chính; các quy định liên quan đến việc cải thiện môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Đổi mới mạnh mẽ chính sách tài khóa cả về cơ cấu lại thu - chi ngân sách, nâng cao hiệu quả chi tiêu ngân sách ở tất cả các lĩnh vực, các ngành, các cấp; tăng cường tiết kiệm chi; đổi mới chính sách thuế (trong đó chú ý đến thuế xuất khẩu khoáng sản, thuế nhà đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, kiểm soát thất thu thuế); giảm mức thu so GDP ở mức hợp lý để nuôi dưỡng nguồn thu; tiếp tục giảm hợp lý mức bội chi (trong trường hợp có nguồn tăng thu thì phải ưu tiên để giảm bội chi ngân sách và tăng chi đầu tư). Sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước để tăng cường quản lý nợ công; thực hiện điều hành theo đúng các nguyên tắc tài khóa và thông lệ quốc tế; tăng cường công tác giám sát tài chính. Đổi mới cơ chế tài chính đối với các loại hình sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế; sớm ban hành chính sách xã hội hóa đối với

dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao; thúc đẩy xã hội hóa các loại hình sự nghiệp.

Chính sách tiền tệ phải chủ động và linh hoạt, bảo đảm thực hiện được mục tiêu vừa chống lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, vừa tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh phát triển, chống đầu cơ vào chứng khoán và bất động sản. Đẩy mạnh cải cách hệ thống ngân hàng, tăng cường công tác cảnh báo, giám sát ngân hàng. Giảm tình trạng đôla hóa; tăng thanh toán không dùng tiền mặt trong xã hội. Giảm lãi suất tín dụng ở mức hợp lý.

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; cơ cấu lại một số tập đoàn, tổng công ty lớn, tập trung vào sản xuất, kinh doanh các ngành nghề chính; tăng cường công tác giám sát, quản lý đầu tư, quản lý vốn và tài sản nhà nước; đổi mới quản trị doanh nghiệp. Đẩy mạnh cổ phần hóa.

- Sớm ban hành chính sách hỗ trợ cho các địa phương thuần nông (chủ yếu trồng lúa) và hỗ trợ, bảo hiểm cho người trồng lúa. Tiếp tục thực hiện chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cần đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Hoàn thiện các chuẩn đào tạo ở các cấp, xây dựng chuẩn hóa và liên thông các bậc đào tạo sau giáo dục phổ thông; ban hành cơ chế và tăng cường quản lý nhà nước để bảo đảm chất lượng đào tạo. Đẩy nhanh tiến độ tăng cường cơ sở vật chất trường học, nhất là các trường ở vùng cao, vùng sâu.

- Đẩy mạnh Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác bảo vệ môi trường.

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học - công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp và người sản xuất ứng dụng công nghệ mới và thu hút sự tham gia của các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học - công nghệ.

- Sớm điều chỉnh chuẩn nghèo quốc gia; tăng cường xây dựng, mở rộng bệnh viện, chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp dược, kiểm soát giá thuốc chữa bệnh trong các bệnh viện; tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.

- Tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Nâng cao năng lực cán bộ, công chức làm công tác xây dựng chính sách, quản lý và điều hành, bổ sung các chế tài để xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật, báo cáo không trung thực.

*

* *

Trên cơ sở Kết luận này và các ý kiến góp ý tại Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh, trình Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 85-KL/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2010

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 5 năm 2011 - 2015

Trong các ngày 10 và 11-9-2010, Bộ Chính trị đã họp cho ý kiến về dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch ngân sách nhà nước 5 năm 2011 - 2015. Sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thừa ủy quyền của Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo và ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Tài chính của Quốc hội, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

I- VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM 2006 - 2010

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện ngân sách nhà nước 5 năm 2006 - 2010 với những thành tựu, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, bài học nêu trong hai dự thảo; đồng thời nhấn mạnh:

Trong 5 năm qua, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng; đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện; các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt được nhiều kết quả quan trọng, đời sống nhân dân tiếp tục được nâng lên, an sinh xã hội được đảm bảo, giữ vững an ninh, quốc phòng; giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực...

Hệ thống cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách nhà nước được đổi mới; tiềm lực tài chính quốc gia được tăng cường; đã huy động được nhiều nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, hình thức huy động ngày càng linh hoạt, đa dạng; các nguồn lực tài chính đã được phân bổ và sử dụng theo hướng ưu tiên chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; điều hành chính sách tài chính - ngân sách nhà nước linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động hội nhập quốc tế, tạo cơ hội thu hút các nguồn lực từ bên trong và bên ngoài cho đầu tư phát triển.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan, đặc biệt là do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu diễn ra từ năm 2008, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa thật sự vững chắc, còn nhiều rủi ro, thách thức về kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam, tình trạng nhập siêu, đôla hóa; thâm hụt ngân sách

liên tục ở mức cao; dư nợ chính phủ, dư nợ quốc gia, dư nợ công mặc dù vẫn trong tầm kiểm soát, nhưng cũng đã sát ngưỡng; hệ thống các định chế tài chính, tín dụng đang trong quá trình hình thành, phát triển chưa đồng bộ và còn nhiều hạn chế, trong khi thị trường tài chính đã được mở rộng khá nhanh trong những năm qua.

Tình trạng tham nhũng, lãng phí, bất bình đẳng, khoảng cách giàu nghèo, các tệ nạn xã hội và những bất bình trong xã hội chậm được khắc phục; thậm chí số vụ khiếu kiện về đất đai, tấn công người thi hành công vụ, đình công còn gia tăng ở nhiều nơi; tâm trạng xã hội có những diễn biến phức tạp, cần được tập trung xử lý có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

II- VỀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011 - 2015

Kế hoạch 5 năm lần này được xây dựng và thực hiện trong bối cảnh tại Đại hội XI, Đảng ta sẽ tổng kết 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và quyết định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 phải gắn với các mục tiêu dài hạn, xác định 5 năm tới phải tạo cho được **nền tảng** để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Theo tinh thần đó, ngoài những nội dung đã nêu trong các dự thảo, cần lưu ý, nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau:

1. Về mục tiêu và chỉ tiêu

- Cần quán triệt sâu sắc mục tiêu tổng quát đến năm 2015 tạo được **nền tảng** để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Theo đó, cần phải lượng hóa và thể hiện rõ được các tiêu chí thế nào là nền tảng để cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Nên xác định mức tăng trưởng hợp lý, khoảng 7 - 7,5%/năm, thay vì mức 7,5 - 8%/năm nêu trong dự thảo Báo cáo chính trị. Cần dành ưu tiên hơn cho các mục tiêu, chỉ tiêu tạo sự chuyển biến tích cực về ổn định, lành mạnh hóa kinh tế vĩ mô; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

- Cần tiếp tục bổ sung các chỉ tiêu về xã hội, tài nguyên, môi trường.

2. Về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Cần huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tộc để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở tập trung thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định, lành mạnh kinh tế vĩ mô; ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam và kiểm soát lạm phát. Khẩn trương nghiên cứu và triển khai ngay từ năm 2011 chương

trình chống đôla hóa nền kinh tế; rà soát, bổ sung, sửa đổi pháp luật về ngoại hối; phấn đấu cơ bản khắc phục tình trạng đôla hóa vào năm 2015. Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, tích cực; điều hành linh hoạt tỷ giá theo cơ chế thị trường. Khẩn trương tăng dự trữ ngoại hối lên mức tối thiểu 12 tuần nhập khẩu vào cuối năm 2011, đầu năm 2012 và tăng dần trong các năm tiếp theo.

- Bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia và an ninh kinh tế. Quản lý chặt chẽ và tốt hơn đầu tư gián tiếp nước ngoài và hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ, chính quyền các địa phương và doanh nghiệp. Phát huy vai trò quyết định của nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu hoàn thành cải cách chế độ tiền lương và giá cả, cải cách đơn vị sự nghiệp công, cải cách doanh nghiệp nhà nước vào năm 2015. Khẩn trương chuyển sang thực hiện đầy đủ cơ chế giá thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với giá điện, giá than, giá trị quyền sử dụng đất và giá dịch vụ công, trước hết là dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo chất lượng cao. Đồng thời, phải đẩy mạnh đổi mới chế độ phân phối đảm bảo công bằng xã hội và tạo động lực cho phát triển.

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài nguyên, khoáng sản của quốc gia,

bao gồm cả các tài sản công và tài nguyên đất đai; có chính sách sử dụng lao động, phát hiện, bồi dưỡng, thu hút nhân tài; tranh thủ tối đa nguồn lực khoa học - công nghệ của đất nước và thế giới vào nâng cao năng suất lao động xã hội, cải biến chất lượng tăng trưởng nền kinh tế.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả đầu tư công, đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo hướng: Phấn đấu giảm tỷ lệ đầu tư công đi đôi với tăng cường huy động các nguồn lực khác trong và ngoài nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cung ứng các dịch vụ công; chỉ đầu tư vào những lĩnh vực an ninh, quốc phòng, hạ tầng kinh tế, xã hội, một số lĩnh vực khác có nhu cầu nhưng các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Doanh nghiệp nhà nước được xem xét bổ sung vốn điều lệ nhưng không dùng ngân sách để đầu tư mà phải tự vay, tự trả để kinh doanh. Có cơ chế để quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp nhà nước.

- Xem xét, điều chỉnh chính sách và cơ chế quản lý, trước hết là quy hoạch và phân cấp quản lý hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; hướng FDI vào những lĩnh vực phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, tiếp thu công nghệ, kinh nghiệm quản lý và mở rộng thị trường xuất khẩu; điều chỉnh quy hoạch, kiểm soát chặt chẽ FDI trong lĩnh vực bất động sản.

- Chỉ đạo thường xuyên, tập trung và quyết liệt hơn trong khắc phục tình trạng nhập siêu trên cơ sở đẩy mạnh xuất khẩu và kiểm soát chặt chẽ hơn nhập khẩu không có lợi cho chuyển dịch cơ cấu, tái cấu trúc nền kinh tế. Đẩy mạnh cuộc

vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Xây dựng hệ thống các hàng rào kỹ thuật phù hợp với quy định của WTO để kiểm soát chặt chẽ hàng hóa nhập khẩu. Phấn đấu đến năm 2015 giảm tối đa nhập siêu để năm 2020 cân bằng và có dư cán cân thương mại.

- Nhà nước, doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và hiệp hội ngành hàng hợp tác chặt chẽ, xác định những ngành hàng, sản phẩm có lợi thế so sánh để tập trung phát triển lớn, đầu tư sâu, đồng bộ theo chuỗi giá trị, từ khâu nghiên cứu, thử nghiệm, tiếp thị, tổ chức sản xuất đến bán hàng và cung cấp các dịch vụ sau bán hàng, nhất là hàng xuất khẩu và hàng hiện nay đang nhập khẩu với khối lượng lớn. Ngoài những chính sách áp dụng chung cho các doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực khác, cần có các chính sách, biện pháp phát triển riêng cho các ngành hàng và sản phẩm này với những ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Tiếp tục chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế trên cơ sở lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh; ban hành chính sách và phát triển công nghiệp phụ trợ, nhất là lĩnh vực cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử, gia tăng tỷ trọng nội địa hóa ngành công nghiệp, hướng tới công nghiệp chế tạo.

- Có biện pháp giải quyết đủ điện ngay cho những năm đầu của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

- Thay đổi cơ chế đấu thầu quốc tế, chú ý cả ba mặt: hạn mức vốn đầu tư, trình độ công nghệ tiên tiến, năng lực triển khai thực hiện. Ngăn chặn tình trạng du nhập công nghệ trung bình và lạc hậu vào nước ta trong những năm tới.

- Có chủ trương và biện pháp xử lý vấn đề biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai ở các vùng xung yếu.

- Tập trung phát triển bốn vùng động lực phát triển, bao gồm cả vùng đồng bằng sông Cửu Long với nhiệm vụ đi đầu trong thực hiện điều chỉnh cơ cấu ngành nhằm thực hiện nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của cả nước. Ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghiệp cần nhiều vốn ở hai vùng động lực phát triển phía Bắc và phía Nam. Tập trung đầu tư phát triển vùng động lực phát triển miền Trung, bao gồm tiểu vùng động lực Nam Trung Bộ gắn với Tây Nguyên, thu hút cả những ngành sử dụng nhiều lao động, tài nguyên và công nghệ trung bình. Đồng thời, khai thác hợp lý tiềm năng, lợi thế của sáu vùng kinh tế hiện có để các vùng trong cả nước đều có điều kiện phát huy lợi thế so sánh.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng và thực hiện chính sách điều tiết hợp lý ngân sách cho các vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn và vùng sản xuất lương thực để các vùng này chuyên tâm sản xuất, chế biến hàng nông - lâm - thủy hải sản và giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, phát triển hài hòa với các vùng khác trong cả nước.

- Tập trung đầu tư sớm hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, bao gồm: hệ thống đường giao thông huyết mạch ở 4 vùng động lực phát triển, 3 cảng biển trọng điểm, 3 sân bay quốc tế lớn ở 3 miền Bắc, Trung, Nam. Từng bước kết nối trục Bắc - Nam, Đông - Tây, tạo thế liên hoàn các phương thức vận tải gắn kết các vùng kinh tế trong nước và

với khu vực, quốc tế. Ưu tiên giải quyết ách tắc giao thông và ngập úng ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội; phát triển các điểm giao thông quan trọng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và Tây Bắc.

Phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong nước và nước ngoài, nhà nước và xã hội, đặc biệt là nguồn vốn, tài sản, đất đai, tài nguyên thuộc sở hữu nhà nước, tập trung vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh thu hút vốn ODA, đặc biệt là công tác giải ngân vốn ODA; đa dạng hóa các hình thức thu hút vốn đầu tư của tư nhân trong nước và nước ngoài, đặc biệt là các hình thức PPP, BOT, BT... để phát triển các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và bộ máy tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền các địa phương; đổi mới công tác kế hoạch hóa, đặc biệt là công tác quy hoạch phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cải cách hành chính đồng bộ về luật pháp, chính sách, về bộ máy tổ chức và cán bộ và về thủ tục hành chính.

III- VỀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM 2011 - 2015

Cơ bản nhất trí về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước nêu trong dự thảo. Tập trung ưu tiên ngân sách đáp ứng tốt nhất yêu cầu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được nêu trên đây.

Để từng bước giảm bội chi ngân sách, đồng thời với việc soát xét điều chỉnh các khoản chi, cần áp dụng đồng bộ các biện pháp để tăng thu theo hướng tích cực: Vừa khoan sức dân, nuôi dưỡng, mở rộng nguồn thu, vừa chống thất thoát, lãng phí, trốn lậu thuế; đặc biệt là trong các doanh nghiệp FDI và lĩnh vực bất động sản.

Trên cơ sở Kết luận này, giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo hoàn chỉnh các dự thảo và thừa ủy quyền của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X xem xét, cho ý kiến, làm cơ sở để tiếp tục hoàn thiện nội dung kinh tế - xã hội trong dự thảo Báo cáo chính trị chuẩn bị trình Đại hội lần thứ XI của Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 328-QĐ/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2010

Về việc thành lập Ban Soạn thảo Đề án xây dựng "Quy chế dân chủ trong Đảng"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ yêu cầu công tác,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Soạn thảo Đề án xây dựng "Quy chế dân chủ trong Đảng", do đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp chỉ đạo, gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Trần Lưu Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Vũ Ngọc Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó trưởng ban.

3- Đồng chí Trung tướng, Tiến sĩ Nguyễn Tiến Quốc, Giám đốc Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, Thư ký.

4- Đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

5- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Chí Bảo, Ủy viên kiêm Thư ký khoa học chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Võ Khánh Vinh, Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

7- Đồng chí Lê Quang Vũ, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên.

8- Đồng chí Trung tướng Lê Quý Vương, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

9- Đồng chí Trần Hữu Thắng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.

10- Đồng chí Trung tướng Ngô Xuân Lịch, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Ủy viên.

11- Đồng chí Nguyễn Duy Việt, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

12- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trương Thị Thông, Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

13- Đồng chí Hoàng Công Hoàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

Giúp việc Ban Soạn thảo Đề án có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Ban Soạn thảo Đề án quyết định.

Điều 2. Ban Soạn thảo Đề án có nhiệm vụ: nghiên cứu và xây dựng dự thảo "Quy chế dân chủ trong Đảng" để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án theo quy định.

Điều 4. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 381-TB/TW, ngày 1 tháng 10 năm 2010

Về chủ trương đàm phán
Hiệp định thương mại tự do (FTA)
với Liên minh châu Âu (EU)

Tại phiên họp ngày 1-10-2010, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Công thương được Ủy quyền của Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về đàm phán Hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu (số 03/BC-BCSD, ngày 12-4-2010 và số 93/TTr-BCSD, ngày 29-9-2010), Bộ Chính trị đã kết luận:

1. Đồng ý với chủ trương cho phép khởi động đàm phán Hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu trên cơ sở các nội dung, nguyên tắc định hướng được nêu trong báo cáo của Ban Cán sự đảng Bộ Công thương.

Trong quá trình đàm phán, nếu xuất hiện các vấn đề lớn, có tính nhạy cảm cao, Chính phủ cần tiếp tục báo cáo xin chủ trương của Bộ Chính trị.

2. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện đàm phán đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và bảo vệ lợi ích quốc gia.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 330-QĐ/TW, ngày 4 tháng 10 năm 2010

**Về trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội,
Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng
ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc
Trung ương trong công tác chuẩn bị nhân sự
đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị;
- Căn cứ Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân,

Bộ Chính trị quy định về trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân như sau:

*Chương I***QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Mục đích

Làm rõ vai trò, trách nhiệm của Đảng trong công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; tạo sự thống nhất, chủ động phối hợp giữa Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương, các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong quá trình lựa chọn, giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực, uy tín và điều kiện để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc, yêu cầu

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị; phát huy dân chủ trong các tổ chức đảng và trong nhân dân.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương thực

hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, các quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế hiện hành.

*Chương II***TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC
CHUẨN BỊ NHÂN SỰ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI,
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****Điều 4.** Đảng đoàn Quốc hội

1. Chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức, cơ quan liên quan thảo luận, dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở Trung ương và địa phương.

2. Chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị dự kiến cơ cấu, tổ chức của Quốc hội khóa mới để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lãnh đạo việc tổ chức các hội nghị hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội đúng pháp luật, bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần.

4. Dự kiến nhân sự đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở các cơ quan của Quốc hội có đủ điều kiện tái ứng cử đại biểu Quốc hội.

5. Báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư danh sách nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội trước khi công bố chính thức.

6. Tham gia xây dựng phương án nhân sự cấp cao của Quốc hội và các cơ quan nhà nước khóa mới; nhân sự chủ tịch hội đồng nhân dân cấp tỉnh khóa mới.

Điều 5. Ban Cán sự đảng Chính phủ

1. Dự kiến cơ cấu, nhân sự của Chính phủ giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa mới.

2. Tham gia xây dựng phương án nhân sự cấp cao của Quốc hội và các cơ quan nhà nước, nhân sự chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh khóa mới.

3. Chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương xây dựng các văn bản hướng dẫn quy trình nhân sự ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân khóa mới.

Điều 6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Lãnh đạo, chỉ đạo Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tổ chức hội nghị hiệp thương theo đúng quy định của pháp luật, sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm số lượng, cơ cấu, thành phần đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến; giới thiệu người bảo đảm tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. Dự kiến nhân sự của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

3. Chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương dự kiến cơ cấu, nhân sự các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

4. Chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện quy trình thẩm định nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội.

5. Chỉ đạo việc trao đổi ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về nhân sự tự ứng cử đại biểu Quốc hội trước khi đưa vào danh sách hiệp thương.

6. Chỉ đạo việc hướng dẫn ủy ban mặt trận tổ quốc các cấp ở địa phương tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 7. Ban Tổ chức Trung ương

1. Chủ động thảo luận, trao đổi ý kiến với các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan; tham mưu, đề xuất, trình Bộ Chính trị để Bộ Chính trị xem xét, trình Ban Chấp hành Trung ương về tỷ lệ Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư tham gia Quốc hội; về cơ cấu, tổ chức của Quốc hội khóa mới và tỷ lệ, cơ cấu đại biểu Quốc hội chuyên trách; về phương án nhân sự cấp cao của Quốc hội, của Nhà nước (khi trình Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương nêu rõ những ý kiến thống nhất, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các tổ chức, cơ quan).

2. Tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư cơ cấu, nhân sự diện Trung ương quản lý giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; trao đổi ý kiến với Đảng đoàn Quốc hội về nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội chuyên trách.

3. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhân sự chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh khóa mới.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội chuyên

trách; văn bản hướng dẫn quy trình nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội; văn bản hướng dẫn việc thẩm định nhân sự diện Trung ương quản lý được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 8. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn quy trình thẩm tra, xác minh, kết luận đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm tra, xác minh, kết luận đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ diện Trung ương quản lý được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương thẩm định nhân sự diện Trung ương quản lý được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Tham gia xây dựng phương án nhân sự cấp cao của Quốc hội và các cơ quan nhà nước, nhân sự chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh khóa mới.

Điều 9. Văn phòng Trung ương Đảng

Chủ trì phối hợp với các ban đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan liên quan tổng hợp tình hình chuẩn bị nhân sự; trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các văn bản chỉ đạo công tác nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 10. Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

1. Ban chấp hành thảo luận và thông qua báo cáo của ban thường vụ về phương hướng chuẩn bị cơ cấu, nhân sự đại

biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ mới tại địa phương.

2. Ban thường vụ xây dựng phương án nhân sự diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quản lý để giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, nhân sự lãnh đạo đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; xem xét, cho ý kiến về nhân sự của địa phương ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Ban thường vụ chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới thực hiện quy trình nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 11. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương

1. Dự kiến nhân sự quân đội, công an giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. Tham gia xây dựng phương án nhân sự cấp cao của Quốc hội và các cơ quan nhà nước.

3. Hướng dẫn cấp ủy cấp dưới thực hiện quy trình nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Điều 12. Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

1. Tham gia thẩm định nhân sự diện Trung ương quản lý thuộc Khối được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. Tham gia ý kiến về nhân sự trong Khối được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

*Chương III***TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện và hướng dẫn thực hiện Quy định này phù hợp với Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 14. Giao Ban Tổ chức Trung ương theo dõi việc triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị.

Điều 15. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X***

Ngày 7 tháng 10 năm 2010

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) tiến hành Hội nghị lần thứ 13. Thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí về dự Hội nghị. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thành tích trên cương vị công tác của mình.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị chúng ta họp vào giữa lúc đang diễn ra Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Với tình cảm thiêng liêng và lòng tự hào sâu sắc, Hội nghị chúng ta nhiệt liệt chúc mừng

* Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 7 đến ngày 14-10-2010. Phục vụ cho việc nghiên cứu Nghị quyết, chúng tôi xếp các văn kiện thành một cụm để bạn đọc tiện theo dõi (B.T).

Đại lễ, chúc mừng Thủ đô ngàn năm văn hiến, trái tim của cả nước đang không ngừng phát triển, văn minh, hiện đại. Cũng trong những ngày này, lũ lụt nặng nề đang xảy ra ở một số tỉnh miền Trung. Với tinh thần trách nhiệm và sự cảm thông sâu sắc, Hội nghị chúng ta sẽ chia những đau thương, mất mát và khó khăn của nhân dân và mong rằng lãnh đạo các bộ, ngành, các cấp chính quyền ở Trung ương và địa phương sẽ nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực thực hiện các biện pháp kịp thời và có hiệu quả, cùng nhân dân khắc phục khó khăn để sớm ổn định cuộc sống.

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ:

- Thảo luận về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2011; định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 5 năm 2011 - 2015.

- Nghe Báo cáo tổng kết việc thực hiện thí điểm chủ trương không tổ chức hội đồng nhân dân cấp quận, huyện và phường và kiến nghị chủ trương tiếp theo.

- Thảo luận bước đầu về phương án nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI trình Đại hội lần thứ XI của Đảng.

- Thảo luận và cho ý kiến về một số vấn đề quan trọng khác.

Thưa các đồng chí,

Một số báo cáo và đề án Hội nghị lần này đã và sẽ được gửi tới các đồng chí. Trước khi Hội nghị đi vào thảo luận và quyết định, tôi xin phát biểu một số ý kiến sau đây:

1. Về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2010; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2011: Báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ đã nêu rõ trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và tình hình thiên tai, dịch bệnh bất lợi, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự phấn đấu của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, chúng ta đã thực hiện có kết quả mục tiêu đề ra cho năm 2010. Nền kinh tế có bước phục hồi khá nhanh, nhiều ngành và lĩnh vực đang lấy lại được đà tăng trưởng. Sản xuất, kinh doanh phát triển quý sau tăng hơn quý trước; giá trị sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao; sản xuất nông nghiệp ổn định; an ninh lương thực được bảo đảm; thị trường trong và ngoài nước được khai thác tốt hơn, xuất khẩu tăng nhanh. Các cân đối kinh tế vĩ mô cơ bản được bảo đảm; thu ngân sách nhà nước vượt dự toán; bội chi giảm so với dự kiến, lạm phát được kiểm soát và kiềm chế. Huy động được khối lượng vốn khá lớn cho đầu tư phát triển. An sinh xã hội tiếp tục được chăm lo tốt hơn; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện, an ninh, quốc phòng được giữ vững; công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế đạt được kết quả quan trọng, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam được nâng cao.

Kết quả đạt được trong năm 2010 có ý nghĩa quan trọng, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và tạo đà cho việc thực hiện mục tiêu của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Chiến lược kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm 2010 vẫn còn một số mặt hạn chế, yếu kém cần được quan tâm xử lý tốt hơn, như: cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm; hiệu quả đầu tư thấp; cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém; hiệu quả các giải pháp giảm nhập siêu còn hạn chế; chi tiêu ngân sách còn lãng phí, bội chi còn cao; việc bảo vệ môi trường và hạn chế tổn thất tài nguyên còn kém; chất lượng giáo dục - đào tạo, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế... Tôi đề nghị Trung ương cần đi sâu phân tích, nêu rõ ý nghĩa to lớn của những thành tựu đạt được trong năm 2010, đồng thời chỉ rõ các mặt còn yếu kém, các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình hình đó, để chúng ta có những giải pháp tốt hoàn thành nhiệm vụ đã đề ra.

Thưa các đồng chí,

Mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 được xác định là: Tiếp tục tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2010 gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường ổn định chính trị - xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Theo đó, các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 là: Tăng trưởng GDP 7 - 7,5%; lạm phát dưới mức tăng trưởng (khoảng 7%). Bội chi ngân sách 5,5%. Giảm nhập siêu xuống mức dưới 20% kim ngạch xuất khẩu; điều

hành chặt chẽ xuất khẩu gạo để bảo đảm an ninh lương thực cho đất nước.

Tôi đề nghị Trung ương cho ý kiến về mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu nói trên cũng như các định hướng về phát triển các ngành, các lĩnh vực; các giải pháp và chính sách chủ yếu, đặc biệt là về 6 nhóm giải pháp đã được nêu trong Báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ.

2. Về định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 5 năm 2011 - 2015, chúng ta cần nhận thức rõ rằng kế hoạch 5 năm lần này được xây dựng và thực hiện trong bối cảnh Đại hội lần thứ XI sắp diễn ra, tại Đại hội, Đảng ta sẽ tổng kết 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và quyết định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020). Do vậy, việc xây dựng kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 phải gắn với các mục tiêu dài hạn, xác định *5 năm tới phải tạo được nền tảng* để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trên cơ sở nhận thức đó, cần đi đến thống nhất về các mục tiêu và chỉ tiêu, về các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đã đề ra, làm cơ sở để tiếp tục hoàn thiện nội dung kinh tế - xã hội trong dự thảo Báo cáo chính trị sẽ trình Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Thưa các đồng chí,

3. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận của Bộ Chính trị (khóa X) về thực hiện chủ trương thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân cấp huyện, quận, phường, Chính phủ đã xây dựng đề án

trình Quốc hội ban hành nghị quyết thực hiện thí điểm tại 67 huyện, 32 quận, 483 phường của 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau một năm rưỡi thực hiện, Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức tổng kết bước 1 của cuộc thí điểm này và nêu ra những kết quả có ý nghĩa rất quan trọng khẳng định chủ trương thực hiện thí điểm theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) là đúng đắn, phù hợp với yêu cầu cải cách bộ máy hành chính nhà nước trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các tỉnh, thành phố đã tiến hành cuộc thí điểm nói trên đề xuất cần sớm mở rộng thêm việc thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Kết quả điều tra xã hội học ở một số tỉnh, thành phố cũng cho thấy đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ tiếp tục việc thí điểm này. Để thực hiện chủ trương nói trên, đồng thời chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp vào cùng một thời điểm trong tháng 5-2011, Ban Cán sự đảng Chính phủ trình các phương án cụ thể. Đề nghị Trung ương phân tích, cho ý kiến về vấn đề này để chúng ta có cơ sở so sánh và lựa chọn phương án hợp lý nhằm thực hiện tốt nhất Nghị quyết của Trung ương trong thời gian tới, và vấn đề này Chính phủ sẽ trình Quốc hội xem xét và quyết định.

4. Tại Hội nghị lần này, Trung ương sẽ thảo luận bước đầu về phương án nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI trình Đại hội lần thứ XI của Đảng. Cuộc thảo luận này có ý nghĩa hết sức quan trọng để tạo điều kiện cho Hội

nghị Trung ương lần thứ 14 (khóa X) có thêm cơ sở để tiếp tục thảo luận và cho ý kiến nhằm đáp ứng được các yêu cầu xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khóa XI trình Đại hội lần thứ XI của Đảng:

Ban Chấp hành Trung ương khóa XI phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có tầm nhìn chiến lược, có trí tuệ, tư duy đổi mới, sáng tạo, ý chí chiến đấu cao; có phẩm chất đạo đức trong sáng, quy tụ được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; có uy tín, đủ năng lực lãnh đạo đất nước trong giai đoạn mới.

Ban Chấp hành Trung ương khóa XI phải bảo đảm tiêu chuẩn, có số lượng và cơ cấu hợp lý để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện, đặc biệt là ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực công tác quan trọng; bảo đảm tính kế thừa và phát triển liên tục.

Thưa các đồng chí,

Với những nội dung nói trên, Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Vì vậy, tôi đề nghị toàn thể các đồng chí phát huy cao độ trí tuệ và tinh thần trách nhiệm, mở rộng dân chủ, tập trung thảo luận, đi đến những quyết định đúng đắn, sáng suốt về các vấn đề đặt ra, để Hội nghị của chúng ta thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X).

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 35-NQ/TW, ngày 14 tháng 10 năm 2010

Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp tại Hà Nội, từ ngày 7-10 đến ngày 14-10-2010, sau khi xem xét, thảo luận các báo cáo và tờ trình của Bộ Chính trị và Ban Cán sự đảng Chính phủ, quyết nghị:

1. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ, căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Bản giải trình của Ban Cán sự đảng Chính phủ, chỉ đạo hoàn chỉnh các dự thảo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2011, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Giao Tiểu ban Cương lĩnh và Báo cáo chính trị Đại hội XI, Ban Cán sự đảng Chính phủ căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Bản giải trình của Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XI để trình Hội nghị Trung ương 14.

3. Giao Bộ Chính trị, căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bản giải trình của Bộ Chính trị, tiếp tục chỉ đạo thực hiện chủ trương thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân quận, huyện, phường tại 10 tỉnh, thành phố theo tinh thần Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 1-8-2008 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) và Nghị quyết số 26/2008/QH12, ngày 15-11-2008 của Quốc hội khóa XII đã quyết định.

4. Sau khi thảo luận Tờ trình của Bộ Chính trị về dự kiến giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị và Tiểu ban nhân sự căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bản giải trình của Bộ Chính trị và kết quả phiếu giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI tại Hội nghị 13, tiếp tục chuẩn bị, hoàn chỉnh phương án giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI trình Hội nghị Trung ương 14 xem xét quyết định.

5. Sau khi xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị đề nghị thi hành kỷ luật đồng chí Đinh Văn Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, biểu quyết thi hành kỷ luật đồng chí Đinh Văn Hùng bằng hình thức cảnh cáo và đề đồng chí Đinh Văn Hùng thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa X, nghỉ công tác để nghỉ hưu.

6. Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ

kinh tế - xã hội năm 2010 và Nghị quyết Đại hội X của Đảng, tổ chức thành công Đại hội XI của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

Ngày 14 tháng 10 năm 2010

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau hơn một tuần làm việc, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã hoàn thành chương trình đề ra. Hội nghị đã tập trung trí tuệ, thảo luận với tinh thần dân chủ, trách nhiệm cao, đóng góp nhiều ý kiến xác đáng vào các đề án. Hội nghị đánh giá cao công tác chuẩn bị cho Hội nghị; biểu thị sự đồng tình với các nội dung tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị; nhất trí thông qua Nghị quyết về các vấn đề đã được xem xét, quyết định.

Những nội dung được Hội nghị Trung ương thảo luận và quyết định lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng, là một bước tiếp tục chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Thư các đồng chí,

Đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2011, Hội nghị Trung ương cho rằng: *Năm 2010*, nền kinh tế đã có bước phục hồi khá nhanh, tốc độ tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước, đang lấy lại được đà tăng trưởng trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Sản xuất, kinh doanh phát triển, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao, ngành xây dựng có giá trị tăng thêm cao nhất trong nhiều năm qua. Sản xuất nông nghiệp ổn định, an ninh lương thực được giữ vững. Đã khai thác tốt hơn thị trường trong và ngoài nước, xuất khẩu tăng, các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch đều tăng cao hơn năm trước. Các cân đối kinh tế vĩ mô cơ bản được bảo đảm, thu ngân sách nhà nước vượt dự toán, lãi suất ngân hàng được điều chỉnh giảm, bội chi ngân sách giảm so với dự kiến, lạm phát được kiềm chế, huy động được khối lượng vốn khá lớn cho đầu tư phát triển, nhập siêu giảm. An sinh xã hội tiếp tục được chăm lo tốt hơn; công tác giáo dục - đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. An ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác đối ngoại và hợp tác, hội nhập quốc tế được thúc đẩy, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Đạt được những thành tựu nói trên trong năm cuối thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, một năm có nhiều sự kiện

quan trọng và khó khăn, thách thức to lớn là điều hết sức có ý nghĩa, thể hiện sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự đóng góp tích cực của toàn dân, toàn quân và các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm 2010 còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém cần phải khắc phục. Đó là: cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Sản xuất công nghiệp giá trị gia tăng thấp, công nghiệp phụ trợ phát triển chậm, hiệu quả hoạt động của một số tập đoàn còn thấp so với mục tiêu đề ra, trong đó có trường hợp vi phạm nghiêm trọng các chính sách và quy chế quản lý tài chính, dẫn đến thua lỗ và gây ra những hậu quả nặng nề; hiệu quả đầu tư thấp; đầu tư của ngân sách cho khu vực nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng với yêu cầu đề ra. Cơ sở hạ tầng yếu kém, nhất là giao thông, cung ứng điện không bảo đảm. Hiệu quả các giải pháp giảm nhập siêu còn hạn chế. Nhiều hàng hóa Việt Nam vẫn chưa cạnh tranh được với hàng nhập khẩu. Một số văn bản pháp luật ban hành chưa kịp thời và thiếu đồng bộ.

Bội chi còn cao, chi tiêu ngân sách còn nhiều lãng phí. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc, vốn cho sản xuất, kinh doanh còn căng thẳng; tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng vẫn còn khó khăn, nhất là thanh khoản về ngoại tệ; cán cân tổng thể thâm hụt, dự trữ ngoại tệ giảm... Việc bảo vệ môi trường và hạn chế tổn thất tài nguyên chưa làm được bao nhiêu, việc đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong các ngành còn rất hạn chế. Chất lượng giáo dục - đào tạo chuyển biến chậm, việc

chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế; xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững. Các tệ nạn xã hội, tội phạm chưa giảm. Chế độ tiền lương còn nhiều bất hợp lý, nhất là khu vực hành chính công. Chất lượng một bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà trong bộ máy hành chính chưa giảm; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được đẩy lùi..., gây nhiều lo lắng cho nhân dân.

Những yếu kém nói trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đó là do năm qua chúng ta tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, nhiều thiên tai và dịch bệnh khó lường. Là do công tác quản lý, điều hành và xử lý các vấn đề cụ thể của chúng ta còn nhiều bất cập. Đầu tư còn dàn trải, thiếu tập trung vào các trọng tâm, trọng điểm; nhiều dự án đầu tư triển khai chậm, kéo dài trong nhiều năm; vốn đầu tư bị xé nhỏ hoặc dễ thua lỗ, thất thoát nặng nề (như ở Tập đoàn Vinashin là một ví dụ). Công tác dự báo, đề xuất của một số cơ quan tham mưu, giúp việc còn yếu kém và chưa ngang tầm với yêu cầu.

Hội nghị Trung ương đã cho ý kiến về mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu, các cân đối lớn, định hướng về phát triển các ngành, các lĩnh vực và 6 nhóm giải pháp cần tập trung thực hiện trong năm 2011. Đó là: Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Thực hiện các biện pháp, chính sách tài chính, tiền tệ nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả và

sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường các biện pháp thúc đẩy xuất khẩu, giảm nhập siêu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách tạo việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước. Trên cơ sở những định hướng này, Chính phủ sẽ trình Quốc hội xem xét và quyết định về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước năm 2011.

Thưa các đồng chí,

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 5 năm 2011 - 2015, Hội nghị Trung ương cho rằng, Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng sắp tới sẽ còn thảo luận và cho ý kiến quyết định về các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm nhằm tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Do đó, tại Hội nghị lần này, Trung ương thảo luận và cho ý kiến về những quan điểm phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách trong 5 năm tới. Đó là: phát triển nhanh phải gắn liền với phát triển bền vững. Đổi mới đồng bộ về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Thực hành dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Phát huy mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học - công nghệ ngày càng cao, đồng thời, hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo nói trên và những quyết định của Đại hội về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tới, sau Đại hội XI, Chính phủ sẽ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách 5 năm 2011 - 2015 với mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, các khâu đột phá và các nhiệm vụ cụ thể để trình Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Quốc hội khóa XIII trong năm 2011.

Thưa các đồng chí,

Căn cứ vào kết quả tổng kết bước 1 việc thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X), Hội nghị Trung ương lần này cho rằng: Việc thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố vừa qua bước đầu đạt được một số kết quả, khẳng định chủ trương thí điểm là đúng đắn, phù hợp với yêu cầu nghiên cứu cải cách bộ máy hành chính nhà nước trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề mới cần kịp thời có giải pháp và tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết.

Thực tế cho thấy đây là vấn đề rất hệ trọng, nhạy cảm, liên quan đến tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị cần được tiến hành thận trọng, có bước đi thích hợp. Thời gian thí điểm còn ngắn nên chưa có đủ những căn cứ để đánh

giá chính xác và đầy đủ. Do đó, Hội nghị Trung ương quyết định tiếp tục thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố như Nghị quyết số 26/2008/QH12, ngày 15-11-2008 của Quốc hội khóa XII đã quyết định.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này đã thảo luận và thực hiện tiếp một bước hết sức quan trọng phương án công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI sẽ trình Đại hội lần thứ XI của Đảng. Trên cơ sở của chủ đề Đại hội XI của Đảng cũng như của tình hình, nhiệm vụ đặt ra cho Đảng ta trong nhiệm kỳ tới và với một tầm nhìn xa hơn, Hội nghị đã dành nhiều thời gian phân tích kỹ về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ban Chấp hành Trung ương khóa mới. Căn cứ vào phương hướng và quy trình công tác nhân sự, căn cứ vào ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương, Tiểu ban Nhân sự của Đại hội XI sẽ phân tích, tổng hợp các ý kiến và chuẩn bị phương án nhân sự để trình Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) tiếp tục xem xét, cho ý kiến, bảo đảm cho việc chuẩn bị phương án nhân sự trình Đại hội XI của Đảng đạt kết quả tốt nhất.

Thưa các đồng chí,

Thời gian tổ chức Đại hội XI của Đảng đang đến gần, nhưng công việc chuẩn bị cho Đại hội còn nhiều. Tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy đảng các cấp cần có kế hoạch để thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra. Trước mắt, cần tích cực chỉ đạo việc khắc phục nhanh

chóng các hậu quả nặng nề của lũ lụt vừa qua gây ra cho các tỉnh miền Trung; tiếp tục có những biện pháp chia sẻ những khó khăn, tổn thất của nhân dân ở vùng bị hại. Đồng thời, cần lãnh đạo tốt việc tổ chức đại hội đảng ở các tỉnh, thành phố và các đơn vị còn lại theo đúng kế hoạch; thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của những tháng cuối năm 2010; có phương án triển khai thực hiện hiệu quả cao nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2011; tham gia chuẩn bị thật tốt cho Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) vào cuối năm cũng như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng vào đầu năm 2011 thành công tốt đẹp.

Một lần nữa, xin chúc toàn thể các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và nhiều thắng lợi.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X).

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
Từ ngày 7 đến ngày 14 tháng 10 năm 2010

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, trong các ngày từ 7 đến 14-10-2010, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã họp Hội nghị lần thứ 13 để xem xét: Tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2011; định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 5 năm 2011 - 2015; tổng kết việc thực hiện thí điểm chủ trương không tổ chức hội đồng nhân dân cấp quận, huyện, phường và kiến nghị chủ trương tiếp theo; thảo luận bước đầu về phương án nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI trình Đại hội XI, cùng một số vấn đề quan trọng khác. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc Hội nghị.

1. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010, dự

kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 của Ban Cán sự đảng Chính phủ, thống nhất đánh giá: Năm 2010, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế thế giới, toàn Đảng, toàn dân đã nỗ lực phấn đấu để đạt mức cao nhất các mục tiêu kinh tế - xã hội Đại hội X đã đề ra. Nền kinh tế phục hồi nhanh. Tốc độ tăng trưởng càng về cuối năm càng cao và ổn định hơn, mức tăng GDP cả năm ước đạt 6,7%. Nông nghiệp phát triển ổn định, an ninh lương thực được đảm bảo. Giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đều có mức tăng trưởng cao hơn năm 2009, xấp xỉ thời kỳ phát triển ổn định; các cân đối vĩ mô cơ bản ổn định. Thu ngân sách nhà nước vượt kế hoạch, bảo đảm chủ động các nhu cầu chi tiêu. Tổng chi ngân sách nhà nước tăng so với năm 2009 và kế hoạch năm 2010, bội chi ngân sách giảm so với năm 2009 và kế hoạch năm 2010. Nợ chính phủ, nợ quốc gia nằm trong giới hạn an toàn. Đã huy động được khối lượng vốn lớn cho đầu tư phát triển. Lạm phát được khống chế ở mức khoảng 7 - 8%. Xuất khẩu tăng cao hơn gấp 3 lần chỉ tiêu kế hoạch, nhập siêu giảm, giảm bớt thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế. An sinh xã hội tiếp tục được chăm lo tốt hơn. Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế đạt nhiều kết quả quan trọng. Công tác cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được đẩy mạnh. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, năm 2010 còn có những hạn chế, yếu kém: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; phát triển công nghiệp phụ trợ chưa được quan tâm

đúng mức; hiệu quả đầu tư thấp, cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông, hạ tầng đô thị yếu kém; cung ứng điện chưa đảm bảo, các giải pháp để giảm nhập siêu, khuyến khích dùng hàng trong nước kết quả còn hạn chế; hệ thống pháp luật chưa đồng bộ; chi tiêu ngân sách còn lãng phí; ổn định kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, bội chi còn cao, cán cân tổng thể thâm hụt; lãi suất cho vay cao, vốn cho sản xuất kinh doanh còn căng thẳng; chất lượng giáo dục chuyển biến chậm, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế; giảm nghèo chưa bền vững. Tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông còn nhiều; chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng gây phiền hà trong bộ máy hành chính, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn, đẩy lùi... Về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém, Ban Chấp hành Trung ương xác định bên cạnh nguyên nhân khách quan thì khuyết điểm chủ quan trong quản lý ở các cấp, các ngành là nguyên nhân trực tiếp.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình trong nước và quốc tế, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, xác định mục tiêu và những chỉ tiêu cơ bản kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2011. *Mục tiêu tổng quát là* tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2010, gắn với chuyển đổi cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị, xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế...

Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản được xác định là: GDP tăng 7 - 7,5%; GDP bình quân đầu người khoảng 1.300USD; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 10%; giảm tỷ lệ nhập siêu xuống dưới 20% kim ngạch xuất khẩu; tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm 40% GDP; chỉ số tăng giá tiêu dùng khoảng 7%; giảm tỷ lệ hộ nghèo 2% theo chuẩn nghèo mới; bội chi ngân sách nhà nước bằng 5,5% GDP...

Ban Chấp hành Trung ương đã phân tích, xác định nhiệm vụ, định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực: kinh tế, khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, an sinh xã hội, tài nguyên môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế và đề ra 6 nhóm giải pháp cần tập trung thực hiện trong năm 2011: 1) Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp; 2) Thực hiện các biện pháp chính sách tài chính, tiền tệ nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; 3) Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; 4) Tăng cường các biện pháp thúc đẩy xuất khẩu, giảm nhập siêu; 5) Thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách tạo việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; 6) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước.

Trong quá trình thảo luận, có nhiều ý kiến đóng góp, bổ sung thêm vào các báo cáo, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp thu, hoàn chỉnh Báo cáo để trình Quốc hội xem xét, quyết định trong kỳ họp tới.

2. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 5 năm 2006 - 2010 và thống nhất nhận định: Trong 5 năm qua, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, nước ta đã tranh thủ được thời cơ, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu, đã đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển; tiềm lực và quy mô nền kinh tế tiếp tục tăng lên; tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm ước đạt 7%; GDP theo giá thực tế tính theo đầu người năm 2010 dự kiến đạt 1.160USD, vượt kế hoạch đề ra; cán cân kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm chế; an ninh tài chính quốc gia được bảo đảm; tỷ lệ huy động ngân sách nhà nước bình quân 5 năm 28% GDP, bảo đảm nhu cầu chi ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực một cách chủ động; nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia ở mức an toàn; huy động được nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện; giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ nét; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%; đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu thiên niên kỷ; cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh, có kết quả bước đầu. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại được mở rộng, uy tín quốc tế của đất nước tiếp tục được nâng cao.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; kinh tế phát triển chưa bền vững; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc; sử dụng vốn chưa thật sự hiệu quả; bội chi ngân sách còn lớn; nhập siêu cao; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế; quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản chưa tốt. Môi trường đang bị ô nhiễm. Hiệu quả hoạt động của các tập đoàn kinh tế nhà nước thấp; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn thiếu đồng bộ; lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế còn nhiều bất cập, một số vấn đề bức xúc chậm được giải quyết. Vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội. Những hạn chế, yếu kém trên, Ban Chấp hành Trung ương đánh giá có phần do nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Tư duy phát triển kinh tế - xã hội và phương thức lãnh đạo của Đảng chậm đổi mới. Hệ thống pháp luật và quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn bất cập. Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều hạn chế. Tổ chức thực hiện còn nhiều yếu kém. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được phát huy đầy đủ. Kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, cho ý kiến về dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 5 năm 2011 - 2015; tập trung vào các nội dung: quan điểm phát triển; mục tiêu và những khâu đột phá; nhiệm vụ định hướng phát triển và cơ cấu lại nền kinh tế; tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm. Ban Chấp hành Trung ương

xác định *mục tiêu tổng quát* của kế hoạch 5 năm là: Đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chính trị, xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ và kỷ cương. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, dân tộc thiểu số vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7 - 7,5%/năm; GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt khoảng 2.000 USD, tăng 1,7 lần năm 2010; năng suất lao động năm 2015 gấp 2 lần năm 2010. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7%/năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 12%/năm, kiểm soát nhập siêu đến năm 2015 còn dưới 15% kim ngạch xuất khẩu. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân khoảng 40% GDP. Giảm dần bội chi ngân sách nhà nước, bình quân 5 năm ở mức dưới 5% GDP, phấn đấu đến năm 2015 còn 4,5%. Giữ mức nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia ở mức an toàn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 55% tổng lao động xã hội; tỷ lệ hộ nghèo giảm 2%/năm, tỷ lệ che phủ rừng vào năm 2015 đạt 42%. Đến năm 2015 có 20% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới...

Ban Chấp hành Trung ương xác định một số nhiệm vụ định hướng phát triển và cơ cấu lại nền kinh tế với 12 nội dung lớn: 1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định lành mạnh kinh tế vĩ mô; kiểm soát lạm phát; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế. 2) Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho một nước công nghiệp. 3) Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp. 4) Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh. 5) Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông; hình thành một bước cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. 6) Phát triển hài hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới; thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời, tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn. 7) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo nhiều việc làm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục thực hiện các chương trình giảm nghèo bền vững. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng. 8) Phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nâng cao chất lượng dân số, phát triển thể chất con người Việt Nam. 9) Đổi mới toàn diện và phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. 10) Phát triển khoa học - công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá

trình phát triển nhanh, bền vững. 11) Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. 12) Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới. Trong đó xác định 3 *khâu đột phá* là: 1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; 2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc dân; 3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn. Ban Chấp hành Trung ương cũng đã khẳng định yêu cầu cần thiết của việc tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nhằm đảm bảo cho việc thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển đã đề ra.

Trong quá trình thảo luận, có nhiều ý kiến đóng góp, bổ sung vào các báo cáo, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị tiếp thu để hoàn thiện Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng, chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp thu, hoàn chỉnh Báo cáo để trình Quốc hội khóa mới vào năm 2011.

3. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận Báo cáo "Tổng kết bước một và xin chủ trương mở rộng thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường" và thống nhất nhận định: Sau hơn một năm thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố, bước đầu đạt một số mục tiêu, yêu cầu

mà Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) đề ra; tạo được sự chuyển biến trong cải cách hành chính nhằm từng bước tổ chức hợp lý chính quyền địa phương; bước đầu phân biệt về bộ máy, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn giữa chính quyền đô thị và nông thôn; hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước từ cấp tỉnh xuống cơ sở, từng bước đảm bảo tính thống nhất, thông suốt; thực hiện đúng nguyên tắc tập thể trong lãnh đạo, quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân; đồng thời, phát huy tính chủ động, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính; hình thức dân chủ trực tiếp của người dân từng bước được phát huy thông qua hội nghị đối thoại trực tiếp; kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định, phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, việc tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường đã làm giảm đi một số cấp đại diện của người dân. Tổ chức bộ máy, đội ngũ đại biểu, cán bộ, công chức, cơ chế hoạt động của hội đồng nhân dân tỉnh chưa có những đổi mới nhằm thay thế hữu hiệu vai trò của hội đồng nhân dân quận, huyện, phường, nhằm bảo đảm sự sâu sát, gần gũi với người dân ở cơ sở, đặc biệt là tại các phường thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (do không tổ chức cả hội đồng nhân dân quận và phường). Việc tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị của nhân dân trên địa bàn quận, huyện, phường chưa có quy định giao cho tổ chức nào thay thế. Thiếu sự hướng dẫn của thường trực hội đồng nhân dân huyện nên tạo ra lúng túng cho hoạt động của hội đồng nhân dân xã, thị trấn. Việc giám sát của hội đồng nhân dân tỉnh, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp đối với hoạt động của ủy ban nhân dân, tòa án

nhân dân, viện kiểm sát nhân dân quận, huyện còn lúng túng, chưa thường xuyên, sâu sát như trước đây.

Trên cơ sở phân tích những kết quả và hạn chế sau hơn một năm thí điểm, Ban Chấp hành Trung ương thấy rằng thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường là vấn đề hệ trọng, nhạy cảm, liên quan đến tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, cần được tiến hành thận trọng, có bước đi thích hợp; thời gian thí điểm ngắn, chưa đánh giá hết được những ưu điểm, khuyết điểm, những vấn đề phát sinh. Vì vậy, Ban Chấp hành Trung ương đồng ý tiếp tục thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố theo Nghị quyết 26/2008/QH12, ngày 15-11-2008 của Quốc hội khóa XII trong thời gian tới.

Trong quá trình thảo luận, có một số ý kiến đóng góp, bổ sung vào những đánh giá mặt được, chưa được sau một năm làm thí điểm, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp thu, hoàn chỉnh Báo cáo trình Quốc hội trong kỳ họp tới.

4. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và quyết định một bước quan trọng về phương án nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI để trình Đại hội XI của Đảng. Hội nghị đã dành nhiều thời gian phân tích kỹ về yêu cầu, tiêu chuẩn, số lượng, độ tuổi, cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương khóa mới. Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương chỉ đạo tiếp tục chuẩn bị phương án nhân sự để trình Hội nghị Trung ương 14.

5. Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét và quyết định thi hành kỷ luật đồng chí Đinh Văn Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình bằng hình thức cảnh cáo, để đồng chí Đinh Văn Hùng thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, nghỉ công tác để nghỉ hưu, do có các khuyết điểm, vi phạm: 1) Với cương vị Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình, đồng chí chịu trách nhiệm chính về những khuyết điểm, vi phạm của Thường trực Tỉnh ủy trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, Quy chế làm việc và công tác cán bộ; 2) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, phương thức lãnh đạo của Đảng, Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Quy định số 51-QĐ/TW của Ban Bí thư; 3) Vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, cấp ủy viên và phẩm chất đạo đức, lối sống.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân nỗ lực phấn đấu, phát huy những thành tích đã đạt được trong 9 tháng qua, tranh thủ thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2010, Nghị quyết Đại hội X của Đảng; tổ chức thành công đại hội đảng bộ các tỉnh, thành phố, đảng bộ trực thuộc Trung ương; nêu cao tinh thần trách nhiệm, đóng góp những ý kiến tâm huyết, giàu trí tuệ, tinh thần xây dựng cao cho các dự thảo văn kiện Đại hội XI; thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội XI của Đảng.

Báo *Nhân Dân*, số 20132,
ngày 15-10-2010.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 382-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2010

Về công nhận ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10

Ngày 31-8-2010, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trình Ban Bí thư xin chủ trương công nhận ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 (Tờ trình số 17-TTr/ĐCT, ngày 31-8-2010), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung Tờ trình của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và đồng ý công nhận ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 để thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng đối với vai trò của phụ nữ và tổ chức phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng của đất nước. Hằng năm, nhân ngày Phụ nữ Việt Nam, các tổ chức, đoàn thể và nhân dân có hình thức kỷ niệm phù hợp để phát huy truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam, xứng đáng với 8 chữ vàng "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" mà Bác Hồ đã ban tặng.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tiếp tục thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; đoàn kết, tập hợp, vận động phụ nữ phát huy vai trò, thế mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tổ chức xã hội thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến phụ nữ và công tác cán bộ nữ để phụ nữ phát huy tinh thần làm chủ, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của phụ nữ, góp phần tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển đất nước.

Thông báo này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 383-TB/TW, ngày 18 tháng 10 năm 2010

Về việc chuẩn bị kỳ họp và nội dung, chương trình kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XII

Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với Báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội về việc chuẩn bị kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XII (Báo cáo số 425-BC/ĐĐQH12, ngày 27-9-2010) và dự kiến nội dung chương trình kỳ họp gửi kèm theo Báo cáo.

Về một số vấn đề Đảng đoàn Quốc hội đề nghị Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Về một số dự án luật trình Quốc hội còn có ý kiến khác nhau, khi nào Đảng đoàn Quốc hội báo cáo, Bộ Chính trị sẽ xem xét, cho ý kiến.

- Về các vấn đề kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước; về thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã thảo luận và có Nghị quyết về vấn đề này, thực hiện theo Nghị quyết của Trung ương.

- Về cách thức lấy ý kiến đại biểu Quốc hội về các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Đảng đoàn Quốc hội chủ động đề xuất.

Lưu ý, trong dự kiến chương trình cần dành thời gian hợp lý để đại biểu Quốc hội góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ XI của Đảng; bổ sung thêm nội dung phân báo cáo sự điều hành của Chính phủ về Vinashin để Quốc hội có thông tin.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, xem xét các nội dung của kỳ họp, nếu có vấn đề gì cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội kịp thời báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 48-CT/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2010

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác phòng, chống tội phạm
trong tình hình mới**

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức quần chúng và nhân dân đã tích cực tham gia vào công tác phòng, chống tội phạm, thu được những kết quả quan trọng. Do đó, tội phạm từng bước được kiềm chế, một số loại tội phạm có xu hướng giảm, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp. Đã xuất hiện nhiều loại tội phạm mới như: khủng bố, rửa tiền, mua bán người, sử dụng công nghệ cao để phạm tội, tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, tội phạm về môi trường, tội phạm xuyên quốc gia... Số người nước ngoài phạm tội ở Việt Nam và số người Việt Nam phạm tội ở nước ngoài ngày càng nhiều. Tội phạm liên quan trực tiếp đến sự suy thoái đạo đức gia đình, xã hội chiếm tỷ lệ cao, có

nhiều vụ đặc biệt nghiêm trọng. Tội phạm sử dụng vũ khí chống lại lực lượng thi hành công vụ gia tăng và quyết liệt hơn. Tình trạng phạm tội trong thanh thiếu niên xảy ra nhiều hơn, rất đáng lo ngại...

Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là cấp ủy đảng, chính quyền ở một số nơi chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nên chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tội phạm; lực lượng trực tiếp chống tội phạm ở nhiều nơi còn yếu; công tác quản lý xã hội, công tác tuyên truyền, giáo dục về pháp luật, về đạo đức, lối sống và vận động nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm còn nhiều hạn chế. Hiệu quả phòng ngừa tội phạm do nguyên nhân xã hội còn thấp; tỷ lệ điều tra, khám phá một số loại tội phạm chưa cao...

Trong thời gian tới, tình hình tội phạm sẽ còn tiếp tục diễn biến phức tạp, dễ bị các thế lực thù địch và phần tử xấu lợi dụng, kích động làm mất ổn định chính trị, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và sự vững mạnh của chế độ ta. Do đó, công tác phòng, chống tội phạm cần chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa. Với tinh thần đó, Bộ Chính trị yêu cầu thực hiện tốt các nội dung sau đây:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Trong thời gian tới, công tác phòng, chống tội phạm phải kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, nhất là các tội phạm nghiêm trọng, tội phạm mới; tạo ra môi trường lành mạnh, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát

triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc và bình yên của nhân dân.

2. Yêu cầu

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, kết hợp chặt chẽ giữa công tác phòng, chống tội phạm với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Công tác phòng, chống tội phạm phải được thực hiện trong tiến trình cải cách tư pháp, phải tôn trọng quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, công dân và phải lấy chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ với tích cực tấn công trấn áp tội phạm.

- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng, chống tội phạm để mỗi người thấy được quyền lợi, nghĩa vụ, tích cực tham gia công tác này.

- Tập trung điều tra, khám phá, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, nhất là tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về tham nhũng, tội phạm có tổ chức, các loại tội phạm về ma túy, mua bán người, lừa đảo chiếm đoạt lớn tài sản nhà nước...

- Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm của các cơ quan chuyên môn; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn với các cơ quan khác, các tổ chức quần chúng trong phòng, chống tội phạm.

II- MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống

tội phạm, xác định công tác này là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của mình; đề ra các nghị quyết, chương trình để thực hiện có hiệu quả các chủ trương, kế hoạch phòng, chống tội phạm; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện; tăng cường đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phòng, chống tội phạm. Người đứng đầu cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải chịu trách nhiệm trước hết về tình hình tội phạm và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tội phạm ở ngành, địa phương mình.

Mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm thực hiện và tuyên truyền, vận động gia đình thực hiện pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm. Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tội phạm là một trong những tiêu chí để bình xét, phân loại đối với mỗi tổ chức đảng và đảng viên. Chú trọng phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kiên quyết những cán bộ, đảng viên bao che, dung túng tội phạm hoặc có biểu hiện tiêu cực trong công tác này. Cán bộ, đảng viên có vợ (hoặc chồng), con bị xử lý hình sự thì tùy theo mức độ liên đới phải xem xét khi đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo hoặc miễn nhiệm, cách chức nếu cán bộ, đảng viên đó đang giữ chức vụ lãnh đạo.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt công tác thống kê tội phạm và ban hành quy chế thẩm định về bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng.

2. Huy động sự tham gia rộng rãi, tích cực của các tổ chức quần chúng và nhân dân vào công tác phòng, chống tội phạm. Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố và tiếp tục xây dựng thế trận an ninh nhân dân, nhất là ở các thành phố, thị xã lớn, tuyến biên giới trên bộ và trên biển. Tổ chức cam kết, giao ước thi đua xây dựng gia đình, địa bàn dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học... bảo đảm an toàn về an ninh, trật tự. Xây dựng và nhân rộng các mô hình phòng, chống tội phạm có hiệu quả, các điển hình tiên tiến. Vận động nhân dân tích cực tấn công trấn áp tội phạm, truy bắt các đối tượng bị truy nã nhưng đang lẩn trốn. Kịp thời động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân đã đóng góp tích cực trong việc phát hiện, điều tra tội phạm. Có chính sách bảo vệ cá nhân và gia đình những người tham gia làm công tác phòng, chống tội phạm. Có chính sách hỗ trợ thỏa đáng đối với các tập thể, cá nhân bị thương, hy sinh hoặc bị thiệt hại về tài sản khi tham gia công tác này.

Tăng cường và đổi mới công tác cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ những người phạm tội được đặc xá, tha tù, người mắc tệ nạn xã hội tại cộng đồng và tại các trại giam, cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng với những hình thức phù hợp. Quan tâm hỗ trợ những người lầm lỗi đã cải tạo tốt để sớm ổn định cuộc sống, tái hòa nhập với cộng đồng.

3. Củng cố, nâng cao năng lực của lực lượng trực tiếp chống tội phạm từ Trung ương đến cơ sở theo hướng tập trung, chuyên sâu, phân định rõ trách nhiệm, có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tập trung đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng cho công tác chống

tội phạm. Tăng cường năng lực các cơ sở đào tạo cán bộ chống tội phạm thuộc các bộ, ngành chuyên môn. Xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ chống tội phạm vững vàng về chính trị, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu của công tác này. Ban hành chế độ phụ cấp đối với những cán bộ kiêm nhiệm, những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia công tác phòng, chống tội phạm.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh để làm tốt hơn nữa vai trò nòng cốt trong công tác phòng, chống tội phạm.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự nhằm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về đạo đức, lối sống, về pháp luật phòng, chống tội phạm với nhiều hình thức phong phú, sinh động để xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao phẩm chất đạo đức và ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, nhân dân, góp phần hạn chế tội phạm và đấu tranh có hiệu quả với những hành vi phạm tội. Các cơ quan thông tin đại chúng cần tích cực tham gia vào việc phát hiện vi phạm, tội phạm; biểu dương những tấm gương tích cực phòng, chống tội phạm; phê phán những hành vi tiêu cực, tham nhũng, vô trách nhiệm trong công tác này.

6. Đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng, chống tội phạm; nghiên cứu xây dựng, sớm ban hành các văn bản pháp luật đáp ứng với đòi hỏi của tình

hình mới như Luật phòng, chống khủng bố, Luật phòng, chống mua bán người...

7. Tăng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước, tích cực tranh thủ các nguồn lực khác; có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động sự đóng góp kinh phí của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân cho công tác phòng, chống tội phạm. Xây dựng Quỹ phòng, chống tội phạm.

8. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng thành tựu tiên tiến về khoa học, công nghệ trong công tác phòng, chống tội phạm.

9. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống tội phạm, trước hết là với các nước láng giềng, các nước có quan hệ truyền thống, các nước trong khu vực ASEAN. Tổ chức thực hiện tốt các Công ước quốc tế, Hiệp định tương trợ tư pháp, Hiệp định hợp tác phòng, chống tội phạm mà Nhà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập. Tiếp tục nghiên cứu tham gia, ký kết các Điều ước quốc tế khác liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị này; xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, đồng thời tích cực kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm; tăng cường giám sát công tác phòng, chống tội phạm.

3. Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ Chỉ thị này đã đề ra, thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức quần chúng khác xây dựng chương trình hành động, phát động phong trào phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và xây dựng xã, phường, thị trấn, thôn, xóm, làng, bản, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học an toàn về an ninh, trật tự, không có tội phạm và tệ nạn xã hội.

5. Bộ Công an chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 385-TB/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2010

Về một số dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XII

Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với Tờ trình Bộ Chính trị về một số dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XII (Tờ trình số 166-BC/ĐĐQH XII, ngày 16-10-2010 của Đảng đoàn Quốc hội). Cụ thể là:

1. Về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân

Tập trung sửa đổi, bổ sung các vấn đề thật sự cần thiết liên quan đến các quy định về tổ chức và cách thức tiến hành bầu cử để tháo gỡ những vướng mắc khi tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp trong cùng một ngày. Việc sửa đổi cơ bản các luật về bầu cử sẽ được nghiên cứu sau khi tiến hành sửa đổi cơ bản các luật về tổ chức bộ máy nhà nước.

2. Về Dự án Luật viên chức

Cần quy định người đăng ký dự tuyển làm viên chức phải

là người có quốc tịch Việt Nam và phải cư trú tại Việt Nam. Nếu cần thu hút kinh nghiệm, chất xám của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vào các hoạt động chuyên môn trong những trường hợp cần thiết thì nghiên cứu, áp dụng cơ chế khác.

3. Về Dự án Luật thanh tra

Không nên quy định việc tổ chức thanh tra chuyên ngành ở tổng cục, cục thuộc bộ, chi cục thuộc sở; mỗi bộ chỉ nên có một tổ chức thanh tra (thanh tra bộ); bảo đảm cho người đứng đầu các bộ, ngành có điều kiện chỉ đạo, điều hành và quản lý thống nhất các hoạt động thanh tra thuộc bộ, ngành mình; nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước theo đúng các yêu cầu của cải cách hành chính và việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

4. Về Dự án Luật tố tụng hành chính

Lưu ý, tính toán, cân nhắc kỹ việc quy định bổ sung một cơ chế đặc biệt để xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với trường hợp phát hiện quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có sai lầm nghiêm trọng hoặc sau khi Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm thì mới phát hiện tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án. Các cơ quan tư pháp cần phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiếp tục nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, đề xuất cơ chế áp dụng cho cả tố tụng dân sự, tố tụng hình sự.

5. Về Dự án Luật thuế bảo vệ môi trường

Trước mắt, xác định 5 nhóm đối tượng chịu thuế như dự thảo Luật. Trường hợp xét thấy cần thiết phải bổ sung đối

tượng chịu thuế khác cho phù hợp với từng thời kỳ thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định; bảo đảm thực hiện nguyên tắc mọi sản phẩm độc hại có tác động trực tiếp đến môi trường đều phải chịu thuế. Đề nghị Quốc hội thảo luận cân nhắc thêm về việc bổ sung một số nhóm đối tượng khác như hạt níc (chất tẩy rửa trong công nghiệp) và chất khí thải độc hại để bảo đảm sự phù hợp với xu thế chung về bảo vệ môi trường hiện nay.

Về khung thuế suất, nên quy định khung thuế suất trong Luật và giao cho Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thuế suất cụ thể.

6. Về Dự thảo Nghị quyết về chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp

Cần phân loại đối tượng được miễn, giảm thuế theo mục đích sử dụng đất; chỉ thực hiện miễn giảm thuế cho diện tích đất được sử dụng đúng mục đích; cần có cơ chế xử lý đối với diện tích đất bỏ hoang hóa, sử dụng sai mục đích, lãng phí; miễn toàn bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp đối với diện tích đất sử dụng vào mục đích trồng lúa; miễn toàn bộ thuế đối với diện tích đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày, làm muối, nghiên cứu, thí nghiệm, sản xuất thử. Thời hạn miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp là 10 năm như đề nghị của Chính phủ.

7. Về Dự án Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Nên quy định việc tham gia của các tổ chức xã hội vào công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; không quy định một tổ chức xã hội cụ thể nào. Khi thực hiện một số nhiệm vụ được các cơ quan nhà nước giao, tổ chức xã hội tham gia bảo

vệ quyền lợi người tiêu dùng được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội kịp thời báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 386-TB/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2010

**Về việc xây dựng Đền tưởng niệm Bác Hồ
tại tỉnh Cà Mau**

Trong phiên họp ngày 3-11-2010, sau khi nghe Báo cáo của Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam đề nghị Ban Bí thư cho phép xây dựng Đền tưởng niệm Bác Hồ tại tỉnh Cà Mau (Tờ trình số 30-TTr/ĐU, ngày 31-8-2010), Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến các cơ quan về đề nghị của Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

- Hoan nghênh ý tưởng xây dựng Đền tưởng niệm Bác Hồ tại tỉnh Cà Mau, địa đầu phía Nam của Tổ quốc, của Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí quốc gia, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân tổ lòng thành kính tưởng nhớ Bác và góp phần giáo dục truyền thống cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

- Tuy nhiên, hiện nay ở tỉnh Cà Mau, nhân dân đã xây dựng một số đền, phủ thờ Bác Hồ, trong đó có đền thờ đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia. Theo tinh thần chỉ đạo

của Bộ Chính trị tại Công văn số 175-CV/TW, ngày 8-9-2003 và của Ban Bí thư tại Thông báo số 137-TB/TW, ngày 3-3-2008 về việc dựng tượng, xây dựng đền thờ Bác Hồ, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam không xây dựng mới Đền thờ Bác Hồ tại tỉnh Cà Mau mà phối hợp với Tỉnh ủy Cà Mau, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lựa chọn một trong những đền thờ Bác đã được nhân dân xây dựng để tôn tạo, nâng cấp với hình thức và quy mô phù hợp; đồng thời nghiên cứu, hỗ trợ kinh phí để nâng cấp các đền thờ Bác khác tại địa phương.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 387-TB/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2010

Về Ngày Kiến trúc Việt Nam

Tại phiên họp ngày 3-11-2010, sau khi nghe Hội Kiến trúc sư Việt Nam báo cáo, đề nghị Ban Bí thư cho lấy ngày 27-4, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho giới kiến trúc sư cả nước (27-4-1948) là Ngày truyền thống của giới kiến trúc sư Việt Nam, Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến các cơ quan có liên quan về đề nghị của Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

Đồng ý lấy ngày 27-4 hằng năm là Ngày Kiến trúc Việt Nam. Việc tổ chức kỷ niệm Ngày truyền thống của giới kiến trúc sư phải có ý nghĩa thiết thực, cổ vũ, động viên, đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội Kiến trúc sư, giới kiến trúc sư đối với xã hội, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội đất nước như tinh thần bức thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Hội nghị kiến trúc sư tháng 4-1948.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 389-TB/TW, ngày 8 tháng 11 năm 2010
Về mục tiêu tổng quát và hai chỉ tiêu
năm 2011

Tại phiên họp ngày 8-11-2010, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày Báo cáo số 434-BC/ĐĐQH12, ngày 7-11-2010 của Đảng đoàn Quốc hội, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Đồng ý về mục tiêu tổng quát do Đảng đoàn Quốc hội đề nghị: "Tăng tính ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2010, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế".

2. Về chỉ số giá tiêu dùng: năm 2011 tăng không quá 7%.

3. Về tỷ lệ nhập siêu: năm 2011 không quá 18% kim ngạch xuất khẩu.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO**Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 390-TB/TW, ngày 9 tháng 11 năm 2010

Về một số chỉ tiêu ngân sách nhà nước năm 2011

Đảng đoàn Quốc hội trình xin ý kiến Bộ Chính trị về một số chỉ tiêu ngân sách nhà nước năm 2011 (Tờ trình số 435/ĐĐQH12, ngày 8-11-2010). Sau khi lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về mức bội chi ngân sách nhà nước năm 2011 là 5,3% GDP, trên cơ sở giữ nguyên tổng chi ngân sách nhà nước, điều chỉnh tổng thu ngân sách nhà nước tăng 4.500 tỉ đồng, trong đó thu từ dầu thô tăng 3.500 tỉ đồng và thu cân đối ngân sách nhà nước từ lĩnh vực xuất nhập khẩu tăng 1.000 tỉ đồng.

Đảng đoàn Quốc hội thể chế hóa trong Nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2011.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO**Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 391-TB/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2010

**Về Đề án tổng thể và chủ trương cụ thể
về các vấn đề có liên quan đến cuộc bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử
hội đồng nhân dân các cấp**

Tại phiên họp ngày 4-11-2010, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đây là Đề án quan trọng góp phần thực hiện chủ trương tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp trong cùng một thời điểm. Việc xây dựng Đề án đã được Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo chặt chẽ, đúng quy trình; kết quả nghiên cứu đã phân tích rõ những thành công và hạn chế của các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các nhiệm kỳ gần đây; đề ra phương hướng giải quyết những vấn đề đặt ra trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức hữu quan trong công tác bầu cử.

Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với các nội dung nêu trong Tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội (Tờ trình số 419-TTr/ĐĐQH12, ngày 18-8-2010). Lưu ý một số vấn đề sau đây:

1. Về số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội khóa XIII

Tổng số đại biểu Quốc hội nên tiếp tục duy trì ở mức không quá 500 người, trong đó có khoảng 1/3 tổng số đại biểu là đại biểu Quốc hội chuyên trách.

Cần bảo đảm cơ cấu, tính đại diện hợp lý giữa các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương, tỷ lệ đại biểu nữ, người dân tộc. Không nên quy định cứng tỷ lệ người ngoài Đảng và người tự ứng cử; không quy định "khuyến khích" các đồng chí nguyên là lãnh đạo từ thường trực tỉnh ủy, thành ủy, thủ trưởng hoặc tương đương trở lên tự ứng cử.

2. Về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội khóa XIII

Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành; đối với một số trường hợp đặc biệt cần có sự vận dụng thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

3. Về ngày bầu cử và công bố ngày bầu cử

Nên ấn định ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 vào ngày 22-5-2011 (chủ nhật); việc công bố ngày bầu cử cần được tiến hành trước 120 ngày tính từ ngày tổ chức bầu cử (ngày 21-1-2011).

4. Về việc ban hành Chỉ thị lãnh đạo cuộc bầu cử và tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp

Đảng đoàn Quốc hội tiếp tục chỉ đạo các cơ quan hữu quan xây dựng báo cáo đề xuất phương án về tỷ lệ Ủy viên

Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư tham gia Quốc hội; về tiêu chuẩn và độ tuổi đại biểu Quốc hội chuyên trách tham gia lần đầu và tái cử... để Bộ Chính trị xem xét, trình Ban Chấp hành Trung ương quyết định theo đúng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X.

Sau khi Ban Chấp hành Trung ương thông qua định hướng trên, Bộ Chính trị sẽ ban hành Chỉ thị về lãnh đạo cuộc bầu cử và tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII, bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO **Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 392-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 2010

Về việc tham dự Liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới lần thứ 17 (Festival 17) tại Cộng hòa Nam Phi

Sau khi xem xét các kiến nghị của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và ý kiến của các cơ quan có liên quan về Đề án tham dự Liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới lần thứ 17 (Tờ trình số 2325-TTr/TWĐTN, ngày 12-10-2010 của Trung ương Đoàn), Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung Tờ trình của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và đồng ý chủ trương ta có đoàn đại biểu tham dự Liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới lần thứ 17 (Festival 17) tại Cộng hòa Nam Phi, từ ngày 12-12 đến ngày 21-12-2010.

2. Trung ương Đoàn cần tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan để hoàn chỉnh Đề án. Cần xác định rõ mục đích của việc tham dự Festival 17 là nhằm quảng bá hình ảnh, những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam;

giới thiệu về thế hệ trẻ Việt Nam và truyền thống 80 năm xây dựng, cống hiến và phát triển của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; góp phần xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và phát triển, vì hòa bình, dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội đối với mọi quốc gia, dân tộc và thanh niên các nước trên thế giới.

3. Trung ương Đoàn phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành của ta cũng như với phía bạn để chuẩn bị kỹ về nội dung, chương trình, phương án tổ chức các hoạt động nhằm đảm bảo các hoạt động diễn ra an toàn, đúng mục đích, yêu cầu đề ra, tránh xảy ra sự cố ảnh hưởng tới quan hệ đối ngoại của ta; phối hợp chặt chẽ với phía bạn và các cơ quan thông tấn, báo chí trong nước để tuyên truyền về Festival 17 và các hoạt động của đoàn đại biểu Việt Nam.

4. Về cơ cấu, số lượng đại biểu, cần xem xét theo hướng thiết thực, hiệu quả; giảm bớt số lượng đại biểu và chú ý lựa chọn đại biểu tiêu biểu đáp ứng được yêu cầu của hoạt động.

Về thành phần Ban Tổ chức, đồng ý như kiến nghị của Trung ương Đoàn nêu tại Đề án và bổ sung thêm đại diện của một vài cơ quan có liên quan. Cần mời một số đồng chí tham gia ban cố vấn cho đoàn đại biểu như các Festival trước đây. Về nhân sự trưởng đoàn, đề nghị Trung ương Đoàn cân nhắc kỹ vì thời gian diễn ra Festival 17 trùng với thời gian Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

5. Bộ Tài chính xem xét, bố trí kinh phí cho đoàn đại biểu tham dự Festival 17 theo hướng tiết kiệm và hiệu quả.

6. Trung ương Đoàn chủ trì phối hợp chặt chẽ với Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả tốt.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 393-TB/TW, ngày 17 tháng 11 năm 2010

**Về cơ chế Bộ Ngoại giao cung cấp thông tin
cho các cơ quan đảng, ban cán sự đảng,
đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
các địa phương và báo chí Việt Nam**

Tại phiên họp ngày 3-11-2010, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao báo cáo về cơ chế Bộ Ngoại giao cung cấp thông tin cho các bộ, ngành, các địa phương và báo chí Việt Nam (nêu tại Tờ trình số 197-TTr/BCSD-BC-m, ngày 7-9-2010) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

Cơ chế Bộ Ngoại giao cung cấp thông tin cho các cơ quan đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các địa phương và báo chí Việt Nam cần đảm bảo các yêu cầu: (1) Chủ động, tích cực trong định hướng thông tin; (2) Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan.

1. Nội dung thông tin

- Các định hướng, chính sách đối ngoại với các đối tác quan trọng, đặc biệt là quan hệ Việt - Trung, Việt - Mỹ, Việt - Nga,

Việt Nam - Lào - Campuchia, ASEAN, Việt - Nhật, các nước châu Phi...

- Chủ trương xử lý các vấn đề nảy sinh trong quan hệ với các đối tác, chủ trương đàm phán thương mại, giải quyết các tranh chấp, các vụ kiện thương mại.

- Lập luận, quan điểm của ta về các vấn đề dư luận quan tâm, như: dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, biên giới lãnh thổ, quan hệ giữa Việt Nam và các đối tác khác. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến vấn đề biên giới lãnh thổ, nhất là Biển Đông.

- Tình hình và quan điểm của ta đối với những sự kiện quốc tế lớn mà dư luận quan tâm.

- Định hướng tuyên truyền công tác đối ngoại Đảng, định hướng hoạt động đối ngoại lớn của các đoàn thể và tổ chức nhân dân.

2. Cơ chế thông tin

a) Đối với báo chí

- Định kỳ:

+ Hằng tuần, thông tin cho báo chí trong nước tại buổi giao ban do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì với các tổng biên tập các cơ quan báo chí.

+ Hằng tuần, thông tin cho các cơ quan quản lý và báo chí chủ chốt (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân dân, Báo Quân đội nhân dân) tại giao ban Nhóm giúp việc Ban Chỉ đạo Thông tin đối ngoại.

+ 3 tháng/lần gặp báo chí thông báo tình hình.

- Đợt xuất:

+ Thông tin những vấn đề quan trọng, nhạy cảm, phức

tạp dư luận bức xúc về đối ngoại với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông để các cơ quan này kịp thời chỉ đạo báo chí và định hướng dư luận.

+ Gặp, thông báo với báo chí về các sự kiện lớn, các hoạt động đối ngoại quan trọng, các vấn đề nảy sinh trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam, về tình hình quốc tế và khu vực.

b) Đối với các cơ quan đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy

- Định kỳ: 1 tháng/lần bằng văn bản.

- Đợt xuất: khi có vấn đề nảy sinh.

- Riêng đối với Ban Đối ngoại Trung ương, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Bộ Ngoại giao chủ trì họp 1 quý/lần để trao đổi thông tin.

- Các cơ quan đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy 6 tháng/lần gửi văn bản đề nghị với Bộ Ngoại giao về những vấn đề quan tâm.

Trong quá trình triển khai thực hiện, cần thường xuyên rút kinh nghiệm để hoàn thiện cơ chế.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 394-TB/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2010

Về Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VIII

Tại phiên họp ngày 16-11-2010, sau khi nghe Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VIII (Báo cáo số 103/HĐTĐKT-VI, ngày 26-10-2010), Ban Bí thư cơ bản đồng ý với nội dung của Báo cáo, đồng thời lưu ý một số vấn đề sau đây:

1. Đồng ý tổ chức Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VIII gắn với việc tổng kết Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 21-5-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến".

Đây là sự kiện chính trị - xã hội đặc biệt quan trọng để Đảng, Nhà nước khẳng định, ghi nhận công lao, biểu dương thành tích của các cấp, các ngành, các tập thể và cá nhân qua các phong trào thi đua yêu nước đã góp phần vào thắng lợi chung của đất nước trong 5 năm qua. Đồng thời, tiếp tục

khơi dậy, phát huy sức mạnh tổng hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

2. Chủ đề Đại hội và thời gian tiến hành

- Tán thành với chủ đề của Đại hội: "Đoàn kết, năng động, sáng tạo, thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015".

- Thời gian tổ chức Đại hội thi đua yêu nước lần thứ VIII vào ngày 27 và 28-12-2010.

3. Về một số đề nghị

- Đồng ý với dự kiến Đoàn Chủ tịch Đại hội; đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Dân vận Trung ương và đồng chí Phó Chủ tịch nước tham gia Đoàn Chủ tịch Đại hội.

- Đồng chí Tổng Bí thư thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước phát biểu với Đại hội thi đua yêu nước lần thứ VIII.

- Đồng ý về số lượng, thành phần và cơ cấu đại biểu dự Đại hội; cho phép mời các đồng chí là bí thư các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các đồng chí nguyên Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dự Đại hội.

Cần rà soát kỹ về tiêu chuẩn của đại biểu chính thức do các địa phương chọn cử, để đại biểu dự Đại hội thực sự là những cá nhân tiêu biểu cho các phong trào thi đua yêu nước, có sức lan tỏa trong cuộc sống, đóng góp vào thành công chung của Đại hội.

Cho phép mời Việt kiều yêu nước và khách nước ngoài tham dự Đại hội với số lượng như dự kiến.

Ban Cán sự đảng Chính phủ và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện tốt nhiệm vụ, tổ chức Đại hội chu đáo, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo Đại hội thành công tốt đẹp.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 395-TB/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2010

**Về chủ trương chỉ định bí thư tỉnh ủy,
thành ủy tham gia đảng ủy các quân khu**

Tại phiên họp ngày 19-11-2010, xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương về chủ trương chỉ định bí thư tỉnh ủy, thành ủy tham gia đảng ủy các quân khu (số 460-TTr/BTCTW, ngày 17-11-2010), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Thực hiện quy định của Điều lệ Đảng, các tỉnh, thành phố trên địa bàn quân khu nào thì các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy sẽ được chỉ định tham gia đảng ủy quân khu đó, các cơ quan chức năng không cần trình Bộ Chính trị từng trường hợp cụ thể.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 336-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2010

Về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 299-QĐ/TW, ngày 6-4-2010 của Ban Bí thư về việc thành lập Hội đồng xuất bản bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba;
- Xét đề nghị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng nghiệm thu bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba, gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Phan Diễn, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên, phản biện 1.

3. Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên, phản biện 2.

4. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

5. Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên.

6. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

7. Đồng chí Nguyễn Duy Hùng, Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Ủy viên.

8. Đồng chí Phạm Hồng Chương, Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên, Thư ký Hội đồng.

Điều 2. Hội đồng nghiệm thu có nhiệm vụ đánh giá 15 tập bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* xuất bản lần thứ ba, trên cơ sở đó, xuất bản một số tập đầu đúng dịp Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và cả bộ Toàn tập đúng kế hoạch.

Điều 3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 396-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 2010

**Về việc trang bị sách
cho cơ sở xã, phường, thị trấn**

Trong phiên họp ngày 16-11-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về việc trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn sau hơn 1 năm thực hiện Thông báo số 220-TB/TW, ngày 10-2-2009 của Ban Bí thư (Tờ trình số 204-TTr/BTGTW, ngày 9-9-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

Đồng ý tiếp tục triển khai thực hiện Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư và các cơ quan có liên quan hoàn chỉnh Đề án, phối hợp việc trang bị sách giáo dục lý luận chính trị với các loại sách được cấp phát cho tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, sách giới thiệu các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, sách đấu tranh với các quan điểm sai trái, với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí... của một số

nhà xuất bản khác để việc trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn thiết thực, hiệu quả. Hằng năm, Ban Tuyên giáo Trung ương kiểm tra, báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 397-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 2010
Về việc xây dựng Khu lưu niệm
Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại Long An

Trong phiên họp ngày 16-11-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo tỉnh Long An báo cáo về việc xây dựng Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại Long An (Công văn số 3308/UBND-CN, ngày 17-9-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

Ban Bí thư đã đồng ý chủ trương xây dựng Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại Long An (Công văn số 5060-CV/VPTW, ngày 29-5-2008) nhằm tôn vinh, thể hiện lòng biết ơn của các thế hệ hôm nay đối với Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, một đồng chí lãnh đạo cấp cao của Nhà nước, một trí thức tiêu biểu, có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh lập và phê duyệt dự án xây dựng Khu lưu niệm có quy mô phù hợp theo quy định của Đảng, Nhà nước, trình Chính phủ phương án giải quyết kinh phí cho xây dựng Khu lưu niệm từ các nguồn vốn của Trung

ương, địa phương, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

T/M BAN BÍ THƯ
 TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 337-QĐ/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2010

Về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu sản phẩm chính "Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007)"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 24-QĐ/TW, ngày 16-11-2006 của Ban Bí thư về việc thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào;
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng nghiệm thu sản phẩm chính thuộc Dự án biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007), gồm 9 thành viên có tên sau đây:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. GS.NGND. Vũ Dương Ninh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Ủy viên, Phản biện 1.

4. PGS.NGND. Lê Mậu Hãn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Ủy viên, Phản biện 2.

5. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

6. Đồng chí Đào Việt Trung, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Ủy viên.

7. PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc, nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

8. Đồng chí Nguyễn Văn Nghiệp, Ban Liên lạc Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào, Ủy viên.

9. PGS.TS. Nguyễn Văn Nhật, Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam, Ủy viên, Thư ký Hội đồng.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá nghiệm thu sản phẩm trên cơ sở Đề cương chi tiết đã được Ban Bí thư thông qua.

Điều 3. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Chỉ đạo biên soạn

Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 338-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 2010

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
cơ quan báo của đảng bộ tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan báo của đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Điều 1. Chức năng

Cơ quan báo của đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy có chức năng là cơ quan ngôn luận của đảng bộ, chính quyền và nhân dân, đồng thời là cầu nối thông tin giữa

Đảng, chính quyền với nhân dân địa phương; là đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động báo chí theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Thông tin, tuyên truyền về đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của đảng bộ, chính quyền địa phương; giáo dục lòng yêu nước, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lối sống lành mạnh, truyền thống tốt đẹp, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Tham gia phát động và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, nêu gương các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến. Tham gia tổng kết thực tiễn, đúc rút và phổ biến kinh nghiệm, góp phần bổ sung, hoàn thiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương; đưa đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống.

3. Tổ chức tiếp nhận, xử lý, đăng tải thông tin kịp thời, chính xác; thực hiện là diễn đàn của nhân dân theo quy định của pháp luật; góp phần xây dựng đảng bộ và các tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương vững mạnh.

4. Chủ động đấu tranh kiên quyết, sắc bén với những âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tích cực giám sát, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực, góp phần định hướng tư tưởng và dư luận xã hội.

5. Xây dựng cơ quan báo vững mạnh; xây dựng đội ngũ công chức, viên chức và người lao động có lập trường, quan điểm vững vàng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và có đạo đức nghề nghiệp.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ VÀ TÀI CHÍNH**Điều 3.** Lãnh đạo cơ quan báo

Có tổng biên tập, từ 1 đến 3 phó tổng biên tập.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức gồm:

- Phòng Hành chính - Trị sự
- Phòng Thư ký toà soạn
- Phòng Xây dựng Đảng - Nội chính
- Phòng Kinh tế
- Phòng Văn hóa - Xã hội
- Phòng Bạn đọc - Tư liệu
- Phòng Báo điện tử

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và khả năng tài chính, được cấp ủy tỉnh, thành phố và các cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì có thể lập thêm một số bộ phận công tác hoặc phòng chuyên đề.

Điều 5. Biên chế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, số kỳ phát hành trong tuần (không tính các ấn phẩm khác), cơ quan báo của đảng bộ tỉnh, thành phố được giao biên chế theo định hướng:

- Các báo phát hành dưới 5 kỳ/tuần: biên chế từ 30 - 40 công chức, viên chức.
- Các báo phát hành 5 - 6 kỳ/tuần: biên chế từ 41 - 45 công chức, viên chức.

- Các báo phát hành hằng ngày: biên chế từ 46 - 50 công chức, viên chức.

Lãnh đạo cơ quan báo căn cứ nhiệm vụ được giao và khả năng tự chủ về kinh phí hoạt động để thực hiện hợp đồng lao động, cộng tác viên theo quy định.

Điều 6. Về tài chính

Ngân sách đảng bảo đảm chi cho hoạt động thường xuyên của báo; đồng thời báo có nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Quản lý giám sát thu, chi, quyết toán tài chính thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

III- MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Với tỉnh ủy, thành ủy, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Tỉnh ủy, thành ủy là cơ quan chủ quản trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo nội dung và mọi hoạt động của cơ quan báo.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước, bảo đảm cho cơ quan báo hoạt động đúng pháp luật.

Điều 8. Với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy giúp tỉnh ủy, thành ủy thực hiện việc theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng và nội dung tuyên truyền của báo.

2. Sở thông tin và truyền thông giúp ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật.

3. Hội nhà báo tỉnh, thành phố phối hợp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên theo Điều lệ Hội Nhà báo Việt Nam và quy định của pháp luật.

4. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, thành phố phối hợp trong công tác thông tin tuyên truyền; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ, giúp đỡ, giám sát để báo hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, đúng pháp luật.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Lãnh đạo cơ quan báo căn cứ Quy định này và quy định của Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng đề án quy hoạch, phát triển cơ quan báo, trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định.

3. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và cơ quan báo của đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quy định này.

4. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định; nếu có vấn đề mới phát sinh thì báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 398-TB/TW, ngày 29 tháng 11 năm 2010

Về chủ trương phong và thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang

Ngày 5-11-2010, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung Thông báo số 196-TB/TW, ngày 21-9-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chủ trương phong và thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang (Báo cáo số 254-BC/BTCTW, ngày 23-7-2010), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Việc phong, thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang thống nhất thực hiện theo quy định của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (năm 1999), Luật sửa đổi một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (năm 2008), Luật Công an nhân dân (năm 2005) và các văn bản hướng dẫn thực hiện các luật này; đồng thời thực hiện một số nội dung:

- Phong và thăng quân hàm cấp tướng đối với các vị trí có nhu cầu cấp tướng.

- Tuổi của sĩ quan đề nghị thăng quân hàm từ đại tá lên thiếu tướng không quá 57 tuổi, trường hợp có nhu cầu đặc biệt thì xin ý kiến Ban Bí thư trước khi làm quy trình, nhưng không quá 60 tuổi.

- Thời gian thăng quân hàm từ đại tá lên thiếu tướng và thời gian thăng quân hàm trong mỗi cấp tướng tối thiểu là 4 năm, trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

- Việc thăng, phong quân hàm cấp thượng tướng, đại tướng phải xin chủ trương của Bộ Chính trị trước khi làm quy trình.

- Đối với cán bộ, công chức khi điều động vào lực lượng vũ trang được phong quân hàm lần đầu thấp hơn một bậc so với trần quân hàm cao nhất của chức vụ đó.

2. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy định các chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng, tiêu chuẩn, điều kiện xét phong, thăng cấp bậc hàm cấp tướng của sĩ quan công an nhân dân (trong đó có quy định cả đối với sĩ quan biệt phái); chỉ đạo đánh giá, tổng kết việc thực hiện Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (năm 1999), Luật sửa đổi một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (năm 2008) và Luật Công an nhân dân (năm 2005) để làm cơ sở cho việc nghiên cứu trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các văn bản luật này.

3. Thông báo này thay thế Thông báo kết luận số 196-TB/TW, ngày 21-9-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về chủ trương phong và thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang". Trong quá trình thực hiện, nếu xuất hiện những vấn đề mới nảy sinh, Ban Tổ chức Trung ương có trách

nhiệm phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị cho chủ trương trước khi thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 339-QĐ/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Thành lập các đoàn đại biểu, cử trưởng đoàn
và phân công các Ủy viên Trung ương Đảng khóa X
tham gia sinh hoạt tại các đoàn đại biểu
dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Để bảo đảm thực hiện tốt Quy chế làm việc và yêu cầu, nhiệm vụ của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập 67 đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng theo đầu mối các đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Trưởng đoàn của mỗi đoàn đại biểu là đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (riêng đoàn đại biểu Đảng bộ Quân đội là đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương).

Mỗi đoàn đại biểu cử một phó trưởng đoàn và một thư ký đoàn.

Điều 2. Phân công các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt tại các đoàn đại biểu (có danh sách 178 đồng chí kèm theo).

Điều 3. Các đảng bộ trực thuộc Trung ương, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Giao Văn phòng Trung ương Đảng thông báo đến các đảng bộ trực thuộc Trung ương, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU VÀ VIỆC PHÂN CÔNG
CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA X THAM GIA SINH HOẠT TẠI
CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI CỦA ĐẢNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 339-QĐ/TW,
ngày 30-11-2010 của Bộ Chính trị)

STT	Đoàn đại biểu	Các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt
1	Đoàn đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội	1- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng 2- Đồng chí Phạm Quang Nghị 3- Đồng chí Phùng Hữu Phú 4- Đồng chí Nguyễn Thế Thảo 5- Đồng chí Phạm Khôi Nguyên
2	Đoàn đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh	1- Đồng chí Lê Thanh Hải 2- Đồng chí Đặng Ngọc Tùng 3- Đồng chí Lê Hoàng Quân 4- Đồng chí Huỳnh Thị Nhân 5- Đồng chí Phan Thanh Bình

STT	Đoàn đại biểu	Các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt
3	Đoàn đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng	1- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng 2- Đồng chí Nguyễn Văn Thuận 3- Đồng chí Đào Trọng Thi
4	Đoàn đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng	1- Đồng chí Phạm Gia Khiêm 2- Đồng chí Hoàng Tuấn Anh 3- Đồng chí Nguyễn Bá Thanh
5	Đoàn đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ	1- Đồng chí Trương Tấn Sang 2- Đồng chí Nguyễn Tấn Quyền 3- Đồng chí Trần Thanh Mẫn
6	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu	1- Đồng chí Hoàng Văn Phong 2- Đồng chí Trần Quốc Vượng
7	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên	1- Đồng chí Huỳnh Ngọc Sơn 2- Đồng chí Trịnh Long Biên
8	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La	1- Đồng chí Hà Thị Khiết 2- Đồng chí Thào Xuân Sùng
9	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai	1- Đồng chí Giàng Seo Phử 2- Đồng chí Bùi Quang Vinh 3- Đồng chí Hầu A Lềnh
10	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái	1- Đồng chí Đào Ngọc Dung 2- Đồng chí Phùng Quốc Hiển 3- Đồng chí Vũ Tiến Chiến
11	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang	1- Đồng chí Nguyễn Văn Chiên 2- Đồng chí Hoàng Minh Nhất 3- Đồng chí Triệu Tài Vinh

STT	Đoàn đại biểu	Các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt
12	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang	1- Đồng chí Hoàng Bình Quân 2- Đồng chí Đinh Thế Huynh 3- Đồng chí Đỗ Văn Chiến
13	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng	1- Đồng chí Cao Đức Phát 2- Đồng chí Nguyễn Thị Nường
14	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn	1- Đồng chí Mai Thế Dương 2- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân
15	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên	1- Đồng chí Vũ Văn Hiền 2- Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn
16	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn	1- Đồng chí Vũ Huy Hoàng 2- Đồng chí Nguyễn Văn Sơn
17	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ	1- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyên 2- Đồng chí Ngô Đức Vượng
18	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc	1- Đồng chí Ngô Văn Dụ 2- Đồng chí Trịnh Đình Dũng
19	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hòa Bình	1- Đồng chí Trần Lưu Hải 2- Đồng chí Đỗ Hoài Nam
20	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh	1- Đồng chí Nguyễn Đức Kiên 2- Đồng chí Nguyễn Văn Quynh 3- Đồng chí Vũ Đức Đam
21	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang	1- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân 2- Đồng chí Nguyễn Quốc Cường 3- Đồng chí Đào Xuân Cẩn
22	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh	1- Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hòa 2- Đồng chí Nguyễn Quốc Triệu

STT	Đoàn đại biểu	Các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt
23	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên	1- Đồng chí Lê Doãn Hợp 2- Đồng chí Nguyễn Đình Phách
24	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương	1- Đồng chí Phạm Văn Thọ 2- Đồng chí Bùi Thanh Quyến
25	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình	1- Đồng chí Nguyễn Văn Hiến 2- Đồng chí Tạ Ngọc Tấn 3- Đồng chí Bùi Tiến Dũng
26	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam	1- Đồng chí Đinh Văn Cường 2- Đồng chí Bùi Thị Minh Hoài
27	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định	1- Đồng chí Trần Văn Tuấn 2- Đồng chí Chu Văn Đạt
28	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình	1- Đồng chí Nguyễn Thị Doan 2- Đồng chí Phạm Minh Tuyên
29	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa	1- Đồng chí Tô Huy Rứa 2- Đồng chí Võ Hồng Phúc 3- Đồng chí Nguyễn Văn Lợi
30	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An	1- Đồng chí Hồ Đức Việt 2- Đồng chí Trần Văn Hằng 3- Đồng chí Nguyễn Thế Trung
31	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh	1- Đồng chí Trần Đình Đán 2- Đồng chí Trần Cẩm Tú
32	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình	1- Đồng chí Hà Hùng Cường 2- Đồng chí Nguyễn Xuân Quang
33	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị	1- Đồng chí Vũ Văn Ninh 2- Đồng chí Lê Hữu Phúc

STT	Đoàn đại biểu	Các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt
34	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế	1- Đồng chí Hồ Xuân Mãn 2- Đồng chí Phan Xuân Dũng
35	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam	1- Đồng chí Nguyễn Văn Chi 2- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt 3- Đồng chí Vũ Ngọc Hoàng 4- Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc
36	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi	1- Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng 2- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa
37	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định	1- Đồng chí Vũ Trọng Kim 2- Đồng chí Vũ Hoàng Hà
38	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên	1- Đồng chí Nguyễn Văn Đăng 2- Đồng chí Đào Tấn Lộc
39	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa	1- Đồng chí Nguyễn Hồng Quân 2- Đồng chí Nguyễn Văn Tự
40	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum	1- Đồng chí Lê Đức Thúy 2- Đồng chí Y Vêng
41	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai	1- Đồng chí Hà Sơn Nhin 2- Đồng chí Ksor Phước
42	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk	1- Đồng chí Tông Thị Phóng 2- Đồng chí Niê Thuật
43	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông	1- Đồng chí Mai Văn Năm 2- Đồng chí Điểu Kré
44	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận	1- Đồng chí Hoàng Trung Hải 2- Đồng chí Nguyễn Văn Giàu

STT	Đoàn đại biểu	Các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt
45	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận	1- Đồng chí Vương Đình Huệ 2- Đồng chí Huỳnh Văn Tỹ
46	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng	1- Đồng chí Hà Văn Hiến 2- Đồng chí Huỳnh Phong Tranh
47	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước	1- Đồng chí Nguyễn Tấn Hưng 2- Đồng chí Trương Thị Mai
48	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương	1- Đồng chí Nguyễn Minh Triết 2- Đồng chí Mai Thế Trung
49	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh	1- Đồng chí Đặng Vũ Minh 2- Đồng chí Lê Thị Bân 3- Đồng chí Võ Văn Phúông
50	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai	1- Đồng chí Lê Thị Thu Ba 2- Đồng chí Trần Đình Thành
51	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1- Đồng chí Nguyễn Tuấn Minh 2- Đồng chí Nguyễn Hồng Lĩnh
52	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Long An	1- Đồng chí Trương Văn Tiếp 2- Đồng chí Mai Văn Chính
53	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Tiền Giang	1- Đồng chí Trần Văn Truyền 2- Đồng chí Trần Thị Kim Cúc
54	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre	1- Đồng chí Huỳnh Đảm 2- Đồng chí Huỳnh Văn Be
55	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp	1- Đồng chí Trương Hòa Bình 2- Đồng chí Huỳnh Minh Đoàn

STT	Đoàn đại biểu	Các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt
56	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long	1- Đồng chí Đặng Thị Ngọc Thịnh 2- Đồng chí Võ Văn Thưởng 3- Đồng chí Trương Văn Sáu
57	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh	1- Đồng chí Nguyễn Thái Bình 2- Đồng chí Sơn Song Sơn
58	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang	1- Đồng chí Vũ Văn Hiến 2- Đồng chí Nguyễn Phong Quang
59	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng	1- Đồng chí Võ Minh Chiến 2- Đồng chí Uông Chu Lưu
60	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang	1- Đồng chí Nguyễn Hoàng Việt 2- Đồng chí Phạm Biên Cương
61	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang	1- Đồng chí Trương Quốc Tuấn 2- Đồng chí Nguyễn Thanh Sơn
62	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu	1- Đồng chí Võ Văn Dũng 2- Đồng chí Phan Tấn Đạt
63	Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau	1- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng 2- Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh
64	Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương	1- Đồng chí Nông Đức Mạnh 2- Đồng chí Hoàng Xuân Cừ 3- Đồng chí Nguyễn Minh Quang 4- Đồng chí Phạm Bình Minh 5- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Tiến
65	Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương	1- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng 2- Đồng chí Võ Đức Huy 3- Đồng chí Đinh La Thăng

STT	Đoàn đại biểu	Các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa X tham gia sinh hoạt
66	Đoàn đại biểu Đảng bộ Quân đội	1- Đồng chí Phùng Quang Thanh 2- Đồng chí Lê Văn Dũng 3- Đồng chí Nguyễn Thành Cung 4- Đồng chí Nguyễn Văn Đước 5- Đồng chí Nguyễn Văn Hiến 6- Đồng chí Nguyễn Huy Hiệu 7- Đồng chí Phương Minh Hòa 8- Đồng chí Bùi Văn Huấn 9- Đồng chí Phạm Xuân Hùng 10- Đồng chí Trương Quang Khánh 11- Đồng chí Phan Trung Kiên 12- Đồng chí Ngô Xuân Lịch 13- Đồng chí Vi Văn Mạn 14- Đồng chí Mai Quang Phấn 15- Đồng chí Nguyễn Việt Quân 16- Đồng chí Đỗ Bá Ty
67	Đoàn đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương	1- Đồng chí Lê Hồng Anh 2- Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn 3- Đồng chí Lê Thế Tiệm 4- Đồng chí Nguyễn Văn Hưởng 5- Đồng chí Trần Đại Quang 6- Đồng chí Đặng Văn Hiếu
Cộng	67	178

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 340-QĐ/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2010

Ban hành Quy chế cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15-10-2007 của Ban Bí thư về "Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới"; Thông báo kết luận số 225-TB/TW, ngày 3-3-2009 của Ban Bí thư về "Cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền";
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Quy chế cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng của Đảng".

Điều 2. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ
CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN MIỆNG CỦA ĐẢNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340-QĐ/TW,
ngày 3-12-2010 của Ban Bí thư)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm của các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương) trong việc cung cấp thông tin; trách nhiệm của Ban Tuyên giáo Trung ương và báo cáo viên các cấp của Đảng trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Điều 2. Mục đích cung cấp thông tin

Bảo đảm nguồn thông tin chính thống để Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn đội ngũ báo cáo viên các cấp của Đảng thông tin, định hướng dư luận xã hội về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước và tình hình thế giới; phản bác thông tin

sai trái, thù địch; giải thích, làm rõ những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm về đối nội, đối ngoại không thể thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; góp phần tạo sự thống nhất nhận thức, tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc cung cấp thông tin

1. Thông tin phải chính xác, toàn diện, đầy đủ, thống nhất, kịp thời.
2. Bảo đảm yêu cầu về định hướng chính trị, tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.
3. Đúng với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 4. Giải thích một số từ ngữ trong Quy chế

1. "*Báo cáo viên các cấp của Đảng*": Những người được cấp ủy lựa chọn và quyết định công nhận, được tổ chức theo hệ thống từ Trung ương đến đảng bộ cơ sở, thực hiện công tác tuyên truyền miệng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng.
2. "*Cung cấp thông tin*": Cung cấp nội dung những vấn đề cụ thể (sự kiện, vụ việc, tình tiết...) được thể hiện bằng văn bản, tư liệu (tiếng nói, âm thanh, hình ảnh, đồ họa...).
3. "*Vấn đề quan trọng*": Vấn đề có tác động lớn, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước.
4. "*Vấn đề phức tạp, nhạy cảm*": Vấn đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều đối tượng trong xã hội, nếu thông tin sai hoặc không thông tin, giải thích, định hướng kịp thời có thể tác động

bất lợi đến dư luận trong nước và quốc tế (như: các vụ bạo loạn chính trị; tranh chấp, xung đột biên giới, biển đảo với các nước; về vấn đề thuộc về lịch sử đất nước, lịch sử Đảng, lịch sử lãnh tụ chưa rõ, chưa được cơ quan có thẩm quyền kết luận; vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền; các vụ án lớn và phức tạp đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; những vấn đề có thể gây tác hại lớn cho hoạt động ngân hàng, tài chính, chứng khoán, giá cả; vấn đề tâm linh, ngoại cảm chưa được cơ quan có thẩm quyền kết luận chính thức...).

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC CUNG CẤP THÔNG TIN; TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ BÁO CÁO VIÊN CÁC CẤP CỦA ĐẢNG

Điều 5. Nội dung cung cấp thông tin

1. Những vấn đề về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; các chủ trương, kế hoạch, đề án, dự án lớn; kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các ban, bộ, ngành, địa phương thuộc phạm vi lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp của cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

2. Những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm thuộc lĩnh vực, địa bàn do cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, không đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Cần kịp thời cung cấp thông tin ban đầu về quan điểm xử lý của cơ quan chức năng để định hướng dư luận.

Điều 6. Hình thức cung cấp thông tin

1. Văn bản, tư liệu của cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương cung cấp.

2. Thông qua trao đổi, làm việc trực tiếp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương và cơ quan tổ chức đảng trực thuộc Trung ương có liên quan.

3. Thông qua hội nghị báo cáo viên định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức.

4. Thông qua đội ngũ báo cáo viên tiếp nhận, chọn lọc, xử lý thông tin từ cán bộ, đảng viên và nhân dân gửi tới Ban Tuyên giáo Trung ương và cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trong việc cung cấp thông tin

1. Định kỳ 3 tháng một lần cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Quy chế này; trường hợp đột xuất hoặc theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Quy chế này.

2. Phân công một đồng chí lãnh đạo cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền, quản lý, cung cấp thông tin và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Quy chế này; cử cán bộ có trách nhiệm tham gia cung cấp thông tin tại hội nghị báo cáo viên theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Tuyên giáo Trung ương trong việc tiếp nhận, xử lý và quản lý thông tin

1. Ban Tuyên giáo Trung ương là cơ quan trực tiếp chỉ

đạo, hướng dẫn quản lý công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên của Đảng; là đầu mối tiếp nhận, xử lý và quản lý thông tin do cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương cung cấp để chỉ đạo, hướng dẫn báo cáo viên các cấp về nội dung tuyên truyền, giải thích, định hướng dư luận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Khi phát hiện những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận cán bộ, đảng viên và nhân dân, Ban Tuyên giáo Trung ương gửi văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương có liên quan kịp thời cung cấp thông tin.

Điều 9. Trách nhiệm của báo cáo viên các cấp của Đảng trong việc quản lý và sử dụng thông tin

1. Quản lý và sử dụng thông tin theo đúng quy định của Quy chế hoạt động báo cáo viên và những quy định khác của Đảng và Nhà nước; chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước.

2. Khi thực hiện công tác tuyên truyền miệng theo sự phân công phải truyền đạt đầy đủ, chính xác, trung thực nội dung thông tin do Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn và chịu trách nhiệm về những thông tin mà báo cáo viên đưa ra.

3. Báo cáo viên các cấp của Đảng được hưởng một số chế độ theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Căn cứ vào Quy chế này, các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương cụ thể hóa thành quy định trách

nhiệm của các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng do cấp ủy quản lý.

Điều 11. Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương phối hợp tổ chức thực hiện tốt việc cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của báo cáo viên các cấp của Đảng; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới, các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương phản ánh về Ban Tuyên giáo Trung ương để báo cáo Ban Bí thư sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 341-QĐ/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2010

**Thành lập Bộ phận chuyên viên
giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu
toàn quốc lần thứ XI của Đảng**

- Để phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và trực tiếp giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Bộ phận chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, gồm 127 đồng chí (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Bộ phận chuyên viên có trách nhiệm giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội phân ban về nội dung các văn kiện và do lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo, điều hành công việc.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban Trung ương Đảng và các đồng chí có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
BỘ PHẬN CHUYÊN VIÊN GIÚP VIỆC
ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI XI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 341-QĐ/TW,
ngày 3-12-2010)

I- Văn phòng Trung ương Đảng

Lãnh đạo Văn phòng

1. Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng thường trực
2. Đồng chí Nguyễn Văn Thọ, Phó Chánh Văn phòng
3. Đồng chí Hồ Mậu Ngoạt, Phó Chánh Văn phòng
4. Đồng chí Hoàng Công Hoàn, Phó Chánh Văn phòng
5. Đồng chí Nguyễn Văn Quyền, Phó Chánh Văn phòng
6. Đồng chí Dương Thành Bắc, Phó Chánh Văn phòng
7. Đồng chí Đinh Văn Ân, Phó Chánh Văn phòng
8. Đồng chí Nguyễn Huy Cường, Phó Chánh Văn phòng
9. Đồng chí Nguyễn Hữu Từ, Phó Chánh Văn phòng

Vụ Tổng hợp

10. Đồng chí Lê Văn Hùng, Vụ trưởng
11. Đồng chí Nguyễn Văn Khảo, Hàm Vụ trưởng
12. Đồng chí Dương Quốc Hưng, Hàm Vụ trưởng
13. Đồng chí Hoàng Thị Huyền, Hàm Vụ trưởng
14. Đồng chí Phạm Chí Thành, Phó Vụ trưởng
15. Đồng chí Trịnh Châu Giang, Phó Vụ trưởng

16. Đồng chí Dương Huy Toàn, Phó Vụ trưởng
17. Đồng chí Dương Bá Thành, Phó Vụ trưởng
18. Đồng chí Trần Đình Lý, Phó Vụ trưởng
19. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Ngọc, Phó Vụ trưởng
20. Đồng chí Đỗ Thị Thoan, Phó Vụ trưởng
21. Đồng chí Lê Xuân Hùng, Phó Vụ trưởng
22. Đồng chí Giang Văn Sâm, Chuyên viên chính
23. Đồng chí Đỗ Văn Hựu, Chuyên viên chính

Vụ Kinh tế

24. Đồng chí Phạm Quang Lực, Vụ trưởng
25. Đồng chí Trần Công Khích, Hàm Vụ trưởng
26. Đồng chí Bùi Trọng Đĩnh, Hàm Vụ trưởng
27. Đồng chí Nguyễn Hữu Hải, Phó Vụ trưởng
28. Đồng chí Hoàng Thị Tư, Phó Vụ trưởng
29. Đồng chí Phạm Ngọc Thắng, Phó Vụ trưởng
30. Đồng chí Hoàng Xuân Hòa, Phó Vụ trưởng
31. Đồng chí Nguyễn Quốc Minh, Phó Vụ trưởng
32. Đồng chí Trần Thị Thanh Hồng, Phó Vụ trưởng
33. Đồng chí Lê Vinh Quang, Phó Vụ trưởng
34. Đồng chí Nguyễn Mạnh Đạt, Phó Vụ trưởng
35. Đồng chí Nguyễn Hoàng Giang, Phó Vụ trưởng
36. Đồng chí Nguyễn Hồng Sơn, Phó Vụ trưởng
37. Đồng chí Nguyễn Văn Tiến, Phó Vụ trưởng
38. Đồng chí Nguyễn Quốc Ngũ, Phó Vụ trưởng
39. Đồng chí Vũ Hà Cường, Phó Vụ trưởng
40. Đồng chí Nguyễn Văn Cường, Chuyên viên chính

Vụ Xã hội

41. Đồng chí Ngô Quý Minh, Vụ trưởng
42. Đồng chí Trần Minh Hải, Hàm Vụ trưởng

43. Đồng chí Lê Hồng Huyền, Phó Vụ trưởng

44. Đồng chí Vũ Minh Quý, Chuyên viên

45. Đồng chí Tống Thu Huyền, Chuyên viên

46. Đồng chí Nguyễn Hữu Tuấn, Chuyên viên

Vụ Pháp luật và Cải cách tư pháp

47. Đồng chí Trịnh Xuân Toàn, Vụ trưởng

48. Đồng chí Nguyễn Thanh Hải, Phó Vụ trưởng

49. Đồng chí Nguyễn Hải Ninh, Phó Vụ trưởng

50. Đồng chí Thái Anh Hùng, Phó Vụ trưởng

51. Đồng chí Nguyễn Uyên Minh, Chuyên viên chính

Vụ Nội chính

52. Đồng chí Trần Đức Hoàn, Vụ trưởng

53. Đồng chí Hoàng Ngọc Thành, Phó Vụ trưởng

54. Đồng chí Thân Minh Thiện, Phó Vụ trưởng

55. Đồng chí Bùi Quốc Điền, Phó Vụ trưởng

56. Đồng chí Vũ Quốc Văn, Phó Vụ trưởng

57. Đồng chí Lê Văn Hòa, Chuyên viên cao cấp

58. Đồng chí Bùi Thị Thanh Hằng, Chuyên viên chính

59. Đồng chí Nguyễn Thanh Liêm, Chuyên viên chính

Vụ Địa phương I

60. Đồng chí Bùi Quang Liễu, Vụ trưởng

61. Đồng chí Nguyễn Quang Đại, Hàm Vụ trưởng

62. Đồng chí Nguyễn Nhung, Hàm Vụ trưởng

63. Đồng chí Nguyễn Hữu Tá, Phó Vụ trưởng

64. Đồng chí Phạm Ngọc Thắng, Phó Vụ trưởng

65. Đồng chí Nguyễn Văn Bắc, Phó Vụ trưởng

66. Đồng chí Phạm Thị Vịnh, Phó Vụ trưởng

67. Đồng chí Nguyễn Minh Hiền, Phó Vụ trưởng

68. Đồng chí Phạm Văn Bính, Phó Vụ trưởng

69. Đồng chí Phạm Văn Cầu, Phó Vụ trưởng

70. Đồng chí Nguyễn Anh Minh, Phó Vụ trưởng

71. Đồng chí Lê Khánh Toàn, Phó Vụ trưởng

72. Đồng chí Nguyễn Văn Đường, Phó Vụ trưởng

73. Đồng chí Lê Văn Nghị, Phó Vụ trưởng

Vụ Địa phương II

74. Đồng chí Bùi Văn Nghị, Vụ trưởng

75. Đồng chí Nguyễn Quang Huấn, Phó Vụ trưởng

76. Đồng chí Đàm Kiến Lập, Phó Vụ trưởng

77. Đồng chí Trần Duy Hưng, Phó Vụ trưởng

78. Đồng chí Trần Quang Lựu, Phó Vụ trưởng

79. Đồng chí Nguyễn Thế Hiệp, Phó Vụ trưởng

80. Đồng chí Lâm Văn Diệp, Phó Vụ trưởng

81. Đồng chí Nguyễn Văn Dừa, Phó Vụ trưởng

82. Đồng chí Tạ Quang Phúc, Phó Vụ trưởng

83. Đồng chí Tạ Vĩnh Thắng, Phó Vụ trưởng

84. Đồng chí Trần Phương Nam, Phó Vụ trưởng

85. Đồng chí Đinh Văn Vượng, Phó Vụ trưởng

86. Đồng chí Vương Văn Ba, Chuyên viên cao cấp

Vụ Địa phương III

87. Đồng chí Võ Khanh, Vụ trưởng

88. Đồng chí Nguyễn Đắc Dũng, Hàm Vụ trưởng

89. Đồng chí Nguyễn Đức Hiệu, Phó Vụ trưởng

90. Đồng chí Nguyễn Lãng, Phó Vụ trưởng

91. Đồng chí Võ Văn Vịnh, Phó Vụ trưởng

92. Đồng chí Lâm Quang Đăng, Phó Vụ trưởng

93. Đồng chí Nguyễn Thanh Hóa, Chuyên viên chính

Vụ Thư ký

- 94. Đồng chí Lê Quang Vinh, Vụ trưởng
- 95. Đồng chí Lương Ngọc Tham, Phó Vụ trưởng
- 96. Đồng chí Hoàng Văn Lộc, Phó Vụ trưởng
- 97. Đồng chí Trần Văn Tiến, Phó Vụ trưởng
- 98. Đồng chí Hoàng Nam, Phó Vụ trưởng
- 99. Đồng chí Lê Văn Thùy, Chuyên viên chính
- 100. Đồng chí Trần Thị Kim Ngân, Chuyên viên chính
- 101. Đồng chí Nguyễn Thị Ánh Hồng, Chuyên viên chính
- 102. Đồng chí Nguyễn Thế Anh, Chuyên viên chính
- 103. Đồng chí Nguyễn Thu Huyền, Chuyên viên

Vụ Thư từ - Tiếp dân

- 104. Đồng chí Vũ Ngọc Lớn, Vụ trưởng
- 105. Đồng chí Dương Công Viên, Phó Vụ trưởng
- 106. Đồng chí Đinh Xuân Chính, Phó Vụ trưởng
- 107. Đồng chí Nguyễn Văn Quý, Chuyên viên chính
- 108. Đồng chí Vũ Thị Minh, Chuyên viên chính

Vụ Hành chính

- 109. Đồng chí Nguyễn Thanh Hiền, Vụ trưởng

Trung tâm Công nghệ thông tin

- 110. Đồng chí Vũ Duy Lợi, Giám đốc

Cục Lưu trữ

- 111. Đồng chí Nguyễn Văn Lan, Cục trưởng
- 112. Đồng chí Hoàng Quốc Tuấn, Hàm Vụ trưởng

Vụ Tổ chức - Cán bộ

- 113. Đồng chí Trần Quyết Thắng, Vụ trưởng

Tạp chí Văn phòng cấp ủy

- 114. Đồng chí Thân Đức Hưởng, Tổng Biên tập

II- Ban Tổ chức Trung ương

- 115. Đồng chí Nguyễn Hữu Chấn, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Điều lệ
- 116. Đồng chí Trương Văn Chi, Phó Vụ trưởng Vụ Đảng viên
- 117. Đồng chí Đàm Duy Thiên, Phó Vụ trưởng Vụ IV

III- Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương

- 118. Đồng chí Bùi Khánh Long, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp
- 119. Đồng chí Cao Văn Thống, Phó Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu
- 120. Đồng chí Nguyễn Quốc Thái, Trưởng phòng, Vụ Nghiên cứu.

IV- Ban Tuyên giáo Trung ương

- 121. Đồng chí Nguyễn Hữu Chí, Vụ trưởng Vụ Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề
- 122. Đồng chí Bùi Thế Đức, Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền
- 123. Đồng chí Vũ Đình Thường, Phó Vụ trưởng Vụ Báo chí - Xuất bản.

V- Ban Đối ngoại Trung ương

- 124. Đồng chí Ngô Lê Văn, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp
- 125. Đồng chí Ngô Hồng Quang, Phó Vụ trưởng Vụ Đối ngoại Nhân dân
- 126. Đồng chí Võ Tuấn Ngọc, Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng

VI- Ban Dân vận Trung ương

- 127. Đồng chí Trần Vương Việt, Chuyên viên Trung tâm Nghiên cứu khoa học Dân vận

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 399-TB/TW, ngày 6 tháng 12 năm 2010

**Về việc tổng kết Chỉ thị 17-CT/TW,
ngày 23 tháng 10 năm 2002 của Ban Bí thư (khóa IX)
"Về phát triển thể dục thể thao đến năm 2020"**

Tại phiên họp ngày 16-11-2010, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình bày Tờ trình về việc Báo cáo tổng kết Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 23-10-2002 của Ban Bí thư (khóa IX) về phát triển thể dục thể thao đến năm 2020 (Tờ trình số 210-TTr/BTGTW, ngày 5-10-2010), Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan góp ý vào Báo cáo tổng kết Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 23-10-2002 của Ban Bí thư (khóa IX) về phát triển thể dục thể thao đến năm 2020 của Ban Tuyên giáo Trung ương, phát biểu của đại diện lãnh đạo các cơ quan có liên quan tham dự cuộc họp, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

- Về cơ bản, nhất trí với nội dung nêu trong Tờ trình, Báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương. Việc thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 23-10-2002 của Ban Bí thư (khóa IX) trong 8 năm qua đã đạt được một số kết quả tích cực; tuy nhiên

vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Một số cấp ủy đảng, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ, chưa thấy hết ý nghĩa quan trọng của phát triển thể dục, thể thao đối với việc tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất con người Việt Nam, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, chưa quan tâm chỉ đạo thực hiện Chỉ thị.

- Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư và đóng góp của các cơ quan, hoàn thiện Báo cáo tổng kết, đánh giá đầy đủ, sâu sắc hơn kết quả thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW của Ban Bí thư trong 8 năm qua, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề này để trình Bộ Chính trị khóa XI.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X***

Ngày 13 tháng 12 năm 2010

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) họp Hội nghị lần thứ 14. Thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi xin gửi tới toàn thể các đồng chí lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thắng lợi. Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn và tiếp thu ý kiến đóng góp của đại hội đảng các cấp, của đại biểu Quốc hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân vào các dự thảo Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng; thảo luận, thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo,

* Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 13 đến ngày 22-12-2010. Phục vụ cho việc nghiên cứu Nghị quyết, chúng tôi xếp các văn kiện thành một cụm để bạn đọc tiện theo dõi (B.T).

chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa X); thảo luận, thông qua phương án giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và cho ý kiến về một số vấn đề quan trọng khác.

Thưa các đồng chí,

Về các văn kiện sẽ trình Đại hội XI của Đảng, thực hiện quyết định của Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X), Bộ Chính trị đã công bố toàn văn dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa X trình Đại hội lần thứ XI của Đảng; dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cán bộ, đảng viên, của các đại biểu Quốc hội và nhân dân. Qua việc lấy ý kiến này cũng như qua đóng góp của đại hội đảng các cấp, hàng vạn ý kiến đóng góp đã được tổng hợp hoặc trực tiếp gửi đến Văn phòng Trung ương Đảng và các ban Trung ương Đảng hoặc phản ánh qua các báo, đài. Nhìn chung, các ý kiến đều rất thẳng thắn, tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển. Với tinh thần trân trọng và hoan nghênh các ý kiến đóng góp chân tình và xây dựng của đông đảo cán bộ, đảng viên, của các đại biểu Quốc hội và nhân dân, tại Hội nghị này, Bộ Chính trị xin gửi đến Trung ương

các bản tổng hợp những ý kiến đóng góp và kiến nghị những điểm cần tiếp thu, bổ sung, sửa đổi trong dự thảo các văn kiện để Trung ương cho ý kiến hoàn chỉnh lần cuối, làm cho các văn kiện Đại hội thật sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng và toàn dân ta.

Về Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa X), Bộ Chính trị cho rằng trong nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nêu cao bản lĩnh cách mạng, ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sớm cụ thể hóa nhiều nội dung quan trọng trong Nghị quyết Đại hội X của Đảng; kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp, giải quyết có kết quả nhiều vấn đề phức tạp về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu; cơ bản giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; tạo được một số chuyển biến tiến bộ về năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan lãnh đạo của Trung ương đã nghiêm túc thực hiện Quy chế làm việc, đã phân định rõ

ràng hơn trách nhiệm, quyền hạn của tập thể Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư...; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, cải tiến chế độ và phương thức công tác. Sinh hoạt của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thẳng thắn, cởi mở, dân chủ; đề cao vai trò của tập thể, đồng thời phát huy tốt hơn trách nhiệm cá nhân của từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng còn một số mặt hạn chế, khuyết điểm cần được nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về phương án giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, căn cứ vào kết quả Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (khóa X), Bộ Chính trị đã chỉ đạo việc tiếp tục chuẩn bị, hoàn chỉnh các hồ sơ, xem xét những trường hợp cụ thể, hoàn thiện thêm một bước phương án về nhân sự để Hội nghị Trung ương lần này tiếp tục xem xét và quyết định trước khi trình ra Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Với các nội dung như trình bày ở trên, Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng, là một bước nữa để Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị cho Đại hội XI của Đảng. Vì vậy, tôi đề nghị các đồng chí nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tinh thần dân chủ, ý thức tập thể trong thảo luận, để đưa ra những quyết định đúng đắn, thể

hiện ý chí của toàn Đảng, đóng góp tích cực vào sự thành công của Đại hội XI của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14 BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 36-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2010

Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 13-12 đến ngày 22-12-2010 tại Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận các tờ trình và báo cáo của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Tán thành các nội dung đã nêu trong các tờ trình và báo cáo của Bộ Chính trị về việc tiếp thu ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các cấp, của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên và nhân dân góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI của Đảng.

Thông qua về cơ bản các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI; giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương, Báo cáo tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, kết quả biểu quyết tại Hội nghị và ý kiến sửa chữa trực tiếp vào văn bản của các đồng chí Ủy viên Trung ương để hoàn chỉnh lần cuối các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng, gồm:

- Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

- Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

2. Thông qua dự thảo Quy chế làm việc và dự thảo Quy chế bầu cử tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, về thời gian, nội dung và chương trình Đại hội XI. Giao Bộ Chính trị, căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, hoàn chỉnh các dự thảo để trình Đại hội XI của Đảng.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định triệu tập Đại hội XI của Đảng từ ngày 11-1-2011 đến ngày 19-1-2011 tại Thủ đô Hà Nội, trong đó họp phiên trù bị ngày 11-1-2011, khai mạc chính thức vào ngày 12-1-2011.

4. Thông qua một số chủ trương, định hướng việc chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII về thời gian bầu cử, tiêu chuẩn, số lượng và cơ cấu đại biểu Quốc hội. Giao Bộ Chính trị, căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Đề án tổng thể và

chủ trương cụ thể về các vấn đề có liên quan đến cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử hội đồng nhân dân các cấp.

5. Quyết định đề nghị với Đại hội XI để bầu số lượng Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương khóa XI là 175 đồng chí, số lượng Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khóa XI là 25 đồng chí.

6. Thông qua danh sách 203 đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương khóa X giới thiệu ứng cử Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XI để trình Đại hội XI xem xét, gồm 186 đồng chí được giới thiệu ứng cử Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và 17 đồng chí được giới thiệu ứng cử Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Giao Bộ Chính trị tiếp tục chuẩn bị để tại Hội nghị Trung ương 15 (khóa X) trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định bổ sung giới thiệu số Ủy viên Trung ương dự khuyết còn thiếu so với số lượng đã được Trung ương chấp thuận.

7. Thông qua phương án giới thiệu nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhân sự Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội khóa XIII. Giao Bộ Chính trị khóa X bàn giao kết quả giới thiệu của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, số lượng, cơ cấu ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI để Ban Chấp hành Trung ương khóa XI xem xét, quyết định.

8. Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét Báo cáo của Bộ Chính trị về kiểm điểm trách nhiệm của một số tập thể,

cá nhân liên quan đến sai phạm tại Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin).

Giao Bộ Chính trị, căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, chỉ đạo các tập thể, cá nhân nghiêm túc tự phê bình, rút kinh nghiệm sâu sắc, đồng thời tiếp tục chấn chỉnh, củng cố Tập đoàn Vinashin phát triển đúng hướng và tiếp tục chỉ đạo, điều tra, xử lý nghiêm, đúng pháp luật các cá nhân có sai phạm.

9. Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội và các cơ quan chức năng tiếp tục làm tốt các công việc còn lại để bảo đảm Đại hội XI của Đảng thành công tốt đẹp.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

*Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,*

Sau 10 ngày làm việc tích cực, khẩn trương, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã hoàn thành chương trình đề ra.

Với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị đã thảo luận, xem xét tiếp thu ý kiến của đại hội đảng bộ các cấp, của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên và nhân dân, kiều bào ta ở nước ngoài đóng góp vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI của Đảng. Các ý kiến đóng góp lần này rất phong phú, bao quát nhiều lĩnh vực với các phạm vi, nội dung và tầm mức khác nhau, nhưng nhìn chung đều rất tâm huyết, phản ánh chân thực những suy nghĩ, trăn trở, tìm tòi trước thực tiễn sinh động của công cuộc đổi mới, phát triển đất nước trong điều kiện mới, thể

hiện trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển nhanh, bền vững. Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ sự trân trọng và cảm ơn các ý kiến tâm huyết, trí tuệ và tinh thần xây dựng chân thành, xin tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý, xác đáng để bổ sung, hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện, đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn. Đối với một số vấn đề phức tạp, đã trao đổi, thảo luận nhiều, nhưng vẫn còn ý kiến khác nhau, chưa đủ cơ sở để kết luận, Hội nghị chúng ta nhất trí ghi nhận và đề nghị được tiếp tục nghiên cứu sau Đại hội. Riêng đối với một số ý kiến mang động cơ xấu, lợi dụng việc góp ý để hoạt động chống đối, phá hoại, Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ thái độ kiên quyết phê phán và dứt khoát bác bỏ.

Tại Hội nghị này, chúng ta đã tiếp thu nhiều ý kiến bổ sung làm rõ và sâu sắc thêm về đánh giá tình hình đất nước sau 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng; ưu, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; các bài học kinh nghiệm; bối cảnh tình hình đất nước hiện nay và những vấn đề mới đặt ra cần giải quyết; điều chỉnh một số điểm trong mục tiêu, nhiệm vụ và các chính sách, giải pháp chính, nhất là trên lĩnh vực xây dựng con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xây dựng nông thôn mới; coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, v.v. nhằm đưa đất nước tiếp tục phát triển nhanh, bền vững. Về công tác xây dựng Đảng, các ý kiến tiếp thu lần này tập

trung chủ yếu vào việc quán triệt và tăng cường xây dựng mối quan hệ giữa nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", đồng thời quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục đổi mới công tác cán bộ và phương thức lãnh đạo của Đảng cho phù hợp với yêu cầu phát triển mới; tổng kết, đánh giá cơ chế và mô hình tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng để có chủ trương, giải pháp thiết thực và có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Cùng với việc tiếp thu nhiều ý kiến hợp lý, xác đáng, Trung ương cũng đã điều chỉnh việc diễn đạt các khái niệm và sử dụng từ ngữ trong các văn kiện cho chính xác hơn. Với những điểm bổ sung, sửa chữa lần này, các dự thảo văn kiện được hoàn chỉnh, thực sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Thưa các đồng chí,

Với tinh thần dân chủ, tự phê bình và phê bình nghiêm túc, Hội nghị Trung ương đã thảo luận sôi nổi, góp ý kiến thẳng thắn, sâu sắc và thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X trình Đại hội XI và Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X.

Về giới thiệu nhân sự ứng cử Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Hội nghị lần này đã xem xét, cân nhắc, lựa chọn, bổ sung vào kết quả có được tại Hội nghị Trung ương

lần thứ 13, nhất trí thông qua danh sách đề giới thiệu với Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã quyết định thời gian họp Đại hội, thông qua dự kiến Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội để trình Đại hội XI quyết định.

Với những kết quả đạt được của Hội nghị Trung ương lần này, Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, giữ vững nguyên tắc, hoàn thành cơ bản chương trình toàn khóa và chuẩn bị chu đáo cho Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ XI theo quy định của Điều lệ Đảng.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến ngày khai mạc Đại hội XI của Đảng thời gian còn rất ít. Chúng ta đang đứng trước thêm năm mới 2011 và chuẩn bị đón Tết Nguyên đán Tân Mão. Công việc rất nhiều và dồn dập. Chúng ta phải khẩn trương, tích cực chuẩn bị về mọi mặt để bảo đảm cho thành công của Đại hội Đảng, đồng thời phải hoàn tất công việc cuối năm và triển khai nhiệm vụ, kế hoạch năm 2011; tập trung cao độ khắc phục cho được những khó khăn trước mắt, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, chăm lo thiết thực đời sống nhân dân, nhất là ở các vùng khó khăn, thiên tai, tạo không khí phấn khởi, đoàn kết, tin tưởng, nỗ lực thi đua lập thành tích thiết thực mừng Đảng, mừng Xuân.

Tôi mong muốn và tin tưởng rằng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí Trung ương, các đồng chí chủ trì cơ quan, đơn vị và

các địa phương, hơn bao giờ hết, nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, tổ chức làm việc khoa học, sáng tạo, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, hoàn thành tốt nhất cương vị, nhiệm vụ được giao, mãi mãi xứng đáng với niềm tin yêu của dân, của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, giành được nhiều thắng lợi trong năm mới 2011 - một năm có nhiều sự kiện quan trọng và nhiều hứa hẹn tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Thưa các đồng chí,

Hôm nay là ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Ngày Hội quốc phòng toàn dân. Ban Chấp hành Trung ương xin gửi lời chúc mừng tốt đẹp nhất đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và lực lượng dân quân tự vệ cả nước. Chúc Quân đội ta không ngừng phát triển, tiến lên theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, mãi mãi xứng đáng là quân đội anh hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng, xứng đáng với lòng yêu mến, tin cậy của Đảng, Nhà nước và của nhân dân.

Xin cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14 BAN CHẤP HÀNH

TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Từ ngày 13 đến ngày 22 tháng 12 năm 2010

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, trong các ngày từ ngày 13 đến ngày 22-12-2010, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã họp Hội nghị lần thứ 14 để tiếp thu ý kiến đóng góp của đại hội đảng các cấp, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI của Đảng; thảo luận Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa X trình Đại hội XI và Báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X; thảo luận, thông qua phương án nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và cho ý kiến về một số vấn đề quan trọng khác.

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Sau Hội nghị Trung ương 12 (khóa X), theo chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã gửi các dự

thảo văn kiện Đại hội XI của Đảng để thảo luận, góp ý tại Đại hội đảng các cấp và ngày 15-9-2010, đã công bố các dự thảo văn kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến toàn dân. Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XII, các đại biểu Quốc hội đã thảo luận, góp ý vào các dự thảo văn kiện Đại hội Đảng. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cấp, các ngành đã chủ động tổ chức nhiều cuộc hội nghị, hội thảo, thảo luận và gửi về Trung ương hàng trăm bản tổng hợp ý kiến góp ý. Đồng đảo cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân ở các lứa tuổi, nghề nghiệp, trên mọi miền của Tổ quốc và kiều bào ta ở nước ngoài đã nhiệt tình đóng góp ý kiến, gửi hàng vạn thư, tài liệu góp ý đến Văn phòng Trung ương Đảng và các ban đảng, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc phản ánh qua các báo, đài. Hầu hết các ý kiến góp ý đều rất thẳng thắn, tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta trong sạch, vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển nhanh, bền vững. Việc góp ý của nhân dân vào các dự thảo văn kiện rất phong phú, đa diện, nhiều chiều, mang tính nhân dân rộng rãi. Đây thật sự là một đợt sinh hoạt chính trị sinh động và dân chủ trong xã hội ta.

Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ sự trân trọng và chân thành cảm ơn các ý kiến góp ý tâm huyết, trí tuệ, với tinh thần trách nhiệm cao của đại hội đảng các cấp, các đại biểu Quốc hội, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức, của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong nước, kiều bào ta ở nước ngoài; xin tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý, xác đáng để hoàn chỉnh các dự thảo, để các dự

thảo văn kiện Đại hội XI của Đảng thật sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân; đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn. Đối với một số vấn đề khó, phức tạp, đã trao đổi, thảo luận nhiều lần, nhưng vẫn còn ý kiến khác nhau, xin ghi nhận và để nghiên cứu sau Đại hội.

1. Ban Chấp hành Trung ương đã nghiên cứu các bản tổng hợp ý kiến đóng góp của Đại hội Đảng các cấp, của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức, của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào các văn kiện Đại hội; xem xét các tờ trình của Bộ Chính trị về việc tiếp thu các ý kiến góp ý vào dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển), dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, dự thảo Báo cáo chính trị và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi); tập trung thảo luận, tiếp thu các ý kiến góp ý vào những nội dung quan trọng trong từng văn kiện, như: về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị... (trong dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển)); về đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, mục tiêu phát triển đất nước ta trong 5 năm của nhiệm kỳ Đại hội XI và 10 năm tới, về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, về tăng cường quốc phòng,

an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xây dựng Đảng... (trong dự thảo Báo cáo chính trị và dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020); về tiêu chuẩn đảng viên, giới thiệu người vào Đảng, thành lập tổ chức cơ sở đảng, chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng, đảng đoàn, thẩm quyền kỷ luật cán bộ và các hình thức kỷ luật trong Đảng, giải quyết khiếu nại, kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng... (trong dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi)).

Qua tiếp thu các ý kiến góp ý, đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng, nâng cao chất lượng các dự thảo văn kiện Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến Trung ương tiếp tục hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện để trình Đại hội XI của Đảng.

2. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) tại Đại hội XI của Đảng và Báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa X). Trong nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nêu cao bản lĩnh cách mạng, ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, sớm cụ thể hóa nhiều nội dung quan trọng trong Nghị quyết Đại hội X của Đảng; kịp thời đưa ra những quyết sách phù

hợp, giải quyết có kết quả nhiều vấn đề phức tạp về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; đưa đất nước ta vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu; cơ bản giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; tạo được một số chuyển biến tiến bộ về năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nghiêm túc thực hiện Quy chế làm việc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, cải tiến chế độ và phương pháp công tác. Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng còn một số mặt hạn chế, khuyết điểm cần được nghiêm túc rút kinh nghiệm.

3. Trên cơ sở kết quả của Hội nghị Trung ương 13, tại Hội nghị lần thứ 14, Ban Chấp hành Trung ương đã tiếp tục thảo luận, hoàn thiện, quyết định phương án nhân sự đề trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

4. Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng từ ngày 12-1 đến 19-1-2011, tại Thủ đô Hà Nội; đã cho ý kiến về việc chuẩn bị nội dung, chương trình, Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử của Đại hội XI và xem xét một số vấn đề quan trọng khác.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy những kết quả quan trọng đạt được trong năm 2010 và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng; tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động; thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Báo *Nhân Dân*, số 20201,
ngày 23-12-2010.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 400-TB/TW, ngày 16 tháng 12 năm 2010

**Về việc thành lập Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy
ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Xem xét đề nghị của Bộ Công an về thành lập Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tại một số tỉnh, thành phố trọng điểm, phức tạp về công tác phòng cháy, chữa cháy (Tờ trình số 281/TTr-BCA, ngày 9-11-2010) và ý kiến của Ban Cán sự đảng Chính phủ và các cơ quan chức năng liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

Đồng ý với đề nghị của Bộ Công an về việc thành lập Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tại 7 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương và Vĩnh Phúc.

Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng ủy Công an Trung ương và các cơ quan chức năng thực hiện theo quy định của pháp luật.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 49-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2010

**Về lãnh đạo Đại hội đại biểu phụ nữ các cấp
tiến tới Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI**

Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm và đánh giá cao vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và phát huy vai trò, thế mạnh, tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, trong đó hội liên hiệp phụ nữ có vai trò nòng cốt.

Trong những năm qua, các tầng lớp phụ nữ và hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã không ngừng phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã chủ động, sáng tạo, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; đoàn kết, tập hợp, động viên các tầng lớp phụ nữ tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Tuy nhiên, phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vẫn còn có những mặt hạn chế. Phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn, thách thức khi thực hiện vai trò của mình trong gia đình và xã hội; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cơ hội tìm việc làm để có thu nhập ổn định của một bộ phận phụ nữ còn nhiều khó khăn; kết quả thực hiện chức năng đại diện, tham gia quản lý nhà nước của hội chưa cao; công tác cán bộ nữ còn nhiều hạn chế, bất cập; việc tập hợp các đối tượng phụ nữ, đặc biệt là nữ doanh nhân, nữ trí thức, phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài... chưa đáp ứng yêu cầu đoàn kết, mở rộng tính liên hiệp của tổ chức hội trong tình hình hiện nay.

Năm 2011 là năm tổ chức đại hội phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI. Đây là sự kiện chính trị quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới trong việc phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Để lãnh đạo đại hội phụ nữ các cấp đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ chính sau đây:

1. Lãnh đạo ban chấp hành hội liên hiệp phụ nữ các cấp chuẩn bị tốt nội dung đại hội: Báo cáo trình đại hội cần đánh giá đúng thực trạng tình hình phụ nữ và hoạt động của các cấp hội trong 5 năm qua; khẳng định những đóng góp của các tầng lớp phụ nữ; nêu rõ khuyết điểm, yếu kém và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm. Bám sát thực tiễn phong trào phụ nữ; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nghị quyết đại hội đảng các cấp; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI để đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng và phát triển tổ chức hội ngày càng vững mạnh trong nhiệm kỳ tới.

Trong quá trình lãnh đạo đại hội, các cấp ủy đảng cần kết hợp đánh giá 3 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự ban chấp hành các cấp hội phụ nữ khóa mới đảm bảo tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu, tính liên hiệp, có sự kế thừa và phát triển, đáp ứng năng lực lãnh đạo trong thời kỳ mới. Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp cho ý kiến định hướng nhân sự đại hội đúng nguyên tắc, quy trình theo quy định của Đảng và Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội; chỉ đạo hội liên hiệp phụ nữ các cấp phát động phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, đạt nhiều kết quả chào mừng đại hội đại biểu các cấp tiến tới Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3. Chỉ đạo các cấp chính quyền, các ban, ngành chức năng đảm bảo các điều kiện cần thiết để hội liên hiệp phụ nữ các cấp tổ chức tốt đại hội.

4. Đại hội phụ nữ các cấp phải được chỉ đạo tập trung, chuẩn bị chu đáo để đại hội diễn ra trang trọng, tiết kiệm,

hiệu quả và đúng tiến độ. Thời gian tiến hành đại hội cấp cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh từ quý I-2011 đến quý IV-2011; Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI tổ chức vào quý I-2012.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 401-TB/TW, ngày 24 tháng 12 năm 2010

Một số vấn đề về việc chuẩn bị Đại hội XI của Đảng

Để tiến tới Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị thông báo một số vấn đề về việc chuẩn bị Đại hội XI để ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương biết và tổ chức thực hiện như sau:

1. Tại Hội nghị lần thứ 14, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã quyết định triệu tập Đại hội XI của Đảng từ ngày 11-1-2011 đến ngày 19-1-2011 tại Thủ đô Hà Nội, trong đó họp phiên trù bị ngày 11-1-2011, khai mạc chính thức vào 8 giờ ngày 12-1-2011. Đại hội họp phiên trù bị vào 9 giờ ngày 11-1-2011 tại Trung tâm Hội nghị quốc gia (đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội).

2. Bộ Chính trị đã quyết định thành lập 67 đoàn đại biểu (63 tỉnh, thành phố và các đoàn: Quân đội, Công an, Khối Các cơ quan Trung ương, Khối Doanh nghiệp Trung ương) và phân công các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng khóa X tham gia sinh hoạt tại các đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Đối với các đồng chí là đại biểu chính thức sau khi được bầu tại đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương đã được quyết định điều động về nơi công tác mới, thì vẫn tham gia sinh hoạt với đoàn đại biểu đảng bộ nơi được bầu.

3. Trưởng đoàn của mỗi đoàn đại biểu là đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; riêng đoàn đại biểu Đảng bộ Quân đội là đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Đồng chí trưởng đoàn chịu trách nhiệm chủ trì mọi hoạt động của đoàn mình theo sự điều hành chung của Đoàn Chủ tịch. Mỗi đoàn đại biểu cử một phó trưởng đoàn và một thư ký đoàn.

4. Trước khi về dự Đại hội Đảng, các đoàn tổ chức sinh hoạt đoàn (tại địa phương hoặc tại Hà Nội) để làm các việc sau đây:

- Góp ý vào dự thảo Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội XI và gửi ý kiến góp ý về cho Bộ Chính trị (qua Văn phòng Trung ương Đảng), chậm nhất là vào chiều ngày 7-1-2011, để tiếp thu, chỉnh sửa trước khi trình Đại hội XI.

- Nghiên cứu các văn kiện Đại hội XI.

- Cử 1 đồng chí phó trưởng đoàn để giúp việc trưởng đoàn và 1 đồng chí thư ký đoàn để ghi biên bản thảo luận đoàn và phục vụ các hoạt động khác của đoàn.

- Trao đổi một số vấn đề liên quan đến sinh hoạt của đoàn tại Đại hội Đảng.

Danh sách đồng chí phó trưởng đoàn và thư ký đoàn gửi về cho Bộ Chính trị (qua Văn phòng Trung ương Đảng) trước ngày 8-1-2011.

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã được phân công tham gia sinh hoạt tại các đoàn đại biểu không phải về dự sinh hoạt đoàn trước Đại hội.

5. Đề nghị các đại biểu chính thức dự Đại hội XI của Đảng mang theo thẻ đảng viên để biểu quyết tại Đại hội.

6. Đoàn đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành phố có mặt tại Hà Nội trong ngày 10-1-2011; các đồng chí trưởng đoàn, phó trưởng đoàn và thư ký đoàn có mặt tại Hà Nội trong chiều ngày 9-1-2011.

Trong chiều ngày 10-1-2011, sẽ có các cuộc họp sau đây:

- Từ 15 giờ đến 16 giờ, tại Trụ sở Trung ương Đảng (số 1 Hùng Vương, Hà Nội), Bộ Chính trị gặp các đồng chí trưởng đoàn để nghe phản ánh tình hình đoàn và ý kiến của các đoàn góp ý vào dự thảo Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội và các vấn đề khác có liên quan đến Đại hội.

- Từ 14 giờ đến 15 giờ 30 phút, tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội họp với các đồng chí phó trưởng đoàn phổ biến nội dung sinh hoạt (ăn, ở, đi lại...) của đại biểu trong thời gian Đại hội và nhận vị trí chỗ ngồi của các đoàn.

- Từ 14 giờ đến 15 giờ, tại Trụ sở Trung ương Đảng (số 1 Hùng Vương, Hà Nội), Văn phòng Trung ương Đảng họp với các đồng chí thư ký đoàn để hướng dẫn cách ghi biên bản và tổng hợp ý kiến thảo luận của các đoàn, phổ biến thời gian, địa điểm phản ánh ý kiến.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 342-QĐ/TW, ngày 28 tháng 12 năm 2010
Ban hành Quy định về chế độ đảng phí

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ chế độ đảng phí ban hành tại Quyết định số 09-QĐ/TW, ngày 24-9-2001 của Bộ Chính trị (khóa IX);
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về chế độ đảng phí thay thế Quy định chế độ đảng phí ban hành tại Quyết định số 09-QĐ/TW, ngày 24-9-2001 của Bộ Chính trị (khóa IX).

Điều 2. Giao Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn, theo dõi thực hiện thống nhất Quy định này trong toàn Đảng.

Điều 3. Các cấp ủy đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-4-2011.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
 TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
VỀ CHẾ ĐỘ ĐẢNG PHÍ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 342-QĐ/TW,
ngày 28-12-2010 của Bộ Chính trị)

A- QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đóng đảng phí là nhiệm vụ của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng, là vấn đề có tính nguyên tắc và có ý nghĩa chính trị quan trọng. Căn cứ để tính đóng đảng phí của đảng viên là thu nhập hằng tháng của đảng viên.

2. Đảng phí là một nguồn kinh phí hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp; một số cấp ủy được lập quỹ dự trữ từ tiền thu đảng phí; việc sử dụng quỹ dự trữ do cấp ủy quyết định.

3. Quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng đảng phí được thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

B- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I- ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ĐÓNG ĐẢNG PHÍ HÀNG THÁNG CỦA ĐẢNG VIÊN

Thu nhập hằng tháng của đảng viên để tính đóng đảng phí bao gồm: tiền lương, một số khoản phụ cấp; tiền công;

sinh hoạt phí; thu nhập khác. Đảng viên xác định được thu nhập thường xuyên, đóng đảng phí theo tỷ lệ (%) của thu nhập hằng tháng (chưa tính trừ thuế thu nhập cá nhân); đảng viên khó xác định được thu nhập thì quy định mức đóng cụ thể hằng tháng cho từng loại đối tượng.

1. Đảng viên trong các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang: đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương, các khoản phụ cấp; tiền công; sinh hoạt phí.

2. Đảng viên hưởng lương bảo hiểm xã hội: đóng đảng phí hằng tháng bằng 0,5% mức tiền lương bảo hiểm xã hội.

3. Đảng viên làm việc trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế: đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác từ quỹ tiền lương của đơn vị.

4. Đảng viên khác ở trong nước (bao gồm đảng viên nông nghiệp, nông thôn, đảng viên là học sinh, sinh viên...): đóng đảng phí từ 2.000 đồng đến 30.000 đồng/tháng. Đối với đảng viên ngoài độ tuổi lao động, mức đóng đảng phí bằng 50% đảng viên trong độ tuổi lao động.

5. Đảng viên sống, học tập, làm việc ở ngoài nước

5.1. Đảng viên làm việc tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở ngoài nước; đảng viên là lưu học sinh theo Hiệp định được nước ngoài tài trợ hoặc được đài thọ từ ngân sách nhà nước đóng đảng phí bằng 1% mức sinh hoạt phí hằng tháng.

5.2. Đảng viên đi du học tự túc; đảng viên đi xuất khẩu lao động; đảng viên đi theo gia đình, đảng viên là thành

phần tự do làm ăn sinh sống, mức đóng hàng tháng từ 2 đến 5USD.

5.3. Đảng viên là chủ hoặc đồng chủ sở hữu các doanh nghiệp, khu thương mại, cửa hàng dịch vụ, mức đóng tối thiểu hàng tháng là 10USD.

6. Khuyến khích đảng viên thuộc mọi đối tượng trên đây tự nguyện đóng đảng phí cao hơn mức quy định nhưng phải được chi ủy đồng ý.

Đảng viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nếu có đơn đề nghị miễn hoặc giảm mức đóng đảng phí, chi bộ xem xét, báo cáo lên cấp ủy cơ sở quyết định.

II- QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẢNG PHÍ

1. Trích, nộp đảng phí thu được

1.1. Ở trong nước

a) Các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở được trích để lại từ 30% đến 50%, nộp 50% đến 70% lên cấp ủy cấp trên.

b) Tổ chức đảng cơ sở ở xã, phường, thị trấn được trích để lại 90%, nộp 10% lên cấp ủy cấp trên.

c) Các tổ chức khác của Đảng được trích để lại 70%, nộp 30% lên cấp ủy cấp trên.

d) Các cấp trên cơ sở, mỗi cấp được trích để lại 50%, nộp 50% lên cấp ủy cấp trên.

1.2. Ở ngoài nước

Chi bộ trực thuộc các đảng ủy nước ngoài được trích để lại 30%, nộp 70% lên cấp ủy cấp trên. Đảng ủy nước sở tại được trích để lại 50%, nộp 50% về Đảng ủy Ngoài nước.

Đảng phí thu được ở ngoài nước nộp 100% về Văn phòng Trung ương Đảng.

1.3. Đảng ủy khối trực thuộc các tỉnh ủy, thành ủy nộp 50% về cơ quan tài chính của các tỉnh ủy, thành ủy. Các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương được trích để lại 50%, nộp 50% về Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Quản lý và sử dụng đảng phí

2.1. Đảng phí được trích để lại ở cấp nào được sử dụng cân đối vào nguồn kinh phí hoạt động công tác đảng ở cấp đó. Đối với các cấp ủy huyện, quận, thị; tỉnh, thành trực thuộc Trung ương; các Đảng ủy Quân sự Trung ương, Công an Trung ương và cơ quan tài chính đảng ở Trung ương, số thu đảng phí được trích giữ lại không tính vào định mức kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mà được lập quỹ dự trữ của Đảng ở cấp đó; quỹ dự trữ được dùng bổ sung chi hoạt động của cấp ủy, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức đảng trực thuộc có khó khăn; cấp ủy đảng quyết định việc chi tiêu từ quỹ dự trữ.

2.2. Các cấp ủy có trách nhiệm tổng hợp tình hình thu, nộp, sử dụng đảng phí của cấp mình và toàn đảng bộ, lập báo cáo gửi lên cấp ủy cấp trên. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tổng hợp tình hình thu, nộp, sử dụng đảng phí của toàn Đảng, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

C- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng viên đóng đảng phí hàng tháng trực tiếp cho chi bộ, do đồng chí chi ủy viên được giao trách nhiệm thu đảng

phí. Chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận nộp đảng phí lên cấp trên theo tháng; các tổ chức cơ sở đảng còn lại nộp và gửi báo cáo lên cấp trên theo quý, trừ một số địa bàn đặc biệt do tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định.

2. Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn cụ thể chế độ thu, quản lý, sử dụng, hạch toán, kế toán và báo cáo đảng phí thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

3. Đảng ủy từ cấp cơ sở trở lên và ủy ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy định về chế độ đảng phí.

4. Quy định này được phổ biến đến mọi cấp ủy đảng, đảng viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 402-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2010

Về việc xây dựng tượng đài Bác Hồ tại Tuyên Quang

Trong phiên họp ngày 28-12-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo tỉnh Tuyên Quang báo cáo về việc xây dựng tượng đài "Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang" (Tờ trình số 01-TTr/TU, ngày 15-11-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương xây dựng tượng đài "Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang" với quy mô nhóm tượng đài A2; địa điểm tại Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chủ trì phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan xây dựng đề án, thiết kế mẫu tượng, phù điêu, chất liệu, vị trí, khuôn viên đặt tượng, đảm bảo chất lượng kỹ thuật và mỹ thuật của tượng đài; báo cáo, xin ý kiến Ban Bí thư (khóa XI) trước khi thực hiện.

Kinh phí xây dựng tượng đài từ nguồn ngân sách của Trung ương, địa phương và các nguồn vốn xã hội hóa. Tỉnh Tuyên Quang lập dự toán trình Chính phủ xem xét, phê duyệt, cấp kinh phí hỗ trợ.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 403-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2010

Về việc xây dựng tượng Bác Hồ tại Áchentina

Trong phiên họp ngày 28-12-2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Bộ Công an báo cáo về việc xây dựng tượng Bác Hồ tại Thủ đô Buênốt Airét, Áchentina (Báo cáo số 546/BC-BCA-B11, ngày 15-11-2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương xây dựng tượng Bác Hồ tại Quảng trường "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" tại Thủ đô Buênốt Airét, Áchentina. Đây là việc làm có ý nghĩa quan trọng, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nước ngoài, thúc đẩy quan hệ giữa hai Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam và Áchentina.

2. Giao cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan liên quan sớm trao đổi, thống nhất cụ thể với chính quyền thành phố Buênốt Airét về địa điểm, khuôn viên đặt tượng, chất liệu tượng, trên cơ sở đó thiết kế mẫu tượng, bảo đảm có độ bền

cao, có tính mỹ thuật, hài hòa với cảnh quan, báo cáo Ban Bí thư (khóa XI) trước khi thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 405-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2010
Về việc hỗ trợ đầu tư cho Nhà xuất bản
và phát hành sách quốc gia Lào

Ngày 28-12-2010, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo về việc hỗ trợ đầu tư cho Nhà xuất bản và phát hành sách quốc gia Lào (Tờ trình số 49-TTr/VPTW/nb, ngày 17-9-2010), Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý hỗ trợ đầu tư để thực hiện Dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc; đầu tư thiết bị in và đào tạo cán bộ, công nhân cho Nhà xuất bản và phát hành sách quốc gia Lào, với tổng mức đầu tư khoảng 3.000.000.000 đồng (ba tỉ đồng), từ nguồn kinh phí dự phòng ngân sách đảng năm 2010. Thời gian hoàn thành dự án: tháng 6-2011.

2. Giao nhiệm vụ chủ đầu tư cho Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật có trách nhiệm tổ chức thực hiện Dự án đúng với pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào; được lựa chọn một doanh nghiệp Việt Nam có đủ năng lực tài chính, năng lực

chuyên môn kỹ thuật và năng lực quản lý, đang hoạt động tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào để tổ chức triển khai Dự án.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Tiến Bộ thuộc Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật trong việc lựa chọn thiết bị in của Dự án và công tác đào tạo cán bộ, công nhân cho Nhà xuất bản và phát hành sách quốc gia Lào.

4. Chi phí đào tạo; máy móc, thiết bị in thu hồi từ Nhà xuất bản và phát hành sách quốc gia Lào thực hiện như nội dung Tờ trình số 49-TTr/VPTW/nb, ngày 17-9-2010 của Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 406-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Về điều chỉnh sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp
khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể
chính trị - xã hội Trung ương sau 2 năm
thực hiện Thông báo số 175-TB/TW, ngày 7-8-2008
của Ban Bí thư Trung ương Đảng**

Tại phiên họp ngày 28-12-2010, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo về một số kiến nghị điều chỉnh sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương sau 2 năm thực hiện Thông báo số 175-TB/TW, ngày 7-8-2008 của Ban Bí thư (Tờ trình số 412-TTr/BDVTW, ngày 19-10-2010); ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng (số 10988-CV/VPTW, ngày 27-12-2010) và ý kiến của đại diện các cơ quan liên quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Thực hiện Kết luận của Ban Bí thư nêu tại Thông báo số 175-TB/TW, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương đã có cố gắng, khẩn trương tiến hành sắp xếp các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Tuy nhiên, sau 2 năm thực

hiện, hiện vẫn còn 37 doanh nghiệp chưa thực hiện việc sắp xếp, chuyển đổi xong như kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân một phần do các đoàn thể thiếu bộ máy và cán bộ chuyên trách cho công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp.

2. Để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi, sắp xếp doanh nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương quản lý, Ban Bí thư đồng ý điều chỉnh kế hoạch sắp xếp các doanh nghiệp này theo đề nghị của Ban Dân vận Trung ương và ý kiến đề xuất của Văn phòng Trung ương Đảng.

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, cần chú trọng việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa phải hết sức thận trọng, không để thất thoát tài sản của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể và đảm bảo lợi ích của người lao động; phải đánh giá đúng giá trị doanh nghiệp, nhất là những nơi có vị trí đất đai thuận lợi.

Đối với khu đất tại số 60 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Công ty Du lịch Hòa Bình cần thống nhất, phối hợp để thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quyết định của Chính phủ.

Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cần chỉ đạo các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc thực hiện tốt việc sắp xếp doanh nghiệp trong hệ thống, tránh để thất thoát tài sản của công đoàn, nhất là các doanh nghiệp đang có trụ sở trên diện tích đất lớn và nằm trên những vị trí thuận tiện cho kinh doanh du lịch.

3. Giao Ban Dân vận Trung ương làm đầu mối, có sự phối hợp với Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương thực hiện, đảm bảo việc sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình triển khai, nếu còn có vướng mắc thì trực tiếp xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí Thường trực Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

DIỄN VĂN
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI LỄ MÍT TINH KỶ NIỆM 80 NĂM
NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(3-2-1930 - 3-2-2010)
Kế thừa truyền thống vẻ vang
của Đảng và dân tộc, hoàn thành tốt hơn
nhiệm vụ to lớn, nặng nề trong hiện tại,
vững bước tới tương lai*

Thưa đồng chí và đồng bào cả nước,
Thưa các đồng chí lão thành cách mạng, các Mẹ Việt
Nam Anh hùng,
Thưa các vị khách quý,

Trong không khí mừng Xuân mới năm 2010 và đón tết cổ truyền của dân tộc, hôm nay chúng ta họp mặt kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

Với niềm tự hào và biết ơn sâu sắc, chúng ta thành kính tưởng nhớ Bác Hồ, người Anh hùng dân tộc vĩ đại đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta; tưởng nhớ các lãnh tụ của Đảng, các anh hùng liệt sĩ, đồng bào, đồng chí đã chiến đấu ngoan cường và hy sinh anh dũng trong sự nghiệp đấu tranh lâu dài và vẻ vang của Đảng và dân tộc vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Đảng, Nhà nước và đồng bào cả nước bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các gia đình có công với nước, các gia đình liệt sĩ, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, các đồng chí thương binh, bệnh binh, các đồng chí đã bị tù đầy trong lao tù của chế độ thực dân, đế quốc, các đồng chí đã chiến đấu trên các mặt trận đặc biệt và thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả. Nhân dịp này, chúng ta một lần nữa chân thành cảm ơn sự ủng hộ, giúp đỡ của đồng chí, bạn bè quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc trước đây và sự hợp tác trong xây dựng, phát triển đất nước Việt Nam hiện nay.

Thưa đồng chí và đồng bào,

Từ nửa cuối thế kỷ XIX đến những thập niên đầu thế kỷ XX, nhân dân Việt Nam đã liên tiếp nổi dậy chống ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân. Tiếp nối các phong trào Văn thân và Cần vương, ba mươi năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước từ khởi nghĩa Yên Thế, các phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thực, Duy tân đến khởi nghĩa Yên Bái diễn ra vô cùng anh dũng, nhưng đều không thành công vì thiếu một đường lối đúng đắn, chưa tập hợp và phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, thiếu một phương pháp đấu

tranh thích hợp và nhất là chưa có được một tổ chức lãnh đạo đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đấu tranh.

Trong hoàn cảnh lịch sử đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đi tìm con đường giải phóng dân tộc, cứu nước, cứu dân. Từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở học thuyết cách mạng đó con đường cứu nước đúng đắn. Người đã truyền bá lý luận Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, từng bước chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chức để thành lập một đảng cách mạng chân chính. Kế thừa Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và các tổ chức cộng sản tiên thân, ngày 3-2-1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

Kể từ ngày thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kết hợp đúng đắn mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, thật sự là đội tiên phong lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Với Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng và các cương lĩnh tiếp theo, với phương pháp đấu tranh cách mạng thích hợp và sáng tạo, với sức mạnh tổ chức, kỷ luật, năng lực tổ chức thực tiễn và sự chiến đấu ngoan cường, hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên, luôn luôn được nhân dân tin yêu, hết lòng bảo vệ, đùm bọc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và cuộc sống của chính mình. Cách mạng Tháng Tám đã huy động được nguồn sức mạnh vĩ đại của toàn dân tộc, quyết đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Đó cũng là chiến công vĩ đại, là niềm tự hào của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các thế lực thực dân, đế quốc đã quay lại xâm lược nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập và đã giành thắng lợi vẻ vang trong các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiến lên chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam đã được đề ra từ Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Đó là sự lựa chọn đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và nhân dân ta - sự lựa chọn của chính lịch sử. Sau khi miền Bắc được giải phóng năm 1954, Đảng đã

lãnh đạo đưa miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với chiến thắng lịch sử mùa xuân 1975, đất nước thống nhất, Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước. Kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh, nghiêm khắc nhìn nhận những sai lầm, khuyết điểm trong thực hiện một số chính sách kinh tế - xã hội những năm đầu sau khi nước nhà thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng kiến của nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế mới. Gần 25 năm qua, sự nghiệp đổi mới đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Có thể coi công cuộc đổi mới là cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc nhất trong thời kỳ mới. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, nền kinh tế Việt Nam đã có bước phát triển nhanh theo hướng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu và tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đất nước không những đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội mà còn vượt qua được những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính tiền tệ ở khu vực những năm 1997 - 1998 và cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay. Trong hoàn cảnh khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế trên quy mô thế giới, Việt Nam vẫn tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, năm 2008 đạt thu nhập bình quân đầu người trên 1.000 đôla, vượt qua ngưỡng một nước chậm phát triển,

năm 2009 tăng trưởng kinh tế đạt 5,32%, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ các hộ nghèo đói giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 12,3% năm 2009. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Đó là sự nỗ lực phi thường của toàn thể nhân dân, của Đảng, Nhà nước ta. Cần nhấn mạnh, từ thực tiễn phong phú và sáng tạo của công cuộc đổi mới, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Những thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam suốt 80 năm qua bắt nguồn từ nhiều nhân tố. Trước hết, là nhờ Cương lĩnh, đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, dựa trên sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là do sự hy sinh, chiến đấu, lao động sáng tạo của toàn dân dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trước đây và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết những bài học có giá trị lý luận và thực tiễn. Đó là bài học phải kiên định mục

tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất; bài học về xây dựng khối liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; bài học về tăng cường xây dựng nhà nước thật sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; bài học về sự sáng tạo trong phương pháp cách mạng; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và bài học về không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Lịch sử lãnh đạo, đấu tranh vẻ vang của Đảng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định là cả một pho lịch sử bằng vàng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã có được những truyền thống cực kỳ quý báu. Đó là truyền thống chiến đấu kiên cường, bất khuất, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; truyền thống độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và không ngừng sáng tạo; truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng; truyền thống gắn bó mật thiết với dân tộc và nhân dân, trưởng thành trong phong trào cách mạng của quần chúng và truyền thống luôn luôn nêu cao chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đảng Cộng sản Việt Nam được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, có lúc bị kẻ thù dìm trong máu lửa, có lúc tình thế cách mạng "ngàn cân treo sợi tóc" với biết bao thử thách nặng nề, nhưng Đảng vẫn phát triển với bản lĩnh chính trị vững vàng và tinh thần sáng tạo, "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Có được những bài học và giá trị truyền thống quý báu đó là nhờ Đảng đã kế thừa và phát triển truyền thống vẻ vang của dân tộc, được Chủ tịch Hồ Chí Minh chăm lo giáo dục, rèn luyện và được tôi luyện trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, trước những công việc khó khăn, phức tạp và mới mẻ, không tránh khỏi có lúc, có việc Đảng mắc sai lầm, khuyết điểm. Mỗi lần như vậy, Đảng đều nghiêm khắc tự phê bình, tìm ra nguyên nhân của những sai lầm và quyết tâm sửa chữa. Đó là biểu hiện của một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh.

Thưa đồng chí và đồng bào,

Để kỷ niệm ngày thành lập Đảng thật sự có ý nghĩa sâu sắc và thiết thực, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy phát huy thắng lợi và truyền thống vẻ vang của Đảng và của dân tộc, nêu cao tinh thần trách nhiệm, để làm tốt hơn những nhiệm vụ to lớn, nặng nề trong hiện tại, vững bước tới tương lai. Mục tiêu và nhiệm vụ lớn lao của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là lãnh đạo đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng và mục tiêu cao cả đó xuyên suốt toàn bộ hoạt động thực tiễn của Đảng và nhân dân ta. Mỗi chủ trương, chính sách, bước đi cụ thể đều phải hướng tới lợi ích của nhân dân, của dân tộc và đất nước. Phải thực hiện tốt nhất lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đảng ta là đảng cách mạng, là đảng lãnh đạo. Ngoài lợi ích của nhân dân và của giai cấp công nhân, Đảng ta không có lợi ích nào khác"¹⁾.

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.435 (B.T).

Người đã sớm chỉ ra những nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội: "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh"¹⁾. Người cũng nhiều lần nhấn mạnh, chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, là mọi người được no ấm, có nhà ở tử tế, được học hành, ốm đau được chữa bệnh, người già được chăm sóc. Những chỉ dẫn đó đã và đang được Đảng và nhân dân ta phấn đấu thực hiện để đưa nước ta vượt qua mọi thách thức, vươn lên mạnh mẽ, vững chắc, thực hiện bằng được mục tiêu đến năm 2020 về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, nhất là thực tiễn của công cuộc đổi mới, để tiếp tục làm sáng tỏ hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cần tổng kết sâu sắc và nhận thức rõ hơn những đặc điểm của đất nước và bối cảnh quốc tế trong thời kỳ mới, chỉ rõ những chặng đường, bước đi, hình thức tổ chức kinh tế, xã hội của thời kỳ quá độ, những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng; mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta và mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020... Đó là những vấn đề cơ bản và quan trọng về lý luận và thực tiễn để Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng sắp tới bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững sang một thời kỳ lịch sử mới.

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.390 (B.T).

Lúc này, hơn lúc nào hết trước những yêu cầu bức thiết của sự phát triển đất nước và trong hoàn cảnh quốc tế có nhiều biến động, càng đòi hỏi sự nỗ lực to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Sự phấn đấu kiên cường của toàn dân, của các ngành, các địa phương, các thành phần kinh tế, là nhân tố cực kỳ quan trọng đối với đất nước ta hiện nay, nhằm giữ vững tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững và bảo đảm an sinh xã hội. Phát huy tinh thần yêu nước, trách nhiệm đối với đất nước và dân tộc, mỗi người cần đóng góp trí tuệ, công sức, sáng kiến để góp phần đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển. Cần nhận thức sâu sắc rằng, càng những lúc khó khăn, Đảng, Nhà nước càng phải chăm lo tốt hơn đời sống mọi mặt của nhân dân, chú trọng các chính sách xã hội, quan tâm đến những đối tượng chính sách, những hộ và người nghèo, làm cho mọi người dân dù ở vùng, miền nào của đất nước cũng có cuộc sống ngày càng được cải thiện về vật chất, an lành về tinh thần. Cần phải xử lý, kết hợp đúng đắn giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách và bước đi cụ thể. Cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, cần động viên, hướng dẫn mọi nhà, mọi người năng động, sáng tạo làm giàu theo luật pháp bằng chính khả năng của mình. Xây dựng, phát triển đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở, là cuộc chiến đấu khổng lồ, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và dựa vào lực lượng của toàn dân.

Đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết 54 dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, đoàn kết các giai cấp, các

tầng lớp xã hội, các tôn giáo, đoàn kết đồng bào trong nước và cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, là đường lối chiến lược nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng và Nhà nước đã đề ra đường lối, chính sách, pháp luật cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để mỗi giai cấp, tầng lớp, lực lượng và cá nhân phấn đấu vì lợi ích chính đáng của mình và đóng góp ngày càng nhiều hơn, có hiệu quả hơn cho sự phát triển của đất nước. Tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên đường lối đối mới và lấy mục tiêu chung: giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, đồng thời bảo đảm hài hòa lợi ích riêng của mỗi bộ phận, giai cấp, lực lượng xã hội, cá nhân không trái với lợi ích chung.

Đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết hợp tác quốc tế, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Trung ương Đảng cũng đã ra nghị quyết quan trọng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó nhấn mạnh mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo

nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.

Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Đảng và Nhà nước hết sức chú trọng nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Đảng và Nhà nước ta kiên định thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư

tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là dân tộc thiểu số. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật. Nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia... Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước. Đảng, Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại; bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào, đồng thời có chính sách khuyến khích người Việt Nam, trí thức Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước.

Tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc không tách rời đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Mỗi tổ chức, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị phải thật sự vì

dân, tin dân, hiểu dân, gần dân, tăng cường công tác vận động quần chúng, củng cố quan hệ máu thịt với nhân dân. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quản lý; thực hiện tốt hơn dân chủ, nhất là dân chủ ở cơ sở. Chính sách, chủ trương, văn bản pháp luật, quy định nào mà nhân dân cho là không đúng, hoặc không phù hợp thì dứt khoát phải bàn bạc với dân tìm cách sửa chữa, điều chỉnh để bảo đảm lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Cần thực hiện tốt hơn lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Phát huy dân chủ gắn liền với tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần phải nắm vững nguyên tắc: tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, thực hiện tốt hơn nữa chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại. Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý quyền con người. Đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tăng cường xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp. Đổi mới,

nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các hội quần chúng.

Thư đồng chí và đồng bào cả nước,

Trong khi coi xây dựng, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, Đảng và Nhà nước ta chú trọng tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bài học lịch sử sâu sắc mà cha ông ta đã khẳng định là: *Dựng nước phải đi đôi với giữ nước*. Vì vậy, chúng ta phải triển khai thực hiện tốt chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, không để bị động, bất ngờ. Nêu cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch "diễn biến hòa bình", đòi đa nguyên, đa đảng, lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền hòng phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Kết hợp ngày càng tốt hơn Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với an ninh, quốc phòng, an ninh với đối ngoại.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Hiện nay, bên cạnh những cơ hội lớn, đất nước ta và Đảng ta cũng đang phải đối mặt với những thách thức gay gắt. Vì vậy, xây dựng Đảng vững mạnh thật sự là nhiệm vụ then chốt, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, chúng ta quyết tâm xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực, xứng đáng là người lãnh đạo và là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, theo đúng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo, thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận, giải quyết đúng đắn những vấn đề do cuộc sống đặt ra. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc khác trong tổ chức và hoạt động của Đảng. Đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ. Kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách và lề lối làm việc thật sự dân chủ, thiết thực, nói đi đôi với làm. Kiên quyết đấu tranh phòng ngừa và khắc phục có hiệu quả sự suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, phai nhạt lý tưởng, ngăn chặn và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác. Ra sức rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đẩy mạnh cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Đó là những vấn đề vừa cơ bản vừa bức thiết đặt ra đối với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, để Đảng hoàn thành tốt sứ mệnh lịch sử lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện tốt những nhiệm vụ đặt ra trên đây, Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng với niềm tin cậy của nhân dân, thật sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Năm 2010 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, là năm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, năm có nhiều sự kiện

trọng đại của đất nước. Đại hội XI của Đảng sẽ bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991, quyết định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và nhiều vấn đề quan trọng khác. Cần chuẩn bị tốt về mọi mặt cho đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, phát huy dân chủ, đoàn kết thống nhất, tập trung trí tuệ xây dựng và hoàn thiện các văn kiện quan trọng, tăng cường tổ chức kỷ luật và lựa chọn được các đồng chí đủ đức, đủ tài, được nhân dân tín nhiệm bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng các cấp. Với niềm phấn khởi, tự hào, với thái độ thẳng thắn, nghiêm túc, với trách nhiệm cao trước đất nước và dân tộc, chúng ta tin tưởng vững chắc Đảng Cộng sản Việt Nam nhất định hoàn thành xuất sắc trọng trách của mình.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hăng hái thi đua yêu nước quyết tâm xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo *Nhân Dân*, số 19882,
ngày 3-2-2010.

DIỄN VĂN
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN MINH TRIẾT, ỦY VIÊN
BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH NƯỚC
TẠI LỄ MÍT TINH KỶ NIỆM 35 NĂM
NGÀY GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30-4-1975 - 30-4-2010)
Đoàn kết, đại đoàn kết là nguồn gốc
tạo nên sức mạnh vĩ đại của dân tộc ta
hôm nay và mai sau*

... Hôm nay, trong niềm vui vô hạn, tự hào và xúc động sâu sắc, chúng ta tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tôi thân ái gửi tới các vị đại biểu, các vị khách quý cùng toàn thể đồng bào, đồng chí và chiến sĩ cả nước lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Chúng ta thành kính tưởng nhớ và đời đời biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - vị lãnh tụ thiên tài, Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới - Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta; tưởng nhớ các vị lãnh đạo tiền

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

bối của Đảng, của dân tộc; tưởng nhớ biết bao đồng bào, đồng chí và chiến sĩ đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Chúng ta mãi mãi biết ơn các Mẹ Việt Nam Anh hùng, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và gia đình có công với nước, các cựu chiến binh, thanh niên xung phong và đồng bào ở mọi miền đất nước đã cống hiến xương máu, công sức và tài sản cho cuộc kháng chiến cứu nước, lập nhiều chiến công oanh liệt, viết nên trang sử hào hùng Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thắng lợi vĩ đại mùa Xuân năm 1975 còn là thắng lợi của tình hữu nghị và đoàn kết quốc tế. Chúng ta chân thành cảm ơn Chính phủ và nhân dân Liên Xô, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Cuba, các nước anh em, các phong trào quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam và bầu bạn khắp năm châu đã hết lòng ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước.

Kỷ niệm chiến thắng 30-4 diễn ra cùng dịp với ngày Quốc tế lao động 1-5. Nhân dịp này, giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam một lần nữa bày tỏ tình đoàn kết và lời cảm ơn chân thành tới những người lao động khắp năm châu đã kề vai, sát cánh cùng Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc cũng như sự nghiệp xây dựng đất nước ngày nay. Chúc cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, công bằng và tiến bộ trên thế giới giành được nhiều thắng lợi mới.

... Sau năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta vừa giành thắng lợi chưa được bao lâu, nhưng với âm mưu thôn tính miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, phá hoại nền độc lập của dân tộc ta, thế lực cầm quyền hiếu chiến Mỹ đã đưa quân xâm lược miền Nam, biến

miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, làm bàn đạp tấn công miền Bắc Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa. Thiết tha yêu hòa bình, nhưng kẻ thù lại buộc nhân dân ta phải cầm súng bước vào cuộc kháng chiến cứu nước trường kỳ vô cùng gian khổ nhưng rất oanh liệt. Hàng triệu người Việt Nam yêu nước đã chung sức, đồng lòng, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, lần lượt đánh bại các chiến lược của địch, từ chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ" đến chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Cùng "chia lửa" với đồng bào miền Nam, quân và dân miền Bắc đã kiên cường đánh bại nhiều trận phá hoại của Mỹ bằng không quân và hải quân, làm cho địch thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam - Bắc, tạo bước phát triển mới cả về thế và lực trên khắp các chiến trường, là điều kiện để chúng ta quyết định đánh đòn "điểm huyệt" Buôn Ma Thuột (ngày 10-3-1975), lần lượt giải phóng các tỉnh Tây Nguyên, ven biển miền Trung và hải đảo, miền Đông Nam Bộ. Đúng 17 giờ ngày 26-4-1975, chiến dịch mang tên Bác Hồ vĩ đại giải phóng Sài Gòn - Gia Định bắt đầu. Các quân đoàn chủ lực tinh nhuệ của ta cùng lúc tiến công với tinh thần "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng" đồng thời với sự nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng ở nội, ngoại thành Sài Gòn - Gia Định, quân và dân ta đã nhanh chóng khống chế toàn bộ lực lượng của địch từ Trung ương đến cơ sở. Ngày 30-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã toàn thắng, miền Nam và cả nước ngập tràn sắc đỏ cờ, hoa mừng ngày hội lớn - ngày hội đại thắng của toàn dân tộc Việt Nam.

Chiến thắng 30-4-1975 là trang sử hào hùng, một mốc son chói lọi trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc ta. Đại hội

đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nhận định: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"¹⁾.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã góp phần cổ vũ các dân tộc trên thế giới kiên cường giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, dân chủ, công bằng và tiến bộ xã hội, tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp chống chủ nghĩa đế quốc, công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

Thắng lợi vĩ đại đó trước hết, bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu với đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền nhằm một mục tiêu chung giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; kết hợp sức mạnh của lực lượng chính trị quần chúng với sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân, đấu tranh chính trị, ngoại giao với đấu tranh quân sự; nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, thực hành chiến lược tổng hợp để giành thắng lợi.

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.471 (B.T).

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là sự toàn thắng của trí tuệ, bản lĩnh của con người Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, con người Việt Nam được thể hiện ở một tầm cao và chiều sâu mới của bản sắc tâm hồn, cốt cách văn hóa Việt Nam, là những con người được tạo thành từ tổ chất mới hòa quyện dân tộc và giai cấp, truyền thống và hiện đại, kết tinh những gì tốt đẹp nhất trong phẩm chất hàng ngàn năm của dân tộc thành những giá trị tinh thần của nhân cách Việt Nam. Từ sức mạnh từng con người, chuyển thành sức mạnh tổng hợp, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, sức mạnh của chiến tranh nhân dân vô địch.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thể hiện đỉnh cao của khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần làm phong phú kho tàng lý luận quân sự chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là kết quả tổng hợp của thời cơ cách mạng, sự phát triển có tính chất bước ngoặt về thế và lực của cách mạng Việt Nam, sự hội tụ các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa để làm nên một trong những chiến thắng vĩ đại nhất của lịch sử dân tộc.

Trong cuộc kháng chiến cứu nước, lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng đã phát triển lớn mạnh cả ba thứ quân, chiến đấu quả cảm, dám đánh, biết đánh và quyết thắng, lập bao chiến công hiển hách, xứng đáng với vai trò nòng cốt quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến. Sát cánh cùng các lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến đã dũng cảm, kiên cường phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần quan trọng vào chiến thắng.

Trong những năm tháng kháng chiến trường kỳ vì miền Nam ruột thịt, quân và dân miền Bắc vừa xây dựng vừa chiến đấu bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời sẵn sàng chi viện, đáp ứng mọi nhu cầu của tiền tuyến. Ở miền Nam - Thành đồng Tổ quốc, dù phải chịu sự đàn áp dã man, tàn bạo của địch, nhưng với ý chí quật cường, bất khuất, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo miền Nam một lòng, một dạ đi theo cách mạng, tin tưởng sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng, của Hồ Chủ tịch, vào sự nghiệp thống nhất đất nước, anh dũng chiến đấu, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Hướng về Tổ quốc, người Việt Nam sinh sống và học tập ở nước ngoài đã hưởng ứng, ủng hộ, tiếp sức cùng đồng bào, chiến sĩ ở trong nước tham gia cuộc kháng chiến bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sáng ngời chính nghĩa của nhân dân ta đã phát huy được sức mạnh đoàn kết liên minh với nhân dân Lào, nhân dân Campuchia cùng chiến đấu chống kẻ thù chung trên cả ba nước, đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ sâu rộng của các nước anh em và bầu bạn, của các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới, đẩy lên phong trào phản đối chiến tranh trong nhân dân và thanh niên nhiều nước, góp phần làm suy sụp tinh thần của đội quân xâm lược, tạo nên sức mạnh tổng hợp của thời đại chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực xâm lược.

... 35 năm đã đi qua, nhưng hậu quả chiến tranh để lại còn rất nặng nề. Cùng với chính sách đền ơn, đáp nghĩa những người có công với nước, Nhà nước và nhân dân ta hết lòng chăm lo những nạn nhân chiến tranh, những gia đình thương binh, liệt sĩ, những người bị dị tật vì nhiễm chất độc

hóa học điôxin. Chúng ta ghi nhớ và xúc động trước tấm lòng của nhân dân các nước, trong đó có cả nhân dân Mỹ, đã thể hiện sự đồng cảm và có nhiều hành động thiết thực giúp đỡ các nạn nhân chiến tranh ở Việt Nam. Chúng ta nguyện làm tất cả những gì cần thiết và có thể để giảm nhẹ đau thương cho những người bị tàn phế và bệnh tật, những người bị nhiễm chất độc hóa học trong cuộc chiến tranh vừa qua.

... Sau khi đất nước thống nhất, trong lúc vết thương chiến tranh còn chưa được hàn gắn, nhân dân ta lại phải tiếp tục chịu đựng những thử thách gay gắt mới chống lại chính sách bao vây cấm vận kéo dài nhiều năm, đối phó với chiến tranh biên giới, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, khắc phục tình trạng trì trệ, khủng hoảng của nền kinh tế vì cả những lý do khách quan và chủ quan. Trước bối cảnh cực kỳ khó khăn đó, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, sáng tạo, kịp thời tổng kết thực tiễn, đề ra đường lối đổi mới từ Đại hội VI (năm 1986) và tiếp tục bổ sung, phát triển trong các Đại hội sau.

Đường lối đổi mới do Đảng ta phát động từ Đại hội VI và Cương lĩnh 1991 đã đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta không những vượt qua được các khó khăn, thử thách mà còn giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Từ một nước nghèo, nền kinh tế cận kiệt, Việt Nam đã có bước phát triển nhanh chóng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sau gần 25 năm đổi mới, kinh tế nước ta liên tục tăng trưởng, chính trị xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Thành tựu đó khẳng định đường lối lãnh đạo sáng suốt của

Đảng Cộng sản Việt Nam, là kết quả sự đoàn kết, nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự kiên định và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam là nguồn gốc thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, đó cũng là nhân tố chủ yếu đưa tới thành công của công cuộc đổi mới. Bài học quý báu "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công" đã được Bác Hồ tổng kết cô đọng và sâu sắc sẽ mãi mãi soi sáng con đường phát triển của dân tộc ta, là nguồn gốc tạo nên sức mạnh vĩ đại của dân tộc ta, hôm nay và mai sau.

... Trong khi khẳng định những thành tựu và tiến bộ đã đạt được, chúng ta cần hết sức nghiêm túc nhận rõ những khuyết điểm, tồn tại và những thách thức mới đang đặt ra cho sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Nước ta chỉ mới bước đầu ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp; nền kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh còn hạn chế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị còn nhiều yếu kém; chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Việc huy động và sử dụng các nguồn lực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa tương xứng với tiềm năng; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa bị ngăn chặn, đẩy lùi. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc chưa được phát huy

đầy đủ. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước còn chuyển biến chậm, hiệu quả thực tế chưa cao. Còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định chính trị, xã hội.

Đứng trước yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và của tiến trình hội nhập quốc tế, chúng ta kiên quyết khắc phục bằng được các yếu kém, khuyết điểm, chủ động nắm bắt thời cơ, làm chủ tình hình, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đó là đòi hỏi khách quan của lịch sử, đồng thời là khát vọng thiết tha, niềm tin mãnh liệt, quyết tâm sắt đá của tất cả người Việt Nam yêu nước hôm nay.

... Có được thành quả to lớn của đất nước hôm nay là do sự đóng góp của mọi người dân Việt Nam yêu nước, yêu giống nòi, trong và ngoài nước. Để tiếp tục bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, hơn bao giờ hết, lúc này, mỗi người Việt Nam phải làm tốt nghĩa vụ với non sông, đất nước, tự nguyện đứng vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chung sức, chung lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không phân biệt quá khứ và vượt lên trên những khác biệt về dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh kinh tế và cả những nhận thức, ý kiến còn khác nhau...

Phát huy truyền thống đoàn kết, đùm bọc nhau hướng về Tổ quốc, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hãy tiếp tục đoàn kết, giúp đỡ nhau, xây dựng một cộng đồng có vai trò tích cực ở các nước sở tại, đồng thời làm cầu nối các nước với nước ta; luôn luôn hướng về cội nguồn, giữ gìn bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, nêu cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát huy dân chủ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, tạo bước tiến mới toàn diện về chất lượng trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội.

Chúng ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Dựng nước phải đi đôi với giữ nước, trong khi coi trọng nhiệm vụ trung tâm xây dựng và phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ với củng cố, tăng cường quốc phòng an ninh. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta quyết tâm xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, duy trì trật tự kỷ cương, an toàn xã hội; ngăn ngừa đẩy lùi, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Kinh nghiệm thực tiễn đã cho chúng ta bài học sâu sắc rằng, nhân tố quyết định để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng, đồng thời để bảo vệ vững chắc thành quả cách

mạng trong thời kỳ mới là tích cực đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động bộ máy Đảng và Nhà nước, bảo đảm bộ máy công quyền trong sạch, vững mạnh với đội ngũ cán bộ có đầy đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong tình hình mới; kiên quyết đẩy lùi và ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tiêu cực khác; ra sức rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đẩy mạnh Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đi vào chiều sâu, trở thành sinh hoạt tự giác, thường xuyên trong các tổ chức đảng, trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đó là một trong những biện pháp hữu hiệu để củng cố, chỉnh đốn Đảng và nâng cao nền tảng đạo đức xã hội.

Từ tháng 4 lịch sử này, Đảng ta bắt đầu tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Đó là một cuộc sinh hoạt chính trị to lớn, sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội. Nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là phải phát huy mạnh mẽ dân chủ, tập trung cao độ trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân để tổng kết những bài học của 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, tiếp tục khẳng định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, làm sáng tỏ thêm các quan điểm, bổ sung phương hướng đổi mới và phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đề ra các giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiện toàn cơ quan lãnh đạo các cấp bộ Đảng... Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, với sức mạnh và truyền thống đoàn kết của Đảng ta, của dân tộc ta, đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng sẽ thành công tốt đẹp, tạo ra những thời cơ mới và sức mạnh to lớn để thực hiện

thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm nay, cùng với những hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, nhân dân Việt Nam sẽ tổ chức Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Đây là một sự kiện chính trị - xã hội có ý nghĩa trọng đại trong lịch sử nước nhà, là dịp để mọi người dân Việt Nam biểu thị tình cảm cao đẹp và đạo lý "uống nước nhớ nguồn", tri ân đối với tổ tiên và các thế hệ cha ông đã có công dựng nước và giữ nước, tri ân Đức Lý Thái Tổ đã khai mở kinh thành Thăng Long để rồi từ đó dân tộc ta có một Thủ đô Hà Nội Anh hùng - Thành phố vì hòa bình, Thủ đô nghìn năm văn hiến của dân tộc Việt Nam.

Kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước và hướng tới Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, mỗi chúng ta hãy ra sức giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước và những giá trị bền vững của văn hóa Việt Nam vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hồn thiêng sông núi đã và đang thôi thúc chúng ta quyết chí vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giữ vững mục tiêu cao đẹp và niềm tin sắt đá để xây dựng đất nước ta ngày càng "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn", thỏa lòng mong ước của Bác Hồ kính yêu.

Tinh thần Đại thắng mùa Xuân năm 1975 bất diệt!

Vinh quang đời đời thuộc về dân tộc Việt Nam, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Báo Nhân Dân, số 19966,
ngày 30-4-2010.

DIỄN VĂN
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
NHÂN DỊP KỶ NIỆM 120 NĂM NGÀY SINH
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(19-5-1890 - 19-5-2010)
Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta
sống, chiến đấu, lao động, học tập và làm theo
tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Thưa các đồng chí lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam Anh hùng,

Thưa các vị khách quý,

Thưa đồng bào, đồng chí,

Hôm nay, cùng với đồng bào, đồng chí cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, với lòng biết ơn vô hạn, chúng ta long trọng tổ chức kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho độc lập của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

dân, người chiến sĩ cộng sản quốc tế mẫu mực và người bạn thân thiết của các dân tộc đã và đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Thưa đồng bào, đồng chí,

Thưa các vị khách quý,

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình nhà nho thanh khiết, yêu nước ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Được nuôi dưỡng bởi những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử, phải chứng kiến sự thất bại của các phong trào yêu nước bi hùng của cha ông chống thực dân Pháp xâm lược và cảnh lầm than, cực khổ của nhân dân, Người đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Với hành trang là chủ nghĩa yêu nước - nhân văn Việt Nam và khát vọng giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào, trải qua cuộc sống lao động, học tập, nghiên cứu lý luận và nhất là qua thực tiễn đấu tranh cách mạng phong phú ở nhiều nước, Người đã thấy vấn đề giải phóng dân tộc và con người là nhu cầu cấp thiết không chỉ của Việt Nam mà của tất cả các dân tộc thuộc địa và nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới. Tiếp thu thế giới quan, phương pháp luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, bằng thiên tài trí tuệ, nhận thức đúng xu thế phát triển tất yếu của loài người và tính chất của thời đại mới mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga, Người đã đi tới khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"¹⁾.

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.30 (B.T).

Đặt cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trong quỹ đạo của cách mạng vô sản và là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Đó là con đường cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Đó là đường lối gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đường lối đó thể hiện tính quy luật của sự phát triển lịch sử xã hội nước ta: "Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn".

Vạch ra con đường cứu nước đúng đắn, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ khai thông bế tắc trong đường lối giải phóng dân tộc, mà còn giải quyết đúng đắn, sáng tạo và lãnh đạo thực hiện thắng lợi các vấn đề trọng yếu nhất của cách mạng nước ta. Đó là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước để xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc. Đó là việc xây dựng thành công lực lượng cách mạng với Mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, xây dựng

lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân đầu tiên ở nước ta. Đó là việc xác định chính xác phương pháp cách mạng phù hợp với thực tiễn đất nước để thực hiện thành công các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trước các biến động hết sức phức tạp trong các quan hệ quốc tế.

Đường lối cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã tạo nên sức mạnh tổng hợp và phát huy tác dụng, đưa tới những thắng lợi rực rỡ của cách mạng nước ta.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước do nhân dân làm chủ đầu tiên trong lịch sử nước ta, đã làm thay đổi vận mệnh dân tộc Việt Nam từ nô lệ trở thành độc lập, tự do.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, xây dựng hậu phương lớn xã hội chủ nghĩa làm cơ sở cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với những thắng lợi đó, dân tộc ta không chỉ thi hành "Bản án chế độ thực dân" ở Việt Nam, giành lại độc lập dân tộc, xây dựng xã hội mới vì tự do, hạnh phúc của nhân dân ta, mà còn cùng với các dân tộc thuộc địa và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới đấu tranh loại bỏ vết nhơ áp bức của chủ nghĩa thực dân, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh

chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

"Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra HỒ CHỦ TỊCH, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta"¹⁾. Công lao của Người với dân tộc ta như non cao, biển rộng. Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi đường cho cách mạng Việt Nam và dẫn dắt dân tộc ta tiến đến tương lai tươi sáng.

Thư đồng bào, đồng chí,

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc, với đặc điểm nổi bật là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc và cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội gặp nhiều khó khăn, thử thách, cách mạng nước ta đứng trước nhiều thời cơ nhưng cũng không ít thách thức to lớn. Đảng ta càng phải nắm vững, kiên định, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm bổ sung, hoàn thiện, phát triển đường lối của Đảng phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ lịch sử mới. Đó là yêu cầu thiết thực cho việc chuẩn bị tốt đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.627 (B.T).

Nắm vững, vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết phải quán triệt đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Người đã chỉ ra cho cách mạng nước ta. Đây là tư tưởng chiến lược có ý nghĩa chỉ đạo về chính trị và lý luận, về nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân ta trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội thể hiện một cách rõ ràng trong từng lời nói và việc làm của Người. Người nói: "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh"¹⁾, "xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt"²⁾, "một xã hội đảm bảo cho đất nước phát triển rực rỡ một cách nhanh chóng chưa từng thấy, đưa quần chúng lao động đến một cuộc sống xứng đáng, vẻ vang và ngày càng phồn vinh, làm cho mọi người lao động có một Tổ quốc tự do, hạnh phúc và hùng cường, hướng tới những chân trời tươi sáng"³⁾. Người còn nói: "Chúng ta tiến lên xây dựng một nước xã hội chủ nghĩa tức là một nước có một cuộc đời ấm no, bình đẳng, tự do và độc lập, tức là nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"⁴⁾. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc là mục tiêu chung nói rõ thực chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là vì dân tộc, vì con người. Đó cũng là động lực, là mẫu số chung để đoàn kết toàn dân quyết tâm phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.390 (B.T).

2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.438 (B.T).

3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.161 (B.T).

4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.251 (B.T).

Phương châm xây dựng chủ nghĩa xã hội Người nêu ra là: "Phải thiết thực đi từng bước, phải *tiến vững chắc*. Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận *những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể*... Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải *chống bệnh chủ quan và tác phong quan liêu, đại khái*. Phải xây dựng tác phong *điều tra, nghiên cứu* trong mọi công tác cũng như trong khi định chính sách của Đảng và Nhà nước"¹⁾.

Xác định chủ nghĩa xã hội ở nước ta "là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng"²⁾, Người hết sức chăm lo xây dựng các lực lượng cách mạng của nhân dân, trước hết là xây dựng Đảng. Người nói: "Đảng ta đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu *lợi ích riêng* của một nhóm người nào, của cá nhân nào"³⁾. "Nhiệm vụ của Đảng là một lòng, một dạ phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác"⁴⁾. "Đảng ta là đạo đức, là văn minh"⁵⁾, "một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để"⁶⁾. "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư"⁷⁾, "suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân"⁸⁾. Để đáp ứng yêu cầu to lớn đó,

1), 8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.71 (B.T).

2), 3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.609 (B.T).

4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.31 (B.T).

5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.403 (B.T).

6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.41 (B.T).

7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622 (B.T).

Đảng ta cần thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng, làm tốt nhiệm vụ chỉnh đốn Đảng, nhất là trước những tình hình, nhiệm vụ mới.

Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân của đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc. Bởi vậy, Đảng ta phải luôn ghi nhớ và thực hành đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"¹⁾.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp vĩ đại, chưa có tiền lệ, vừa mở đường vừa tiến lên. Trong Đảng có ý kiến khác nhau để tìm tòi các biện pháp nhằm thực hiện được các mục tiêu của Đảng là cần thiết và là điều bình thường. Tuy nhiên, có lúc, có nơi đã để xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ. Chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng bản vị, cục bộ địa phương, tham vọng quyền lực, tranh công đổ lỗi... là nguyên nhân chủ yếu gây ra chia rẽ, bè phái. "Bệnh này rất tai hại cho Đảng. Nó làm hại đến sự thống nhất"²⁾ và thanh danh của Đảng. Đó là một tội ác cần phải loại trừ. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "Đảng ta là một đảng cầm quyền.

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611 (B.T).

2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.297 (B.T).

Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân¹⁾.

Nước ta là một cộng đồng gồm 54 dân tộc anh em với nhiều giai tầng và tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, nhưng hễ là người Việt Nam thì ai cũng có lòng yêu nước. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Đảng ta chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình khi tập hợp, đoàn kết được toàn dân trong một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"²⁾. Người nói: "Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"³⁾.

Chúng ta phải làm cho tư tưởng đại đoàn kết của Bác Hồ thấm sâu vào việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, trong tổ chức, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất và thực hiện các nhiệm vụ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Phải nắm vững

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611-612 (B.T).

2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.119 (B.T).

3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.244 (B.T).

nguyên tắc đại đoàn kết là: trên cơ sở liên minh công, nông, trí thức, tập hợp rộng rãi nhất mọi tổ chức và cá nhân yêu nước; lấy lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân làm điểm tương đồng, trên cơ sở đó bảo đảm sự kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, bộ phận và toàn cục, giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế. Phương pháp đại đoàn kết là phát huy dân chủ, vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương..., lấy thẳng thắn, chân thành để đối xử, lấy tin yêu, giúp đỡ để cảm hóa, trân trọng phát huy nhân tố tích cực, hạn chế, đẩy lùi nhân tố tiêu cực, giúp cho mọi tổ chức và cá nhân đều tiến bộ và trưởng thành, đóng góp có hiệu quả cao vào sự nghiệp cách mạng chung.

Thừa đồng bào, đồng chí,

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, cả nước đã bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Nước ta đã chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, thế và lực đã được nâng cao hơn, đất nước đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, kinh tế phát triển chưa bền vững, năng suất lao động và sức cạnh tranh còn thấp, trình độ công nghệ còn lạc hậu so với các nước phát triển, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa

học - công nghệ, văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được đẩy lùi. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy thật đầy đủ. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chuyển biến chậm. Còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở kiên định lập trường và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và phổ biến rộng rãi hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo vào sự nghiệp đổi mới.

Toàn Đảng, toàn dân ta phải luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nắm vững quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập tự chủ về kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia trong quá trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, tăng cường hợp tác, góp phần hình thành một trật tự thế giới công bằng và bình đẳng.

Hiện nay, chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải giải quyết mâu thuẫn lớn của xã hội nước ta là mâu thuẫn giữa trình độ còn thấp kém của lực lượng sản xuất với yêu cầu cao của nền sản xuất hiện đại của chủ nghĩa xã hội và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Vì vậy, nhiệm vụ chủ yếu nhất của chúng ta lúc này là phải dốc sức vào việc phát triển lực lượng sản xuất, làm ra nhiều của cải để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, đồng thời phải chăm lo xây dựng và từng bước phát triển quan hệ sản xuất tiên tiến phù hợp. Mỗi bước tiến của cách mạng là một bước đem lại những lợi ích thiết thực trong cuộc sống đối với người dân, đem lại công bằng cho xã hội. Dân chủ và công bằng là đặc trưng ưu việt thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là những vấn đề chúng ta phải đặc biệt chú ý khi bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thực hiện những nhiệm vụ trên, mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng xong về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh. Từ nay đến khoảng giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, chúng ta phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong công tác xây dựng Đảng, phải làm cho Đảng ta thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và không ngừng nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu để có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời, tổ chức và lãnh đạo thực hiện thành công các quyết định đó. Đồng thời, phải tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, nâng cao năng lực của các tổ chức đảng, của mọi đảng viên trong vận động, thuyết phục quần chúng. Mỗi đảng viên, cán bộ, công chức và gia đình phải thực sự đi đầu trong việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, là tấm gương về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, về tinh thần đấu tranh kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Cần phát huy kết quả của cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" kết hợp với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và gắn liền với cải cách hành chính, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, nâng cao ý thức phục vụ nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đóng góp tài lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời có các biện pháp thiết thực tham gia

giám sát cán bộ, công chức, đảng viên. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bất kể họ là ai và giữ cương vị gì. Các tổ chức trong hệ thống chính trị, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... phải có các biện pháp mạnh mẽ để khắc phục có hiệu quả tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Về mặt tổ chức, cần hết sức coi trọng việc xây dựng, củng cố và phát triển các tổ chức đảng, kiện toàn và đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện các quyết định của cấp ủy đảng. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, tập trung vào những khâu quan trọng, như đánh giá cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; có cơ chế, chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài. Thực hiện nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình trong tổ chức đảng, trong cơ quan nhà nước, không né tránh, nể nang; đồng thời lắng nghe ý kiến của nhân dân để có thể đánh giá và lựa chọn đúng những cán bộ có tinh thần tiên phong, gương mẫu, kiên định mục tiêu, lý tưởng, có đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tác phong và lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân, được nhân dân tin yêu. Phải làm thật tốt công tác cán bộ, kiện toàn các cấp ủy đảng, hình thành một đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài để thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng.

Cùng với việc đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chúng ta phải quyết tâm thực hiện di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng "những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội", một thế hệ người Việt Nam có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý chí độc lập, tự cường,

trinh thần phấn đấu vươn lên vì sự phát triển phồn vinh của dân tộc, đất nước; có đức, có tài, đủ sức đảm đương sứ mệnh lịch sử xây dựng thành công một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thưa đồng bào, đồng chí,

Tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản vô giá của Đảng và dân tộc ta. Giá trị thực tiễn cao đẹp của tư tưởng Hồ Chí Minh là ở chỗ gắn bó chặt chẽ với cuộc sống, "nói đi đôi với làm". Thấm nhuần tư tưởng của Người, Đảng ta quyết tâm thực hiện thành công, hiện thực hóa những di huấn của Người trong thực tiễn cuộc sống.

Năm 2010 là năm có nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và là năm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng vào đầu năm 2011. Yêu cầu quan trọng của Đảng ta trong lúc này là lãnh đạo thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội X của Đảng, tăng cường học tập một cách thiết thực tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 và kiểm điểm việc thực hiện những nhiệm vụ của giai đoạn 2005 - 2010, mở rộng sinh hoạt dân chủ để tập hợp được trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân đóng góp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng.

Nhân buổi Lễ kỷ niệm trọng thể này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta sống, chiến đấu, lao động, học tập, làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới,

đưa đất nước ta phát triển mạnh mẽ, bền vững, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo *Nhân Dân*, số 19984,
ngày 19-5-2010.

PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG LÀ QUAN ĐIỂM XUYỀN SUỐT TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC TA*

I

Quan niệm *phát triển bền vững* xuất hiện từ những năm đầu thập kỷ 80 thế kỷ XX, được phổ biến rộng rãi vào năm 1987, với hàm ý tổng quát là *sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau*¹⁾. Đây là quá trình phải bảo đảm có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Đã có không ít hội

* Bài viết của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đăng trên báo *Nhân Dân*, số 20042, ngày 16-7-2010. Tiêu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

1) Báo cáo Brundtland của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) (B.T).

nghị thượng đỉnh thảo luận về chủ đề này và đưa ra nhiều văn kiện, quyết sách quan trọng.

Ở nước ta, quan điểm phát triển nhanh và bền vững đã được nhận thức rất sớm và thể hiện trong nhiều chủ trương, nghị quyết của Đảng. Ngay từ Đại hội III năm 1960 và Đại hội IV năm 1976, Đảng ta đã đặt mục tiêu “*tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội*”¹⁾. Đại hội VII thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000, nhấn mạnh “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với *tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường*”²⁾. Đại hội VIII nêu bài học “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái”³⁾. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 thông qua tại Đại hội IX khẳng định: “*Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*”⁴⁾. Đại hội X nêu bài học về *phát triển nhanh và bền vững*, trong đó, ngoài các nội dung phát triển kinh tế, xã hội, môi trường còn bổ sung yêu cầu *phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ* và xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 là: “*Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người*”⁵⁾.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.37, tr.396; t.51, tr.156 (B.T).

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.72 (B.T).

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.162 (B.T).

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.76 (B.T).

Như vậy, quan điểm phát triển nhanh và bền vững đã sớm được Đảng và Nhà nước ta đặt ra với nội dung ngày càng hoàn thiện và đã trở thành một chủ trương nhất quán trong lãnh đạo, quản lý, điều hành tiến trình phát triển của đất nước trong nhiều thập kỷ qua. Nhà nước ta cũng đã có những cam kết mạnh mẽ về phát triển bền vững¹.

II

Trong mười năm qua, thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt gần 7,3%/năm², thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt khoảng 1.200 USD, vượt qua ngưỡng nước đang phát triển có thu nhập thấp. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được giữ vững, thâm hụt ngân sách và nợ quốc gia được kiểm soát trong giới hạn an toàn. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện

1. Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17-8-2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam); thành lập Hội đồng Phát triển bền vững quốc gia, xây dựng Đề án thực hiện Chương trình nghị sự 21 và các mục tiêu thiên niên kỷ và nhiều văn bản khác.

2. Dự kiến năm 2010, GDP tăng trưởng đạt 6,5% thì bình quân 10 năm 2001-2010 đạt 7,27%.

tốt hơn. Thu nhập thực tế bình quân đầu người 10 năm qua tăng khoảng 2,3 lần. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo đạt nhiều thành tựu nổi bật, được quốc tế đánh giá cao. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2 lần năm 2008. Trẻ em được quan tâm bảo vệ, chăm sóc; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 33,8% xuống còn dưới 18%. Tuổi thọ bình quân tăng từ 67 tuổi lên 72 tuổi. Cả nước đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chỉ số phát triển con người (HDI) không ngừng tăng lên, năm 2008 là 0,733, thuộc nhóm nước trung bình cao trên thế giới. Mức hưởng thụ văn hoá, điều kiện tiếp cận thông tin của người dân được nâng lên rõ rệt. Hệ thống phúc lợi và an sinh xã hội được coi trọng và từng bước mở rộng. Cùng với những kết quả to lớn trong việc xã hội hoá phát triển các lĩnh vực xã hội, ngân sách nhà nước chi cho các lĩnh vực này không ngừng tăng lên; bảo hiểm y tế được mở rộng từ 13,4% dân số năm 2000 lên khoảng 62% năm 2010. Bình đẳng giới có nhiều tiến bộ, tỷ lệ phụ nữ tham gia Quốc hội và giữ các trọng trách trong hệ thống chính trị ngày càng cao. Năm 2008, nước ta đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu thiên niên kỷ đặt ra cho năm 2015.

Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm và có mặt được cải thiện. Dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng, xã hội cởi mở và đồng thuận hơn. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Chính trị - xã hội ổn định. Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi; thế và lực của nước ta vững mạnh thêm nhiều; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; tạo ra những tiền đề quan trọng để phát

triển nhanh, bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, trong sự phát triển cũng còn nhiều yếu kém, bất cập. Những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Tăng trưởng kinh tế còn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Khả năng huy động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực còn hạn chế, lãng phí, thất thoát còn nhiều, hiệu quả đầu tư thấp. Tiêu hao nguyên liệu, năng lượng còn rất lớn. Việc khai thác và sử dụng tài nguyên chưa thật hợp lý và tiết kiệm. Các cân đối kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, bội chi ngân sách, thâm hụt cán cân thương mại còn lớn, lạm phát còn cao. Môi trường sinh thái nhiều nơi bị ô nhiễm nặng.

Các lĩnh vực văn hoá, xã hội còn nhiều bất cập, một số mặt vẫn còn bức xúc; tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng; ùn tắc và tai nạn giao thông còn nghiêm trọng; tham nhũng chưa bị đẩy lùi; chất lượng giáo dục và đào tạo, nhất là đào tạo đại học và dạy nghề còn yếu kém và chậm được cải thiện; các bệnh viện bị quá tải, chất lượng dịch vụ y tế còn thấp.

Những hạn chế, yếu kém trên đây có phần do nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, nổi lên là: Quan điểm phát triển bền vững chưa được nhận thức sâu sắc và thể hiện một cách cụ thể, nhất quán trong hệ thống chính sách, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết. Trong quản lý, điều hành còn thiên về tốc độ tăng trưởng mà chưa coi trọng đúng mức đến chất lượng tăng

trưởng và tính bền vững của sự phát triển; chưa tạo được chuyển biến mạnh trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc. Quá trình lập quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, thực hiện chính sách bảo vệ môi trường chưa có sự kết hợp chặt chẽ, lồng ghép hợp lý. Cơ chế quản lý và giám sát sự phát triển bền vững chưa được thiết lập rõ ràng và có hiệu quả. Quyền làm chủ của nhân dân, nhất là dân chủ trực tiếp chưa được phát huy đầy đủ.

III

Từ thực tiễn nêu trên, dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 nêu bài học *“Đặc biệt coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng”* và xác định *“Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong chiến lược”*, với các nội dung chủ yếu là *“Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao không ngừng chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn đi cùng với bảo vệ và cải thiện môi trường. Nước ta có điều kiện phát triển nhanh và yêu cầu phát triển nhanh cũng đang đặt ra hết sức*

cấp thiết; phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Phải đặc biệt quan tâm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững”.

Để hiện thực hoá quan điểm phát triển nhanh và bền vững, phải thực hiện đồng bộ các định hướng phát triển đã nêu trong dự thảo chiến lược, trong đó cần tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, bằng các giải pháp và sức mạnh tổng hợp, kiên quyết giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, tạo môi trường hoà bình và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đất nước. Đây là điều kiện tiên quyết nhất cho sự phát triển nhanh và bền vững và cũng là một lợi thế của đất nước ta.

Hai là, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng và sự hoạt động an toàn, hiệu quả của các định chế tài chính.

Thế hệ chúng ta đã từng chứng kiến những cuộc khủng hoảng lương thực, khủng hoảng năng lượng, mới đây là cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu xảy ra trong các năm 2007 - 2009 và cuộc khủng hoảng nợ công ở một số nước hiện nay. Những cuộc khủng hoảng này là hậu

quả của sự phát triển không bền vững, gây mất ổn định toàn cầu và tác động đến tăng trưởng của hầu hết các quốc gia, kinh tế thế giới suy giảm, thất nghiệp gia tăng, xung đột xã hội lan rộng...

Ở nước ta, cùng với những bất cập, yếu kém trong quản lý vĩ mô, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực đến sự phát triển của đất nước, lạm phát tăng cao, tốc độ tăng trưởng suy giảm, đời sống nhân dân gặp khó khăn. Kinh nghiệm quốc tế cũng như của nước ta những năm qua cho thấy giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính, kiểm soát được lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn vừa là tiền đề để tăng trưởng nhanh vừa là nội dung của tăng trưởng bền vững, trở thành nhiệm vụ quan trọng nhất trong quản lý kinh tế của bất cứ quốc gia nào.

Ba là, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để bảo đảm đạt tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời nâng cao chất lượng tăng trưởng.

Bảo đảm tốc độ tăng trưởng cao, ổn định và không ngừng nâng cao chất lượng tăng trưởng là yếu tố quyết định nhất để phát triển nhanh và bền vững. Có đạt được tốc độ tăng trưởng cao, đất nước mới phát triển nhanh, rút ngắn khoảng cách với các nước, mới tạo được nguồn lực để phát triển các lĩnh vực xã hội, phát triển con người, đầu tư phát triển những khu vực khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng trong nước, mở rộng hệ thống phúc lợi và an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Với ưu thế về nguồn lực con người, chính trị - xã hội ổn định, vị trí địa -

kinh tế thuận lợi, lại là nước đi sau, chúng ta có điều kiện để phát triển nhanh. Mặt khác, có nâng cao chất lượng tăng trưởng mới tăng được hiệu suất sử dụng vốn và sức cạnh tranh của nền kinh tế, mới mở rộng được thị trường tiêu thụ trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt. Trên cơ sở đó, tạo ra giá trị gia tăng lớn cho đất nước, tăng khả năng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, bảo đảm nguồn lực cho tăng trưởng cao và ổn định trong dài hạn.

Để tăng trưởng cao, đạt tốc độ bình quân 7 - 8%/năm, phải tháo gỡ mọi cản trở về thể chế và thủ tục hành chính, giải phóng và phát triển mạnh lực lượng sản xuất gắn với nâng cao trình độ khoa học, công nghệ. Phải tạo mọi điều kiện phát triển kinh tế tư nhân - thành phần kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất và tạo nhiều việc làm nhất. Mặt khác, phải đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, để doanh nghiệp nhà nước trở thành công cụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách cơ cấu và định hướng tổ chức thị trường. Phải thực hiện đa sở hữu, công khai minh bạch, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và quan trọng hơn là đặt doanh nghiệp nhà nước vào môi trường cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong cơ chế thị trường. Chỉ có như vậy mới nâng cao được hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước và sự phát triển của doanh nghiệp nhà nước mới không chèn lấn các nguồn lực để phát triển khu vực tư nhân - một động lực chủ yếu của tăng trưởng.

Nâng cao hiệu quả đầu tư công là một yếu tố quan trọng bảo đảm chất lượng tăng trưởng. Trong mười năm tới, cần

tập trung hơn nữa đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo điều kiện cho kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững. Hoàn thiện cơ chế giám sát và tăng cường công tác giám sát đầu tư. Kiên quyết và có biện pháp mạnh mẽ chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư.

Yêu cầu cấp bách trong thời kỳ chiến lược tới là thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế trên cả ba nội dung chính: 1- Tái cấu trúc các ngành sản xuất, dịch vụ gắn với các vùng kinh tế, phát triển công nghiệp hỗ trợ. Phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào sự gia tăng vốn đầu tư và nguồn nhân lực chất lượng thấp hiện nay sang kết hợp hợp lý giữa tăng trưởng theo chiều rộng với tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở áp dụng các tiến bộ về khoa học, công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và kỹ năng quản lý hiện đại. Trong mười năm tới, nhất là trong những năm đầu của thời kỳ chiến lược, chúng ta chưa thể từ bỏ hoàn toàn mô hình tăng trưởng theo chiều rộng. Vì, để tăng trưởng theo chiều sâu phải sử dụng công nghệ hiện đại và phải có nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là quá trình tích lũy vốn và phát triển nguồn nhân lực trong từng doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Hơn nữa, phát triển bền vững phải gắn với yêu cầu giải quyết việc làm và tuyển dụng lao động trong khi nguồn lao động thiếu việc làm còn nhiều, nhất là ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, phải hành động khẩn trương, kiên quyết tạo lập đồng bộ các tiền đề để chuyển mạnh sang tăng trưởng theo chiều sâu ngay trong những năm đầu của thời kỳ chiến lược, trước hết là ở những lĩnh vực khoa học,

công nghệ phát triển nhanh và nước ta có điều kiện. Đây là con đường cơ bản nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng. 2- Tái cấu trúc các doanh nghiệp, xây dựng lực lượng doanh nghiệp trong nước với nhiều thương hiệu mạnh, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao. 3- Điều chỉnh chiến lược thị trường, coi trọng hơn thị trường trong nước đi đôi với việc tiếp tục đa dạng hoá, mở rộng thị trường nước ngoài. Thực hiện tốt các nội dung trên đây, chẳng những nâng cao được chất lượng tăng trưởng, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, hạn chế được các tác động tiêu cực trước những biến động từ bên ngoài, bảo đảm cho đất nước phát triển bền vững mà còn tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, một xu thế phát triển trong nền kinh tế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Cùng với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cải cách hành chính, cần phát huy có hiệu quả chức năng kiến tạo phát triển của Nhà nước, nhất là trong thời kỳ đầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, thể hiện trong việc đề ra chính sách cơ cấu và định hướng phát triển vùng đúng đắn.

Bốn là, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, yếu tố làm nên giá trị ổn định, lâu bền của một quốc gia, hình thành bản sắc riêng có của một dân tộc. Văn hoá làm nên nguồn lực xã hội to lớn, thấm sâu vào quá trình phát triển. Sự phát triển của một thời đại ở bất kỳ quốc gia nào đều có

dấu ấn khai sáng của văn hoá. Trên nền tảng văn hoá, con người không chỉ giải quyết mối quan hệ với đồng loại, ứng xử với môi trường thiên nhiên trong đời sống hiện tại mà còn giải quyết mối quan hệ với các thế hệ tương lai trong quá trình phát triển. Với ý nghĩa này, văn hoá không chỉ là kết quả của phát triển nhanh, bền vững mà còn là yếu tố tạo nên sự phát triển nhanh, bền vững. Phải đặt yêu cầu phát triển văn hóa ngang tầm và hài hòa với phát triển kinh tế. Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là nội dung rất quan trọng của phát triển bền vững. Đây còn là tiêu chí thể hiện bản chất của chế độ ta. Sự bất bình đẳng và phân hoá giàu nghèo ở mức cao tạo nên xung đột xã hội ở không ít các quốc gia trên thế giới, làm suy giảm tăng trưởng. Vì vậy, Đảng ta chủ trương *phải thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển*. Chúng ta sẽ tập trung hơn cho công cuộc xóa đói giảm nghèo, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức để thực hiện giảm nghèo bền vững. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, đồng thời hạn chế phân hoá giàu nghèo, chủ yếu thông qua chính sách điều tiết thu nhập, phát triển hệ thống phúc lợi xã hội và an sinh xã hội đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân phối trong các doanh

ng nghiệp, chính sách tiền lương, bảo đảm công bằng lợi ích, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung sức phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là đào tạo đại học và dạy nghề để có nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ cấu hợp lý nhằm đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tập trung chỉ đạo kiên quyết, đồng bộ và huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị để bảo đảm đạt được những chuyển biến rõ rệt, vững chắc trong công tác phòng, chống tham nhũng, tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông.

Năm là, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hành dân chủ rộng rãi, nhất là dân chủ trực tiếp, xây dựng xã hội đồng thuận, cởi mở.

Thực hiện dân chủ là một thành tố của phát triển bền vững, được Đảng ta nêu rõ tại Đại hội Đảng lần thứ X, nhằm hoàn thiện, làm phong phú thêm nội dung *phát triển bền vững*. Điều này xuất phát từ luận điểm rất quan trọng: *Con người vừa là mục tiêu vừa là chủ thể của phát triển*. Nguồn lực con người là lợi thế cạnh tranh dài hạn, là yếu tố quyết định sự phát triển của một quốc gia. Thực hành dân chủ rộng rãi sẽ phát huy khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, đóng góp vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Dân chủ càng cao thì đồng thuận xã hội càng sâu, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được củng cố vững chắc.

Để phát huy dân chủ, làm cho dân chủ trở thành nguồn lực phát triển, phải bảo đảm hai điều kiện: 1- Tạo cơ hội cho

mọi người được học tập, xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao dân trí; 2- Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân thông qua các thiết chế bảo đảm dân chủ trong mọi mặt của đời sống xã hội, mở rộng dân chủ trực tiếp. Dân chủ phải gắn với kỷ luật, kỷ cương.

Có thể nói, nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường đi liền với bảo đảm phúc lợi - an sinh xã hội và dân chủ xã hội chủ nghĩa là ba trụ cột chính trong tiến trình phát triển của đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong đó, dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực. Cả ba trụ cột này phải mạnh và có sự phát triển tương thích, đồng bộ. Một trụ cột yếu sẽ cản trở sự vận động của các trụ cột khác và ảnh hưởng đến sự phát triển chung.

Sáu là, tăng trưởng kinh tế phải gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường.

Bảo vệ và cải thiện môi trường là một nội dung quan trọng của *phát triển bền vững*. Môi trường bị ô nhiễm, tài nguyên bị cạn kiệt, rừng bị tàn phá, đất bị xói mòn và tình trạng sa mạc hoá, biến đổi khí hậu, nguy cơ nước biển dâng... làm thu hẹp không gian sinh tồn của con người chẳng những tác động tiêu cực đến cuộc sống hiện tại mà còn đe dọa sự phát triển của các thế hệ tương lai.

Đối với nước ta, tình trạng ô nhiễm môi trường và những nguy cơ do biến đổi khí hậu và nước biển dâng là những thách thức to lớn. Vì vậy, phát triển kinh tế phải gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường; chủ động đối phó với hiểm họa nước biển dâng; sử dụng công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, phát triển kinh tế xanh là nội dung có tác

động mạnh nhất đến phát triển bền vững, phải được thể hiện trong toàn bộ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như trong từng lĩnh vực, ở từng địa phương, đơn vị.

*

* *

Thực hiện có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững đòi hỏi phải tạo được sự chuyển biến có tính cách mạng, thấu suốt về nhận thức, đổi mới mạnh mẽ về tư duy, quán triệt trong mọi chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự án và chương trình hành động; tổ chức thực hiện quyết liệt ở tất cả các ngành, các cấp với sự đồng thuận tham gia của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng doanh nghiệp và mọi người dân trong cả nước.

Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc với sự điều hành có hiệu quả của Nhà nước, sự phấn đấu nỗ lực của toàn dân, toàn quân, nhất định đất nước ta sẽ bước vào một thời kỳ mới phát triển nhanh và bền vững.

Báo *Nhân Dân*, số 20042,
ngày 16-7-2010.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG, ỦY VIÊN
BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
TẠI LỄ KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG
NGÀNH TUYÊN GIÁO
(1-8-1930 – 1-8-2010)
Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên giáo,
tiếp tục góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu
của cách mạng trong giai đoạn mới*

Nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống của ngành tuyên giáo, thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi xin gửi tới các vị đại biểu, các đồng chí, và qua các đồng chí tới tất cả các thế hệ cán bộ đã và đang công tác trong ngành tuyên giáo lời chào thân thiết và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

... Chúng ta đều đã biết, xét trên phạm vi rộng toàn xã hội, công tác tuyên giáo, công tác tư tưởng là một bộ phận cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động cách mạng của Đảng. Nó bao gồm nhiều nội dung phong phú, nhiều hình thức sinh động, phương pháp sáng tạo trên các lĩnh vực hoạt động tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, khoa học,

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

huấn học, giáo dục... Mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản của công tác tuyên giáo, công tác tư tưởng là tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, làm cho tư tưởng của Đảng, những giá trị tốt đẹp của dân tộc và những tinh hoa văn hóa thế giới thâm nhập vào quần chúng, chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, trở thành lực lượng và sức mạnh vật chất. Nói cách khác, công tác tuyên giáo, công tác tư tưởng là công tác tuyên truyền, vận động, giác ngộ, tập hợp và tổ chức quần chúng tham gia các hoạt động cách mạng, hoạt động xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng ta luôn khẳng định công tác tuyên giáo có vai trò đặc biệt quan trọng, có sức mạnh to lớn, là vũ khí sắc bén trong quá trình đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Xét trên phạm vi hẹp hơn là công tác xây dựng Đảng. Công tác tư tưởng, công tác tuyên giáo là một trong ba bộ phận cơ bản của công tác xây dựng Đảng, bảo đảm cho Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thậm chí ngay trước khi đi đến hình thành về tổ chức, đã phải bắt đầu bằng việc vận động về tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ về nhận thức; và linh hồn của tổ chức chính là cương lĩnh chính trị, đường lối chính trị, tư tưởng chính trị. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc để đi tới thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đã phải trải qua nhiều năm tháng tiến hành công tác giáo dục, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng cách mạng vào trong nước, vào các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là vào các hạt giống đỏ. Đây là lĩnh vực hoạt động rất công phu, tỉ mỉ, đòi hỏi có chiều sâu trí tuệ và nhiệt tình cách mạng cháy bỏng. 80 năm qua, kể từ ngày 1-8-1930, gắn bó sâu sắc với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc,

qua tất cả các thời kỳ, công tác tư tưởng, công tác tuyên giáo đã đạt được những thành tựu to lớn, rất đáng tự hào.

Trong những năm vận động cách mạng, những người cộng sản và những người yêu nước đã vượt qua mọi hy sinh, gian khổ, gắn bó máu thịt với nhân dân, dựa vào nhân dân để làm công tác tuyên truyền, giác ngộ, tập hợp, rèn luyện, tiến tới tổ chức quần chúng đi theo tiếng gọi và mục tiêu chiến đấu của Đảng, thực hiện khát vọng của dân tộc là độc lập, tự do. Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có sự đóng góp to lớn của công tác tuyên giáo, công tác tư tưởng, là thắng lợi của quá trình biến lý tưởng của Đảng thành sức mạnh vô địch của quần chúng, thành hiện thực cách mạng.

Trong những năm kháng chiến gian khổ nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công tác tuyên giáo, công tác tư tưởng đã góp phần bồi dưỡng, xây dựng và phát triển sức mạnh và giá trị con người Việt Nam, khơi dậy và tổ chức các phong trào của quần chúng, biến thành cao trào cách mạng trong đấu tranh và xây dựng. Hàng vạn hình mẫu chiến đấu dũng cảm, xả thân vì nước đã làm xúc động lòng người, kết thành sức mạnh làm nên chiến thắng trong các cuộc đọ sức lịch sử giữa dân tộc Việt Nam và kẻ thù xâm lược. Hàng nghìn cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa, tuyên truyền trên các lĩnh vực, trong các loại hình của công tác tuyên giáo, như phóng viên, biên tập viên, nhà văn, nhà báo, nhà nhiếp ảnh, điện ảnh, nhạc sĩ, họa sĩ, anh chị em văn công,... đã anh dũng hy sinh ở những nơi mũi nhọn, nóng bỏng nhất với tư thế của người chiến sĩ - nghệ sĩ, chiến sĩ - tuyên huấn.

Trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, công tác tư tưởng, công tác tuyên giáo đã chú trọng tổng kết các sáng kiến của nhân dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần xác định và phát triển đường lối đổi mới, củng cố niềm tin vào lý tưởng của Đảng, ngay cả khi cách mạng gặp nhiều khó khăn; khơi dậy sức sáng tạo của nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa đất nước vượt qua nhiều thử thách, lập được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đồng thời góp phần xây dựng con người Việt Nam với những phẩm chất tốt đẹp, có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, lòng nhân ái, khoan dung, sự tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống; kế tục và phát huy truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước và truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc qua hàng ngàn năm lịch sử.

Với vai trò là một bộ phận của công tác xây dựng Đảng, công tác tư tưởng đã trực tiếp góp phần tạo nên một hệ thống các quan điểm lý luận, cương lĩnh, đường lối chính trị của cách mạng Việt Nam; giáo dục, rèn luyện bản lĩnh, phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần gang thép của những người cộng sản, những chiến sĩ yêu nước Việt Nam; tạo ra sức mạnh đại đoàn kết thống nhất của hệ thống tổ chức đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, góp phần củng cố, xây dựng và phát triển Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức thật sự vững mạnh, trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo và người dày tớ trung thành của nhân dân. Đồng thời, đóng góp quan trọng vào cuộc đấu tranh tư tưởng, phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái; vạch trần những âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”; làm thất bại chiến

lược đánh vào tư tưởng, phá vỡ niềm tin, chia rẽ nội bộ hồng làm tan rã Đảng ta của các thế lực thù địch.

Nhân dịp này, tôi xin phép được thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước nhiệt liệt chúc mừng những thành tựu to lớn mà ngành tuyên giáo đã đạt được và biểu dương, cảm ơn các thế hệ cán bộ làm công tác tư tưởng, công tác tuyên giáo đã có những đóng góp xuất sắc trong 80 năm qua.

Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống của ngành tuyên giáo chúng ta càng ghi lòng tạc dạ, tri ân công đức trời bể của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người thầy vĩ đại, người mở đường cho công tác tư tưởng, công tác tuyên giáo của Đảng ta. Di sản tư tưởng của Người mãi mãi soi sáng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, là cảm nang thần kỳ cho công tác tư tưởng, công tác tuyên giáo của chúng ta. Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các đồng chí cán bộ lão thành, các anh hùng liệt sĩ - những người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cao quý của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.

... Hiện nay, đất nước ta đang đứng trước thời cơ lớn với nhiều thuận lợi cơ bản, đồng thời cũng phải đương đầu với những thách thức mới, phức tạp và gay gắt. Thế giới tiếp tục có những biến đổi mau lẹ và khó lường, thường xuyên tác động đến đời sống chính trị, tư tưởng, tình cảm, tâm lý của nhân dân ta. Sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế càng đi vào chiều sâu càng đặt ra nhiều vấn đề mới, tác động đa chiều đến toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, đan xen nhau cả thời cơ và thách thức. Đó là chưa kể các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách

chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, nhân dân ta, ráo riết thực hiện âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình” ngày càng tinh vi và xảo quyệt nhằm gây mất ổn định chính trị, xã hội và chuyển hóa chế độ chính trị ở nước ta. Đây không chỉ là những thách thức trong kinh tế, mà còn đối với chế độ chính trị, đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững của đất nước. Đúng như dự báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”¹⁾; và để chiến thắng trong cuộc chiến đấu này, theo Bác, “cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng của toàn dân”.

Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, ngành tuyên giáo cần đi sâu nghiên cứu, tổng kết những bài học kinh nghiệm, vận dụng sáng tạo và phát triển trong điều kiện cụ thể ngày nay, nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội; đồng thời đổi mới về nội dung, phương pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Cùng với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chúng ta cần chú trọng một số nội dung sau:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giải đáp có căn cứ khoa học những vấn đề lớn thực tiễn

1), 2). Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.617 (B.T).

đất nước đặt ra trong quá trình tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, sự sắc bén và tính thuyết phục của công tác tư tưởng, công tác tuyên giáo.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bồi dưỡng lòng yêu nước, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật lành mạnh, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hình thành hệ thống giá trị của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, nghiên cứu phát triển Cuộc vận động trong những năm tới, gắn chặt với cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Chủ động phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bác bỏ các luận điệu tuyên truyền phản động, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trước hết trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò là cơ quan tham mưu, chuyên môn - nghiệp vụ của Đảng, trực tiếp góp phần vào quá trình

nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý và chính sách phát triển khoa học - công nghệ, thực hiện và giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội...

- củng cố, mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động thông tin đối ngoại, phục vụ tích cực sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo trên tất cả các lĩnh vực, các loại hình từ trung ương đến cơ sở, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

... Chặng đường 80 năm xây dựng và phát triển, với những thành tựu to lớn, với đội ngũ cán bộ tuyên giáo đồng đảo, dày dặn kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn, là nguồn sức mạnh để ngành tuyên giáo tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Tôi xin chúc ngành tuyên giáo của Đảng đạt được những thành tích ngày càng to lớn hơn nữa trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, khoa giáo trong những năm tới, trước mắt là trong năm 2010 - 2011, năm có nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, đặc biệt là việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII, bầu cử hội đồng nhân dân các cấp.

Báo *Nhân Dân*, số 20058,
ngày 1-8-2010.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
NHÂN DỊP KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY THÀNH LẬP
MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT VIỆT NAM
(18-11-1930 - 18-11-2010)
Đại đoàn kết toàn dân tộc - nhân tố quyết định
thắng lợi của cách mạng Việt Nam
qua các chặng đường lịch sử***

- Thừa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

- Thừa các cụ, các đồng chí đại biểu và các vị khách quý,

- Thừa đồng bào, chiến sĩ cả nước và bà con ta đang sinh sống ở nước ngoài,

Trong không khí phấn khởi và trang trọng kỷ niệm lần thứ 80 Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam - ngày hội lớn của toàn dân ta, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tôi xin gửi đến các cụ, các vị, các đồng chí và các bạn, cùng toàn thể đồng bào và chiến sĩ cả nước và đồng bào ta

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

ở nước ngoài lời thăm hỏi thân thiết nhất và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Tôi nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn bạn bè quốc tế đã tham dự buổi lễ, đem đến cho nhân dân Việt Nam chúng tôi tình hữu nghị và đoàn kết quốc tế to lớn.

Trong niềm vui của ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc hôm nay, chúng ta kính cẩn tưởng nhớ và bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Người là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân, đã sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp, thu hút mọi người dân Việt Nam yêu nước đứng chung hàng ngũ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tạo nên sức mạnh vĩ đại của dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để chiến thắng mọi kẻ thù và chiến thắng đói nghèo, lạc hậu. Chân lý mà Người tổng kết “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”¹⁾ mãi mãi tỏa sáng trên mọi chặng đường phát triển của đất nước ta.

Chúng ta tưởng nhớ và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các nhân sĩ và các đồng chí đã từng cộng tác bên cạnh Bác Hồ, tiếp thu và thể hiện xuất sắc tư tưởng đại đoàn kết của Người, đã có cống hiến to lớn và để lại những tình cảm sâu đậm, những kinh nghiệm quý báu về tổ chức và công tác Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử...

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đời đời ghi tạc công ơn các anh hùng, liệt sĩ đã trọn đời vì nước, vì dân; biết ơn các thương binh, bệnh binh, cựu chiến binh, chiến sĩ và đồng bào cả nước, các nhân sĩ, trí thức, những người tiêu biểu trong các dân tộc, các chức sắc tôn giáo, đồng bào yêu nước sống xa

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.119 (B.T).

Tổ quốc đã cống hiến một phần xương máu, sức lực, tài năng và của cải cho đất nước, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta trong suốt 80 năm qua.

Tôi gửi lời thăm hỏi chân tình và lời cảm ơn tới các vị và các đồng chí đã có nhiều đóng góp vào việc củng cố, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất trong những chặng đường cách mạng đã qua; xin nhiệt liệt biểu dương các vị, các đồng chí đang hoạt động trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên, nhất là các vị, các đồng chí hoạt động ở cơ sở, ở địa bàn dân cư trên mọi miền đất nước, đã và đang ngày đêm gắn bó với nhân dân, thực sự là cầu nối giữa nhân dân với Đảng và chính quyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống mới ngày càng phát triển tốt đẹp hơn.

Thưa các cụ, các vị đại biểu,

Thưa toàn thể đồng bào, đồng chí,

Tám mươi năm trước, khi nước ta còn trong đêm dài nô lệ, nhà yêu nước vĩ đại Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Đó là con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đó là đường lối gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa

quốc tế trong sáng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Con đường đó đã có sức thu hút kỳ diệu đối với cả một dân tộc bị mất nước, đang khát khao độc lập tự do. Sự lựa chọn của Bác Hồ, của Đảng trở thành sự lựa chọn của toàn dân tộc.

Sau khi Đảng ra đời, ngày 18-11-1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã cùng Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam nhằm tập hợp rộng rãi các giai cấp, các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp xã hội, đoàn kết mọi người tạo thành sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để thực hiện thắng lợi mục tiêu, con đường đã chọn.

Từ đó đến nay, suốt 80 năm qua, với các phương thức hoạt động, hình thức tổ chức và tên gọi khác nhau, Mặt trận dân tộc thống nhất đã lớn mạnh không ngừng và có những đóng góp hết sức to lớn, thực sự là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua các chặng đường lịch sử: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; tiến hành công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Trong một phần tư thế kỷ gần đây, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã không ngừng được củng cố, tăng cường về tổ chức, đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, tiếp tục khẳng định và phát huy vị trí, vai trò của mình trong đời

sống chính trị - xã hội; mối quan hệ giữa Mặt trận với các tầng lớp nhân dân ngày càng mật thiết, được nhân dân tin cậy. Mặt trận đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực, đóng góp tích cực vào việc giải quyết những vấn đề quốc kế dân sinh, những vấn đề bức xúc trong cuộc sống của nhân dân, góp phần phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

Thông qua những hoạt động ích nước, lợi dân đó, Mặt trận đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và Nhà nước, củng cố mối liên hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Thành tích, cống hiến và sự phát triển của Mặt trận là rất to lớn và đáng tự hào. Mặt trận rất xứng đáng với phần thưởng cao quý: Huân chương Sao Vàng lần thứ hai mà Đảng và Nhà nước trao tặng.

Nhân dịp này, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi nhiệt liệt chúc mừng và biểu dương những thành tựu, sự cống hiến to lớn và những bước phát triển, tiến bộ của Mặt trận trong các chặng đường lịch sử, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thưa các cụ, các quý vị đại biểu,

Thưa đồng bào, đồng chí,

Suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định: Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Đại đoàn kết dân tộc là một vấn đề chiến lược có ý nghĩa sống còn, lâu dài, quyết định thành bại của cách mạng, là một bộ phận hữu cơ, một tư tưởng xuyên suốt trong đường lối chiến lược cách mạng của Đảng, phù hợp với

đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân muốn tự giải phóng mình. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm những lợi ích tối cao của dân tộc và những quyền lợi cơ bản, chính đáng của nhân dân. Chỉ có tin vào dân, dựa vào dân thì mới xây dựng được khối đại đoàn kết một cách tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo, cùng hướng đến một mục tiêu chung. Tư tưởng đại đoàn kết và chính sách mặt trận dân tộc thống nhất đó đã được Đảng ta vận dụng đúng đắn, sáng tạo, được toàn dân ta hưởng ứng hết lòng, tạo nên sức mạnh phi thường đưa đất nước ta vượt qua mọi gian lao, thử thách, giành thắng lợi to lớn qua các thời kỳ cách mạng.

Hiện nay, sau 25 năm đổi mới, nhân dân ta đã giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Thế và lực của đất nước đã lớn mạnh hơn nhiều. Song, trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế và trong nước, chúng ta vẫn đang đứng trước cả thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu hướng đến mục tiêu: Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, chúng ta phải triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ tiếp tục

phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Trong lĩnh vực này, quan điểm và chủ trương của Đảng ta là: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong bối cảnh mới. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tăng cường đồng thuận xã hội.

Bảo đảm công bằng, bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp nhân dân, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Để quan điểm, chủ trương của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất tiếp tục đi vào cuộc

sống, chúng ta cần tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tăng cường lãnh đạo, giáo dục và vận động làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất, nâng cao trách nhiệm và năng lực công tác tuyên truyền, vận động, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được thể hiện trong mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Các chủ trương, chính sách, pháp luật đó phải tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhằm khai thác mọi tiềm năng, khuyến khích mọi người, mọi tổ chức phát huy cao độ mọi nguồn lực và tài năng sáng tạo, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ đất nước, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2. Đẩy mạnh việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, thật sự là công bộc của nhân dân, có năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tích cực phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, quyết tâm tạo cho được chuyển biến mạnh mẽ, thiết thực trong cuộc đấu tranh hết sức khó khăn này.

Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống pháp luật, sớm có những cơ chế cụ thể để phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân. Cần thực hiện tốt hơn Quy chế dân chủ và Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở; phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn mới.

Trong năm 2011, nhân dân ta sẽ tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2015. Cả hệ thống chính trị có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình, lựa chọn bầu ra cơ quan quyền lực thực sự bao gồm những người có đức, có tài, hết lòng vì dân, vì nước, những người công bộc cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, là một bộ phận của hệ thống chính trị và là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, góp phần tăng cường sự đồng thuận trong xã hội, đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại vào cuộc sống.

Để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương

thức hoạt động, phát huy vai trò nòng cốt, vận động, tập hợp, đoàn kết nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, giám sát và phản biện xã hội, tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động cách mạng, nhất là hai cuộc vận động do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khởi xướng là “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và “Ngày vì người nghèo”; vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; xây dựng tổ chức ngày càng vững mạnh, khắc phục tình trạng hành chính hóa.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể.

Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp cần quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất, đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận; lãnh đạo hệ thống chính trị thực hiện tốt chính sách và công tác Mặt trận; giáo dục cán bộ, đảng viên nhận rõ tầm quan trọng của chính sách và công tác Mặt trận trong giai đoạn hiện nay; gương mẫu tham gia công tác Mặt trận, nhất là ở khu dân cư; tạo mọi điều kiện thuận lợi để Mặt trận hoàn thành nhiệm vụ.

Nhân ngày hội lớn hôm nay, thay mặt Đảng và Nhà nước, một lần nữa, tôi kêu gọi toàn thể đồng bào ta thấm nhuần tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh,

lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, đoàn kết, tập hợp trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam muôn vàn yêu quý của chúng ta.

Chúc khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam ngày càng vững mạnh. Chúc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không ngừng phát triển.

Chúc các cụ, các vị khách quý và toàn thể đồng bào, đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo Nhân Dân, số 20166,
ngày 18-11-2010.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu tập 69</i>	<i>Trang</i>
	V
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 298-TB/TW, ngày 4 tháng 1 năm 2010, về chủ trương đầu tư xây dựng khu đất tại số 175 phố Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội	1
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 40-CT/TW, ngày 20 tháng 1 năm 2010, về tăng cường công tác quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam	3
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 301-TB/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2010, về báo cáo kết quả thực hiện Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội năm 2010 của Ban Chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long	7
- Quyết định của Ban Bí thư, số 282-QĐ/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2010, ban hành Quy định trách nhiệm, quyền hạn và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản	9
- Quyết định của Ban Bí thư, số 283-QĐ/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2010, ban hành quy định về sự	

phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông với các cơ quan đảng, cấp ủy, tổ chức đảng các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể trong công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động xuất bản	23
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 303-TB/TW, ngày 27 tháng 1 năm 2010 về nhân sự cấp ủy các tập đoàn kinh tế, tổng công ty	37
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 304-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010, về việc tổng kết thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 7-9-1987 của Ban Bí thư (khóa VI) về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	39
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 305-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010, về kết quả thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi	41
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 306-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010, kết quả kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW, về "Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp"	45
- Quy định của Ban Bí thư, số 284-QĐ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2010, về tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật	49

- Quyết định của Ban Bí thư, số 285-QĐ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2010, về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đề án sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, đoàn thể và một số đối tượng khác 56
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 286-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010, về việc ban hành Quy chế đánh giá cán bộ, công chức 60
- Quy định của Ban Bí thư, số 287-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ) 73
- Quy định của Ban Bí thư, số 288-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở xuống (gọi chung là công ty) 82
- Quyết định của Ban Bí thư, số 289-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010, về việc ban hành Quy chế cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 91
- Kết luận của Ban Bí thư, số 64-KL/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2010, về kết quả kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW (khóa IX),

- ngày 18-3-2002, về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân 110
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 307-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 2010, về Đề án đổi mới công tác tiếp công dân 117
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 290-QĐ/TW, ngày 25 tháng 2 năm 2010, về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị 124
- Kết luận của Ban Bí thư, số 65-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2010, về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 149
- Kết luận của Ban Bí thư, số 66-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2010, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới 157
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 308-TB/TW, ngày 5 tháng 3 năm 2010, về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2009 163
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 310-TB/TW, ngày 8 tháng 3 năm 2010, về chế độ thông tin đối với các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng 170

- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 311-TB/TW, ngày 8 tháng 3 năm 2010, về việc xây dựng đền thờ các cụ thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh	172
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 312-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2010, về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra	174
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 313-TB/TW, ngày 10 tháng 3 năm 2010, về việc xuất bản bộ sách <i>Hồ Chí Minh toàn tập</i> lần thứ ba	186
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 314-TB/TW, ngày 10 tháng 3 năm 2010, về việc đặt tượng Bác Hồ tại thành phố Acapulco, Mêhicô	188
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 315-TB/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2010, về Chủ lễ dâng hương Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2010	190
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 316-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 2010, về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI tại đại hội đảng các cấp, lấy ý kiến nhân dân, các đại biểu Quốc hội và tổng hợp các ý kiến góp ý vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng	191

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương, số 215/TLHN, ngày 15 tháng 3 năm 2010, về tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng khóa X và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng (trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)	196
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 67-KL/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2010, về Dự án đường sắt cao tốc Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	269
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 22 tháng 3 năm 2010	271
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 34-NQ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2010	277
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 28 tháng 3 năm 2010	280
- Thông báo Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 3 năm 2010	295
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 317-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 2010, về tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng	304

- Quy định của Ban Bí thư, số 293-QĐ/TW, ngày 23 tháng 3 năm 2010, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, thành phố 306
- Quy định của Ban Bí thư, số 294-QĐ/TW, ngày 23 tháng 3 năm 2010, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố 313
- Quyết định của Ban Bí thư, số 296-QĐ/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2010, mẫu dấu của tổ chức đảng 321
- Kết luận của Ban Bí thư, số 68-KL/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2010, về công trình "Lịch sử 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia (1978 - 1988)" 335
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 318-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2010, về việc tôn tạo di tích Khu căn cứ Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam tại Cà Mau 337
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 319-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2010, về việc tổ chức "Ngày âm nhạc Việt Nam" 339
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 297-QĐ/TW, ngày 5 tháng 4 năm 2010, về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình

- Đại hội XI và báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X) 341
- Quyết định của Ban Bí thư, số 298-QĐ/TW, ngày 5 tháng 4 năm 2010 thành lập Tổ Biên tập giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) trình Đại hội XI và báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X) 344
- Quyết định của Ban Bí thư, số 299-QĐ/TW, ngày 6 tháng 4 năm 2010, về việc thành lập Hội đồng xuất bản bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba 347
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 300-QĐ/TW, ngày 7 tháng 4 năm 2010, về việc lập Tổ giúp việc của Tiểu ban nhân sự Đại hội XI của Đảng 349
- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 303-QĐ/TW, ngày 9 tháng 4 năm 2010, về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng 351
- Kết luận của Ban Bí thư, số 69-KL/TW, ngày 14 tháng 4 năm 2010, về việc tiếp tục thực hiện Quy định 54-QĐ/TW, ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị

(khóa VIII) về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng	354
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 323-TB/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2010, về chủ trương thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương	360
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 41-CT/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2010, về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	362
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 325-TB/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2010, về việc phân công các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự Đại hội các Hội Văn học nghệ thuật	369
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 42-CT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010, về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	371
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 327-TB/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010, về Đề án tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên	379

- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 329-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 2010, về Đại hội VI của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	381
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 330-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 2010, về Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam	384
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 71-KL/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2010, về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước	388
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 331-TB/TW, ngày 6 tháng 5 năm 2010, về việc xuất bản Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011)	393
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 333-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2010, về việc tổ chức Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh	519
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 334-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2010, về Đề án tổ chức các ngày kỷ niệm và nghi thức trao tặng,	

đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao	521
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 335-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2010, về Đề án "Hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu đối với các loại tài sản mới như trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước và khoáng sản"	523
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 337-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2010, về Đề án xây dựng đảo thanh niên toàn quốc giai đoạn 2010 - 2020	525
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 338-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2010, về một số dự án luật trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XII	527
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 340-TB/TW, ngày 24 tháng 5 năm 2010, về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 và dự án Luật thi hành án hình sự	528
- Quyết định của Ban Bí thư, số 308-QĐ/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2010, về việc thành lập Ban Chỉ đạo Nghiên cứu Đề tài Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các trại giam của địch thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)	531

- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 341-TB/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2010, về tổng kết Chỉ thị 39-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Chính trị (khóa IX)	534
- Quyết định của Ban Bí thư, số 309-QĐ/TW, ngày 7 tháng 6 năm 2010, về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020"	536
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 343-TB/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010, về việc nâng cấp, cải tạo khu di tích và xây dựng tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu	539
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 344-TB/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010, về việc xây dựng bia di tích lịch sử truyền thống Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam	541
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 43-CT/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	543
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 345-TB/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2010, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật	549

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 347-TB/TW, ngày 11 tháng 6 năm 2010, về sửa đổi, bổ sung Quy định số 94-QĐ/TW, ngày 15-10-2007 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình và Hướng dẫn số 11-HD/UBKTTW, ngày 24-3-2008 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc thực hiện Quy định trên 551
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 349-TB/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2010, về việc chuẩn bị nhân sự Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI 554
- Kết luận của Ban Bí thư, số 73-KL/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2010, về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12-4-1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam 556
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 352-TB/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2010, về việc nâng cấp Bản tin lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật thành Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật 560
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 310-QĐ/TW, ngày 23 tháng 6 năm 2010, phân bổ số lượng, định hướng cơ cấu đại biểu được bầu cử và được chỉ định ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương 561
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 353-TB/TW, ngày 25 tháng 6 năm 2010, về việc xác định các

- đề án để triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Bộ Chính trị 566
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 354-TB/TW, ngày 25 tháng 6 năm 2010, về một số công tác chuẩn bị tổ chức, phục vụ Đại hội XI 569
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 355-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010, về việc xây dựng tượng bán thân đồng chí Phạm Văn Bạch 572
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 356-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010, về việc nâng cấp, tu bổ Khu di tích lịch sử căn cứ Trung ương cục miền Nam 574
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 357-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010, về việc đúc và đặt tượng Chủ tịch Tôn Đức Thắng 576
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 358-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010, về việc xây dựng tượng đài chiến thắng Gianxơn Xity 578
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 359-TB/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2010, về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ (10-7-1910 – 10-7-2010) 580
- Quy định của Ban Bí thư, số 314-QĐ/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2010, về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng

đoàn các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy	582
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 360-TB/TW, ngày 2 tháng 7 năm 2010, về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng	594
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 45-CT/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2010, về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao	599
- Kết luận của Ban Bí thư, số 77-KL/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2010, về chủ trương bố trí, sắp xếp đối với cán bộ được phân công, điều động, luân chuyển về các địa phương công tác trong nhiệm kỳ 2005 - 2010	605
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 363-TB/TW, ngày 23 tháng 7 năm 2010, về Đại hội IV Hội Khuyến học Việt Nam	607
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 78-KL/TW, ngày 26 tháng 7 năm 2010, về báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết Trung ương 3,	

Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và về Đề án tiếp tục củng cố, phát huy vai trò của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	609
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 46-CT/TW, ngày 27 tháng 7 năm 2010, về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội	617
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 79-KL/TW, ngày 28 tháng 7 năm 2010, về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020	622
- Kết luận của Ban Bí thư, số 80-KL/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2010, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới	630
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 364-TB/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2010, về Ngày Sân khấu Việt Nam	640
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 81-KL/TW, ngày 6 tháng 8 năm 2010, về Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	642

- Quyết định của Bộ Chính trị, số 321-QĐ/TW, ngày 6 tháng 8 năm 2010, ban hành Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư 650
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 365-TB/TW, ngày 12 tháng 8 năm 2010, về việc chuẩn bị và tổ chức kỷ niệm 65 năm Ngày tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội Việt Nam (6-1-1946 – 6-1-2011) 657
- Quyết định của Ban Bí thư, số 323-QĐ/TW, ngày 13 tháng 8 năm 2010, thành lập Đảng đoàn Liên đoàn Luật sư Việt Nam 659
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 82-KL/TW, ngày 16 tháng 8 năm 2010, về cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng 661
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 367-TB/TW, ngày 17 tháng 8 năm 2010, về kết quả Chương trình "Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2006 - 2010 và hướng nghiên cứu giai đoạn 2011 - 2015" của Hội đồng Lý luận Trung ương 671
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 368-TB/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2010, về hoạt động và kết quả nghiên cứu bước đầu của Đề tài khoa học cấp nhà nước "Chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh và vận dụng chủ thuyết đó trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI" 673

- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 372-TB/TW, ngày 26 tháng 8 năm 2010, về việc lựa chọn dịch, in, phát hành *Tuyển tập Hồ Chí Minh* bằng tiếng Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc 675
- Kết luận của Ban Bí thư, số 83-KL/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2010, về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 21-5-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến" 677
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 377-TB/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2010, về Đại hội Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam lần thứ VIII 685
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 378-TB/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2010, về việc xây dựng Tượng đài Bác Hồ tại Gia Lai 687
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 379-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2010, về việc xây dựng tượng đài Bác Hồ và Bác Tôn tại Hà Nội 689
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 380-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2010, về Năm Thanh niên 2011 691
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 84-KL/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2010, về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2011 695
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 85-KL/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2010, về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 5 năm 2011 - 2015 705

- Quyết định của Ban Bí thư, số 328-QĐ/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2010, về việc thành lập Ban soạn thảo Đề án xây dựng "Quy chế dân chủ trong Đảng"	715
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 381-TB/TW, ngày 1 tháng 10 năm 2010, về chủ trương đàm phán Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với Liên minh châu Âu (EU)	718
- Quy định của Bộ Chính trị, số 330-QĐ/TW, ngày 4 tháng 10 năm 2010, về trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân	720
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 7 tháng 10 năm 2010	728
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 35-NQ/TW, ngày 14 tháng 10 năm 2010	735
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 14 tháng 10 năm 2010	738
- Thông báo Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, từ ngày 7 đến ngày 14 tháng 10 năm 2010	746

- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 382-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2010, về công nhận Ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10	758
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 383-TB/TW, ngày 18 tháng 10 năm 2010, về việc chuẩn bị kỳ họp và nội dung, chương trình kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XII	760
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 48-CT/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2010, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới	762
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 385-TB/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2010, về một số dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XII	770
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 386-TB/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2010, về việc xây dựng Đền tưởng niệm Bác Hồ tại tỉnh Cà Mau	774
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 387-TB/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2010, về Ngày Kiến trúc Việt Nam	776
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 389-TB/TW, ngày 8 tháng 11 năm 2010, về mục tiêu tổng quát và hai chỉ tiêu năm 2011	777
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 390-TB/TW, ngày 9 tháng 11 năm 2010, về một số chỉ tiêu ngân sách nhà nước năm 2011	779

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 391-TB/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2010, về Đề án tổng thể và chủ trương cụ thể về các vấn đề có liên quan đến cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử hội đồng nhân dân các cấp 780
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 392-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 2010, về việc tham dự Liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới lần thứ 17 (Festival 17) tại Cộng hòa Nam Phi 783
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 393-TB/TW, ngày 17 tháng 11 năm 2010, về cơ chế Bộ Ngoại giao cung cấp thông tin cho các cơ quan đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các địa phương và báo chí Việt Nam 786
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 394-TB/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2010, về Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VIII 789
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 395-TB/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2010, về chủ trương chỉ định bí thư tỉnh ủy, thành ủy tham gia đảng ủy các quân khu 792
- Quyết định của Ban Bí thư, số 336-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2010, về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* lần thứ ba 793

- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 396-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 2010, về việc trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn 795
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 397-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 2010, về việc xây dựng Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại Long An 797
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 337-QĐ/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2010, về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu sản phẩm chính "Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007)" 799
- Quy định của Ban Bí thư, số 338-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 2010, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan báo của đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 802
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 398-TB/TW, ngày 29 tháng 11 năm 2010, về chủ trương phong và thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang 808
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 339-QĐ/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2010, thành lập các đoàn đại biểu, cử trưởng đoàn và phân công các ủy viên Trung ương Đảng khóa X tham gia sinh hoạt tại các đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng 811
- Quyết định của Ban Bí thư, số 340-QĐ/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2010, ban hành Quy chế cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng của Đảng 821

- Quyết định của Ban Bí thư, số 341-QĐ/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2010, thành lập bộ phận chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng	829
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 399-TB/TW, ngày 6 tháng 12 năm 2010, về việc tổng kết Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 23-10-2002 của Ban Bí thư (khóa IX), "Về phát triển thể dục, thể thao đến năm 2020"	837
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 13 tháng 12 năm 2010	839
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 36-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2010	844
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 22 tháng 12 năm 2010	848
- Thông báo Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, từ ngày 13 đến ngày 22 tháng 12 năm 2010	853
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 400-TB/TW, ngày 16 tháng 12 năm 2010, về việc thành lập sở cảnh sát phòng cháy, chữa cháy ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	859

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 49-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2010, về lãnh đạo Đại hội đại biểu phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI	860
- Thông báo của Bộ Chính trị, số 401-TB/TW, ngày 24 tháng 12 năm 2010, một số vấn đề về việc chuẩn bị Đại hội XI của Đảng	864
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 342-QĐ/TW, ngày 28 tháng 12 năm 2010, ban hành Quy định về chế độ đảng phí	867
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 402-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2010, về việc xây dựng tượng đài Bác Hồ tại Tuyên Quang	874
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 403-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2010, về việc xây dựng tượng Bác Hồ tại Áchentina	876
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 405-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2010, về việc hỗ trợ đầu tư cho Nhà xuất bản và phát hành sách quốc gia Lào	878
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 406-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2010, về điều chỉnh, sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương sau 2 năm thực hiện Thông báo số 175-TB/TW, ngày 7-8-2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng	880

PHỤ LỤC	883
- Diễn văn của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại lễ mít tinh kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-2010)	885
- Diễn văn của đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước tại lễ mít tinh kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 – 30-4-2010)	903
- Diễn văn của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhân dịp kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-2010)	915
- Phát triển nhanh và bền vững là quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta (bài viết của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đăng trên báo <i>Nhân Dân</i> , số 20042, ngày 16-7-2010)	931
- Phát biểu của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội tại lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành tuyên giáo (1-8-1930 – 1-8-2010)	946
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-1930 – 18-11-2010)	954

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ THỊNH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
ThS. VÕ THỊ TÚ OANH
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: PHẠM THU HÀ
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: NGUYỄN HƯƠNG - TÚ OANH

In 5.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm,
Số đăng ký xuất bản:
Quyết định xuất bản số:
Mã số ISBN:
In xong và nộp lưu chiểu tháng